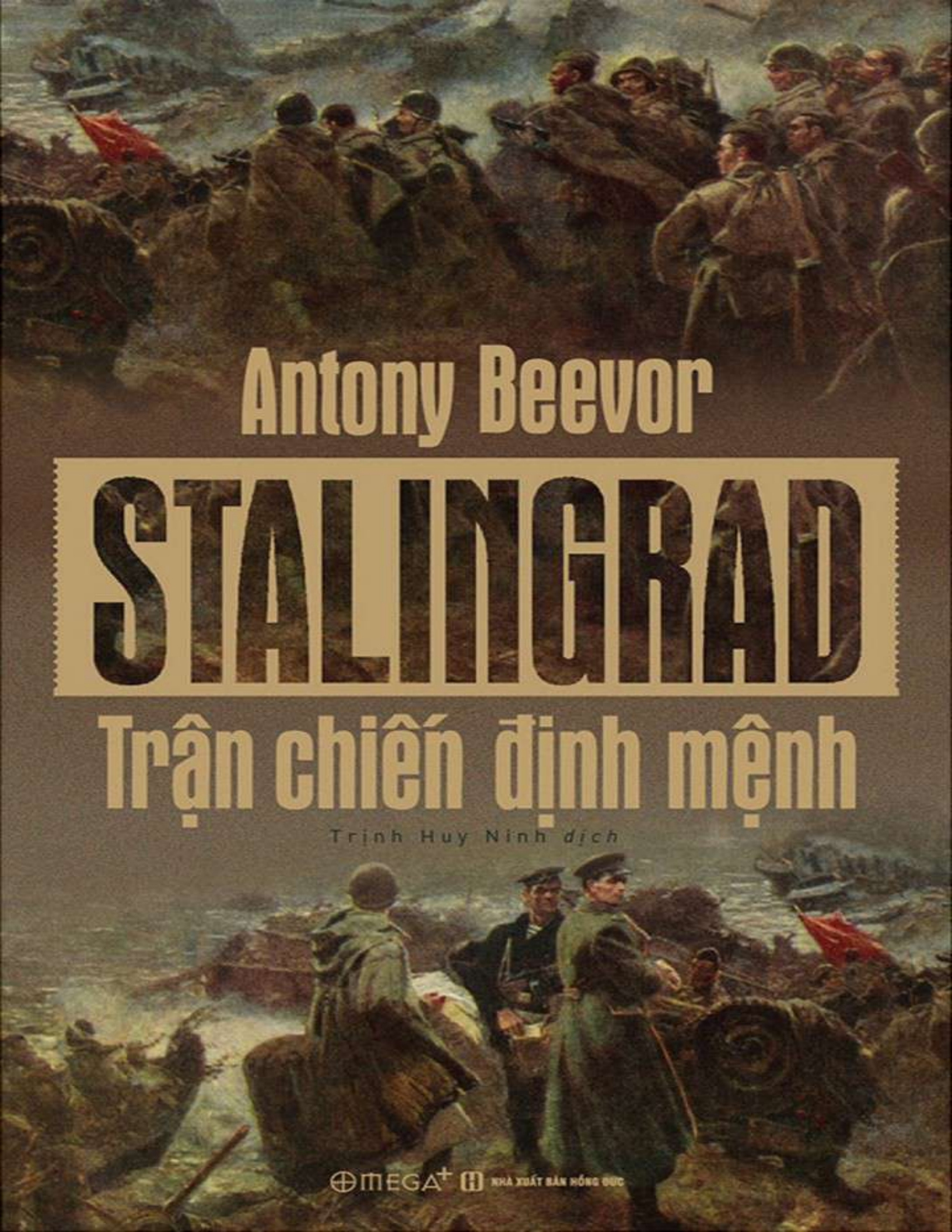


A detailed oil painting depicting a chaotic battle scene. In the upper half, soldiers in dark uniforms and helmets are seen from behind, moving forward through a muddy, smoke-filled landscape. A red flag is visible on the left. In the lower half, two soldiers in green uniforms and peaked caps are in the foreground, one looking back over his shoulder. The background shows more soldiers and the wreckage of a tank or vehicle. The overall tone is somber and dramatic, with a palette of earthy browns, greys, and muted greens, punctuated by the red of the flag.

Antony Beevor

STALINGRAD

Trận chiến định mệnh

Trịnh Huy Ninh dịch

STALINGRAD - TRẬN CHIẾN ĐỊNH MỆNH



Tác giả: Antony Beevor

Người dịch:Trịnh Huy Ninh

Alphabooks phát hành

Nhà xuất bản Hồng Đức 5/2015

ebook©vctvegroup

16-10-2018

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trận chiến Stalingrad trong Thế chiến II xảy ra cách nay đã hơn 75 năm, kết thúc là sự thất bại toàn diện của quân xâm lược Đức và sự chiến thắng oanh liệt của quân và dân Liên Xô. Đã có rất nhiều cuốn sách viết về trận chiến vĩ đại này. Mỗi cuốn khai thác một khía cạnh khác nhau của cuộc chiến, có cuốn khai thác về mặt chiến thuật chiến lược, có cuốn khai thác về các phương tiện, kỹ thuật và công nghệ dùng trong cuộc chiến, có cuốn đi sâu vào tâm lý những người lính của cả hai phía, v.v..

Cuốn *Stalingrad — Trận chiến định mệnh* của Antony Beevor lại thiên về khía cạnh con người trong cuộc chiến. Ông có lợi thế hơn nhiều tác giả khác vì được tiếp cận kho tư liệu mật của Liên Xô cũ, sau khi Liên Xô tan rã đã được Cục Lưu trữ nhà nước Nga mở cửa cho các nhà nghiên cứu nước ngoài vào sưu tra tài liệu vào năm 1991, trước khi quyết định hạn chế được đưa ra sau đó.

Tác giả đã hóa thân làm một phóng viên chiến trường, có mặt cùng lúc ở cả hai phía, thuật lại những hành xử cụ thể của những con người (nói chung) tham chiến ở cả hai phe, theo diễn tiến thời gian từ đầu đến cuối cuộc chiến.

Nhà xuất bản xin được lưu ý với bạn đọc rằng, tác giả là một sử gia phương Tây và cuốn sách được viết ra dưới góc nhìn chủ quan của ông, chỉ phản ánh những quan điểm cá nhân của tác giả, do đó sẽ có ít nhiều nhận định chỉ mang tính tham khảo, cần cân nhắc chọn lọc ra những diễn biến khách quan khi đọc cuốn sách này.

Đây cũng là lẽ đương nhiên bởi bất kể một cuốn sách nào được viết ra, dù là của một tập thể hay một cá nhân, dù rằng cố gắng khách quan hết mức thì cũng mang ít nhiều dấu ấn chủ quan của người viết, phản ánh tư duy của tác giả. Do đó bất kỳ một cuốn sách nào cũng không thể hoàn toàn thỏa mãn hoặc có được sự đồng thuận cao của người đọc, do tư duy và đòi hỏi của

mỗi người đọc luôn là khác nhau. Điều đó thật dễ hiểu và cũng là nguyên nhân các cuốn sách khác cùng đề tài sẽ được tiếp tục viết ra để phủ định, để tranh biện, để bổ sung, v.v...

Dù sao chăng nữa, cuốn sách này đã khẳng định, phe phát xít Đức là kẻ xâm lược và sự thất bại là tất yếu. Về phía Liên Xô là một cuộc chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại, là chính nghĩa, và chiến thắng là không thể đảo ngược được. Bất kỳ một quốc gia, dân tộc nào, đứng trước nguy cơ mất nước thì dù xã hội còn ngổn ngang, dân tộc còn chưa hẳn đồng thuận, thì cũng sẽ kết lại thành một khối thống nhất, chiến đấu chống kẻ xâm lăng với tinh thần “Quyết tử cho tổ quốc quyết sinh”. Và chiến tranh là tàn khốc, không một quốc gia, dân tộc nào ưa thích chiến tranh cả, trừ những kẻ đẩy dã tâm với âm mưu xâm lược và nô dịch các quốc gia dân tộc khác.

Lời giới thiệu của Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam, Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Quân sự Liên bang Nga nói rõ hơn về những điều trên.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI GIỚI THIỆU

Khi tái hiện Thế chiến II, một trong những sự kiện lịch sử trọng yếu quyết định nên diện mạo thế giới thế kỷ XX, sử gia người Anh Antony Beevor đã có một cách tiếp cận thông minh và độc đáo: Ông đã chọn tái hiện trận Stalingrad, trận chiến có vị trí chiến lược đặc biệt với ý nghĩa như một tấm bản lề khép mở hai giai đoạn của cuộc Thế chiến, thậm chí còn được xem là bước ngoặt của nền quân sự thế giới thế kỷ XX. Từ vị trí đó có thể giúp nhìn được toàn cảnh cuộc Thế chiến, cũng như giúp luận giải được vì đâu từ sau trận chiến này, đội quân của Đức Quốc xã bắt đầu tuột dốc không thể cứu vãn, khiến thất bại trở nên tất yếu. Điểm độc đáo thứ hai làm nên giá trị đặc sắc của tác phẩm sử học này giữa muôn vàn tác phẩm viết về Thế chiến II: đó chính là góc nhìn. Việc đặt góc nhìn từ chính người trong cuộc, những người lính từ hai chiến tuyến, và những người dân thành phố Stalingrad trong thời khắc chiến đấu định mệnh, kết hợp với phong cách viết sử “phóng to chi tiết hết mức”, đã mang đến cách quan sát đa chiều đầy tính nhân văn, cảm động và vì thế hết sức sâu sắc về sự kiện lịch sử kinh điển của thế kỷ này.

Hãy phân tích từng điểm một. Tại sao có thể xem trận Stalingrad là trận quyết chiến chiến lược có tính chất quyết định cho sự thay đổi cục diện Thế chiến II?

Trước khi trận Stalingrad diễn ra vào năm 1942, quyền lực và uy tín của Hitler tại Đức đã lên đến tột đỉnh. Quân lực Đức Quốc xã đã thắng trên mọi mặt trận kể từ năm 1939, năm bắt đầu Thế chiến II, đến trước khi trận Stalingrad diễn ra. Đội quân của Hitler đã thực sự tạo ra huyền thoại đánh đâu thắng đó.

Trong bối cảnh quyền lực và thanh thế đang ở đỉnh cao như thế, ngày 22 tháng 6 năm 1941, Hitler quyết định đánh chiếm Liên Xô bằng Chiến dịch

Barbarossa với ý đồ đánh nhanh, thắng nhanh. Nhưng ý đồ này đã không thực hiện được, vì vậy, Hitler cho rằng chỉ có thể thắng Liên Xô bằng cách triệt nguồn cung dầu mỏ, than và lương thực nằm ở lãnh thổ phía nam của Liên Xô. Và thành phố Stalingrad nằm chắn ngay trên con đường dẫn đến phía nguồn cung đó. Chiếm được Stalingrad tức là Hitler sẽ không chế được nguồn cung nhiên liệu và lương thực chiến lược này của Liên Xô, đồng thời có thêm nhiên liệu và lương thực nuôi bộ máy chiến tranh của người Đức.

Tuy nhiên, khi quyết định dồn toàn lực, từ lục quân tới không quân, vào trận chiến này, với tất cả sự tự mãn của mình, có một điều mà Hitler chưa tính đến, hoặc chưa đánh giá đúng mức sức mạnh của nó: Đó chính là tinh thần quật cường và ý chí sống mãnh liệt của người dân Stalingrad, và người chỉ huy của họ - một vị tướng có thần kinh thép cùng óc chiến lược vô cùng sắc sảo, đó là Stalin.

Sau 6 tháng, trận chiến được xem là một trong những trận đẫm máu nhất lịch sử đã kết thúc với việc Hồng quân đã bao vây và tiêu diệt Tập đoàn quân số 6 hùng mạnh của Đức.

Về mặt chiến lược, đây là trận có tính quyết định và sự thất bại đã giáng một đòn tinh thần nặng nề cho Hitler cùng toàn bộ bộ máy chính quyền Đức Quốc xã. Từ sau đó, thất vọng và hoài nghi đã phủ trùm lên bộ máy Đức Quốc xã, góp phần dẫn đến kết cục sụp đổ tháng 5 năm 1945.

Phải nói rằng, mặc dù toàn bộ trận chiến Stalingrad được tái hiện một cách đầy cuốn hút qua cách kể của sử gia Beevor, nhưng điều đặc sắc nhất, ấn tượng nhất và cảm động nhất của cuốn sách lại không phải ở đó. Bức tranh lịch sử về một trận đánh vĩ đại bậc nhất thế kỷ XX, nhưng âm hưởng chủ đạo không phải là sự hùng tráng, mà là một nốt trầm đầy tính nhân văn chạm đến góc sâu nhất của lòng người. Tác giả, với việc tiếp cận được kho tư liệu mật khổng lồ của Liên Xô, đã để chính các tư liệu đó kể lại câu chuyện của cuộc chiến bằng góc nhìn của người trong cuộc. Với nguồn sử liệu đó, ông đã sử dụng kỹ thuật phóng to đến từng chi tiết trận chiến khốc liệt này.

Mỗi chương, mỗi phần là những cảnh quay chân thực đến rợn người. Cảnh đổ nát hoang tàn sau một trận đánh. Những xác chết chất đầy thối rữa. Những cái chết của những người lính trẻ măng ở cả hai chiến tuyến, những cái chết dần trong đau đớn thể xác vì bệnh tật, vì chảy rận, vì đói rét, vì cả tê liệt bởi bị đối phương tra tấn về mặt tinh thần; những người thương binh cả Đức Quốc xã, cả Hồng quân, bị buộc bỏ lại trong băng tuyết để chờ đợi cái chết thảm khốc; những bệnh viện bốc mùi hôi thối cùng những tiếng gào thét đau đớn như thể trong “Địa ngục” của Dante. Như hình ảnh một người lính đã nghĩ đến khi quan sát đồng đội đổ nát quanh anh: “Tại nơi này, một lời Phúc âm thường chạy qua đầu tôi: Không một hòn đá nào còn tồn tại sau tất cả. Ở đây, đó là sự thật.” Còn đây là cảnh cuối của trận đánh: “Giờ đây Stalingrad trông chẳng khác gì một nấm xương đen bị cháy trụi. Thứ duy nhất còn tồn tại là chiếc đài phun nước có tượng các em bé nhảy múa xung quanh. Có vẻ như đây là một kỳ tích sau khi hàng nghìn trẻ em đã bỏ mạng trong các đồng đội đổ nát quanh thành phố này.”

Nhưng đâu đây giữa cảnh tàn nhẫn của chiến tranh, vẫn le lói những câu chuyện cảm động. Nỗi nhớ nhà da diết của những người lính ở cả hai chiến tuyến, trong thời khắc đối diện với cái chết. Những bức thư, đều bị các cơ quan kiểm duyệt cắt xén, vẫn không che giấu được nỗi tuyệt vọng cay đắng. “Anh thường tự hỏi mình,” một trung úy Đức viết cho vợ, “tất cả việc này là vì cái gì. Loài người điên dại cả rồi sao?”. Và đây là lá thư người lính Đức gửi cho gia đình khi nằm trong boong ke chờ thời khắc của cái chết: “Điều duy nhất còn lại với anh là nghĩ về em và hai con”. Đó là điệu thuốc lá chia nhau ngày Giáng sinh đen tối trên chiến trường, tiếng đàn piano của Bác sĩ Kurt Reuber, bức tranh người mẹ đang âu yếm hôn con trên chiến trường đổ nát khiến những người lính phải bật khóc...

Giữa hàng ngàn cuốn sách viết về Thế chiến II, có lẽ, sức hút đặc biệt của *Stalingrad— Trận chiến định mệnh* là ở những nốt trầm đặc biệt đó. Không mô tả trận chiến như một bản anh hùng ca, không ngợi ca, không tô vẽ, không tập trung quá nhiều vào những khía cạnh bề nổi; ở đây, mỗi con số, tư liệu, bức hình, lá thư... chứa sức nặng hơn tất cả những lời bình luận. Và nhân vật chính không phải là phe Đức Quốc xã, cũng không phải là phe

Hồng quân Liên Xô, mà là con người. Hàng vạn phụ nữ, trẻ em, hàng vạn người lính trẻ vô danh đã ngã xuống trên cả hai chiến tuyến. Những thanh niên đẹp đẽ, măng tơ, non nớt, những con người vô tình vướng vào giắc vĩ cuồng của những kẻ độc tài, để rồi bị đẩy vào cảnh địa ngục giết chóc lẫn nhau mà ở đó cái chết thậm chí là cả một sự giải thoát. Chiến tranh, mãi mãi là hoàn cảnh phi nhân tính khủng khiếp mà con người một khi bị đẩy vào không thể tránh được sự phân rã về đạo đức.

Một cuốn sách chân thực và thảm khốc về chiến tranh như thế đồng thời cũng là một cách đặt vấn đề nghiêm túc về hòa bình cho nhân loại.

Trân trọng giới thiệu cuốn sách này đến bạn đọc Việt Nam!

Thượng tướng NGUYỄN HUY HIỆU

Nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng

Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Quân sự Liên bang Nga

LỜI TỰA CHO ẤN BẢN MỚI

“Chúng tôi có một nguyên tắc đơn giản về việc lưu trữ”, một đại tá cho tôi hay tại Bộ Quốc phòng Nga, khi tôi tới đó tìm kiếm cuốn sách này vào năm 1994. “Anh cứ nói chủ đề, chúng tôi sẽ tìm hồ sơ.” Tôi biết ngay đâu có phản đối cũng chẳng ích gì. Dù Cục Lưu trữ nhà nước Nga mở cửa cho các nhà nghiên cứu nước ngoài từ năm 1991, song quân đội thì phản đối việc này. Cuối cùng, sau áp lực từ chính quyền Yeltsin, TsAMO, Cục Lưu trữ Bộ Quốc phòng tại Podolsk, phải tuân chỉ. Tôi thấy khá may mắn khi là một trong những người ngoại quốc đầu tiên được tiếp cận hệ thống lưu trữ này theo các quy định mới. “Vâng, các anh ạ, tôi đang viết về Trận Stalingrad”, tôi trả lời. “Để cho anh hình dung được loại tài liệu mà tôi quan tâm, tôi thấy là những báo cáo thú vị nhất trong các hồ sơ lưu trữ quân sự của Đức tại Freiburg là được viết bởi người ngoài cuộc, các bác sĩ, cha tuyên úy.”

“Không có mục sư nào trong Hồng quân cả”, vị đại tá cười sảng khoái, hươ hươ ngón tay trước mặt tôi.

“Vâng dĩ nhiên, nhưng còn các sĩ quan chính trị thì sao? Tôi đang tìm kiếm những tư liệu kiểu như lột tả hiện thực đời lính trong chiến trận.”

“VẬY thì các báo cáo của Cục Chính trị”, ông nói, và ngẫm nghĩ. “Chúng ta phải thử xem.”

Năm tháng sau, khi người phiên dịch cho tôi, tiến sĩ Lyuba Vinogradova, và tôi rút cuộc cũng được cho tiếp cận kho lưu trữ trung tâm của Bộ Quốc phòng Nga tại Podolsk, những báo cáo đồ sộ này vượt xa mọi kỳ vọng của tôi. Gần như mỗi đêm trên chiến trường từ cuối tháng 8 năm 1942 đến cuối năm 1942, đều đặn, Cục Chính trị của Phương diện quân Stalingrad gửi đường không về Moskva một câu chuyện chi tiết đến khó tưởng tượng mà chưa được tìm thấy trong bất kỳ nhật ký chiến tranh thường thấy nào. Địa chỉ được gửi tới là Aleksandr Shcherbakov, Chính ủy của Hồng quân. Báo

cáo hăng ngày có độ dày từ hơn một chục cho đến hơn hai chục trang. Trong đó không có một chút tuyên truyền đánh bóng dưới bất kỳ hình thức nào, một điều hiếm có khó tìm trong biển lưu trữ Soviet. Đó là vì Stalin do quá lo lắng về kết quả trận chiến cho nên muốn một sự thật tròn trịa. Những hồ sơ này đúng là những gì tôi hằng tìm kiếm.

Tôi vô cùng may mắn với việc tính toán thời gian của mình. Thật buồn, ô cửa sổ vẫn mở hé lúc này đã gần như đóng lại. Năm 2001, không bao lâu sau khi tôi hoàn thành việc nghiên cứu cho cuốn tiếp theo, *Berlin: The Downfall* (Berlin: Sự sụp đổ), nhà sử học Lennart Samuelson gọi cho tôi nói rằng Tổng cục An ninh Liên bang của Liên bang Nga FSB (tên mới thay cho KGB) đã bắt đầu kiểm tra danh sách khách truy cập hồ sơ lưu trữ để xem hồ sơ nào đã được các sử gia phương Tây dò tìm. Mấy tháng sau, Catherine Merridale, một chuyên gia khác về lịch sử cận đại Nga, khi ấy đang ở Moskva để làm cuốn sách tiếp theo của cô, bảo với tôi, thậm chí người ta còn không cho cô vào Podolsk, và thông tin về các nhà nghiên cứu nước ngoài nhất định là tập trung trong tay nhà cầm quyền. Thực tế bây giờ có máy tính để sao lưu thông tin về các nhà nghiên cứu nước ngoài, song không có nguồn tài chính để số hóa được chúng thành một kho catalog lưu trữ duy nhất, và sự thế này nói lên nhiều điều về tình thế này.

Stalingrad như một tấm gương về chủ nghĩa anh hùng ca Soviet là một chủ đề hết sức nhạy cảm. Điều này càng đúng ngày nay khi Kremli và thực tế là hầu như mọi phe chính trị đều muốn lấy Zhukov và Hồng quân làm biểu tượng cho tinh thần đoàn kết và sự vĩ đại của nước Nga. Tôi nhanh chóng học được khi nào thì phỏng vấn cựu binh để tránh được việc sa đà vào những tranh luận chính trị với họ. Chỉ cần bóng gió chỉ trích Stalin, thì thậm chí một người kỳ thị chủ nghĩa Stalin gay gắt nhất trong số họ sẽ ra sức bảo vệ chủ nghĩa này. Việc chỉ trích Stalin, vị lãnh tụ chiến tranh vĩ đại, dường như chỉ trích chính vào lòng tự hào của họ.

Việc nghiên cứu tại Đức thì dễ dàng minh bạch hơn, nhưng mang đến những bất ngờ đến không ngờ. Đến Bundesarchiv-Militararchiv tại Freiburg-im-Breisgau, tôi những chỉ hy vọng lấy được vài số liệu thống kê hay hồ sơ

khô khan về những sự kiện từ nhật ký chiến tranh và hồ sơ chiến tranh còn được lưu lại. Những tài liệu này đã được thả xuống trước khi các sân bay của Tập đoàn quân số 6 của Paulus bị người Nga chiếm lĩnh. Nhưng ngay cả những thống kê của cục quân nhu - danh sách nhận suất ăn - cung cấp một khía cạnh ít người biết đến hơn về trận chiến: một số lượng đông đảo công dân Soviet phục vụ trong *Wehrmacht*.

Cũng trong kho lưu trữ Freiburg, tôi bất ngờ thấy một kho báu tài liệu về nhuệ khí chiến đấu và điều kiện chiến đấu, có thể là báo cáo từ bác sĩ, thường là những người quan sát sắc sảo về nỗi thống khổ của con người, hoặc từ các cha tuyên úy quân đội Đức. Còn có một hồ sơ dày đặc các bản chép lại của hơn một trăm lá thư của các anh lính gửi cho vợ, cha mẹ vào trung tuần tháng 1 năm 1943 khi họ biết đó sẽ là những dòng cuối cùng gửi về cho gia đình khi Hồng quân bao vây sân bay Pitomnik. Những cánh thư này bị chặn lại và tịch thu theo lệnh của Goebbels vì ông muốn sau này chúng được dùng làm tư liệu để kể thiên anh hùng ca về sự hy sinh của Đức — một dự án sau nhanh chóng bị vứt bỏ. Tài liệu này, như một sự phản chiếu thú vị những dòng cảm xúc khác nhau — sự đối chọi nổi bật giữa cái khiêm nhường và cái khoe mẽ — vẫn được sử gia Đức sử dụng ít ỏi tới mức đáng ngạc nhiên, trừ phi có khi chỉ để thể hiện một điều, những lá thư được trích đưa vào cuốn bestseller của thập niên 1950 *Last Letters from Stalingrad* (Những lá thư cuối từ Stalingrad) gần như chắc chắn là giả mạo.

Trong một khu khác của trung tâm lưu trữ, tôi tìm thấy những báo cáo mà sĩ quan và lính được giải phóng ra khỏi *Kessel* (cái vạc hay cuộc bao vây) bằng máy bay đã được yêu cầu viết ra. Những người này, thường mỗi sư đoàn hai người, chủ yếu được lựa chọn cho con thuyền Noah của Hitler. Ý tưởng của ông là ông có thể xóa đi thảm họa Stalingrad với việc tạo ra một Tập đoàn quân số 6 mới với những hạt giống tượng trưng từ Tập đoàn quân số 6 cũ. Câu chuyện cá nhân, viết ngay sau khi họ đặt chân đến nơi, khiến tôi thấy đặc biệt có giá trị xét trong bối cảnh chúng được viết ra. Họ không có cấp trên ở trên đầu để phải sợ sệt gì. Họ biết rằng các bậc sĩ quan yêu cầu họ viết báo cáo đang khao khát những thông tin đáng tin cậy về những gì đã

diễn ra, và ngay bản thân họ cũng cảm thấy rõ rệt nhu cầu phải tuyên ra sự thật vì họ nợ điều đó với tất cả những đồng đội đã bị bỏ lại.

Đặc biệt ấn tượng là cảm xúc lẫn lộn đan xen giữa nhẹ nhõm và tội lỗi của người sống sót trong số những người được cho bay thoát thân. Đúng ra, tôi thấy thú vị khi thấy các sĩ quan được cho bay thoát thân khỏi cái vòng vây địa ngục đó để về với tự do không lên án các tướng lĩnh bị bắt như von Scydlitz- Kurzbach chẳng hạn khi họ về phe người Nga trong một nỗ lực vô vọng để phát động một cuộc cách mạng chống lại Hitler. Họ có thể đọc được sự phẫn nộ của những sĩ quan cấp cao bị bắt với cảm giác bị Hitler phản bội và mặc cảm tội lỗi khi chính họ lại thuyết phục cấp dưới của mình tiếp tục chiến đấu một cách vô vọng. Nhưng khi phỏng vấn những sĩ quan cấp thấp hơn, bị bắt làm tù binh sau khi hàng, mà bằng cách nào đó đã sống sót qua những năm trong trại cải tạo Soviet, tôi thấy họ vẫn không thể dung thứ cho những vị tướng bắt tay với những kẻ bắt giam họ.

Những cuộc phỏng vấn với cựu binh và nhân chứng, nhất là các cuộc diễn ra tận hơn 50 năm sau cuộc chiến, vẫn có tiếng là không đáng tin cậy, nhưng khi tư liệu ấy được sử dụng phối hợp với những nguồn tin xác thực, chúng có thể vô cùng sáng tỏ. Tôi nằm trong số hiếm hoi người may mắn được tiếp cận với một vài sĩ quan Tập đoàn quân số 6 đã được cho bay thoát theo mệnh lệnh của Paulus trước khi trận chiến kết thúc. Tướng Freytag von Loringhoven, người tôi phỏng vấn tại Munich, cũng là một chỉ huy xe tăng, đặt chân đến Volga ở bờ bắc Stalingrad lần đầu tiên hồi tháng 8 năm 1942. Thậm chí quan trọng hơn là Winrich Behr, muôn đích chính mọi thứ. Ông thuật tôi nghe sứ mạng của ông vào tháng 1 năm 1943, khi được Paulus và Thống chế von Manstein cử tới gặp Hitler với sứ mạng thuyết phục vị trùm phát xít cho phép Tập đoàn quân số 6 đầu hàng. Câu chuyện của Behr về cuộc gặp với Hitler, ngồi xung quanh là nhóm sĩ quan trong boong ke sở chỉ huy tại Rastenburg, mang đến một buổi sáng thú vị nhất trong cuộc đời tôi.

Thách thức lớn nhất không hề nghi trong việc viết về Stalingrad là cung cấp câu trả lời nào đó cho câu hỏi cơ bản là khó ấy: Có phải Hồng quân gắng gượng được so với những gì người ta kỳ vọng nhờ sự quả cảm và hy

sinh thực sự hay bởi vì NKVD và các nhóm ngăn chặn Komsomol đang đuổi phía sau, và mối đe dọa chinh ình của việc bị các phân đội đặc biệt hành hình?

Chúng tôi không thể nói chắc là một thiếu hay một đa số binh sĩ đã bị hoang mang trong thời kỳ đầu của cuộc chiến vì thành phố hồi cuối tháng 8 và tháng 9. Trong thời kỳ sơ khởi này, trước khi Tổng Cục Chính trị Phương diện quân Stalingrad cảm thấy đã đủ chín muồi vào ngày 8 tháng 10 để đưa ra tuyên bố: “tâm trạng bại trận gần như đã tiêu tan và số các mưu phản đang giảm dần”, thì con số này có thể là nhiều hơn một thiếu số. Nhưng tương tự, không phải hồ nghi về sự kiên gan của rất nhiều người, nếu không nói là cả đám đông. Lính Hồng quân bám trụ với bàn đạp đang thu hẹp dần trên bờ tây sông Volga. Chưa một quân đội phương Tây nào thực hiện một chiến công tương tự trong thời kỳ đầu của Thế chiến II; thực tế chỉ tổn thất về người là có thể sánh với tổn thất kinh khiếp của Pháp tại Verdun.

Bất luận thế nào, tranh luận này càng có ý nghĩa quan trọng hơn so với bề ngoài. Thanh niên Nga ngày nay không thể hiểu được những tổn thất của Thế chiến II, như ông đại tá trên chuyến tàu đi Volgograd đã hùng hồn nhận định. Nhưng nếu đến cả bọn họ còn không hiểu điều đó, thì lớp sử gia Âu - Mỹ trẻ sau này làm sao có thể hiểu được những điều như vậy? Có phải họ sẽ phân tích số lượng đảng viên hay số lượng đoàn viên Komsomol, tỷ lệ cán bộ, trí thức, công nhân nhà máy hay nông dân, chia họ theo nhóm tuổi, tình trạng hôn nhân, rồi đưa ra những kết luận hầu như chỉ dựa vào các số liệu lưu trữ? Không, không trả lời là họ sẽ không thể làm được điều đó. Hệ thống Soviet, không như hệ thống *Wehrmacht* quan liêu, đơn giản là không quan tâm đến những chi tiết cá nhân của binh sĩ. Chỉ khi NKVD bắt đầu nghi ngờ một cá nhân “phản quốc” thì thông tin kiểu đó mới bắt đầu được lưu lại.

Ngay sau khi cuốn sách này được xuất bản lần đầu năm 1998, một tranh luận lớn nảy ra xoay quanh cuốn *ZJiukov's Greatest Defeat* (Thất bại lớn nhất của ZJiukov) của David Glantz. Glantz tiết lộ thực tế là Hồng quân tung Chiến dịch Sao Hỏa, một cuộc tấn công khổng lồ nhưng thất bại chống lại khu địa bàn trọng yếu của Đức quanh vùng lồi Rzhev hồi tháng 11 năm

1942 xảy ra đồng thời với đợt phản công lớn, Chiến dịch Sao Thiên Vương, vây hãm Tập đoàn quân số 6 của Đức tại Stalingrad. Glantz rõ ràng đã có đóng góp lớn lao cho công trình chép sử về chiến tranh trên Mặt trận phía Đông với việc tập trung vào cuộc chiến khốc liệt này vốn vẫn được chính quyền Hồng quân ghi chép qua loa làm người đọc càng thêm tò mò. Luận điểm của ông đẩy lên những vấn đề mấu chốt xoay quanh trận Stalingrad. Chiến dịch Sao Hỏa tại miền bắc có phải chỉ là một chiến thuật nghi binh cho cuộc tổng tấn công Stalingrad? Hay mục tiêu của nó là một chiến dịch thay thế có tầm vóc tương tự chiến dịch Sao Thiên Vương vây Stalingrad ở miền nam? Nếu vậy, việc này đòi hỏi phải có sự đánh giá toàn diện lại toàn bộ chiến dịch Stalingrad.

Glantz, có lẽ bị cuốn theo tính chất quan trọng của phát hiện này, trở nên tin rằng Tướng Zhukov đứng ra gánh vác toàn bộ trách nhiệm cho Chiến dịch Sao Hỏa, còn thì để cho Tướng Vasilevsky lên kế hoạch cho cuộc vây hãm lớn đối với Stalingrad. Tôi bắt đầu có những nghi ngờ nghiêm túc về luận điểm của Glantz sau khi tham khảo hai nhà chức trách cao nhất về chủ đề này, cố giáo sư John Erickson và giáo sư Oleg Rzheshevsky của Viện Hàn lâm Khoa học (là người mà, trước khi giận sôi với cuốn của tôi về Berlin, khi ấy cực kỳ ủng hộ tác phẩm viết về Stalingrad của tôi). Rzheshevsky dường như không đồng tình ngay cả với đánh giá cơ bản của Glantz khi nhận định Chiến dịch Sao Hỏa là một thảm họa hoàn toàn. Trong phát biểu tại hội thảo Stalingrad tại London vào 9 tháng 5 năm 2000, ông tuyên bố: “Nhiệm vụ chính của chiến dịch [Sao Hỏa] đã hoàn tất là vì không có sư đoàn [Đức] nào được điều động từ trung tâm mặt trận lên phía bắc mặt trận.”

Trong các cuộc đàm đạo sau này, Giáo sư Rzheshevsky nhấn mạnh hùng hồn rằng Vasilevsky không bao giờ có thể được xem là chỉ huy chiến dịch Sao Thiên Vương vì mỗi quyết định đều phải được trình Bộ Tổng tham mưu Soviet, *Stavka*, nghĩa là về cơ bản chính là Stalin. John Erickson cũng đồng quan điểm; ông nói “Cả Vasilevsky lẫn Zhukov đều không có thẩm quyền chỉ huy”, và với vai trò đại diện *Stavka*, họ chỉ là “những đặc vụ chuyên báo

cáo cho Stalin”. Việc Vasilevsky không có ban bộ và tổng hành dinh đường như càng khẳng định vai trò phụ tá của ông.

Tôi cũng xác minh lại bài viết ban đầu nêu chi tiết về những động thái của Zhukov trong thời kỳ trước khi diễn ra hai chiến dịch. Nhật ký của Zhukov cho thấy một cách thuyết phục, ông đã dành quá nhiều thời gian tính kế cho Chiến dịch Sao Thiên Vương xung quanh Stalingrad hơn là cho Chiến dịch Sao Hỏa ở mặt trận Kalinin. Chỉ riêng từ 1 tháng 9 đến 19 tháng 11 năm 1942, Zhukov đã ở Moskva 19 ngày, trong đó chỉ tám ngày rưỡi ở mặt trận Kalinin và không dưới 52 ngày rưỡi ở trực Stalingrad^[1]. Sự chênh lệch khá lớn này chắc chắn chứng minh cho luận điểm rằng Zhukov “ám ảnh” với Chiến dịch Sao Hỏa còn Vasilevsky thì như kiểu dạng một viên chỉ huy tối cao độc lập của Chiến dịch Sao Thiên Vương ở miền nam. Nó cũng nói rất nhiều về việc kế hoạch chiến lược ưu tiên Sao Thiên Vương hơn là Sao Hỏa.

Giáo sư Rzheshovsky sau đó có gửi tôi một bản sao những tính toán của Hiệp hội các Nhà Sử học Nga về Thế chiến II về toàn bộ vấn đề. Trong khi ca ngợi Glantz vì toàn bộ những nỗ lực của ông trong việc vén lên quá nhiều chi tiết về Chiến dịch Sao Hỏa, kết luận chung của họ vẫn là Sao Thiên Vương vẫn luôn được nhắm đến như là chiến dịch chủ đạo còn Sao Hỏa chỉ là một đòn nghi binh. Theo quan điểm của họ, dấu hiệu chủ đạo là cách bố trí đạn dược bộ binh tương ứng cho từng nơi: lượng đạn phân phối cho từng khẩu pháo ở chiến dịch vây hãm Stalingrad cao hơn tới 80% so với mỗi khẩu ở Chiến dịch Sao Hỏa. Họ cảm thấy chỉ nguyên dữ liệu này đã có thể đi đến kết luận. Rõ ràng còn phải xác minh lại nhiều thứ trong đề tài này, nhưng tôi sợ rằng việc không được tiếp cận với những hồ sơ có liên quan tại Podolsk rồi đây sẽ càng làm cho nhiệm vụ trở nên vô cùng khó khăn.

Stalingrad không chỉ quan trọng bởi nó là biểu tượng vĩ đại của chủ nghĩa anh hùng Soviet trong Thế chiến II. Đó cũng là bước ngoặt tâm lý của cuộc chiến. (Bước ngoặt địa chính trị đến sớm hơn, vào tháng 12 năm 1941, với việc lực lượng của Hitler bị đẩy lùi khỏi Moskva và việc Mỹ nhảy vào cuộc chiến). Cho nên tin tức về việc Paulus đầu hàng được phát đi trên khắp thế giới, cuối cùng đã thuyết phục người dân khắp nơi rằng Quốc xã sẽ không

bao giờ có thể chiến thắng. Người Đức cũng vậy; họ đột nhiên bị buộc phải đối diện với hiện thực của tương lai. Chiến tranh sẽ kết thúc với việc Hồng quân tràn vào Berlin. Và cho đến hôm nay, ta có thể nhìn thấy những graffiti vẽ bằng Cyrillic của các binh lính của họ vẫn còn lưu lại trên tòa nhà quốc hội Reichstag: ‘Stalingrad-Berlin’.

ANTONY BEEVOR

Tháng 9 năm 2010

LỜI NÓI ĐẦU

“Nước Nga”, nhà thơ Tyuchev đã viết, “không thể hiểu bằng lý trí”. Trận Stalingrad cũng không thể hiểu theo cách lý giải thông thường. Một nghìn cứu thần tủy quân sự về trận chiến long trời lở đất này không thể lột tả được thực tế ngoài trận địa, cũng như tấm bản đồ của Adolf Hitler trong *Wolfsschanze* (Hang Sói)^[2] ở Rastenburg^[3] đã trói chặt ông ta trong thế giới ảo tưởng của chính mình, tách rời những khốn khổ mà quân lính của ông ta phải chịu đựng.

Ý tưởng đằng sau cuốn sách này là, trong khuôn khổ một truyện kể tường thuật lịch sử thông thường, có thể cho thấy trải nghiệm của binh lính cả hai phe, thông qua một lượng lớn tài liệu mới, đặc biệt là từ các kho lưu trữ của Nga. Sự đa dạng các nguồn tư liệu là rất quan trọng để chuyển tải bản chất chưa từng có tiền lệ của trận chiến và tác động của nó đến những người bị kẹt lại trong đó mà hy vọng thoát ra là rất mong manh.

Các nguồn tư liệu bao gồm nhật ký chiến trường, báo cáo của các cha tuyên úy, thư từ, ghi chép cá nhân, thẩm vấn của Bộ Dân ủy Nội vụ (NKVD)^[4] với tù binh Đức và các nước khác, nhật ký cá nhân và phỏng vấn người trong cuộc. Một trong những nguồn tư liệu dồi dào nhất trong kho lưu trữ trung ương của Bộ Quốc phòng Nga tại Podolsk còn lưu giữ những báo cáo hết sức chi tiết gửi về Moskva hằng ngày cho Aleksandr Shcherbakov, Chủ nhiệm Tổng Cục Chính trị của Hồng quân. Các báo cáo này không chỉ nói đến những hành động anh hùng mà cả “các sự cố cá biệt” (cách nói lắt léo của các Chính ủy về hành động phản nghịch), như đào ngũ, đảo ngũ, hèn nhát, bắt lực, tự thương, “tuyên truyền chống đối” và thậm chí cả tội say xỉn nữa. Chính quyền Soviet đã xử tử hàng ngàn binh sĩ của mình tại Stalingrad. Thách thức chính ở đây, như chẳng bao lâu sau tôi nhận ra, là rạch ròi được giữa sự hy sinh quên mình của biết bao chiến sĩ Hồng quân với sự quản chế

khắc nghiệt được các đơn vị đặc biệt của NKVD (mà không lâu sau đó đã trở thành một phần của cơ quan phản gián SMERSH^[5]) áp dụng.

Sự sắt đá đến khó tin của hệ thống Soviet giải thích được một phần lý do tại sao lại có nhiều binh lính Hồng quân chiến đấu trong hàng ngũ Đức đến vậy. Một số bị ép buộc phục vụ vì bị bỏ đói trong các trại, số khác lại tình nguyện. Trong những trận đánh cuối cùng, nhiều báo cáo của Đức đã cho thấy sự gan góc và trung thành của số *Hiwi*^[6] này khi chống lại đồng bào mình. Khỏi phải nói NKVD của Lavrenty Beria đã nổi giận thế nào khi phát hiện tầm mức của sự phản bội đó.

Chủ đề này vẫn còn là cấm kỵ ở nước Nga ngày nay. Một đại tá bộ binh mà tôi tình cờ ở cùng phòng trên đường xuống Volgograd (tên mới của Stalingrad) mới đầu còn không chịu tin rằng có người lính Nga nào lại chịu mặc quân phục Đức. Cuối cùng ông đã nghe ra khi tôi cho ông biết về tỷ lệ trở cờ ở Tập đoàn quân số 6 theo lưu trữ của Đức. Đối với một người còn lăn tăn về những cuộc thanh trừng của Iosif Stalin trong Hồng quân thì phản ứng của ông khá thú vị. “Bọn đó không còn là người Nga nữa”, ông trầm ngâm nói. Nhận xét của ông gần như trùng khớp với cách nói được dùng hơn 50 năm trước khi Phương diện quân Stalingrad báo cáo về “bọn Nga gian” cho Shcherbakov ở Moskva. Cảm xúc về cuộc Chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại vẫn giữ nguyên hầu như không suy suyển đến tận bây giờ.

Toàn bộ câu chuyện tâm thần, vô luân và bi thảm được tiết lộ theo những cách bất ngờ. Bên phía Đức, khía cạnh quan tâm nhiều nhất không phải ở các chứng cứ rành rành về *Wehrmacht* (Quân đội Đức) phạm tội ác chiến tranh mà đến nay vẫn còn những lời tranh cãi. Nó nằm ở chỗ lẫn lộn nguyên nhân với hậu quả, nhất là lẫn lộn giữa niềm tin chính trị và những hệ lụy của nó. Quân lính Đức ở Nga, như rất nhiều thư gửi về từ Stalingrad cho thấy, hoàn toàn lẫn lộn về mặt luân lý. Các mục tiêu khuất phục người Slav và bảo vệ châu Âu khỏi chủ nghĩa Bolshevik bằng một đòn “tiên hạ thủ vi cường” đã tỏ ra chí ít là phản tác dụng. Ngày nay, nhiều người Đức sống sót vẫn còn coi trận Stalingrad rõ ràng là một cái bẫy khôn ngoan của Liên Xô

mà họ đã rơi vào vì đối phương vờ rút lui. Do vậy họ thường coi mình là những nạn nhân hơn là kẻ gây ra thảm họa này.

Tuy nhiên có một điều không thể tranh cãi. Trận Stalingrad vẫn luôn là một chủ đề chứa đầy ý nghĩa ý thức hệ và mang tính biểu tượng quan trọng mà nhiều năm nữa vẫn còn được nhắc tới.

- ANTONY BEEVOR

PHẦN MỘT
THẾ GIỚI SẼ PHẢI NÍN THỞ

**BẢN ĐỒ 1: CHIẾN DỊCH BARBAROSSA
THÁNG 6-12 NĂM 1941**

..... Tiên tuyến, 4/12/1941
- - - - - Biên giới quốc tế



1

THANH GƯỜM HAI LƯỖI CỦA BARBAROSSA ^[7]

Thứ Bảy 21 tháng 6 năm 1941, một buổi sáng mùa hè tuyệt vời. Dân Berlin nhiều người bắt tàu ra Potsdam nghỉ ngơi trong công viên Sanssouci. Số khác đi bơi ở bãi biển Wannsee hay Nikolassee. Trong các quán cà phê, hàng lô chuyện tiếu lâm về chuyến bay của Rudolf Hess sang Anh mọi ngày giờ đã nhường chỗ cho những câu chuyện về cuộc xâm lăng sắp tới sang Liên Xô. Những người khác lo âu trước viễn cảnh một cuộc chiến lan rộng hơn thế nhiều thì lại ấp ủ hy vọng rằng vào phút chót Stalin sẽ nhượng Ukraina cho Đức.

Trong Đại sứ quán Liên Xô trên đại lộ Unter den Linden, các nhân viên đều tề tựu đông đủ. Một bức điện khẩn từ Moskva yêu cầu “một xác minh quan trọng” về những động thái chuẩn bị quân sự lớn dọc tuyến biên giới từ Biển Baltic tới Biển Đen. Valentin Berezhkov, bí thư thứ nhất kiêm phiên dịch viên trưởng bèn gọi vào Bộ Ngoại giao Đức trên đường Wilhelmstrasse để sắp xếp một cuộc gặp. Ông nhận được câu trả lời rằng Ngoại trưởng Joachim von Ribbentrop không ở trong thành phố, còn Quốc vụ khanh Nam tước von Weizsacker thì không thể liên lạc được bằng điện thoại. Hết buổi sáng, điện khẩn từ Moskva dồn dập gửi đến yêu cầu cung cấp thông tin. Trong điện Kremli, bầu không khí kích động kìm nén khi các bằng chứng về ý đồ của người Đức đang gia tăng, thêm vào hơn 80 cảnh báo trong vòng tám tháng trước đó. Phó Dân ủy Nội vụ ^[8] vừa báo cáo rằng ít nhất có đến “39 cuộc xâm phạm không phận Liên Xô” trong ngày hôm qua. *Wehrmacht* chẳng thêm giấu giếm việc chuẩn bị, thế nhưng sự lộ liễu đó có vẻ chỉ thêm khẳng định trong đầu Stalin ý nghĩ rằng đó chẳng qua chỉ là một phần trong trò làm giá của Adolf Hitler mà thôi.

Đại sứ Liên Xô tại Berlin, Vladimir Dekanozov, cũng chia sẻ nhận định của Stalin rằng đây chẳng qua chỉ là trò tung tin thất thiệt do người Anh bày ra. Ông ta còn bỏ qua cả báo cáo của tùy viên quân sự của mình rằng 180 sư đoàn đã được triển khai dọc biên giới. Dekanozov, một tâm phúc của Lavrenty Beria, cũng là một người Gruzia và là một nhân vật cao cấp của NKVD. Kinh nghiệm đối ngoại của ông ta nặng về thăm vấn và o ép hơn là giao thiệp ngoại giao. Các nhân viên khác của sứ quán tuy không dám mạnh bạo nói ra quan điểm của mình nhưng hầu như không nghi ngờ rằng Hitler đang lên kế hoạch xâm lược. Thậm chí để làm chứng, họ còn gửi đi một cuốn hội thoại chuẩn bị cho đội quân xâm lược được một thợ in là đảng viên cộng sản Đức bí mật đem tới lãnh sự quán Liên Xô. Có những mục hữu ích bằng tiếng Nga như “Hàng đi!” “Giơ tay lên!” “Chủ tịch nông trang tập thể đâu?” “Có phải đảng viên không?” và “Tao bắn đây!”

Các cuộc gọi sau đó của Berezhevsky tới Wilhelmstrasse đều nhận được câu trả lời rằng Ribbentrop “không có đây và không ai biết bao giờ ông ta mới về”. Đến trưa ông gọi được cho một quan chức khác là Cục trưởng Cục Chính trị. “Tôi chắc có chuyện gì đó ở đại bản doanh của *Fuhrer* (Quốc trưởng). Rất có thể tất cả đang ở đó”. Thực ra Ngoại trưởng Đức không hề rời khỏi Berlin. Ribbentrop đang bận chuẩn bị các chỉ thị cho Đại sứ quán Đức tại Moskva với tiêu đề “Khẩn! Bí mật quốc gia!” Sáng sớm hôm sau, chừng hai giờ sau khi cuộc xâm lược đã bắt đầu, Đại sứ Đức, bá tước Friedrich Werner von der Schulenburg đã trình lên chính phủ Liên Xô một bức thư trách cứ để làm cớ.

Khi buổi chiều thứ Bảy ở Berlin tối dần, các bức điện từ Moskva càng đến tới tấp. Cứ 30 phút, Berezhevsky lại gọi đến Wilhemstrasse một lần. Vẫn chẳng có viên chức cấp cao nào nghe máy. Qua cánh cửa sổ để ngỏ của phòng làm việc, ông có thể trông thấy những chiếc mũ Schutzmann cổ lỗ của các cảnh sát gác sứ quán. Phía sau họ, dân chúng Berlin đang đi dạo tối trên đại lộ Unter den Linden. Ranh giới mong manh giữa chiến tranh và hòa bình mang chút hơi hướng hoang mang không thực. Chuyến tàu tốc hành Berlin-Moskva sắp sửa băng qua các binh đoàn Đức đang ém quân chờ đợi rồi vượt qua biên giới như không có gì bất thường.

Tại Moskva, Ngoại trưởng Liên Xô Vjacheslav Molotov triệu Bá tước von der Schulenburg vào điện Kremli. Ngài Đại sứ Đức sau khi đã hủy hết các tài liệu mật của sứ quán, sửa soạn đến gặp Ngoại trưởng vào lúc chín giờ. Trước chứng cứ về sự chuẩn bị của Đức, ông không thừa nhận rằng một cuộc xâm lăng đang sắp nổ ra. Ông chỉ tỏ vẻ ngạc nhiên là Liên Xô lại không hiểu được tình thế và từ chối trả lời bất kỳ câu hỏi nào trước khi hỏi ý kiến Berlin.

Schulenburg, một nhà ngoại giao kỳ cựu vốn tin vào lời quả quyết của Bismarck rằng nước Đức chớ bao giờ gây chiến với nước Nga nên có đủ lý do để ngạc nhiên về sự mù tịt của Kremli. Mới hơn hai tuần trước, ông đã mời Dekanozov, lúc đó đang ở Moskva, đến dùng bữa và nhân dịp này cảnh báo ông ta về ý đồ của Hitler. Rõ ràng ông bá tước già cảm thấy mình không còn bị buộc phải trung thành với chế độ Quốc xã sau khi Quốc trưởng đã trắng trợn nói dối ông rằng không hề có ý gì chống lại nước Nga^[9]. Có điều Dekanozov, ngạc nhiên trước tiết lộ đó, lại lập tức nghi ngờ có âm mưu gì. Stalin cũng phản ứng giống thế, đã nổ ầm ầm trước Bộ Chính trị: “Cái trò tung tin vịt bây giờ đã lên đến cả cấp đại sứ!” Stalin tin chắc rằng tất cả các cảnh báo đều là “*Angliyskaya provokatsiya*”^[10] - một phần trong âm mưu của Winston Churchill, kẻ thù không đội trời chung của Liên Xô, nhằm xúi giục Nga Đức đánh nhau. Từ lúc Hess bay sang Scotland, âm mưu này càng thêm tinh vi hơn trong đầu ông.

Không chấp nhận một khả năng bị xâm lăng nào cho đến tận chiều thứ Bảy, Stalin vẫn ngại chọc giận Hitler. Joseph Goebbels không hẳn không có lý khi so sánh ông với con thỏ bị răn hóp hỏn. Từ các đồn biên phòng liên tiếp thông báo về rằng xe tăng đang nổ máy trong các cánh rừng bên kia biên giới, về chuyện công binh Đức đang bắc cầu qua sông và dỡ bỏ kẽm gai trước vị trí của họ. Tư lệnh đặc quân khu Kiev cảnh báo chiến tranh sắp nổ ra trong vài giờ tới. Các báo cáo cho biết tại các cảng vùng Baltic, các tàu

Đức đột nhiên ngừng bốc dỡ hàng và bỏ về. Tuy thế Stalin vẫn không thể chấp nhận rằng có những thứ vượt khỏi tầm kiểm soát của ông.

Đêm hôm đó, sau khi bàn bạc rất lâu với các chỉ huy cao cấp của Hồng quân, Stalin đồng ý gửi một bức điện mật tới tất cả các sở chỉ huy quân khu ở phía tây: “Trong khoảng thời gian 22-23 tháng 6 năm 1941, quân Đức có thể sẽ bất ngờ tấn công trên các mặt trận Leningrad, đặc quân khu Baltic, đặc quân khu Kiev và quân khu Odessa. Nhiệm vụ của ta là không mắc mưu khiêu khích để tránh gây ra những rắc rối lớn. Đồng thời quân đội... cần nâng mức sẵn sàng chiến đấu lên cao nhất để đối phó một cuộc tấn công bất ngờ của Đức và chư hầu”. Hải quân và một số sĩ quan cao cấp quân đội đã phớt lờ lệnh động viên của Stalin. Nhưng với nhiều đơn vị thì mệnh lệnh cảnh báo này mãi quá nửa đêm mới được gửi đi nên khi đến được thì đã quá muộn.

* * *

Ở Berlin, cho đến khi đêm xuống thì Berezhtkov đã hết hy vọng liên lạc được với văn phòng của Ribbentrop. Đột nhiên, điện thoại của ông đổ chuông vào khoảng ba giờ sáng. Một giọng không quen vang lên: “Ngài ngoại trưởng von Ribbentrop muốn gặp đại diện chính phủ Liên Xô tại Bộ Ngoại giao trên đường Wilhelmstrasse”. Berezhtkov phân trần rằng cần có thời gian để đánh thức đại sứ và gọi xe.

“Xe của ngoại trưởng đang đợi ngay bên ngoài sứ quán rồi. Ngài ngoại trưởng muốn gặp các đại diện Liên Xô ngay lập tức”.

Ra khỏi cổng sứ quán, Dekanozov và Berezhtkov thấy một chiếc limousine đen đang chờ ở lề đường. Một nhân viên Bộ Ngoại giao đồng phục chỉnh tề đứng bên cửa xe còn một sĩ quan SS vẫn ngồi nguyên trên ghế bên cạnh tài xế. Lúc xe chuyển bánh, Berezhtkov nhận thấy bình minh đã rạng hồng trên khoảng trời bên trên những ngọn cây trong công viên Tiergarten, bên kia cổng Brandenburg. Đó là một buổi sáng giữa mùa hè.

Đến Wilhemstrasse, họ trông thấy một đám người chực sẵn bên ngoài. Lối vào với mái hiên sắt rèn sáng đèn camera của cánh nhà báo. Đám phóng viên vây quanh hai nhà ngoại giao Soviet, tức thì ánh đèn flash thi nhau lóe sáng làm họ lóa hết cả mắt. Kiểu tiếp đón bất ngờ này khiến Berezhtkov lo có chuyện chẳng lành nhưng Dekanozov có vẻ vẫn vững tin rằng Nga Đức vẫn hữu hảo.

Đại sứ Liên Xô, “chỉ cao chừng hơn 1,5 m, mũi khoằm mỏ chim nhỏ với vài sợi tóc đen lơ thơ vắt ngang cái trán hói”, không có gì ấn tượng lắm. Lần đầu gặp mặt, Hitler chơi xỏ cho hai vệ sĩ SS cao nhất của mình kèm hai bên ông để làm nổi bật sự tương phản. Tuy nhiên người đàn ông Gruzia nhỏ thó này rất nguy hiểm với những kẻ dưới trướng. Ông được mệnh danh là “đao phủ của Baku” do những hành động đàn áp của mình ở vùng Kavkaz sau cuộc Nội chiến Nga. Ngay trong sứ quán ở Berlin, thậm chí ông còn có cả phòng tra tấn và hành quyết dưới tầng hầm để xử lý những người bị tình nghi phản bội trong cộng đồng Soviet.

Trong lúc chờ các đại diện Soviet, Ribbentrop đi đi lại lại trong phòng “như một con thú bị nhốt”. Trông ông không có vẻ gì là “phương diện quốc gia trước một công vụ trọng đại” cả.

“Tấn công Nga lúc này Quốc trưởng hoàn toàn có lý”, ông thầm nhắc đi nhắc lại như để tự thuyết phục mình. “Đảng nào thì rồi Nga cũng sẽ tấn công ta nếu ta không ra tay trước”. Đám thuộc hạ của ông tin rằng ông không thể nào đối mặt với viễn cảnh thành tựu quan trọng nhất của mình, Hiệp ước Molotov-Ribbentrop, lại bị hủy hoại. Có thể ông còn ngờ rằng canh bạc liều lĩnh của Hitler sẽ trở thành thảm họa lớn nhất trong lịch sử nữa.

Hai đại diện Liên Xô được đưa vào văn phòng rộng thênh thang của Ngoại trưởng Đức. Một sàn gỗ xếp hoa văn rộng chạy thẳng tới cái bàn đặt tận đầu bên kia phòng. Những bức tượng đồng đặt trên các kệ dọc tường. Lúc hai người đến gần, Berezhtkov rúng động trước bộ dạng của Ribbentrop. “Mặt ông ta sừng phù đỏ gay, mắt đờ đẫn vẫn máu”. Berezhtkov băn khoăn không biết có phải ông ta say không.

Sau cái bắt tay hời hợt, Ribbentrop đưa họ đến một cái bàn kê ở bên cạnh mời ngồi. Dekanozov vừa lên tiếng đọc văn bản yêu cầu chính phủ Đức đưa ra cam đoan nhưng Ribbentrop đã ngắt lời, thông báo rằng họ được mời đến đây vì một lý do hoàn toàn khác. Ông ấp úng đọc hết cái được gọi quá lên là thư tuyên chiến, tuy chả có từ tuyên chiến nào cả: “Thái độ thù địch của chính phủ Soviet đối với nước Đức và mối đe dọa nghiêm trọng từ lực lượng Nga đang tập trung trên biên giới phía đông của Đức đã buộc Đế chế phải có những biện pháp quân sự phòng vệ”. Ribbentrop lặp lại chính mình nhiều lần theo nhiều kiểu khác nhau, gán cho Liên Xô đủ thứ tội, kể cả bạo loạn vũ trang trong lãnh thổ Đức. Đột nhiên Berezkhov hiểu ra một cách rõ ràng rằng *Wehrmacht* hẳn đã bắt đầu cuộc xâm lăng. Rồi ngoại trưởng đứng bật dậy, đưa cho vị sứ thần của Stalin đang đứng ngây không biết nói gì toàn bộ bức giắc thư của Hitler. “Quốc trưởng đã ủy quyền cho tôi thông báo với các ngài về những biện pháp phòng vệ này”.

Dekanozov cũng đứng dậy. Đầu ông chỉ vừa ngang vai Ribbentrop. Điều cốt yếu nhất rốt cuộc đã rõ. “Các ngài sẽ phải hối tiếc vì cuộc tấn công ngang ngược, khiêu khích và hoàn toàn phản phúc này vào Liên bang Soviet. Các ngài sẽ phải trả giá đắt cho nó!” Ông quay phắt đi, Berezkhov theo sau, phăm phăm bước ra cửa. Ribbentrop vội vã chạy theo. “Xin nói với người ta ở Moskva”, ông hấp tấp thì thào, “rằng tôi phản đối cuộc tấn công này”.

Bình minh đã lên khi Dekanozov và Berezkhov leo lên chiếc limousine đi một đoạn ngắn về Đại sứ quán Liên Xô. Trên đường Unter den Linden, họ trông thấy các tốp lính SS đã phong tỏa cả khối nhà. Bên trong, nhân viên đang chờ họ về để báo cáo với họ rằng tất cả đường điện thoại đã bị cắt. Họ dò sóng vô tuyến bắt đài Nga. Moskva sớm hơn Đức một giờ theo giờ mùa hè, thành ra lúc này là sáu giờ sáng Chủ nhật, 22 tháng 6. Họ ngạc nhiên và kinh hoàng nghe thấy bản tin thời sự tập trung vào những số liệu sản lượng tăng cao của các ngành công nông nghiệp Liên Xô. Tiếp đến là chương trình thể dục buổi sáng. Chả thấy đả động gì đến cuộc xâm lăng của Đức. Các sĩ quan NKVD và GRU (tình báo quân đội)^[11] trong sứ quán lập tức phóng lên tầng trên cùng, một vùng cấm được chặn bằng những cánh cửa thép gia cố

và những cửa sổ có cánh sập bằng thép. Tài liệu mật được tổng vào các lò thiêu nhanh đặc biệt, được lắp đặt để phòng trường hợp khẩn cấp.

* * *

Tại thủ đô nước Nga, công tác phòng không đã được triển khai nhưng số đông dân chúng vẫn chưa biết có chuyện gì. *Nomenklatura*^[12] được lệnh đến văn phòng, hết thảy đều ngỡ ngàng vì không thấy có hướng dẫn gì thêm. Stalin không nói không rằng. Ranh giới giữa “khiêu khích” và một cuộc chiến tranh thực sự vẫn còn chưa rõ và không ai biết đang có chuyện gì ngoài tiền tuyến. Liên lạc bị gián đoạn do bắn phá.

Hy vọng kể cả của những người lạc quan nhất ở Kremli cũng đã sụp đổ. Sự xác nhận đã đến vào lúc 3 giờ 15 phút sáng từ tư lệnh Hạm đội Biển Đen về vụ máy bay Đức ném bom căn cứ hải quân Sevastopol. Các sĩ quan hải quân Soviet không khỏi liên tưởng tới cuộc tấn công bất ngờ của Nhật Bản vào cảng Port Arthur năm 1904. Georgy Malenkov, một trong các cộng sự thân cận nhất của Stalin, khẳng định không chịu tin lời do đốc Nikolay Kuznetsov nên tự mình lén gọi điện lại để kiểm tra xem liệu đó có phải là trò lừa của các sĩ quan cao cấp nhằm ép lãnh tụ không. Đến 3 rưỡi, hai giờ sau khi cuộc tấn công bắt đầu trên biên giới phía tây, Schulenburg đã chuyển thư tuyên chiến của nước Đức Quốc xã cho Molotov. Theo lời một người có mặt, ông đại sứ già đã nói trong nước mắt tức giận, kèm thêm một câu rằng cá nhân ông thấy quyết định của Hitler là điên rồ. Tới đó Molotov liền vội vã đến văn phòng Stalin, nơi Bộ Chính trị đã tề tựu đông đủ. Nghe xong đầu đuôi, Stalin đổ phịch xuống ghế, không nói một lời. Chuỗi những tính toán ham hố sai lầm của ông đem lại nguồn cơn cho những suy ngẫm đắng cay. Vị lãnh tụ nổi tiếng này lại rơi vào cái bẫy mà phần lớn là do tay ông sắp đặt.

Tin tức từ mặt trận mấy ngày sau thê thảm đến nỗi Stalin, bèn gọi Beria và Molotov đến họp kín. Liệu có nên dàn hòa với Hitler dù giá có đắt đến mấy, giống như thỏa ước Brest-Litovsk hồi năm 1918? Họ có thể bỏ phần

lớn Ukraina, Belorussia và các nước Baltic. Sau đó đại sứ Bulgaria Ivan Stamenov được Molotov mời đến Kremli để hỏi liệu ông có thể làm trung gian không, nhưng họ đã hết sức ngạc nhiên khi ông này từ chối. “Kể cả các ngài có phải rút đến Ural”, ông đáp, “cuối cùng các ngài vẫn thắng thôi”.

* * *

Đại đa số người dân ở những vùng xa xôi của Liên Xô đều không biết gì về thảm họa đang ập đến với đất nước. Và đúng kiểu ngày nghỉ, trung tâm Moskva vắng ngắt. Đô đốc Kuznetsov, Tham mưu trưởng hải quân, ngắm nghĩ trong khung cảnh yên bình trên xe lúc vào Kremli. Người dân thủ đô “vẫn không hay biết lửa đã cháy ở biên giới và các đơn vị tiền tiêu của ta đã bước vào trận chiến sinh tử”.

Cuối cùng, trưa ngày 22 tháng 6, giọng nói của Molotov, chứ không phải của Stalin, phát ra trên sóng phát thanh. “Vào lúc 4 giờ sáng nay, quân Đức đã tấn công đất nước chúng ta mà không hề có bất cứ yêu sách nào đối với Liên bang Soviet và cũng không có một lời tuyên chiến”. Thông báo của ông không có mấy chi tiết. “Chính nghĩa thuộc về chúng ta”, ông đánh giọng kết luận. “Kẻ thù sẽ bị đánh bại. Chúng ta nhất định thắng!”

Cách dùng từ của Molotov không gây cảm hứng cho lắm và ngữ điệu cũng vụng về, nhưng thông báo của ông đã tạo ra một phản ứng mạnh mẽ trên khắp đất nước. Thành phố Stalingrad trên sông Volga có thể nằm xa vùng chiến sự nhưng tác động vẫn không hề suy giảm. “Cứ như bom rơi giữa trời quang, sốc thật”, một nữ sinh trẻ tuổi nhớ lại. Cô lập tức xung phong làm y tá. Các bạn cô, nhất là các đoàn viên *Komsomol* (thanh niên cộng sản) bắt đầu quyên góp cho chiến tranh.

Quân nhân dự bị không chờ tới lệnh động viên. Họ ghi tên lập tức. Chỉ nửa giờ sau thông báo của Molotov, quân nhân dự bị Viktor Goncharov đã rời nhà đến trung tâm với ông bố đi theo, anh chỉ nghĩ cụ đi tiễn. Vợ anh đang làm việc ở bãi xe điện không thể về để từ biệt. Ai ngờ bố anh, một lão

Cossack^[13] 81 tuổi, “đã từng qua bốn cuộc chiến”, lại cũng lăm le tòng quân. Ông già nổi giận đùng đùng khi người ta không nhận ông.

Tại Đại học Kỹ thuật Stalingrad gần nhà máy lớn chế tạo máy kéo, sinh viên căng lên tường một tấm bản đồ to đùng sẵn sàng cầm cờ đánh dấu bước tiến của Hồng quân vào đất Đức. Một người nói: “Chúng tôi đã nghĩ chỉ một trận thật lớn, thật quyết liệt là dẹp tan ngay quân thù”. Tin tức về các thành tựu trong sản xuất xe tăng và máy bay nhiều vô kể đã làm họ tin chắc vào sức mạnh công nghiệp và quân sự vô tận của Liên Xô. Ở một đất nước mới đây còn lạc hậu về công nghệ thì hình dung của họ còn gấp đôi so với thực tế. Đã vậy, uy quyền tuyệt đối của chính thể Stalin khiến nó có vẻ vững chãi không thể lay chuyển trong con mắt người dân. “Tuyên truyền được gieo xuống mảnh ruộng cày sâu bừa kỹ”, một sinh viên Stalingrad khác thừa nhận. “Đối với chúng tôi, Liên Xô là một đất nước hùng mạnh, vì thế nó bất khả chiến bại”. Không ai trong số họ tưởng tượng nổi số phận nào đang chờ Liên bang Soviet, còn số phận nào dành cho thành phố Stalingrad hiện đại với những nhà máy chế tạo, những công viên và những khối nhà tập thể cao tầng trắng toát soi bóng dòng Volga thì thậm chí còn khó hình dung hơn.

2

“VỚI NGƯỜI LÍNH ĐỨC, KHÔNG CÓ GÌ LÀ KHÔNG THỂ!”

Trong suốt đêm 21 tháng 6 đó, các nhà ngoại giao ở Berlin và Moskva chỉ có thể đoán già đoán non những gì đang diễn ra ở đường biên giới đã chia rẽ họ. Chưa bao giờ các bộ ngoại giao lại vô dụng đến thế. Khoảng 3,05 triệu quân Đức, cộng thêm các đội quân cùng phe Trục là bốn triệu, đang chờ xâm lăng Liên Xô từ Phần Lan đến Biển Đen. “Thế giới sẽ phải nín thở!” Hitler đã tuyên bố hùng hồn trong phiên họp lên kế hoạch vài tháng trước. Mục tiêu cuối cùng là “thiết lập một phòng tuyến chống nước Nga phần lãnh thổ châu Á chạy dọc từ sông Volga đến tận Archangel”. Rồi vùng công nghiệp còn sót lại của nước Nga ở dãy Urals sẽ bị *Luftwaffe* (Không quân Đức) hủy diệt luôn.

Đó là đêm ngắn nhất trong năm. Hàng trăm ngàn quân được ém trong các khu rừng bạch dương và rừng thông vùng Đông Phổ và nước Ba Lan bị chiếm đóng nghiêm chỉnh chấp hành lệnh cấm lên sóng. Các trung đoàn pháo binh mới chuyển đến biên giới phía đông mấy tuần trước làm như để tham gia diễn tập cũng đã sẵn sàng. Ở Đông Phổ, các pháo thủ mặc đồ mượn của dân địa phương, đã dùng xe kéo ngựa trang để vận chuyển đạn dược đến các trận địa pháo đã định sẵn. Hầu hết binh sĩ đều tin rằng cuộc diễn tập này là một phần của một mũi nghi binh lớn để che giấu việc chuẩn bị đánh nước Anh. Khi đêm xuống, các mệnh lệnh được ban bố, binh lính Đức bấy giờ mới hết bán tín bán nghi. Pháo được bỏ ngựa trang hoặc kéo ra khỏi các kho thóc. Sau đó pháo được móc vào các tốp ngựa, vào xe xích bánh sau (Half-track)^[14] hoặc xe kéo pháo, đèn mũi xe bật lại, và tiến chiếm trận địa. Các sĩ

quan chỉ thị mục tiêu cùng bộ binh đi trước đến cách các chốt gác tiền tiêu của biên phòng Liên Xô chỉ vài trăm mét^[15].

Vài sĩ quan thuộc các sư đoàn thê đội hai cùng ly mừng chiến dịch sắp mở màn bằng champagne hay cognac quý đem từ nước Pháp bị chiếm sang. Có người lật lại cuốn hồi ký của Tướng de Caulaincourt, người đã từng nghe Napoleon nói trước ngày xâm lăng Nga năm 1812 rằng, “Chỉ hai tháng nữa nước Nga sẽ phải cầu hòa”. Một số người khác đang cố hình dung xem chuyện gì phía trước, lật giở cuốn hội thoại như cuốn đã được sứ quán của Dekanozov gửi về Moskva mà chẳng ích gì. Số khác lại đọc Kinh Thánh.

Binh lính đốt lửa trong nơi trú quân được ngụy trang để đuổi muỗi. Những người chơi phong cầm ngân nga mấy giai điệu tình tứ. Có người cất tiếng hát, người khác lại đắm mình trong suy tư. Nhiều người ngăn việc vượt biên giới tới một xứ sở xa lạ, nơi mà họ được nghe kể toàn chuyện kinh người. Các sĩ quan đã cảnh báo họ rằng nếu ngủ trong nhà người Nga, họ sẽ bị côn trùng đốt đến sinh bệnh. Tuy thế nhiều người lại cười cợt những đồng đội đòi cắt tóc lóc đầu để đề phòng chấy rận. Dù vậy, hầu hết đều tin các sĩ quan khi họ bảo khỏi cần lo chuyện trú đông. Chẳng hạn ở Sư đoàn tăng số 24, nghe nói đại úy von Rosenbach-Lepinski đã cam đoan với tiểu đoàn trinh sát cơ giới của mình rằng “chiến tranh với Nga sẽ chỉ kéo dài bốn tuần”.

Sự tự tin đó kể cũng dễ hiểu. Ngay cả các cơ quan tình báo nước ngoài cũng tính rằng Hồng quân sẽ bị đập tan. *Wehrmacht* đã tập trung một đội quân xâm lược lớn nhất với 3.350 xe tăng, khoảng 7.000 khẩu pháo và hơn 2.000 máy bay. Quân đội Đức đã cải thiện năng lực vận tải cơ giới của mình bằng các xe quân sự Pháp; chẳng hạn 70% xe tải của Sư đoàn bộ binh số 305 - một sư đoàn sẽ bị tiêu diệt ở Stalingrad năm sau - là xe Pháp. Tuy nhiên, dù nổi tiếng với *Blitzkrieg* (chiến tranh chớp nhoáng) nhưng *Wehrmacht* vẫn phải phụ thuộc vào hơn 600.000 con ngựa kéo pháo, xe tải thương và lương thực. Với phần lớn các sư đoàn bộ binh vẫn phải đi bộ thì tính chung lại tốc độ tiến quân xem ra cũng chẳng nhanh hơn đại quân của Napoleon năm 1812 là mấy.

Nhiều sĩ quan có cảm xúc lẫn lộn. “Tinh thần chúng tôi lên rất cao sau những chiến thắng khá dễ dàng ở Ba Lan, Pháp và vùng Balkans”, chỉ huy của đại đội tăng đầu tiên đến được sông Volga ở Stalingrad 14 tháng sau nhớ lại. Nhưng là một trong những người từng đọc hồi ký của de Gaulaincourt, ông “có cảm giác không hay về không gian rộng lớn của nước Nga”. Hơn nữa, có lẽ “bắt đầu một chiến dịch đầy tham vọng” vào thời điểm này của năm là quá muộn. Chiến dịch Barbarossa dự kiến sẽ bắt đầu vào ngày 15 tháng Năm. Sự chậm trễ hơn năm tuần này thường bị gán cho Chiến dịch Balkans của Hitler, thực ra là do nhiều yếu tố khác tác động vào, trong đó có những cơn mưa nặng hạt mùa xuân, sự bất lực của Luftwaffe trong việc chuẩn bị các sân bay tuyến trước đúng thời hạn và việc phân bổ phương tiện vận tải cơ giới cho các sư đoàn.

Tối hôm đó, các sĩ quan cấp trung đoàn được thông báo “mệnh lệnh đặc biệt” liên quan tới cuộc chiến sắp tới. Trong đó có “các biện pháp phối hợp các lực lượng chống làng mạc” trong những vùng có hoạt động du kích và “lệnh Chính ủy”. Các quan chức chính trị Soviet, người Do Thái và du kích phải được giao cho SS hoặc cảnh sát mật dã chiến. Phần lớn các sĩ quan tham mưu và chắc chắn là tất cả các sĩ quan tình báo đều được thông báo mệnh lệnh ngày 28 tháng 4 của Thống chế Brauchitsch đặt ra những quy tắc cơ bản cho quan hệ giữa các chỉ huy quân đội với các chỉ huy SS và cảnh sát an ninh hoạt động sau lưng họ. “Nhiệm vụ đặc biệt” của họ phải là một phần của “cuộc đối đầu tối hậu giữa hai hệ thống chính trị đối lập”. Cuối cùng là “lệnh thẩm quyền” tước bỏ hết các quyền kháng cáo của công dân Nga, miễn cho lính Đức mọi tội ác họ phạm, kể cả giết người, cưỡng hiếp hay trộm cướp. Mệnh lệnh do Thống chế Wilhelm Keitel ký ngày 13 tháng 5 biện minh cho việc này trên cơ sở “vì năm 1918 suy thoái, tiếp đến là thời kỳ gian khổ chịu đựng của nhân dân Đức, cùng với cuộc chiến chống chủ nghĩa Quốc xã - với biết bao xương máu hy sinh của phong trào - đều thấy rõ ảnh hưởng của bọn Bolshevik. Người Đức không ai được quên tội ác này”.

Khi Trung úy Alexander Stahlberg được người anh em họ Henning von Tresckow, sau này là một trong những nhân vật chủ chốt trong Sự biến tháng

Bây^[16] thông báo về “mệnh lệnh Chính ủy”, anh đã thốt lên: “Thế là giết người rồi!”

“Cái mệnh lệnh này đúng là thế”, Tresckow đồng tình. Khi Stahlberg hỏi mệnh lệnh này của ai. “Của người mà cậu đã thề trung thành”, người anh họ đáp. “Cả tôi cũng thế”, anh buông một câu với ánh mắt sắc như dao.

Một số chỉ huy không thêm biết hoặc không phổ biến những chỉ thị như vậy. Đó nói chung là những người tôn trọng quy ước truyền thống nhà binh và không ưa gì Đảng Quốc xã. Nhiều người, tuy không phải tất cả, xuất thân từ các gia đình quân nhân, giờ đây tỷ lệ của họ trong hàng ngũ sĩ quan đã nhanh chóng suy giảm. Các tướng lĩnh là những người khó chối tội nhất. Hơn 200 sĩ quan cao cấp đã có mặt nghe Hitler huấn thị, trong đó ông ta đã nói rõ về cuộc chiến sắp tới. Đó sẽ là một “cuộc chiến giữa hai thế giới quan đối lập”, một “cuộc chiến hủy diệt” chống lại “các Chính ủy Bolshevik và giới trí thức cộng sản”.

Ý tưởng về *Rassenkampf*, tức là “chiến tranh chủng tộc”, đem đến cho chiến dịch chống Nga một tính chất chưa từng có tiền lệ. Nhiều sử gia ngày nay lập luận rằng bộ máy tuyên truyền Quốc xã đã rất hiệu quả trong việc phi nhân hóa kẻ thù Soviet trong con mắt của quân đội Đức, đến mức nó đã bị tê liệt về mặt luân lý ngay từ đầu cuộc xâm lăng. Có lẽ thước đo tốt nhất việc nhồi nhét thành công học thuyết là sự phản đối yếu ớt trong quân đội trước những vụ hành hình tập thể người Do Thái, đã bị cố tình lẫn lộn với các biện pháp an ninh hậu tuyến chống du kích. Nhiều sĩ quan cảm thấy xấu hổ vì *Wehrmacht* phớt lờ luật pháp quốc tế ở *Ostfront* (Mặt trận phía Đông) nhưng chỉ rất ít người dám bày tỏ sự ghê tởm trước những vụ tàn sát, kể cả khi đã biết rõ đó là một phần trong chương trình diệt chủng.

Chuyện nhiều sĩ quan, nhất là sĩ quan tham mưu, sau chiến tranh bảo rằng họ không hay biết gì thật khó mà tin được khi tất cả chứng cứ giờ đây đã lộ ra từ các tài liệu của chính họ. Chẳng hạn như bộ tư lệnh Tập đoàn quân số 6 đã phối hợp với đơn vị SS 4a, đơn vị đã theo sát họ gần như suốt chặng đường từ biên giới phía tây của Ukraina đến tận Stalingrad. Không chỉ các sĩ quan tham mưu biết rõ hoạt động của nó, họ thậm chí còn cấp lính để hỗ trợ

các cuộc vây ráp người Do Thái ở Kiev và chuyển họ đến khe núi Babi Yar, nơi xảy ra cuộc thảm sát.

Bây giờ nhìn lại rất khó đánh giá cấp trung đoàn biết được đến đâu về bản chất của kế hoạch diệt chủng, trong đó thứ vũ khí tàn ác nhất có lẽ là bỏ đói. Một số ít sĩ quan đã được biết chỉ thị ra ngày 23 tháng 5 kêu gọi quân đội Đức ở phía đông chiếm đoạt tất cả những gì họ cần, đồng thời gửi về Đức ít nhất 7 triệu tấn ngũ cốc mỗi năm; tuy vậy cũng không khó đoán nội dung cơ bản với những mệnh lệnh triệt hạ. Các lãnh đạo Quốc xã không hề ảo tưởng về dân chúng Ukraina bị tước đoạt nguồn sống. “Hàng chục triệu người sẽ chết đói”, Martin Bormann dự kiến. Còn Goering thì huênh hoang rằng dân chúng phải ăn cả da yên ngựa Cossack.

Khi những mệnh lệnh phi pháp của chiến dịch Barbarossa được soạn thảo vào tháng 3 năm 1941 thì Tướng Franz Halder, Tổng Tham mưu trưởng, là người chịu trách nhiệm chính trong việc cho phép quân đội trả thù tập thể đối với dân thường. Ngay tuần đầu tiên tháng 4 năm 1941, hai nhân vật chống đối chế độ là cựu Đại sứ Ulrich von Hassell và Tướng Ludwig Beck đã được xem những mật lệnh này từ tay Trung tá Helmuth Groscurth, người đã bị trừng phạt sau khi đầu hàng tại Stalingrad. “Nó khiến tóc ta dựng đứng”, Hassell ghi trong nhật ký, “khi được biết về các biện pháp được áp dụng ở Nga và về việc xuyên tạc một cách hệ thống luật lệ chiến tranh liên quan tới thường dân vùng bị chiếm thành chuyên quyền độc đoán không kiểm soát — thực chất là bóp méo mọi luật lệ. Những cái đó đang biến nước Đức thành thứ chỉ có trong tuyên truyền của kẻ thù”. “Quân đội”, ông nói thêm, “hắn cho rằng mọi trách nhiệm trong việc giết chóc và đốt phá đó lực lượng SS phải gánh chịu”.

Hassell bị quan cũng phải. Tuy cũng có một số ít chỉ huy quân đội miễn cưỡng truyền đạt các chỉ thị nhưng số khác lại ban hành cho quân lính của mình những mệnh lệnh chẳng khác gì do cơ quan của Goebbels soạn. Khét tiếng nhất vẫn là mệnh lệnh của Thống chế Reichenau, tư lệnh Tập đoàn quân số 6. Tướng Hermann Hoth, tư lệnh Tập đoàn tăng số 4 trong Chiến dịch Stalingrad từng tuyên bố: “Tiêu diệt bọn Do Thái ủng hộ Bolshevik và

tổ chức giết người của nó là quân du kích — đó là một biện pháp tự vệ”. Tướng Erich von Manstein, một sĩ quan cận vệ Phổ được ca tụng là nhà chiến lược tài ba nhất trong Thế chiến II, cũng là người vẫn lén khoe mình có một phần dòng máu Do Thái, lại ban bố một mệnh lệnh ngay sau khi tiếp nhận quyền chỉ huy Tập đoàn quân số 11, trong đó nêu rõ: “Hệ thống Do Thái-Bolshevik phải bị nhổ tận gốc một lần dứt điểm”. Ông ta còn lý giải thêm về “sự cần thiết của các biện pháp mạnh chống Do Thái”. Chuyện đó ít thấy ông nhắc đến trong hồi ký sau chiến tranh của mình, cuốn *“Những chiến thắng bị đánh mất”*^[17].

Việc chấp nhận mang biểu tượng Quốc xã trên quân phục và lời thề trung thành với Hitler đã gạt bỏ mọi vờ vịt về chuyện quân đội không dính dáng đến chính trị. “Trong trường hợp này các tướng lĩnh đã theo Hitler”, Thống chế Friedrich Paulus thừa nhận nhiều năm sau trong khi bị Liên Xô quản thúc, “và kết quả là họ đã tham gia một cách toàn diện vào các hệ quả của chính sách của ông ta và cả việc điều hành chiến tranh”.

* * *

Bất chấp mọi mưu toan của Quốc xã định hình lại quân đội nhưng vẫn chưa có sự đồng nhất ở cấp trung đoàn vào tháng 6 năm 1941 như một số tác giả kết luận. Sự khác biệt trong tính cách giữa một sư đoàn Bavaria, một sư đoàn Đông Phổ, một sư đoàn Saxon, và trên hết là một sư đoàn Áo là có thể nhận ra ngay lập tức. Ngay cả trong một sư đoàn từ một vùng đặc thù cũng có những tương phản đáng kể. Ví dụ như trong Sư đoàn bộ binh cơ giới số 60 mà về sau bị vây hãm ở Stalingrad, nhiều sĩ quan trẻ trong các tiểu đoàn tình nguyện tòng quân từ trường Đại học Kỹ thuật Danzig khi về phép được vây bọc trong bầu không khí hân hoan của thành phố quê nhà đã viết: “Với chúng tôi, chủ nghĩa Quốc xã không phải là một chương trình hành động của một chính đảng mà chính là đặc tính của người Đức”. Trái lại, các sĩ quan trong tiểu đoàn trinh sát 160 của sư đoàn^[18], một kiểu dân binh thiết kỵ, chủ yếu xuất thân từ các gia đình địa chủ ở Đông Phổ. Trong số đó có cả Hoàng

thân Dohna-Schlobitten, người đã từng phục vụ trong quân cấm vệ của Hoàng đế Đức tại Ukraina năm 1918.

Sư đoàn tăng số 16 thì giữ vững truyền thống quân đội Phổ xưa. Trung đoàn tăng số 2 của nó, trung đoàn mũi nhọn đánh Stalingrad mùa hè năm sau, là đơn vị nối tiếp của trung đoàn kỵ binh cổ xưa nhất của nước Phổ, Đội Kỵ binh Cận vệ của Đại Tuyển hầu^[19]. Trung đoàn có rất nhiều quý tộc, thành thử chẳng có mấy người gọi nhau theo cấp bậc quân đội. Một lính tăng của họ nhớ lại: “Thay vì gọi là ngài Đại úy hay ngài Trung úy, họ gọi nhau là ngài công tước hay ngài Nam tước”. Trung đoàn không bị thiệt hại mấy trong các chiến dịch Ba Lan và Pháp nên cách xưng hô thời bình vẫn giữ nguyên nếp cũ.

Truyền thống xưa đem lại một lợi thế. “Trong trung đoàn”, một sĩ quan của sư đoàn tăng khác nhận xét, “đó là nơi trò chuyện an toàn. Ở Berlin không ai dám nói đùa về Hitler như chỗ chúng tôi”. Các sĩ quan tham gia âm mưu ở Bộ Tổng tham mưu có thể nói chuyện hạ bệ Hitler, thậm chí với cả các tướng lĩnh không liên quan mà không sợ bị tố cho Gestapo. Bác sĩ Alois Beck, cha tuyên úy của Sư đoàn bộ binh số 297 tin rằng “trong ba quân chủng của Wehrmacht thì lục quân là ít bị ảnh hưởng của hệ tư tưởng Quốc xã nhất”. Trong không quân thì những người không ưa chính quyền cố giữ im lặng. “Thời buổi này không thể hoàn toàn tin tưởng bất cứ người Đức nào”, một trung úy trong sư đoàn phòng không số 9 bị bắt tại Stalingrad nói. Anh ta chỉ dám trò chuyện thoải mái với duy nhất một người bạn sĩ quan thân thiết, người từng thú nhận riêng với anh ta rằng bọn Quốc xã đã bức chết một anh em họ bị bệnh tâm thần của mình.

Một sử gia đã chỉ ra rằng mặc dù “không nên coi *Wehrmacht* là một thực thể thuần nhất”, song mức độ mà các thành tố khác nhau của nó “muốn tham gia một cuộc chiến hủy diệt chống lại Liên Xô, dù nó có là chống Nga, chống Bolshevik hay chống Do Thái, cũng vẫn là một lĩnh vực cần tiếp tục nghiên cứu”. Hoàng thân zu Dohna ở Sư đoàn bộ binh cơ giới số 60 đã “bị sốc trước sự nhẫn tâm của mình”, khi đọc lại nhật ký của mình nhiều năm sau. “Giờ đây thật không thể hiểu được làm sao tôi lại cho phép mình bị

cuốn vào cái thứ hoang đường đó mà không chống cự, khốn nỗi chúng tôi bị áp chế bởi cảm giác là một phần của một cỗ máy chiến tranh khổng lồ, lẫn không can nõi về phía đông chống chủ nghĩa Bolshevik”.

* * *

Lúc 3 giờ 13, giờ Đức, ngày 22 tháng 6, pháo binh bắt đầu bắn dọn đường. Những cây cầu qua sông bị chiếm trước khi lính biên phòng của NKVD kịp trở tay. Gia đình những người lính biên phòng sống ở các đồn biên giới cũng chết cùng họ. Trong một vài trường hợp, thuốc nổ gài sẵn đã bị các nhóm đột nhập lạng lẽ gỡ trước. Các nhóm biệt kích Đức *Sonderverband Brandenburg* (lấy theo tên doanh trại của họ ở ngoại vi Berlin) đã phục sẵn sau lưng các đơn vị biên phòng Nga liền cắt dây điện thoại. Và lại ngay từ cuối tháng 4, các tổ tình nguyện người Nga và Ukraina chống cộng đã ôm điện đài lên vào trước. Ít nhất là từ ngày 29 tháng 4 Beria đã được báo cáo về ba toán gián điệp bị bắt khi vượt biên giới mang theo điện đài. Bọn này bị bắt sống và bị “giao cho Bộ Dân ủy An ninh quốc gia (NKGB)^[20] để thẩm vấn tiếp”.

Bình minh ngày 22 tháng 6 vừa hé rạng ở chân trời phía đông khi các đơn vị bộ binh tiên phong phải đối mặt với các chướng ngại dưới nước để leo vào các xuồng tấn công. Nhiều trung đoàn bộ binh trong lúc vượt qua vài trăm mét cuối cùng để đến tuyến xuất phát đã có thể nghe thấy tiếng các đợt máy bay ném bom và tiêm kích tiến gần từ sau lưng. Những chiếc Stuka cánh nhọn bay thấp tản ra tìm kiếm các bãi xe tăng, sở chỉ huy và các trung tâm thông tin liên lạc bên kia chiến tuyến.

Một sĩ quan công binh ở Sở chỉ huy của Tập đoàn quân số 4 Hồng quân thức giấc vì tiếng động cơ của nhiều máy bay. Anh đã nhận biết tiếng động này từ thời Nội chiến Tây Ban Nha, nơi anh từng là cố vấn. “Bom rơi với tiếng rít chói tai”, anh nhớ lại. “tòa nhà sở chỉ huy chúng tôi vừa mới chạy khỏi mù mịt khói bụi. Những tiếng nổ xé toang không gian khiến tai chúng tôi ong ong. Lại một đợt máy bay nữa. Máy bay ném bom Đức ngang nhiên

ném bom xuống khu gia binh không được bảo vệ. Trận bom qua đi, khói đen cuồn cuộn bốc lên từ nhiều nơi. Một phần tòa nhà của sở chỉ huy đã sập. Đầu đó có tiếng phụ nữ gào the thé điên loạn”.

Không quân Đức chủ yếu nhằm vào các trung đoàn không quân của Hồng quân. Những cú đòn phủ đầu trong 9 giờ tiếp theo đã phá hủy 1.200 máy bay của Hồng quân, chủ yếu là trên mặt đất. Các phi công lái Messerschmitt không dám tin vào mắt mình khi bay ngang qua các sân bay rất dễ nhận biết qua các tấm hình không thám, họ trông thấy hàng trăm máy bay địch xếp hàng ngay ngắn dọc theo các đường băng. Chiếc nào kịp cất cánh hoặc từ các sân bay nội địa phía đông bay đến đều trở thành những mục tiêu ngon lành. Một số phi công Soviet hoặc chưa học qua không chiến hoặc biết rõ những máy bay cổ lỗ của mình không thể đo được kẻ thù, bèn chọn cách liều chết đâm vào máy bay Đức. Một viên tướng của Luftwaffe đã gọi các trận đánh với các phi công thiếu kinh nghiệm đó là trò giết trẻ con.

Các sư đoàn tăng trong tiếng động cơ ầm ĩ của xe tăng và xe xích bánh sau nên chẳng nghe được gì nếu không có tai nghe. Họ nhận lệnh tấn công ngay sau khi bộ binh đã chiếm giữ những cây cầu và những điểm vượt sông. Nhiệm vụ của các đơn vị xe tăng là thọc sâu rồi bao vây chia cắt địch, dồn vào một *Kessel*^[21] (lòng chảo hoặc cái vạc). Đó là cách *Wehrmacht* lập kế hoạch tiêu diệt sức mạnh chiến đấu của Hồng quân, sau đó thẳng tiến hầu như không còn trở ngại đến ba mục tiêu chính: Leningrad, Moskva và Ukraina.

Cụm tập đoàn quân Bắc dưới quyền chỉ huy của Thống chế Ritter von Leeb chịu trách nhiệm chính tấn công từ Đông Phổ vào các nước vùng Baltic để chiếm các cảng, sau đó đánh thẳng vào Leningrad. Cụm tập đoàn quân Trung tâm dưới quyền chỉ huy của Thống chế Fedor von Bock phải theo con đường của Napoleon đánh đến Moskva một khi đã vây được lực lượng chính của Hồng quân trên đường tiến. Tuy nhiên, Brauchitsch và Halder rất lo khi Hitler quyết định giảm nhẹ cú thọc sâu chính giữa nhằm hỗ trợ cho cho cái mà họ coi là các chiến dịch phụ trợ. *Fuhrer* tin rằng một khi đã chiếm được vựa lúa Ukraina và các giếng dầu Kavkaz rồi thì nước Đức

bất khả chiến bại là chuyện khỏi phải bàn nữa. Cụm tập đoàn quân Nam dưới quyền chỉ huy của Thống chế Gerd von Rundstedt, sắp tới lại được một đội quân nhỏ của Hungary và hai quân đoàn Romania hỗ trợ sườn phải, được giao nhiệm vụ này. Nhà độc tài Romania, Thống chế Ion Antonescu, đã rất phấn khích khi được thông báo về Chiến dịch Barbarossa mười ngày trước khi nó bắt đầu. “Tất nhiên tôi sẽ có mặt ở đó ngay từ đầu”, ông nói. “Đã là chuyện đánh dân Slav thì các vị luôn có thể tin ở tôi”.

Nhân dịp kỷ niệm ngày Napoleon ra tuyên cáo từ đại bản doanh hoàng đế của mình ở Wilkowsky, Hitler công bố một bài dài biện hộ cho việc tuyệt giao với Liên Xô. Ông ta trắng trợn đổi trắng thay đen, bảo rằng nước Đức bị đe dọa bởi “gần 160 sư đoàn Nga tập trung trên biên giới chúng ta”. Vậy là Hitler đã khởi đầu “cuộc thánh chiến của châu Âu chống lại chủ nghĩa Bolshevik” bằng lời nói dối không chút ngượng ngùng trước nhân dân và quân đội mình.

3

“CỨ ĐẬP VÀO CÁNH CỬA VÀ CẢ CẤU TRÚC MỤC NÁT KHẮC SỤP ĐỔ!”

Hiếm có ai đi đánh người mà lại có nhiều lợi thế như *Wehrmacht* vào tháng 6 năm 1941. Hầu hết các đơn vị tuyến trước của Hồng quân đã được lệnh không đáp trả “âm mưu khiêu khích” nên không biết phải phản ứng ra sao. Thậm chí đã hơn 12 giờ trôi qua rồi mà Stalin vẫn cố hy vọng sẽ có cơ hội cuối cùng để hòa giải và rất miễn cưỡng cho phép quân mình đánh trả. Một sĩ quan ghé vào văn phòng của Thượng tướng D. G. Pavlov, Tư lệnh mặt trận trung tâm, đã nghe thấy ông căng thẳng gào lên trong máy điện thoại khi một chỉ huy tuyến trước báo cáo về hoạt động của quân Đức trên biên giới: “Biết rồi! Tôi đã được báo cáo! Trên kia người ta còn biết hơn chúng ta ấy chứ!”

Ba tập đoàn quân Liên Xô đóng dọc biên giới theo lệnh của Stalin không có may mắn cơ hội, còn các lữ đoàn tăng của chúng ở phía sau thì bị máy bay Đức tiêu diệt trước khi họ kịp dàn trận. Tòa pháo đài thế kỷ XVIII nổi tiếng Brest-Litovsk, nơi Bộ Tham mưu của hoàng đế Đức đã áp đặt cho Vladimir Lenin và Leon Trotsky một hòa ước thua thiệt năm 1918, đã bị bao vây ngay trong vài giờ đầu. Hai quân đoàn tăng của tướng Hoth và Heinz Guderian thuộc Cụm tập đoàn quân Trung tâm đã nhanh chóng bao vây một lực lượng lớn của Liên Xô bằng hai gọng kìm. Trong vòng năm ngày, hai cánh đã hội quân gần Minsk, cách biên giới chừng 320 km. Hơn 300.000 lính Hồng quân bị vây khốn và 2.500 xe tăng bị phá hủy hoặc bắt giữ.

Ở phía bắc, tấn công từ Đông Phổ qua sông Niemen, Quân đoàn tăng số 4 dễ dàng xuyên thủng phòng tuyến Nga. Năm ngày sau, Quân đoàn tăng số 56 của Tướng Manstein hành quân với tốc độ gần 80 km một ngày nên đã đi

được nửa đường đến Leningrad và chiếm các điểm vượt sông Dvina. “Đúng là thần tốc”, Manstein sau này nhớ lại, “một giấc mơ thành hiện thực của một chỉ huy xe tăng”.

Trong khi đó không quân Đức tiếp tục hủy diệt không quân Liên Xô. Đến cuối ngày chiến đấu thứ hai đã có tới 2.000 máy bay bị tiêu diệt. Liên Xô có thể đóng máy bay mới và huấn luyện phi công mới, nhưng lập tức lại bị “giết trẻ con” khiến các phi công hoang mang một thời gian dài. “Phi công chúng tôi cảm thấy mình như chết rồi khi cất cánh”, một sĩ quan phi đoàn thú nhận với một Chính ủy 15 tháng sau, khi cuộc chiến Stalingrad đã ở vào đỉnh điểm. “Chính vì thế mới thua”.

Ở phía nam, nơi lực lượng Soviet mạnh hơn cả, quân Đức tiến chậm hơn nhiều. Tướng Mikhail Kirponos đã khôn khéo bố trí phòng thủ theo chiều sâu thay vì dàn quân dọc biên giới. Dù các sư đoàn của ông đã gây thương vong khá nặng nề cho quân Đức nhưng bản thân họ lại chịu tổn thất lớn hơn. Kirponos đưa các đơn vị tăng của mình vào trận trước khi dàn xong quân. Sang ngày thứ Hai 23 tháng 6, Quân đoàn tăng số 1 của Tướng Ewald von Kleist xung trận đối đầu với các sư đoàn Soviet trang bị xe tăng khổng lồ KV và lần đầu tiên lính tăng Đức nhìn thấy T-34, loại tăng đa năng tốt nhất được chế tạo trong Thế chiến II.

Việc đánh chiếm ở mặt trận phía nam giữa vùng đầm lầy Pripet và dãy Carpat mất nhiều thời gian hơn dự tính. Tập đoàn quân số 6 của Thống chế Reichenau liên tục bị các lực lượng Soviet tàn sát trong đầm lầy rậm rạp bên cánh trái của họ quấy rối. Reichenau muốn hành hình tù binh như du kích, bất kể họ có mặc quân phục hay không. Các đơn vị Hồng quân cũng bắn tù binh Đức, nhất là các phi công nhảy dù xuống. Họ không có máy cơ hội để chuyển tù binh về hậu phương, mà cũng không muốn để cho kẻ địch đang tiến nhanh giải cứu.

Tại Lvov, thủ phủ xứ Galicia, sự hỗn loạn gia tăng trong thành phố với nạn rượu chè trộm cắp. Lvov không chỉ là mục tiêu ném bom mà còn bị các toán dân tộc Ukraina do Đức tổ chức gây rối. Sự hoảng loạn còn được đổ

thêm dầu ngay trước khi bị đánh chiếm bởi những lời nhạo báng từ các cư dân không phải người Nga: “Quân Đức đang đến tóm chúng mày đấy”.

* * *

Niềm tin của Hitler rằng Liên Xô là một “cấu trúc mục ruỗng” chỉ chực sụp đổ được nhiều nhà quan sát và giới tình báo nước ngoài đồng tình.

Tình báo quân sự Nhật lại có cách nhìn khác. Họ gần như là cơ quan tình báo nước ngoài duy nhất không đánh giá thấp Hồng quân vào thời điểm đó. Một loạt những xung đột trên biên giới Mãn Châu mà đỉnh điểm là cuộc chiến ở Khalkhin-Gol vào tháng 8 năm 1939 đã cho thấy một chỉ huy trẻ xông xáo, ở đây là vị tướng 43 tuổi Georgy Zhukov, có thể đạt được những gì. Vào tháng 1 năm 1941, Stalin bị thuyết phục đưa Zhukov lên làm Tổng Tham mưu trưởng. Vậy là ông đã có mặt ở ngay trung ương khi Stalin lập ra Đại bản doanh dưới tên gọi thời Sa hoàng là *Stavka*, một ngày sau khi chiến tranh bùng nổ. Lãnh tụ Vĩ đại tự chỉ định mình làm Dân ủy Quốc phòng^[22] và Tổng tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang Soviet.

* * *

Trong những ngày đầu Chiến dịch Barbarossa, các tướng lĩnh Đức vẫn chưa hết đánh giá thấp các chỉ huy Soviet, nhất là ở khu vực trung tâm mặt trận. Tướng Heinz Guderian, giống như hầu hết các đồng nghiệp của mình, choáng váng trước việc các chỉ huy Hồng quân sẵn sàng hy sinh quân không do dự. Ông còn ghi lại trong báo cáo rằng họ bị bó buộc ghê gớm bởi “những đòi hỏi chính trị của lãnh đạo nhà nước”, và chịu đựng “nỗi sợ trách nhiệm sâu sắc”. Điều đó cùng với sự phối hợp kém cỏi dẫn đến “các mệnh lệnh để đưa ra các giải pháp cần thiết, nhất là các biện pháp phân công, đều được ban bố quá muộn”. Lực lượng tăng Soviet “được huấn luyện không tốt và thiếu sự thông minh và tính chủ động trong chiến đấu”. Tất cả những điều

đó là có thật, nhưng Guderian và đồng nghiệp của ông lại đánh giá thấp khao khát học hỏi từ những sai lầm của Hồng quân.

Quá trình cải tổ dĩ nhiên không thể dễ dàng và nhanh chóng được Stalin và các quan chức của ông, nhất là các Chính ủy cấp cao, không chịu thừa nhận rằng sự can thiệp chính trị và sự cố chấp đến ám ảnh đã gây ra những thảm họa đó. Chỉ huy các phương diện quân và tập đoàn quân bị trói buộc bởi các chỉ thị quân sự vội vã từ Kremli. Đã thế, hệ thống “chỉ huy kép” để Chính ủy phê chuẩn các mệnh lệnh lại được tái lập vào ngày 16 tháng 7 lại càng khiến tình hình tệ thêm. Một số Chính ủy Hồng quân cố trốn tránh trách nhiệm bằng cách gán cho các chỉ huy tuyến trước và đội ngũ sĩ quan của họ tội phản quốc, phá hoại hay hèn nhát.

Tướng Pavlov, chỉ huy khu vực trung tâm mặt trận và chính là ông tướng đã gào thét trên điện thoại rằng các thủ trưởng bên trên biết rõ hơn chuyện gì đang diễn ra, đã không thoát được dù đã chấp hành nghiêm chỉnh mệnh lệnh. Bị buộc tội phản bội, ông trở thành nạn nhân nổi tiếng nhất bị hành quyết trong đợt thanh trừng thứ hai trong Hồng quân, có thể tưởng tượng được trạng thái tê cứng trong các sở chỉ huy. Một sĩ quan công binh chuyên gia về mìn đến một trung tâm chỉ huy được các tay súng NKVD đi theo hộ tống chỉ vì họ biết đường đã được đón tiếp với thái độ sợ sệt. Một vị tướng cứ lắp bắp không ngớt: “Tôi ở cùng bộ đội, mà tôi đã làm mọi thứ - tôi chả tội tình gì cả”. Mãi đến lúc đó viên sĩ quan công binh mới hiểu ra rằng, nhìn thấy quân hàm màu xanh của những người đi cùng, các sĩ quan tham mưu cứ tưởng anh đến bắt họ.

* * *

Giữa lúc nhốn nháo hoảng hốt đó, công việc chuẩn bị cho cải tổ đã bắt đầu. Chỉ thị của Zhukov từ *Stavka* ngày 15 tháng 7 năm 1941 đưa ra “một số kết luận” về “kinh nghiệm ba tuần chiến tranh chống phát xít Đức”. Luận điểm chính của ông là thông tin liên lạc của Hồng quân quá tệ, các đơn vị quá cồng kềnh chậm chạp rất dễ trở thành mục tiêu không kích. Các tập

đoàn quân lớn với nhiều quân đoàn “khiến chúng khó tổ chức chỉ huy và kiểm soát trong chiến đấu, nhất là chúng ta có quá nhiều sĩ quan trẻ và thiếu kinh nghiệm”. “Vì vậy”, ông viết, “*Stavka* tin rằng cần phải chuẩn bị thay đổi sang hệ thống các tập đoàn quân nhỏ chỉ gồm nhiều nhất năm hoặc sáu sư đoàn”. Bước đi này khi cuối cùng được phổ biến đã cải thiện đáng kể tốc độ phản ứng, chủ yếu là nhờ cắt giảm cấp quân đoàn trong sơ đồ chỉ huy giữa tập đoàn quân và sư đoàn.

Sai lầm lớn nhất của các chỉ huy Đức là đánh giá thấp “Ivan”, cách gọi lính Hồng quân. Họ nhanh chóng nhận ra rằng dù bị vây hay hay lạc đơn vị thì những người lính Soviet vẫn tiếp tục chiến đấu trong khi lính các quân đội phương Tây thì đã ra hàng rồi. Ngay từ buổi sáng đầu tiên của Chiến dịch Barbarossa đã có vô số tấm gương dũng cảm, hy sinh thân mình, mặc dù có lẽ không nhiều bằng những trường hợp hoảng loạn, nhưng phần lớn là do bối rối. Cuộc tử thủ của pháo đài Brest-Litovsk là thí dụ điển hình nhất. Bộ binh Đức đã chiếm được pháo đài sau một tuần chiến đấu ác liệt, thế nhưng một số lính Hồng quân vẫn cầm cự được gần một tháng kể từ trận tấn công đầu tiên mà không cần tiếp viện đạn dược hay lương thực. Một trong những người lính tử thủ đã nguệch ngoạc trên tường: “Tôi sẽ chết nhưng không đầu hàng. Vĩnh biệt Tổ quốc. 20/VII- 41”. Mảnh tường này hiện vẫn được trân trọng lưu giữ trong Bảo tàng trung ương các lực lượng vũ trang tại Moskva. Điều không được nhắc đến là một số chiến sĩ Soviet bị thương bị bắt trong pháo đài đã cố gắng sống sót qua các trại tù Quốc xã cho đến khi được giải phóng năm 1945. Đáng lẽ được đối xử như những anh hùng thì họ lại bị SMERSH tổng thẳng tới trại cải tạo (Gulag), căn cứ vào mệnh lệnh của Stalin rằng bất kỳ ai để rơi vào tay quân thù đều là phản quốc. Stalin thậm chí chối bỏ cả con trai mình là Yakov, bị bắt gần Vitebsk ngày 16 tháng 7.

Đến hè, khi đã đỡ hỗn loạn hơn, sức kháng cự bên phía Nga trở nên ngoan cường hẳn. Tướng Halder hồi đầu tháng 7 còn cảm thấy chiến thắng đã trong tầm tay thì không lâu sau đã không còn dám chắc nữa. Ông viết trong nhật ký: “Khắp mọi nơi quân Nga đánh đến người cuối cùng; chỉ thỉnh thoảng mới đầu hàng”. Guderian cũng công nhận rằng lính bộ binh Nga

“hầu như luôn gan lì trong phòng thủ”. Và ông nói thêm rằng họ tỏ ra giỏi đánh đêm và đánh trong rừng. Hai lợi thế này, nhất là khả năng đánh đêm, sẽ cho thấy chúng quan trọng hơn nhiều những gì người Đức nghĩ.

Các chỉ huy Đức đã tin rằng không một xã hội nào được cai trị nhờ chuyên chế chính trị lại có thể tự bảo vệ được mình trước sức tấn công quyết liệt từ bên ngoài. Sự đón chào nhiệt thành của một thành phần cư dân càng khiến nhiều người Đức tin rằng họ sẽ thắng. Những người Ukraina mộ đạo từng phải chịu cảnh đói kém do những sai lầm trong lịch sử của chế độ Soviet, đã đón chào đoàn xe quân sự vẽ hình thánh giá đen như biểu tượng của một cuộc thánh chiến mới chống lại những kẻ phản Chúa. Nhưng những kế hoạch nô dịch và bóc lột của Hitler chỉ càng làm cho cái “cấu trúc mục ruỗng” thêm vững bằng cách buộc những người thù ghét chế độ Stalin quay lại ủng hộ nó.

Stalin và bộ máy Đảng Cộng sản nhanh chóng nhận ra cần phải thay đổi cách tuyên truyền, bỏ bớt cách nói sáo rỗng trước đây. Cụm từ “Chiến tranh Vệ quốc vĩ đại” xuất hiện trên tít báo *Pravda* (Sự thật) lần đầu kể từ ngày bị xâm lược và chính Stalin ít lâu sau cũng thận trọng nhắc đến “cuộc Chiến tranh Vệ quốc” chống Napoleon ngày xưa. Cũng năm đó, nhân kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, ông liên tục nêu đích danh những anh hùng không phải giai cấp vô sản trong lịch sử Nga: Aleksander Nevsky, Dmitry Donskoy, Suvorov và Mikhail Kutuzov.

Sở dĩ Stalin bảo toàn được uy tín cá nhân là nhờ sự thiếu rõ ràng về chính trị của đại bộ phận dân chúng. Ngoài *nomenklatura* và giới trí thức thân cận với chính quyền, chẳng mấy ai gắn tên ông với việc không chịu thừa nhận mối đe dọa: từ Đức và thảm cảnh cuối tháng 6. Trong bài phát biểu ngày 3 tháng 7, ông gọi dân chúng là “anh chị em” và bảo họ rằng Tổ quốc đang lâm nguy khi quân Đức tiến sâu vào lãnh thổ Liên Xô. Sự thay đổi này đã củng cố tinh thần của đất nước bằng sự thành thật chưa từng có trước đây, bởi vì cho tới nay các thông báo chính thức toàn nói đến những tổn thất nặng nề mà quân ta giáng lên quân thù. Tuy thế đây cũng là một cú sốc lớn cho nhiều người, như các sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Stalingrad đang

chờ đợi đánh dấu đường tiến của Hồng quân vào lãnh thổ Đức bằng những lá cờ gắn vào tấm bản đồ trên tường. Rồi khi “cuộc tấn công choáng váng và không thể hiểu nổi” của quân Đức đã được công nhận rõ ràng thì tấm bản đồ liền được vội vàng cất đi.

Dù có nghĩ thế nào về chủ nghĩa Stalin nhưng có một điều khó mà nghi ngờ, đó là sự chuẩn bị về mặt tư tưởng, qua những phương thức được nhào nặn kỹ càng đã đem lại những luận cứ hiệu quả ghê gớm cho chiến tranh tổng lực. Tất cả những người có lương tri đều coi chủ nghĩa Phát xít là xấu xa và phải bị tiêu diệt bằng mọi cách. Đảng Cộng sản phải giương cao ngọn cờ dẫn đầu cuộc đấu tranh vì chủ nghĩa phát xít quyết chí tiêu diệt nó. Kiểu logic này tiềm ẩn trong cuốn tiểu thuyết *жизнь и судьба* (Cuộc đời và số phận) của Vasily Grossman. “Chủ nghĩa phát xít đáng căm hận tàn hại chúng ta”, Mikhail Mostovskoy, một người Bolshevik lão thành nhưng không ưa chủ nghĩa Stalin nói, “nhưng còn một thử thách nữa, sâu xa hơn nhiều, đó là về sự đúng đắn của nguyên lý Lenin”.

Tuy thế các luận cứ chính trị chỉ là thứ yếu trong đại đa số dân chúng. Sự khích lệ thực sự đến từ chủ nghĩa yêu nước ngấm sâu trong máu. Tấm áp phích “Mẹ Tổ quốc gọi!” thể hiện một phụ nữ Nga cầm lời thề quân đội, phía sau là một rừng lưỡi lê. Không hoa mỹ nhưng nó cực kỳ hiệu quả vào lúc đó. Cần đến rất nhiều hy sinh to lớn. “Mục đích của chúng tôi là bảo vệ một thứ lớn hơn cả vài triệu sinh mạng”, một chỉ huy xe tăng trẻ tuổi viết trong nhật ký đúng một tháng sau ngày Đức xâm lược. “Tôi không nói về sinh mạng của mình. Điều duy nhất cần làm là hy sinh nó để cống hiến ít nhiều cho Tổ quốc”.

Bốn triệu người tình nguyện hoặc thấy cần phải xung phong vào dân quân tự vệ. Sự hy sinh sinh mạng là vô cùng to lớn. Những người lính chưa qua huấn luyện này, nhiều khi còn không có cả vũ khí và nhiều người vẫn mặc quần áo thường dân, được phái đi chặn đánh các đơn vị xe tăng của *Wehrmacht*. Bốn sư đoàn dân quân gần như bị tiêu diệt hoàn toàn trước khi cuộc bao vây Leningrad bắt đầu. Ở nhà, gia đình họ không hề hay biết về sự

thiếu kém và hỗn loạn ngoài mặt trận, họ nghiêng rãng chịu đựng mà không một lời ca thán chính quyền. Niềm căm hận là để dành cho kẻ thù.

Phần lớn những hành động anh hùng mùa hè rất lặng lẽ không ai biết đến, chúng đã chết theo nhân chứng. Tuy thế, một vài câu chuyện về sau vẫn lộ ra, một phần là do lương tâm trỗi dậy trong những con người bình thường vì nhiều công lao của những người dũng cảm không được ghi nhận. Chẳng hạn một bức thư tìm thấy trong thi thể bác sĩ phẫu thuật Maltsev tại Stalingrad bày tỏ nguyện vọng chứng thực tinh thần dũng cảm của một đồng đội trong cuộc rút lui kinh hoàng. “Ngày mai hay ngày kia lại có thêm một trận đánh lớn”, anh viết, “và có thể tôi sẽ chết, nên ước gì tôi có thể đánh mấy dòng này để mọi người đều biết được về chiến công của Lychkin”.

* * *

Những câu chuyện về lòng dũng cảm lúc đó cũng không bù đắp được bao nhiêu. Đến giữa tháng 7, Hồng quân đang rơi vào tình thế tuyệt vọng. Chỉ trong ba tuần đầu tiên chiến đấu, họ đã mất 3.500 xe tăng, hơn 6.000 máy bay và khoảng hai triệu người, trong đó có một tỷ lệ đáng kể đội ngũ sĩ quan.

Tai họa thứ hai là cuộc chiến quanh Smolensk trong nửa sau tháng 7, khi mà có đến mấy tập đoàn quân Soviet bị bao vây. Tuy có ít nhất 5 sư đoàn thoát ra được nhưng đến đầu tháng 8 đã có khoảng 300.000 lính Hồng quân bị bắt. Hơn 3.000 xe tăng và 3.000 khẩu pháo cũng mất. Nhiều sư đoàn Soviet lần lượt bị hy sinh để ngăn không cho các sư đoàn tăng của Thống chế Bock chiếm các nút đường sắt Yelnaya và Roslavl để khép chặt vòng vây một đội quân nữa. Nhưng một vài sử gia lại chứng minh một cách thuyết phục rằng việc này đã cầm chân quân Đức ở thời điểm sống còn với những hệ quả quan trọng về sau.

Ở phía nam, Cụm tập đoàn quân của Thống chế Rundstedt lúc này đã được quân Romania và Hungary hỗ trợ, bắt được 100.000 tù binh từ các sư đoàn bị vây hãm trong miệng túi Uman đầu tháng 8. Cuộc hành quân vào

Ukraina băng qua những thảo nguyên rộng mở trải dài với những cánh đồng hướng dương, đậu, bắp chưa thu hoạch tưởng như bất tận. Tuy nhiên, các lực lượng Soviet lại tập trung xung quanh thủ đô của Ukraina là Kiev. Tư lệnh ở đây cũng là một đồng đội khác của Stalin, nguyên soái Semyon Budyonny cùng với Chính ủy Nikita Khrushchev, người có trách nhiệm chính là sơ tán các khu công nghiệp về phía đông. Tướng Zhukov cảnh báo Stalin rằng Hồng quân phải bỏ Kiev để tránh bị bao vây, nhưng nhà lãnh đạo tối thượng đã từng nói với Churchill rằng Liên Xô không bao giờ bỏ Moskva, Leningrad và Kiev nên lúc này nổi giận đùng đùng, cách luôn chức Tổng Tham mưu trưởng của Zhukov.

Sau khi lực lượng cơ giới của von Rundstedt giải quyết xong Uman, họ tiếp tục vòng ra phía nam Kiev. Cụm Tập đoàn tăng số 1 lúc đó ngoặt lên phía bắc, hợp quân với các sư đoàn của Guderian, người vừa bất ngờ đánh thọc từ mặt trận trung tâm xuống khiến bộ chỉ huy Soviet rối loạn. Nguy cơ bị bao vây đã hiển hiện nhưng Stalin nhất quyết không chịu bỏ Kiev. Ông chỉ chịu đổi ý khi đã quá muộn. Ngày 21 tháng 9 cuộc vây hãm Kiev kết thúc. Đức tuyên bố bắt sống thêm được 665.000 tù binh. Hitler gọi đây là “cuộc chiến vĩ đại nhất trong lịch sử thế giới”. Trái lại, Tổng Tham mưu trưởng Halder lại gọi đó là sai lầm chiến lược lớn nhất trong chiến dịch phía đông. Giống như Guderian, ông cảm thấy nên dồn toàn bộ sức mạnh vào Moskva mới đúng.

Quân xâm lược cứ thẳng tiến, vượt qua hết phòng tuyến này đến phòng tuyến khác, trong lòng lẫn lộn những suy tư và cảm xúc khi ngắm nhìn với chút bán tín bán nghi, vừa coi thường vừa sợ hãi kẻ thù cộng sản, những người luôn đánh đến cùng. Hàng đồng xác chết dường như càng thêm vô nhân hóa khi cháy nham nhở, áo quần rách tươm vì sức ép đạn pháo. “Nhìn kỹ các xác chết thì thấy nào người Tartar, nào người Nga”, một phóng viên đi theo quân Đức vào Ukraina viết”. Đó toàn là xác mới, mới tinh. Vừa mới được đưa từ đại công trường của *Pyatyletka* (kế hoạch 5 năm) đến đây. Tất cả đều giống nhau. Sản xuất hàng loạt. Họ là điển hình của một chủng tộc mới, một chủng tộc răn rỏi, những thi thể của các công nhân bị thiệt mạng trong một tai nạn công nghiệp”. Tuy nhiên, dù hình tượng nghe có vẻ thuyết

phục nhưng sẽ là sai lầm nếu coi những thân thể trước mặt chỉ đơn giản là các robot cộng sản hiện đại. Đó là thân xác của những đàn ông và đàn bà mà trong hầu hết trường hợp đã đáp lại tình cảm yêu nước bằng cả tinh thần và máu thịt.

4

SỰ NGÔNG CUỒNG CỦA HITLER: MOSKVA - TRẬN ĐÁNH BỊ TRÌ HOÃN

“Không gian mênh mông của nước Nga nuốt chửng bọn anh”, Thống chế Rundstedt viết về cho vợ ngay sau khi các quân đoàn của ông bao vây thành công Uman. Tâm trạng của các chỉ huy Đức bắt đầu chao đảo giữa tự hào và lo lắng. Họ vừa mới chinh phục được một lãnh thổ rộng mênh mông tưởng không có giới hạn. Hồng quân đã mất hơn hai triệu người, thế mà vẫn còn nhiều triệu nữa đến tiếp. “Lúc bắt đầu chiến tranh”, Tướng Halder viết trong nhật ký của mình ngày 11 tháng 8, “ta ước tính địch có khoảng 200 sư đoàn. Đến giờ đã đếm được 360 rồi”. Cánh cửa đã bị đập tung nhưng cấu trúc vẫn không chịu sụp cho.

Đến giữa tháng 7, *Wehrmacht* đã mất động năng ban đầu. Đơn giản là nó không đủ mạnh để tấn công cùng một lúc trên ba hướng khác nhau. Thương vong cũng cao hơn dự kiến - đến cuối tháng 8 là hơn 400.000 - và xe cộ cũng hao mòn hỏng hóc nhiều hơn. Động cơ bị kẹt do bụi đường trộn lẫn dầu mỡ, hỏng thường xuyên, đã thế phụ tùng thay thế lại thiếu. Liên lạc kém cũng góp một phần. Đường sắt do hơi bị rộng nên phải kê lại và thay vì các xa lộ như được đánh dấu trên bản đồ thì quân Đức chỉ thấy toàn đường đất, hễ có một trận mưa rào ngăn là liền biến ngay thành bùn lầy nhớp nháp. Tại nhiều đoạn lầy lội, lính Đức phải làm cho mình những con đường “sạn đạo” bằng cách xếp gỗ bạch dương lên hết mặt đường. Càng tiến sâu vào nước Nga, càng khó mang theo quân nhu tiếp tế. Các đoàn xe tăng đi trước thường phải dừng lại vì thiếu nhiên liệu.

Các sư đoàn bộ binh, thành phần cốt lõi của đội quân, phải hành quân “tới 60 km một ngày” (nhưng thường chỉ được 30 km), đôi ủng dưới chân họ

nóng hầm hập dưới nắng hè. Các anh chàng *landser*, tức lính bộ binh Đức, mỗi người phải mang khoảng 25 kg vật dụng, gồm mũ sắt, súng trường, đạn dược và dụng cụ đào chiến hào. Trong tấm tăng và ba lô da còn chứa đồ hộp, bi đông, một bếp lò Esbit dã chiến, một bộ dao đĩa nhôm, hộp đồ lau súng, quần áo thay đổi, chốt dựng lều cùng các cọc lều, túi cứu thương, đồ may vá, dao cạo, xà phòng và cả bao cao su Vulkan Sanex, mặc dù quan hệ xác thịt với dân cư đúng ra là bị cấm.

Lính bộ binh mang linh kinh đủ thứ mà bước nên mệt nhoài, đến nỗi nhiều người vừa đi vừa ngủ. Ngay cả lính tăng cũng kiệt sức. Sau khi bảo dưỡng xe - bảo dưỡng xích là nặng nhọc nhất - và lau súng, họ rửa vôi trong cái xô bọt, cố gắng vô vọng cọ sạch đất bụi và dầu mỡ trên tay. Mắt họ sưng mọng vì mệt nhọc, sau đó họ cạo râu nhờ một cái gương gắn tạm trên giá súng máy. Lính bộ binh thích gọi họ là *die Schwarze* (cục nhọ) vì họ đen từ đầu đến chân. Các phóng viên chiến tranh thường mô tả họ là “ky sĩ của chiến tranh hiện đại”, song những chiếc xe nghẹn bụi của họ thì cứ đều đặn hồng suốt.

* * *

Tâm trạng thất vọng khơi dậy những cãi cọ giữa các chỉ huy. Phần lớn - Tướng Guderian hay nói ra miệng nhất - đều bất mãn với quyết định chuyển hướng của Hitler. Moskva không chỉ là thủ đô của Liên Xô, họ lập luận, nó còn là trung tâm lưu thông và công nghiệp quốc phòng lớn. Một cuộc tấn công vào đó sẽ đẩy các quân đoàn Soviet còn sống sót đến diệt vong. Thế nhưng quốc trưởng đã buộc các tướng của mình vào nề nếp bằng cách khai thác mỗi hiềm khích và bất đồng của họ. Ông bảo rằng họ chả biết gì về kinh tế cả. Leningrad và Biển Baltic cần phải chiếm giữ để bảo vệ tuyến giao thương trọng yếu với Thụy Điển, trong khi nông nghiệp của Ukraina có ý nghĩa hết sức quan trọng với nước Đức. Và lại linh cảm của ông mách bảo cần phải tránh con đường đến Moskva một phần là do sự kiêng kỵ mê tín tránh giẫm lên vết xe đổ của Napoleon.

Cụm tập đoàn quân Trung tâm sau khi chiếm Smolensk và vây hãm quân Soviet trong đó vào cuối tháng 7 đã được lệnh dừng lại. Hitler điều phần lớn các đơn vị tăng của Hoth lên phía bắc hỗ trợ tấn công Leningrad, trong khi “Tập đoàn tăng Guderian” (đặt ra những tên hiệu mới là kiểu lấy lòng quen thuộc của Hitler đối với một viên tướng cứng đầu nhưng cần dùng) phải ngoặt xuống hướng nam để tạo ra gọng kìm phía trên của vòng vây Kiev.

Đầu tháng 9 Hitler lại nghĩ lại, đồng ý mở Chiến dịch Cuồng phong (Typhoon), tiến đánh Moskva. Lại mất thêm thời gian vì các sư đoàn tăng của Hoth vẫn còn bận bịu ở ngoại vi Leningrad. Các lực lượng tham gia Chiến dịch Cuồng phong mãi đến cuối tháng 9 mới sẵn sàng. Moskva còn cách nơi Cụm Tập đoàn quân Trung tâm đang dừng lại chừng 350 km mà chỉ còn có ít thời gian trước mùa thu lầy lội và mùa đông lạnh giá. Khi trước đó, Tướng Paulus, người chủ chốt lập kế hoạch Barbarossa của Halder, nêu ra vấn đề tác chiến mùa đông thì Hitler đã cấm nhắc đến nó.

Tại *Wolfsschanze*, Hitler thường nhìn chăm chăm lên tấm bản đồ chiến dịch vào những khu vực rộng lớn có đánh dấu do quân của ông kiểm soát. Với một người nhìn xa trông rộng nắm trong tay quyền lực tối thượng của một quốc gia có đạo quân thiện chiến nhất thế giới thì hình ảnh này tạo ra cảm giác bất khả chiến bại. Nhà chiến lược ghề bành này chưa bao giờ có được phẩm chất của một vị tướng đích thực vì ông coi thường những vấn đề thực tế. Trong các chiến dịch chớp nhoáng ở Ba Lan, Scandinavia, Pháp và vùng Balkans, công tác hậu cần đôi khi cũng gặp khó khăn nhưng chưa bao giờ quá khó. Nhưng ở Nga thì việc cung ứng cũng là nhân tố quyết định chẳng kém gì hỏa lực, nhân lực, cơ động và tinh thần. Thái độ vô trách nhiệm thâm căn cố đế của Hitler - một kiểu thách thức số phận rất đáng quan tâm về mặt tâm lý - đã tiến hành một cuộc xâm lược tham vọng nhất trong lịch sử trong khi không chịu đẩy mạnh nền kinh tế và công nghiệp Đức ra sức phục vụ chiến tranh. Nhìn lại, rõ ràng đó là hành động của một tay cờ bạc máu me, một mực cố đặt cửa thật cao. Hậu quả khủng khiếp cho hàng triệu người xem ra chỉ càng làm gia tăng chứng hoang tưởng của ông mà thôi.

Thống chế Bock nắm trong tay một triệu rưỡi quân nhưng các sư đoàn tăng của ông đã suy yếu vì thiếu bổ sung và phụ tùng. Khi nhóm họp các chỉ huy của mình ngay trước ngày tấn công, ông đề ra ngày 7 tháng 11 (ngày kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười) là hạn chót để bao vây xong thủ đô Liên Xô. Ông thống chế đầy tham vọng thềm được biết đến như người chinh phục Moskva.

Trong khi đó thì *Stavka* đã chờ Đức tấn công Moskva ngay từ lúc Cụm Tập đoàn quân Trung tâm dừng lại vào giữa tháng 8. Stalin đã giao cho Tướng Andrey Yeremenko thành lập Phương diện quân Bryansk, còn hai phương diện quân Tây và Dự bị thì chuẩn bị bảo vệ thủ đô. Nhưng dù đã có chuẩn bị, lực lượng của Yeremenko vẫn bị bất ngờ. Rạng sáng 30 tháng 9, sư đoàn thiết giáp *Schwerpunkte*^[23] của Guderian từ trong màn sương thu mù mịt đột kích vào cánh phía nam của Yeremenko. Lát sau, mặt trời lên xua tan sương, mở ra một ngày quang đãng ảm áp, rất lý tưởng để tấn công. Quân Đức không e ngại gì trên không. Vào thời điểm đó lực lượng không quân bên phần châu Âu của Hồng quân chỉ còn sót lại chưa đến 5%.

Trong mấy ngày đầu tháng 10, cuộc tấn công của quân Đức diễn ra suôn sẻ, với các quân đoàn tăng và Không đoàn số 2 của Thống chế Albert Kesselring phối hợp tác chiến. Yeremenko xin phép *Stavka* cho rút quân nhưng không được. Vào ngày 3 tháng 10, các đơn vị mũi nhọn của Guderian bên cánh phải tiến đến thành phố Orel, phía sau phòng tuyến Yeremenko hơn 200 km. Cú ra đòn bất ngờ đã hoàn tất. Khi các xe tăng dẫn đầu nghiền xích trên các đường phố chính, ngang qua những chiếc tàu điện, người đi đường còn vỗ tay, cứ tưởng đó là quân ta. Hồng quân thậm chí còn không có thời gian để chuẩn bị cho nổ các nhà máy vũ khí quan trọng. Vào chiều ngày 6 tháng 10, Yeremenko và Ban Tham mưu của mình đã thoát ra trong đường tơ kẽ tóc trước khi xe tăng Đức ập tới. Thông tin liên lạc mất hết. Trong cảnh hoảng loạn mấy ngày sau, nguyên soái Budyonny, người dự kiến

sẽ chỉ huy Phương diện quân Dự bị, còn mất cả sở chỉ huy, và Yeremenko do bị thương nặng ở chân, đã phải dùng máy bay mà chuyển đi.

Các lãnh đạo Soviet ở Kremli mới đầu còn chưa nhận thức được tầm mức của mối đe dọa. Ngày 5 tháng 10, một phi công chiến đấu báo cáo có một đoàn xe tăng Đức dài đến gần 20 km đang tiến rất nhanh trên đường tới Yukhnov, chỉ cách Moskva hơn 150 km. Ngay cả khi một phi công khác được cử đi xác minh và khẳng định báo cáo này, *Stavka* vẫn không chịu tin. Một phi công thứ ba được phái đi và cũng lại khẳng định là đúng. Đến nước ấy rồi mà Beria vẫn nhắm nhe đôi mắt chỉ huy của họ vì can tội “gieo rắc hoang mang”, nhưng cuối cùng vụ việc này cũng đã lay chuyển được điện Kremli.

Stalin lập tức triệu tập Ủy ban Quốc phòng Nhà nước họp khẩn. Ông cũng lệnh cho Tướng Zhukov, người đã năng nổ củng cố việc phòng vệ Leningrad, phải lập tức bay về ngay. Sau khi Zhukov đã tận mắt chứng kiến tình trạng hỗn loạn, Stalin lệnh cho ông thu thập tàn quân lập ra một phương diện quân phía tây mới. Mọi đơn vị còn dùng được đều bị ném ra để giữ phòng tuyến chờ cho lực lượng dự bị của *Stavka* triển khai xong. Vì Moskva đang đứng trước hiểm họa, hơn 100.000 đàn ông đã được gọi vào dân quân và một phần tư triệu người nữa, chủ yếu là phụ nữ, kéo nhau ra đào hào chống tăng.

Đêm 6 tháng 10 có tuyết đầu mùa rơi rồi tan ngay, biến đường sá thành các bãi lầy trong vòng 24 giờ. Các quân đoàn tăng của Bock vẫn xoay sở vây được hai nhóm quân lớn, một ở gần Bryansk và một ở quanh Vyazma trên trục đường trung tâm đến Moskva. Quân Đức tuyên bố đã chia cắt được 665.000 lính Hồng quân, phá hủy và thu được 1.242 xe tăng - còn nhiều hơn cả số xe tăng trong ba quân đoàn của von Bock.

“Ông hẳn phải thỏa lòng lắm khi thấy kế hoạch mình lập ra suôn sẻ đến thế!” Thống chế Reichenau viết cho Tướng Paulus, Tham mưu trưởng cũ của mình, người ít lâu nữa sẽ thay ông chỉ huy Tập đoàn quân số 6. Nhưng các toán lính Nga, dù bị vây trong miệng túi không được tiếp tế vẫn tiếp tục chiến đấu gần như cả tháng trời. “Phải chặt vật đánh hết chốt này đến chốt

khác” Paulus nghe được từ các chỉ huy sư đoàn. “Luôn phải dùng tới cả súng phun lửa vẫn không đánh bật được chúng, rồi chúng tôi đành phải cho nổ tung mọi thứ mới xong”.

Một vài sư đoàn xe tăng Đức còn dùng phải các thứ vũ khí mới lạ tự tạo trong lúc đánh nhau. Họ bắt gặp những con chó Nga chạy về phía mình, trên lưng đeo một cái yên ngựa nghĩnh với một cái gói gắn một que ngấn dừng đứng. Thoạt đầu lính tăng tưởng đó là chó cứu thương, nhưng rồi họ nhận ra con vật mang thuốc nổ hoặc mìn chống tăng. Những quả “mìn-chó” này được huấn luyện theo nguyên lý Pavlov, được dạy chạy bên dưới những chiếc xe lớn tìm thức ăn. Cái que đụng vào gầm xe sẽ kích nổ khối bộc phá. Hầu hết số chó này bị bắn hạ ngay trước khi đến được mục tiêu, nhưng chiến thuật kinh khủng này cũng vô cùng đáng sợ.

Tuy nhiên chẳng bao lâu sau thời tiết thay đổi nhanh chóng mới là trở ngại lớn nhất cho quân Đức. Đây đúng vào cỡ mưa và bùn, gọi là *rasputitsa*, thường là vào nửa đầu tháng 10. Xe tải chở bữa ăn thường không qua nổi nên những chiếc xe kéo một ngựa của nhà nông, thường gọi là xe *panie* (*panie* là tiếng lóng trong quân đội Đức dùng để chỉ nông dân Ba Lan và Nga) được trưng dụng từ các nông trại trong vòng cả mấy trăm kilomet quanh đó. Ở những nơi không có sẵn cây bạch dương để làm đường “sạn đạo”, xác người Nga được dùng thay cho ván. Đám *landser* thường mất ủng do bị lún xuống bùn đến đầu gối. Lính mô tô thì chỉ có nước tự lôi xe qua mà thôi. Các chỉ huy vốn có sẵn “nước sông công lính” để đẩy xe chỉ huy qua đoạn lầy thì thắc mắc ai lại đi đánh nhau trong điều kiện thế này. Thế nhưng hầu hết đều khiếp sợ cái giá lạnh đang sầm sập đến. Ai cũng đếm từng ngày.

Các đội hình tiến quân của Đức cố gắng hết sức để tiến lên. Ở trung tâm, vào ngày 14 tháng 10 Sư đoàn tăng số 10 và Sư đoàn tăng SS *Das Reich* (Đế chế) đã đến được chiến trường Borodino thời Napoleon, một vùng quê rộng lớn với những cánh rừng và những cánh đồng màu mỡ. Chỗ này chỉ còn cách rìa phía tây của Moskva hơn 100 km. Cũng ngày hôm đó, cách thủ đô 160 km về phía tây bắc, Sư đoàn tăng số 1 đã chiếm được Kalinin^[24] với

những cây cầu bắc qua sông Volga và cắt ngang tuyến đường sắt Moskva-Leningrad. Trong lúc đó ở cánh nam, xe tăng của Guderian cũng vượt qua Tula uy hiếp thủ đô Liên Xô từ bên dưới.

Bước tiến của cuộc tấn công ba mũi vào Moskva khiến lãnh đạo Soviet lo lắng. Trong đêm 15 tháng 10, các sứ quán nước ngoài được thông báo chuẩn bị rời đến Kuybyshev^[25] trên sông Volga. Beria cũng bắt đầu sơ tán trụ sở của mình. Các nhân viên thẩm vấn NKVD đưa cả các tù nhân quan trọng của mình theo. Trong số đó có cả các sĩ quan cao cấp. Tuy nhiên đến cuối tháng Stalin bảo người đứng đầu NKVD cho dừng cái mà chính Beria gọi là “máy bơm” lại. Lãnh tụ tối cao Soviet cũng muốn bắn bỏ bọn “bàn lùi và hèn nhát” đó lắm, nhưng lúc này ông đã phát mệt với những âm mưu tưởng tượng của Beria, gọi đó là “rác rưởi”.

Stalin yêu cầu báo cáo chi tiết từ chiến trường, nhưng hễ ai dám nói thật với ông thì lại có thể bị quy là gieo rắc hoang mang. Ông nhận thấy khó mà giấu nỗi lo trong lòng. Ông lo Leningrad sẽ thất thủ nên điều ông cân nhắc trước tiên là làm cách nào tốt nhất để rút quân ở đó về cứu Moskva.

Có một tiến triển đáng khích lệ vào lúc đó. Các sư đoàn Hồng quân từ biên giới Mãn Châu đã sẵn sàng triển khai trong vùng Moskva. Hai trong số các trung đoàn bộ binh Sibir đầu tiên đã thực sự đọ súng với sư đoàn SS *Das Reich* tại Borodino vài ngày trước, nhưng phải mất thêm vài tuần để chuyển hết đại quân tăng viện theo tuyến đường sắt xuyên Sibir. Điệp viên sừng sỏ của Liên Xô tại Tokyo Richard Sorge đã tìm hiểu được rằng người Nhật đang lên kế hoạch đánh xuống phía nam vào vùng Thái Bình Dương đối đầu với Mỹ chứ không phải vùng Viễn Đông của Liên Xô. Stalin không hoàn toàn tin tưởng Sorge, nhưng lần này thông tin của anh ta đã được xác nhận qua kiểm tra chéo.

Vào sáng 16 tháng 10, Aleksey Kosygin, phó chủ tịch Sovnarkom, tức Hội đồng dân ủy, bước vào tòa nhà và thấy nó trống không. Giấy tờ vương vãi, cửa nẻo toang hoang và điện thoại thì reo trong các phòng làm việc trống trơn. Nghĩ rằng người gọi muốn kiểm tra liệu lãnh đạo đã rời Moskva chưa nên ông vội chạy đến từng bàn để cố trả lời. Nhưng kể cả khi ông bốc

máy kịp thời thì đầu dây bên kia vẫn im lìm. Chỉ duy nhất một quan chức quan trọng dám xưng danh. Ông bèn hỏi thẳng liệu Moskva có thất thủ không.

Tại cuộc họp bất thường do Stalin triệu tập tại Kremli ngày 17 tháng 10 với Molotov, Malenkov, Beria và Aleksandr Shcherbakov, thủ trưởng mới của Tổng Cục Chính trị Hồng quân, kế hoạch đặt mìn các nhà máy, cầu cống, đường sắt, đường bộ và thậm chí cả biểu tượng của thời đại Stalin là hệ thống tàu điện ngầm Moskva được đem ra bàn bạc. Không có thông báo công khai nào về việc di tản các bộ ngành còn lại đến Kuybyshev được đưa ra, song tin đồn đã lan ra, với một tốc độ nhanh đến khó tin nếu tính đến các hình phạt dành cho những lời lẽ chủ hòa. Tin đồn rằng Stalin đã bị bắt trong một vụ đảo chính trong Kremli, rằng lính dù Đức đã đổ bộ xuống Quảng trường Đỏ và các cánh quân khác đóng giả Hồng quân đã len lỏi vào thành phố. Nỗi sợ hãi thủ đô sẽ bị bỏ rơi vào tay kẻ thù kích động hàng ngàn người cố gắng thoát ra, xông lên các đoàn tàu ở ga. Tranh cướp lương thực, trộm cắp, say xỉn đã từng khiến bao nhiêu cái đầu hoảng loạn vào năm 1812, dẫn đến vụ đốt Moskva hồi đó.

Stalin đã tính đến chuyện rời đi nhưng sau lại thôi. Chính Shcherbakov, “với bộ mặt bình thản như không của Đức Phật, với cặp kính gọng sừng dày cộp nằm chêm chệ trên cái mũi hếch nhỏ nhắn”, mặc “một bộ quân phục ka ki với chỉ có duy nhất một món trang sức - tấm huân chương Lenin”, là người đọc quyết định ở lại của Stalin trên đài phát thanh Moskva.

Tình trạng bị bao vây được công bố vào ngày 19 tháng 10. Beria đưa mấy trung đoàn NKVD vào thành phố để lập lại trật tự. “Những kẻ gieo rắc hoảng loạn” bị xử bắn cùng bọn trộm cướp, thậm chí cả bọn say xỉn. Trong tâm trí người dân, chỉ có một cách để thử xem thành phố được bảo vệ hay bị bỏ rơi: “Liệu có điều binh trên Quảng trường Đỏ không?” Người dân Moskva xem ra đã tự mình đưa ra câu trả lời hơn là chờ lãnh đạo nói ra. Giống như cuộc phòng thủ Madrid cách đây đúng 5 năm, tâm trạng dân chúng đột nhiên quay ngoắt từ đồng loạt hoảng loạn sang đồng lòng tử thủ.

Với bản năng nhạy bén khác thường, Stalin liền nhận ra tầm quan trọng biểu tượng của cuộc duyệt binh trên Quảng trường Đỏ, ngay cả dù thi hài Lenin đã được chuyển đến nơi an toàn. Mới đầu Molotov và Beria cho ý tưởng đó thật điên rồ khi mà máy bay Đức có thể dễ dàng tấn công từ xa, nhưng Stalin bảo họ tập trung hết các khẩu đội phòng không còn hoạt động lại xung quanh thủ đô. Nhà đạo diễn tài ba đã tính mượn tác động đầy kịch tính từ trận vây hãm Madrid, khi vào ngày 9 tháng 11 năm 1936, lữ đoàn quốc tế đầu tiên của những người tình nguyện nước ngoài đã đi qua Gran Via trong tiếng reo hò hào hứng cực độ nhưng lầm lẫn của công chúng “*Vivan los rusos!*” (Người Nga muôn năm) Sau đó họ đã hành tiến qua thành phố đến đối mặt với quân đoàn châu Phi của Franco ở ngoại vi phía tây. Tại Moskva, Stalin quyết định đội quân tiếp viện cho Zhukov sẽ đi qua Quảng trường Đỏ, ngang qua kỳ đài trên lăng Lenin rồi tiến thẳng ra đối đầu với quân xâm lược. Ông biết rõ giá trị mà những thước phim tài liệu về sự kiện này có được khi nó được truyền đi khắp thế giới. Ông còn biết cách đáp lại đích đáng những lời nói của Hitler. “Nếu họ muốn chiến tranh hủy diệt”, ông gằn giọng trong hôm trước ngày duyệt binh, “họ sẽ có chiến tranh hủy diệt!”

* * *

Đến lúc này quân Đức đã bị thời tiết cản trở gay gắt. Tầm nhìn kém đã ngăn cản các “pháo đội bay” của không quân Đức. Các quân đoàn của Thống chế Bock đã buộc phải dừng bước vào cuối tháng 10 vì thiếu hậu cần và chờ tăng viện, bứt rứt muốn giải quyết xong địch thủ trước khi mùa đông thực sự đến.

Trận chiến vào nửa sau tháng 11 rất ác liệt. Các trung đoàn hai bên quân số đều giảm xuống chỉ còn một phần so với trước. Guderian thấy mình bị chặn lại trước sự kháng cự quyết liệt ở Tula, phía nam Moskva, bèn vòng sang phải. Bên cánh trái, các xe tăng của Hoth vượt qua kênh Moskva-Volga. Từ một điểm ở phía bắc Moskva, quân Đức đã có thể nhìn thấy qua

ống nhòm những nòng súng lấp lóa của các khẩu đội phòng không quanh Kremli. Zhukov đã lệnh cho Rokossovsky giữ phòng tuyến ở Kryukovo bằng tàn quân của quân đoàn 16. “Không được lùi thêm nữa”, ông ra lệnh vào ngày 25 tháng 11. Rokossovsky hiểu rõ ông có ý gì khi nói vậy.

Sức kháng cự của quân Nga quyết liệt đã làm cho quân Đức suy yếu phải từ từ dừng lại. Đến cuối tháng 11, trong cố gắng đột phá cuối cùng, Thống chế Hans Gunther von Kluge đã phái một lực lượng lớn tiến thẳng lên quốc lộ Minsk, trực đường chính đi Moskva, con đường mà đoàn quân của Napoleon đã đi qua. Họ đã đột phá thành công nhưng đã bị giá lạnh và sự phòng thủ quyết tử của các trung đoàn Soviet chặn đứng.

Guderian và Kluge theo chủ ý riêng, bắt đầu rút các trung đoàn đã tiến lên quá xa về. Guderian quyết định đóng lại trong ngôi nhà của Tolstoy ở Yasnaya Polyana, bên ngoài, ngôi mộ của đại văn hào phủ trắng tuyết. Họ bắn khoả không biết sẽ có chuyện gì xảy ra suốt dọc mặt trận trung tâm. Những điểm ăn vào sâu nhất cả hai phía của Moskva đều nguy hiểm, nhưng sự liều lĩnh và quân số thiếu hụt của đối phương khiến họ tin rằng địch cũng đang đánh cố chết. Họ đâu có biết lãnh đạo Soviet đã bí mật tập trung quân mới phía sau Moskva.

* * *

Mùa đông đã đến với tất cả sức mạnh, với tuyết, gió lạnh buốt và nhiệt độ hạ xuống dưới âm 20°C. Động cơ xe tăng Đức đông cứng. Trên tuyến trước, lính bộ binh kiệt sức phải đào hầm vừa để tránh rét, vừa để tránh đạn pháo. Mặt đất bắt đầu rắn lại nên họ phải đốt những đống lửa thật lớn trước đã rồi mới đào được. Sĩ quan trong các sở chỉ huy và ở tuyến sau chiếm luôn các nhà dân, đuổi gia chủ ra ngoài.

Việc Hitler không chịu tính đến một chiến dịch mùa đông khiến cho lính của ông giờ đây chịu khổ ghê gớm. “Nhiều người đi lại với đôi chân bọc trong giấy báo, găng tay thì rất hiếm”, một chỉ huy quân đoàn tăng viết cho Tướng Paulus. Ngoài cái mũ sắt trông như chậu than ra, nhiều lính Đức nhìn

không ra là lính *Wehrmacht* nữa. Những đôi ủng bó sát, đế bọc thép của họ càng đẩy nhanh quá trình tê cóng nên họ đành lấy trộm quần áo giày ủng của tù binh hoặc của dân.

Chiến dịch Cuồng phong có thể đã gây cho Hồng quân nhiều tổn thất, nhưng đổi lại, tổn thất của *Wehrmacht* về binh lính và sĩ quan được huấn luyện kỹ thì không thể bù đắp được. “Đây không còn là sư đoàn ngày trước”, cha tuyên úy Sư đoàn tăng số 18 viết trong nhật ký. “Nhìn quanh toàn những bộ mặt mới. Khi hỏi thăm về ai đó thì câu trả lời luôn là: đã chết hoặc bị thương”.

* * *

Thống chế von Bock đã buộc phải thừa nhận vào đầu tháng 12 rằng chẳng còn hy vọng gì vào “thành công chiến lược” nữa. Các quân đoàn của ông đã kiệt quệ và các ca hoại tử vì tê cóng - đến Giáng sinh đã lên tới 100.000 - đã nhanh chóng vượt qua con số bị thương. Nhưng mọi hy vọng rằng Hồng quân cũng không đủ sức tấn công bằng tiêu tan, giống như nhiệt độ tụt xuống tới âm 25°C.

Các sư đoàn Sibir, trong đó có nhiều tiểu đoàn trượt tuyết, chỉ là một phần của lực lượng phản công được bí mật chuẩn bị theo lệnh của *Stavka*. Các máy bay và các phi đội mới từ Viễn Đông chuyển về đã tập trung tại các sân bay phía đông Moskva. Khoảng 1.700 xe tăng, chủ yếu là loại T-34 cơ động nhanh có xích rộng khác thường, chạy trên băng tuyết tốt hơn hẳn xe tăng Đức, cũng đã sẵn sàng triển khai. Phần lớn lính Hồng quân, nhưng không phải tất cả, được trang bị để tác chiến mùa đông với áo bông và quần áo trắng ngụy trang. Đầu họ được giữ ấm bằng *ushanka*, loại mũ lông, có hai miếng che tai, còn dưới chân là đôi *valenki* (ủng dạ). Họ còn có cả miếng che các bộ phận hoạt động của súng và loại dầu đặc biệt chống đông.

Ngày 5 tháng 12, Phương diện quân Kalinin của Tướng Ivan Koniev tấn công vào rìa sườn phía bắc của quân Đức. Hàng loạt rocket *Katyusha* bắn từ các ống phóng xếp chồng mà lính Đức đặt cho biệt danh là “Đàn Organ

Stalin”, gầm rú thay cho hiệu lệnh tấn công. Sáng hôm sau Zhukov tung thêm Tập đoàn quân xung kích số 1, Tập đoàn quân số 16 của Rokossovsky và hai tập đoàn quân khác đánh vào bên trong sườn này. Về phía nam Moskva, các cánh của Guderian cũng bị tấn công từ nhiều hướng. Chỉ trong vòng ba ngày, các tuyến liên lạc của ông đã bị uy hiếp nghiêm trọng, ở trung tâm, các cuộc tấn công liên tiếp đã ngăn không cho Thống chế Kluge điều quân từ Tập đoàn quân số 4 của ông đến hỗ trợ các cánh bị uy hiếp.

Lần đầu tiên Hồng quân có được ưu thế trên không. Các trung đoàn không quân được đưa đến các sân bay phía sau Moskva, được bảo vệ chống bằng giá, trong khi máy bay của Luftwaffe hoạt động từ các đường băng dã chiến, cứ phải đốt lửa dưới từng động cơ để làm tan băng. Người Nga được tận hưởng niềm vui đôi vụn. Họ biết việc rút lui sẽ khủng khiếp thế nào đối với những người lính Đức ăn mặc phong phanh phải chống chọi với bão tuyết và những cánh đồng tuyết cồng.

Các cuộc phản công được giúp thêm rất nhiều nhờ những cú đột kích vào tuyến sau của Đức gây hoảng sợ và rối loạn. Các phân đội du kích do các sĩ quan biên phòng của NKVD tổ chức được tung vào sau lưng quân thù, tấn công từ đầm lầy đóng băng và rừng cây bụi cỏ. Các tiểu đoàn Sibir chuyên tác chiến mùa đông từ Tập đoàn quân xung kích số 1 xuất hiện bất thần từ màn sương mù êm ru, chỉ có tiếng bàn trượt xiết xuống mặt tuyết mà thôi. Các sư đoàn kỵ binh Hồng quân cũng đột kích sâu vào tuyến sau trên mình những con ngựa Cossack nhỏ bé nhưng dẻo dai. Các phân đội hoặc cả trung đoàn bất ngờ xuất hiện 20-30 km phía sau chiến tuyến, phá tan các khẩu đội pháo hoặc các kho quân nhu, kiểm soát trần vung lên cùng tiếng thét xung trận kinh hồn táng đờm.

Kế hoạch bao vây của Hồng quân chẳng mấy chốc đã thấy rõ. Trong 10 ngày, các quân đoàn của von Bock buộc phải kéo mọi thứ rút lui đến hàng trăm kilomet. Moskva đã tạm yên. Quân Đức được trang bị kém cho tác chiến mùa đông giờ đây đành phải trần thân giữa trời mà chịu rét.

Các sự kiện diễn ra ở nơi khác cũng quan trọng. Ngày 7 tháng 12, một ngày sau cuộc phản công chính bắt đầu, người Nhật đã tấn công Trân Châu

Cảng. Bốn ngày sau, Hitler phát biểu chào mừng Quốc hội Đức nhóm họp tại Berlin Kroll Opera, rằng ông đã tuyên chiến với Hoa Kỳ.

Trong tuần thứ hai của tháng 12, Stalin hết sức hả hê tin rằng quân Đức đã đến lúc tan rã. Các báo cáo về quân Đức rút lui với cảnh những khẩu pháo bị vứt bỏ, xác ngựa và xác lính đông cứng vùi trong tuyết gợi nhớ đến một năm 1812 khác. Ở tuyến sau quân Đức cũng đã có những dấu hiệu hoảng loạn. Xe của các đoàn hậu cần vốn thường trở nên vô dụng do điều kiện thời tiết tệ hại giờ lại bị tấn công bất ngờ ở sâu trong hậu tuyến. Nỗi khiếp sợ bản năng về nước Nga man rợ trở dậy trong lòng. Họ cảm thấy quê nhà sao quá xa xôi.

Bị ám ảnh bởi cơ hội này, Stalin cũng rơi vào sai lầm giống như Hitler là chỉ tin vào sức mạnh của ý chí mà không tính đến thực tế đảm bảo hậu cần, khó khăn trong vận chuyển và quân lính đã kiệt sức. Tham vọng của ông không biết đến giới hạn khi nhìn lên tấm “bản đồ hạ quyết tâm” của *Stavka*. Ông yêu cầu phản công cấp tập hơn nữa vào Cụm Tập đoàn quân Trung tâm. Ngày 5 tháng 1 năm 1942, kế hoạch tổng tấn công của Stalin đã được đưa ra trình bày trong cuộc họp chung cả *Stavka* và Ủy ban Quốc phòng Nhà nước. Ông muốn mở cuộc tấn công chính lên hướng bắc phá tan vòng vây Leningrad, một mũi xuống phía nam - đến tận phần lãnh thổ đã mất ở Ukraina và Krym. Ý tưởng này được nguyên soái Semyon Timoshenko nhiệt liệt ủng hộ. Zhukov và những người cố can ngăn đều bị gạt phắt.

Hitler cũng đang ngập đầu trong những suy tư về năm 1812 nên đã ra một loạt mệnh lệnh cấm rút lui. Ông tin rằng nếu có thể trụ lại qua mùa đông thì họ có thể giải được lời nguyền lịch sử về chuyện xâm lược nước Nga.

Sự can thiệp của Hitler từ lâu đã là đề tài bàn cãi. Có người cho rằng quyết định của ông đã cứu quân đội Đức khỏi bị tiêu diệt. Người khác lại tin rằng yêu cầu bám trụ bằng mọi giá của ông dẫn đến những tổn thất kinh hoàng và vô ích những người lính thiện chiến mà nước Đức không thể kham nổi. Cuộc rút lui chưa bao giờ lâm vào cảnh tháo chạy, ít ra là vì Hồng quân thiếu phương tiện liên lạc, nguồn lực dự bị và phương tiện vận chuyển để tiếp tục truy đuổi. Thế nhưng Hitler lại tin rằng sức mạnh ý chí của ông khi

đối phó với các viên tướng chủ bại đã cứu cả *Ostfront*. Chuyện này với cả những hậu quả thảm khốc ở Stalingrad vào năm sau chỉ để xoa dịu cái tính ương bướng đến bất trị của ông mà thôi.

Cuộc chiến càng ngày càng hỗn loạn với chiến tuyến cứ nhấp nhô theo mọi hướng trên bản đồ vì cuộc tổng tấn công của Stalin bị xé lẻ thành những trận đánh nhỏ. Một số đơn vị Soviet bị chia cắt vì họ xông qua phòng tuyến Đức mà không được yểm trợ đầy đủ. Stalin đã đánh giá thấp khả năng phục hồi của quân Đức khi bị dồn ép. Trong phần lớn các trường hợp, họ đánh trả dữ dội vì biết rõ hậu quả nếu phải đánh nhau bên ngoài công sự. Chỉ huy các chốt tổ chức các đơn vị hỗn tạp, thường là có cả lính phục vụ, củng cố lại trận địa phòng ngự với bất cứ thứ vũ khí nào có được, nhất là súng phòng không.

Ở phía tây bắc Moskva, tại Kholm, một lực lượng 5.000 người do Tướng Theodor Scherer chỉ huy, sau đó có thêm lính dù tiếp viện, đã đứng vững. Ở miệng chảo Demyansk lớn hơn nhiều với 100.000 người bị vây thì có máy bay vận tải Junkers Ju 52 sơn trắng ngụy trang tiếp tế. Hơn 100 chuyến bay mỗi ngày đem tới tổng cộng 60.000 tấn hàng và chuyển đi 35.000 thương binh, cho phép quân phòng thủ cầm cự với vài tập đoàn quân Soviet trong 72 ngày. Quân Đức đói dở cho đến khi được giải cứu vào đầu tháng 4, nhưng tình cảnh của dân Nga bị kẹt lại trong vòng vây thì tệ thảm hơn nhiều. Không ai biết đã có bao nhiêu người chết. Họ không có gì ăn, phải nhặt nội tạng của những con ngựa bị giết thịt cho lính ăn mà cầm hơi. Nhưng chiến dịch này đã chứng minh với Hitler niềm tin rằng quân bị vây tự khắc sẽ trụ lại được. Đó là một phần của cái tín điều sẽ trở nên cực kỳ phổ biến trong thảm họa tại Stalingrad chưa đầy một năm sau.

Việc Tập đoàn quân xung kích số 2 của Tướng Andrey Vlasov bị chia cắt trong các đầm lầy và rừng rậm cách Demyansk hàng trăm kilomet về phía tây bắc khiến Vlasov buộc phải cay đắng đầu hàng, gấn vận mệnh mình với quân Đức, đồng ý tập hợp một đội quân Nga chống Stalin - ngay cả việc này cũng không đủ cảnh báo Hitler. Như để tạo ra một sự cân bằng kịch tính kỳ cục, chỉ huy của lực lượng giải cứu tại Demyansk, Tướng Walther von

Seydlitz-Kurzbach cũng trở giáo chống Hitler sau khi bị bắt tại Stalingrad. Sau đó, vào tháng 9 năm 1943, như ta sẽ thấy, ông đã tình nguyện lập “một đội quân nhỏ các tù binh” để nhảy dù vào Đức để nhen nhóm nổi dậy. Nhưng đề xuất này đã bị Beria đa nghi gạt đi.

* * *

Quân lính thì đang phơi mình ra giữa những nơi trống trải ở nhiệt độ có khi xuống tới âm 40°C, rút cuộc Hitler phải thay đổi quyết định mù quáng của mình mà ra lệnh cấp trang bị mùa đông. Goebbels nhanh chóng tìm cách khóa lấp. Một lời kêu gọi dân chúng được gửi tới tận nhà qua những đoạn phim tài liệu về tình đoàn kết dân tộc, với những cảnh phụ nữ quỳ gối góp áo lông, thậm chí các nhà vô địch thể thao mùa đông cũng đem ván trượt của mình tặng cho *Ostfront*. Sự hưởng ứng của dân chúng đã khích lệ Hitler đưa ra một tuyên bố trong bữa trưa tại *Wolfsschanze*: “Nhân dân Đức đã nghe thấy tôi”. Nhưng khi quần áo đến được vào gần cuối tháng 12, binh sĩ đã ướm thử chúng với một chút ngạc nhiên giấu cợt. Các thứ trang phục được giặt sạch và đôi khi còn sức mùi băng phiến đã gợi lên cảm giác lạ lùng cho những người nhận đang đầy chấy rận. “Có thể thấy được cả phòng khách với ghế sofa”, một trung úy viết, “hoặc chiếc giường của con trẻ, hoặc có lẽ là khuê phòng của một cô gái trẻ mà từ đó chúng đến đây. Hẳn đó là ở một hành tinh khác”.

Những ý nghĩ ủy mị về chốn quê nhà không chỉ là một hình thức trốn chạy khỏi cái thế giới của dòi bọ và bẩn thỉu nơi họ đang sống mà còn là khỏi môi trường nơi sự tàn bạo lên cao, nơi luân lý thông thường trở nên méo mó dị hợm. Ở quê nhà chắc chắn họ là những người cha, người con biết yêu thương, giờ lại bị cuốn vào chuyến lữ hành chiến tranh bệnh hoạn này ở nước Nga xa xôi. Một mệnh lệnh được ban hành cấm “chụp các cảnh hành hình lính (Đức) đào ngũ”, những vụ như vậy đã tăng vọt khi tinh thần tụt dốc đột ngột. Và các cuộc hành hình du kích và người Do Thái ở Ukraina -

cứ theo các đám đông tham dự mà xét - càng ngày càng thu hút thêm nhiều các nhiếp ảnh gia nghiệp dư trong quân phục *Wehrmacht*.

Một sĩ quan Đức đã mô tả anh ta cùng lính của mình đã sốc thế nào khi chứng kiến người Nga hăm hở lột trần xác những người đồng hương của mình. Nhưng lính Đức còn lột quần áo và giày ủng của người dân còn sống để dùng, sau đó còn đuổi họ ra ngoài đồng không lạnh giá, phần lớn họ đã chết vì rét hay vì đói. Các sĩ quan cao cấp than phiền rằng lính của họ trông cứ như nông dân Nga, nhưng không có chút thương xót nào đối với các nạn nhân bị cướp mất hy vọng duy nhất để sống sót trong những điều kiện như vậy. Một viên đạn có lẽ còn không đã man bằng.

Trong cuộc rút lui khỏi Moskva, lính Đức vơ vét tất cả mọi thứ gia súc và đồ ăn mà họ thấy được. Họ lật cả ván sàn phòng khách lên để tìm khoai tây cất giấu bên dưới. Đồ gỗ và từng phần các ngôi nhà được dùng làm củi. Chưa bao giờ cư dân lại khốn khổ đến thế trong một cuộc chiến. Stalin đã ký một mệnh lệnh vào ngày 17 tháng 11 yêu cầu các đơn vị Hồng quân - không quân, pháo binh, lính trượt tuyết và các nhóm du kích - “phá bỏ và thiêu hủy” tất cả nhà cửa nằm trong vòng 70 km sau lưng quân Đức để địch khỏi dùng làm chỗ trú đóng.

Sự căng thẳng trong chiến trận cùng với nỗi kinh hoàng của chiến tranh làm gia tăng tỷ lệ tự sát trong lính Đức. “Tự sát ngoài chiến trường cũng bị coi là đào ngũ”, quân lính được cảnh báo trong một mệnh lệnh. “Mạng sống của người lính thuộc về Tổ quốc”. Hầu hết lính tự sát khi gác một mình.

Những người đàn ông Đức trải qua những đêm dài nghĩ về nhà và mong được về phép. Những sáng tác tự biên mà lính Nga phát hiện được trong xác lính Đức cho thấy cả nhạo báng lẫn ủy mị. Một người lính nhại một mệnh lệnh: “Giáng sinh năm nay sẽ không có vì các lý do sau đây: Joseph đã bị bắt lính; Mary tham gia Chữ thập Đỏ; Chúa hài đồng đã được gửi về nông thôn cùng các trẻ khác (để tránh bom); Ba Nhà Thông thái không xin được visa vì không chứng minh được nguồn gốc Aryan; ngôi sao cũng không có vì lệnh tắt đèn; mấy người chăn chiên được sung làm lính gác còn các thiên

thần thì trở thành Blitzmadeln (người trực tổng đài). Chỉ còn sót lại con lừa, mà chỉ với một con lừa thì Giáng sinh cái gì”^[26].

Các quan chức quân đội lo rằng lính về phép sẽ làm suy yếu tinh thần người hậu phương bằng những câu chuyện kinh hoàng ở *Ostfront*. “Bạn đang chịu kỷ luật quân đội”, một lời nhắc nhở danh thép viết, “và bạn vẫn là đối tượng gánh chịu hình phạt. Không được nhắc đến vũ khí, chiến thuật hay thương vong. Không được nói về khẩu phần kém hay sự bất công. Tình báo địch sẵn sàng moi móc thông tin đó đấy”.

Một người lính, hoặc đúng hơn là một nhóm lính, đã tự viết ra phiên bản các chỉ thị nhại lại, đầu đề là “Lưu ý cho người về phép”. Họ cố gắng bóc trần nhiều thứ về những việc tàn bạo ở *Ostfront* bằng giọng hài hước. “Bạn phải nhớ mình đang bước chân vào một nước Quốc xã, nơi có cuộc sống rất khác với những gì quen thuộc với bạn. Bạn phải lịch thiệp với cư dân, thích nghi với thói quen của họ và cố nhin các thói quen đã trở nên quá thân thiết với bạn. *Đồ ăn*: Không lật ván sàn hay các kiểu sàn nhà khác vì khoai tây được cất giấu ở nơi khác. *Giới nghiêm*: Nếu để quên chìa khóa, thử mở cửa bằng cái vật hình tròn trên cánh cửa. Cùm bắt đắ dĩ mới phải dùng lựu đạn. *Phòng chống du kích*: Không cần thiết phải hỏi cư dân mật khẩu rồi bắn nếu họ trả lời sai. *Phòng chống thú vật*: Chó đeo mìn là loài vật đặc biệt chỉ ở Liên Xô mới có. Chó Đức cùm lắ chỉ cắ chứ không phát nổ. Việc hể thấy chó là bắn có thể gây ấn tượng xấu mặc dù ở Liên Xô thì được khuyến khích. *Quan hệ với cư dân*: Ở Đức, thấy ai mặc đồ phụ nữ không có nghĩa đó là du kích. Dù vậy họ vẫn nguy hiểm đối với bất cứ ai từ mặt trận về phép. *Nói chung*: Khi về Tổ quốc nghỉ phép, lưu ý đừng nói đến thiên đường ở Liên Xô kéo ai cũng muốn kéo nhau đến làm hỏng cả cái thú tiêu dao của bạn”.

Đến cả huân chương cũng bị giấu cọt. Khi một huy chương chiến dịch mùa đông được ban hành vào năm sau, nó đã nhanh chóng được gọi là “Huân chương Thịt đông”. Có các trường hợp thể hiện sự bất mãn nghiêm trọng hơn. Thống chế Reichenau, tư lệnh Tập đoàn quân số 6 đã nổi giận ngay trước hôm Giáng sinh khi thấy những *graffiti* thể này trên tường các

tòa nhà thuộc bản doanh của ông: “Chúng tôi muốn về Đức”, “Chúng tôi chịu hết nổi rồi”, “Chúng tôi bắn thủ và đầy chấy rận nên muốn về nhà”, và “Chúng tôi không muốn cuộc chiến tranh này!” Mặc dù hiểu rằng “những suy nghĩ và tâm trạng kiểu này” rõ ràng là “kết quả của sự căng thẳng và thiếu thốn quá sức” nhưng Reichenau vẫn bắt tất cả các sĩ quan phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với “trạng thái chính trị và tinh thần của lính mình”.

Và trong khi một nhóm nhỏ các sĩ quan hiểu biết do Henning von Tresckow đứng đầu âm mưu ám sát Hitler, ít nhất cũng có một chi bộ cộng sản đang hoạt động trong hàng ngũ binh lính. Lời kêu gọi sau đây trong “Thư tiền tuyến số 3” hô hào thành lập “các ủy ban binh sĩ trong từng đơn vị, từng trung đoàn, từng sư đoàn” đã được một người lính Nga tìm thấy trong áo bành tô của một lính Đức. “Các chiến hữu, ai mà chẳng ngấy đến tận cổ cái thứ rác rưởi ở *Ostfront*?... Đây là cuộc chiến tội ác do Hitler bày ra và nó đang đưa nước Đức xuống địa ngục... Hitler phải bị đánh đổ và những người lính chúng ta có thể làm được việc đó. Vận mệnh của nước Đức nằm trong tay những người ở tiền tuyến. Khẩu hiệu của chúng ta phải là “Tránh xa Hitler!” Phản đối sự lừa bịp Quốc xã! Cuộc chiến tranh này là sự diệt vong cho nước Đức”.

Sự bộc phát trong sử dụng sức mạnh trong một cuộc chiến tổng lực tất yếu làm gia tăng phạm vi kiểm soát của nhà nước hơn nữa. Mọi chỉ trích đối với chính quyền phải bị đả phá như tuyên truyền theo luận điệu của kẻ thù và mọi nhân vật đối lập đều có thể bị đối xử như kẻ phản bội. Uy quyền của Hitler đối với các tướng lĩnh của ông là không thể thách thức và họ đã trở thành kẻ giơ đầu chịu báng cho những cơn cuồng của viên cựu hạ sĩ. Các chỉ huy không đồng tình với quyết tâm bám trụ bằng mọi giá của ông vào tháng 12 năm 1941 đều bị loại bỏ. Ông đã buộc von Brauchitsch về vườn và tự chỉ định mình thay chỗ làm tổng tư lệnh, bảo rằng không một viên tướng nào có đủ ý chí Quốc xã cần thiết.

Quân đội Đức cũng đã xoay sở thiết lập được một phòng tuyến vững chắc phía đông Smolensk, song sự sụp đổ không tránh khỏi của nó là đã rõ ràng.

Bây giờ nhìn lại ta thấy rằng cán cân quyền lực vào tháng 12 năm 1941 - địa chính trị, công nghiệp, kinh tế và dân số - chắc chắn là bất lợi cho phe Trục với việc *Wehrmacht* không chiếm nổi Moskva và nước Mỹ nhảy vào cuộc chiến. Tuy nhiên bước ngoặt tâm lý của cuộc chiến sẽ chỉ đến vào mùa đông năm sau với trận Stalingrad, cuộc chiến đã trở thành cuộc đấu tay đôi của đại diện hai bên, một phần là do cái tên của thành phố.

PHẦN II

KHỞI ĐỘNG LẠI CHIẾN DỊCH
BARBAROSSA

TRẬN ĐÁNH ĐẦU TIÊN CỦA TƯỚNG PAULUS

Chuỗi các sự kiện oái oăm đã đưa Tướng Friedrich Paulus về chỉ huy Tập đoàn quân số 6 bắt đầu từ sự thất vọng giận dữ của Hitler vào cuối năm 1941. Và rồi một năm sau, một cơn giận dữ tương tự đã dẫn tới cái thảm họa mà Paulus cùng các sư đoàn của ông đã rơi vào.

Tháng 11 năm 1941, trong khi cả thế giới chăm chú vào các hướng tiếp cận Moskva thì tình hình ở đông Ukraina lại biến hóa khó lường. Dẫn đầu đội hình tấn công của Cụm tập đoàn quân Nam, các sư đoàn tăng thuộc Quân đoàn tăng số 1 của Kleist đã đến được Rostov-na-Donu vào ngày 19 tháng 11 trong mưa tuyết dữ dội. Hôm sau họ chiếm được cây cầu bắc qua con sông lớn đó, chướng ngại cuối cùng vào Kavkaz. Nhưng viên tư lệnh quân Nga là Timoshenko đã lập tức phản ứng. Cánh trái của mũi nhọn Đức do quân Hungary đảm nhiệm yếu hơn nên một cú đột kích vào đây cùng các cuộc phản công qua sông Đông^[27] đóng băng đã đẩy lui được Kleist.

Hitler đang yên chí chắc nắm cả Moskva lẫn các giếng dầu Kavkaz đã nắm trong tay nên nổi giận bùng bùng. Hơn nữa, đây mới là lần đầu tiên quân Đức bị đẩy lùi trong Thế chiến II. Ông không chịu tin rằng Thống chế Rundstedt lại thiếu lực lượng và hậu cần, ông cũng không chấp nhận việc Kleist được phép rút quân về phòng tuyến sông Mius, kể cả quân lính nhiều người có bị tê cóng.

Ngày 30 tháng 11 von Rundstedt tuyên bố nếu lãnh đạo không còn tin ông nữa thì ông muốn từ chức. Ngay sáng sớm hôm sau Hitler bãi chức ông. Hitler lệnh cho Reichenau, tư lệnh Tập đoàn quân số 6 thay thế và lập tức dừng ngay việc rút lui. Thế là Reichenau cố gắng - hoặc làm bộ cố gắng - thực hiện. Vài giờ sau ông không chút ngần ngại gửi lên đại bản doanh của

Fuhrer bức điện thông báo rằng việc rút quân về sông Mius là không thể tránh được. Reichenau, một tay ủng hộ khuyến khích xáo trộn bộ dữ dẫn, thêm chiếc kính một mắt lại càng dữ hơn nên không gây được thiện cảm cho von Rundstedt, người về sau mô tả ông ta là “gã cà chớn thường cười trần chạy lòng vòng tập thể dục”.

Ngày 3 tháng 12, *Fuhrer* bay xuống Ukraina trên chiếc Focke-Wulf Condor để tìm hiểu xem đã xảy ra chuyện gì. Trước tiên ông nói chuyện với Josef “Sepp” Dietrich, tư lệnh sư đoàn SS *Leibstandarte*. Trước sự ngạc nhiên của Hitler, Dietrich đã ủng hộ quyết định rút quân của von Rundstedt.

Cả Rundstedt và Reichenau đều đóng bản doanh ở Poltava, nơi vua Thụy Điển Charles XII, người đầu tiên xâm lược nước Nga trong thời hiện đại, đã bị Pyotr Đại đế đánh bại năm 1709. Hitler bèn làm hòa với von Rundstedt lúc đó vẫn chưa kịp rời đi. Thỏa thuận là dù sao vị thống chế già cũng nên về nhà, nhưng lần này lý do là dưỡng bệnh. Chín ngày sau ông nhận được tờ séc 250.000 Reichsmark do Quốc trưởng gửi làm quà sinh nhật.

Vẫn còn hơi nghi ngờ Reichenau, mới đầu Hitler yêu cầu ông ta kiêm nhiệm luôn chức tư lệnh Tập đoàn quân số 6 lẫn Cụm tập đoàn quân Nam. Nhưng trong bữa ăn, lúc *Fuhrer* đang chăm chú nhai món kê trộn bí đỏ với bánh khoai tây phồng, Reichenau thuyết phục Hitler rằng ông ta không thể ôm một lúc hai sở chỉ huy đó được. Ông ta tiến cử Tướng Paulus, cựu Tham mưu trưởng của mình, chỉ huy Tập đoàn quân số 6. Hitler đồng ý mặc dù khá miễn cưỡng. Vậy là vào ngày đầu năm mới 1942, Paulus, người chưa từng chỉ huy một sư đoàn hay quân đoàn nào, lại bắt một phát sang ngạch tướng binh chủng xe tăng. Năm ngày sau ông trở thành tư lệnh Tập đoàn quân số 6, ngay sau khi Timoshenko mở cuộc tấn công quy mô lớn nhưng phối hợp loạn choạc vào Kursk.

* * *

Friedrich Wilhelm Paulus xuất thân từ một gia đình địa chủ nhỏ ở Hesse. Bố ông đi lên từ chân kế toán trong một trại giáo dưỡng rồi trở thành quản lý

ngân khố của tỉnh Hesse-Nassau. Năm 1909 Paulus còn trai trẻ, muốn vào hải quân Đế chế nhưng không được nhận. Một năm sau, quân đội tăng cường sức mạnh nên mọi chuyện thoáng hơn. Paulus nhập ngũ, trở nên rất để ý đến vẻ ngoài, chắc hẳn là do mặc cảm về địa vị xã hội trong quân đội của hoàng đế. Bạn đồng ngũ thường gọi ông là der Lord (Chúa tể). Năm 1912, ông cưới Elena Rosetti-Solescu, em gái của hai sĩ quan, thành viên một dòng họ có dính tới hoàng tộc Romania. Bà vợ ghét Quốc xã, còn Paulus thì đã từng tham gia Freikorps^[28] chống chủ nghĩa Bolshevik sau Thế chiến I và chắc cũng ngưỡng mộ Hitler giống như Reichenau.

Là đại đội trưởng trong Trung đoàn bộ binh số 13, cao và kỹ tính nên tuy có năng lực nhưng Paulus không tạo cảm hứng như Erwin Rommel, đại đội trưởng đại đội súng máy. Không như Rommel, một chỉ huy ngang tàng dám phớt lờ cấp trên, Paulus lại quá kính cẩn với các sếp. Là sĩ quan tham mưu, ông tận tâm và tỉ mỉ. Ông thích làm khuya, cầm cúi trên bàn đồ, với ly cà phê và điều thuốc trên tay. Sở thích của ông là vẽ những tấm bản đồ tỷ lệ lớn về chiến dịch của Napoleon ở Nga. Sau này, trong mắt các sĩ quan đồng sự của con trai ông ở sư đoàn tăng 3, ông “giống một nhà khoa học hơn là một vị tướng nếu đem so sánh với Rommel hay Walter Model”.

Phong thái đàng hoàng của Paulus khiến các sĩ quan cao cấp biết đến nhiều. Thậm chí ông còn được lòng cả một tay dữ dằn to mồm là Reichenau khi trở thành Tham mưu trưởng của ông ta vào tháng 8 năm 1939. Công việc chung của họ gây ấn tượng cho các sĩ quan cao cấp khác trong những năm đầu chiến tranh mà trong đó khoảnh khắc đáng nhớ nhất là buộc vua Leopold nước Bỉ đầu hàng. Không lâu sau khi chinh phục nước Pháp, Tướng Halder triệu tập Paulus đến Berlin để phụ trách việc lập kế hoạch trong Bộ Tổng tham mưu. Tại đây, nhiệm vụ quan trọng nhất của ông là đánh giá các phương án cho chiến dịch Barbarossa. Khi cuộc xâm lăng đã vào guồng trơn tru, Reichenau lại xin Halder Tham mưu trưởng của mình về.

“Bước nhảy vọt thần kỳ” lên tư lệnh tập đoàn quân, như bạn bè ông viết trong thư chúc mừng, đã bị phủ một bóng đen sau đó đúng một tuần. Ngày

12 tháng 1 năm 1941, người đỡ đầu của ông, Thống chế Reichenau đi chạy thể dục buổi sáng ở Poltava. Lúc đó nhiệt độ đang là âm 20°C. Trong bữa trưa Reichenau cảm thấy không khỏe rồi đột nhiên ngã gục vì trụy tim. Nghe tin, Hitler ra lệnh bác sĩ Flade, bác sĩ trưởng của Tập đoàn quân số 6, đưa ông về thẳng Đức. Reichenau mê man được buộc chặt vào một cái ghế bành, rồi cả người lẫn ghế được buộc chặt vào bên trong thân chiếc máy bay Dornier.

Phi công cứu một mực đòi hạ cánh ở Lemberg (Lvov) để tiếp nhiên liệu, nhưng lại bị trượt đường băng một quãng. Bác sĩ Flade dù bị gãy chân nhưng vẫn kịp bắn pháo hiệu cầu cứu. Khi cả đoàn đến được bệnh viện ở Leipzig thì Reichenau đã chết. Sau này bác sĩ Flade báo cáo lại cho Paulus rằng cú hạ cánh trượt tai hại cứ y như trong phim. “Ngay cả cây gậy thống chế của ông ấy cũng bị gãy làm đôi”. Hitler hạ lệnh tổ chức quốc tang nhưng lại không đến dự. Ông cho von Rundstedt thay mặt mình đến chia buồn.

* * *

Mặc dù phong thái khá cách biệt của Paulus khiến ông có vẻ lạnh lùng, song ông còn nhạy cảm hơn nhiều tướng lĩnh khác đối với đời sống của binh lính. Thậm chí người ta còn bảo ông đã hủy mệnh lệnh ngày 10 tháng 10 năm 1941 của Reichenau, khuyến khích đối xử “khắc nghiệt” với người Do Thái và du kích, nhưng khi Tập đoàn quân số 6 đến Stalingrad, bộ phận quân cảnh của nó dường như đã được giao nhiệm vụ bắt những người hoạt động cộng sản và người Do Thái rồi giao họ cho đơn vị SS *Sonderkommando*^[29] để “có biện pháp trừng phạt”.

Rõ ràng Paulus đã thừa hưởng một di sản nặng nề. Ngay từ đầu Chiến dịch Barbarossa, những vụ tàn sát người Do Thái và dân Gypsy (Zigan) đã bị cố tình lẫn lộn với hành hình du kích khi nào có thể, chủ yếu là vì chữ “Judische Saboteure” (kẻ phá hoại Do Thái) có thể giúp che đậy tính phi pháp của hành động đó và trợ giúp cho khái niệm âm mưu “Do Thái-Bolshevik”. Định nghĩa du kích và kẻ phá hoại chẳng bao lâu sau đã được

mở rộng ra vượt xa các thuật ngữ này trong luật pháp quốc tế, mà luật này chỉ cho phép khép tội chết sau khi được xét xử đàng hoàng. Trong mệnh lệnh ngày 10 tháng 7 năm 1941, Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 cảnh báo quân lính rằng bất cứ ai mặc thường phục mà đầu tóc cắt ngắn thì gần như chắc chắn đó là lính Hồng quân và phải bắn ngay. Dân thường mà có hành vi thù địch, kể cả những ai mang đồ ăn cho lính Hồng quân ẩn náu trong rừng cũng bị bắn. “Các phần tử nguy hiểm”, như quan chức Soviet, ở đây là gồm từ bí thư đảng ủy địa phương và chủ tịch nông trang tập thể đến hầu hết những ai làm việc cho chính quyền đều bị giao cho quân cảnh hoặc SD-*Einsatzkommando*^[30]. Một mệnh lệnh sau đó, gọi là “các biện pháp đại trà” - dù đó là hành quyết hay đốt làng - để trừng phạt tội phá hoại. Theo các bằng chứng của Trung úy SS August Hafner, Thống chế Reichenau đã đích thân ra lệnh bắn 3.000 người Do Thái vào đầu tháng 7 năm 1941 như một biện pháp trả đũa.

Hành vi của nhiều binh sĩ trong Cụm tập đoàn quân Nam là hết sức kinh khủng. Ngày 10 tháng 8 năm 1941, Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 của Reichenau đã ban hành mệnh lệnh sau: “Một số nơi trong phạm vi trách nhiệm của tập đoàn quân, các cơ quan SD, SS của *Reichsfuhrer*^[31] (tức Himmler) và các cảnh sát trưởng Đức đảm nhiệm công việc hành hình cần thiết bọn tội phạm, Bolshevik và hầu hết các phần tử Do Thái. Có những trường hợp binh lính rảnh việc xung phong giúp SD trong việc hành quyết hoặc đến xem và chụp ảnh”. Việc đó giờ đây bị cấm đối với mọi binh sĩ. Sau này, Tham mưu trưởng của Tướng Mantein đã ra thông báo cho các sĩ quan Tập đoàn quân số 11 tại Krym rằng “hiện diện trong buổi hành hình người Do Thái là sỉ nhục đối với sĩ quan”. Logic quân sự của Đức, theo một kiểu bóp méo nữa quan hệ nhân quả, xem ra không thừa nhận khả năng các sĩ quan vốn đã tự làm ô nhục mình khi tiếp tay cho một chế độ gây ra những tội ác như vậy.

Đôi khi sự tàn bạo cũng được ngăn chặn nhưng chẳng được bao lâu. Ngày 20 tháng 8 các cha tuyên úy của Sư đoàn số 295 bộ binh đã thông báo cho Trung tá Helmuth Groscurth, Tham mưu trưởng, rằng có 90 đứa trẻ Do Thái mồ côi trong thị trấn Belaya Tserkov đang bị giữ trong điều kiện tồi tệ. Bọn

trẻ gồm từ trẻ sơ sinh đến bảy tuổi. Chúng cũng sẽ bị bắn như cha mẹ chúng. Groscurth, con trai của một mục sư và có tư tưởng chống Quốc xã, chính là viên sĩ quan *Abwehr*^[32] đã lén tuồn ra chi tiết các mệnh lệnh phi pháp của Chiến dịch Barbarossa cho Ulrich von Hassell^[33] mùa xuân vừa rồi. Groscurth lập tức đến gặp chỉ huy khu vực yêu cầu dừng ngay cuộc hành hình. Sau đó ông liên lạc với Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6, bất chấp Đại tá SS Paul Blobel, chỉ huy Sonderkommando, đã cảnh báo Groscurth rằng sẽ báo cáo sự can thiệp của ông cho *Reichsfuhrer*.

Thống chế Reichenau ủng hộ Blobel. Chín mươi đứa trẻ Do Thái đã bị các dân quân Ukraina bắn vào chiều hôm sau để bọn SS khỏi mang tiếng ác.

Groscurth viết một tường trình đầy đủ gửi thẳng lên Sở chỉ huy Cụm tập đoàn quân Nam. Bàng hoàng và giận dữ, ông viết cho vợ: “Chúng ta không thể và không được phép thắng cuộc chiến này”. Ngay khi có cơ hội, ông đã về phép, đến Paris gặp Thống chế Witzleben, một trong các thành viên lãnh đạo của phong trào chống Hitler.

* * *

Vụ thảm sát những đứa trẻ vô tội ở Belaya Tserkov chẳng mấy chốc đã bị một tội ác lớn hơn nhiều che lấp. Sau khi chiếm Kiev, 33.771 người Do Thái đã bị bố ráp trong mấy ngày cuối tháng 9 để đơn vị SS 4a và hai tiểu đoàn cảnh sát tàn sát trong hẻm núi Babi Yar ở ngoại vi thành phố. Tội ác thâu trời này một lần nữa lại nằm trong khu vực do Tập đoàn quân số 6 phụ trách. Reichenau cùng với các sĩ quan chủ chốt tham gia hội nghị vạch kế hoạch quân quản thành phố ngày 27 tháng 9 năm 1941 hẳn phải biết trước số phận của họ, kể cả dù binh sĩ của họ tham gia bố ráp có thể tin vào chuyện “sơ tán” đi nữa. Những người Do Thái Soviet không hình dung được điều gì đang chờ đợi họ. Họ không biết gì nhiều về chủ nghĩa bài Do Thái của Quốc xã Đức vì theo hiệp ước Molotov-Ribbentrop, không được đăng tải những bài phê phán các chính sách của Đảng Quốc xã. Chỉ huy quân quản của thành phố trên các tuyên cáo của mình cũng làm người ta bớt ngờ vực bằng

các hướng dẫn: “Hãy mang theo giấy tờ tùy thân, tiền bạc và các thứ quý giá cũng như quần áo ấm”. Đơn vị SS tưởng chỉ có 5-6 ngàn người Do Thái thôi, hóa ra có đến hơn 30.000 người ra trình diện.

Mệnh lệnh khét tiếng của Thống chế Reichenau cho Tập đoàn quân số 6 ngày 10 tháng 10 năm 1941 được Thống chế Rundstedt ủng hộ đã cho thấy hết sức rõ ràng trách nhiệm liên đới của chỉ huy các cấp của *Wehrmacht* đối với những tội ác chống người Do Thái và dân thường ở Ukraina. “Đây là chiến trường phía đông, người lính không chỉ chiến đấu theo quy tắc chiến tranh mà còn là người hăng hái mang trên mình lý tưởng quốc gia và là người báo thù cho tất cả những hành động vô nhân mà nhân dân Đức phải chịu đựng. Vì lý do này, người lính phải hiểu thật rõ sự cần thiết của việc báo thù tàn khốc nhưng chính đáng nhằm vào giống loài Do Thái hạ đẳng”. Nghĩa vụ của người lính là “vĩnh viễn giải thoát nhân dân Đức khỏi mối đe dọa Do Thái-châu Á”.

Việc đốt phá và giết chóc báo thù không dừng lại với cái chết của Reichenau, kể cả khi Paulus lên thay. Chẳng hạn, ngày 29 tháng 1 năm 1942, chừng ba tuần sau khi Paulus được bổ nhiệm làm vị tổng tư lệnh mới của Tập đoàn quân số 6, làng Komsomolsk gần Kharkov với 150 nóc nhà đã bị đốt rụi. Trong thời gian diễn ra việc này có 8 người bị bắn, còn 2 đứa trẻ có lẽ sợ quá nấp kỹ cũng bị thiêu chết.

Lính Đức chắc chắn sẽ ngược đãi cư dân sau 9 năm chính quyền tuyên truyền bài Slav và bài Do Thái, thậm chí vài kẻ còn cố tình làm hơn thế nữa. Bản chất của xâm lược là tạo ra những cảm xúc vừa hoang dại vừa rối rắm. Mặc dù cũng có những trường hợp người lính miễn cưỡng nhận lệnh đi hành quyết, nhưng với phần đông thì sự bất nhẫn đối với dân thường lại biến thành sự tức giận vô lối với suy nghĩ rằng đàn bà trẻ con có việc gì mà vào vùng chiến sự.

Các sĩ quan thì chọn cách tránh nghĩ đến khía cạnh đạo đức. Thay vào đó họ tập trung vào nhu cầu duy trì kỷ luật quân sự. Những người vẫn còn tin vào quy tắc chiến tranh thường cảm thấy kinh hoàng trước những việc làm của binh lính, song những nhắc nhở phải tôn trọng quy tắc lại không mấy

hiệu quả. “Khi hỏi cung xong, hoặc phải thả tù nhân hoặc tổng giam họ”, một mệnh lệnh của Sư đoàn số 371 bộ binh nhấn mạnh. “Không ai bị hành quyết nếu không có lệnh của sĩ quan phụ trách”.

Họ còn thất vọng với nạn cướp bóc hoành hành. Binh lính có người đề nghị trả tiền mua lương thực và hàng hóa của dân, chủ yếu là vì chính phủ Đức không cấp đủ khẩu phần ăn. “Lính vào vườn rau lấy đi mọi thứ”, một đại đội trưởng trong Sư đoàn số 384 bộ binh viết trong nhật ký trên đường hành quân đến Stalingrad mùa hè năm đó. “Họ còn lấy cả các vật dụng gia đình, ghế và xoong nồi. Đúng là bê bối. Lệnh nghiêm cấm có rồi nhưng lính tráng thường khó mà giữ nổi mình. Anh ta buộc phải làm thế vì đói”. Mà tác động của nó thì đặc biệt nghiêm trọng ở một đất nước khí hậu khắc nghiệt như Nga. Trộm cướp lương thực đẩy dân chúng đến chỗ chết đói khi mùa đông đến. Ngay cả việc làm mật cũng không được vì số đường để dành nuôi ong trong mùa đông cũng bị lấy mất.

Một sự thật khủng khiếp mà rất ít sĩ quan chịu thừa nhận, đó là sự làm ngơ hoặc ủng hộ của quân đội đối với học thuyết Quốc xã về “chiến tranh chủng tộc” ở *Ostfront*, chối bỏ luật quân sự và luật quốc tế thông thường, chắc chắn sẽ biến nó thành một tổ chức bán tội phạm. Việc các tướng lĩnh không lên tiếng phản đối chứng tỏ họ thiếu nhạy cảm về đạo đức hoặc thiếu dũng cảm đạo đức. Thực ra cũng không phải lo mất mạng. Trong giai đoạn đầu chiến dịch xâm lược Nga, chế độ Quốc xã không dám làm gì một sĩ quan cao cấp lên tiếng phản đối, bất quá chỉ bãi chức mà thôi.

Khả năng thao túng các tướng lĩnh của Hitler thật khó tin. Mặc dù phần lớn các tướng trong Tập đoàn quân số 6 không theo Quốc xã, thế nhưng họ lại trung thành với Hitler hoặc giả bộ trung thành. Chẳng hạn một bức thư được viết ngày 20 tháng 4 sẽ ghi là “Nhân sinh nhật *Fuhrer*” và có một câu khẩu hiệu “*Fuhrer* muôn năm!” Nhưng một vị tướng hoàn toàn có thể giữ được sự độc lập và cả sự nghiệp của mình không suy suyển bằng khẩu lệnh quân sự hơn là khẩu hiệu chính trị. Tướng Karl Strecker, Tư lệnh Quân đoàn số 11 và là một con ngựa chiến già quả cảm đã nói rõ rằng không bao giờ ông thừa nhận chế độ này. Khẩu lệnh của ông cho lính của mình là “Tiến lên

với Chúa. Niềm tin của ta là vào chiến thắng. Các chiến binh dũng mãnh của tôi muôn năm!” Hơn thế, ông còn đích thân hủy hết các mệnh lệnh phi pháp của cấp trên, một lần ông còn xuống từng đơn vị để đảm bảo các sĩ quan đều hiểu đúng. Ông chọn Groscurth làm Tham mưu trưởng và họ đã cùng nhau chỉ huy ỗ đề kháng cuối cùng ở Stalingrad, trung thành với nghĩa vụ của mình chứ không phải với lãnh tụ.

* * *

Trái với mọi quy tắc chiến tranh, có đầu hàng, lính Hồng quân vẫn không chắc đã giữ được mạng sống. Vào ngày thứ ba của cuộc xâm lược Ukraina, August von Kageneck, chỉ huy trinh sát Sư đoàn tăng số 9, từ tháp pháo chiếc xe trinh sát của mình đã trông thấy “những xác chết nằm thành hàng ngay ngắn dưới rặng cây dọc theo con đường làng, tất cả có cùng một tư thế - mặt úp xuống”. Rõ ràng họ đã không bị giết trong chiến đấu. Tuyên truyền của Quốc xã khơi dậy đồng thời nỗi sợ bản năng lẫn lòng hận thù, kích động người lính giết càng nhiều càng tốt, thế mà còn nhắc họ rằng họ là những lính Đức quả cảm. Điều đó tạo ra một sự kết hợp có tính hủy diệt mạnh mẽ, vì đó là cố gắng kiểm soát những dấu hiệu hèn nhát lộ ra ngoài, do vậy nó tạo ra phản ứng tàn bạo nhất. Nỗi sợ lớn nhất mà tuyên truyền Quốc xã kích động cho lính là sợ bị bắt. “Chúng tôi sợ”, von Kageneck thú nhận, “sợ rơi vào tay người Nga, chắc chắn họ khao khát trả thù sau đòn tấn công bất ngờ của chúng tôi”.

Các sĩ quan tôn trọng giá trị truyền thống thậm chí còn hoảng hơn khi nghe chuyện lính thử súng vào hàng dài tù binh Soviet đang bị giải về tuyến sau. Những hàng dài bất tận những người thua trận, đói lả và nhất là khát giữa cái nắng hè chói chang, những bộ quân phục nâu xỉn với cái mũ ca lô phủ đầy bụi đất trông không khá hơn bầy gia súc là mấy. Một phóng viên Italia đã từng thấy nhiều dòng tù binh, viết: “Hầu hết đều bị thương. Họ không được băng bó, khuôn mặt bết máu trộn lẫn bụi, quân phục họ tồi tả, tay đen sạm. Họ đi chậm, người nọ dìu người kia”. Những người bị thương

nói chung không được sơ cứu, còn những ai không thể đi hoặc gục xuống vì kiệt sức liền bị bắn bỏ. Không được chở lính Soviet trên xe quân sự Đức vì sợ lây cháy rận, bỏ chết. Không được quên 600 tù binh Soviet đã bị đem ra thử hơi ngạt ở Auschwitz vào ngày 3 tháng 9 năm 1941. Đây là lần đầu tiên khí Zyklon B được đem ra thử nghiệm.

Với những ai còn sống mà đến được trại tù binh thì cơ hội sống sót xem ra cũng không quá 1/3. Tổng cộng có cả thảy 3 triệu lính Hồng quân trong số 3,7 triệu đã chết trong các trại của Đức do bệnh tật, bị đầy ải, bị bỏ đói và ngược đãi. Chính Quân đội Đức chứ không phải SS hay một tổ chức Quốc xã nào khác, phải chịu trách nhiệm đối với tù binh. Xử sự của nó khiến ta nhớ lại câu mà hoàng đế Wilhelm II đã phán vào năm 1914 rằng 90.000 tù binh Nga bị bắt ở Tannenberg “cứ để cho chết đói là xong”.

Trên mặt trận phía nam, trại tù binh của Đức ở Lozovaya mà cuộc tấn công của Timoshenko đã tràn qua, để lộ ra những điều kiện kinh khủng với các tù binh Hồng quân đang chết dần “vì lạnh, vì đói, vì bị hành hạ tàn bạo”. Yury Mikhailovich Maximov thuộc Sư đoàn súng trường số 127, bị bắt vào mùa thu năm 1941 là một trong số những người bị đưa đến Novo-Aleksandrovsk. Cái nơi được gọi là trại này không có lều lán gì, chỉ là một bãi đất trống quây kẽm gai. Toàn bộ 18.000 tù binh ở đây được cho ăn từ 12 cái vạc để nấu những tảng thịt ngựa tổ chẳng. Khi lính canh ra hiệu lệnh đến lấy đồ ăn, ai mà chạy là súng máy bắn hạ ngay. Xác họ bị bỏ ở đấy ba ngày để làm gương.

Các sĩ quan Đức ngoài mặt trận muốn tù binh được đối xử tốt hơn vì những lý do thực tế. “Thông tin của chúng về quân số, tổ chức và ý đồ của địch có thể có ích hơn những gì tình báo của ta đưa lại”, một chỉ thị của trưởng ban quân báo Sư đoàn bộ binh số 96 ghi như vậy. Chỉ thị còn thêm: “Lính Nga khá ngờ nghệch khi trả lời thẩm vấn”. Cục tuyên truyền Bộ Tư lệnh tối cao *Wehrmacht* (OKW) lúc đó cũng ban bố mệnh lệnh rằng cần khuyến khích lính Nga đào ngũ để giảm bớt thương vong cho lính Đức. Nhưng bộ phận tình báo ngoài mặt trận thừa biết rằng việc này “chỉ có tác

dụng nếu giữ được lời hứa với lính đào ngũ”. Khốn nỗi họ vẫn bị đối xử tàn tệ như mọi tù binh khác.

* * *

Về phía Hồng quân, chính thức thì không có những mệnh lệnh phi pháp như của *Wehrmacht*, nhưng hễ là SS và sau này thì cả các loại ác ôn khác như gác trại giam và cảnh sát dã chiến mật nếu bị bắt cũng bắn bỏ như là một sự trả đũa. Phi công và lính tăng cũng có nguy cơ bị hành hình, nhưng nói chung chuyện bắn tù binh chỉ là ngẫu nhiên chứ không phải có tính toán, trong khi những hành vi tàn ác bừa bãi thì chỉ tùy nơi và không được khuyến khích. Các nhà chức trách Soviet rất mong bắt được tù binh để thẩm vấn, nhất là sĩ quan.

Sự tàn bạo lẽ tở, bản năng mà lính Hồng quân gây ra trong 18 tháng đầu - chắc chắn sẽ có nhiều hơn nếu họ không rút lui vội vã như vậy - gợi cho nhiều người Đức nhớ đến cuộc Chiến tranh Ba mươi Năm^[34]. Tuy nhiên, đúng hơn thì nên so với cuộc nội chiến mới đó của Nga, một trong những cuộc xung đột tàn bạo nhất thế kỷ XX mà cuộc thập tự chinh của Hitler chống chủ nghĩa Bolshevik giờ đây khơi lại. Nhưng chiến tranh vẫn tiếp diễn, sự tổn thương và khao khát trả thù của người Nga càng bốc cao trước những tin tức về hành động của quân Đức tại “vùng tạm chiếm”: làng xóm bị thiêu rụi để trả đũa, dân chúng chết đói, bị tàn sát hay bị cưỡng ép vào các trại lao động. Ấn tượng một cuộc diệt chủng chống lại người Slav hiện rõ, cùng với khát vọng trả thù, nhiều lúc rất khó kiểm soát.

* * *

Tướng Paulus tiếp nhận Tập đoàn quân số 6 trong thời điểm không dễ dàng gì, vả lại chắc ông cũng rúng động trước cái chết của Reichenau nhiều hơn những gì ông để lộ ra ngoài. Trải nghiệm đầu tiên của ông trên cương vị

một chỉ huy cấp cao vào tháng 1 năm 1942 trùng hợp với cuộc tổng tấn công vội vã của Stalin sau những thắng lợi của Hồng quân quanh Moskva. Thực ra, đó là lúc khó khăn cho tất cả lực lượng của Đức trên mặt trận phía nam. Tập đoàn quân số 11 của Tướng Manstein ở Krym vẫn chưa chiếm được Sevastopol, rồi một cuộc tấn công bất ngờ của Hồng quân từ Kavkaz cuối tháng 12 đã lấy lại được bán đảo Kerch. Hitler nổi khùng, đưa ông Tướng Nam tước von Sponeck, tư lệnh quân đoàn, ra tòa án binh.

Paulus dời bản doanh của Tập đoàn quân số 6 về Kharkov, mục tiêu của nguyên soái Timoshenko. Nhiệt độ hạ thấp xuống âm 30°C, nhiều khi còn thấp hơn. Việc vận chuyển của quân Đức bằng đường sắt và đường bộ kẹt cứng vì băng giá, còn xe ngựa thì chỉ đảm bảo cung cấp một khẩu phần tối thiểu.

Kế hoạch của Timoshenko là cắt đứt vùng công nghiệp Donbas và chiếm Kharkov bằng một trận bao vây lớn nhưng chỉ có gọng kìm phía nam là xuyên được qua phòng tuyến Đức. Đó là một đòn thọc sâu thắng lợi, chiếm được một đoạn sâu cả trăm kilomet. Nhưng Hồng quân lại thiếu hậu cần và thiếu quân sung sức nên sau hai tháng chiến đấu quyết liệt, cuối cùng họ cũng phải dừng lại.

Tập đoàn quân số 6 trụ được, song Paulus vẫn không yên. Thống chế Bock, người mới được Hitler miễn cưỡng chỉ định chỉ huy Cụm tập đoàn quân Nam, đã nói toạc ra rằng ông đã quá thận trọng không chịu phản công. Paulus vẫn nắm quân, với sự che chở của Tướng Halder, người đỡ đầu của ông. Thay vào đó, Tham mưu trưởng của ông, Đại tá Ferdinand Heim, lại bị cách chức. Thay thế là Đại tá Arthur Schmidt, một sĩ quan mảnh khảnh, khuôn mặt sắc sảo, miệng lưỡi sắc bén xuất thân từ một gia đình buôn bán ở Hamburg. Schmidt tự tin với năng lực của mình, đã tụ tập được nhiều vây cánh trong bản doanh tập đoàn quân dù bản thân ông ta cũng có nhiều người chống lưng. Paulus dựa nhiều vào các nhận định của ông ta và kết quả là ông ta đã đóng một vai trò lớn, có người còn bảo là quá lớn, trong việc định hướng những sự kiện diễn ra về sau.

Đầu xuân năm 1942, các sư đoàn sẽ phải táng mạng tại Stalingrad chẳng mấy quan tâm đến những chuyện đồn đại về nhân sự. Một quan tâm hàng đầu của họ là bổ sung quân và vũ khí trang bị. Quân đội Đức nổi tiếng về tính kiên cường chuyên nghiệp (nhưng lại ít ai nhắc đến khả năng tự hồi phục của nó) đến mức các ký ức về mùa đông khủng khiếp hầu như đã phai mờ ngay khi mùa xuân và các trang thiết bị mới được đưa đến. “Tinh thần lại lên ngay”, một chỉ huy nhớ lại, đại đội anh ta cuối cùng đã được biên chế đủ 18 xe tăng. “Tình trạng chúng tôi rất tốt”. Họ cũng không lặn tẩn nhiều về chuyện mẫu mã xe tăng Mark III nòng dài chỉ là pháo 50 mm, đạn nó không ngăn nổi xe tăng Soviet.

Tuy không có thông báo gì trong các sư đoàn nhưng ai cũng biết một trận đánh lớn sắp nổ ra. Vào tháng 3, Tướng Pfeffer, chỉ huy Sư đoàn bộ binh số 297 đã nói nửa đùa nửa thật với một đại úy được cử sang Pháp dự khóa huấn luyện tiểu đoàn trưởng rằng: “Cứ vui vẻ vì được xả hơi một tí. Chiến tranh còn đủ dài và đủ ác liệt để cậu còn kịp nếm mùi”.

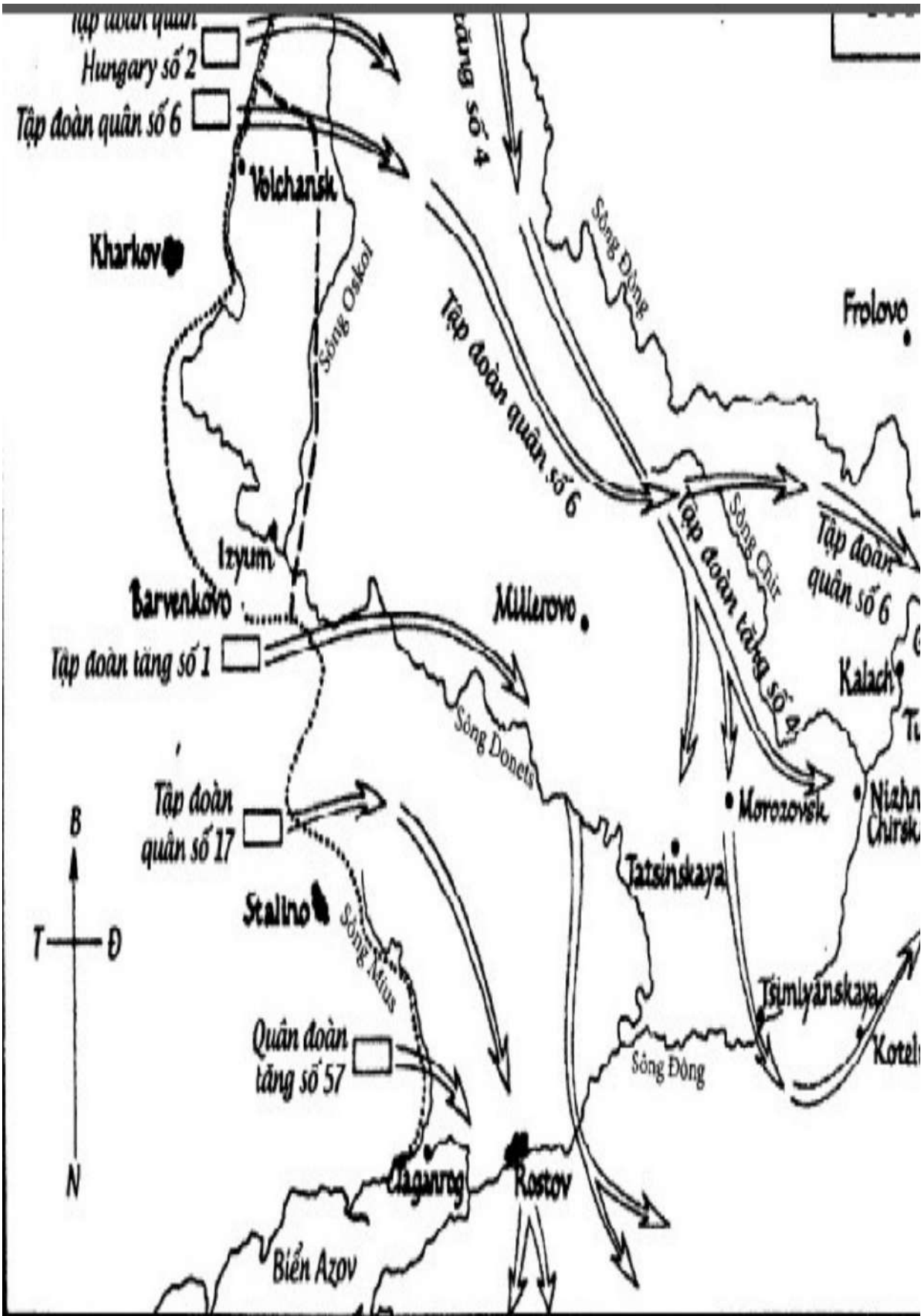
Ngày 28 tháng 3, Tướng Halder đi xe đến Rastenburg để trình bày các kế hoạch mà *Fuhrer* yêu cầu, kế hoạch đánh chiếm Kavkaz và miền nam nước Nga cho đến sông Volga. Ông đâu có ngờ ở Moskva, *Stavka* cũng đang nghiên cứu kế hoạch mở lại cuộc tấn công Kharkov của Timoshenko.

Ngày 5 tháng 4, đại bản doanh của *Fuhrer* ban bố các mệnh lệnh mở chiến dịch đem lại “thắng lợi cuối cùng ở phía đông”. Trong khi Cụm Tập đoàn quân Bắc với Chiến dịch Ánh sáng phương Bắc^[35] dự kiến đánh chiếm dứt điểm Leningrad và nối thông với Phần Lan thì hướng tấn công chính - Chiến dịch Siegfried, sau đó đổi thành Chiến dịch Blau^[36] - sẽ được tiến hành ở miền nam nước Nga.

Hitler vẫn tin vào “sự vượt trội về chất so với quân Soviet” của *Wehrmacht* và thấy không việc gì phải cần đến dự bị. Cứ như thể cách chức xong các tư lệnh là mọi thất bại cũng đi theo luôn vậy. Thống chế Bock, người được tái bổ nhiệm nhanh nhất, lo rằng chắc gì họ đã đủ sức chiếm nổi các giếng dầu Kavkaz, nói gì đến giữ. Ông sợ rằng Liên Xô chưa cạn kiệt các nguồn dự trữ như đại bản doanh của *Fuhrer* cứ tin chắc. “Quan ngại lớn

nhất của tôi - đó là quân Nga có thể ra tay đánh ta trước - đã không vờ đi chút nào”, ông viết trong nhật ký ngày 8 tháng 5.

Cũng trong hôm đó, von Bock đón chào Tướng Walther von Seydlitz-Kurzbach, người đã phá vây ở Demyansk.



Ông tướng pháo binh Seydlitz là hậu duệ của một vị tướng kỵ binh tài ba của Friedrich Đại đế nổi tiếng từ thời trẻ với màn phi ngựa ngang qua cánh quạt cối xay gió đang quay nhanh, nhưng còn nổi tiếng nhất với trận đại thắng Rossbach trong cuộc Chiến tranh Bảy Năm^[37], nơi kỵ binh của ông đã làm nên lịch sử. Walther von Seydlitz cũng bốc đồng và giống như cụ tổ, ông phải chịu một số kiếp lận đận và một tuổi già cay đắng. Chiều hôm đó Seydlitz đến bằng máy bay từ Königsberg, nơi ông tranh thủ vài ngày phép nghỉ ngơi với vợ trước khi nhận chức Tư lệnh quân đoàn số 51 dưới quyền Paulus. Lúc vợ chồng nói lời từ biệt ở sân bay, họ không ngờ được rằng “đó là cuộc chia ly gần 14 năm trời”.

Ngày hôm sau Seydlitz đi tiếp tới Kharkov. Ông nhận thấy thành phố không bị tàn phá nhiều khi bị đánh chiếm. “Các tòa nhà chủ yếu là từ thời Sa hoàng, trừ một trường đại học mới theo phong cách khoa trương Stalinist và một nhà máy sản xuất máy kéo lớn do Mỹ xây. Ở trung tâm hầu hết mọi thứ đều xây bằng gạch, xa hơn ra ngoài thì nhà cửa làm bằng gỗ”. Tại quân đoàn mới của mình, ông được biết mình có hai sư đoàn Áo, Sư đoàn bộ binh số 44, đơn vị tiếp bước của trung đoàn Habsburg Hoch-und Deutschmeister cũ và Sư đoàn bộ binh số 297 của Tướng Pfeffer.

Ngày 10 tháng 5, Paulus trình lên Thống chế Bock các dự thảo kế hoạch của ông cho Chiến dịch Fridericus, mục tiêu là loại bỏ vùng lồi^[38] Barvenkovo mà Timoshenko đã chiếm được trong cuộc tấn công tháng 1. Mối lo của von Bock về một trận tấn công của quân Nga đã được chứng minh sớm hơn ông nghĩ. Timoshenko đã tập trung 640.000 quân, 1.200 xe tăng và gần 1.000 máy bay. Ngày 12 tháng 5, sáu ngày trước ngày dự kiến bắt đầu Chiến dịch Fridericus, Hồng quân đã mở một cuộc tấn công kép, một từ khu vực Volchansk và một từ vùng lồi Barvenkovo nhằm chia cắt Kharkov. Bock cảnh báo Paulus không nên phản công quá vội hoặc thiếu hỗ trợ của không quân, nhưng các lữ đoàn tăng Soviet đã đột phá phòng tuyến của quân đoàn số 8 của tướng Walther Heitz và đến tối hôm đó các đơn vị tăng của Nga chỉ còn cách Kharkov chưa tới 20 km.

Sáng hôm sau, von Bock thấy mũi đột phá của địch ở gần Volchansk nghiêm trọng hơn ông tưởng. Tập đoàn quân số 6 của Paulus phải hứng chịu những đòn tấn công dữ dội từ các hướng khác nhau. Sau 72 giờ chiến đấu, phần lớn là dưới trời mưa tầm tã, 16 tiểu đoàn đã bị diệt. Paulus tin rằng giải pháp duy nhất là đánh cầm chừng, chỗ nào cần bỏ thì bỏ. Nhưng von Bock lại có ý khác. Ông yêu cầu Halder thuyết phục Hitler rằng một cuộc phản công táo bạo bằng Tập đoàn tăng số 1 của Kleist có thể chuyển bại thành thắng. *Fuhrer*, người chỉ sống vì những khoảnh khắc thế này, lập tức nhận thấy cơ hội. Coi ý tưởng đó là của mình, ông lệnh cho Kleist đưa Tập đoàn tăng số 1 của mình nhanh chóng đến đánh thốc vào sườn phía nam của địch. Ông ra lệnh cho không quân gom hết các tốp máy bay cường kích còn hoạt động được kìm chân đội hình của Timoshenko lại cho tới khi Kleist đến kịp.

Kleist đánh vào phía nam vùng lồi Barvenkovo ngay trước bình minh ngày 17 tháng 5. Đến giữa trưa, mũi nhọn của ông đã tiến được hơn 15 km, ngay cả khi ông phải giao chiến với T-34 ở cự ly gần, ở xa thì đạn ông bắn vào lại “dội ra như pháo hoa”.

Tối hôm đó Timoshenko điện về Moskva xin tiếp viện để chặn Kleist. Theo Zhukov, Timoshenko không cảnh báo cho Moskva rằng quân của ông sắp bị vây nhưng Nikita Khrushchev, Chính ủy Phương diện quân, lại cho rằng Stalin nhất định không cho phép họ rút lui để tránh nguy hiểm đâu. Cuối cùng, vào ngày 19 tháng 5, Timoshenko thu quân với sự đồng ý của Stalin, nhưng lúc đó đã quá muộn.

Thế là von Bock quyết định thời điểm đã đến để Paulus tấn công từ phía bắc khép chặt vòng vây. Trận đánh là cuộc dồn ép hơn 1/4 triệu lính Hồng quân đã dẫn đến một tình huống bất thường. Theo lời một hạ sĩ quan kỳ cựu trong Sư đoàn bộ binh số 389, trung đoàn phóng lựu của anh ta rơi vào một cuộc chiến không khoan nhượng với cái mà anh ta gọi là “tiểu đoàn giặc cái” gồm toàn lính nữ, do một cô tóc đỏ chỉ huy. “Cung cách đánh nhau của đám lính gái này rất quái và biến hóa nguy hiểm. Họ ẩn nấp trong những đồng rơm, chúng tôi lơ ngơ đi qua là bị bắn vào lưng”.

Ngay khi thông lọng thít lại, một phần của Trung đoàn tăng số 2 với mấy khẩu pháo tự hành thấy mình bị rơi vào giữa rất đông quân Nga vào lúc đêm xuống. Chỉ huy của họ là Hyazinth Graf von Strachwitz huyền thoại với biệt danh là “Kỵ sĩ giáp sắt”. Strachwitz 49 tuổi, vốn là kỵ binh trong Thế chiến I - đơn vị của ông đã tiến quá xa chiến tuyến vào năm 1914, đến mức họ đã nhìn thấy Paris từ xa - vẫn giữ bộ ria đen và vẻ ngang tàng của các minh tinh màn bạc những năm 1920. Quan trọng hơn, ông vẫn chưa mất đi tài đánh hơi nguy hiểm đã làm nên tên tuổi là viên chỉ huy may mắn.

Lực lượng nhỏ này của Sư đoàn tăng số 16 trong đêm tối không rõ tình hình nên von Strachwitz ra lệnh bố trí đội hình phòng thủ kiểu con nhím đợi trời sáng. Vừa rạng sáng, ông đưa Đại úy Nam tước Bernd von Freytag-Loringhoven, một chỉ huy chi đội của ông, cùng hai sĩ quan pháo binh lên một gò đất nhỏ chuẩn bị quan sát xung quanh. Trong khi bốn sĩ quan đang loay hoay chỉnh ống nhòm, đột nhiên von Strachwitz tóm lấy tay von Freytag-Loringhoven kéo ngã nhào xuống sườn dốc. Ông hét lên cảnh báo hai pháo thủ nhưng họ không đủ nhanh nhẹn. Cả hai đã chết vì một viên đạn pháo từ một khẩu đội Nga trên một gò đất khác bắn sang. Strachwitz không chút chần chừ, hạ lệnh cho các xe nổ máy, rồi cả đoàn tăng và xe pháo đánh tràn ra khoảng rộng về lại đội hình sư đoàn.

Hồng quân đánh trả quyết liệt trong hơn một tuần giữa tiết xuân ẩm ướt. Họ tiến hành những cuộc đột phá liều lĩnh - đôi khi còn giáp lá cà - vào phòng tuyến Đức trong đêm, nhưng vòng vây vẫn thắt chặt và hàng ngàn người đã bị giết trong ánh sáng le lói kỳ quái của pháo sáng ma-giê. Các xác chết chất đống phía trước trận địa Đức cho thấy tinh thần cảm tử của họ. Những người sống sót cứ tự hỏi liệu mình có thoát được không. Một người lính Nga vô danh bị vây hãm đã viết trong một mẫu giấy cảm giác nhìn lên “ánh đèn pha quân Đức rọi trên những đám mây”, anh tự hỏi liệu mình còn có bao giờ gặp lại người yêu.

Chưa đến 1/10 thoát ra được. Các Tập đoàn quân số 6 và số 57 mắc kẹt trong “cái bẫy chuột Barvenkovo” bị tiêu diệt gần hết. Các tập đoàn quân của Paulus và Kleist đã bắt được 240.000 tù binh, 2.000 khẩu pháo và một

lượng lớn xe tăng của Timoshenko. Thiệt hại của Đức chỉ hơn 20.000 người. Những lời chúc mừng từ khắp nơi đổ đến. Paulus thấy mình được tung hô trên báo chí Quốc xã vốn không mấy khi tán dương giới quý tộc phản động nên cứ làm rùm beng lên về xuất thân bình dân của ông. *Fuhrer* tặng ông huân chương Chữ thập Hiệp sĩ và gửi điện nói rằng ông ta đánh giá cao “thắng lợi của Tập đoàn quân số 6 trước kẻ thù vượt trội về quân số”. Schmidt, Tham mưu trưởng của Paulus, ít lâu sau cho rằng tác động có ảnh hưởng nhất của trận đánh này là vào thái độ của Paulus đối với Hitler. Quyết định của Quốc trưởng cho lùi cuộc phản công đầy tham vọng lại đã cho Paulus thấy được lãnh tụ tài ba cỡ nào và khả năng vượt trội của OKW trong nhận định tình huống chiến lược.

Trớ trêu là trong hoàn cảnh đó Paulus còn nhận được một bức thư khen ngợi dạt dào cảm xúc của thiếu tá bá tước Claus von Stauffenberg ở Bộ Tổng tham mưu, người từng đồng hành với ông trong một phần của trận đánh. “Thật là trong lành”, Stauffenberg viết, “được thoát khỏi bầu không khí này để đến với môi trường nơi những người đàn ông cống hiến những gì tốt đẹp nhất của mình không hề tính toán, và hiến dâng đến cả tính mạng của mình không một lời phàn nàn, trong khi các lãnh đạo và những người đáng ra phải làm gương lại so đo tranh cãi về uy tín của mình, hoặc không có can đảm để nói ra suy nghĩ của mình trong các vấn đề ảnh hưởng đến tính mạng của hàng ngàn chiến hữu”. Paulus hoặc không nhận ra hay nhiều khả năng là cố tình lờ đi cái thông điệp ẩn bên trong.

Rõ ràng Paulus nhất quyết không nhìn nhận lại những sai lầm của Hitler, kể cả sau khi kế hoạch của Chiến dịch Barbarossa bị thay đổi do thời tiết sớm mưa của Quốc trưởng năm ngoái, đáng lẽ ông đã có thể cảm nhận được mỗi nguy hiểm thực sự của một chỉ huy chiến trường. Bị đầu độc bởi niềm tin mình không thể sai lầm và nắm lợi thế có đường dây liên lạc gần như tức thì với tất cả các sở chỉ huy, Hitler có thể kiểm soát mọi động thái từ xa như thể chúa trời.

6

“MỘT NGƯỜI THÌ CẦN BAO NHIÊU ĐẤT?”

Sáng sớm ngày 1 tháng 6, Hitler cất cánh từ sân bay gần Rastenburg trên chiếc Focke-Wulf Condor riêng để đến bản doanh của Cụm tập đoàn quân Nam ở Poltava. Nội dung cuộc họp ở đây là cuộc tổng tấn công mùa hè. Ông rất phấn chấn khi tiếp Thống chế Bock và các chỉ huy cao cấp, gồm Kleist của Tập đoàn tăng số 1, Hoth của Tập đoàn tăng số 4 và Paulus của Tập đoàn quân số 6. Sĩ quan cao cấp của không quân có mặt là Thượng tướng Nam tước Wolfram von Richthofen.

Richthofen, một anh em họ của “Nam tước Đỏ”^[39] và đã gia nhập phi đội của ông ta vào năm 1917, là một người rắn mặt, thông tuệ và kiêu ngạo. Bảng thành tích tàn bạo của ông đã nói lên tất cả. Ông đã chỉ huy Binh đoàn Lê dương Thần Ưng (Condor Legion) ở Tây Ban Nha, khi kỹ thuật ném bom rải thảm ra đời và trực tiếp gây ra cuộc tàn phá Guernica năm 1937, một sự kiện đã trở thành biểu tượng cho sự khủng khiếp của chiến tranh hiện đại. Chính Quân đoàn không quân số 8 của Richthofen đã hủy diệt Belgrade vào tháng 4 năm 1941, giết hại 17.000 dân thường: một hành động mà vì nó, tư lệnh của ông, Tướng Alexander Löhr đã bị người Nam Tư hành quyết sau chiến tranh. Tháng sau, trong cuộc xâm lược Crete, máy bay của Richthofen đã biến kiến trúc phong cách Venice ở cả Canea lẫn Heraklion thành đồng gạch vụn.

Trong cuộc họp, Hitler hầu như không nhắc đến Stalingrad. Đối với các tướng lĩnh của ông thì đó bất quá chỉ là một cái tên trên bản đồ. Nỗi ám ảnh của ông gắn với các giếng dầu Kavkaz. “Nếu ta không lấy được Maikop và Grozny”, ông bảo các tướng, “thì tôi phải ngưng chiến”. Vào giai đoạn này, mối quan tâm duy nhất đối với Stalingrad là các nhà máy sản xuất vũ khí ở

đó và là một cứ điểm trên sông Volga. Việc chiếm thành phố không được coi là cần thiết.

Giai đoạn một của Chiến dịch Blau là chiếm Voronezh. Giai đoạn hai là vây hãm quân Soviet trong hai gọng kìm lớn ép vào bờ tây sông Đông. Tập đoàn quân số 6 lúc đó mới tiến về Stalingrad để bảo đảm cánh đông bắc, trong khi Tập đoàn tăng số 1 của Kleist và Tập đoàn quân số 17 sẽ chiếm Kavkaz. Sau khi von Bock trình bày xong, Hitler bắt đầu nói. Ông diễn giải mọi thứ nghe rất đơn giản. Hồng quân đã hết hơi sau các trận đánh mùa đông và chiến thắng ở Kharkov đã một lần nữa khẳng định sự ưu việt của quân đội Đức. Hitler tin chắc vào thắng lợi ở phía nam đến mức ông đã tính đưa Tập đoàn quân số 11 của Manstein lên phía bắc sau khi Sevastopol thất thủ. Thậm chí ông còn thổ lộ với Manstein ước muốn đưa các đoàn chiến xa băng qua Kavkaz sang Trung Đông và Ấn Độ nữa.

Trước khi Chiến dịch Blau chính thức mở màn, cần có hai cuộc tấn công thử yếu để nắn thẳng lại chiến tuyến và chuẩn bị tuyến xuất phát, với các đầu cầu vượt sông Donets. Vào buổi chiều ngày 5 tháng 6, nhiều sĩ quan và binh lính Tập đoàn quân số 6 đến Kharkov xem ballet, như một món chiêu đãi cuối. Các nghệ sĩ diễn không lương đã được nuôi bằng khẩu phần của *Wehrmacht* qua mùa đông. Hôm đó họ diễn vở Hồ Thiên Nga và công chúng chật cứng, nhể nhại mồ hôi trong quân phục màu lông chuột đã hào hứng thưởng thức bi kịch của hoàng tử Siegfried bị sập bẫy của phù thủy Rothbart. (Sự trùng hợp trớ trêu của hai mật danh — Siegfried là mật danh ban đầu của Chiến dịch Blau, còn Rothbart ở Đức chính là Barbarossa - hoàn toàn tình cờ). Sau buổi diễn, ai nấy vội vã trở lại đơn vị. Trong cái đêm không trăng ấy, các bộ phận tiền tiêu của Tập đoàn quân số 6 đã xuất phát về hướng đông bắc đến khu vực Volchansk.

Ngày 10 tháng 6, vào lúc 2 giờ sáng, các đại đội của Sư đoàn bộ binh số 297 bắt đầu vượt sông Donets bằng xuồng đổ bộ. Đã chiếm giữ bàn đạp ở bờ bên kia, các đại đội công binh bắt tay vào ráp một chiếc cầu phao dài 60 m. Đến chiều tối xe tăng của Sư đoàn tăng số 14 đã rầm rập qua sông. Sáng hôm sau, một chiếc cầu trên phía thượng nguồn bị đánh chiếm trước khi

quân Soviet gác cầu kịp cho nổ. Nhưng điểm vượt sông này quá hẹp nên ngày hôm sau, xe pháo bị tắc lại ngay giữa các bãi mìn hai bên đường được đánh dấu bằng dải băng trắng. Một cơn mưa đổ xuống biến con đường đất thành bãi lầy. Thế rồi hai quả đạn pháo nổ ngay đấy, tung lên trời những cột bùn lẫn khói đen. Thấy thế lũ ngựa kéo xe hoảng sợ chồm lên rồi tạt ngang sang các dải băng. Một quả mìn nổ tung. Một con ngựa tan xác, những con khác gục xuống, máu chảy thành dòng. Những chiếc xe chúng kéo bắt lửa. Ngọn lửa sau đó lan sang các xe chở đạn gần đấy. Đạn súng nhỏ và lựu đạn cứ thế thi nhau nổ.

Những cuộc đụng độ, lúc trên cơ, lúc yếu thế tiếp diễn suốt hôm sau. Một thiếu tá thuộc sư đoàn Swabia khi đến thị sát đơn vị mũi nhọn, đang ngồi cạnh viên tướng của mình trên nền đất đắp cao của đường sắt thì bị một lính bắn tỉa Hồng quân núp trong bụi bắn hạ bằng một phát đạn. Người lái xe cũng bị bắn vào vai trái. Viên tướng ra lệnh cho lính xách tiểu liên đi tìm diệt tay bắn tỉa, đưa xác viên sĩ quan tham mưu của mình lên xe rời khỏi “nơi xui xẻo” cho nhanh. Trong bữa ăn tối đó trong lều bạt ở sở chỉ huy, các sĩ quan cấp dưới tranh cãi về cái hay của chết đột tử. Một số cho rằng cái chết bất ngờ của thiếu tá là đáng mơ ước, có thể nói là lý tưởng với cánh nhà binh, số khác thì chán ngán, coi đó là đánh cắp cuộc sống của người ta, hạ thấp giá trị của một sĩ quan xuống ngang tầm trò bắn bùm. Ông tướng cau có ngồi im suốt buổi, rõ ràng ông thấy áy náy trước cái chết của cấp dưới vì viên đạn đó chính là dành cho ông.

Trong khi Tập đoàn quân số 6 và Tập đoàn tăng số 1 bảo đảm tuyến xuất phát cho Chiến dịch Blau dự định bắt đầu vào ngày 28 tháng 6 thì tất cả các sở chỉ huy có liên quan được một phen hết hồn. Ngày 19 tháng 6, thiếu tá Joachim Reichel, sĩ quan tác chiến của Sư đoàn tăng số 23 bay trên một chiếc máy bay nhẹ Fieseler Storch đi thăm một đơn vị tiên tiêu. Trái với mọi quy định bảo mật, anh ta mang theo mình một tập mệnh lệnh chi tiết cho toàn bộ chiến dịch. Chiếc Storch bị bắn hạ ngay bên ngoài phòng tuyến Đức. Một toán tuần tra được phái đi tìm xác và tài liệu thì thấy quân Nga đã lấy mất rồi. Nghe tin, Hitler gần như á khẩu vì tức giận. Ông đòi đưa ngay chỉ huy sư đoàn và quân đoàn của Reichel ra tòa án binh.

Thật mỉa mai làm sao, khi nghe tin về các tài liệu thu được, Stalin đã gạt đi, coi là đồ giả. Trở về với tính đa nghi trước đây, Stalin không tin bất cứ thứ gì trái với nhận định của ông rằng Hitler thế nào cũng đánh Moskva một lần nữa. Sở chỉ huy Phương diện quân Tây Nam gửi các tài liệu của Reichel đến Kremli bằng đường không, nhưng ngày 26 tháng 6, trong lúc gặp Tướng Filipp Golikov, Tư lệnh Phương diện quân Bryansk đang bị uy hiếp, Stalin đã tức giận ném số tài liệu đó đi khi thấy Golikov tin chúng là thật. Golikov bị tổng về lại sở chỉ huy của mình để chuẩn bị một cuộc tấn công chớp nhoáng chiếm lại Orel. Ông này cùng Ban Tham mưu của mình hì hục làm dự thảo kế hoạch suốt ngày hôm sau và gần hết đêm đó, nhưng công sức của họ đã bị bỏ phí. Cuộc tấn công của quân Đức đã nổ ra vài giờ sau đó.

Ngày 28 tháng 6, Tập đoàn quân số 2 và Tập đoàn tăng số 4 đang triển khai ở gần Kursk đã tấn công theo hướng đông vào Voronezh chứ không lên hướng bắc đến Orel và Moskva như Stalin chờ đợi. Một nhóm kiểm soát không lưu của không quân, thường là một trung úy với vài hạ sĩ quan mang theo điện đài tân tiến nhất, được phân công phối hợp với sở chỉ huy của các sư đoàn tăng mũi nhọn, sẵn sàng gọi không trợ. Một khi đã đột phá thành công, các sư đoàn tăng của Hoth sẽ nhanh chóng tiến lên, với các máy bay Stuka của Richthofen quét sạch các cứ điểm mạnh hoặc các điểm tập trung xe tăng của đối phương ở phía trước.

Trận đột phá của Tập đoàn tăng số 4 của Hoth làm rung động Moskva. Stalin đồng ý với yêu cầu cấp thêm nhiều xe tăng cho Golikov và điều thêm mấy lữ đoàn từ lực lượng dự bị của *Stavka* và từ Phương diện quân Tây Nam của Timoshenko đến. Nhưng vì thông tin liên lạc kém, việc triển khai chúng để đánh trả mất nhiều thời gian. Một chiếc Focke-Wulf 189 từ phi đội thám sát tầm gần đã phát hiện thấy các khu vực tập kết và ngày 4 tháng 7, Quân đoàn không quân số 8 của Richthofen lại không kích.

Ngày 30 tháng 6, Tập đoàn quân số 6 của Paulus vượt qua tuyến xuất phát đã được chuẩn bị ở bờ đông sông Donets. Nó được Tập đoàn quân Hungary số 2 bọc cánh trái và Tập đoàn tăng số 1 trấn cánh phải. Họ đụng phải sự kháng cự mạnh hơn chờ đợi, với tăng T-34 và súng chống tăng chôn sẵn

hoặc nguy trang che mắt máy bay Stuka cũng như xe tăng Đức. Tuy nhiên kiểu đánh này đẩy xe tăng Nga vào thế bất lợi vì lính tăng Đức kinh nghiệm hơn nhiều đã vòng tránh chúng dễ dàng. Xe tăng Soviet hoặc phải đánh đến cùng mà không di chuyển hoặc phải chạy để cứu mạng vào phút chót. “Xe tăng Nga từ chỗ trú ẩn bò ra như bầy rùa”, một người chứng kiến viết, “và cố chạy zích zắc thoát thân. Nhiều xe còn nguyên các thứ nguy trang trông như những bộ tóc giả màu xanh”.

Các sư đoàn Đức tiến qua những cánh đồng rộng trồng hướng dương hoặc bắp. Một trong những mối nguy chính mà họ phải đối mặt là từ những người lính Hồng quân vì quân Đức tiến quá nhanh mà bị tụt lại sau, bây giờ họ tấn công từ đằng sau hoặc ngang sườn đội hình. Trong nhiều trường hợp, khi lính Đức bắn trả, lính Hồng quân ngã xuống giả vờ chết, cứ nằm yên bất động. Khi lính Đức tiến lại xem xét, lính Soviet chờ đến khoảnh khắc cuối cùng mới “bắn họ từ cự ly gần”.

* * *

Mặc dù vẫn không ngừng tiến nhưng các sĩ quan tham mưu Đức vẫn có cảm giác bất an sau vụ các kế hoạch Thiếu tá Reichel mang theo bị lấy mất. Riêng với nhau, họ đã từng tranh cãi xem liệu Kharkov có phải là một chiến thắng quyết định. Giờ thì họ ngờ đó là trò lừa. Họ không biết đối phương có chuẩn bị các binh đoàn dự bị cho một cuộc phản công bất ngờ, hay đang đang dự tính rút sâu vào nội địa, mở rộng các tuyến hậu cần qua các miền hẻo lánh rộng mênh mông rất thiếu thốn phương tiện thông tin liên lạc. Nhưng đến lúc này có vẻ nỗi lo sợ đó thật không đáng. Sự hỗn loạn bên phía Hồng quân đúng là rối rít rối mù, la làng vì mất liên lạc, đến nỗi các chỉ huy và sĩ quan tham mưu phải lên máy bay bà già bay lòng vòng, vừa né tránh máy bay chiến đấu địch, vừa xác định vị trí quân nhà.

Vụ Reichel phủ một cái bóng dài. Ý nghĩ về một cái bẫy ranh ma của bên Nga, sau trận Stalingrad đã được nhắc lại và thêm mắm thêm muối dưới ngòi bút của những người sống sót và các sử gia Đức về Chiến tranh Lạnh

vốn bỏ qua một thực tế rõ ràng về sai lầm lớn nhất của Stalin từ đầu chiến tranh là không cho rút quân. Tháng 7 năm 1942 Hồng quân bắt đầu rút lui trước khi quân Đức tới không phải là một phần của một kế sách ma quỷ nào cả. Chỉ đơn giản là cuối cùng Stalin cũng có lại sự khôn ngoan mà cho phép các chỉ huy tránh bị bao vây. Kết cục là gọng kìm của Đức ở bờ tây sông Đông đã khép lại nhưng chẳng được gì.

Tuy vậy, *Stavka* nhất trí rằng Voronezh là một đầu mối giao thông quan trọng cần phải giữ đến cùng. Họ biết rằng nếu không trụ lại được ở đây và ngăn quân Đức tiến qua thượng nguồn sông Đông thì toàn bộ Phương diện quân Tây Nam của Timoshenko sẽ bị hớ sườn.

Voronezh phải là trận đánh lớn đầu tiên với Sư đoàn tăng số 24, là sư đoàn mà một năm trước chỉ là một sư đoàn kỵ binh của *Wehrmacht*, giờ vừa mới được cơ giới hóa. Có sư đoàn *Grossdeutschland* (Nước Đại Đức) và Sư đoàn cơ giới số 16 bọc sườn, Sư đoàn tăng số 24 nhằm Voronezh mà tiến. Đơn vị bộ binh cơ giới^[40] của nó đã đến sông Đông vào ngày 3 tháng 7 và chiếm một đầu cầu trên bờ bên kia. Tối hôm sau sư đoàn *Grossdeutschland* chiếm được cây cầu trên con đường chính đến Voronezh bằng một đòn chớp nhoáng táo bạo trước khi quân Nga hiểu ra chuyện gì.

Hitler lại bay đến Poltava một lần nữa vào ngày 3 tháng 7 với cả bộ sậu để trao đổi với Thống chế Bock. Vẫn với tâm trạng hân hoan chiến thắng vì mới chiếm được Sevastopol và mới phong cho Manstein lên thống chế. “Trong lúc trò chuyện”, von Bock viết trong nhật ký, “*Fuhrer* tỏ ra rất khoái chuyện người Anh hể có gì không hay là lại bỏ tướng, đó là cách họ vui dập tinh thần chủ động trong quân đội của mình!” Các tướng Đức có mặt đều buộc phải bợ đỡ cười góp. Mặc dù Hitler rõ ràng đang đắc chí nhưng ông vẫn còn lo làm sao không cho quân Soviet chạy thoát, nhất là bộ phận ở phía Đông Nam Voronezh, trong khúc quanh của sông Đông. Có vẻ như thành phố sẽ thất thủ chóng thôi.

Sau đó Hitler đưa ra một quyết định dung hòa tai hại. ông cho phép von Bock tiếp tục đánh Voronezh với một quân đoàn tăng vốn đã vào cuộc, phần còn lại của tập đoàn tăng của Hoth thì ông đưa xuống phía nam. Nhưng lực

lượng còn lại của Đức lại không đủ sức để giành chiến thắng nhanh chóng. Quân phòng thủ Soviet vẫn trụ vững trong những trận đánh đường phố ác liệt, nơi mà quân Đức mất đi lợi thế chính của mình.

Ngẫu nhiên nhiều hơn là có bài bản, cuộc chiến ở Voronezh là một phần của một chu kỳ để Hồng quân tập trung vào trui rèn cách đánh đường phố hơn là những đường vẽ tùy hứng trên bản đồ. Sự linh động mới có đã cho phép các quân đoàn của Timoshenko lui lại, tránh bị bao vây, nhưng họ cũng đã quá tả tơi rồi nên vào ngày 12 tháng 7, *Stavka* ra chỉ thị thành lập một phương diện quân mới - Phương diện quân Stalingrad. Mặc dù không ai dám lên tiếng đưa ra ý kiến chủ bại rằng Hồng quân có thể bị đẩy lùi đến tận sông Volga nhưng mỗi linh cảm vẫn ngáy một lớn rằng ở đây sẽ là nơi diễn ra trận quyết chiến chính. Bằng chứng nặng kị nhất là việc Sư đoàn bản tĩa NKVD số 10 bất thần rời Saratov, trong đó có đến 5 trung đoàn đến từ Urals và Sibir. Sở chỉ huy của sư đoàn thu tóm trong tay quyền chỉ huy tất cả các đơn vị NKVD địa phương và các tiểu đoàn dân quân tự vệ, lập ra một chi đội tàu bọc sắt và hai tiểu đoàn huấn luyện tăng đồng thời nắm quyền kiểm soát toàn bộ giao thông đường thủy trên sông Volga.

* * *

Những ngày đó có vẻ thật huy hoàng với các trung đoàn tuyến trước của Đức. “Xa ngút tầm mắt”, một người chứng kiến viết, “xe bọc thép và xe xích bánh sau lăn bánh trên thảo nguyên tiến về phía trước. Cờ hiệu phất phơ bay trong không khí lấp loáng buổi chiều”. Các chỉ huy hiên ngang đứng thẳng người trên tháp pháo xe tăng, một tay giơ cao, vẫy các đại đội tiến lên. Xích xe cuốn tung bụi và thổi bạt ra như khói mây đang bốc lên.

Những ngày đó đặc biệt ngây ngất với các sĩ quan trẻ đang ganh đua đánh chiếm Rostov-na-Donu. Cùng với tiết xuân, tinh thần họ cũng phục hồi, trang thiết bị mới và chiến công vang dội ở Kharkov đã xóa đi cơn ác mộng của mùa đông trước. “Cứ như đầu óc chúng tôi có hai nửa vậy”, Trung úy Bá tước Clemens von Kagenack thuộc Sư đoàn tăng số 3, người sắp được

nhận huân chương Chữ thập Hiệp sĩ với Lá sồi, giải thích. “Chúng tôi hăm hở xông lên phía trước nhưng vẫn biết rằng đến mùa đông địch sẽ lại tấn công”. Họ cũng gần như quên mất tiềm năng của nước Nga, đất rộng mênh mông, khí hậu khắc nghiệt và đường sá tệ hại phá hỏng hết khí tài hiện đại và buộc họ trở về với chiến thuật và điều kiện chiến đấu chẳng khác gì thời Thế chiến I.

Trong những tháng đầu chiến dịch, bộ binh tính toán cẩn thận xem mình đã tiến được bao xa kể từ lúc vượt qua biên giới trong buổi sáng đầu tiên của Barbarossa. Giờ thì họ chả còn quan tâm đến chuyện đó nữa. Họ cứ lầm lũi bước tới, mặt xạm đen bụi đường quện mồ hôi, với nhịp độ 10 km/giờ cố bắt kịp các đơn vị cơ giới. Các chỉ huy xe tăng dường như cũng quên rằng pháo binh của hầu hết các sư đoàn vẫn còn chưa cơ giới hóa, những con ngựa kéo nhọc nhằn thường xuyên bị sặc trong đám mây bụi, còn lính pháo thì vật vờ lắc lư trên lưng chúng. Nhưng công nghệ và thảo nguyên bằng phẳng cũng đem lại một lợi thế lớn. Nếu có ai bị thương trong cuộc rượt đuổi để bắt kịp nhau này thì sẽ nhanh chóng được đưa đi ngay bằng “Sanitats-Ju”, một chiếc Junker 52 được chuyển đổi thành máy bay cứu thương.

Choáng ngợp trước chân trời xa tít tắp và bầu trời lồng lộng và có lẽ cả vì xe lắc lư như diên qua các ổ gà giống như con tàu trên sóng lớn, người giàu tưởng tượng hẳn sẽ thấy thảo nguyên như biển cả khó lường. Tướng Strecker đã mô tả nó trong một lá thư như “một đại dương có thể nhấn chìm những ai xâm phạm”. Làng mạc trở thành những hòn đảo. Trên thảo nguyên cháy nắng, chúng còn là nguồn nước uống. Nhưng một chỉ huy xe tăng có thể thấy một mái vòm củ hành của nhà thờ lộ ra đằng xa, rồi khi đến nơi thì thấy cạnh đó cả làng đã bị tàn phá, có khi còn cả những đoạn gỗ đang cháy dở. Chỉ những ống khói bằng gạch là còn nguyên. Xác ngựa và gia súc nằm ngổn ngang, bụng trương phình trong cái nóng, chân chống lên trời quái đản. Thường thì dấu hiệu duy nhất của sự sống là con mèo hoang, kêu thảm thiết trong đồng cỏ nát.

Làng nào chưa bị cuộc chiến tàn phá thì có thể một ông lão nông dân rụt rè xuất hiện, bỏ mũ ra chào như thể trước mặt ông chủ đất thời trước cách mạng, rồi vội vàng đi lấy nước cho khách. Cánh đàn bà có thể nhân cơ hội lùa ngỗng ra con mương hay bụi rậm nào gần đấy để giấu, nhưng rồi họ sẽ nhận ra rằng lính Đức mũi cũng thính không thua gì các đội trưởng thu trước đây.

Lính không chỉ lấy củ cải củ hành ngoài đồng, họ còn sục vào hầu như mọi mảnh vườn rẻo đất mà họ đi qua. Gà, vịt, ngỗng là chiến lợi phẩm ưa thích nhất vì chúng gọn nhẹ và dễ nấu nướng. Clemens Podewils, phóng viên chiến trường đi theo Tập đoàn quân số 6, đã mô tả trong nhật ký về một nhóm lính chiến ghé qua một làng vào ngày 30 tháng 6 sau một trận đụng độ: “Những hình hài đen nhẻm từ xe tăng và xe xích bánh sau nhảy xuống. Đột nhiên một cảnh hành hình diễn ra. Gia cầm cổ đỏ máu, đập cánh phành phạch trong cơn giãy chết được đưa về các xe. Đám người lại nhảy lên xe, xích xe nghiêng xuống đất và đoàn xe tiếp tục lên đường”. Một thứ mà họ tha không lấy của dân trong mùa hè đó là hạt hướng dương mà lính Đức gọi đùa là “chocolat Nga”.

Có một sự khập khiễng đáng ngại trong nhiều vấn đề, có vẻ như mối liên hệ giữa những cảnh tượng khủng khiếp với sự liên quan của chính mình không còn nữa. “Một thằng bé thật bé”, một sinh viên thần học 20 tuổi viết trong thư. “Nó không van xin, chỉ lúng búng trong mồm *“Xin ngài bánh mì”*. Lạ thay có biết bao buồn tủi, chịu đựng và hờ hững chứa đựng trong một khuôn mặt trẻ thơ”. Chẳng bao lâu sau đó, chính anh chàng sinh viên thần học ấy đã trở lại là người lính, ngay trước khi chết đã bộc lộ chất trữ tình của trường phái lãng mạn đầu thế kỷ XIX: “Nước Đức, con không thường nói từ này, người là đất nước của những trái tim vĩ đại mạnh mẽ. Người là mái nhà của con. Đáng đánh đổi cả cuộc đời để là hạt giống của người”.

Các đồng minh của Đức cướp bóc với quan niệm trái khoáy về đạo đức khi cho rằng lấy của cộng sản là việc nên làm. “Quân ta mới thó được ba bình sữa”, một viên hạ sĩ Hungary viết trong nhật ký. “Mấy mẹ đàn bà giấu

sữa dưới hầm thì quân ta xông ra, rút lựu đạn giả vờ ném. Các mẹ kinh quá chạy mất, thế là quân ta lấy sữa. Cầu Chúa cứ giúp chúng con dài dài”.

* * *

Tháng 7 năm đó Hitler càng thêm sốt ruột vì những trì hoãn mà chủ yếu là do lỗi của ông. Các sư đoàn tăng lẽ ra phải đột phá bất ngờ nhưng lại phải dừng vì hết nhiên liệu đúng vào lúc quyết định. Sự trì hoãn này càng làm *Fuhrer* bức mình gấp bội vì mắt ông nhìn vào bản đồ mà toàn thấy các giếng dầu Kavkaz.

Tâm trạng sốt ruột của Hitler thôi thúc ông thay đổi kế hoạch một cách hết sức tai hại làm lãng phí nhiều thời gian hơn và tốn nhiều nhiên liệu quý giá hơn vì các đơn vị buộc phải chuyển hướng. Giai đoạn tâm điểm của Chiến dịch Blau là Tập đoàn quân số 6 và Tập đoàn tăng số 4 gấp rút hành quân đến Stalingrad để chặn đường rút của quân Timoshenko trước khi tấn công Rostov và vượt qua hạ nguồn sông Đông để vào Kavkaz. Nhưng Hitler lại nôn nóng đẩy nhanh cuộc tấn công vào Kavkaz đến mức quyết định tiến hành đồng thời cả hai giai đoạn. Việc đó đương nhiên làm suy yếu nghiêm trọng việc tập trung binh lực. Trái hẳn lời khuyên của Halder, ông điều Tập đoàn tăng số 4 của Hoth xuống phía nam, lại còn lấy thêm của Tập đoàn quân số 6 cả Quân đoàn tăng số 40, do đó đã làm chậm hẳn bước tiến xuống thành cuộc tấn công hàng ngang chậm chạp vào Stalingrad.

Thống chế Bock không giấu nổi bức tức trước quyết định tùy tiện của *Fuhrer* chia Chiến dịch Blau từ hai giai đoạn tiếp nối liền lạc chặt chẽ thành hai phần riêng biệt. Hitler còn quyết định chia đôi Cụm tập đoàn quân Nam. Thống chế Wilhelm List, một người Bavaria đảm nhận Cụm Tập đoàn quân A đánh vào Kavkaz, trong khi Thượng tướng Nam tước Maximilian von Weichs chỉ huy Cụm Tập đoàn quân B, với Tập đoàn quân số 6 là nòng cốt. Hitler thừa biết von Bock bất bình nên cứ lờ ông đi, đổ cho ông lỗi chậm trễ ở Voronezh. Như vậy Hitler không chỉ thay đổi tổ chức mà cả thời gian và trình tự vốn tạo ra sự chặt chẽ cho Chiến dịch Blau. Bước tiếp theo được

ông đưa ra hai tuần sau, mở rộng đáng kể phạm vi của nó trong khi lại giảm bớt lực lượng có thể tham gia.

Bao nhiêu chú ý của *Fuhrer* đều đổ dồn về các lối vào Kavkaz trong khi ông sốt ruột chờ những dấu hiệu cho thấy một trận bao vây lớn, nhốt chặt các lực lượng của Timoshenko trên thảo nguyên phía bắc Rostov. Nhưng vòng vây duy nhất khép được lại tương đối nhỏ, do Quân đoàn tăng số 40 thực hiện ở Millerovo ngày 17 tháng 7. Các sư đoàn tăng không để mất thời gian, cứ tiếp tục tiến, để mặc các đơn vị khác quây địch lại. Xe tăng lao xuống theo hướng đông nam và các đơn vị mũi nhọn của nó đã đến được thị trấn và nhà ga xe lửa Morozovsk vào ngày hôm sau. Thêm một ngày nữa họ đã đến hạ nguồn sông Đông, hành quân một mạch hơn 200 km chỉ trong ba ngày.

Một lần nữa số phận chờ đợi tù binh Hồng quân là rất khắc nghiệt. Stepan Ignatevich Odiniuksev, lính hành chính sư đoàn kỵ binh số 60, là một trong những người bị bắt tại Millerovo ngày 17 tháng 7. Cùng với hàng ngàn tù binh Nga khác, anh bị lừa vào một cái chuồng tạm ở Morozovsk, bên cạnh tuyến đường sắt chính, phía đông chạy về Stalingrad còn phía tây thì sang Ukraina. Trong mấy tuần tiếp theo, một số tù binh được phân đi các trại tù dựng vội, còn Odiniuksev thì bị đưa đến một cái chuồng khác lộ thiên quây kẽm gai gần làng Golubaya. “Chúng tôi chết dần vì đói”, anh nhớ lại sau khi được Hồng quân tìm thấy hơn ba tháng sau. “Hôm nào khá thì chúng tôi nhận được một ít mạch đen nấu lỏng bỏng. Thịt lấy từ ngựa chết kể như tiệc. Chúng tôi thường xuyên bị đánh bằng báng súng, nhiều khi chẳng vì cố gì cả. Mỗi ngày có đến hàng tá người chết vì đói hay vì bị đánh”. Mặc dù NKVD hết sức nghi ngờ bất kỳ chiến sĩ Hồng quân nào bị Đức bắt, song người thẩm vấn Odiniuksev lại tin câu chuyện của anh. “Người này”, anh ta ghi chú bằng bút chì bên dưới biên bản đánh máy, “trông chỉ còn da bọc xương”.

Cuộc tiến quân của Đức lúc đó nhanh đến nỗi vào ngày 19 tháng 7, Stalin phải đích thân ra lệnh cho ủy ban Quốc phòng Stalingrad phải chuẩn bị chiến đấu khẩn cấp. *Stavka* lo rằng Rostov không thể giữ được lâu. Tập đoàn

quân số 17 sẵn sàng vượt sông Đông phía Biển Đen, Tập đoàn tăng số 1 đang tiến về thành phố từ hướng bắc và một bộ phận của Tập đoàn tăng số 4 đang chuẩn bị cường tập sang bờ đông sông Đông. Ngày 23 tháng 7, các sư đoàn tăng số 13 và số 22 được đơn vị bộ binh của sư đoàn SS *Wiking* hỗ trợ, tấn công thẳng vào trung tâm Rostov đến tận cây cầu chính qua sông Đông. Cuộc chiến trong thành phố rất ác liệt, nhất là ở trụ sở NKVD do chính lực lượng của họ phòng thủ, nhưng đến cuối ngày hôm sau, ổ đề kháng chủ yếu cuối cùng cũng vỡ trong một cuộc càn có hệ thống từ nhà này sang nhà khác. Hitler mừng lắm. Việc chiếm lại được Rostov đã xóa tan ký ức không vui về mùa đông năm ngoái của ông.

* * *

Ngày 16 tháng 7, Hitler đến hành dinh tiền phương của mình ở thành phố Vinnitsa, Ukraina. Là hành dinh dự phòng cho *Wolfsschanze* ở Rastenburg, mật danh của nó là *Werwolf* (*Ma Sói*). (Tên Adolf là một biến thể của từ Wolf trong tiếng Đức cổ, hiển nhiên nó đem lại cho *Fuhrer* niềm hứng khởi về nòi giống). Ông hân yên lòng khi đã chắc chắn Vinnitsa là “Judenrein” — “sạch Do Thái” - sau khi tiểu đoàn cảnh sát đã hành hình hàng loạt vào mùa thu năm trước.

Tổ hợp *Ma Sói* gồm những căn nhà lớn và đầy đủ tiện nghi dựng bằng những súc gỗ thông từ khu rừng phía bắc thị trấn. “Nhà của *Fuhrer*” bề ngoài có vẻ giản dị được xây trong khu riêng biệt. Bị hoang tưởng khi ở trong đất của địch, Hitler còn có cả boong ke bê tông. Rattenhuber, vệ sĩ của ông, đã mô tả lại việc phòng vệ an ninh ở Vinnitsa khi bị các sĩ quan SMERSH thẩm vấn ngay sau chiến tranh. Stalin, vốn quan tâm tới mọi chi tiết cá nhân về Hitler, đã nhận được báo cáo đặc biệt từ Abakumov, thủ trưởng SMERSH.

Sự nỗ lực và kỹ càng từng chi tiết khi phục vụ các nhu cầu và an toàn cho *Fuhrer* cứ như trong cung đình Byzantine ngày xưa. Trước khi ông đến, các nhóm Gestapo rà soát hết tường vách tìm micro và chất nổ. Một vườn rau

lớn do hãng làm vườn Zeidenspiner thiết kế, còn Tổ chức Todt thì chăm sóc. Đầu bếp riêng của Hitler, Đại úy SS Fater, phải tự ra vườn chọn rau. Bất kỳ rau gì dùng cho Hitler đều được nhốt dưới sự giám sát của một liên lạc viên được chỉ định rồi chính người này sẽ đưa rau vào bếp. Tất cả thực phẩm phải được phân tích hóa học trước khi nấu và được ném thử trước khi cho lên đĩa. Mẩu nước cũng phải được kiểm tra mỗi ngày mấy lần. Nước khoáng được đóng chai trước mặt các liên lạc viên rồi họ đưa vào. Thậm chí đồ đem giặt cũng phải soi X-quang để đảm bảo không bị cài thuốc nổ. Các bình oxy đặt ngoài boong ke sẵn sàng bơm không khí vào vì Hitler sợ hơi độc từ bê tông cốt thép bốc ra. Gestapo giám sát việc nạp các bình này và thường xuyên kiểm tra chúng.

Fuhrer ở lại đây vào cuối tháng 7 gặp phải đợt nóng. Nhiệt độ lên đến xấp xỉ 40°C. Hitler đầm đìa mồ hôi, hết sức khó chịu - nhất là với tính khí dễ nổi điên - trong đợt tấn công Rostov. Sốt ruột không chờ được, ông liên tục thúc Halder đẩy nhanh chiến dịch. Ông tin chắc Hồng quân đang sắp hết hơi rồi nên vào ngày 23 tháng 7 ông sửa lại Chiến dịch Blau trong Chỉ thị của Quốc trưởng số 45. “Trong một chiến dịch đã kéo dài hơn ba tuần, các mục tiêu nằm sâu tôi vạch ra cho cánh nam của *Ostfront* đã phần lớn đạt được. Chỉ còn những lực lượng yếu ớt của địch thoát khỏi vòng vây và sang được bờ bên kia sông Đông”.

Hitler đã bỏ qua tính hợp lý chiến lược là cơ sở của toàn bộ chiến dịch, giờ ông lại lập tức tăng các mục tiêu của mình. Tập đoàn quân Số 6 phải chiếm và trụ lại Stalingrad. Ông không còn bằng lòng với ý đồ ban đầu là tiến đến sông Volga và phá hủy các nhà máy quân sự. Sau đó Paulus phải đưa các đơn vị cơ giới xuôi theo sông Volga đánh xuống Astrakhan bên bờ biển Caspi. Cụm tập đoàn quân A dưới quyền Thống chế List giờ lại được lệnh chiếm trọn bờ đông Biển Đen và toàn bộ phần còn lại vùng Kavkaz.

Nhận lệnh đó hai ngày sau, List trở mắt không tin nổi. Ông chỉ có thể cho rằng Hitler có nguồn tin tình báo khẳng định sự tan rã của Hồng quân mà chưa thông báo. Các chỉ huy tập đoàn quân còn nghe nói rằng Tập đoàn quân số 11 của Manstein sau khi chiếm Krym xong đã quay lại đánh

Leningrad, còn sư đoàn *Grossdeutschland* và sư đoàn tăng *SS Leibstandarte* sắp được đưa trở lại Pháp. “Việc thường xuyên đánh giá thấp tiềm lực của địch”, Halder viết trong nhật ký, “dần dần đã có vẻ điên rồ và trở nên nguy hiểm”.

Hitler cố gắng điều chỉnh canh bạc nguy hiểm này bằng viện binh của các đồng minh. Mặc dù *Fuhrer* có thể thuyết phục người ta bằng các bài bản tuyên truyền ồ ạt, tô hồng — cái mà Rommel đã giễu cợt gọi là “liệu pháp tâm năng” - ông cũng chẳng thuyết phục được mấy viên tướng của mình riêng trong chuyện này. Khi ông dùng những lời lẽ hùng hồn nói về các tập đoàn quân Romania số 3 và 4, Tập đoàn quân Hungary số 2 và Tập đoàn quân Italia số 8, họ biết rõ rằng chúng không thể nào so được với một quân đoàn đầy đủ của Đức chứ chưa nói gì đến tập đoàn quân, chủ yếu là vì chúng thiếu vũ khí chống tăng. Các tướng Đức cũng nhất trí với nhận định của Thống chế Rundstedt về “đội quân bát nháo như Hội Quốc Liên” này, gồm có quân Romania (mà theo ông ta thì sĩ quan và hạ sĩ quan “hết biết nói sao”), quân Italia (“khùng khiếp”) và quân Hungary (“chỉ mong về nhà cho nhanh”). Trừ một vài ngoại lệ như quân Slovak (“nhất hạng, rất chất phác”) và quân sơn cước Romania, ông ta cũng như các chỉ huy Đức khác cho rằng họ trang bị kém, vũ khí kém, huấn luyện kém và hoàn toàn không được chuẩn bị để tác chiến ở *Ostfront*.

Tuy nói năng có hơi kẻ cả nhưng nhiều quan sát của von Rundstedt đã được kiểm chứng từ các nguồn khác. Nhật ký, thư từ và biên bản hỏi cung của phía Liên Xô đã dựng lại hình ảnh về phần đông binh lính và hạ sĩ quan đồng minh rõ ràng đến đau đớn, nhiều khi còn thâm trầm. Hạ sĩ Istvan Balogh thuộc Lữ đoàn cơ giới Hungary số 1 — đơn vị đã rời ga Budapest vào ngày 18 tháng 6, “giữa những con người lặng lẽ và tiếng kèn buồn não lòng”, lên đường đến “mảnh đất đầm máu bên Nga”. “Xin Đức Mẹ che chở cho Hungary”, anh viết trong một cuốn nhật ký nhỏ mà ba tháng sau sẽ được lấy từ xác anh trên bờ sông Đông rồi gửi về Moskva, “xin hãy cầu nguyện cho chúng con và bảo vệ chúng con khỏi mọi tội lỗi và tai ương! Amen”. Tâm trạng rối bời lúc họ ra đi, buồn bã, khiếp sợ trước thảo nguyên nước Nga và những thoáng lác quan bất chợt. Trong vài toa chở lính “nghe thấy tiếng

hát”, một người lính Hungary khác về sau kể lại khi bị hỏi cung. “Lính với quan đều uống rượu, vui ra phết. Không ai biết chiến tranh nó là thế nào”.

Năm ngày sau, đoàn tàu của Balogh chạy ngang qua vài bãi chiến trường của năm trước. “Ở đâu cũng thấy xác xe tăng Nga. Chúng tôi nhìn vào mà mà lo sợ cái địa ngục Đỏ sang đánh Hungary, ờn Chúa nó đã bị chặn đứng. Chúng tôi tin chắc mình sẽ quét sạch mối nguy Đỏ ấy cho châu Âu”. Vào ngày 1 tháng 7 ở Ivanovka họ nghe thấy tiếng pháo bắn lần đầu. “Đâu đâu cũng thấy xác xe Đức cháy. Người Đức bắt đầu đánh mất vận may chiến trận rồi sao? Hãy tin ở Chúa rồi vận may sẽ ở lại với ta dù có đôi khi thất bại”.

Đại đa số lính đồng minh đều là lính quân dịch, trong đó ít nhất một nửa thất học. Không được làm quen với công nghệ tân tiến khiến họ dễ hoảng loạn khi bị xe tăng hay máy bay tấn công. Tiền lương mỗi ngày của họ, như một trung úy kỵ binh Romania thừa nhận khi bị bắt, chỉ “vừa đủ mua một lít sữa”. Dịch vụ y tế có vẻ như không khác thế kỷ trước là mấy.

Tinh thần trong các đơn vị Hungary không cải thiện được do cách sĩ quan đối xử với lính của mình. Hình phạt trên chiến trường trong các quân đội đồng minh có thể nói là tùy hứng, nếu không phải là hỗn loạn. “Một người sang thăm bạn mà không được chỉ huy của mình cho phép”, Hạ sĩ Balogh ghi lại vào ngày 3 tháng 7. “Người ta định treo cổ anh ấy nhưng sau đổi xuống còn tám giờ gác đêm, thế mà rồi lại hoãn. Nhưng có ba cậu lính khác vẫn bị treo cổ. Tiếc thay, cứ như thế ta vẫn đang sống trong thế kỷ XIV không bằng”. Lính Romania vẫn bị sĩ quan của họ phạt đòn. Các hình thức kỷ luật trở nên thậm chí còn cần thiết hơn sau khi lực lượng Romania thương vong hết 98.000 người trong cuộc vây hãm Odessa cuối mùa hè năm 1941. Chẳng mấy người hiểu được tại sao cứ phải tấn công sang phía đông sông Dniester trong khi Bessarabia đã chiếm lại được rồi.

Thái độ người Balkan với chiến tranh vẫn rất sơ khai theo cách khác. Một vài người lính tỏ ra thất vọng vì cướp được ở Nga ít hơn sĩ quan của họ đã hứa hẹn. “Thói quen cướp bóc đã ăn vào máu người Đức, cả người Hungary cũng thế”, một trong số họ đã thật thà thú nhận với sĩ quan NKVD thẩm vấn sau khi bị bắt.

Sự yếu kém thực sự của các đội quân đồng minh này mãi đến mùa thu mới được thử lửa. Đến lúc đó thì Hitler cũng đã nhận ra sai lầm nhưng không chịu thú nhận. Lúc đó thì đã quá muộn để tránh được thảm họa. Nhìn vào tham vọng găng gượng lạc quan thái quá của Hitler ở giai đoạn này, có thể thấy ông chưa hề đọc, hoặc có đọc cũng không hiểu, câu chuyện ngụ ngôn của Lev Tolstoy “Một người cần bao nhiêu đất?” viết năm 1886. Trong chuyện có một nông dân giàu có tên là Pahom được nghe kể về đất đai màu mỡ trong xứ sở của người Bashkir bên kia sông Volga. Họ là những người chất phác và ông muốn lấy bao nhiêu đất thì lấy mà không khó khăn gì lắm. Khi Pakhom đến xứ sở của người Bashkir, họ bảo ông rằng chỉ cần 1.000 rúp ông có thể lấy hết khu đất mà ông có thể đi giáp vòng trong một ngày. Thấy họ không tinh ranh nên Pakhom đặc chí coi thường. Ông ta tin rằng mình có thể đi giáp vòng một khu đất thật lớn. Ngay sau khi lên đường, ông thấy ở đây, ở kia, nơi nào cũng hấp dẫn mà ông quyết định sẽ lấy, một cái đầm đăng kia, hay một dải đất bên này mà trồng lanh thì tuyệt. Thế rồi ông nhận thấy mặt trời đang ngả về chiều. Hiểu ra mình có nguy cơ mất tất cả, ông cắm đầu cắm cổ chạy về cho kịp. “Mình vơ vào quá nhiều”, ông tự nhủ, “và thế là làm hỏng hết mọi chuyện”. Vì cố quá nên ông gục ngã. Ông chết ngay ở điểm cuối và người ta đã chôn ông ngay đó. “Chừng hai mét từ đầu đến chân là tất cả những gì ông ta cần”, Tolstoy kết luận. Điểm khác biệt trong câu chuyện chưa đầy 60 năm sau là không phải chỉ một người được chôn trên thảo nguyên này mà có đến hàng trăm nghìn người.

“MỘT BƯỚC KHÔNG LÙI”

Ngày 28 tháng 7, trong lúc Hitler vẫn đang ăn mừng chiếm được Rostov thì Stalin cũng cảm thấy thời điểm khủng hoảng đã đến gần. Các lực lượng Soviet đang lui bước trước Tập đoàn quân số 6 của Paulus và đối mặt với việc bị tiêu diệt ở phía tây sông Đông. Nếu quân Đức vượt qua sông Volga sâu thêm 60 km nữa, đất nước sẽ bị cắt làm đôi. Đoàn tàu tiếp tế PQ-17 vừa bị diệt trên Biển Barents, còn tuyến tiếp tế mới của Anh-Mỹ qua Ba Tư [Iran] cũng sẽ sớm bị uy hiếp. Liên Xô sắp bị bóp nghẹt.

Hôm đó, trong phòng làm việc của ông ở điện Kremli, Stalin bỗng thôi đi đi lại lại khi nghe Tướng Aleksandr Vasilevsky báo cáo. “Người ta quên hết lệnh của *Stavka* rồi!” ông thốt lên. Mệnh lệnh được ban bố hồi tháng 8 năm ngoái viết rằng “bất cứ ai tháo bỏ quân hàm quân hiệu trong chiến đấu và đầu hàng địch phải bị coi là kẻ đào ngũ hiểm độc, gia đình hắn sẽ bị bắt vì là gia đình của kẻ phá bỏ lời thề và phản bội tổ quốc. Những kẻ đào ngũ đó sẽ bị bắn tại chỗ. Những ai bị rơi vào vòng vây... và những ai chọn cách đầu hàng sẽ bị tiêu diệt bằng mọi cách, còn gia đình chúng sẽ bị cắt hết trợ cấp và mọi sự trợ giúp của nhà nước”.

“Người ta quên tiệt cả rồi!” Stalin nhắc lại. “Hãy viết ngay một mệnh lệnh khác y như vậy”.

“Bao giờ đồng chí muốn tôi báo cáo đã viết xong lệnh?” Vasilevsky hỏi.

“Ngay hôm nay. Bao giờ xong thì đến đây”.

Tối hôm đó Vasilevsky quay lại với dự thảo Quân lệnh số 227, thường được biết một cách đơn giản hơn là “Một bước không lùi”. Stalin sửa lại nhiều chỗ, sau đó ký tên. Mệnh lệnh này phải được đọc trước binh sĩ các đơn vị Hồng quân. “Những kẻ gieo rắc hoang mang và bọn hèn nhát phải bị

tiêu diệt tại chỗ. Tư tưởng rút lui phải bị loại bỏ thẳng tay. Các chỉ huy quân đội mà cho phép tự ý rời bỏ vị trí phải bị cách chức và lập tức ra tòa án binh”. Bất kỳ ai đầu hàng đều là “kẻ phản bội tổ quốc”. Mỗi tập đoàn quân phải lập ra ba hoặc năm chi đội được vũ trang tốt (mỗi chi đội có thể lên tới 200 người) tạo ra tuyến hai để bắn kẻ nào chạy trốn. Zhukov đã thực hiện ngay mệnh lệnh này ở Phương diện quân Tây chỉ sau 10 ngày, sử dụng những chiếc xe tăng do các sĩ quan được lựa chọn đặc biệt điều khiển. Họ sẽ đi theo sau hàng ngũ tấn công phía trước, sẵn sàng “trừ khử biểu hiện hèn nhát” bằng cách bắn bỏ những kẻ hoang mang dao động.

Ba trại được dựng lên để thẩm vấn những người bị bắt hoặc bị vây mà thoát ra được. Các chỉ huy cho phép rút lui bị tước quân hàm đưa vào các đại đội hoặc tiểu đoàn trừng giới. Trại đầu tiên ở Phương diện quân Stalingrad ra mắt chỉ sau ba tuần, vào ngày 22 tháng 8, một ngày trước khi quân Đức đến được sông Volga.

Các đại đội trừng giới - *shtrafoty* — thực hiện những nhiệm vụ cảm tử như gỡ mìn trong các cuộc tấn công. Tổng cộng có đến hàng vạn binh sĩ Hồng quân phải “lấy máu trả nợ cho những tội ác họ phạm phải trước tổ quốc”. Ý tưởng này được phát triển tới mức các tù thường phạm cũng được chuyển từ trại giam thẳng đến các đơn vị *shtraf*, nghe đâu có đến xấp xỉ một triệu người, nhưng con số đó có thể chỉ là phóng đại. Những hứa hẹn xóa tội nếu tỏ ra dũng cảm thường bị quên lãng, chủ yếu là do tệ quan liêu. Tại Phương diện quân Stalingrad, Tập đoàn quân số 51 được lệnh tập trung các sĩ quan đã vượt vòng vây. Nhóm đầu tiên gồm 58 sĩ quan, được biết họ phải ra trước một ủy ban để điều động họ về các đơn vị mới mà chẳng có ai điều tra gì hết. Thay vào đó, họ bị đưa đến các đại đội trừng giới, không hề có xét xử hay cảnh báo gì. Đến khi nhận ra sai lầm thì đã gần hai tháng, họ “đã bị thương hoặc chết” cả rồi.

Hệ thống cục đặc nhiệm của NKVD, được tái lập một năm trước để xử lý “bọn phản bội, đào ngũ và hèn nhát” giờ lại được tăng cường. Cục Đặc nhiệm (OO - *Osobyi Otdel*) ra đời từ năm 1919, khi Lenin cùng Felix Dzerzhinsky, người đứng đầu Cheka, muốn kiểm soát toàn diện các lực

lượng vũ trang. Vào tháng 4 năm 1943, chỉ chưa đầy hai tháng sau khi trận Stalingrad kết thúc, Cục Đặc nhiệm với cục trưởng là Viktor Abakumov, đã trở thành SMERSH, viết tắt của *Smert Shpionam* - Thần Chết của bọn Gián điệp.

Các sư đoàn súng trường đều có một nhóm đặc nhiệm NKVD lên đến 20 sĩ quan, mỗi tiểu đoàn có một “đại diện xử lý sự vụ” và một đơn vị bảo vệ sở chỉ huy gồm 20-30 người, phụ trách canh giữ tù và hành hình “bọn hèn nhát và phản bội”. Các sĩ quan Cục Đặc nhiệm tự tuyển mộ các điệp viên và chỉ điểm. Theo lời một cựu chỉ điểm của SMERSH, anh ta “nhột nhát vì chúng thường hoạt động ban đêm”, còn trong điều hành, anh ta “nhìn thật sát tận mặt người ta như thể đã biết được gì đó không hay về mỗi người chúng tôi”.

Cục đặc nhiệm NKVD làm công việc tróc nã gián điệp và lính đào ngũ một cách hết sức nghiêm túc. Một sĩ quan lấy tên là Brunny viết cho nhà văn, nhà báo Ilya Ehrenburg than phiền rằng báo chí ít ca ngợi cục đặc nhiệm. “Rất khó phát hiện một tên gián điệp phát xít lợc lõi. Việc này đòi hỏi một trí tuệ nhạy bén và con mắt tinh tường. Một chiến sĩ NKVD phải sắc sảo và biết rõ những quy tắc đặc biệt của trò này. Báo chí đăng nhiều về những tội ác khủng khiếp của quân Đức, việc đó là cần thiết. Song cũng rất cần làm cho chiến sĩ chúng ta căm thù bọn phản bội”.

Quân đội Đức cũng cố gắng khai thác cách tiếp cận kiểu Stalinist đối với lòng trung thành. Một chỉ thị của Đức hết sức khuyến khích việc cảnh báo tù binh Soviet về “sự đối xử chờ đợi họ ở nhà dưới bàn tay của NKVD” nếu họ tìm cách trốn khỏi “nơi giam giữ của Đức và về lại Hồng quân”.

Một cục khác của NKVD do Beria lập ra vào mùa thu năm 1939 chuyên xử lý tù binh địch. Tuy nhiên, vào mùa hè năm 1942, các sĩ quan không có nhiều việc để làm vì có quá ít binh sĩ Đức bị bắt trong cuộc tấn công của phe Trục. Mỗi thành viên của một phân đội nhỏ thuộc sư đoàn cơ giới của Tập đoàn tăng số 4 đều do Trung úy Lepinskaya thuộc ban chính trị Phương diện quân Tây Nam thẩm vấn. Câu hỏi của cô nhằm đánh giá tinh thần tù binh không đem lại nhiều tư liệu đáng khích lệ cho lắm. “Hầu hết binh lính đều

muốn đánh đến cùng”, cô báo cáo. “Không có trường hợp đào ngũ hay tự thương nào. Sĩ quan nghiêm khắc nhưng công bằng”.

Lepinskaya khai thác được nhiều hơn với tù binh Romania. Một sĩ quan thú nhận rằng lính của anh ta căm ghét Thống chế Antonescu vì “bán rẻ tổ quốc cho bọn Đức”. Lính Romania còn hăng hơn. Họ khai với cô rằng “đã đánh lộn với bọn Đức”, thậm chí một sĩ quan Đức còn bị giết sau khi bắn hai đồng đội của họ. Sĩ quan của họ “rất thô bạo” với họ và thường xuyên đánh họ. Có vô số trường hợp tự thương bất chấp sĩ quan cứ luôn miệng nhắc nhở rằng đó là “tội lỗi với tổ quốc và Chúa trời”. Lepinskaya kết luận rằng người Romania rõ ràng có “trạng thái tinh thần chính trị kém”. Báo cáo của cô đã nhanh chóng được gửi về Moskva.

* * *

Cuộc tiến quân qua sông Đông đem lại nhiều trải nghiệm đan xen cho Tập đoàn quân số 6 sau khi đã trải qua tuyết mùa đông. Tướng Strecker, Tư lệnh Quân đoàn số 11 thấy “nóng y như châu Phi, với những đám mây bụi lớn”. Vào ngày 22 tháng 7, Tham mưu trưởng của ông là Helmuth Groscurth đã ghi nhận nhiệt độ “53° ngoài trời”.

Những cơn mưa bất chợt biến đường sá thành bùn lầy trong chốc lát mà không giúp được mấy trong việc giải quyết vấn đề thiếu nước vốn là công việc chính của lính bộ binh Đức lúc bấy giờ. Hồng quân đã đánh thuốc độc các giếng nước khi rút lui, còn nhà cửa của nông trang tập thể thì bị phá sập, máy kéo và gia súc thì đưa về hậu phương. Những thứ không kịp mang đi đều bị phá hỏng. “Người Nga tưới xăng vào các kho thóc”, một hạ sĩ viết về nhà vào ngày 10 tháng 8. “Máy bay ném bom Soviet đến đêm ném bom phốt pho đốt đồng cỏ”, một sư đoàn tăng báo cáo. Nhưng nhiều cột khói đen ở phía chân trời là do thuốc pháo cháy xung quanh các trận địa pháo.

Lính pháo Đức mặc quần sooc, thân hình cơ bắp nâu bóng do vác đạn pháo, trông cứ như các lực sĩ trong phim tuyên truyền Quốc xã, nhưng mọi thứ lại không được lành mạnh như bề ngoài. Các ca bệnh lý, sốt phát ban và

phó thương hàn bắt đầu tăng. Xung quanh các trạm cứu thương dã chiến, nhà bếp và nhất là nơi mổ thịt, “các bệnh truyền nhiễm từ ruồi đúng là kinh khủng”, một bác sĩ cho biết. Chúng hết sức nguy hiểm cho những người có vết thương hở, như các vết bỏng của lính tăng. Hành quân liên tục làm cho việc chăm sóc người bị thương và bị ốm rất khó khăn. Dùng máy bay cứu thương “Sanitats-Ju” chuyển đi là hay nhất, nhưng Hitler cứ giục phải nhanh, thành ra gần như toàn bộ máy bay vận tải đều đã chuyển sang chở nhiên liệu đến cho các sư đoàn tăng đang phải dừng lại.

Đối với binh lính của Tập đoàn quân số 6, mùa hè năm 1942 là khoảng bình yên cuối cùng của chiến tranh. Ở xứ sở Cossack sông Đông, làng mạc với những ngôi nhà mái rạ thôn dã quét vôi trắng, bao quanh là những vườn anh đào, liễu và những con ngựa thong dong trên đồng cỏ đem lại nét tương phản so với cảnh tiêu điều ở các làng tham gia nông trang tập thể bình thường. Hầu hết cư dân bám trụ lại bất chấp lệnh di dân đều là những người không mấy thân thiện với chính quyền Soviet. Lớp già nhiều người đã từng chiến đấu chống phe Bolshevik trong nội chiến. Mới mùa xuân năm ngoái, chỉ vài tuần trước khi quân Đức xâm lược, dân Cossack đã nổi dậy ở Shakhty, phía bắc Rostov, tuyên bố thành lập nước cộng hòa độc lập. Cuộc nổi dậy đã bị lực lượng NKVD nhanh chóng đè bẹp một cách quyết liệt như có thể dự đoán.

Một đại đội trưởng thuộc Sư đoàn bộ binh số 384 đã rất ngạc nhiên khi thấy người Cossack vẫn tỏ ra thân thiện ngay cả sau khi bị lính của anh ta cướp bóc. Họ còn đưa thêm cả trứng, sữa, dưa chuột muối và thậm chí nguyên cả tảng thịt xông khói làm quà. Anh ta sau đó đề nghị mua ngỗng với giá 2 mark một con. “Nói thực, người ta sẵn sàng cho mọi thứ nếu ta cư xử đàng hoàng”, anh ta viết trong nhật ký. “Mình chưa từng ăn nhiều như ở đây. Mật ong cứ thìa mà xúc, ăn đến phát ốm, rồi đến tối lại ăn giò heo hầm”.

* * *

Giữa lúc quân Đức đang tiến nhanh, Stalin cho rằng đây là lỗi của các tướng. Ông liên tục thay các chỉ huy trong hy vọng mong manh rằng một người cầm quân mới cứng rắn có thể thúc đẩy sức đề kháng và lật ngược tình thế. Thậm chí ông còn gọi điện cho một tư lệnh tập đoàn quân để cách chức ông ta, sau đó bảo ông ta gọi một tư lệnh quân đoàn dưới quyền để lên thay ông ta. Cảm giác lo lắng vì liên tục bị đẩy lui đã bào mòn sự tự tin mới phần nào được phục hồi sau trận đánh trước Moskva. Vẫn còn gánh chịu hậu quả của cuộc tấn công vội vàng của Stalin hồi đầu năm, Hồng quân thiếu các sĩ quan và hạ sĩ quan được huấn luyện và kinh qua chiến đấu. Hầu hết các tân binh ra trận đều mới trải qua hơn chục ngày huấn luyện, có khi còn ít hơn. Những nông dân trẻ được gọi nhập ngũ từ các nông trang tập thể lớ ngớ đến đáng ngại để tiếp thu kiến thức về vũ khí và tác chiến hiện đại. Một lính kỵ binh tìm thấy một ống nhôm dưới đất tưởng có thể dùng làm cán bàn chải lông ngựa. Té ra đó là một quả bom cháy và nó nổ ngay trong tay anh ta.

Hồng quân vẫn còn gặp trở ngại từ nỗi sợ tự quyết vì những vụ thanh trừng. Nhưng từ những thảm họa mới nhất ở phía nam làm lung lay uy tín của NKVD, một lứa chỉ huy mới đã bắt đầu xuất hiện - năng nổ, không nường tay và không quá e ngại các Chính ủy cũng như NKVD. Những thành tựu của Zhukov đem lại ánh sáng và hy vọng cho nhiều sĩ quan đang lên khác, đang sôi sục căm giận trước việc Hồng quân bị hạ nhục.

Tướng Vasily Chuikov, người sắp trở thành tư lệnh tập đoàn quân ở Stalingrad, là một người cứng rắn bậc nhất trong thế hệ của ông. Những cơn bùng phát nóng nảy của ông có thể sánh ngang Zhukov. Khuôn mặt nông dân rắn rỏi với mái tóc dày rất điển hình của người Nga. Ông còn có kiểu hài hước sỗ sàng và điệu cười lục lâm làm lộ ra những chiếc răng bít vàng. Sau này ông được khắc họa như một sản phẩm mẫu mực của Cách mạng Tháng Mười trong tuyên truyền Soviet.

Chuikov đã bỏ lỡ mất sáu tháng thảm bại đầu chiến tranh vì đang ở Trung Hoa giữ chức tùy viên quân sự bên cạnh Tưởng Giới Thạch. Sau khi được gọi về Liên Xô, ông trở thành tư lệnh một tập đoàn quân dự bị gần Tula. Đầu tháng 7, trong lúc vẫn bị chấn thương lưng hành hạ, ông được lệnh đưa

các sư đoàn còn dang dở của mình, lúc này đã nhận phiên hiệu Tập đoàn quân số 64, đến chặn quân Đức ở bờ tây sông Đông.

Cùng với Chính ủy Konstantin Kirkovich Abramov, ông đến bản doanh Phương diện quân Stalingrad vào ngày 16 tháng 7. Họ được biết quân địch đang tiến nhanh về phía sông Đông, nhưng không ai rõ chi tiết thế nào. Tập đoàn quân số 62 đang bố trí trải dài ở phần trên khúc quanh phía đông của sông Đông, còn Chuikov phải đưa các sư đoàn của mình trám vào phần dưới, phía nam sông Chir. Dĩ nhiên ông phải lo lắng về tinh thần của tập đoàn quân bên cánh trái của mình vì đã chặn được một xe tải chở đầy nhóc các sĩ quan mang theo các can nhiên liệu dự trữ chạy về phía sau mà không xin phép.

Ngay bên cánh phải của ông, nằm phía trên sông Chir, là Sư đoàn bộ binh số 44 của Áo đã đụng độ dữ dội với ba sư đoàn thuộc Tập đoàn quân số 62. Cuộc chiến đấu cực kỳ tàn khốc. Một hạ sĩ bị bắt khai với người hỏi cung rằng một viên sĩ quan đã lệnh cho họ bắn hai người lính Hồng quân bị thương mà họ tìm thấy “đang nấp dưới hào”. Thế nhưng xa hơn về phía bắc, quân Đức đã chọc thủng phòng tuyến bằng sức mạnh, chia cắt nhiều trung đoàn khi họ đến được sông Đông ở Kamensky.

* * *

Máy bay trinh sát Đức nhanh chóng xác định những điểm yếu dọc sông Đông và bố trí của các sư đoàn tuyến trước của Chuikov. Ngày 25 tháng 7, quân Đức bắt đầu tấn công. Trận đầu thử lửa của Tập đoàn quân số 64 càng khó khăn hơn vì những cơn bão bụi, hơn nữa các đơn vị quan trọng vẫn còn kẹt lại ở phía sau Tula. Sáng hôm sau quân thiết giáp Đức tấn công và mặc dù xe tăng Đức có hù dọa được lính xe tăng hạng nhẹ T-60 đang cố lách vào các mương xói nhưng đạn pháo Đức lại không làm gì nổi xe tăng hạng nặng KV.

“Tầm bắn của họ xa hơn”, một chỉ huy xe tăng Đức phân trần. “Chúng tôi không thể tấn công họ ở chỗ trống trải. Thành ra, giống như tàu trên biển, tôi

cho xe mình lùi ra khỏi tầm nhìn, vòng một vòng rộng rồi tấn công họ từ phía sau”. Các xe tăng hạng nặng Nga tản ra chỉ trừ một chiếc bị đứt xích, cơ cấu quay tháp pháo của nó bị kẹt nên không quay được. “Chúng tôi đến ngay sau lưng nó và bắt đầu bắn. Chúng tôi đếm từng phát trúng nó nhưng không phát nào xuyên được vỏ thép của nó. Thế rồi tôi thấy nắp tháp pháo nhúc nhích. Tôi đoán họ muốn hàng nên lệnh qua điện đài cho đại đội ngừng bắn. Quân Nga mở hẳn nắp cửa trèo ra”. Tổ lái hết sức bối rối, run rẩy và ngơ ngác nhưng không có ai bị thương. “Thật là nản khi nhận ra súng tăng của ta kém cỏi thế”.

Cuộc đột phá của Đức qua cánh phải của Tập đoàn quân số 62 ra sông Đông chẳng mấy chốc đã gây hoảng loạn. Ngày 26 tháng 7 có tin đồn lan khắp các đơn vị tuyến sau thuộc Tập đoàn quân số 64 của Chuikov rằng xe tăng Đức sắp sửa chia cắt họ ra. Thế là họ hò nhau chạy tán loạn về phía cầu phao qua sông Đông. Sự hoảng loạn còn lan ngược lên tuyến trước. Chuikov phái các sĩ quan tham mưu ra bờ sông ổn định trật tự nhưng đúng lúc ấy máy bay Đức đã phát hiện thấy cơ hội. Từng đợt Stuka của Richthofen lao đến và một số sĩ quan cao cấp của Chuikov hy sinh.

Tình cảnh Tập đoàn quân số 62 còn bi đát hơn. Sư đoàn súng trường cận vệ số 33 của Đại tá Aleksandr Utvenko bị hai sư đoàn Đức tấn công và kẹt lại bên bờ tây sông Đông. “Nếu không chú ý sâu trong công sự chắc họ đã nhanh chóng giết hết chúng tôi rồi”, Utvenko kể lại cho nhà văn Konstantin Simonov sau đó ít lâu. Sư đoàn của ông lực lượng chỉ còn 3.000 người, ngay trong đêm đã phải đưa thương binh về tuyến sau bằng xe kéo và lạc đà. Quân Đức cũng tổn thất nặng nề. Chỉ trong phòng tuyến của một tiểu đoàn đã có tới 513 xác lính Đức bị vùi lấp dưới các khe rãnh. Quân Nga thiếu đạn đến nỗi phải tổ chức tấn công để lấy súng đạn của địch. Họ còn thiếu cả cái ăn nên phải hái lúa mì trên các cánh đồng quanh đấy luộc ăn. Ngày 11 tháng 8, số còn lại của sư đoàn phải xé lẻ thành nhiều nhóm phá vòng vây để ra sông Đông. “Tôi đã phải nạp đạn lại khẩu súng lục tới 5 lần”, Utvenko nhớ lại. “Có mấy chỉ huy tự sát. Chúng tôi hy sinh gần 1.000 nhưng quân địch cũng phải trả giá đắt. Có một người móc trong túi ra một tờ truyền đơn rồi bước lại phía quân Đức. Cô phiên dịch viên trong sở chỉ huy của chúng tôi

là Galya mới hét lên. “Nhìn nó kìa! Con rắn độc này định đầu hàng!” rồi cô ấy đã bắn hấn bằng súng lục!”

Ổ đề kháng cuối cùng vì hết đạn chống tăng nên bị xe tăng Đức tràn qua. Utvenko cùng với những người sống sót đã nhảy từ một mỏm đất nhỏ xuống bãi bồi lầy lội, nơi ông bị trúng mảnh đạn pháo vào chân. Chỉ có thể bò lết nên Utvenko đành núp trong cánh đồng hướng dương cả ngày cùng với chừng 20 lính. Đêm hôm đó họ gom thêm được một số người sống sót nữa và cùng nhau bơi qua sông. Có 8 người chết đuối. Utvenko được tỳ tỳ của mình, một cựu bác sĩ phụ khoa tên là Khudobkin kéo qua sông. Nhưng vừa sang tới bờ bên kia, anh này lại bị lên cơn động kinh. Về sau Utvenko ngẫm lại thấy mình may mắn vì Khudobkin không bị động kinh ở giữa sông. “Nếu không chết ở đây”, Khudobkin đáp, “ta sẽ sống hết chiến tranh”. Khudobkin còn một lý do riêng để tin mình sẽ sống. Mẹ anh đã nhận giấy báo tin anh chết ở Krym, nơi anh bị thương nặng, và bà đã xin lễ nhà thờ cho anh. Theo quan niệm mê tín ở Nga, nếu đã làm lễ truy điệu mà mình còn sống thì còn lâu mình mới chết. Simonov đã có một linh cảm rõ ràng trong mùa hè kinh hoàng năm 1942 rằng đây là điềm báo cho cả nước.

Bất chấp những tai họa và hỗn loạn do thông tin liên lạc kém, các đơn vị Hồng quân vẫn tiếp tục đánh trả. Họ tập kích vào ban đêm là chính vì tấn công ban ngày thì lập tức bị không quân Đức đáp trả. Một đại đội trưởng Đức thuộc Sư đoàn bộ binh số 384 đã ghi nhật ký ngày 2 tháng 8: “Quân Nga chống trả dữ dội. Đó toàn là lính trẻ khỏe”. Rồi hôm sau: “Quân Nga chống trả dữ dội. Lúc nào họ cũng có quân tiếp viện. Một trong các đại đội công binh của chúng tôi không chịu chiến đấu. Quá xấu hổ”. Lính của anh ta bắt đầu bị đau bụng quằn quại, có lẽ là do uống nước bẩn. “Ở đây thật kinh khủng”, mấy ngày sau anh ta viết. “Những đêm thật kinh hoàng. Chúng tôi ai ai cũng căng thẳng. Thần kinh người ta không thể chịu nổi”.

Trong một nỗ lực chống lại sự vượt trội của không quân Đức, các trung đoàn không quân của Hồng quân được vội vã đưa từ các mặt trận trung tâm và mặt trận phía bắc đến. Một trung đoàn đánh đêm hạ cánh lần đầu tại một căn cứ mới để tiếp viện cho Phương diện quân Stalingrad đã phát hiện ra

rằng sân bay của họ chẳng qua chỉ là một cánh đồng lớn trồng dưa hấu, bao quanh là cà chua mà dân địa phương vẫn tiếp tục thu hái ngay cả khi máy bay đang lên xuống. Sự có mặt của trung đoàn chẳng mấy chốc đã bị máy bay trinh sát Focke-Wulf phát hiện, và khi máy bay cường kích Messerschmitt lao tới bay sát sát mặt đất, khu chợ nông thôn kế bên bốc cháy. Trong chốc lát cảnh sắc thôn quê trở nên hỗn loạn, lũ ngựa hoảng hốt dựng vó trong còng xe, trẻ con kêu thét, những tấm bạt che trúng đạn súng máy rơi tả, những người bán hàng chết gục giữa đồng rau quả. Trung đoàn đánh đêm ít tổn thất hơn, nhưng cũng phải cố gắng giữ đúng lịch xuất kích dày đặc. Thường thì không có đủ thời gian để đến bếp dã chiến dựng ngay cạnh đường băng mà ăn nên đội mặt đất phải đem đồ ăn ra tận các máy bay nằm rải rác để phi công ăn luôn trong buồng lái. Các Chính ủy không ngớt nhắc nhở đội mặt đất về quy tắc bảo mật khẩn khe đến nỗi họ không bao giờ đếm số máy bay trên sân bay, thậm chí bao nhiêu chiếc không quay về cũng mặc.

Trong các trận không chiến lộn xộn thời đó, thiếu tá Kondrashov, chỉ huy trung đoàn, bị bắn hạ bên kia phòng tuyến Đức. Chân trái anh bị thương lúc rơi mà sau này phải bỏ. May mà có một bà nông dân sống gần đấy đã xoay sở kéo anh ra khỏi xác máy bay và đưa về nhà chăm sóc. Điểm máy bay rơi đã được các phi công đồng đội cùng trung đoàn đánh dấu, rồi ngay khi trời rạng sáng, hai người trong số đó đáp xuống cạnh nhà bà. Họ khiêng Kondrashov ra, nhét anh lên ghế sau của một máy bay. Sau đó phi công đưa anh thẳng tới quân y viện.

Những trận không chiến trên sông Đông trong những ngày cuối tháng 7 và đầu tháng 8 thu hút sự chú ý của cả chiến trường bên dưới. Lính bộ binh và lính tăng Đức, ai cũng ngửa cổ lên trời, một tay che mắt ngắm bầu trời xanh và những vệt khói. Máy bay Nga chủ yếu là đánh các mục tiêu dưới đất vào giữa trưa. Việc đó thường xuyên đến nỗi đám Messerschmitt 109 thường ngoi quanh tìm kiếm rồi lao vào chúng. Hễ máy bay địch trúng đạn là tiếng reo hò lại rộ lên, máy bay bị thương phun khói, quay lộn rơi xuống và nổ tung trên mặt đất. Danh tiếng của các phi công ngôi sao bắt đầu nổi lên trong quân đội cũng như trong không quân Đức.

Trong cuộc chiến tranh cơ động này, Ban Tham mưu của các sư đoàn tăng và cơ giới ít khi bận tâm đến nguy trang sở chỉ huy. Làm việc trong những lều bạt dựng vội suốt đêm để ra các mệnh lệnh mới hoặc kiểm lại đạn dược và thương vong, họ nhận thấy ngọn đèn cồn của mình thu hút cả bầu côn trùng bay vào chứ chả có phát súng nào cả. Ban ngày họ tranh thủ ngủ gà ngủ gật trên xe, đầu lắc lư tới lui trong khi xe chỉ huy di chuyển đến vị trí mới.

Chỉ huy Sư đoàn tăng số 16, Tướng Hans Hube, có thể chớp mắt ngủ ngay giữa trận đánh trước mặt Ban Tham mưu của mình khiến người ta thêm tự tin trước sự điềm tĩnh của ông. “Bố Hube”, như quân ông thường gọi, lập tức gây ấn tượng với bộ mặt rắn rỏi, mạnh mẽ và bàn tay giả màu đen do ông đã bị mất cánh tay trong Thế chiến I. Hube là người có thói quen và tính tổ chức khó lay chuyển. Đánh nhau hay không, nhất định cứ ba tiếng ông ăn một lần, “tiêu thụ quá nhiều calori và vitamin”. Dù không phải trí thức, ông vẫn “thông minh, suy nghĩ mạch lạc”, theo lời nhiều sĩ quan biết rõ ông. Hitler rất ngưỡng mộ ông như một người lính, nhưng vì “con ngựa chiến già” đó là người thực tế, nghĩ gì nói nấy nên *Fuhrer* về cuối cuộc chiến Stalingrad coi ông là “quá bi quan”.

Một số chỉ huy xe tăng của Hube có những đánh giá coi thường về sự khờ khạo của đối phương, cứ để xe tăng đứng trơ ra ở giữa chỗ trống làm mục tiêu lý tưởng cho máy bay Stuka hay pháo phòng không 88 ly hạ nòng bắn thẳng dưới đất. Họ biết T-34 nói chung là loại xe bọc thép chiến đấu tốt hơn bất cứ thứ gì Đức làm được lúc đó. Nhưng kính ngắm của pháo không tốt lắm, ít chỉ huy Nga có ống nhòm tốt, điện đài thì còn ít người có hơn. Tuy nhiên, điểm yếu chí tử của Hồng quân là chiến thuật nghèo nàn. Lực lượng tăng của họ không biết cách lợi dụng địa hình và tỏ ra không rành các nguyên tắc vừa chạy vừa bắn. Và như Chuikov sẵn lòng thừa nhận, họ không thể phối hợp tấn công với không quân nhà.

Thái độ tự mãn đôi khi làm người Đức lơ là cảnh giác. Hừng đông ngày 30 tháng 7, một tốp T-34 đã lợi dụng bóng tối tiếp cận, bất ngờ tấn công sở chỉ huy của Hube trong làng. Các sĩ quan luống cuống xỏ quần áo thì đạn

pháo đã nổ vang giữa sở chỉ huy và đoàn xe tuyến sau. Podewils, phóng viên chiến trường lúc đó đang đi theo sư đoàn, thò đầu ra ngoài. “Cảnh tượng không mấy khích lệ”, anh ta viết. “Đủ loại xe nháo nhác tranh nhau chạy thật nhanh ra ngoài!” Hôm trước quân Đức đã phải một phen giật mình vì một trận đụng độ bất ngờ mà Hube đã cộc lốc gọi là “cái trò Hussar”^[41].

Cú sốc ban đầu nhanh chóng qua đi. Một đại đội thuộc Trung đoàn tăng số 2 đến nơi và rất nhanh sau đó 6 chiếc T-34 đã bốc cháy rừng rực giữa một bãi đất trũng cây lúp xúp. Một chiếc T-34 cảm tử xông vào tấn công các xe vận tải trong làng nhưng bất ngờ đụng ngay một xe tăng Đức và bị nó “bắn thẳng ở cự ly gần, tháp pháo bắn tung lên trời”. Sau khi xem sự cố buổi sáng, Hube bảo Podewils: “Tốt nhất cậu nên lên tuyến trên. Ở đó an toàn hơn”. Podewils và người đồng hành ngay sáng đó ra đi. Họ lái xe lên tuyến trên trên con đường sạn đạo băng qua đầm lầy. Một trong các xe tăng T-34 cháy đen vẫn còn cháy âm ỉ. Từ trong đó bay ra “mùi thịt cháy khét”.

Ở sở chỉ huy quân đoàn, anh ta được biết trong tám ngày qua Hồng quân đã đưa gần 1.000 xe tăng qua sông Đông: đã có hơn một nửa trong số đó đã bị phá hủy. Nhưng con số này là quá thoải phòng. Thật ra tư lệnh Hồng quân ở đây chỉ có trong tay 550 xe tăng, trong đó phần lớn còn chưa vượt sông Đông. Các báo cáo quá lạc quan từ tiền tuyến cũng chẳng trách được. Một lính tăng Đức nhận xét rằng “Hễ một xe tăng Nga bị bắn trúng thì hầu hết các xe tăng Đức trong trận đều tính là mình diệt được một mục tiêu”. Tuy thế cảnh tượng nhiều xe tăng Nga bị phá hủy trông rất ấn tượng, Tướng Seydlitz nói rằng những chiếc tăng KV bị bắn hạ nhìn từ xa “cứ như một bầy voi khổng lồ”. Dù con số chính xác là bao nhiêu chiếc bị phá hủy thì quân Đức nhiều người chắc mẩm ngày toàn thắng đã gần kề. Con mãng xà Nga không thể cứ chặt đầu này mọc đầu khác mãi được.

* * *

Hitler một lần nữa nổi nóng vì tiến quân chậm, trở lại với kế hoạch ban đầu là Tập đoàn tăng số 4 hỗ trợ Tập đoàn quân số 6 chiếm Stalingrad. Thời

gian bị mất và giá trị nhiên liệu lãng phí không được nhắc đến. Các sư đoàn thiết giáp của Hoth phản ứng mau lẹ. Tiến theo hướng bắc đối đầu với sự chống cự rất yếu ớt, họ nhanh chóng uy hiếp Kotelnikovo, chỉ cách Stalingrad chừng 150 km về phía tây nam. Nhưng vấn đề chính là liệu họ có theo kịp những thay đổi kế hoạch của Hitler hay không. Tướng Richthofen dựa trên các báo cáo của không thám, đã ghi lại vào ngày 2 tháng 8: “Quân Nga đang từ khắp nơi đổ về Stalingrad”.

Paulus đang trong trạng thái tự tin theo lời của Richthofen, mở một cuộc tấn công hai gọng kìm do các sư đoàn tăng số 16 và 24 đảm nhiệm, có máy bay Stuka của Richthofen yểm trợ. Sau hai ngày chiến đấu, họ đã quây được 8 sư đoàn súng trường và tất cả pháo còn lại ở bờ tây sông Đông. Vòng vây rất cuộc đã khép lại ở Kalach. Từ trên đỉnh một bờ vách đứng nhỏ nhìn xuống “sông Đông êm đềm”, những đội lính tăng đầu tiên nhóng mắt nhìn qua thị trấn Kalach trong ánh chiều tím. Mặt trời lặn phía sau xe tăng của họ đổ bóng dài về phía đông. Đằng sau Kalach, thảo nguyên trải dài mãi về phía Stalingrad. Bản thân Kalach chỉ gồm có vài xưởng nhỏ, một nhà ga xe lửa tàn tạ và mấy lán gỗ sơ sài.

Sau thành công của mình, lính tăng cười đùa với nhau vui vẻ, nhẹ nhõm xả hơi sau cuộc chiến căng thẳng. Tiếng hát vọng ra từ mấy chiếc xe tăng. Nhưng chỉ huy của họ lại kéo họ về đội hình “con nhím” để phòng thủ. Khi hoàng hôn buông xuống, hàng ngàn lính Nga lạc đơn vị bên bờ tây bắt đầu tấn công và đêm tối liên tục bị những tràng súng máy, pháo sáng và tiếng súng trường đối đáp qua lại quấy rối.

Ngày hôm sau, quân Đức bắt đầu chà xát khu rừng một cách hệ thống, nhiều sĩ quan ví von việc này giống như săn nai. Trong số tù binh có cả một sĩ quan thông tin cao cấp cùng lính của ông, phần đông là nữ. Đêm đó lại nổ ra một trận đánh khác, lần này thì dưới ánh trăng, xung quanh trận địa Đức. Sáng hôm sau quân Đức nổi lửa đốt các bụi cây khô để xua những người Nga còn lại ra. Cuối cùng, khu vực đã được coi là “sạch bóng thù”. Chỉ ít người trốn thoát. Trong số 13.000 người của Sư đoàn súng trường số 181

thuộc Tập đoàn quân số 62 chỉ có 105 người chạy thoát được qua sông Đông.

* * *

Cuộc chiến đấu thực sự quyết liệt. Lính Đức nhiều người không chia sẻ sự tự tin của Paulus cũng như nhận định của Hitler rằng quân thù đã hụt hơi. Ngay ngày đầu, tiểu đoàn chống tăng của Sư đoàn bộ binh số 371 đã mất 23 người. Lính Tập đoàn quân số 6, như những người ở Sư đoàn bộ binh số 389, càng ngày càng thường xuyên nghe thấy tiếng “*Urrah!*” của bộ binh Soviet xung phong. Một người lính viết về nhà nói rằng rất nản vì “nhiều, rất nhiều cây thập tự và mồ mả mới đắp hôm qua” và nghĩ đến tương lai như thế. Tổn thất nặng nề của các sư đoàn khác xem ra cũng ảnh hưởng tới tinh thần. Sư đoàn bộ binh số 76 đã phải cắt cử thêm người vào các nhóm chôn cất. Một trong những người được chọn đó, khi bị bắt một tháng sau, khai với người thẩm vấn phía Nga rằng anh ta và hai đồng đội đã phải xoay xở với 72 xác chết chỉ trong một ngày. Một hạ sĩ pháo binh đã làm quần quật 29 tiếng đồng hồ không được nghỉ ngơi đằng hoàng, thì trái lại, tin chắc vào thắng lợi cuối cùng của *Wehrmacht*. “Người Nga muốn bắn bao nhiêu thì bắn nhưng chúng tôi vẫn bắn nhiều hơn. Thật hả hê khi có vài trăm tên Nga tấn công. Chỉ cần một khẩu súng máy là đủ cho chúng chạy trốn chết”.

Một vài đơn vị tặng khẩu phần chocolat và thuốc lá để thưởng cho sự cố gắng. Buổi tối tương đối mát hơn, họ lại có cái nhâm nhi. Cuộc chiến rất ác liệt. “Chỉ có một điều an ủi”, một lính công binh viết về nhà, “đó là bọn con sẽ được yên lành và thanh tĩnh ở Stalingrad, nơi bọn con sẽ đến lúc đông về, và lúc đó, thử nghĩ mà xem, biết đâu con lại được về phép”.

* * *

Không ở đâu mệnh lệnh “Một bước không lùi” của Stalin lại thấm thía như ở thành phố mang tên ông. Trong thời nội chiến, thành phố này còn mang tên Tsaritsyn (trong tiếng Tartar có nghĩa là thành phố nằm trên Tsaritsa, tức là sông vàng). Ở đây loan truyền một huyền thoại rằng sự lãnh đạo của Stalin ở đây đã đẩy nước triều chống lại Bạch vệ và cứu được cách mạng. Ủy ban quân sự địa phương đã không ngần ngại dùng mọi biện pháp để biến thành phố thành một pháo đài. Nhiệm vụ đó không hề dễ dàng. Stalingrad nằm uốn cong hơn 30 km dọc theo bờ tây sông Volga. Những người bảo vệ thành phố bị một dải nước trải dài chắn ngang sau lưng, mà tiếp tế và tăng viện đều phải qua đó.

Tất cả dân cư trong khu vực đều được huy động. Tất cả những ai còn sức khỏe, đàn ông, đàn bà tuổi từ 16 đến 33 — gần 200.000 người — đều được sung vào các đội lao động do đảng ủy các quận tổ chức. Giống như ở Moskva một năm trước, phụ nữ khăn trùm đầu và các trẻ lớn xếp thành hàng và được phát những cái xẻng cán dài cùng những cái sọt để đào hào chống tăng sâu hai mét trên nền đất pha cát. Trong lúc phụ nữ đào hào thì lính công binh đi gài mìn chống tăng ở thành hào phía tây.

Trong khi đó, học sinh nhỏ tuổi hơn được phân công đắp lũy quanh các bồn xăng trên bờ sông Volga. Có các thầy cô giáo trông nom, chúng khiêng đất trên các cáng gỗ. Một chiếc máy bay Đức bất thần xuất hiện. Bọn con gái không biết nấp vào đâu và thế là bom nổ vùi hai đứa con gái 14 tuổi. Khi các bạn cùng lớp bối rối đưa được chúng ra thì thấy một trong hai đứa, Nina Grebenikova, đã bị liệt vì gãy cột sống. Bạn bè choáng váng, sụt sùi dùng cáng gỗ khiêng cô lên bệnh viện Stalingrad, ngay bên cửa sông Tsaritsa đổ vào Volga.

Lực lượng phòng không được quyền ưu tiên, nhưng nhiều khẩu pháo vẫn không có đạn. Hầu hết các khẩu đội gồm toàn thiếu nữ, chủ yếu là các đoàn viên Komsomol, được tuyển lựa vào tháng 4 chỉ qua một câu hỏi duy nhất: “Bạn có muốn bảo vệ tổ quốc không?” Các trận địa phòng không được bố trí trên cả hai bờ Volga nhằm bảo vệ các công trình trọng điểm như nhà máy điện ở Beketovka ngay phía nam và các nhà máy lớn ở khu vực phía bắc

thành phố. Tại đây, trong các dây chuyền sản xuất vũ khí như Nhà máy Chế tạo Máy kéo Stalingrad đã được chuyển sang chế tạo tăng T-34, hết thầy công nhân đều được sơ bộ huấn luyện quân sự.

Ủy ban Quốc phòng Stalingrad đưa ra hết quyết định này đến quyết định khác. Các nông trang tập thể được lệnh giao nộp dự trữ ngũ cốc cho Hồng quân. Những phiên tòa được mở để xét xử những ai không chịu thực hiện nghĩa vụ yêu nước. Không khai báo người trong gia đình đào ngũ hoặc không đăng ký nghĩa vụ phải chịu hình phạt 10 năm tù. Hiệu trưởng một trường trung học lệnh cho 66 học sinh 17 tuổi đăng ký nghĩa vụ quân sự tại hội đồng quân sự quận lại phải ra tòa vì có tới 31 em bỏ trốn trên đường.

Tòa còn xử vắng mặt dân thường “đào ngũ”, phần lớn là can tội trốn tránh sơ tán. Những ai bị tuyên có tội sẽ bị xử phạt như “kẻ phản bội đảng và nhà nước Soviet”.

Ít lâu sau, Cục Chính trị Phương diện quân Stalingrad “đặc biệt chú ý đàn ông nhập ngũ từ các vùng ở Ukraina được Hồng quân giải phóng trong mùa đông 1941/42”. Những ai “không chịu sơ tán” khỏi thành phố làng mạc của họ theo quy định sẽ bị coi là tình nghi “chống Soviet một cách hệ thống” và hợp tác với quân Đức.

Các tuyên bố ở Moskva về tự do tín ngưỡng bị mất hiệu lực trong vùng chiến sự Stalingrad. Giám đốc ngân hàng nông nghiệp ở một quận gửi cho em trai là một sĩ quan Hồng quân mấy lời cầu nguyện, “khuyến em trai đọc nó trước khi ra trận”, bị kết tội “có hành động chống đối”. Dân chúng cũng phải cẩn thận lời ăn tiếng nói khi bình luận về tốc độ tiến quân của Đức hay việc phòng ngự kém cỏi của Nga, nếu không dễ bị quy kết tội “gây hoang mang dao động”.

Được cảnh báo về không khí rối loạn phía sau tiền tuyến, Stalin một lần nữa dùng bài thay đổi tư lệnh. Cách chức Timoshenko vào ngày 21 tháng 7, đưa Tướng Vasily Gordov lên thay dưới sự chỉ đạo của Vasilevsky, sau đó, vào đầu tháng 8, ông lại chia Phương diện quân ra làm hai, phần phía nam chạy dài từ Tsaritsa (xem Bản đồ 6) ở trung tâm Stalingrad về phía nam đến tận thảo nguyên Kalmyk. Thượng tướng Yerenenko, cái chân bị thương vẫn

chưa lành hẳn, khi biết mình được chỉ định làm tư lệnh nửa phía nam, đã phản đối việc chia mặt trận ở ngay giữa Stalingrad, nhưng việc đó chỉ tổ chọc tức tổng tư lệnh mà thôi.

Yeremenko bay xuống đây vào ngày 4 tháng 8 trên chiếc máy bay vận tải Douglas và hạ cánh trên một sân bay nhỏ ở rìa tây bắc thành phố. Khrushchev mang xe ra đón về bản doanh. Đối với Yeremenko, thiếu thông tin địch tình là rất đáng ngại. Năm ngày sau, Stalin lại thay chỉ huy lần nữa, đưa Yeremenko lên chỉ huy cả hai mặt trận. Nhưng vẫn còn chưa yên tâm, Stalin phái Zhukov xuống kiểm tra rồi về báo cáo lại.

Mối nguy chính, như Yeremenko nhanh chóng phát hiện, là một cuộc tấn công đồng thời của Tập đoàn quân số 6 của Paulus qua sông Đông từ hướng tây và Tập đoàn tăng số 4 của Hoth đánh từ tây nam. Toàn bộ hạ lưu sông Volga bị uy hiếp và Astrakhan đang náo loạn vì máy bay Đức ném bom. Các nhà máy lọc dầu ở cửa sông đổ vào Caspi cháy suốt một tuần, nhả ra những đám khói đen độc hại. Các cuộc không kích khác gây hỗn loạn, các bến cảng chật cứng người di tản, cầu cảng chất đầy các máy móc thiết bị của nhà máy chuẩn bị sơ tán sang phía đông. Lúc này, ngoài sa mạc ra chỉ còn cách đi qua Biển Caspi.

Không nhiều lực lượng có thể đương đầu với quân của Hoth trên thảo nguyên Kalmyk trống trải mà người Nga phương bắc nghĩ là “tận cùng thế giới”. Lev Lazarev, chỉ huy một phân đội lính thủy đánh bộ ở đây, đã nói về vùng này: “Đó không phải nước Nga, đó là châu Á. Thật khó hiểu được lý do chiến đấu cho lãnh thổ này, nhưng chúng tôi đều biết rằng phải đứng vững hoặc chết ở đây”. Vì thiếu lính, các cơ quan quân sự Soviet quay sang hải quân. Các lữ đoàn toàn thủy thủ được chuyển từ hạm đội Viễn Đông xuyên qua Siber bằng xe lửa. Sĩ quan của họ là các học viên sĩ quan 18 tuổi vốn học tại học viện hải quân Leningrad, nơi họ đã chiến đấu trong giai đoạn đầu cuộc vây hãm. Trong tháng 8, khi các thủy thủ đang trên đường từ Viễn Đông đến, các học viên sĩ quan trải qua ba tuần huấn luyện đánh bộ trên thảo nguyên Kalmyk. Những chàng trai 18 này đang chờ các thủy thủ dày dạn mà họ sẽ phải chỉ huy với tâm trạng lo lắng. Nhưng họ đã không để

mình mang tiếng trong chiến đấu. Tỷ lệ thương vong của các trung úy trẻ cao ngất. Trong số 21 học viên cùng lớp với Lazarev, đến năm sau chỉ còn hai người sống sót.

Bên phía Đức lúc này tâm lý bất an bắt đầu trỗi dậy bất chấp những chiến thắng. “Sau sông Đông chúng ta sẽ tiến tới Volga”, viên đại đội trưởng giữ nhật ký trong Sư đoàn bộ binh số 384 viết. Nhưng anh ta cũng nhận thức được nguy hiểm. Đơn giản là nước Đức “không đủ quân để tấn công trên toàn bộ chiều dài mặt trận”. Anh ta đã bắt đầu ngờ ngợ rằng chiến tranh phát triển theo cái đà của riêng nó. Nó sẽ không dừng lại khi chạm tới con sông vĩ đại được coi là vạch đích của họ.

8

“ĐÃ ĐẾN ĐƯỢC SÔNG VOLGA!”

Ngày 21 tháng 8, các đại đội bộ binh thuộc Quân đoàn số 51 của Tướng Seydlitz băng qua sông Đông lúc bình minh bằng xuồng chiến đấu. Họ nhanh chóng thiết lập đầu cầu gần làng Luchinsky. Ngày càng nhiều các đại đội chèo cật lực qua khoảng nước trải rộng. Xuôi xuống dưới vài kilomet, tại Vertyachy, nguyên một tiểu đoàn đã lần lượt vượt sông Đông trong chưa đầy 70 phút.

Khi các đầu cầu đã bảo đảm, các tiểu đoàn công binh bắt tay vào làm cầu phao để đưa xe tăng và các xe khác của Quân đoàn tăng số 14 của Tướng Wieterheim sang sông. Lính công binh Đức được gợi hứng trước sự tương phản huyền bí của “sông Đông êm đềm” bèn trìu mến gọi nó là “dòng suối”. Binh lính và sĩ quan Tập đoàn quân số 6 nhiều người có vẻ đã mê mẩn một dải xứ sở Cossack sông Đông. Có người mơ tậu một trang trại ở đây khi chiến tranh chấm dứt.

Đến quá trưa ngày 22 tháng 8, cầu đã bắc xong và Sư đoàn tăng số 16 của Tướng Hube, “chày vỡ phá thành của quân đoàn”, bắt đầu vượt sông. Xe tăng, xe xích bánh sau, pháo tự hành, xe trinh sát 8 bánh và xe tải rầm rập điếc tai lăn bánh trên cầu.

Đêm đó khi trăng vừa lên, máy bay Nga bắt đầu ném bom. Xe pháo bị đánh ở cả hai bờ cháy rừng rực, soi rõ khu vực mục tiêu, có điều bom không đánh trúng cầu. Sở Chỉ huy Sư đoàn của Hube nhận được tin đã có đụng độ mé ngoài đầu cầu. Chốc chốc lại rộ lên tiếng rú của rocket Kachyusha từ “Đàn Organ Stalin”. Tiếng rú rợn cả người, nhưng các khẩu đội địch chỉ bắn mò. Phía sau bộ binh, thấp thoáng lính tăng trong đội hình phòng ngự kiểm tra lần cuối xe pháo hoặc chợp mắt một lúc. Lúc 4 giờ 30 sáng, bình minh

lên trước mặt họ, tiểu đoàn của bá tước von Strachwitz thuộc Trung đoàn tăng số 2, được tăng cường thêm các đại đội bộ binh, lên đường tiến về sông Volga. Lính tăng ý thức được sự kiện lịch sử trọng đại, cảm thấy đây là “khoảnh khắc đầy phấn khích”..

Thảo nguyên giữa sông Đông và Volga rảnh rang dưới nắng hè, tha hồ chạy nhanh. Các chỉ huy xe tăng đứng trên tháp pháo, đeo kính chống bụi, mắt dõi nhìn phía trước để ý các hào rãnh mà lái xe khó thấy. Mấy chục kilomet đầu tiên, lính tăng không thấy nhiều địch. Nhẹ nhàng lăn bánh qua cỏ kho nắm cứ như chạy không tải.

Mặt trời vẫn chưa lên cao, Tướng Hube rộn ràng nghe thông báo qua điện đài rồi đột ngột cho sở chỉ huy của mình dừng lại. Động cơ được tắt đi để tiết kiệm nhiên liệu. Họ chờ đợi trong cái nóng như rang. Lát sau nghe thấy tiếng máy bay cỡ nhỏ, rồi một chiếc Fieseler Storch liên lạc xuất hiện. Nó lượn vòng rồi đáp xuống bên cạnh đoàn xe thiết giáp. Phi công trèo ra và tiến lại. Đó là Tướng Richthofen. Richthofen lúc này là tư lệnh Không đoàn số 4, khó giấu nổi thái độ khó chịu đối với lục quân. “Tướng Paulus lo ngại cánh trái của ông ấy”, ông ta mới ghi lại trong nhật ký của mình ba ngày trước. Ông ta cũng không vui khi nghe ưu tiên chính của không quân là “bắn xe tăng!” Đối với phi công tiếm kích, tấn công mặt đất được coi là công việc thấp kém và nguy hiểm không cần thiết. Nó chả cần đến tí kỹ năng không chiến nào mà lại đầy hiểm họa bị dính đạn khi lính bộ binh Nga nằm phơi bụng ra bắn hù họa lên trời bằng súng trường.

Richthofen, áo sơ mi phong phanh, mũ quân phục hất ngược ra sau, để lộ một phần cái đầu cạo nhẵn, cộc lốc chào Hube. Trong mệnh lệnh từ bản doanh *Fuhrer*, toàn bộ lực lượng của Không đoàn số 4 được chuyển hướng sang mặt trận Stalingrad, “nhằm đánh sục hẵn quân Nga”. “Tận dụng ngày hôm nay đi!” ông ta bảo Hube. “Các anh sẽ được 1.200 máy bay hỗ trợ đến nơi đến chốn. Mai thì tôi không hứa đâu”.

Vào buổi chiều lính tăng nhìn lên, nheo mắt vì chói nắng, thấy từng đợt Junkers Ju 88 và máy bay ném bom Heinkel He 111 cùng với các phi đội Stuka bay thành “từng khối lèn chặt” về phía Stalingrad. Lốp lốp bóng máy

bay lao vút qua thảo nguyên. Trên đường về, các phi công Stuka nhấn còi chào đoàn quân đang tiến. Lính tăng phần khởi vẫy tay đáp lại. Từ xa họ đã nhìn thấy những cột khói bốc lên từ thành phố mà trong lúc nổi máu tuyên truyền, Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 đã gọi là “Stalingrad, thành phố của Stalin, điểm khởi đầu của cách mạng Đỏ”.

* * *

Với cư dân Stalingrad, Chủ nhật ngày 23 tháng 8 là “một ngày không bao giờ quên”. Thành phố hiện đại mà họ hết sức tự hào, với những công viên chạy dài theo bờ tây nổi cao của sông Volga và những khối nhà tập thể sừng sững trắng toát đem lại dáng vẻ lập thể hiện đại, giờ trở thành địa ngục.

Loa phóng thanh gắn trên cột đèn ngoài phố bắt đầu nhắc đi nhắc lại: “Các đồng chí, báo động máy bay toàn thành phố. Chú ý, các đồng chí, báo động...” Dân chúng nhiều lần đã nghe báo động giả, cũng với giọng đều đều như nhau nên mới đầu không mấy ai để ý. Mãi đến khi các khẩu đội phòng không nổ súng mọi người mới chạy đi ẩn nấp. Những người đang picnic trên đồi Mamaev (Mamaev Kurgan), một khu lăng mộ Tartar vươn cao ngay giữa trung tâm thành phố, đều phơi ra lộ lộ. Dọc theo những đường phố rộng chạy song song với dòng Volga, đám đông những người chạy nạn từ các quận ngoại thành Stalingrad không tìm được chỗ trú ẩn, ngoài những con hào trong các sân trong và vườn hoa do các ủy ban khu phố đào cho những ai không kịp đến hầm trú ẩn.

Máy bay của Richthofen bắt đầu ném bom rải thảm lần lượt, “không chỉ các mục tiêu công nghiệp mà mọi nơi”, một sinh viên có mặt hôm đó nói. Những quả bom có sức công phá lớn lắc lư nhẹ nhàng như thể bó que rơi từ những chiếc Heinkel xuống. Cảnh tượng khiến người ta khó mà hình dung nổi có ai sống sót nếu không vào hầm. Những quả bom cháy dội xuống những ngôi nhà gỗ ở rìa tây nam thành phố. Chúng đã cháy rụi, nhưng trong đám tro tàn ngùn khói, những ống khói bằng gạch vẫn xếp thành hàng giống như một bãi tha ma siêu thực. Gần bờ con sông vĩ đại, những bức tường của

các nhà tập thể trắng toát vẫn đứng nguyên dù bị trúng bom, nhưng các sàn bên trong thì đã sập. Nhiều tòa nhà khác vỡ toang hoặc bắt lửa. Những bà mẹ vẫn cố ru đứa con đã chết và những đứa bé cố gọi người mẹ đã chết cạnh đó. Hàng trăm gia đình khác bị chôn vùi dưới các đồng đồ nát.

Một phi công Đức sau khi bị một khẩu đội phòng không toàn nữ bắn rơi đã nhảy dù ra, nhưng khi dù mở, anh ta đã rơi thẳng vào biển lửa. Những người dân Stalingrad nhìn thấy kết cục của anh ta do đang sốc trước cảnh đồ nát xung quanh nên cũng chẳng cảm thấy thỏa lòng với màn quả báo nhãn tiền đó nữa.

Các bồn dầu khổng lồ trên bờ Volga cũng bị đánh. Một quả cầu lửa bốc cao gần 500 m lên trời, và mãi mấy ngày sau cột khói đen vẫn còn nhìn thấy từ cách đây hàng trăm kilomet. Dầu cháy lan cả qua sông. Bom phá hủy tổng đài điện thoại và nhà máy nước, cả bệnh viện chính của Stalingrad cũng chao đảo vì một dây bom. Cửa sổ bị thổi tung vào trong và trẻ con bị hất văng xuống giường. Trong số đó có cả Nina Grebennikova, cô bé 14 tuổi bị gãy cột sống một tuần trước đó do quả bom rơi gần các bồn xăng dầu. Bệnh viện bị đánh bom dữ dội làm nhân viên bỏ chạy, bỏ lại bệnh nhân, nhiều người trong số đó bị bỏ lại không có thức ăn và không được chăm sóc.

Một bà mẹ trơ trọi giữa trời đang kéo cô con gái bị liệt chân do trúng đạn, “đúng nghĩa kéo lê về nhà” ngay giữa trận bom. Không lái xe nào dám lên đường. Tất cả các ông bố đã ra mặt trận hoặc giờ đã được lệnh động viên, rõ ràng những người phụ nữ phải tự mình đương đầu với hậu quả. Vợ của Viktor Goncharov, với sự giúp sức của cậu con trai Nikolay 11 tuổi, đã chôn bố chị trong sân khu nhà tập thể vừa bị bom rơi trúng. “Trước khi lấp mộ”, cậu con trai nhớ lại, “chúng tôi đã phải đi tìm cái đầu của ông nhưng tìm không thấy”. Bà mẹ chồng, bà Goncharova, vợ của một Cossack kỳ cựu, đã bị lạc trong lúc lộn xộn. Thế mà không hiểu bằng cách nào bà cụ đã sống qua cuộc chiến sắp tới, sống sót hơn năm tháng trời trong một căn hầm. Mãi đến khi chiến tranh kết thúc, gần ba năm sau, họ mới tìm lại được nhau.

Cuộc không kích Stalingrad là ồ ạt nhất trên toàn bộ *Ostfront*, phô diễn đỉnh điểm đương nhiên trong sự nghiệp Richthofen kể từ Guernica^[42]. Máy

bay của Không đoàn số 4 hôm đó đã xuất kích tổng cộng 1.600 lần và đã ném 1.000 tấn bom mà chỉ mất ba máy bay. Theo ước tính, có gần 600.000 người ở Stalingrad, mà 40.000 người đã thiệt mạng trong tuần đầu đánh bom.

Lý do vì sao còn nhiều dân thành phố và người tị nạn còn ở lại bờ tây sông Volga là điển hình cho một chiến lược sai lầm. NKVD đã trưng dụng hầu hết các tàu sông và dành rất ít ưu tiên để sơ tán cư dân thành phố.

* * *

Trong lúc máy bay của Richthofen tàn phá Stalingrad thì mũi nhọn bọc thép của Sư đoàn tăng số 16 đã tiến thêm 40 km trên thảo nguyên mà hầu như không gặp sự kháng cự nào. “Quanh Gumrak”, nhật ký sư đoàn ghi lại, “sự chống trả của địch đã mạnh hơn và súng chống tăng từ góc tây bắc Stalingrad bắt đầu bắn điên cuồng vào đội hình thiết giáp của ta”.

Đó là các khẩu đội phòng không của các thiếu nữ tình nguyện ở trận địa ngay bên ngoài trường trung học. Không có mấy người từng bắn pháo trước đó do thiếu đạn và không ai trong số họ được huấn luyện bắn mục tiêu dưới đất. Đang bắn máy bay, họ đã hạ nòng ngay khi thoáng thấy xe tăng Đức, trong khi lính tăng Đức “có vẻ như tưởng mình đang dạo chơi ngày Chủ nhật”. Các cô gái trẻ ra sức quay nòng xuống mức 0 - pháo phòng không 37mm của Liên Xô là bản sao gần như chính xác của khẩu Bofors - và nhắm thẳng vào những chiếc tăng đi đầu.

Lính tăng Đức nhanh chóng trấn tĩnh, triển khai tấn công các khẩu đội pháo. Tiếp đến máy bay Stuka cũng đến trợ chiến. Trận đấu không cân sức này diễn ra trước mắt Đại úy Sarkisyan, chỉ huy một tiểu đoàn súng cối hạng nặng Soviet, người sau đó đã kể lại cho nhà văn Vasily Grossman. Mỗi khi những khẩu pháo phòng không im tiếng, Sarkisyan lại thốt lên: “Thôi, xong rồi! Họ bị quét sạch rồi!” Nhưng rồi lần nào các khẩu pháo cũng lại tiếp tục nhả đạn sau một lúc im lặng. “Đây là mở đầu của trang sử bảo vệ Stalingrad”. Grossman cảm thán.

Mũi nhọn tấn công của Đức dần thêm mấy dặm cuối cùng. Vào khoảng 4 giờ chiều, khi nắng tháng 8 đã dịu đi, họ đã tới Rynok, phía bắc Stalingrad, và tại đó “Lính của Sư đoàn tăng số 16 nhìn thấy sông Volga chảy qua ngay trước mắt họ”. Họ ngỡ ngàng không dám tin. “Chúng tôi mới xuất phát lúc sáng sớm ở sông Đông”, một đại đội trưởng của von Strachwitz nhớ lại, “thế mà giờ chúng tôi đã tới sông Volga”. Trong tiểu đoàn có người lấy máy ảnh ra và họ chụp nhau đứng tựa vào xe tăng, nhìn ống nhòm về phía bờ bên kia. Những tấm hình đó được đưa vào các ghi chép của Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 với dòng chú thích: “Đã đến được Volga!” Ống kính máy ảnh quay sang phía nam chụp thêm vài kiểu kỷ niệm. Một tấm cho thấy những cột khói từ các trận ném bom của Luftwaffe và ghi là “cảnh nhìn từ ngoại ô Stalingrad trong khói lửa”.

Sau khi họ tới ít lâu, phi công chiến đấu Kurt Ebener và người bay cặp trong phi đội “Udet” đã lượn vòng trên sông Volga ngay phía bắc Stalingrad. Các phi công nhìn thấy xe tăng và bộ binh cơ giới bên dưới và “cảm thấy một niềm vui tràn ngập xen lẫn cảm giác nhẹ nhõm thay cho đồng đội bên dưới” nên nổi hứng lộn chơi vài vòng ăn mừng.

Giống như các chỉ huy xe tăng khác, Đại úy von Freytag - Loringhoven đứng trên nóc xe tăng nhìn ống nhòm qua sông. Cảnh tượng thật tuyệt vời nhìn từ bờ tây cao hơn hẳn. “Chúng tôi nhìn thấy thảo nguyên mênh mông bát ngát chạy dài về phía châu Á và cảm thấy choáng ngợp”, anh nhớ lại. “Nhưng tôi không thể nghĩ nhiều về nó vì còn phải tiếp tục công kích một khẩu đội phòng không khác vừa bắn vào chúng tôi”.

Các nữ pháo thủ ngoan cường đến kinh ngạc. Theo lời Đại úy Sarkisyan, “các cô gái không chịu xuống hầm”. Một cô trong đó tên là Masha nghe nói “đã bám trụ ở đây suốt bốn ngày không nghỉ”, và đã bắn trúng chín xe. Dù con số đó là nói quá lên đi nữa thì giống như nhiều lần khác, các báo cáo của Sư đoàn tăng số 16 đã cho thấy tinh thần dũng cảm phi thường của họ. “Chúng tôi đã phải chiến đấu đến tận sẩm tối”, báo cáo viết, “ăn miếng trả miếng từng phát đạn, đối đầu với 37 trận địa pháo phòng không của địch do các phụ nữ lì lợm điều khiển cho đến khi tất cả bọn họ bị tiêu diệt”.

Lính tăng tá hỏa khi nhận ra mình đã bắn vào phụ nữ^[43]. Người Nga đến giờ vẫn thấy kiểu câu nệ này phi lý tức cười vì máy bay của Richthofen đã giết hàng bao nhiêu nghìn phụ nữ và trẻ em ở Stalingrad ngay buổi chiều hôm đó. Nhưng sĩ quan Đức thì không dại mà cao thượng thế nữa. “Thật hoàn toàn sai lầm khi coi phụ nữ Nga như “những người lính mặc váy”, một người trong số họ sau này viết. “Phụ nữ Nga từ lâu đã sẵn sàng gánh vác nghĩa vụ chiến đấu và bổ sung vào bất cứ vị trí nào họ cảm thấy xứng đáng được. Lính Nga rất nể những phụ nữ như vậy”.

* * *

Những người Soviet bảo vệ Stalingrad đang rơi vào tình thế hiểm nghèo, một phần vì Tướng Yeremenko tập trung phần lớn lực lượng chiến đấu của mình ngăn chặn thế tấn công của Tập đoàn tăng số 4 của Hoth từ hướng tây nam Stalingrad. Ông không ngờ lực lượng của Paulus lại có thể đột phá bất ngờ và táo bạo như vậy vào cánh phải của mình.

Nikita Khrushchev đến gặp ông ở sở chỉ huy ngầm trong địa đạo phía dưới cửa sông Tsaritsa. Mỗi đe dọa mà họ đang phải đối mặt càng thêm khẩn cấp đến mức khi hai sĩ quan công binh đến báo cáo rằng người của họ đã làm xong cầu phao qua sông Volga thì họ lại được lệnh phá nó ngay lập tức. Các sĩ quan công binh dương mắt lên nhìn tư lệnh của mình không dám tin. Họ mở miệng định phản đối liền bị gạt phắt. Không khó để hình dung sự hoảng loạn ở Stalingrad lúc này, chưa nói đến ở Moskva, nếu quân Đức tràn qua và chiếm được một đầu cầu bên bờ đông Volga — mà quả thực von Strachwitz đã tính làm thế.

Stalin nổi giận khi biết tin quân Đức đã đến được sông Volga. Ông cấm không cho cài mìn các nhà máy, cấm di tản máy móc hay bất kỳ động thái nào “có thể ngầm hiểu là đã có quyết định bỏ Stalingrad”. Thành phố sẽ phải tử thủ đến cùng. Hội đồng quân sự cho căng biểu ngữ khắp nơi thông báo tình trạng bị bao vây: “Chúng ta không đời nào từ bỏ thành phố chôn nhau cắt rốn. Hãy dựng chiến lũy trên từng con phố. Hãy biến từng quận, từng

khối nhà, từng ngôi nhà thành pháo đài bất khả xâm phạm”. Nhưng cũng có nhiều người đã hoảng sợ, thậm chí cả bí thư thành đoàn Komsomol cũng “rời bỏ vị trí” chạy sang bờ đông mà không được phép.

Những công nhân không trực tiếp sản xuất vũ khí dùng được ngay cũng được huy động vào “các lữ đoàn đặc biệt” dân quân tự vệ dưới quyền chỉ huy của Đại tá Sarayev, Tư lệnh Sư đoàn NKVD số 10. Đạn và súng trường được phân phát, nhưng nhiều người chỉ có được vũ khí khi đồng đội hy sinh. Ở khu công nghiệp ngoại ô Spartakovka phía bắc, các tiểu đoàn tự vệ công nhân trang bị kém được phái đi chặn đánh Sư đoàn tăng số 16 với kết quả đã biết trước. Sinh viên trường đại học kỹ thuật đào hào ở mạn bắc thành phố vẫn đào ngay dưới tầm bắn thẳng của Sư đoàn tăng số 16. Những tòa nhà các khoa gần nhà máy chế tạo máy kéo Stalingrad đã bị bom đánh sập ngay từ đợt không kích đầu tiên. Giảng viên của họ giúp hình thành hạt nhân của “tiểu đoàn phá hoại” phòng ngự tại chỗ. Một trong các giáo sư là đại đội trưởng. Chính ủy của tiểu đoàn là một nữ thợ máy trẻ từ nhà máy chế tạo máy kéo kế bên, lúc này đã chuyển sang sản xuất tăng T-34. Tại đó, những người tình nguyện còn nhảy vào xe tăng trước khi kịp sơn. Đạn đã chất sẵn trong nhà máy vừa đưa lên là họ lái khỏi dây chuyền sản xuất ra đánh nhau luôn. Những chiếc tăng này còn thiếu kính ngắm cho pháo và chỉ có thể bắn gần bằng cách người nạp đạn cúi xuống ngắm qua nòng trong khi pháo thủ thì xoay tháp pháo lấy hướng.

Hube cử tiểu đoàn mô tô đi thăm dò cánh bắc. “Hôm qua chúng tôi đã đến được tuyến đường sắt”, một hạ sĩ hôm sau viết về nhà, “và bắt được một đoàn tàu chở vũ khí và xe hậu cần chưa kịp dỡ hàng. Chúng tôi còn bắt được nhiều tù binh. Trong số đó có nhiều “lính mặc váy”, mặt mày bừng bừng căm hờn mà ta không dám nhìn thẳng vào họ. Hy vọng chiến dịch này không quá lâu”. Chiến lợi phẩm là hàng Mỹ trong chương trình “Cho vay – cho thuê”^[44] rất được ưa chuộng. Các sĩ quan Sư đoàn tăng số 16 đặc biệt ưa thích xe jeep Mỹ, mới tinh với các dấu hiệu mới của Nga mà họ chuộng hơn hẳn cái xe tương tự của mình — xe Kubelwagen.

Các trung đoàn không quân của Hồng quân cũng được ném vào cuộc chiến ngày 24 tháng 8, nhưng một chiếc Yak không thể độ được với một chiếc Messerschmitt 109, còn máy bay tiêm kích-oanh tạc Shturmovik, tuy được bọc thép bên dưới nhưng lại rất dễ bắn hạ khi bị một phi công giỏi bám đuôi. Lính Đức bên dưới reo hò khi các phi công *Luftwaffe* kết liễu đối thủ một cách lịch thiệp^[45], cứ như không chiến là một trò thể thao kiểu đấu bò mua vui cho khán giả bên dưới.

* * *

Các cuộc ném bom của Đức xuống thành phố vẫn tiếp tục với một trận không kích ồ ạt nữa vào chiều ngày 25 tháng 8. Nhà máy điện ở Beketovka bị hư hại nghiêm trọng nhưng đã nhanh chóng được sửa chữa. Đồng thời các phi đội Đức vẫn tiếp tục cày dọc theo chiều dài thành phố. Nhiều người mất hết của cải, nhưng các gia đình tự động chia sẻ với nhau những gì còn lại. Họ thừa hiểu rằng có thể ngày mai mình cũng sẽ rơi vào tình cảnh tương tự. Không gì xóa bỏ khái niệm tư hữu nhanh hơn sự tàn phá trên trời rơi xuống đến thế.

Cuối cùng phụ nữ và trẻ em cũng được phép sang bờ đông trên chiếc tàu được NKVD trưng dụng. Tuy nhiên chỉ vài chiếc tàu hơi nước còn rảnh vì phần lớn được dùng để chuyển thương binh và đưa đạn dược cùng quân tăng viện. Chuyển đi chắc chắn cũng nguy hiểm chẳng kém gì ở lại bờ tây vì máy bay Đức vẫn tiếp tục đánh phá những con tàu qua lại Volga. Con đê chắn sóng nằm phía thượng nguồn cửa sông Tsaritsa lại bị đánh phá và nhà hàng Thượng Hải nằm quá phía trên một chút, nơi tụ tập ưa thích vào thời bình trong một dải công viên nằm trên chỗ cao của bờ sông, cũng bị cháy trở tường. Các gia đình qua sông nhìn thấy những thi thể nám đen trôi qua như những khúc thân cây cháy đen và từng khoảnh sông vẫn cháy vì dầu trong các bồn chứa tràn ra. Bọn trẻ từ bệnh viện, trong đó có cả Nina Grebennikova được buộc chặt vào cáng, qua sông vào ngày 28 tháng 8 và được đưa vào một bệnh viện dã chiến bên bờ đông.

Pháo tăng của Sư đoàn tăng số 16 cũng vẫn hoạt động kể từ tối Chủ nhật đầu tiên, thông báo sự hiện diện của mình trên sông Volga bằng cách bắn chìm một tàu chở hàng và bắn trúng một tàu pháo. Nó còn bắn vào phà xe lửa, bỏ lại một đồng toa xe chổng chơ gãy nát, rồi trong mấy hôm sau lại bắn chìm thêm bảy con tàu sông. Lính tăng bảo đó là “tàu pháo” để không chịu thừa nhận đó có thể là tàu đang sơ tán cư dân.

Vào buổi tối thứ ba, các xe tăng Đức đã bắn chìm một tàu guồng hơi nước chở phụ nữ và trẻ em từ thành phố sang bờ đông. Nghe thấy tiếng gào khóc kêu cứu, binh lính hỏi chỉ huy liệu có thể dùng mấy cái xuồng bơm hơi của công binh ra cứu họ không. Nhưng viên trung úy không chịu. “Ta biết địch chiến đấu thế nào rồi đấy”, anh ta đáp. Sau khi đêm xuống, lính tăng kéo chăn trùm kín đầu để khỏi nghe thấy tiếng kêu khóc. Vài phụ nữ cũng bơi được vào bờ tây, nhưng hầu hết là bơi vào doi cát và ở lại đó cả ngày hôm sau. Lính Đức không bắn khi họ được đưa đi sơ tán vào đêm hôm sau để ra vẻ rằng họ có khác biệt. “Ta không cản trở những việc thế này!”

Phía sau những trận địa ban đầu của quân Đức trên bờ Volga là một khoảnh đất nửa trồng nửa tự nhiên với nào sồi, nào óc chó, nào dẻ ngọt và trúc đào, xung quanh thì đánh luống trồng dưa, cà chua, nho và các thứ cây ăn quả. Đây là nơi các đơn vị phía trước của Sư đoàn tăng số 16 cắm lại, lấy cây cối che chắn. Sở chỉ huy của tiểu đoàn công binh ẩn sau một cây lê to. Những lúc tạm yên tiếng súng, lính tăng và lính công binh hái trái chín, dùng mũ mềm và mũ sắt làm giỏ. Sau những tuần phơi mình giữa thảo nguyên khô cằn, được ngắm dòng Volga rộng, “giống mặt hồ tĩnh lặng”, từ dưới bóng cây, không hiểu sao lòng lại dấy lên cảm giác phải đến được điểm cuối của hành trình ở ranh giới châu Âu. Thật tiếc là người Nga cứ chống cự. Binh sĩ ngay khi có cơ hội đầu tiên liền viết thư về nhà từ Volga, tự hào có mặt trong những người đầu tiên đặt chân lên biên giới cực đông mới của Đế chế Đức. Vài người từng tham gia Chiến dịch Balkan năm trước nhận ra rằng thoát nhìn những tòa nhà màu trắng bên bờ sông nổi cao bên tây gợi nhớ tới Athens. Sự liên tưởng lạc lõng ngớ ngẩn đó khiến vài người trong số họ cứ gọi Stalingrad là “Akropolis”.

Các đơn vị của Tập đoàn quân số 6 vẫn còn đang đợi vượt sông Đông ghen tị với vinh quang mà tiền quân giành được. Một pháo thủ phòng không viết về nhà: “Ít lâu nữa chúng tôi cũng có quyền hát: “Một người lính đứng bên bờ Volga”. Một lính pháo cũng viết về Wolgalied mà Franz Lehar từng phổ nhạc: “Bài ca sẽ rất hợp với trường hợp của chúng tôi”.

Nhiều người đã tin rằng chiến thắng không còn xa nữa. “Không thể tưởng tượng nổi tốc độ của các chiến hữu cơ giới”, một người lính trong Sư đoàn bộ binh số 389 viết về nhà. “Và cả những đòn tấn công chấn động của không quân nữa. Một cảm giác thật yên ổn khi có các phi công của chúng ta bay trên đầu vì chúng tôi chưa hề thấy bóng dáng một chiếc máy bay Nga nào. Tôi muốn chia sẻ với bạn một chút ánh sáng hy vọng. Sư đoàn chúng tôi sẽ hoàn thành nhiệm vụ khi Stalingrad thất thủ. Lúc đó, theo ý Chúa, ta sẽ gặp lại nhau lần nữa trong năm. Nếu Stalingrad thất thủ, quân Nga ở phía nam sẽ tan”.

* * *

Nhưng vị trí của sư đoàn Hube còn lâu mới yên ổn. Mối đe dọa đối với giao thông trên sông Volga, đó là chưa nói tới những cú điện thoại giận dữ từ Kremli, càng thôi thúc Yeremenko ra lệnh phản công từ cánh bắc để đánh sập hành lang hẹp của quân Đức. Pháo Nga có thể dội lửa vào dải đất chỉ hơn 6 km đó từ cả hai bên và quân Đức không có trận địa nào để đáp trả. Không chỉ Sư đoàn tăng số 16 của Hube mà cả các đơn vị còn lại của quân đoàn Tướng Wietersheim cùng gần cạn nhiên liệu.

Ngày 25 tháng 8, Richthofen bay đến gặp Paulus và Tướng Seydlitz ở Sở Chỉ huy Sư đoàn bộ binh số 76. Bên má trái Paulus giật giật cho biết ông đang căng thẳng, ngoài ra ông còn bị lỵ - thứ mà lính Đức gọi là “bệnh Nga” — càng khó để ông thấy thoải mái. Là người không biết kiêng dè gì, Richthofen nhận xét rằng tư lệnh Tập đoàn quân số 6 “rối tíu lên” trước tình hình. Đêm hôm đó, không quân thả dù đổ tiếp tế cho Quân đoàn tăng số 14 của Wietersheim, nhưng phần lớn lại rơi xuống vùng đầm hoặc vào tay địch.

Sáng hôm sau, máy bay trinh sát Đức báo cáo lực lượng thiết giáp Soviet đang tập trung ở phía bắc.

Cũng như Hitler, Richthofen đinh ninh rằng một chiến thắng nhanh chóng ở Stalingrad sẽ giải quyết ngay mọi rắc rối của một sườn trái bị kéo dẫn bằng cách thúc đẩy sự sụp đổ chung cuộc của Hồng quân. Yếu đuối lúc này rất nguy hiểm, giống như đi trên một sợi dây căng. Paulus cũng thừa hiểu logic đó. Ông vẫn vững tin ở nhận định của Hitler rằng lực lượng Nga thế nào cũng kiệt quệ. Khi Tướng Wietersheim sau này gợi ý rút bớt một phần Quân đoàn tăng số 14, Paulus đã cách chức ông ta và đưa Hube lên thay.

Dù trông cậy vào bước tiến nhanh của Tập đoàn tăng số 4 từ phía nam song Hitler đã bắt Hoth để lại Kavkaz một quân đoàn. Vậy là ông rút Quân đoàn tăng số 48 và Quân đoàn số 4. Ngoài ra, như Tướng Strecker nhận thấy lúc đó, “càng đến gần thành phố, quân Đức tiến càng chậm”. Một cuộc kháng cự còn dữ dội hơn đang được chuẩn bị sau phòng tuyến, ủy ban Quốc phòng Stalingrad ra lệnh: “Chúng ta không để thành phố rơi vào tay quân Đức! Tất cả hãy thành lập các lũy đoàn, dựng chiến lũy. Chiến lũy trên mỗi con phố... bằng cách đó các chiến sĩ bảo vệ Stalingrad sẽ không nường tay, nhanh chóng diệt hết quân thù!”

Ngày 27 tháng 8 có trận mưa đầu tiên sau 5 tuần, nhưng lý do thực sự khiến cánh phải của Hoth chậm trễ là do quân Soviet chống cự quyết liệt quanh hồ Sarpa và gần Tundutovo trên các ngọn đồi phía nam khúc cong của sông Volga phía dưới Stalingrad. Trong hôm đó, lấy ví dụ như một đại đội trường giới đi cùng Sư đoàn súng trường số 91 đã đẩy lùi nhiều đợt tấn công của kẻ địch mạnh hơn hẳn. Ban chính trị của Phương diện quân Stalingrad về sau đã báo cáo với Shcherbakov: “Nhiều người đã chuộc lại tội lỗi bằng tinh thần dũng cảm và nên được phục hồi và trả về trung đoàn mình”. Nhưng một lần nữa, nhiều người trong đó đã bỏ mạng từ trước khi có sự thay đổi.

Hai hôm sau, cuộc tiến quân đã khá hơn khi Hoth đột ngột tung Quân đoàn tăng số 48 vòng qua cánh trái bên ngoài thảo nguyên Kalmyk. Lợi thế chính của quân đội Đức là ở chỗ hiệp đồng chặt chẽ giữa sư đoàn tăng với

không quân. Trong một trận chiến liên tục biến đổi, bộ binh Đức dùng cờ đỏ có chữ thập ngoặc làm dấu hiệu nhận biết nhằm bảo đảm không bị máy bay nhà đánh nhầm. Nhưng nguy cơ Stuka đánh nhầm quân bộ vẫn hiện hữu trong các chiến dịch thiết giáp di chuyển nhanh.

Trung úy Max Plakolb, chỉ huy một nhóm nhỏ kiểm soát không lưu tiền phương của không quân đi theo Sở Chỉ huy Sư đoàn tăng số 24. Lúc đó, khi các sư đoàn tăng số 14 và số 24 cùng Sư đoàn bộ binh cơ giới số 29 đang vòng sang hướng tây nam Stalingrad, Plakolb tự mình trực điện đài. Các đơn vị mũi nhọn của Sư đoàn tăng số 24 tiến quá nhanh so với sư đoàn bạn, thế rồi đột nhiên Plakolb nghe thấy trên điện đài của mình có báo cáo: “Một tốp xe địch...” Tiếp theo phi công báo cáo tọa độ của Sư đoàn tăng số 24. “Lo sốt vó” vì Stuka đang đến, Plakolb gọi thẳng cho phi đội, dùng mật khẩu “Bonzo” xua máy bay đi, tránh được trận bom trong gang tấc.

Bước tiến của Quân đoàn tăng số 48 xuống hướng nam nhanh đến mức chiều tối ngày 31 tháng 8 các đơn vị mũi nhọn của nó đã đến tuyến đường sắt Stalingrad-Morozovsk. Bỗng nhiên có vẻ như đã xuất hiện cơ hội chia cắt phần còn lại của các tập đoàn quân Soviet số 62 và số 64. Các sư đoàn bộ binh của Paulus đang tiến chậm từ sông Đông về phía đông không thể nào quây được phía sau quân Nga. Cơ hội duy nhất là đưa Quân đoàn tăng số 14 từ hành lang Rynok xuống khép vòng vây như sở chỉ huy cụm tập đoàn quân hối thúc. Đây là một canh bạc lớn và Paulus quyết định không theo kế hoạch. Như vậy Hube phải đưa các xe tăng không được bảo đảm hậu cần đầy đủ vòng lại, vừa đánh vừa tiến, bỏ qua các tập đoàn quân đối phương, tập trung lên hướng bắc. Dự cảm được nguy cơ, Yermenko vội rút các lực lượng còn lại về, tránh bị bao vây.

Trong một vài trường hợp, việc rút quân là do hoảng loạn chứ không phải theo kế hoạch. Trong Tập đoàn quân số 64, lính của khẩu đội phòng không số 748 bỏ cả pháo mà chạy. Sự cố này nhanh chóng trở thành một cảnh báo trong con mắt đầy cảnh giác của các Chính ủy, họ ngờ rằng có một người trong khẩu đội sau đó đã dẫn đường cho một tiểu đoàn tiểu liên Đức đánh vào Sư đoàn súng trường số 204 bên cạnh.

Ở cánh bắc của Paulus, Quân đoàn tăng số 14 khó mà rảnh rang. Quân Nga liên tục mở các cuộc tấn công quấy phá cả hai bên hành lang. Các cuộc quấy rối phối hợp kém này bị Tướng Hube đáp trả dứt khoát và hiệu quả. Ngày 28 tháng 8, ông chuyển sở chỉ huy của mình vào một hẻm núi hình nêm được che chắn tốt hơn trước các cuộc đột kích ban đêm. Ông tự thưởng cho mình một đêm nghỉ ngơi không bị quấy rối, lót ổ rơm dưới xe tăng mà ngủ.

Các oanh tạc cơ Nga bắt đầu tấn công cả ban ngày lẫn ban đêm, bay là là trên mặt sông Volga. Các cụm khói đen từ pháo phòng không Đức đánh dấu chuyển viếng thăm của họ trên bầu trời buổi sáng. Thịnh thoảng máy bay tiêm kích Đức rẹt qua sát sạt trên khe núi của Hube trước khi vọt lên tấn công các máy bay ném bom trên bầu trời quang đãng. Với những người trong sở chỉ huy dưới đất, chiếc tiêm kích đó giống như hình ảnh kỳ ảo của một hiệp sĩ Teuton không trung trong bộ giáp sáng lóa. “Tia chớp bạc đó”, một người có mặt viết lại trong nhật ký đầy cảm xúc, “lượn sang phía đông, băng ngang qua sông vào lãnh thổ của địch, một viên pha lê, một sứ giả báo bình minh”.

Ngày 28 tháng 8, các máy bay tiêm kích Nga tấn công một căn cứ không quân mới của Đức gần Kalach, nhưng một tốp máy bay tiêm kích Messerschmitt 109 đã đuổi họ đi. Tự hào với chiến thắng, các phi công trẻ tuổi da rám nắng tụ tập lại chờ phỏng vấn, nhưng vị chỉ huy nghiêm khắc của họ - được gọi là “hoàng thân” vì giống một bức tượng thời Trung cổ trong giáo đường - lại không chúc mừng. Thay vào đó, ông ban hành một mệnh lệnh làm Richthofen bực mình. “Các vị, việc bay chơi để xem ai bắn được nhiều máy bay địch hơn phải chấm dứt. Mỗi máy bay, mỗi giọt nhiên liệu, mỗi giờ bay đều không bù lại được. Lối sống dễ dãi dưới đất mà chúng ta đang sống là hết sức vô trách nhiệm, trên trời thậm chí còn tệ hơn. Mỗi phát đạn đều phải dành để hỗ trợ bộ binh nếu không có mục tiêu trên không”. Những tiếng hậm hực bất mãn rộ lên đáp lại.

Thời tiết thay đổi đột ngột như thường xảy ra cuối tháng 8. Vào ngày thứ Bảy 29 tháng 8, mưa gần như suốt ngày đêm. Binh lính ướt nhẹp, hào chiến đấu ngập nước. “Cái xứ Nga chết tiệt” là phản ứng thường thấy trong những lá thư gửi về nhà lúc này. Có vẻ như họ đã đến rất gần cái mà họ nghĩ là mục tiêu cuối cùng sau một đợt tấn công suốt bốn tháng trời không kịp lấy lại hơi.

Sư đoàn tăng số 16 ở Rynok trên bờ sông Volga không còn tâm trạng lạc quan tếu ban đầu nữa. Vườn tược, cây trái nơi họ trú quân đã bị pháo Soviet phạt trụi, để lại những hố đạn và thân cây ngổn ngang. Ai cũng để tâm đến việc địch tập kết quân ở phía bắc. Hube sẽ còn chịu áp lực sớm hơn nếu điểm cuối đường sắt của Nga ở Frolovo đến gần tiền tuyến hơn nữa và bộ binh Soviet có thể triển khai nhanh hơn. Tập đoàn quân 24 kết hợp với Tập đoàn quân số 66 và Tập đoàn quân cận vệ số 1 chuẩn bị cho một cuộc phản công. Khi quân xuống tàu xong và tản đi các hướng, nhưng trong lúc lộn xộn dường như không ai biết mình đang ở đâu. Sư đoàn súng trường số 221 thậm chí còn không biết họ thuộc phiên chế tập đoàn quân nào, còn chỉ huy sư đoàn cũng không có thông tin gì về vị trí và lực lượng địch cả.

Ngày 1 tháng 9, ông lệnh cho đại đội trinh sát chia thành các nhóm 10 người một đi tìm xem quân Đức ở đâu. Lính tráng trèo lên lưng những con ngựa địa phương, đi về phía nam ngang qua đường sắt Stalingrad-Saratov. Cả sư đoàn theo sau. Đột nhiên máy bay Đức đi đánh bom thành phố về ngang qua phát hiện có một đội quân đang di chuyển. Vài chiếc Messerschmitt 110 hai động cơ tách khỏi đội hình để công kích họ trong khi những chiếc khác quay lại căn cứ lấy bom. Tầm buổi trưa chúng quay lại, nhưng bấy giờ sư đoàn đã triển khai và mục tiêu ngon lành đã biến mất.

Các toán trinh sát trở về phát hiện thấy vài đơn vị Đức nhưng không thể vẽ được chiến tuyến cho chỉ huy. Thực ra nó không tồn tại ở dạng có thể nhận biết được. Các chỉ huy Nga “lo lắng và bức tức”. Mặc dù bộ binh của họ đông hơn toán quân Đức đối đầu với họ, nhưng họ không có một chiếc tăng, không một khẩu pháo và chỉ có một ít súng chống tăng là đến kịp.

Tình hình còn thê thảm hơn với Sư đoàn súng trường số 64 dồn cục phía sau. Mất tinh thần vì bị không quân Đức đánh, phá mất bệnh viện dã chiến, giết hại nhiều bác sĩ và y tá. Thương binh được đưa về hậu phương kể lại những chuyện kinh hoàng cho số lính mới tò te trong quân dự bị đang chờ ra tuyến trước. Hiện tượng đào ngũ có dấu hiệu lây lan. Chỉ huy sư đoàn lệnh cho các đơn vị mong manh nhất tập trung lại. Ông hô hào, nguyên rửa họ vì hèn nhát trốn tránh phục vụ tổ quốc và bắn tại chỗ kẻ hèn nhát.

Zhukov vừa được chỉ định là phó tổng tư lệnh tối cao, chỉ sau Stalin, đã đến Stalingrad vào ngày 29 tháng 8 để thị sát tình hình. Chẳng mấy chốc ông đã phát hiện thấy ba tập đoàn quân tham gia chiến dịch được trang bị kém, lính toàn là lính dự bị lớn tuổi, đạn dược thiếu, pháo cũng thiếu. Ông gọi ngay về Moskva, quả quyết với Stalin rằng phải hoãn tấn công lại một tuần. Stalin đồng ý, nhưng ngày 3 tháng 9 ông lại được báo quân Đức đã tiến đến rìa phía tây thành phố, giờ thì quân đoàn của Seydlitz nhập vào Tập đoàn tăng số 4 nữa. Ông gọi cho Tướng Vasilevsky, Tổng Tham mưu trưởng, yêu cầu cho biết chính xác vị trí. Ngay khi Vasilevsky thú nhận rằng xe tăng Đức đã đến ngoại ô thành phố, cơn bức tức với Zhukov và các tướng khác bùng nổ. “Họ làm sao vậy chứ, bộ họ không hiểu rằng nếu để mất Stalingrad thì miền nam đất nước sẽ bị cắt khỏi trung tâm và chắc là không thể giữ nổi? Bộ họ không thấy rằng đó không chỉ là thảm họa đối với Stalingrad? Chúng ta sẽ mất nguồn nước chính và sau đó là cả dầu nữa!”

“Chúng tôi đã đưa mọi thứ có thể chiến đấu được vào những nơi bị uy hiếp”, Vasilevsky cố giữ bình tĩnh, đáp. “Tôi nghĩ ta vẫn còn một cơ may không để mất thành phố”.

Lát sau Stalin gọi lại, đọc một bức điện gửi cho Zhukov. Ông ra lệnh phải tấn công ngay dù các sư đoàn đã triển khai xong hay đã nhận được pháo chưa. “Trì hoãn vào lúc này”, ông nhấn mạnh, “là đồng nghĩa với tội ác”. Stalingrad có thể thất thủ ngay ngày mai. Sau một hồi lâu tranh cãi trên điện thoại, cuối cùng Zhukov cũng thuyết phục được ông cho hoãn thêm hai ngày.

Có phải Stalin đã đúng và Zhukov sai hay không, khó mà nói được. Paulus đã có thêm thời gian để bổ sung lực lượng cho Quân đoàn tăng số 14 và không quân đã tận dụng hết lợi thế về sức mạnh của mình để tấn công các mục tiêu trên thảo nguyên trống trải. Tập đoàn quân cận vệ số 1 đã cố tiến được vài dặm, trong khi Tập đoàn quân số 24 bị đẩy lùi về lại tuyến xuất phát. Nhưng ít ra cuộc tấn công bất thành đó đã tiêu hao được dự trữ của Paulus vào thời điểm quyết định nhất, khi mà tàn quân tơi tả của hai Tập đoàn quân số 62 và 64 kịp rút về được ngoại vi thành phố.

Quân Đức cũng phải chịu một trong những tổn thất nặng nề nhất mùa hè đó. Không dưới 6 tiểu đoàn trưởng bị giết trong một ngày và nhiều đại đội chỉ còn 40-50 người. (Tính đến lúc này, tổng số thương vong của Đức ở *Ostfront* đã lên đến 1,5 triệu). Việc thăm vấn tù binh Soviet cho thấy quyết tâm của họ. “Một đại đội”, một báo cáo viết, “chỉ 5 người còn sống. Họ đã nhận lệnh không bao giờ bỏ Stalingrad”.

Lính Hồng quân nhận thấy mình đã chiến đấu giỏi và kiên cường trong 10 ngày đầu trận đánh. “Chào cả nhà yêu quý!” một người lính viết về nhà. “Từ ngày 23 tháng 8 bọn con liên tục chiến đấu ác liệt với kẻ thù tàn bạo xảo quyệt. Trung đội trưởng và chính trị viên bị thương nặng. Con phải nắm quyền chỉ huy. Khoảng 70 xe tăng địch xông tới bọn con. Bọn con đã bàn bạc với nhau và quyết định chiến đấu đến giọt máu cuối cùng. Khi xe tăng chồm qua chiến hào, bọn con ném lựu đạn và chai xăng”. Trong một khoảng thời gian rất ngắn, đa số lính Nga đã cảm thấy cực kỳ vinh dự được chiến đấu ở Stalingrad. Họ biết cả đất nước đang hướng về mình. Tuy nhiên họ không mấy ảo tưởng về cuộc chiến ác liệt còn ở phía trước. Stalingrad lúc này có chưa đến 40.000 người phòng thủ chống lại Tập đoàn quân số 6 và Tập đoàn tăng số 4. Không một chỉ huy nào quên rằng “Volga là tuyến phòng ngự cuối cùng trước dãy Urals”.

Quân Đức tràn đầy tự tin trong tuần đầu tiên đó của tháng 9. Cuộc chiến thật sự quyết liệt, một người lính viết về nhà, “nhưng Stalingrad sẽ thất thủ trong vài ngày nữa thôi”. “Theo lời các sĩ quan của bọn con nói”, một pháo thủ trong Sư đoàn bộ binh số 305 viết, “Stalingrad chắc chắn sẽ thất thủ”.

Và cảm giác chiến thắng ở Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 là không thể che lấp được khi một sĩ quan tham mưu ghi nhận được việc cánh nam của Quân đoàn số 51 và cánh trái của Tập đoàn tăng số 4 đã nối liền: “Vòng vây quanh Stalingrad trên bờ tây sông Volga đã khép lại!” Từ lúc vượt sông Đông ngày 23 tháng 8 đến ngày 8 tháng 9, Tập đoàn quân số 6 tuyên bố đã bắt được “26.500 tù binh, phá hủy 350 pháo và 830 xe tăng”.

Paulus nhận được thư từ Đại tá Wilhelm Adam, một trong những sĩ quan tham mưu của ông đang dưỡng bệnh tại Đức và tiếc hùi hụi vì đã vắng mặt trong thời điểm lịch sử thế này. “Ở bên này ai cũng trông Stalingrad thất thủ”, ông ta viết cho tư lệnh của mình. “Hy vọng đó sẽ là bước ngoặt của cuộc chiến”. Còn ở ngoại vi Stalingrad, đêm bỗng dưng trở lạnh, đến mức sáng ra thấy sương giá trên mặt đất và một lớp váng băng trong cái xô bột cho ngựa. Mùa đông nước Nga sắp ập xuống họ một lần nữa.

Tuy thế, chỉ rất ít người thấy trước được những chướng ngại mà Tập đoàn quân số 6 phải đối mặt. Những trận bom ồ ạt của Richthofen không chỉ không đánh sập nổi ý chí của kẻ thù, sức mạnh phá hoại của chúng còn biến thành phố thành một nơi lý tưởng để tử chiến cho người Nga lợi dụng chống lại họ.

PHẦN 3

THÀNH PHỐ ĐỊNH MỆNH

9

“THỜI GIAN LÀ MÁU”: NHỮNG TRẬN ĐÁNH THÁNG CHÍN

Lần đầu người dân Đức nghe nói đến Stalingrad như một mục tiêu quân sự là trong một thông cáo ngày 20 tháng 8. Chỉ hơn hai tuần sau, Hitler, vốn không hề muốn quân mình dính vào những cuộc chiến đường phố ở Moskva hay Leningrad, lại quyết chí phải chiếm được thành phố này bằng mọi giá.

Những sự kiện trên mặt trận Kavkaz, được coi là mối quan tâm hàng đầu của Hitler, đóng vai trò quan trọng trong nỗi ám ảnh mới với Stalingrad của ông. Vào ngày 7 tháng 9, ngày mà Halder ghi nhận “tiến bộ nước lòng ở Stalingrad”, cơn giận của Hitler trước việc không thể tiến vào vùng Kavkaz bốc lên đầu. Ông không thể chấp nhận việc Thống chế List không có đủ quân để thực hiện nhiệm vụ. Tướng Alfred Jodl vừa từ bản doanh của List trở về, trong bữa tối đã nhận xét rằng List chỉ tuân thủ răm rắp mệnh lệnh của *Fuhrer* mà thôi. “Đó là nói dối!” Hitler quát ầm lên và sầm sầm bỏ ra ngoài. Như để chứng minh lời ông đã bị hiểu sai, ông cho gửi các chỉ thị về Đức bằng điện báo, ra lệnh gửi ngay các nhân viên tốc ký của quốc hội sang Vinnitsa để ghi lại từng lời trong cuộc giao ban hằng ngày.

Sau chiến thắng ở Ba Lan, các nước Scandinavia và Pháp, Hitler đâm ra coi nhẹ những nhu cầu tầm thường như cung cấp nhiên liệu hay thiếu hụt nhân lực, cứ như ông đứng trên những thoi thúc vật chất thiết yếu của chiến tranh vậy. Cơn nóng giận của ông trong trường hợp này có vẻ sẽ đưa ông tới một kiểu giới hạn tâm lý. Tướng Walter Warlimont, người vừa trở lại sau một tuần đi vắng, đã bàng hoàng trước “cái nhìn chăm chú rất lâu đầy hằn học” của Hitler đến nỗi đã nghĩ: “Người này bị mất mặt; hẳn ông ta đã nhận ra rằng canh bạc chết người của ông ta đã thua, rằng nước Nga Soviet sẽ

không bị đánh bại trong nỗ lực thứ hai”. Nicolaus von Below, tùy tùng không quân của *Fuhrer*, cũng trở lại để thấy “một tình huống hoàn toàn mới”. “Cả bộ sậu xung quanh Hitler đều có vẻ ủ rũ như nhau. Hitler đột nhiên xa cách hẳn”.

Chắc là Hitler đã cảm nhận được sự thật — dù gì cũng chính miệng ông đã nói với các tướng của mình rằng không lấy được Kavkaz có nghĩa là phải chấm dứt chiến tranh - nhưng ông vẫn không chịu chấp nhận nó. Sông Volga đã bị cắt đứt và ngành công nghiệp chiến tranh của Stalingrad coi như đã bị phá hủy — là hai mục tiêu được đặt ra cho Chiến dịch Blau - nhưng giờ ông phải chiếm thành phố mang tên Stalin, như thế việc đó tự nó sẽ có cách khuất phục được kẻ thù. Kẻ hoang tưởng nguy hiểm đã quay sang lấy chiến thắng tượng trưng để bù lại.

Một hai thành công vang dội còn để duy trì hình ảnh Stalingrad là lò lửa thử thách sức mạnh vượt trội của nước Đức. Trong cuộc chiến dây dưa trên mặt trận phía bắc, bá tước von Strachwitz, một chỉ huy nổi bật của Sư đoàn tăng số 16, đã cho thấy rằng trong một cuộc đấu tăng kéo dài, chiến thắng tùy thuộc vào cái đầu lạnh, ngắm chuẩn và bắn nhanh. Quân Nga đã tung ra hết đợt này đến đợt khác tăng T-34 và tăng Mỹ viện trợ theo chương trình “Cho vay - cho thuê”. Xe tăng Mỹ cao ngất ngưỡng mà vỏ thép lại mỏng, rất dễ hạ. Lính tăng Soviet không thích nó. “Xe tăng không tốt”, một người lái tăng khai khi bị hỏi cung, “van hồng lia chia, máy nóng, còn bộ truyền động đúng là vô dụng”.

“Quân Nga tấn công qua quả đồi”, von Freytag-Loringhoven nhớ lại, “chúng tôi thì ở sườn bên kia. Suốt hai ngày họ cứ một kiểu mà xông lên, phơi mình trên nền trời”. Hơn 100 người bị hạ. “Trong tầm mắt”, một hạ sĩ công binh viết về nhà, “đâu đâu cũng thấy xe tăng bị bắn tung và bốc cháy”. Strachwitz 49 tuổi được thưởng huân chương Chữ thập Hiệp sĩ với Lá sồi, sau đó ít lâu được cho về Đức vì tuổi tác. Ông giao lại quyền chỉ huy cho von Freytag-Loringhoven.

* * *

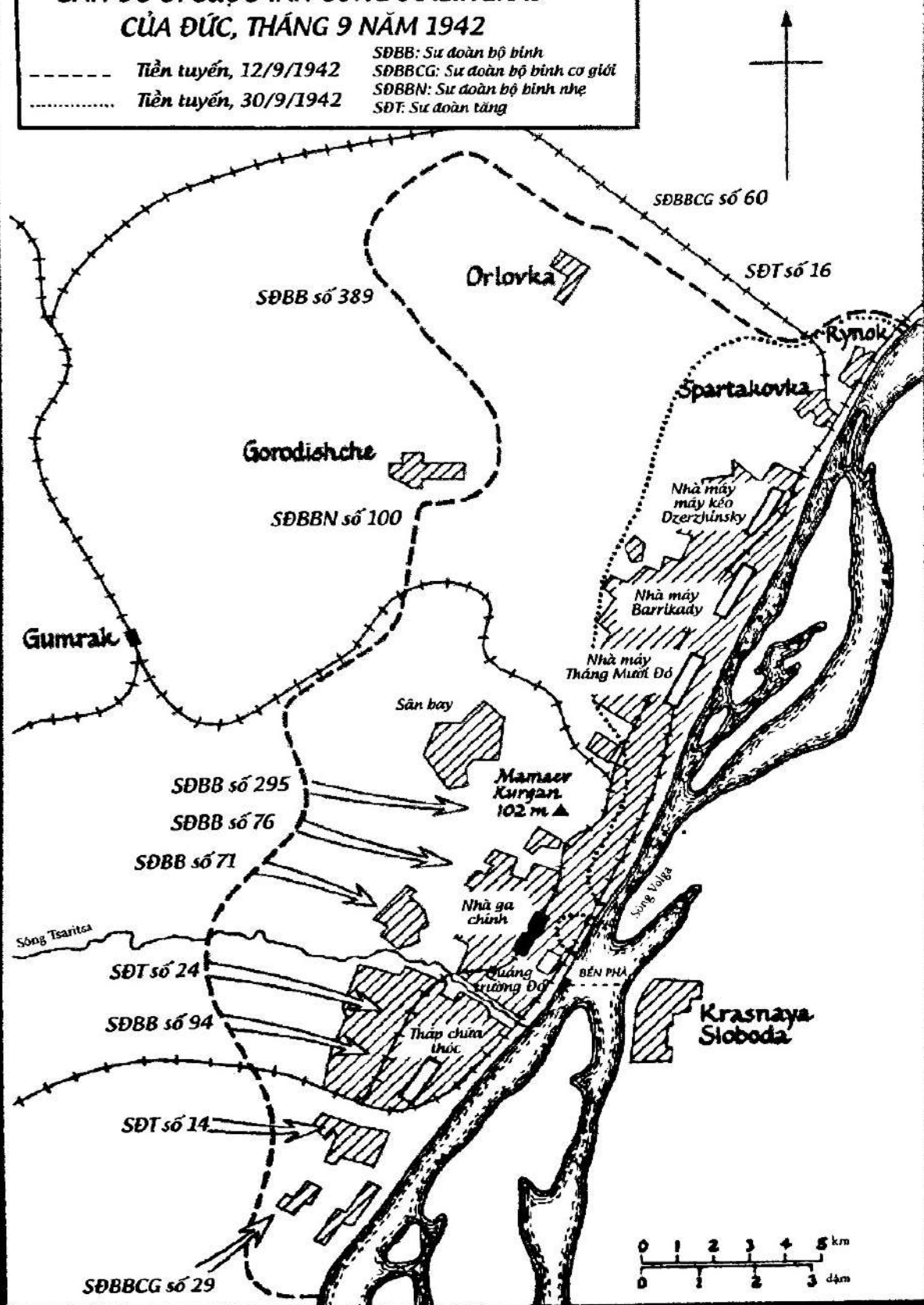
Ở đây có thể thấy quân Nga tấn công thiếu tính toán và hy sinh khủng khiếp, nhưng cũng cho thấy quyết tâm tử thủ Stalingrad bằng bất kỳ giá nào của họ. So với nó thì quyết tâm bên phía xâm lược chưa thấm vào đâu. “Giờ phút của lòng dũng cảm đã điếm...” lời thơ của Anna Akhmatova ở thời điểm khi sự tồn vong của nước Nga đang như trứng để đầu đẳng.

Từ khi Rostov thất thủ, bất cứ biện pháp nào có thể nâng cao khả năng kháng cự đều được phép. Một hình ảnh trên tờ Stalinskoe Znamia, tờ báo của Phương diện quân Stalingrad, ngày 8 tháng 9 thể hiện một cô gái đang khiếp sợ, tay chân bị trói. “Người yêu của bạn mà bị bọn phát xít trói thế này thì sao?” câu hỏi đưa ra. “Đầu tiên chúng sẽ láo xược hăm hiếp cô ấy, rồi ném cô ấy vào xích xe tăng. Hãy tiến lên, chiến sĩ. Bắn quân thù. Nghĩa vụ của bạn là ngăn không cho tên giặc hăm hiếp cổ gái của mình”. Kiểu tuyên truyền như vậy - gần như lặp lại đề tài bài thơ “Giết nó đi!” của Konstantin Simonov - rõ ràng là thô thiển nhưng tính biểu tượng của nó phản ánh khá sát tâm trạng thời đó. Bài thơ “Tôi căm thù” của Alexey Surkov cũng sôi sục như thế. Bọn giặc Đức làm ô uế đất mẹ chỉ có lấy máu chúng mới gột sạch. Ngày 9 tháng 9, một đơn vị tiên đội thuộc Tập đoàn tăng số 4 bắt gặp mấy tờ Sao Đỏ có đăng lời Ilya Ehrenburg kêu gọi các chiến sĩ Soviet, có đoạn kết: “Không đếm ngày. Không đếm dặm. Chỉ đếm số bọn Đức bạn giết được. Giết bọn Đức — đó là lời khẩn cầu của mẹ. Giết bọn Đức — đó là tiếng kêu thống thiết của đất Nga. Đừng chao đảo. Chớ bỏ qua. Giết đi”.

BẢN ĐỒ 3: CUỘC TẤN CÔNG STALINGRAD CỦA ĐỨC, THÁNG 9 NĂM 1942

----- **Tiền tuyến, 12/9/1942**
 **Tiền tuyến, 30/9/1942**

SĐBB: Sư đoàn bộ binh
 SĐBBCG: Sư đoàn bộ binh cơ giới
 SĐBBN: Sư đoàn bộ binh nhẹ
 SĐT: Sư đoàn tăng



Đối với Yeremenko và Khrushchev, quyết định chính trong lúc nước sôi lửa bỏng này là chọn người kế nhiệm tư lệnh Tập đoàn quân số 62 vì ông này rõ ràng không tin có thể giữ được Stalingrad. Ngày 10 tháng 9 Tập đoàn quân số 62 đã đánh mở đường máu rút về thành phố. Nó đã bị chia cắt khỏi Tập đoàn quân số 64 về hướng nam khi Sư đoàn bộ binh cơ giới số 29 đã thọc thẳng đến tận sông Volga ở Kuporosnoe, ngay đầu mút phía nam của Stalingrad. Ngày 11 tháng 9, sở chỉ huy của Yeremenko ở cửa sông Tsaritsa phải hứng chịu một trận mưa đạn. Konstantin Simonov đến đúng vào lúc đó. Ông cảm thấy phảng phất với “mùi vị buồn thảm của sắt cháy” khi vượt sông Volga để vào thành phố vẫn đang bốc khói. Trong căn hầm thiếu không khí của Khrushchev, “ông ta trông rầu rĩ và trả lời cộc lốc... lấy ra một gói thuốc và cố quẹt diêm hết cây này đến cây khác mà lửa cứ tắt liên tục vì hầm không thoáng gió”.

Simonov và người đi cùng lăn ra ngủ trên áo choàng trong góc hệ thống địa đạo trông ra cửa sông Tsaritsa. Sáng ra thức dậy, hầm đã trống không. “Chẳng thấy sĩ quan tham mưu, người đánh máy, chẳng còn một ai”. Cuối cùng họ tìm được một anh lính thông tin đang cuộn nốt dây. Lúc đó mới biết Sở chỉ huy Phương diện quân đã chuyển sang bên kia sông Volga. Phòng tuyến mặt đất bị ném bom chia cắt suốt đã buộc Yeremenko và Khrushchev xin phép Stalin rút sở chỉ huy sang bên kia sông. Chỉ duy nhất sở chỉ huy chính của Tập đoàn quân số 62 còn lại bên bờ tây.

Sáng hôm sau, Tướng Chuikov được gọi lên sở chỉ huy mới ở Yamy của hội đồng quân sự liên kết cả hai Phương diện quân Stalingrad và Tây Nam. Ông phải mất cả một ngày và gần hết một đêm mới qua được sông và tìm được đến nơi. Ánh sáng từ những tòa nhà đang cháy bên Stalingrad rọi sang sáng đến mức thậm chí bờ đông rộng là thế mà chiếc xe jeep viện trợ của ông không cần bật đèn pha.

Khi Chuikov rốt cuộc cũng gặp được Khrushchev và Yeremenko vào sáng hôm sau, họ cùng đánh giá tình hình. Quân Đức quyết chiếm thành phố bằng mọi giá. Họ cũng quyết không đầu hàng. Cũng không còn nơi nào mà rút nữa. Chuikov được đề nghị làm tư lệnh mới ở Stalingrad.

“Đồng chí Chuikov”, Khrushchev hỏi, “Đồng chí hiểu nhiệm vụ của mình thế nào?”

“Chúng tôi sẽ bảo vệ thành phố, có chết cũng chết ở đó”, Chuikov đáp. Yeremenko và Khrushchev nhìn ông và bảo ông đã hiểu đúng.

Tối hôm đó Chuikov đi phà từ Krasnaya Sloboda cùng với hai chiếc T-34 sang bến trung tâm ngay phía trên cửa sông Tsaritsa. Khi phà cập bờ, hàng trăm người, chủ yếu là dân thường đang hy vọng thoát đi, lặng lẽ từ các hố đạn hiện ra. Những người khác chuẩn bị khiêng thương binh lên phà. Chuikov và những người cùng đi lên bờ tìm sở chỉ huy của mình.

Sau nhiều lần nhầm đường, Chính ủy của một đơn vị công binh đã đưa họ đến đồi Mamaev, một gò mộ Tartar rất lớn, còn được biết là Đồi 102 theo độ cao của nó tính bằng mét. Tại đây Chuikov đã tìm thấy Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 62 và gặp Tham mưu trưởng của ông, Tướng Nikolay Ivanovich Krylov. Kiểu sỗ sàng thô lỗ của Chuikov trái hẳn với Krylov, một người tỉ mỉ, có đầu óc phân tích, nhưng hai người vẫn hiểu nhau và hiểu rõ tình hình. Chỉ có một cách để trụ được. Họ phải trả giá cho nó bằng sự hy sinh. “Thời gian là máu”, đúng như sau này Chuikov phát biểu theo kiểu giản dị bổ bã của ông.

Với sự giúp sức của Krylov và Kuzma Akimovich Gurov, một Chính ủy có bộ mặt lì lợm với cái đầu cạo trọc và đôi lông mày rậm rì, Chuikov nghiêm khắc cảnh cáo vị chỉ huy nào có ý định rút lui, dù chỉ nhất thời. Một số sĩ quan cao cấp bắt đầu rục rịch chuồn qua sông, bỏ mặc lính, hầu hết trong số đó, như Chuikov nhận thấy, còn muốn “qua sông Volga càng nhanh càng tốt, cốt thoát khỏi địa ngục này”. Ông nhắc lực lượng NKVD kiểm soát chặt chẽ các bến bãi. Kẻ đào ngũ, bất kể cấp bậc, đều phải đối mặt với án tử nhanh gọn.

Có nhiều báo cáo đáng ngại khác về mức độ tin cậy của binh sĩ. Hôm đó, ở Lữ đoàn tăng cận vệ số 6, một thượng sĩ đã hạ sát đại đội trưởng của anh ta, sau đó dùng súng đe dọa lái xe và lính điện đài. Ngay khi hai người chui ra khỏi xe tăng, anh ta đã lái chiếc tăng chạy về phía phòng tuyến Sư đoàn bộ binh số 76 của Đức. Vì viên thượng sĩ đã cầm một lá cờ trắng lên tháp

pháo nên sĩ quan điều tra kết luận rằng “tên phản bội dày dạn kinh nghiệm” đã “lên kế hoạch tỉ mỉ cho âm mưu đáng tởm của hắn” từ trước.

Đến lúc này Tập đoàn quân số 62 chỉ còn chừng 20.000 người. Nó còn chưa đến 60 xe tăng. Nhiều cái chỉ có thể dùng làm hỏa điểm cố định. Tuy nhiên, Chuikov có trong tay hơn 700 khẩu cối và pháo, ông muốn rút toàn bộ pháo hạng nặng về bờ đông. Mỗi bận tâm chính của ông là làm giảm hiệu quả của lực lượng không quân vượt trội của địch. Ông đã nhận thấy quân Đức ngại cận chiến, nhất là lúc trời tối. Để làm cho lính Đức thêm căng thẳng, “mỗi tên Đức phải cảm thấy mình đang sống dưới đầu ruồi súng Nga”.

Mối quan tâm trực tiếp nhất của ông là điều khiển được lực lượng hỗn tạp mà ông không biết, ở các trận địa mà ông chưa nắm được, cũng như bao giờ thì quân Đức mở trận tấn công lớn đầu tiên. Chuikov mô tả cách phòng ngự được chẳng hay chớ mà ông thấy chẳng qua chỉ là các bức lũy, chỉ cần dùng xe tải là ủi bay. Trái lại, Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 lại phóng đại chúng lên trong các báo cáo là “các trận địa vững chãi có hầm sâu và các ụ súng bê tông”. Chướng ngại thực sự cho bên tấn công, như họ sẽ được biết sớm, lại là ở những đồng đồ nát của thành phố.

* * *

Cũng trong hôm đó, ngày 12 tháng 9, Paulus đang ở bản doanh Ma Sói của Hitler tại Vinnitsa cùng Tướng Halder và Tướng Weichs, tư lệnh Cụm Tập đoàn quân B. Về buổi thảo luận mỗi người nói một kiểu. Paulus bảo rằng đã nêu lên vấn đề kéo dài cánh trái dọc theo sông Đông cho đến tận Voronezh và việc thiếu giáp bảo vệ cho các lực lượng Italia, Hungary và Romania. Theo Paulus, kế hoạch của Hitler là dựa trên giả định quân Nga đã cạn kiệt dự trữ và rằng cánh sông Đông nên được tăng cường thêm các đơn vị đồng minh. Hitler do chỉ quan tâm đến Stalingrad nên muốn biết liệu bao giờ thì nó thất thủ. Paulus nhắc lại con số áng chừng ông đã nói với Halder một ngày trước: 10 ngày đánh, “sau đó 14 ngày chinh đồn”.

* * *

Đợt tấn công đầu tiên của quân Đức bắt đầu vào lúc 4 giờ 45 theo giờ Đức, tức là 6 giờ 45 theo giờ Nga. (Hitler vẫn bắt quân đội Đức ở Nga hoạt động theo thời gian ở bản doanh *Wolfsschanze* ở Đông Phổ). Ở cánh trái của Quân đoàn bộ binh số 51, Sư đoàn bộ binh số 295 nhắm tới đồi Mamaev, còn bên cánh phải, các sư đoàn bộ binh số 76 và số 71 tấn công theo hướng nhà ga chính và bến tàu trung tâm trên sông Volga. Các sĩ quan Sư đoàn số 295 còn tiếp lửa cho lính của mình bằng cách thách họ một hơi đến thẳng sông Volga.

Trận dội pháo và ném bom vào trận địa Nga hôm trước đã rất dữ dội. “Cả bầu Stuka trên đầu chúng tôi”, một hạ sĩ trong Sư đoàn bộ binh số 389 viết, “và sau trận công kích, không ai tin ở đó thậm chí có còn con chuột nào sống sót”. Trận bom còn tiếp tục suốt ngày 13 tháng 9. Từ vị trí chỉ huy của mình trên đồi Mamaev, Chuikov quan sát bằng kính tiềm vọng kếp. Một màn bụi gạch vữa biến bầu trời ngả sang màu nâu nhạt. Mặt đất liên tục rung lên vì đạn nổ. Bên trong hầm, đất mịn chảy xuống như trong đồng hồ cát, qua khe giữa các súc gỗ lát trần, phủ đầy lên người các sĩ quan tham mưu và lính thông tin. Bom đạn còn cắt đứt đường điện thoại dã chiến. Lính đường dây được cử đi tìm chỗ đứt để nối có rất ít cơ hội ở giữa nơi trống trải. Dây đứt liên tục đến nỗi cả các cô gái thông tin cũng phải liều mạng ra ngoài. Suốt ngày hôm đó Chuikov chỉ liên lạc được với Yeremenko ở phía sau đúng một lần, đến chiều muộn thì ông hoàn toàn mất liên lạc với các sư đoàn của mình ở bờ tây. Ông buộc phải cử người đi liên lạc, đi qua thành phố đầy bom rơi đạn nổ thì tính mạng họ còn mong manh hơn cả lính thông tin đường dây nữa.

Dù ở rìa phía tây thành phố quân Đức đã có chút thành công, chiếm được một sân bay nhỏ với vài dãy doanh trại, song các nỗ lực san bằng vùng lồi phía bắc lại bất thành. Trận đánh quyết liệt hơn họ tưởng. Nhiều người đã ngầm hiểu ra rằng có thể họ sẽ phải trải qua mùa đông ở Stalingrad này.

Chuikov quyết định ngay đêm đó chuyển tới địa đạo sở chỉ huy cũ, chạy ngầm từ cửa sông Tsaritsa và có lối thoát phía sau ở đường Pushkinskaya, một đường phố nằm gần bờ sông Volga. Tuyến cửa sông Tsaritsa cũng rõ ràng cho Paulus và Hoth chọn làm đường ranh giới giữa hai tập đoàn quân. Trong khi các sư đoàn của Seydlitz ở phía bắc đánh về hướng Mamaev Kurgan và nhà ga chính thì các sư đoàn tăng số 14 và số 24 của Hoth cùng Sư đoàn bộ binh số 94 ở phía nam cũng đã sẵn sàng tấn công vào tháp đổ thóc vuông vẫn bằng bê tông vươn cao trên nền trời Stalingrad.

Tin Sư đoàn bộ binh số 71 tiến vào trung tâm thành phố ngay phía trên sông Tsaritsa được đón nhận tại đại bản doanh của *Fuhrer* với niềm phấn khích tột độ. Cũng tin đó về đến điện Kremli vào buổi tối. Stalin đang bàn về khả năng mở một cuộc tổng phản công chiến lược ở Stalingrad với Zhukov và Vasilevsky thì Poskrebyshchev, thư ký chính của Stalin bước vào báo Yerenenko đang chờ ở đầu dây. Sau khi nghe điện thoại, Stalin thông báo cho hai vị tướng biết tin. “Yerenenko nói địch đang đưa lực lượng tăng đến gần thành phố. Ông ấy chắc mai chúng sẽ tấn công”. Ông quay sang Vasilevsky: “Lập tức lệnh ngay cho Sư đoàn cận vệ số 13 của Aleksandr Rodimtsev vượt sông Volga, rồi để xem các anh còn gì gửi thêm nữa không”. Một giờ sau Zhukov lên máy bay trở lại Stalingrad.

* * *

Trong những giờ đầu tiên của ngày 14 tháng 9, Chuikov và Ban Tham mưu của mình băng qua thành phố đổ nát xuống phía nam đến địa đạo Tsaritsa trên hai chiếc xe. Những đường phố ngổn ngang gạch đá rất khó đi lọt nên chuyển đi ngẩn của họ cứ phải dừng liên tục. Chuikov rất sốt ruột vì ông đã ra lệnh phản công và cần có mặt ngay tại sở chỉ huy mới. Quân của ông đã đột kích địch ở vài nơi nhưng đến rạng sáng lại bị đẩy lui ngay sau khi các phi đội Stuka quay lại hoạt động. Tin đáng khích lệ duy nhất ông nhận được sáng nay là Sư đoàn súng trường cận vệ số 13 đêm nay qua sông. Nhưng các cuộc tấn công của địch ngày hôm đó vừa nhanh vừa mạnh nên

nhiều người đã bắt đầu lo không biết quân của Rodimtsev có sang được được bờ tây không.

Sư đoàn bộ binh Đức số 295 vừa đánh vừa tiến đến sườn bên kia đồi Mamaev, song hiểm họa trực tiếp cho tồn vong của Stalingrad lại đến từ phía nam. “Hai sư đoàn (số 71 và số 76) đồng thời tấn công”, báo cáo lạc quan quá mức của Tập đoàn quân số 6 viết, “theo hình cái nêm vào nhà ga trung tâm lúc trưa, và đến 3 giờ 15 chiều họ chiếm xong nhà máy nước và đến được bờ sông Volga!” Thực ra nhà ga chính đã sang tay tới ba lần trong hai giờ buổi sáng và đã bị một tiểu đoàn súng trường NKVD chiếm lại vào buổi chiều.

Lúc đến được sở chỉ huy của Chuikov vào đầu giờ chiều, quần áo Tướng Rodimtsev lấm như vùi. Từ lúc đặt chân lên bờ tây Volga, ông bị máy bay đánh liên tục nên cứ phải nhảy xuống các hố tránh đạn. Hài hước, đặc sệt kiểu một sinh viên sôi nổi, trông Rodimtsev giống một trí thức Moskva hơn là ông tướng Hồng quân và Anh hùng Liên Xô. Mái tóc bạc sớm cắt ngắn hai bên và dựng đứng giữa đỉnh đầu nên đầu ông có vẻ như bị kéo dài ra. Mới 37 tuổi, Rodimtsev thuộc số rất ít người bẩm sinh đã coi thường nguy hiểm. Trong Nội chiến Tây Ban Nha, chiến đấu dưới bí danh “Pablito”, ông là một cố vấn Soviet chủ chốt trong trận Guadalajara năm 1937, khi những người cộng hòa Tây Ban Nha đã đuổi quân đoàn viễn chinh của Mussolini chạy dài. Với binh sĩ của mình, ông là người hùng, họ nói rằng sợ nhất là nếu bị thương lại bị chuyển sang đơn vị khác lúc bình phục.

Chuikov cho Rodimtsev biết tình hình hiểm nghèo thế nào. Ông đã vừa triển khai nốt lực lượng dự bị cuối cùng của mình, 19 xe tăng còn lại của một lữ đoàn thiết giáp. Ông khuyên Rodimtsev bỏ lại hết các trang bị nặng ở phía sau. Người của ông cần vũ khí cá nhân, súng máy, súng trường chống tăng, và càng nhiều lựu đạn càng tốt.

Chuikov gọi Đại tá A. A. Sarayev, chỉ huy Sư đoàn súng trường NKVD số 10 kiêm tư lệnh quân khu Stalingrad. Vốn đã có mặt tại Stalingrad từ tháng 7 với năm trung đoàn NKVD (hơn 7.500 người), Sarayev đã tăng cường đáng kể vương quốc của mình. Ông đã lập ra một binh đoàn riêng với

hơn 15.000 tay súng ở cả hai bờ Volga. Ông còn kiểm soát việc qua lại hai bờ và giao thông trên sông. Chuikov lúc này không có gì để mất, dọa sẽ gọi ngay cho Sở chỉ huy Phương diện quân nếu Sarayev không chấp hành mệnh lệnh của ông. Mặc dù Beria đã từng dọa “đánh gãy lưng” một vị tư lệnh ở Kavkaz chỉ vì đề nghị quân NKVD phải chịu dưới quyền ông nhưng Sarayev hiểu rằng trong trường hợp này, tốt nhất là vâng lời. Gió từ Kremli đang thổi thuận chiều quân đội.

Các tiểu đoàn dân quân dưới quyền ông được lệnh chiếm giữ các tòa nhà then chốt và giữ vững đến cùng. Một tiểu đoàn chính quy NKVD được cử lên Mamaev Kurgan, trong khi hai trung đoàn súng trường ngăn chặn địch lấn ra bờ sông. Quân cận vệ của Rodimtsev phải được phép lên bờ. Lực lượng NKVD chiến đấu dũng cảm, chịu nhiều thương vong nên về sau sư đoàn đã được thưởng huân chương Lenin và danh hiệu “Stalingradsky”. Sarayev giữ nguyên vị trí trong suốt cuộc chiến, nhưng sau đó bị truất quyền. Người thay thế ông chỉ huy quân NKVD là Thiếu tướng Vladimir Rogatin, lên nắm quyền từ tuần thứ hai của tháng 10 với sở chỉ huy mới đặt tại bờ đông.

Có một cuộc chạm trán không thoải mái nữa vào tối hôm đó. Từ bên kia sông Volga, đại diện dân sự của Stalin là Georgy Malenkov triệu tập các sĩ quan cao cấp của Tập đoàn không quân số 8 tới Sở chỉ huy Phương diện quân. Trên đường họ cứ chắc mẫm phen này được thưởng huân chương. Yerenenko và Zhukov đứng phía sau. Malenkov, người mà vào ngày đầu cuộc chiến đã không tin báo cáo của đô đốc Kuznetsov về cuộc không tập của Đức vào Sevastopol, bây giờ lại hưởng sự khó chịu của mình vào các sĩ quan không quân của Hồng quân. Ông muốn biết đơn vị nào hoạt động vào ngày nào, sau đó mắng họ kém cỏi. Ông dọa đưa các chỉ huy ra tòa án binh. Để mọi người biết mình oai cỡ nào. Ông gọi bước lên trước một thiếu tá thấp bé, tóc đen chải lật ra sau với bộ mặt múp míp do buông thả. “Thiếu tá Stalin”, ông nói với con trai của Iosif Vissarionovich (Stalin)^[46]. “Phi công các anh chiến đấu quá tệ. Trận vừa rồi 24 chiếc tiêm kích của các anh không ai hạ nổi một tên Đức. Thế là thế nào? Các anh chưa quen phải đánh thế nào đấy chứ? Chúng tôi phải hiểu thế nào đây?” Sau đó Malenkov quay sang

măng Tướng Timofey Khryukin, tư lệnh Tập đoàn không quân số 8. May có Zhukov xen vào mới chặn được bài thuyết giáo. Ông nhắc họ là sư đoàn Rodimtsev sắp vượt sông Volga. Trung đoàn tiêm kích chịu trách nhiệm yểm trợ họ, tốt nhất là phải bảo đảm không để một quả bom Đức nào rơi xuống. Các sĩ quan không quân lục tục đi ra, bàng hoàng không nói nên lời.

* * *

Stavka đã lệnh cho Sư đoàn súng trường cận vệ số 13 tiến về Stalingrad từ ba ngày trước. Tuy lực lượng hơn 10.000 người nhưng có 1/10 không có vũ khí. Sư đoàn đã phải xé lẻ khi thấy máy bay trinh sát Đức, tản ra dưới những cây du, cây dương Ukraina và cây liễu trên bờ đông gần Krasnaya Sloboda. Họ có ít thời gian để chuẩn bị sau một chặng đường từ Kamyshin xuống phía nam. Rodimtsev biết tình hình cấp bách nên đã hối thúc các chỉ huy của mình suốt dọc đường. Bộ tản nhiệt các xe quá nóng, bày lạng đà thì giở chứng và bụi đường do xe cuốn lên dày đặc đến nỗi “những con điều mắc trên cột điện tín cũng xám xịt”. Đôi lúc lính phải tản ra khi những chiếc Messerschmitt mũi vàng bay thấp rú rít bắn vào đội hình.

Khi họ đến được sông Volga, thảo nguyên bụi bặm khô cằn kết thúc, những cây phong báo hiệu có nước gần đó. Một bảng hiệu mũi tên đóng trên thân cây viết một chữ “Phà”. Lính nhìn thấy khói đen ngùn ngụt phía trước, huých nhau ra hiệu. Đó là dấu hiệu đầu tiên của cuộc chiến đang chờ đợi họ ở bờ bên kia dòng sông hùng vĩ.

Trên bờ sông, họ nhanh chóng được cấp đạn, lựu đạn và đồ ăn - bánh mì, xúc xích và cả đường để họ pha trà. Rodimtsev, sau khi đi gặp Chuikov về, quyết định không chờ trời tối hẳn. Đợt đầu các chiến sĩ cận vệ bước tới trong bóng nhập nhoạng lên những con tàu đủ kiểu, từ tàu pháo của giang đoàn Volga tới những thuyền bè dân sự được trưng dụng — tàu kéo, xuồng máy, xà lan, thuyền cá, thậm chí cả thuyền chèo. Những người chờ chuyển sau trên bờ đông nhắm tính xem phải mất bao lâu các tàu mới trở lại đón họ.

Cuộc vượt sông có lẽ lạ lùng nhất là với những ai đi thuyền chèo vì dòng nước nhẹ nhàng vỗ vào mũi thuyền , rồi tiếng cọc chèo kéo kẹt đều đều. Có tiếng súng trường xa xa và tiếng pháo vang rền trên mặt sông trải rộng. Thế rồi đạn pháo, đạn cối và các thứ súng máy Đức gần bờ quay sang bắn vào họ. Từng cột nước tung lên giữa dòng, té ướt người trên thuyền . Chẳng mấy chốc đã thấy cá chết phơi bụng trắng bạc lấp loáng mặt sông. Một tàu pháo của giang đoàn Volga trúng đạn, 20 người của sư đoàn đi trên đó thiệt mạng. Có người ngẩn ngơ nhìn xuống nước để tránh phải nhìn sang bờ bên kia, giống như người leo núi tránh nhìn xuống dưới. Có người thì ngược lại, nhìn chăm chăm những tòa nhà cháy bên bờ tây, đầu đội mũ sắt bất giác thụt xuống. Nơi họ đang dấn thân vào mang dấp dấp của địa ngục. Khi bóng đêm xuống dày, bóng lửa nhảy nhót trên những bức tường của các tòa nhà cao phía trên hắt bóng xuống họ trông thật kỳ dị. Tàn lửa bốc cao trong trời đêm. Bờ sông trước mặt là “một đồng lộn xộn những chiếc xe cháy tàu bè vỡ quần queo rải trên bờ”. Đến gần hơn, họ ngửi thấy mùi những ngôi nhà cháy khét và mùi hôi thối của xác chết đang phân hủy dưới các đồng đồ nát.

Đợt đầu quân cận vệ của Rodimtsev không lặp lại. Họ tuột từ hai bên mạn tàu xuống đoạn nước nông ở mép sông và lao thẳng lên bờ sông dốc toàn cát. Ở một đoạn, quân Đức chỉ cách không quá 100 m. Không cần phải nhắc, lính cận vệ ai cũng hiểu rằng họ càng nấn ná lâu thì càng dễ chết. May cho họ là quân Đức không có thời gian đào hào và chuẩn bị trận địa. Một tiểu đoàn của Trung đoàn cận vệ số 42 bên trái đã cùng quân NKVD đẩy lùi quân Đức về lại gần nhà ga trung tâm. Trung đoàn cận vệ số 39 bên phải tấn công vào một nhà máy lớn xây gạch đỏ (hiện nay vẫn lỗ chỗ vết đạn, được bảo tồn làm chứng tích của những ngày đó), mà họ đã quét sạch trong một trận đánh xáp lá cà không nương tay. Khi đợt hai sang đến nơi, trung đoàn được tăng viện đã dẫn tới tận đường tàu chạy qua dưới chân đồi Mamaev.

Sư đoàn súng trường cận vệ số 13 đã tổn thất tới 30% trong 24 giờ đầu, nhưng bờ sông đã được giành lại. Số ít người sống sót (chỉ có 320 người trong số 10.000 còn sống vào cuối cuộc chiến Stalingrad) thề rằng tinh thần quyết chiến của họ là “từ Rodimtsev truyền sang”. Noi theo gương ông, họ cũng hứa “Bên kia sông Volga không có đất cho chúng ta”.

Mới đầu quân Đức coi cuộc phản công của Rodimtsev chỉ là một thất thế tạm thời. Họ tin rằng cuộc tấn công vào trung tâm thành phố của mình là không thể đảo ngược. “Kể từ hôm qua cờ của Đế chế thứ Ba đã tung bay giữa trung tâm thành phố”, một người ở Sư đoàn bộ binh cơ giới số 29 đã viết vào ngày hôm sau. “Khu trung tâm và nhà ga (chính) đã nằm trong tay Đức. Không thể tưởng tượng nổi chúng tôi đã đón nhận tin đó thế nào”. Nhưng binh lính đang run rẩy trong thời tiết lạnh giá thì “đã mơ đến cảnh trú đông với những bếp lò kiểu Hindenburg, và thật nhiều thiệp đến từ gia đình yêu dấu”.

Các đại đội bộ binh Đức đã đánh dẫn xuống cửa sông Tsaritsa. Lối vào Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 62 nằm dưới tầm bắn thẳng và địa đạo Tsaritsyn đầy thương binh. Chẳng mấy chốc không khí nóng ẩm đã không thể thở nổi. Các sĩ quan tham mưu ngất xỉu vì thiếu oxy. Chuikov quyết định thay đổi vị trí đặt sở chỉ huy lần nữa, lần này thì qua sông, đi ngược lên phía bắc rồi vượt sông trở lại bờ tây.

Cuộc chiến giành giật Mamaev Kurgan trở nên căng thẳng. Nếu quân Đức chiếm được nó thì pháo của họ có thể khống chế sông Volga. Một trong các trung đoàn súng trường NKVD đã cố giữ được một phần nhỏ quả đồi cho đến khi được số sống sót của Trung đoàn súng trường cận vệ số 42 thuộc quân Rodimtsev và một bộ phận của sư đoàn khác đến tiếp ứng ngay trước rạng sáng ngày 16 tháng 9. Toán quân mới đến tấn công lên đỉnh và hai bên vai quả đồi vào sáng sớm. Đến lúc này hoàn toàn không còn nhận ra cái công viên nơi các đôi tình nhân đi dạo cách đây vài tuần nữa. Không còn sót một ngọn cỏ nào trong lớp đất trộn lẫn mảnh bom, mảnh đạn và lựu đạn. Cả quả đồi bị xáo tung, chỉ chút hố bom đạn mà giờ đây thường được dùng làm hố cá nhân tạm thời trong những trận tấn công và phản công ác liệt. Anh lính cận vệ Kentya đã nổi tiếng vì giật lá cờ Đức do lính Sư đoàn bộ binh số 295 cắm trên đỉnh đồi, xé tan và giẫm lên nó. Những gương xấu cũng có nhưng dĩ nhiên ít được nhắc tới hơn. Một chỉ huy khẩu đội của Nga trên

Mamaev Kurgan đã đào ngũ do “anh ta sợ phải chịu trách nhiệm vì tỏ ra hèn nhát trong chiến đấu”. Lính pháo hoảng hốt bỏ chạy khi bị một toán bộ binh Đức đột kích đánh vào. Thượng úy M. đã tỏ ra “thiếu quyết đoán” nên không giết quân Đức, một tội lớn lúc bấy giờ.

Vào lúc 11 giờ đêm ngày 16 tháng 9, Trung úy K., một trung đội trưởng trong Sư đoàn súng trường số 112 cách thành phố chừng 8 km về phía bắc, đã phát hiện thiếu mất bốn người lính cùng hạ sĩ quan của họ. “Đáng lẽ phải có biện pháp tìm kiếm và ngăn chặn hành vi phản bội của chúng, anh ta chỉ báo cáo sự việc cho chỉ huy đại đội”. Vào khoảng 1 giờ sáng, Chính ủy Kolabanov đã đến tận trung đội để điều tra. Khi đến gần chiến hào của họ, ông nghe thấy từ bên trận địa của Đức có người nói tiếng Nga nêu tên từng người lính trong trung đội kêu gọi họ chạy sang: “Các bạn nên sang cả đây đi, họ sẽ cho bạn ăn và đối xử tốt với bạn. Ở bên phía Nga kiểu gì bạn cũng chết thối”. Sau đó Chính ủy trông thấy mấy bóng người chạy tới vùng phân tuyến, hướng về phía quân Đức. Ông tức giận vì không thấy trung đội bắn theo. Ông kiểm lại thấy thiếu 10 người, gồm cả một trung sĩ. Trung đội trưởng bị bắt và đưa ra tòa án binh. Bản án dành cho anh ta không thấy ghi lại, có thể là tử hình hoặc vào đại đội trừng giới. Cũng trong sư đoàn này, một đại úy đã cố dụ dỗ hai sĩ quan khác đào ngũ nhưng một người “không chịu và đã xử tử tên phản bội”.

Quân Đức liên tục phản công suốt mấy hôm sau nhưng quân cận vệ của Rodimtsev và số còn lại của trung đoàn súng trường NKVD đã giữ được Mamaev Kurgan. Sư đoàn bộ binh số 295 rơi vào thế bí. Tổn thất nặng nề nên các đại đội đều phải gộp lại mới đủ. Số thương vong của sĩ quan đặc biệt cao, chủ yếu là do súng bắn tỉa của Nga. Chỉ sau chưa đến hai tuần trên phòng tuyến, một đại đội trong trung đoàn của Đại tá Korfes thuộc Sư đoàn bộ binh số 295 đã thay tới đại đội trưởng thứ ba là một trung úy trẻ.

“Những cuộc đụng độ một mất một còn” cứ tiếp diễn trên Mamaev Kurgan và pháo hạng nặng Đức tiếp tục bắn phá các trận địa Soviet suốt hai tháng sau đó. Nhà văn Vasily Grossman đã mô tả đạn pháo bắn tung đất lên trời: “Những đám mây đất đá rơi qua cái sàng trọng trường, những mẩu

nặng hơn rơi thẳng xuống đất, còn bụi thì bốc lên trời”. Các xác chết của trận đánh trên những sườn đồi cháy nám bị bốc lên rồi lại vùi xuống trong các đợt pháo kích quảng quật không ngừng. Nhiều năm sau chiến tranh, nghe nói trong một lần dọn dẹp, người ta đã tìm thấy xác một lính Nga cùng một lính Đức. Cả hai cái xác chắc đã bị đạn pháo vùi lấp sau khi họ giết nhau bằng lưỡi lê.

* * *

Theo cách nói giảm nhẹ thận trọng của Zhukov, đó là “những ngày hết sức khó khăn đối với Stalingrad”. Ở Moskva, các nhân viên sứ quán Mỹ cứ tưởng thành phố chắc chắn là mất, còn trong Kremli thì tâm trạng cực kỳ căng thẳng. Tối ngày 16 tháng 9, ngay sau bữa ăn, Poskrebyshev lặng lẽ bước vào đặt lên bàn Stalin một bản dịch từ Tổng cục Tình báo của Bộ Tổng tham mưu gửi sang. Đó là văn bản một bức điện vô tuyến bắt được, phát từ Berlin. “Stalingrad đã bị mất vào tay các lực lượng vũ trang Đức vô song. Nước Nga đã bị cắt làm hai phần nam và bắc và sẽ sớm sụp đổ trong cơn giãy chết”. Stalin đọc đi đọc lại bản tin mấy lần, sau đó đến cửa sổ đứng lặng hồi lâu. Ông bảo Poskrebyshev nối máy cho ông tới *Stavka*. Qua điện thoại, ông đọc bức điện gửi Yeremenko và Khrushchev: “Báo cáo sơ lược về diễn biến tình hình ở Stalingrad. Có đúng là Stalingrad đã bị quân Đức chiếm? Hãy trả lời thẳng thắn và chân thực. Tôi chờ trả lời ngay lập tức”.

Thực ra thì khủng hoảng nhất thời đã qua. Sư đoàn của Rodimtsev đã đến kịp lúc. Trong ngày hôm đó các chỉ huy Đức đã nhận ra có viện binh qua sông, như Sư đoàn súng trường số 95 của Vasilii Gorishnii và một lữ đoàn lính thủy đánh bộ tăng cường cho Sư đoàn súng trường cận vệ số 35 đang suy yếu trầm trọng ở phía nam Tsaritsa. Không quân Đức cũng phát hiện có sự gia tăng số lượng máy bay mà Tập đoàn không quân số 8 đưa lên tiếp chiến với họ, mặc dù phi công Soviet vẫn còn e ngại địch thủ. “Mỗi khi có một chiếc Me-109 xuất hiện”, báo cáo của một Chính ủy than phiền, “là quân ta bắt đầu xoay vòng, ai cũng cố trông chừng đuôi của mình”.

Và trên hết, người bên không quân để ý thấy hỏa lực phòng không đã mạnh hơn. “Ngay khi có một phi đội Stuka xuất hiện”, một sĩ quan liên lạc đi cùng Sư đoàn tăng số 24 nhận xét, “bầu trời lập tức phủ đầy các cụm khói đen của pháo phòng không”. Tiếng reo hò phấn khích rộ lên từ trận địa của quân Nga bên dưới mỗi khi có một chiếc Stuka đáng ghét nổ bùng trên bầu trời phun khói rồi từng mảnh cháy rực rơi xuống. Ngay cả các máy bay tiêm kích nhanh hơn nhiều cũng ăn đòn từ hỏa lực mạnh bên kia sông Volga. Ngày 16 tháng 9, hạ sĩ quan không quân Jurgen Kalb đã buộc phải nhảy dù từ chiếc Me-109 trên sông Volga. Anh ta rơi xuống sông và bơi vào bờ, nơi lính Hồng quân đang chờ.

Tổ bay các máy bay ném bom Đức được xả hơi rất ít. Mọi máy bay đều phải hoạt động con thoi. Ngày 19 tháng 9, một phi công đã ngồi tính lại trong ba tháng anh ta đã phải xuất kích tới 228 lần: ngang với số lần xuất kích trong ba năm trước trên bầu trời “Ba Lan, Pháp, Anh, Nam Tư và Nga cộng lại”. Anh ta và tổ bay của mình mỗi ngày phải ở trên không tới sáu giờ.

Đặt căn cứ tại các sân bay làm gấp trên thảo nguyên, cuộc sống dưới đất của họ là những bữa ăn vội vàng, gào thét trên điện thoại dã chiến, căng mắt nghiên cứu bản đồ và không ảnh trình sát trong lều tác chiến. Lúc trên không, xác định mục tiêu không hề dễ khi bên dưới là “những đồng đồ nát lộn xộn trong khói lửa”, rồi những cột khói đen lan rộng từ dầu tràn bốc cháy che khuất mặt trời cao tới 3.000 m.

Quân đội dưới đất tới tập yêu cầu: “Tấn công mục tiêu khu vực AI 1, góc tây bắc, khối nhà lớn, địch kháng cự dữ dội ở đây”. Tuy vậy các phi công Đức không cảm thấy mình làm được nhiều khi cứ liên tục dội bom vào một bãi hoang “ngõn ngang nhà xưởng đổ nát, cháy rụi, không còn bức tường nào đứng nguyên”.

Với các nhóm mặt đất, “thợ cơ khí - vũ khí, chuyên viên bom, điện đài”, chuẩn bị cho máy bay cất cánh “ba, bốn, năm lần mỗi ngày”, đúng là khói có nghỉ ngơi. Với các tổ bay, phút giây yên ổn duy nhất là chập tối và tảng sáng, nhưng ngay cả lúc đó họ cũng chẳng nán lâu bên đường băng mà ngấm bầu trời lồng lộng bên trên “chốn vô cùng” này - đã là tuần thứ ba của

tháng 9 rồi, rét lắm. Ngày 17 tháng 9, nhiệt độ tụt xuống đột ngột. Mọi người mặc áo len bên trong áo khoác mà giờ đây hầu hết đã tả tơi. “Quần áo của binh lính”, một bác sĩ nhận xét, “đã tả đến nỗi thường thì họ phải mặc các thứ từ quân phục Nga”.

* * *

Trong khi cuộc giành giật ác liệt Mamaev Kurgan vẫn tiếp diễn thì một trận chiến khác cũng dữ dội không kém giành giật tháp chứa thóc bằng bê tông khổng lồ cạnh bờ sông cũng càng lúc càng thêm quyết liệt. Cuộc tiến quân nhanh chóng của Quân đoàn tăng số 48 của Hoth rõ ràng đã chia cắt cái pháo đài tự nhiên này. Những người phòng thủ pháo đài thuộc Sư đoàn cận vệ số 35 đã hò reo cười đùa khi một trung đội lính thủy đánh bộ do Trung úy Andrey Khozyanov chỉ huy đã đến được chỗ họ trong đêm 17 tháng 9. Họ có hai khẩu đại liên Maxim cố lỗi và hai khẩu súng trường chống tăng Nga dài ngoẵng, mà họ đã dùng để bắn vào chiếc xe tăng Đức khi một sĩ quan cùng một thông dịch viên cầm cờ trắng ra hiệu ngừng bắn để yêu cầu họ đầu hàng. Thế là pháo binh Đức đã bắn vào cái cấu trúc đồ sộ này, dọn bãi cho Sư đoàn bộ binh Saxon số 94, sư đoàn có phù hiệu hai thanh gươm bắt chéo của vùng đồ sứ Meissen.

Hơn 50 lính phòng thủ đã đẩy lui 10 đợt tấn công trong ngày 18 tháng 9. Biết rằng sẽ không có tiếp tế, họ cẩn thận dành dùm đạn, lương thực và nước uống. Điều kiện mà họ phải chiến đấu trong hơn hai ngày đó thật khủng khiếp. Họ bị ngộp thở vì khói bụi, thậm chí ngũ cốc chứa bên trong bắt lửa, rồi họ nhanh chóng hết nước uống. Họ cũng thiếu cả nước để đổ vào bình làm nguội của đại liên Maxim. (Chắc lính thủy đánh bộ đã dùng nước tiểu của mình cho mục đích này như trong Thế chiến I người ta thường làm, nhưng trong các ghi chép Soviet không thấy nhắc đến).

Họ đã dùng hết lựu đạn và đạn chống tăng lúc xe tăng Đức kéo đến đông hơn để kết liễu họ trong ngày 20 tháng 9. Cả hai khẩu đại liên Maxim đã không còn hoạt động được. Lính phòng thủ không nhìn thấy gì trong tháp vì

khói bụi, liên lạc với nhau bằng cách hét to với cổ họng khản đặc. Khi quân Đức tiến vào, họ chỉ nghe tiếng động mà bắn chứ không biết ngắm vào đâu. Đêm hôm đó, chỉ với một nắm đạn còn lại, những người sống sót đột phá xông ra. Thương binh phải bỏ lại. Dù trận đánh ác liệt nhưng khó mà gọi đây là chiến thắng vang dội cho quân Đức, tuy thế Paulus vẫn chọn cái tháp chứa thóc đồ sộ này làm biểu tượng của Stalingrad trên băng đeo tay mà ông đã thiết kế ở sở chỉ huy để mừng chiến thắng.

Những trận phòng thủ ngoan cường tương tự ở các tòa nhà bán kiên cố tại trung tâm thành phố trong những ngày này đã bắt quân Đức trả giá đắt. Các “đội đồn trú” của những người lính Hồng quân từ các sư đoàn khác nhau đã kiên gan bám trụ cũng phải chịu đựng đói khát. Một trận đánh khốc liệt giành giật cửa hàng bách hóa Univermag trên Quảng trường Đỏ, nơi được chọn làm sở chỉ huy của Tiểu đoàn số 1 thuộc Trung đoàn súng trường cận vệ số 42. Một nhà kho nhỏ được gọi là “nhà máy đinh” cũng là một chốt cố thủ nữa. Và trong một ngôi nhà ba tầng cách đó không xa, lính cận vệ đã chiến đấu suốt năm ngày trời, lỗ mũi và cổ họng của họ nghẹt bụi gạch vữa từ các bức tường bị đập nát. Thương binh của họ chết trong hầm không được chăm sóc vì cô y tá trẻ đã hy sinh do một vết thương ở ngực. Sáu người trong số quân ban đầu gần nửa tiểu đoàn đã thoát đi vào phút cuối cùng khi xe tăng Đức húc sập tường.

Trong số những thành công của quân Đức ở trung tâm thành phố thì nghiêm trọng nhất đối với Hồng quân là quân Đức đã tiến đến bến đổ bộ trung tâm. Nó cho phép họ đánh vào các điểm đổ bộ chính ban đêm bằng pháo, dàn pháo phản lực *Nebelwerfer* và súng máy, bắn dưới đèn dù ma-giê. Họ quyết tâm chặn đường tiếp viện người và hậu cần cho bên phòng thủ.

Nhà ga chính đã đổi chủ tới 15 lần trong năm ngày, cuối cùng quân Đức đã chiếm được đông đảo nhất. Nhất trí với phương châm của Chuikov, Rodimtsev ra lệnh tuyến trước của mình luôn cách quân Đức trong vòng 50 m để gây khó khăn cho pháo binh và không quân địch. Lính trong sư đoàn của ông rất hãnh diện về tài thiện xạ của mình. “Lính cận vệ ai cũng là thiện xạ cả” thế nên “buộc bọn Đức phải bò chứ không đi được”.

Lính Đức mắt đỏ kè vì kiệt sức sau những trận đánh khốc liệt và vì thương vong vượt xa những gì họ tưởng tượng nên tâm trạng hân hoan chiến thắng tuần trước đã tiêu tan. Mọi thứ bây giờ đã đảo lộn. Họ nhận thấy bắn pháo trong thành phố đáng sợ hơn nhiều. Đạn nổ không phải là thứ nguy hiểm duy nhất. Khi một tòa nhà cao trúng đạn, mảnh đạn và gạch vữa từ trên cao văng xuống. *Landser* bắt đầu mất ý niệm thời gian trong thế giới điên rồ giữa cảnh tàn phá đổ nát này. Ngay cả ánh sáng ban ngày cũng có gì đó lạ lùng ma quái do màn bụi.

Trong một khu vực tập trung đông như vậy, người lính phải cảm nhận trận đánh theo cả ba chiều không gian vì có nguy cơ bắn tĩa từ các tòa nhà cao nữa. Anh ta còn phải quan sát lên trời. Khi *Luftwaffe* không kích, *landser* cũng nằm dán xuống đất hết như lính Nga. Luôn có nỗi lo những chiếc *Stuka* không nhận ra những lá cờ đỏ trắng đen với chữ thập ngoặc trải ra đánh dấu vị trí của họ. Thường thì họ phải bắn pháo hiệu nhận biết để chỉ rõ vị trí. Máy bay Nga cũng bay thấp, đủ thấp để có thể nhìn thấy ngôi sao đỏ ở đuôi máy bay. Máy bay tiêm kích thì bay cao hơn nhiều nên lóa nắng. Trông lên thấy chúng chao lượn giống như cá dưới nước hơn là chim trên trời.

Tiếng ồn tác động vào thần kinh họ không dứt. Một lính tăng Đức viết trong nhật ký: “Không gian tràn ngập tiếng hú kinh hồn của những chiếc *Stuka* bổ nhào, tiếng nổ sấm sét của súng phòng không và pháo, tiếng rú của động cơ, tiếng xích xe tăng nghiền, tiếng rú rít của dàn phóng “Đàn Organ Stalin”, tiếng lạch tạch liên hồi của súng máy cả trước lẫn sau, và lúc nào cũng cảm thấy sức nóng của một thành phố đâu đâu cũng cháy”. Tiếng la hét của thương binh là tác động đến người ta mạnh nhất. “Đó không còn là tiếng người”, một lính Đức viết trong nhật ký, “chỉ là tiếng gào rống thảm thiết của một con thú hoang”.

Trong tình cảnh đó, nỗi nhớ nhà càng thêm day dứt. “Quê nhà sao xa quá — Ôi, mái nhà xinh xắn!” một người viết với đầy nỗi tiếc. “Chỉ đến lúc này ta mới rõ nó tuyệt vời thế nào”. Những người lính phòng thủ Soviet thì trái lại, họ biết rõ nỗi nhớ nhà là điều xa xỉ mà họ không được phép. “Chào *Palina* yêu quý!” một người lính vô danh viết cho vợ vào ngày 17 tháng 9.

“Anh vẫn bình thường và mạnh khỏe. Không ai biết điều gì sẽ tới nhưng cứ sống rồi khắc biết. Chiến tranh thật dữ dội. Em đã biết chuyện gì đang diễn ra ở tiền tuyến qua các bản tin. Nhiệm vụ của người lính rất đơn giản: diệt càng nhiều bọn Fritz^[47] càng tốt rồi đẩy lui chúng về phía tây. Anh nhớ em rất nhiều nhưng cách nhau hàng vài ngàn kilomet thì chẳng thể làm gì được”. Và ngày 23 tháng 9, một người lính tên là Sergey viết cho Lyolya vợ anh với một thông điệp giản dị. “Bọn Đức không đo nỗi ta đâu”. Chẳng thấy nhắc gì đến quê nhà.

* * *

Một nỗ lực tiếp theo của ba tập đoàn quân Soviet ở mặt trận phía bắc đánh vào cánh trái của Tập đoàn quân số 6 đã thất bại vào ngày 18 tháng 9. Việc Luftwaffe triển khai nhanh chóng các phi đội đối phó với hiểm họa, phối hợp với các cuộc phản công của Quân đoàn tăng số 14 đã tỏ ra hết sức hiệu quả trên thảo nguyên trống trải. Nỗ lực thứ hai cũng thất bại vào hôm sau. Tất cả những gì cả ba tập đoàn quân đạt được với cái giá rất đắt là giảm bớt sức ép của không quân Đức lên Tập đoàn quân số 62 trong gần hai ngày.

Biết rằng chưa thể có gì khá lên được nên Chuikov bèn đưa thêm Sư đoàn súng trường số 284 của Đại tá Nikolai Batyuk, chủ yếu là quân Sibir, qua sông Volga. Ông giữ họ lại làm dự bị dưới chân đồi Mamaev, để phòng trường hợp quân Đức trụ vững xung quanh bến đổ bộ trung tâm rồi đánh ngược theo bờ sông lên phía bắc nhằm chia cắt tập đoàn quân của ông với phía sau. Vào sáng 23 tháng 9, chỉ vài giờ sau khi người Sibir cuối cùng của Batyuk sang được bờ tây, sư đoàn liền được ném vào trận tấn công nhằm quét sạch quân Đức khỏi bến đổ bộ trung tâm và hội quân với lực lượng Soviet bị chia cắt ở phía nam sông Tsaritsa. Nhưng các sư đoàn Đức, tuy chịu tổn thất nặng nề, vẫn đẩy lùi được họ. Hôm đó tình cờ lại đúng sinh nhật 52 tuổi của Paulus, cuối cùng quân Đức đã có được hành lang rộng chia cắt cánh trái của Tập đoàn quân số 62 trong vòng vây phía nam sông Tsaritsa.

Với sự nhất quán vốn có, quân Đức tiếp tục các nỗ lực đập tan sự kháng cự ở góc phía nam này của thành phố. Hai ngày sau họ đã chọc thủng, gây rối loạn cho hai lữ đoàn dân quân rõ ràng đang thiếu lương thực và đạn dược. Tuy vậy, sự đổ vỡ lại bắt đầu từ bên trên, khi sở chỉ huy Phương diện quân Stalingrad báo cáo cho Shcherbakov ở Moskva. Chỉ huy Lữ đoàn đặc biệt số 42, “bỏ phòng tuyến, vờ đi xin ý kiến của tập đoàn quân”. Lữ đoàn đặc biệt số 92 cũng thế, mặc dù đã được lính thủy đánh bộ chi viện. Ngày 26 tháng 9, chỉ huy trưởng và Chính ủy cùng với Ban Tham mưu của mình, bỏ mặc lính, cũng “giả vờ lên bàn bạc tình hình với chỉ huy cấp trên”, nhưng thực ra họ chạy trốn đến cù lao lớn Golodny giữa sông Volga. Sáng hôm sau, “khi binh sĩ biết chỉ huy của họ đã bỏ chạy, phần lớn chạy vội ra bờ sông Volga chuẩn bị bè mảng cho mình”. Một số bám thân cây hay mảnh gỗ trôi nổi bơi sang cù lao Golodny, có người bơi vo. Địch nhận thấy họ cuống quýt bỏ chạy nên dùng súng cối và pháo bắn chết nhiều người dưới sông.

“Khi thiếu tá Yakovlev, chỉ huy tiểu đoàn súng máy, lúc này là chỉ huy cao cấp nhất của lữ đoàn còn lại trên bờ tây, biết tin lữ trưởng bỏ chạy gây hoảng loạn trong binh sĩ, bèn nắm quyền chỉ huy phòng thủ”. Ông nhanh chóng nhận ra mình không có gì để liên lạc vì lính thông tin cũng bỏ chạy ra cù lao rồi. Với sự giúp sức của Trung úy Solutsev, Yakovlev tập hợp bộ đội còn lại, lập tuyến phòng thủ, mặc dù thiếu người và đạn dược, họ đã chặn đứng được 7 cuộc tấn công trong vòng 24 giờ. Suốt thời gian đó chỉ huy lữ đoàn vẫn ở bên cù lao. Thậm chí ông ta còn không cố gắng gửi thêm đạn cho những người đang tiếp tục chiến đấu. Nhằm giấu nhem mọi chuyện, ông ta gửi báo cáo bịa đặt về trận đánh cho Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 62. Nhưng việc đó không giúp gì cho ông ta. Ban Tham mưu của Chuikov cảm thấy đáng ngờ. Ông ta đã bị bắt và bị buộc tội “Có ý đồ tội ác chống mệnh lệnh số 227”. Mặc dù không nhắc đến chi tiết trong báo cáo gửi Moskva về hình phạt do tòa án NKVD tuyên, nhưng cũng không khó đoán ra.

RATTENKRIEG - CHIẾN TRANH CHUỘT CHÙI

Sự tức giận của Hitler trước những thắng lợi ít ỏi ở Kavkaz và ở Stalingrad đã bốc lên tận đỉnh đầu vào ngày 24 tháng 9, khi ông cách chức Tướng Halder, Tổng Tham mưu trưởng lục quân. Cả hai người đều cảm thấy quá mệt mỏi với nhau. Halder bức mình với cái mà ông cho là sự can thiệp tiền hậu bất nhất và ương gàn của một tay mơ, trong khi *Fuhrer* thì coi mọi phê phán bóng gió về khả năng lãnh đạo của ông là sự oán hận của các tướng lĩnh phản động không có chung ý chí chiến thắng với ông. Mỗi bận tâm chủ yếu của Hitler, như Halder nhận xét trong nhật ký đêm đó, là “sự cần thiết phải truyền cho Bộ Tổng tham mưu niềm tin cuồng nhiệt vào lý tưởng”. Mỗi lao tâm khổ tứ nhằm khuất phục Bộ Tổng tham mưu đã biến thành mối lo thay thế nhân sự. Hậu quả không khó hình dung. Một tình huống nguy hiểm có thể dễ dàng biến thành thảm họa.

Sau cuộc cãi vã với Jodl và List, Paulus được biết ông có thể được chỉ định thay thế Jodl làm Tổng Tham mưu trưởng của *Wehrmacht*. Tướng Seydlitz nhiều khả năng sẽ thay ông chỉ huy Tập đoàn quân số 6. Thế nhưng Hitler lại quyết định chọn những người ông biết rõ. Jodl vẫn yên vị, còn tay thống chế bọ đờ Keitel được giữ lại bên cạnh để nhắc nhở *Fuhrer* về thiên tài quân sự của lãnh tụ và giúp rập trong việc Quốc xã hóa quân đội. Các sĩ quan chuyên nghiệp gọi ông ta là “Lakeitel” tức “con lừa gật”, nhưng còn nhiều tướng khác cũng bị họ coi thường vì sự hèn hạ. “Bộ Tổng tham mưu đang đi thẳng đến chỗ diệt vong”, Groscurth viết cho Tướng Beck, sau này sẽ là cầm đầu âm mưu tháng Bảy. “Nó không còn tí danh dự nào”. Niềm an ủi duy nhất của Groscurth là tư lệnh quân đoàn của ông, Tướng Strecker và các đồng sự của ông trong Sở chỉ huy Quân đoàn số 11 cũng cảm thấy như vậy. “Thật sung sướng được ở cùng những con người này”.

Việc bãi chức Halder chẳng khác nào đặt dấu chấm hết cho Bộ Tổng tham mưu với tư cách là một cơ quan độc lập soạn thảo kế hoạch và cũng lấy đi của Paulus một người đỡ đầu trong những lúc khó khăn. Paulus hẳn phải thất vọng trong lòng vì mất một cơ hội thắng tiến. Hitler đã nói rằng với Tập đoàn quân số 6 ông có thể tấn công lên trời, thế mà Stalingrad vẫn không chịu thất thủ. Một đoàn đến từ Bộ Tuyên truyền đang chờ nó bị hạ, “sẵn sàng quay phim cảnh thượng cờ”, và báo chí đang sốt ruột được loan báo “Stalingrad thất thủ!” vì chính sở chỉ huy của Paulus đã tuyên bố ngày 26 tháng 9 rằng lá cờ trận của Đế chế sẽ tung bay trên nóc tòa nhà đảng bộ Stalingrad!” Ngay cả Goebbels cũng lo rằng báo chí đang Đức mô tả sự kiện này với “quá nhiều sắc hồng”. Các tổng biên tập được chỉ đạo phải nhấn mạnh đến khía cạnh gian nan và phức tạp của trận đánh. Tuy thế một tuần sau ông lại tin chắc rằng “sự thất thủ Stalingrad là có thể vững tin chờ đợi”, rồi ba ngày sau, tâm trạng ông lại thay đổi và ông ra lệnh đưa các chủ đề khác lên trước.

Sức ép và sự chỉ trích mà Paulus phải nhận “từ sáng đến đêm” vì không lấy nổi Stalingrad làm cho ông “hết sức bức bối”, theo lời Groscurth. Sự căng thẳng làm trầm trọng thêm bệnh lý mãn tính của ông. Các sĩ quan tham mưu nhận thấy má trái của ông vốn hay giật nay lại càng giật hơn. Trong bản doanh của Tập đoàn quân số 6 ở Golubinsky, một làng trên bờ tây sông Đông, ông cứ chăm chú nhìn tấm bản đồ Stalingrad tỷ lệ lớn rất chi tiết. Phần lớn thành phố đã chiếm được và bộ phận tình báo của ông ước tính tỷ lệ thương vong bên Soviet khoảng gấp đôi bên Đức. Ông chỉ có thể hy vọng rằng Hitler đã đúng về việc địch sắp cạn kiệt dự trữ bất cứ lúc nào. Nguồn lực của ông cũng vơi nhanh và sự ngoan cường đáng kinh ngạc của địch khiến cho ai nấy phát nản.

Nhiều chỉ trích nhắm vào ông dựa trên sự kiện rằng Tập đoàn quân số 6, với hai quân đoàn từ Tập đoàn tăng số 4, là đơn vị lớn nhất toàn quân, có tới gần 1/3 triệu người. Dân ngoại đạo chưa kinh qua chiến đấu không thể hiểu được vấn đề. Dĩ nhiên người ta có thể bảo rằng Paulus đáng ra phải dùng binh giỏi hơn, song những người phê phán ông có vẻ đã quên mất rằng trong khi khoảng 8 sư đoàn của ông trực tiếp đánh nhau trong thành phố thì 11 sư

đoàn còn lại trấn giữ hơn 200 km phòng tuyến, trải dài từ khúc quanh lớn đến khúc quanh nhỏ của sông Đông rồi đến thảo nguyên chạy dài tới tận sông Volga ở phía bắc Rynok, cũng như một dải phía nam Stalingrad đối diện Beketovka. (Xem Bản đồ 4). Chỉ còn vẹn vẹn một sư đoàn làm dự bị.

Ở cánh bắc, ngoài thảo nguyên hoang sơ trống trải, Quân đoàn số 11 của Strecker, Quân đoàn số 8 của Tướng Heitz và Quân đoàn tăng số 14 của Hube phải đối đầu với những cuộc tấn công thường xuyên của 4 tập đoàn quân Soviet đang cố chia lửa với thành phố. Ở bên phải, Quân đoàn số 4 của Tướng Jaenecke (đối mặt với Tập đoàn quân số 64 của Tướng Mikhail Shumilov) đóng liền với Tập đoàn quân Romania số 4 yếu ớt, một phòng tuyến kéo quá dài, đuổi dần về phía bắc Kavkaz. Tổng cộng, dưới quyền Yeremenko có Tập đoàn quân số 62 của Chuikov, Tập đoàn quân số 64 của tướng Beketovka, Tập đoàn quân số 57 đoạn dưới bên kia hồ Sarpa, Tập đoàn quân số 51 giữ phòng tuyến trên các hồ còn lại, rồi đến Tập đoàn quân số 28 kéo dài vào khoảng trống của thảo nguyên Kalmyk.

Đối với quân Đức, quân Romania và quân Nga ở cánh nam, chiến đấu trên thảo nguyên nói chung là giống như Thế chiến I, chỉ có vũ khí là tốt hơn và thỉnh thoảng cũng có máy bay hiện đại xuất hiện. Với các đơn vị thiết giáp ở cả hai cánh, bình nguyên cháy nắng mà họ chạy băng băng hết tốc như những chiến thuyền trước đó vài tuần, giờ đây lại làm họ chán nản. Thiếu cây cối núi non khiến người miền nam Đức và Áo nhớ nhà. Những cơn mưa của tiết *rasputitsa* làm cho môi trường thêm bẩn thỉu. Binh lính trong hầm lẳng nghe mưa rơi và nhìn mức nước lên quá mắt cá chân, chả biết làm gì ngoài nghĩ đến chứng bọ da chân và quan sát lũ chuột ướt nhẹp gặm các xác chết ở vùng phân giới. Các tổ trinh sát, những cuộc đột kích, tấn công thăm dò chỉ cốt cho cả hai phía hoạt động chút đỉnh. Các nhóm nhỏ lần mò đến phòng tuyến địch, ném lựu đạn vào chiến hào. Mãi đến 25 tháng 9 mới có thay đổi khi các tập đoàn quân số 51 và số 57 tấn công vào các sư đoàn Romania phía nam Stalingrad dọc theo tuyến các hồ muối và đẩy họ lùi lại, nhưng mục đích kéo các sư đoàn Đức ra khỏi thành phố thì không đạt được.

Cuộc chiến bên trong Stalingrad cũng không khác mấy. Đó là một kiểu tác chiến mới, tập trung vào các đồng đồ nát của cuộc sống dân sự. Những thứ thải lại của chiến tranh — xe tăng cháy, thùng đạn, dây nhợ thông tin và hòm lựu đạn - trộn lẫn những thứ đồ vỡ của đời thường — khung giường sắt, đèn và đồ gia dụng. Vasily Grossman đã viết về “cuộc chiến ở những đồng gạch vụn, những căn phòng sập đổ và những dãy hành lang” của các khối nhà, nơi có thể còn sót một bình hoa khô quắt hoặc bài tập về nhà của một cậu bé còn để mở trên bàn. Từ vị trí quan sát bên trên những tòa nhà sập, người hiệu chỉnh bắn pháo ngồi ghế nhà bếp, cầm ống nhòm quan sát các mục tiêu qua các lỗ đạn trên tường.

Lính bộ binh Đức ghét kiểu đánh từ nhà này qua nhà kia. Họ cho lối cận chiến như vậy là phá vỡ ranh giới và khuôn khổ chiến tranh quy ước, làm mất định hướng tâm lý. Trong đợt giao tranh cuối cùng của tháng 9, cả hai bên đều tranh giành một nhà kho lớn bằng gạch trên bờ Volga, đoạn gần cửa sông Tsaritsa, có bốn tầng bên phía sông và ba tầng phía bờ. Đã có lúc nó “giống một cái bánh nhiều tầng” với quân Đức trên đỉnh, quân Nga bên dưới và thêm nhiều quân Đức ở dưới nữa. Thường thì chẳng nhận ra đâu là địch vì quân phục ai cũng chỉ một màu bụi xám xịt.

Các tướng Đức xem ra không hình dung được những gì đang chờ các sư đoàn của họ trong thành phố đổ nát. Họ đã để mất lợi thế rất lớn của *Blitzkrieg* và trên nhiều phương diện đã bị đưa trở lại với cách đánh của Thế chiến I, mặc dù các lý thuyết gia quân sự của họ đã cho rằng lối đánh chiến hào là “một nhầm lẫn của nghệ thuật chiến tranh”. Chẳng hạn như Tập đoàn quân số 6 nhận thấy mình buộc phải đáp trả chiến thuật của lực lượng Soviet bằng cách dùng lại kiểu “đánh lấn” có từ tháng 1 năm 1918: các nhóm tấn công 10 người, dùng súng máy, súng cối hạng nhẹ và súng phun lửa quét sạch các lô cốt, hầm ngầm và cống rãnh.

Theo cách đó, cuộc chiến ở Stalingrad còn đáng sợ hơn hẳn kiểu tàn sát ở Verdun. Kiểu cận chiến trong những tòa nhà đổ, các boong ke, hầm ngầm và đường cống nhanh chóng được lính Đức gán cho cái tên *Rattenkrieg* (*Chiến tranh Chuột chũi*). Kiểu quần thảo man rợ đó khiến các tướng phát khiếp,

thầm lo chẳng mấy nữa sẽ không còn kiểm soát được tình hình. “Kẻ địch vô hình”, Tướng Strecker viết cho một người bạn. “Chỗ nào cũng phức kích được — dưới hầm, góc tường, boong ke nguy trang và các đồng đồ nát gây thương vong nặng nề cho binh sĩ ta”.

Các chỉ huy Đức phải thừa nhận rằng quân Nga rất giỏi nguy trang, nhưng chẳng mấy người hiểu được chính máy bay của họ đã tạo ra những điều kiện lý tưởng cho bên phòng thủ. “Không còn ngôi nhà nào đứng vững”, một trung úy viết về nhà, “chỉ còn là một bãi hoang tàn cháy rụi, một vùng hoang sơ đầy gạch vụn và xà bần không thể đi qua”. Ở đầu phía nam thành phố, sĩ quan liên lạc của không quân đi theo Sư đoàn tăng số 24 viết: “Quân phòng ngự tập trung cố thủ ở các khu vực của thành phố đối đầu với các đợt tấn công của ta. Trong các khu vườn, xe tăng hoặc chỉ là tháp pháo xe tăng được chôn xuống, súng chống tăng nấp dưới hầm khiến xe tăng ta rất khó qua nổi”.

Ý đồ của Chuikov là bẻ lệch và chia cắt các đợt tấn công ồ ạt của Đức bằng các “kẻ phá sóng”. Những tòa nhà được che chắn thêm, bố trí bộ binh với súng trường chống tăng và súng máy ép quân tấn công vào các hướng có tăng T-34 và pháo chống tăng vùi mình nguy trang đợi sẵn. Khi xe tăng Đức cùng bộ binh tấn công, quân phòng thủ trước hết phải chia cắt chúng. Quân Nga dùng súng cối tầm gần, cứ nhè phía sau xe tăng mà thả đạn xua bộ binh, còn súng chống tăng thì bắn xe tăng. Các hướng tiếp cận được công binh đặt mìn sẵn, việc này nguy hiểm và tỷ lệ thương vong của họ cao nhất. “Một lần mắc lỗi khỏi ăn cả đời” là câu cửa miệng của họ. Mặc đồ nguy trang khi tuyết xuống, đêm đêm họ bò ra chôn mìn chống tăng và xóa dấu vết. Một lính công binh kinh nghiệm mỗi đêm có thể đặt tới 30 quả mìn. Họ còn nổi tiếng với kiểu nhảy ra ném mìn trước mũi xe tăng Đức đang tiến.

Nhiều cuộc chiến không có những trận tấn công lớn mà toàn những đụng độ nhỏ không ngớt. Các trận đánh thường là do các nhóm chiến đấu nhỏ, có từ 6 đến 8 người, đến từ “học viện đánh đường phố Stalingrad”. Họ trang bị dao và xẻng mài sắc để hạ thủ không tiếng động, cùng với tiểu liên và lựu đạn. (Xẻng vì thế đâm ra hiếm nên người ta khắc tên lên cán, lúc ngủ thì gối

đầu lên để khỏi bị trộm mất). Các nhóm chiến đấu được cử xuống cống thi trang bị thêm súng phun lửa, còn công binh thì mang theo thuốc nổ. Sáu lính công binh từ sư đoàn cận vệ của Rodimtsev thậm chí đã tìm được một lối thông lên một cứ điểm của Đức và cho nó nổ tung bằng tạ rưỡi thuốc nổ.

Thêm một chiến thuật chung được đúc kết trên cơ sở hiểu rõ quân Đức thiếu nguồn nhân lực bổ sung. Chuikov ra lệnh tập trung vào tấn công ban đêm, chủ yếu vì lý do thực tế là lúc đó không quân Đức không thể phản kích, nhưng một phần còn vì ông tin rằng quân Đức rất ngại lúc tối trời và vì vậy dễ mất tinh thần. Lính bộ binh Đức rất sợ những tay súng Sibir thuộc Sư đoàn súng trường số 284 của Đại tá Batyuk, được coi là những thợ săn bẩm sinh, có thể săn bất cứ con mồi nào. “Giá mà bạn hiểu cái nỗi khủng khiếp đó”, một lính Đức viết trong một bức thư bị quân Nga thu được. “Chỉ cần nghe sột soạt nhẹ là tôi liền kéo cò súng máy bắn một loạt đạn vạch đường”. Đêm nào cũng thấp thỏm bắn bất cứ thứ gì chuyển động, mà lính gác anh nào cũng căng thẳng như nhau thành ra cả khu cứ bắn loạn xạ, vì vậy mà lượng đạn quân Đức tiêu thụ tăng vọt đến hơn 25 triệu viên chỉ riêng trong tháng 9. Quân Nga còn duy trì sự căng thẳng bằng cách chốc chốc lại bắn pháo sáng lên trời làm như sắp sửa tấn công. Không quân Nga, một phần để tránh Messerschmitt ban ngày nên liên tục không kích trận địa Đức vào ban đêm. Đó cũng là một cách gây căng thẳng làm suy sụp tinh thần lính Đức.

Người Nga đã sử dụng cả máy bay hai động cơ ném bom đêm, vốn thu hút hỏa lực mọi khẩu đội phòng không Đức trên mặt trận, cùng một lượng lớn các máy bay hai tầng cánh U-2 linh hoạt, thả những quả bom nhỏ trong các trận tập kích ban đêm. “Bọn Nga cứ lượn vè vè trên đầu cả đêm”, một hạ sĩ công binh viết về nhà. Tệ nhất là tiếng kêu quái gở của nó cứ thay đổi. Ở xa, tiếng U-2 nghe đúng như biệt danh của nó là “máy khâu”. Rồi khi đến gần mục tiêu, nó tắt máy, lượn như chim đêm săn mồi. Âm thanh duy nhất nó phát ra là tiếng gió rít qua các thanh giằng cho tới khi bom rơi. Mặc dù lượng bom tổng cộng chỉ 400 kg, nhưng tác động tâm lý là rất lớn. “Chúng tôi bài hoải nằm chờ chúng đến”, một người lính khác viết. U-2 có nhiều biệt danh hơn bất kỳ thứ máy móc hay vũ khí nào ở Stalingrad. Các tên khác gồm “hạ sĩ trực ban” vì kiểu nó xuất hiện bất ngờ không báo trước, “oanh

tạc cơ nửa đêm”, “máy xay cà phê” và “qua đường tàu”. Tập đoàn quân số 6 yêu cầu cụm tập đoàn quân cho không quân duy trì sức ép trên các sân bay Nga suốt ngày đêm. “Sự thống trị không bị cản trở của người Nga trên không về đêm đã đến mức không thể chịu đựng. Binh sĩ không được nghỉ ngơi, sức mạnh của họ sẽ sớm bị bào mòn”.

Trong số hồ sơ còn lại không thấy nói rõ các ca stress trong chiến đấu. Giới chức y tế Đức hay nói tránh đi là “kiệt sức”, giống người Anh, nhưng các chẩn đoán của họ thì rất gần kiểu huych toẹt của Hồng quân. Quân đội Đức thì nhất định không thừa nhận sự tồn tại của nó. Năm 1926, gần 7 năm trước khi Hitler lên nắm quyền, chế độ trợ cấp đi kèm chứng loạn thần kinh trong chiến tranh bị bãi bỏ. Lập luận ở đây là không công nhận đó là bệnh thì coi như không có lý do rời mặt trận. Suy sụp tinh thần bị coi là hèn nhát, đó là tội lớn rồi. Vậy nên khó mà nói đến tỷ lệ vi phạm kỷ luật của cả hai bên ở Stalingrad, nhất là tội đào ngũ, vì lý do sang chấn thần kinh và căng thẳng nói chung. Qua nghiên cứu so sánh tình hình chỉ có thể nói chắc rằng tỷ lệ các ca sang chấn tâm lý bắt đầu tăng đột ngột trong tháng 9 ngay sau khi tác chiến vận động chuyển thành tác chiến trận địa. Theo các nghiên cứu của Anh về các ca sốc trong chiến đấu ở Anzio và Normandy thì sang chấn tâm lý bắt đầu tăng vọt ngay sau khi binh sĩ bị giam chấn hoặc bị bao vây.

* * *

Bất đồng chủ yếu của Chuikov với các sĩ quan cấp trên ở Bộ tư lệnh Phương diện quân liên quan đến việc bố trí các trung đoàn pháo binh ở cấp sư đoàn, tập đoàn quân và cả mặt trận. Cuối cùng ông thắng với luận điểm nên đặt pháo bên bờ đông sông Volga, đơn giản là vì ở bờ tây không có đủ chỗ cho cả lính của ông lẫn cho pháo. Và lại việc vận chuyển đạn pháo tiếp tế qua sông càng ngày càng khó, mà “ở Stalingrad, một khẩu pháo chẳng là gì nếu không có đạn”.

“Một ngôi nhà người Nga chiếm, một ngôi nhà người Đức chiếm”, Vasily Grossman ghi vội trong sổ tay ngay sau khi ông tới nơi. “Biết làm thế nào để

sử dụng pháo hạng nặng trong một trận đánh thế này?” Chẳng mấy chốc ông đã tìm ra câu trả lời. Pháo binh Soviet tập trung ở bờ bên kia sông Volga như Chuikov đòi hỏi. Mà bắn thì không cố bắn vào các trận địa tiền duyên của Đức mà chủ yếu cắt đứt đường dây liên lạc và trước hết là đánh tan các tiểu đoàn đang tập trung để chuẩn bị tấn công. Muốn làm được thế là nhờ công các sĩ quan quan sát pháo binh giấu mình như lính bắn tỉa ở phía trên các tòa nhà đổ. Biết rõ mối hiểm họa mà họ đem lại, quân Đức coi họ là mục tiêu ưu tiên cho lính bắn tỉa hoặc pháo chống tăng.

Hễ phát hiện thấy nơi tập trung quân Đức, người quan sát báo tọa độ cho các khẩu đội bên kia sông bằng điện đài hoặc điện thoại dã chiến, lúc đó pháo đội mới gọi là tới bờ. “Bên kia sông Volga”, Grossman viết, “tưởng chừng cả không gian rung chuyển trong tiếng gầm dũng mãnh của pháo hạng nặng. Mặt đất chao đảo”.

Các khẩu đội pháo duy nhất còn lại bên bờ tây là các dàn phóng rocket *Katyusha* trên xe tải. Ẩn dưới bờ sông dựng đứng, chúng có thể lùi ra đến tận mép nước, phóng thật nhanh 16 quả rocket rồi quay vào. Dàn phóng rocket hàng loạt Soviet là thứ vũ khí tầm xa có hiệu quả tâm lý lớn nhất của Hồng quân. Mười sáu quả rocket 130 mm của nó mỗi quả dài chừng 1,5 m, bắn liên tục rất nhanh với tiếng rú đùng tim. Nhiều người lần đầu nếm mùi loạt bắn của *Katyusha* cứ tưởng bị không kích. Lính Hồng quân đặt tên cho dàn rocket này là *Katyusha* trong cao trào hâm mộ bài hát cùng tên, bài hát Nga phổ biến nhất trong cả cuộc chiến. Trong bài hát, *Katyusha* hẹn ước với người vị hôn phu rằng tình yêu vẫn luôn sống mãi trong tim nàng trong lúc chàng ra mặt trận bảo vệ tổ quốc.

Lính Nga có ý coi thường đối thủ Đức của nó, một khẩu pháo phản lực 6 nòng được gọi là Nebelwerfer. Họ gọi nó là “ba lớp”, hoặc “con lừa” vì tiếng kêu be be của nó, hoặc “Vanyusha” (tức là Ivan bé nhỏ, giống như *Katyusha* là tên âu yếm của Katya hay Ekaterina). Có một chuyện tiểu lâm lan truyền trong Tập đoàn quân số 62 về chuyện gì xảy ra nếu “Vanyusha hỏi cưới *Katyusha*^[48]”.

Chuikov sớm nhận ra rằng vũ khí chủ chốt của bộ binh ở Stalingrad là tiểu liên, lựu đạn và súng trường bắn tỉa. Sau Cuộc chiến Mùa đông, bắt chước lính trượt tuyết Phần Lan vừa trượt vừa bắn, Hồng quân tiếp thu ý tưởng này để lập ra các đội tiểu liên gồm 8 người, được trang bị để có thể ngồi trên thành xe tăng T-34 xông trận khi cần. Trong cuộc chiến đường phố, một đơn vị nhỏ như vậy là lý tưởng để đánh giáp lá cà. Khi cần quét các căn nhà hay boong ke thì lựu đạn cầm tay rất hữu dụng. Lính Hồng quân gọi đó là “pháo bỏ túi”. Nó cũng hiệu quả trong phòng ngự. Theo lệnh Chuikov, lựu đạn được trữ sẵn dưới các hốc bên cạnh chiến hào để dễ lấy. Cũng không lạ là có nhiều sự cố do những người lính thiếu kinh nghiệm gây ra. Một đại đội phó thiệt mạng và vài người khác bị thương nặng khi một tân binh mới đến thao tác sai với lựu đạn. Có người chết do lính, chủ yếu là người Trung Á, cố lắp kíp nổ của Đức vào lựu đạn của Nga. “Cần phải bồi dưỡng sử dụng vũ khí”, chủ nhiệm chính trị báo cáo cho hội đồng quân sự mặt trận Stalingrad.

Một loại vũ khí nữa cũng nguy hiểm cho người dùng chẳng kém gì cho đối phương là súng phun lửa. Nó hiệu quả khủng khiếp khi cần quét các cống rãnh, hầm ngầm và những nơi ẩn nấp khó vào. Người dùng nó biết rõ rằng hễ bị địch phát hiện thì anh ta chết đầu nước.

Lính Hồng quân thích tự chế các công cụ tiêu diệt địch. Họ nghĩ ra những cái bẫy vung về, trông có vẻ tài tình và khó đoán được công hiệu trước khi dùng thử. Bực mình vì không làm gì được bọn máy bay Stuka, Đại úy Ilgachkin, một tiểu đoàn trưởng, quyết định cùng một người lính của mình, binh nhì Repa, chế ra một khẩu súng phòng không. Họ ghép một khẩu súng trường chống tăng lên còng xe kéo, gắn vào một cái cọc chôn xuống đất. Ilgachkin dựa vào tốc độ đầu nòng của súng và vận tốc tương đối của máy bay bổ nhào mà tính toán, nhưng Repa nhà ta trông “buồn như chấu cấn” chả chú ý gì. Thế mà họ cũng thành công, Repa đã hạ được ba chiếc Stuka.

Các khẩu đội phòng không chính ngạch cũng cải biên chiến thuật. Bầy Stuka bay đến ở độ cao 1.200 - 1.500 m, sau đó nghiêng cánh bổ nhào với

một góc khoảng 70 độ và hú inh ỏi. Chúng ra khỏi tuyến bố nhào ở độ cao chưa đến 600 m. Các xạ thủ cao xạ đã biết cách tạo một màn lửa ngay điểm bố nhào hoặc điểm thoát ra để hạ chúng. Trong lúc chúng bố nhào mà bắn chỉ phí đạn.

Một thiết bị khác do Vasily Ivanovich Zaitsev, người về sau nổi danh là nhà thiện xạ giỏi nhất ở Stalingrad, nghĩ ra. Zaitsev gắn kính ngắm súng bắn tĩa của mình vào pháo chống tăng để diệt các ỗ súng máy bằng cách bắn viên đạn chui vào lỗ châu mai. Nhưng không lâu sau anh nhận thấy những viên đạn sản xuất hàng loạt không đủ thuốc phóng để bắn tĩa tầm xa. Danh tiếng có thể đến với vũ khí thông thường. Bezdiko, một thiện xạ súng cối thuộc sư đoàn của Batyuk, lừng danh với tài bắn 6 quả đạn lên trời một lúc. Những câu chuyện như vậy được khai thác nhằm tạo ra các thần tượng để học tập theo. Khẩu hiệu của Tập đoàn quân số 62 là: “Chăm sóc vũ khí như con mắt của mình”.

* * *

Các “đội đồn trú” trấn giữ các tòa nhà cứ điểm là cốt lõi trong chiến lược của Chuikov. Ông đưa vào đây cả các nữ tải thương hoặc điện đài trẻ vốn bơ vợ vì lạc đơn vị đã nhiều ngày. Họ đã phải chịu đựng khói bụi, đói và nhất là khát. Thành phố bị mất nước ngọt từ lúc trạm bơm bị phá hủy trong đợt không kích tháng 8. Biết rõ hậu quả của việc uống nước bẩn nhưng những người lính tuyệt vọng vẫn phải bắn các ống nước thải hy vọng chẳng được vài giọt.

Cung cấp thức ăn lên các vị trí tiền tiêu luôn là vấn đề. Một chi đội chống tăng có một anh nuôi người Tartar ở Kazan thường đổ đầy một phích quân dụng nước chè hoặc súp, buộc ngang lưng rồi bò lên các vị trí tiền tiêu dưới làn đạn. Nếu phích bị trúng mảnh hay trúng đạn, anh nuôi xui xẻo nhà ta sẽ ướt nhẹp. Về sau, khi băng giá mạnh hơn, súp với nước chè đóng băng, anh nuôi quay về “băng đóng quanh người”.

Vì không có phòng tuyến rõ ràng và chiều sâu trận địa đôi chỗ chỉ vài trăm mét thành ra vị trí chỉ huy cũng dễ tổn thương chẳng khác gì các vị trí tiền duyên. “Đạn nổ ngay trên đầu sở chỉ huy của chúng tôi là chuyện cơm bữa”, Đại tá Timofey Naumovich Vishnevsky, chỉ huy sư đoàn pháo binh của Tập đoàn quân số 62 từ viện quân y viết cho bạn. “Mỗi khi ra khỏi hầm, tôi đều nghe thấy tiếng tiểu liên râm ran bốn phía. Nhiều lúc cứ như quân Đức đã vây kín xung quanh rồi”. Một chiếc xe tăng Đức xộc thẳng đến lối vào hầm của ông và “vỏ thép của nó chặn mất lối ra duy nhất”. Vishnevsky và các sĩ quan của ông phải đào lỗ chui xuống một cái rãnh sang phía bên kia thoát thân. Đại tá bị thương nặng. “Mặt tôi biến dạng hoàn toàn”, ông viết, “từ nay tôi thành thằng ma chê quỷ hờn trong mắt chị em rồi”.

Trong tháng 9 và tháng 10, các hầm chỉ huy của Đức ít có nguy cơ bị tràn qua hơn nên tiêu chuẩn một mét đất trên nóc hầm kê bằng thân cây là đủ chống *Katyusha*. Mỗi nguy hiểm chính là trúng đạn pháo bắn từ bên kia sông Volga. Các chỉ huy sư đoàn và trung đoàn thường quan tâm đến tiện nghi cá nhân chẳng kém gì hiệu quả sử dụng. Một chiếc máy hát dây cót thường được kê bên cạnh rương đựng rượu mạnh hoặc rượu nho mua từ bên Pháp. Một vài sĩ quan còn mặc đồ thể thao, thậm chí cả quần sooc tennis khi chui vào không gian ẩm ướt nặng nề trong hầm vì quân phục đánh trận của họ toàn rện.

Đối với binh lính của họ thì thế giới đảo lộn tệ hơn nhiều. Thay vì chúc nhau “đêm tốt lành” thì họ chúc “đêm yên lành” trong những giờ tối tăm nguy hiểm. Trong buổi sáng lạnh giá, họ đuổi các khớp cứng đờ, tìm đến một vệt nắng dưới đáy hào giống như loài thằn lằn phơi nắng. Ban ngày cảm thấy bạo hơn, lính Đức từ phòng tuyến của mình gào lên chửi bới dọa nạt: “Russki! Mày tận số rồi!” hay “Ê, Rus, bul-bul, sdavaisa!” theo tiếng bồi nghĩa là “Hàng đi, không thì nhả bong bóng!” Ý là đẩy quân Nga xuống sông chết chìm.

Những lúc tạm yên, lính Nga cũng tìm chút nắng ngoài tầm bắn tỉa. Các đường hào nhiều khi cứ như xưởng thợ vì người ta lấy vỏ đạn pháo làm đèn dầu với một sợi dẻ làm bắc, còn vỏ đạn thường thì làm bật lửa hút thuốc. Có

hay không khẩu phần thuốc sơi *makhorka*^[49] luôn là mối bận tâm thường trực. Dân sành điệu nhất quyết rằng không có thứ giấy nào quấn *makhorka* thành điều vừa to vừa xù xì như giấy báo. Mực in còn tăng thêm vị. Lính Nga khi đánh nhau hút liên tục. “Đánh nhau hút vô tư”, một anh lính súng trường chống tăng bảo Simonov, “miễn là đừng bắn trượt. Trượt một phát là thôi đốt thuốc”.

Một thứ còn quan trọng hơn cả thuốc lá là khẩu phần vodka, đúng tiêu chuẩn là 100 gam một ngày. Khi phân phát vodka, ai nấy im phăng phắc, mắt dán vào cái chai. Sự căng thẳng của cuộc chiến lớn đến nỗi khẩu phần đó chả nhằm nhò gì và lính tráng sẵn sàng làm đủ trò để đáp ứng nhu cầu của mình. Còn y tế chả mấy khi được sử dụng đúng mục đích. Còn công nghiệp, thậm chí cả chất chống đông cũng được mang ra uống sau khi lọc qua than hoạt tính hoặc mặt nạ phòng độc. Nhiều binh sĩ đã vứt mất mặt nạ phòng độc khi rút chạy năm trước, thành ra ai còn tha hồ mà ra giá. Hậu quả nhiều khi không chỉ là một trận đau đầu tệ hại. Phần lớn gượng được vì họ còn trẻ khỏe và không uống thường xuyên, nhưng ai mà uống đều thì dễ mù lẫm.

Ở các đơn vị ngoài thảo nguyên, mùa đông lính thường uống cả lít cồn mỗi ngày. Để bù vào khẩu phần chính thức, người ta báo sai số thương vong rồi chia nhau phần dư ra hoặc đem quân phục hay vài món trang bị vào đổi với dân phía sau chiến tuyến. Bia ủ kvas kiếm được theo cách này trên thảo nguyên Kalmyk, ngoài ra còn “mọi thứ cồn, kể cả làm từ sữa”. Kiểu đổi chác này té ra nguy hiểm cho dân hơn là cho lính. Một tòa án quân sự của lực lượng NKVD đã tuyên phạt giam giữ hai phụ nữ vì can tội đổi rượu và thuốc lá lấy vài dù may đồ lót.

* * *

Các chỉ huy đành phải lơ là dịch vụ y tế trong Hồng quân. Một người lính bị thương nặng là loại khỏi vòng chiến và các sĩ quan quan tâm nhiều hơn tới việc thay thế anh ta. Nhưng thái độ đó vẫn không làm nhụt chí những con

người cực kỳ dũng cảm trên chiến trường Stalingrad, đó là lính tải thương, chủ yếu là các nữ sinh trung học hoặc cao đẳng, chỉ được huấn luyện qua về sơ cứu căn bản.

Chỉ huy đại đội cứu thương gồm 100 người thuộc Tập đoàn quân số 62, Zinaida Georgievna Gavrielova, là một sinh viên trường y, 18 tuổi, được giao nhiệm vụ này nhờ có sự giới thiệu nhiệt tình từ một trung đoàn kỵ binh mà cô mới phục vụ. Lính tải thương của cô, có mấy người lớn tuổi hơn, phải nén sợ hãi mà bò lên, thường là dưới làn mưa đạn, tìm đến các thương binh. Sau đó phải kéo họ trườn xuống, đến nơi an toàn thì công họ trên lưng. Đó phải là những con người “mạnh mẽ cả thể chất lẫn tinh thần” như chỉ huy của họ nhận xét.

Không có chuyên nhân viên quân y mà không phải chiến đấu. Gulya Koroleva xinh đẹp, 20 tuổi đời, xuất thân trong một gia đình văn chương có tiếng ở Moskva, đã bỏ đứa con trai thơ dại ở nhà và tình nguyện làm y tá. Phục vụ trong Sư đoàn súng trường số 214 thuộc Tập đoàn quân số 24 bên cánh bắc, cô được tuyên dương vì đã “đưa hơn 100 thương binh từ tiền tuyến về phía sau và tự tay giết 15 tên phát xít”. Cô được truy tặng huân chương Cờ Đỏ. Natalya Kachnevskaya, một y tá của trung đoàn súng trường cận vệ, cựu sinh viên kịch nghệ Moskva, đã đưa về tuyến sau 20 thương binh chỉ trong một ngày và “ném nhiều lựu đạn vào quân Đức”. Sở chỉ huy Phương diện quân Stalingrad cũng đã tuyên dương (sau khi mất) tấm gương dũng cảm của một nữ tải thương khác, Kochnevskaya, đã tình nguyện ra mặt trận và đưa được hơn 20 thương binh ra khỏi tuyến lửa. Mặc dù bị thương hai lần, cô vẫn băng bó và đưa về các sĩ quan và chiến sĩ^[50].

Sự hy sinh của các chiến sĩ tải thương đó thường là uống phí qua cách xử lý tiếp theo. Các thương binh mà họ kéo và công xuống mép sông Volga vì không có điều kiện chăm sóc, mãi đến tối, họ được vác như những bao khoai tây lên các tàu tiếp tế lúc đó đã trống để quay lại bờ đông. Khi các thương binh được đưa lên bờ, tình hình có thể còn tệ hơn, như một nữ chiến sĩ không quân nhận thấy.

Những người sống sót từ một trung đoàn không quân bị đánh tan đang nghỉ đêm trong một khu rừng trên bờ đông Volga thì tỉnh dậy lúc rạng sáng vì những âm thanh khác thường. Lấy làm lạ, họ lần theo cây ra phía bờ sông tìm hiểu. Tại đó, họ thấy “vô số thương binh, nằm la liệt”, ở trên bờ cát sau khi được đưa từ bên kia sông sang lúc tối. Các thương binh đòi uống nước hoặc “gào khóc, mất tay mất chân”. Các nhân viên mặt đất bên không quân cố gắng giúp họ hết mức. Một người từng là bà đỡ, Klavdia Sterman, đã thề rằng ngay khi về đến Moskva, chị sẽ xin chuyển sang một đơn vị quân y tiền phương.

Kể cả có đến được một bệnh viện dã chiến trên bờ đông Volga cũng không chắc họ đã sống. Điều kiện trong các bệnh viện của Hồng quân lúc này, dù có cả các bác sĩ giỏi nhất nước, thì cũng trông cứ như một nhà máy chế biến thịt. Bệnh viện dã chiến ở Balashchov, chuyên về tay chân, nằm cách thành phố khoảng 10 km, trang bị rất sơ sài. Đáng lẽ có giường bệnh bình thường thì ở đây là giường ba tầng. Một nữ bác sĩ phẫu thuật trẻ vừa mới đến đã lo lắng không chỉ về tình trạng thể chất của thương binh. “Họ thường khép kín, không muốn tiếp xúc với ai”. Mới đầu cô tưởng rằng các thương binh được đưa từ “địa ngục” Stalingrad qua sông Volga về đây sẽ không bao giờ muốn quay lại đó. “Trái lại, rõ ràng là các chiến sĩ và sĩ quan đều muốn trở lại mặt trận”. Những người què cụt rõ ràng không hề tỏ ra nhẹ nhõm khi không phải đi chiến đấu. Thực ra tất cả các thương phế binh hoặc mang sẹo vĩnh viễn, giống như ông đại tá pháo binh mặt bị mảnh đạn phạt ngang, đều cảm thấy mình không còn là con người hoàn chỉnh nữa.

Khẩu phần eo hẹp không giúp hồi phục sức khỏe lẫn tinh thần. Với tâm trạng đầy xúc động, Grossman kết luận đây là số mệnh của nước Nga lúc đó. “Trong bệnh viện”, ông ghi trong sổ tay, “thương binh được các cô y tá hết sức cẩn thận cắt cho một mẩu cá trích muối nhỏ xíu. Đúng là bần cùng”. Trong những ngày đó, trước khi ông mở mắt, dường như ông không thể nhận rõ sự thật. Theo hoàn cảnh lúc đó, họ quy định khẩu phần tốt nhất là dành cho những binh sĩ đang chiến đấu. Thương binh may lắm mới được ba muôi kasha (cháo yến mạch) mỗi ngày, chấm hết. Miếng cá trích muối mà Grossman nhìn thấy là một bữa tiệc đột xuất.

Một dấu hiệu nữa hé mở tình trạng kiểm soát tâm trí lực lượng quân y mặt trận Stalingrad là từ kết quả “thi đua rất hình thức” ở các bệnh viện được báo cáo lên Moskva cho Shcherbakov. Cánh tiếp phẩm đứng đầu, thứ nhì là bác sĩ phẫu thuật, thứ ba lái xe. Bất kể nó dựa trên những tiêu chí nào để đánh giá thì đó cũng không thể mô tả hết những cống hiến hết mình của các thầy thuốc, những người đã hiến máu — nhiều khi tới hai lần trong một tối - đến nỗi họ thường bị ngất xỉu. “Nếu không có họ hiến máu”, một báo cáo giải thích, “thì thương binh đã chết”.

* * *

Trong cuộc chiến hao người ghê gớm này, chuyển thương binh sang bờ đông cũng sánh ngang với lượng “mồi cho pháo” mới vượt sông Volga vào thành phố. *Stavka* bổ sung nhỏ giọt cho Tập đoàn quân số 62 bằng những sư đoàn mới khi những sư đoàn cũ đã tan tác. Các tiểu đoàn mới xếp hàng lên tàu trong đêm tối dưới con mắt giám sát của lực lượng NKVD. Họ chỉ có thể nhìn về phía thành phố hiện lên rực cháy trên nền trời trước mặt và cố không để ý đến mùi cháy khét. Từng mảng sông vẫn còn cháy lớp váng dầu. Còn có các sĩ quan NKVD trên các tàu, sẵn sàng bắn bỏ những ai nhảy xuống nước cố trốn khỏi định mệnh của mình trên bờ tây. Đạn pháo Đức nổ trên sông phía trước đã đủ để nhiều người mất hồn mất vía. Nếu có ai hoảng loạn, một hạ sĩ hay một sĩ quan sẽ bắn kẻ đó tại chỗ rồi lặn xác xuống sông.

Những con tàu họ vừa lên mang mọi dấu hiệu của những chuyến vượt sông nguy hiểm. Một trong những chiếc tàu chữa cháy được sửa lại thành tàu chiến cho giang đoàn Volga nghe nói trong một chuyến qua lại đã trúng tới 436 vết đạn và mảnh pháo, chỉ còn đứng một mét vuông duy nhất của vỏ tàu không hề hấn gì.

Mục tiêu dễ dàng nhất cho pháo Đức là những chiếc bè được các trung đoàn công binh dùng làm phà chuyên tiếp tế những vật nặng như gò súc để làm hầm. Khi một cái phà như vậy dạt vào bờ tây, những người lính chạy ồ ra giúp đỡ hàng, họ trông thấy một trung úy công binh cùng ba người lính

của mình bị trúng đạn súng máy đến độ “cứ như có hàm răng sắt đang ngấu nghiến các súc gỗ ướt trên phà cùng thân thể những người này vậy”.

* * *

Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 biết rằng mùa đông đang đến, không còn nhiều thời gian nữa. Thậm chí từ trước khi chiếm được Quảng trường Đỏ và tháp ngũ cốc phía nam Tsaritsa, họ đã chuẩn bị đòn dứt điểm ở vùng công nghiệp phía bắc thành phố rồi.

Ngay sáng sớm ngày 18 tháng 9, Chuikov đã dời sở chỉ huy ra bờ sông Volga, cách nhà máy luyện thép Tháng Mười Đỏ về phía bắc gần một kilomet. Nhưng các sĩ quan tham mưu của ông lại chọn một nơi không được che chắn ngay bên dưới các bồn dầu lớn mà họ nghĩ là rỗng.

Mất rất nhiều công sức để đưa thêm qua sông đạn dược và đồ tiếp tế trong đêm, cùng với quân số bổ sung lên bờ phía sau các nhà máy Tháng Mười Đỏ và Barrikady (Chiến lũy). Những người không cần ở đây có thể có ích cho nơi khác được sơ tán. Phần lớn lực lượng phòng không xung quanh nhà máy điện Stalingrad đã bị đánh bật ra và kho đạn của họ đã bị phá hủy nên các co pháo thủ trẻ còn sống đã được rút qua sông vào ngày 25 tháng 9 và được biên chế vào các khẩu đội khác bên bờ đồng.

Vào lúc 6 giờ (giờ Đức) sáng Chủ nhật ngày 27 tháng 9, trận tấn công mở màn bằng cuộc ném bom ồ ạt của máy bay Stuka. Khi máy bay tách đội hình, từng chiếc một rúc còi ầm ỉ lao xuống công kích, đôi cánh mòng biển của chúng đen xì trên nền trời bình minh mùa thu. Trên mặt đất, một lực lượng gồm 2 sư đoàn tăng cùng 5 sư đoàn bộ binh tiến vào quyết nghiền nát vùng lõi chính hình tam giác từ bờ sông chĩa sang phía tây.

Tập đoàn quân số 62 ra tay đón trước mũi đột phá chính của quân Đức ở phía bắc đồi Mamaev bằng những đợt tấn công quấy rối ở phía nam của nó. Điều này có vẻ như đã khẳng định những nghi ngờ quá mức của một vài sĩ quan tham mưu Đức rằng lính thông tin Nga đã len vào khu vực của họ nghe

lên điện thoại. Họ không chịu thừa nhận rằng việc chuẩn bị của họ quá ư lộ liễu.

Nỗ lực chính của phía Soviet là chuẩn bị các chương ngại chống tăng và một bãi mìn dày đặc phía trước các nhà máy chính trải dài từ đồi Mamaev suốt khoảng 8 km lên phía bắc — nhà máy hóa chất Lazur, nhà máy luyện thép Tháng Mười Đỏ, nhà máy vũ khí Barrikady và nhà máy chế tạo máy kéo Stalingrad.

Lính bộ binh nặng bắt đầu lên tuyến xuất phát vào giữa đợt ném bom, trời lên thụp xuống qua các khe rãnh lúc này đã biến thành các sườn dốc lổn nhổn gạch đá. Họ hết cả hơi vì cố gắng, mồm miệng khô đắng với dự cảm đáng sợ của trận đánh sắp tới. Bên trái, một phần của Sư đoàn bộ binh số 389 chuẩn bị tấn công vào khu nhà công nhân nhà máy Barrikady. Một người chứng kiến tả lại chúng là “những khối nhà đối xứng màu trắng và những ngôi nhà nhỏ lọt tòn lượn sóng sáng lóa”. Cuộc ném bom nhanh chóng đốt cháy chúng. Ở giữa, Sư đoàn tăng số 24 tấn công từ một sân bay nhỏ. Sư đoàn bộ binh nhẹ số 100 của Áo tấn công vào khu nhà công nhân Tháng Mười Đỏ. Trong khi đó, ở đáy của cánh này, đỉnh đồi Mamaev đã chiếm lại từ tay Sư đoàn súng trường số 95 của Gorishnii vừa bị không quân và pháo binh dập tới bờ.

Thấy quân địch tấn công quá dữ dội, Chuikov tự nhủ thầm: “Một trận kiểu này nữa quân ta xuống sông hết”. Lát sau, Khrushchev từ Sở chỉ huy Phương diện quân gọi đến để chắc chắn là tinh thần vẫn vững. Chuikov nghĩ bụng số phận Sư đoàn súng trường số 95 đã được định đoạt trên đồi Mamaev nên ông trả lời rằng mối lo chính của ông là không quân Đức thôi. Khrushchev cũng nói chuyện với Chính ủy Gurov, động viên ông này cố gắng hơn.

Sáng hôm sau, thứ Hai ngày 28 tháng 9, không quân Đức tập trung đánh phá bờ tây và việc chuyên chở trên sông nhằm cắt đứt sinh lộ của Tập đoàn quân số 62. Pháo phòng không của giang đoàn Volga lúc đó phải bắn liên tục nên rãnh nòng nhanh chóng mòn hết. Năm trong số sáu chiếc tàu tiếp tế bị hư hại nặng. Chuikov kêu Tập đoàn không quân số 8 tăng cường chi viện

đuổi máy bay Đức để ông tung thêm các trung đoàn ra phản công nhằm chiếm lại đỉnh Mamaev Kurgan. Họ đã đẩy lùi được quân Đức, song đỉnh đồi rất cuộc vẫn không bên nào chiếm được. Nhiệm vụ sống còn của Chuikov là không để quân Đức bám trụ và thiết lập trận địa pháo ở đó, nơi họ có thể khống chế toàn bộ phía bắc Stalingrad và đường qua sông. Tối hôm đó Chuikov và Ban Tham mưu của ông đã có thể nhẹ nhõm chút ít vì đã tránh được điều tồi tệ nhất, song ông cũng hiểu rằng mất tàu tiếp tế là nghiêm trọng lắm. Hàng ngàn thương binh nằm trên bờ sông không được chuyển đi và binh sĩ tuyến trước cũng sắp hết đạn dược cũng như lương ăn.

Thứ ba ngày 29 tháng 9, quân Đức bắt đầu đánh vào đỉnh của tam giác còn lại của phần đất Soviet. Làng Orlovka bị một bộ phận của Sư đoàn bộ binh số 389 tấn công từ hướng tây, và Sư đoàn bộ binh cơ giới số 60 đánh từ hướng đông bắc. Lực lượng đông hơn hẳn của quân Soviet kháng cự quyết liệt, như một hạ sĩ của Sư đoàn số 389 viết về nhà: “Không thể tưởng tượng nổi họ bảo vệ Stalingrad thế nào đâu - như chó sói vậy”.

Các tập đoàn quân Soviet ở phía bắc một lần nữa lại tấn công Quân đoàn tăng số 14 vào ngày 30 tháng 9. Sư đoàn bộ binh cơ giới số 60 và Sư đoàn tăng số 16 ở giữa họ khoe đã diệt được 72 xe tăng trong một “trận đánh phòng ngự thành công” chống lại ít nhất 2 sư đoàn súng trường và 3 lữ đoàn tăng Soviet. Cuộc tấn công hao người tổn của của Phương diện quân sông Đông không giải tỏa được mấy áp lực cho làng Orlovka hay các nhà máy công nghiệp nhưng cũng giúp vùng lõi Orlovka cầm cự được với quân Đức gần 10 ngày trước khi thất thủ.

Sư đoàn tăng số 24, phần lớn Sư đoàn bộ binh số 389 và Sư đoàn bộ binh nhẹ số 100 tấn công nhà máy luyện thép Tháng Mười Đỏ và nhà máy pháo Barrikady — “mớ bong bong rời rạc của khu nhà máy bị phá hủy hoàn toàn”, như một cậu *Jager* (bộ binh nhẹ) mô tả về khu phức hợp khổng lồ này, nơi mà hầu như mọi cửa sổ và mái nhà đều bị bom thổi tung, máy móc quần què không còn nhận ra hình thù. “Những đồng đội đầu tiên đã ngã. Tiếng gọi cứu thương râm ran. Súng bắn rát, nhưng không chỉ từ phía trước

mà còn đến từ cả hai bên”. Đạn pháo, đạn cối Nga nổ rền còn gây thương vong nặng nề do gạch đá bắn vào cũng như do mảnh đạn.

Ngày hôm sau, để đẩy nhanh cuộc tấn công khu phức hợp Tháng Mười Đỏ, Paulus lệnh cho Sư đoàn bộ binh số 94 và Sư đoàn tăng số 14 từ khu phía nam thành phố lên tăng cường. Bên phía Nga, Tập đoàn quân số 62 đang bị ép mạnh nhận được ít nhiều tăng viện khi Sư đoàn súng trường cận vệ số 39 của Tướng Stepan Guriev vượt sông Volga. Nó được tung thẳng vào để củng cố tuyến bên phải nhà máy Tháng Mười Đỏ. Một sư đoàn mới khác, Sư đoàn súng trường số 308 của Đại tá Leonti Gurtiev, đơn vị thứ hai gồm chủ yếu là người Sibir, cũng bắt đầu vượt sông, nhưng số tăng viện này cũng chỉ vừa đủ trám vào những thương vong mà thôi.

Liên đó, Chuikov lại phải đối mặt với một mối nguy hiểm bất ngờ. Ngày 1 tháng 10, Sư đoàn bộ binh số 295 theo các cống rãnh lách vào được cánh phải của Rodimtsev. Lính cận vệ của ông phản công quyết liệt, phục sẵn trong các góc ngách với súng tiểu liên và lựu đạn. Nhưng trong đêm, một lực lượng lớn bộ binh Đức đã bò theo đường cống chính chạy xuống khe Krutoy và ra được bờ sông Volga. Họ vòng xuống phía nam đánh tập hậu sư đoàn Rodimtsev. Cuộc đột kích này trùng với một cuộc đột phá ở bên phải. Rodimtsev phản ứng rất nhanh, lệnh cho tất cả các đại đội ông để làm dự bị lập tức phản công và tình thế đã được vặn hồi.

Ngày 2 tháng 10, quân Đức tấn công các bồn dầu trên bờ sông, ngay phía trên sở chỉ huy của Chuikov. Té ra là các bồn này vẫn chưa cạn. Trúng bom hoặc đạn Đức là chúng bốc cháy. Dầu cháy chảy tràn xuống dưới, lan khắp xung quanh sở chỉ huy và chảy xuống sông. Chỉ còn điện đài hoạt động. “Các anh đang ở đâu?” Sở chỉ huy Phương diện quân Stalingrad liên tục hỏi. Cuối cùng cũng có trả lời: “Chúng tôi đang ở nơi nhiều khói lửa nhất”.

Trong tuần đầu tiên của tháng 10, rõ ràng Chuikov đã bắt đầu lo không biết họ có bám trụ nổi dải đất đang ngày càng hẹp lại rất nhanh ở bờ sông này không. Mọi thứ đều phụ thuộc vào việc vượt sông. Ông hiểu rằng các trung đoàn bầm dập chí tử của ông đã buộc quân Đức cũng chịu thương vong nặng nề, nhưng kết cục của trận đánh tùy thuộc vào ý chí không kém

gì vào lực lượng. Họ không có lựa chọn nào khác ngoài bám chặt khẩu hiệu của Tập đoàn quân số 62: “Chiến sĩ phòng thủ Stalingrad không có đất đứng bên kia sông”. Đó thực sự là lời thề thiêng liêng đối với nhiều người lính. Một trong những hành động anh hùng nổi tiếng nhất xảy ra vào thời điểm này là ở phần phía nam khu nhà máy, khi xe tăng Đức tấn công vào trận địa giữa đồng gạch vụn của một trường học do một chi đội lính thủy đánh bộ được ghép vào Sư đoàn súng trường số 193 trấn giữ. Họ đã hết lựu đạn chống tăng nên thủy thủ Mikhail Panikako bèn cầm lấy hai chai xăng. Lúc anh lấy thể ném chai đầu tiên, một viên đạn Đức chẳng may bắn trúng chai xăng trong tay anh, lửa trùn kín người anh. Anh chồm người cố lao thêm mấy mét cuối cùng, quăng mình vào sườn xe tăng địch, đập chai xăng còn lại tạo thành một quầng lửa trùn lên khối động cơ phía sau tháp pháo.

Các chỉ huy Đức cũng lo. Lính của họ đã kiệt sức và tinh thần cũng nao núng nhiều. Lính Sư đoàn bộ binh số 389 chẳng hạn, họ không thêm giấu giếm hy vọng được chuyển về Pháp vì họ đã tổn thất nặng nề. Các nghĩa địa lính Đức phía sau tiền duyên mỗi ngày một rộng ra. Những người nghe bài phát biểu của Hitler ngày 30 tháng 9 tại Cung Thể thao Berlin không thấy hào hứng chút nào khi ông nói khoác rằng các lực lượng Đồng Minh không đánh giá hết các thành tựu của Đức, trên hết là cuộc tiến quân từ sông Đông đến sông Volga. Một lần nữa Hitler lại ném găng thách thức số mệnh, nói chắc rằng “không ai đẩy nổi chúng ta khỏi chỗ đó”.

ĐỒNG MINH VÀ PHẢN BỘI

Người Nga chúng tôi đã chuẩn bị tư tưởng cho trận Stalingrad rồi”, một sĩ quan cựu chiến binh nói. “Trên hết, chúng tôi không có ảo tưởng gì về cái giá phải trả và chúng tôi sẵn sàng trả giá”. Nói cho hết sự thật thì phải nói rằng nhà nước Soviet và có lẽ đa số binh sĩ cũng không tuyệt đối như vậy. Như thế không hề xúc phạm đến lòng dũng cảm của họ — thực ra chỉ càng khẳng định nó mà thôi — để nhớ rằng còn có một thiểu số không muốn, hoặc không thể chịu nổi sự căng thẳng của cuộc chiến.

Nhà cầm quyền Soviet rất nghiêm khắc. “Trong thành phố rực cháy”, Chuikov viết, “chúng tôi không chịu nổi bọn hèn nhát, chẳng có chỗ nào để chứa chúng cả”. Binh lính và dân chúng có vẻ như đã được cảnh báo bằng lời của Lenin do Stalin trích dẫn: “Kẻ nào không giúp Hồng quân theo cách của mình, không ủng hộ điều lệnh và kỷ luật của nó, đều là phản bội và phải bị trừng phạt không thương tiếc”. Mọi thứ “chủ nghĩa đa cảm” phải bị loại trừ. Trong chiến tranh tổng lực có lúc buộc phải sai sót trong pháp lý quân sự, tỉ như lính ngoài tiền tuyến có nguy cơ mất mạng vì chính pháo hoặc máy bay của mình.

Thiết lập một kỷ luật sắt mới đầu rất khó. Mãi đến ngày 8 tháng 10, Cục Chính trị của Phương diện quân Stalingrad mới thấy có thể báo cáo cho Moskva rằng “tư tưởng chủ bại đã bị loại trừ và số vụ phản nghịch cũng đã giảm”. Việc chính quyền Soviet đối với kẻ hèn nhát cũng không nương tay được thể hiện qua rất nhiều vụ hành quyết, kể cả có xét xử và không xét xử, trong trận chiến Stalingrad. Trong đó có tất cả những tội do các Chính ủy quy kết là “vụ việc bất thường”, từ rút lui không có lệnh đến tự thương, đào ngũ, chạy sang hàng ngũ địch, hối lộ và hoạt động chống Soviet. Lính Hồng

quân còn bị coi là có tội nếu thấy đồng đội đào ngũ hoặc đầu hàng địch mà không bắn ngay.

Các đơn vị yếu nhất của Chuikov là các lữ đoàn đặc biệt dân quân tự vệ, chủ yếu là lấy từ công nhân các nhà máy ở phần phía bắc Stalingrad. Các nhóm ngăn chặn gồm đoàn viên Komsomol tình nguyện vũ trang tốt hoặc các chi đội NKVD được bố trí ngay phía sau họ để ngăn ngừa họ bỏ chạy. Chính ủy của họ mặc áo jacket da đen đeo súng lục trông như nhà văn Konstantin Simonov thời còn trong tự vệ đỏ năm 1918. Trong vụ Lữ đoàn đặc biệt số 124 đối đầu với Sư đoàn tăng số 16 tại Rynok, các nhóm ngăn chặn ở tuyến sau đã buộc những người suy sụp do căng thẳng phải chạy sang phía địch. Dobronin đã báo cáo Khrushchev rằng ngày 25 tháng 9, một nhóm 10 kẻ đào ngũ, có cả 2 hạ sĩ quan, đã chạy sang bên quân Đức. Đêm hôm sau lại có thêm 5 người nữa trốn. Theo biên bản hỏi cung của Đức với những người ở nhóm chạy trước thì đại đội của họ chỉ còn 55 người. “Vì trong trận tấn công cuối cùng vào ngày 18 tháng 9 họ bị tổn thất nặng nề nên không được giao thêm nhiệm vụ gì nữa. Phía sau tuyến tiền duyên có một tuyến thứ hai gồm toàn đảng viên và đoàn viên Komsomol trang bị súng máy hạng nặng và súng lục tự động”.

Một thượng úy Soviet người Smolensk lại đào ngũ vì lý do khác. Anh ta đã bị quân Đức bắt trong trận khúc cong sông Đông hồi tháng 8 nhưng không lâu sau đó đã tìm cách trốn thoát được. Khi đến trình diện để tiếp tục phục vụ Hồng quân, “hắn đã bị bắt theo một mệnh lệnh của Stalin, bị coi là đào ngũ”, và bị đưa vào đại đội trừng giới trong khu vực Lữ đoàn đặc biệt số 149.

Có những người đào ngũ vì những lý do khiến quân Đức tưởng bở. “Tinh thần quân Nga tẻ nhạt”, một hạ sĩ quan Sư đoàn bộ binh số 79 viết về nhà. “Hầu hết bọn đào ngũ chạy sang bên ta đều vì đói. Mùa đông này chắc quân Nga chết đói”.

Hồ sơ bên phía Nga tiết lộ rất nhiều về tinh thần binh sĩ hồi đó. Khi ba người lính đào ngũ từ Trung đoàn súng trường dự bị số 178, một trung úy dành ra lệnh ra ngoài bắt về ba người, bất kể là lính hay dân để bù cho đủ số.

Rất nhiều nếu không phải là phần lớn những kẻ đào ngũ là thuộc nhóm dân thường bị bắt vào cho đủ số này. Ví dụ như một tỷ lệ lớn trong số 93 người đào ngũ của Sư đoàn súng trường cận vệ số 15 đều là “cư dân Stalingrad sơ tán đến Krasnoarmeysk”. “Những người này hoàn toàn chưa qua huấn luyện và một số còn không có quân phục. Trong lúc vội vàng huy động, nhiều người còn chưa bị thu giấy căn cước”. Đó là một sai lầm lớn theo báo cáo gửi về Moskva. “Cải trang bằng thường phục và có sẵn căn cước, họ dễ dàng qua sông Volga. Thu hồi căn cước của binh lính là cần thiết và cấp bách”.

Các Chính ủy tức giận vì tin đồn rằng quân Đức cho phép những người Nga và Ukraina có quê trong vùng tạm chiếm nếu đào ngũ sẽ được về nhà. “Sự thiếu rèn luyện chính trị đã bị mật vụ Đức lợi dụng, chúng dụ dỗ lôi kéo binh lính không vững vàng đào ngũ, nhất là những ai có gia đình đang kẹt lại trong vùng địch tạm chiếm”. Những người chạy nạn khi quân Đức tiến vào không hề biết số phận gia đình, nhà cửa của mình thế nào.

Đôi khi kẻ đào ngũ bị bắn trước hàng quân để làm gương. Nhưng thường thì kẻ bị kết án sẽ bị một đội thuộc vệ binh của ban đặc biệt NKVD đưa đến trường bắn phía sau chiến tuyến. Tại đó, anh ta bị bắt lột quân hàm quân hiệu để có thể dùng lại quân phục và giày ủng cho người khác. Tuy thế nhiệm vụ đơn giản này không phải lúc nào cũng được như ý. Sau một vụ hành quyết ở Sư đoàn súng trường số 45, một tải thương cắc có kiểm tra thấy mạch tử tội vẫn còn đập. Anh ta đang định gọi người thi địch bắt đầu nã pháo. Kẻ bị hành hình nhồm dấy, đứng lên và loạng choạng đi về phía chiến tuyến Đức. “Không thể nói chắc (hắn) có thoát chết không”, báo cáo gửi về Moskva cho biết.

Ban đặc biệt của Sư đoàn súng trường số 45 hẳn phải có đội hành quyết bắn tệt bất thường; thực ra người ta thắc mắc có phải họ uống thêm rượu mới đủ dũng khí làm việc này không. Trong một trường hợp khác, họ được lệnh hành quyết một người lính can tội tự thương. Như thường lệ anh ta bị lột quân phục, bị bắn rồi vứt xác vào một hố đạn. Sau khi quấy quá phủ lên ít đất cho có, tổ bắn quay về Sở Chỉ huy Sư đoàn. Hai giờ sau, người lính vừa

bị hành quyết loạn choạng quay về tiểu đoàn mình trong bộ đồ lót đầm máu.

Trong nhiều vụ, chính quyền địa phương ở quê của kẻ đào ngũ cũng được thông báo. Lúc đó gia đình có thể bị vạ lây theo Mệnh lệnh số 270 như một hình phạt bổ sung, nhưng trên hết, đó là một lời cảnh cáo. Các Chính ủy và sĩ quan ban đặc biệt tại mặt trận Stalingrad coi việc răn đe người thân là hết sức cần thiết để ngăn ngừa kẻ khác có ý định chạy trốn.

Các chính ủy cho rằng “sự vô tâm và nhu nhược của sĩ quan” nên mới có hiện tượng đào ngũ trong đơn vị. Nhưng cũng có rất nhiều vụ sĩ quan dùng quyền lực trong tay bắn bỏ lính, coi như “một biện pháp quyết liệt chỉ được dùng trong tình huống khẩn cấp khi một người lính Hồng quân từ chối thực hiện mệnh lệnh quân sự hoặc rút chạy khỏi chiến trường”.

Các Chính ủy có muốn ca ngợi tình đoàn kết keo sơn một nhà của Liên Xô thì có thể chỉ ra rằng gần một nửa binh lính của Tập đoàn quân số 62 không phải là người Nga. Tuy vậy bộ phận tuyên truyền có lý do chính đáng để bỏ qua chuyện này. Rất khó mong có một cuộc tổng động viên ở Trung Á được. “Họ khó mà hiểu được cái gì với cái gì”, một trung úy người Nga được cử đến phụ trách một trung đội súng máy, “mà cũng khó làm việc với họ”. Không quen công nghệ hiện đại thành ra họ rất dễ bối rối và hoảng sợ khi bị máy bay đánh phá. Khó khăn về ngôn ngữ dẫn đến hiểu lầm dĩ nhiên càng làm trầm trọng thêm mọi chuyện. Một đơn vị, Sư đoàn súng trường số 196, hầu hết là người Kazakh, Uzbek và Tartar, “đã thương vong nặng nề đến nỗi phải rút ra để tổ chức lại”.

Các Chính ủy nhận thấy không ổn nhưng bài bản xử lý thì đã định trước cả rồi: “Làm cho cán bộ chiến sĩ không phải dân tộc Nga hiểu rõ mục tiêu cao cả của toàn dân Liên Xô, giải thích cho họ lời thề và luật quân đội về trừng phạt mọi biểu hiện phản bội tổ quốc”. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng chắc là không thành công lắm vì nhiều người vẫn chưa rõ ý nghĩa cuộc chiến tranh này. Một người Tartar ở Sư đoàn súng trường số 284 do không thể chịu được nữa bèn quyết định đào ngũ. Anh ta bò tới trước trong bóng tối không bị ai nhìn thấy, nhưng bò đến vùng ranh thì anh ta mất

phương hướng. Anh ta cứ bò mà không biết mình lại bò trở lại trận địa của Trung đoàn súng trường số 685. Anh ta tìm thấy hầm chỉ huy, bèn bước vào. Tin rằng mình đã đến đích, đoán các sĩ quan đang nhìn mình là sĩ quan Đức cải trang trong quân phục Nga. “Anh ta báo rằng mình đến đầu hàng”, báo cáo cho biết. “Tên phản bội đã bị xử bắn”.

Các Chính ủy còn phải đối mặt với những rắc rối khác. “Rất khó phân loại những vụ việc bất thường”, Cục Chính trị Phương diện quân phân trần với Shcherbakov ở Moskva, “vì trong nhiều trường hợp chúng tôi không thể nói chắc người lính đó đào ngũ hay chỉ là chạy sang hàng ngũ địch”. “Trong tình huống chiến đấu”, Cục Chính trị báo cáo trong một vụ khác, “không phải lúc nào cũng xác định chắc chắn điều gì đã xảy ra với một cá nhân người lính hoặc một nhóm binh sĩ. Ở Sư đoàn súng trường số 38, một trung sĩ và một binh nhì đi nhận suất ăn cho đại đội rồi không thấy về. Không ai biết đã xảy ra chuyện gì với họ. Có khi họ bị quả đạn pháo chôn vùi hoặc có thể đã đào ngũ. Trừ phi có nhân chứng trông thấy, còn thì ta chỉ có thể nghi ngờ”.

Việc các sĩ quan thường không đếm kỹ quân mình cũng gây thêm khó khăn. Một số người vắng mặt bị đưa vào danh sách phản bội, sau đó mới biết anh ta đã được đưa đi viện do bị thương nặng. Thậm chí có người trốn viện trở lại đơn vị tiếp tục chiến đấu lại thấy tên mình trong danh sách đào ngũ và bị buộc tội. Đôi khi sự cầu thả của sĩ quan lại là cố tình. Binh lính hy sinh nhiều khi không được báo cáo để có thêm khẩu phần ăn, một chiêu đã xưa như quân đội, nhưng bây giờ lại được định nghĩa là “làm trái nguyên tắc hồ sơ quân đội”.

Sự thừa nhận của Dobronin về khó khăn trong thống kê chắc chắn phải được nhớ đến khi nhìn vào con số 446 vụ đào ngũ trong tháng 9. Không thấy nhắc đến các tội danh khác, chỉ là “chạy sang hàng ngũ địch”. Ngay cả trong báo cáo của chính Phương diện quân Stalingrad về các nhóm đào ngũ cũng có vấn đề nghiêm trọng. Ví dụ như sau vụ 23 người đào ngũ chỉ trong một tiểu đoàn trong vòng ba đêm, “một vùng phòng vệ” được “bố trí ngay trước tiền duyên” còn các sĩ quan được cắt cử “gác 24/24”.

Tự thương bị gọi quá lên thành đào ngũ. Một người lính trong Sư đoàn súng trường cận vệ số 13 của Rodimtsev bị nghi là tự bắn vào tay, bị áp giải đến trạm cấp cứu dã chiến. Khi pháo Đức bắn sang, anh ta lùi vào bóng tối nhưng bị tóm lại. Một hội đồng bác sĩ khám cho anh ta và tuyên bố vết thương đó là tự bắn.

Giả ốm cũng bị coi thuộc nhóm tội danh này. “11 người lính trong một bệnh viện dã chiến giả vờ câm điếc”, Dobronin ghi: Nhưng ngay khi hội đồng y khoa kết luận họ đủ sức khỏe phục vụ quân đội và hồ sơ của họ được chuyển qua tòa án binh thì họ mới bắt đầu lên tiếng”.

Mức cao nhất của tự thương là tự sát. Giống như *Wehrmacht*, chính quyền Soviet định nghĩa đó là “biểu hiện hèn nhát” hoặc sản phẩm của “tâm trạng bệnh hoạn”. Ngay cả định nghĩa thế nào là hèn nhát cũng có nhiều dạng. Một phi công nhảy dù ra khỏi máy bay cháy, ngay khi xuống đất đã xé thẻ đảng vì nghĩ mình rơi xuống sau phòng tuyến Đức. Lúc trở về căn cứ, Chính ủy đã buộc tội anh ta hèn nhát theo Mệnh lệnh số 270 của Stalin, mặc dù cơ quan tuyên truyền Soviet luôn nhấn mạnh rằng quân Đức sẽ hành hình đảng viên cộng sản ngay tại chỗ.

NKVD và Cục Chính trị Phương diện quân Stalingrad hợp tác cực kỳ chặt chẽ khi có một tí hơi hướng “hoạt động chống chính quyền” nào. Chẳng hạn, “những ai bị bắt gặp có mang truyền đơn Đức trong người sẽ bị giao cho NKVD”. Nhật truyền đơn là rất nguy hiểm, kể cả để quần thuốc *makhorka*. Một người lính không giữ được bình tĩnh đã nói toạc ra với sĩ quan cấp trên mình nghĩ thế nào về ông ta và về Hồng quân có thể bị khép vào tội “tuyên truyền phản cách mạng” hoặc “không tin tưởng vào chiến thắng”. Những người phê phán chế độ, như hai người lính ở Tập đoàn quân số 51 cũng bị giao cho NKVD. Một người “loan truyền các phát biểu của phát xít rằng nông trang viên giống như nô lệ”, còn người kia thì nói “Tuyên truyền Soviet nói dối để nâng cao tinh thần trong quân đội”.

Các vụ “hoạt động chống Soviet” mà thường bị đánh đồng với tội danh “phản bội tổ quốc”, có vẻ tương đối hiếm ở tiền tuyến. Các sĩ quan nói chung nghe theo một lời khuyên bất thành văn của quân đội Nga vào năm

1812: “Khi binh lính lâu bầu, sĩ quan chớ có nghe”. Hầu hết thừa nhận rằng trong chiến tranh, khi người ta đối mặt với cái chết, họ cần được nói ra những gì họ nghĩ. Giữa đồng đội với nhau trên chiến tuyến, binh lính không ngần ngại chỉ trích các quan chức đảng bất tài, tham nhũng và truy bức. Nguy cơ có thể bị giết bất cứ lúc nào khiến họ bất chấp các Chính ủy và các chỉ điểm của ban đặc biệt.

Hầu hết các vụ chống Soviet đều xảy ra ở tuyến sau. Các tân binh mới đến mà hay cần nhận là rất dễ bị đồng đội lính nghĩa vụ tố cáo. “Đa số những người bị bắt là người quê vùng tạm chiếm”, báo cáo cho biết nhiều khả năng họ đã có kế hoạch “phản bội tổ quốc và theo địch”.

Các bài phóng sự trên báo chí viết rằng các *frontoviki* (lính tiền tuyến) trong chiến hào hăng hái bàn luận về tài lãnh đạo hào hùng của đồng chí Stalin và xung phong với tiếng thét xung trận “*Za Stalina!*” (Vì Stalin), chỉ mang nặng tuyên truyền. Yury Belash, một nhà thơ chiến sĩ, có viết một câu:

^tThực tình,
trong chiến hào,
điều cuối cùng chúng tôi nghĩ đến là Stalin.\$t

Các báo lấy một câu chắc là của Chuikov nói trong cuộc họp hội đồng quân sự: “Mỗi người phải là một tảng đá của thành phố” làm khẩu hiệu. Một trong các sĩ quan của Chuikov thán phục để theo rằng Tập đoàn quân số 62 “gắn kết các tảng đá của thành phố mang niềm cảm hứng Stalin giống như khối bê tông sống”. Chủ đề này đã đạt đến tính biểu tượng cao nhất ở đài tưởng niệm khổng lồ sau chiến tranh được dựng trên đồi Mamaev, ở đó hình hài những người lính lẫn trong các đồng đồ nát được thể hiện một cách có dụng ý trên tấm phù điêu bằng gạch.

Giày ủng, quần phục và trang bị là để cấp phát cho các binh đoàn đang được thành lập ở hậu phương. Với lính trên mặt trận Stalingrad, các thứ thay thế không đến được từ kho quân nhu mà từ thi thể người chết. Đến lúc chôn cất thì không có gì bị bỏ phí. Thậm chí còn phải cử người lên dải giáp ranh để lột đồ của các xác chết chỉ chừa lại đồ lót. Khi mùa đông đến với toàn bộ sức mạnh của nó thì quần áo ngụy trang trong tuyết trở nên đặc biệt quý giá.

Một người lính bị thương sẽ cố gắng cởi tấm áo choàng trắng ra để khỏi bị dính máu. Có một câu chuyện mà ai cũng biết: có người lính bị thương quá nặng không cởi được áo ngực trắng tuyết của mình, anh bèn xin lỗi người sẽ thay anh nhận nó nếu chẳng may áo có vết máu nào dính vào.

Grossman, người đã sát cánh cùng những người đồng bào của mình ở Stalingrad, bác bỏ ý kiến cho rằng họ đã trở nên hoàn toàn man rợ đến vô cảm. “Cuộc sống không chút dễ dàng cho người Nga”, ông viết, “nhưng tận đáy lòng họ không thấy đó là điều không thể tránh khỏi, ở tiền tuyến trong chiến tranh, tôi nhận thấy chỉ có hai cảm xúc đối với những điều đang diễn ra: hoặc lạc quan khác thường hoặc hoàn toàn u ám. Không ai chịu nổi ý nghĩ rằng chiến tranh còn kéo dài thật lâu và ai mà bảo rằng chỉ cố hết sức thêm vài tháng nữa thôi ta sẽ thắng đều không đáng tin”. Sự thực là trong cuộc chiến khủng khiếp đó người ta chỉ có thể nghĩ làm sao sống hết ngày đó hoặc thậm chí giờ đó. Nghĩ quá xa là giấc mơ nguy hiểm.

Ít ra người lính còn có một cái đích nào đó và một khẩu phần khi có khi không để tồn tại. Dân thường bị kẹt lại trong Stalingrad hầu như chẳng có gì. Làm thế nào mà hơn 10.000 người, trong đó có cả nghìn đứa trẻ vẫn còn sống trong các đồng đồ nát của thành phố sau hơn năm tháng chiến đấu mới là phần thần kỳ nhất trong toàn bộ câu chuyện Stalingrad.

Các nguồn tin Soviet cho biết từ 24 tháng 8, một ngày sau trận không kích đầu tiên, khi dân cư Stalingrad cuối cùng cũng được phép qua sông Volga, đến ngày 10 tháng 9, có 300.000 người được sơ tán sang bờ đông. Con số đó không thấm vào đâu nếu tính cả số dân đã phình lên của thành phố. Điều đã không được nói đến lúc đó là còn rất nhiều người bị kẹt lại bên bờ tây.

Chuyến di tản chính thức cuối cùng đúng là hỗn loạn và bi thảm. Đám đông quá lớn. Trong đó nhiều gia đình mãi đến phút cuối cùng mới xin được phép ra đi, thường là chẳng vì lý do gì cả. Chiếc tàu hơi nước quá tải đến mức nguy hiểm nên không thể cho thêm người lên được. Những người bị bỏ lại chỉ biết đứng trên bến nhìn theo chiếc phà rời đi. Họ cảm thấy tuyệt vọng cho số phận của mình, nhưng rồi, chỉ cách bến chừng 50 m, nó bị trúng bom, bốc cháy và chìm xuống ngay trước mắt họ.

Nhiều người còn không thể ra được bờ sông, bị kẹt lại phía sau phòng tuyến quân Đức do Tập đoàn quân số 6 tiến quá nhanh. Ngày 2 tháng 9, Hitler ra lệnh thường dân rời khỏi Stalingrad, nhưng đợt di tản đầu tiên là tự phát hơn là có tổ chức. Một hàng dài người tản cư rời thành phố hướng về phía tây đến vùng Đức chiếm vào ngày 14 tháng 9 với một chút của cải còn sót chất lên xe kéo hoặc nhét trong các va li bằng giấy bìa. Một phóng viên Đức trông thấy dân thường trúng đạn pháo chỉ còn một khúc thân máu me với quần áo rách tươm, bàn tay bị cắt rời mắc trên dây điện báo trên cao. Nhưng những ai an toàn đến được vùng Đức chiếm cũng không có hy vọng tìm được đồ ăn. Các đơn vị của Tập đoàn quân số 6 đã nhanh tay hơn: trưng thu, hái lượm mọi thứ thóc lúa trong vùng cho mình. Ngay cả các nông dân Cossack, một số trong đó còn là cựu Bạch Vệ đã đem bánh mì và muối nghênh đón quân Đức như những người giải phóng, cũng bị khoắng sạch đồ ăn thức dùng.

Hình ảnh những người tản cư có thể khơi dậy những suy nghĩ lẫn lộn, như một thượng sĩ thuộc Sư đoàn bộ binh số 295 vô tình để lộ trong một lá thư gửi về nhà. “Hôm nay con thấy nhiều người tị nạn từ Stalingrad ra. Cảnh tượng thật là thê thảm. Trẻ con, phụ nữ, người già — già bằng ông nội đấy — nằm ngay bên đường, quần áo phong phanh, không có gì tránh rét. Dù họ là kẻ thù của chúng ta nhưng nhìn mà sốc quá. Vì lý do này, không có lời nào đủ để cảm ơn lãnh tụ và Chúa trời cho đất nước ta vẫn còn chưa đến nỗi rớt mòng tơi thế này. Con đã nhìn thấy nhiều thảm cảnh trong cuộc chiến này, nhưng Nga là ghê nhất. Ghê hơn cả là Stalingrad. Bố mẹ không hiểu được đâu - phải nhìn thấy mới biết”

Nhiều ngàn phụ nữ và trẻ em bị bỏ lại trong thành phố tìm kiếm nơi nương thân trong đồng đổ nát, cống rãnh, trong các hang hốc đào ở bờ sông dốc đứng. Hình như còn có người dân lẫn lút trong các hố đạn trên đồi Mamaev ngay trong những trận đánh ác liệt nhất. Dĩ nhiên nhiều người không thoát được. Simonov trong lần đến đầu tiên đã ngạc nhiên. “Chúng tôi đi qua một cây cầu bắc ngang một con mương chạy qua thành phố. Tôi không bao giờ quên được cảnh tượng mở ra trước mắt. Con mương trải ra bên trái bên phải tôi lúc nhúc sự sống, giống như những tổ kiến lỗ chỗ hang

hốc. Những đường phố bị khoét cả hai bên. Miệng hang được phủ bằng những tấm ván cháy và giẻ. Những người phụ nữ đã nhặt nhanh mọi thứ có thể dùng được”.

Ông đã viết về sự chịu đựng “gần như phi thường” của tất cả những con người ở Stalingrad, cả binh lính và dân thường, nhưng rồi nhanh chóng gạt đi mọi biểu hiện đa cảm — “những thứ đó không giúp gì được: thứ đem ra đặt cược trong trận đấu này là sống hay chết”. Tiếp đó ông miêu tả xác một người phụ nữ chết đuối dạt vào bờ dòng Volga, tay vẫn bám chặt một khúc thân cây cháy dở “với những ngón tay cháy sém cong queo. Gương mặt cô không còn ra hình thù: nỗi chịu đựng mà cô phải trải qua trước khi cái chết giải thoát cho hẳn phải không thể tưởng tượng nổi. Đó là quân Đức đã làm ra thế, ngay trước mắt chúng ta. Và chúng đừng có van xin những người chứng kiến tha thứ. Sau Stalingrad chúng ta sẽ không tha gì hết”.

Mặc dù chỗ trú là ưu tiên hàng đầu, cư dân phải đối mặt với một điều tưởng chừng không thể vượt qua là tìm thức ăn và nước uống. Mỗi lần tạm ngưng bắn phá, phụ nữ và trẻ em lại tìm đến các hố đạn để xẻ thịt từ những con ngựa chết trước khi lũ chó hoang và chuột róc sạch cái xác. Việc này thì bọn trẻ là sếp sòng. Trẻ hơn, nhỏ con hơn và lanh lợi hơn nên chúng là những mục tiêu khó hạ hơn. Đêm đến chúng chui vào các tháp đổ thóc bị cháy nham nhở ở phía nam sông Tsaritsa, nơi quân Đức cuối cùng cũng chiếm được. Ở đó chúng thường xoay xở đổ đầy thóc vào các túi, các bị rồi nhanh chóng chuồn, nhưng lính canh Đức cũng giữ mấy cái kho này để quân của họ ăn, đã bắn hạ mấy đứa. Đứa nào cả gan ăn trộm mấy hộp suất ăn của quân đội Đức thì bị bắn tại chỗ, cả ở Stalingrad lẫn ở các vùng phía sau.

Lính Đức cũng lợi dụng trẻ con mồ côi ở Stalingrad. Những việc hằng ngày như lấy nước vào chai rất nguy hiểm vì các tay bắn tỉa Nga đang nằm chờ bất kỳ một chuyển động nào. Thế là, hứa cho một mẩu bánh mì, họ sai bọn trẻ Nga xách chai ra sông Volga lấy nước. Sự nhẫn tâm như vậy đã có tiền lệ vào giai đoạn đầu trận vây hãm Leningrad, khi dân thường bị lính Đức đưa ra làm lá chắn sống. Bọn trẻ khác thì may mắn hơn. Chúng bám lấy các trung đoàn và các sở chỉ huy Soviet. Nhiều đứa được dùng chạy vật,

trình sát hoặc điệp báo, còn những đứa nhỏ hơn, có đứa chỉ bốn-năm tuổi, thì có mặt như để làm khước.

* * *

Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 lập ra một *Kommandantur* (Ban quân quản) cho trung tâm và phía bắc thành phố, một ban khác ở phía nam sông Tsaritsa. Mỗi ban có một đại đội quân cảnh chịu trách nhiệm canh gác chống phá hoại, đăng ký và di tản dân chúng cùng những việc khác. Các mệnh lệnh được ban bố rằng ai không chịu đăng ký sẽ bị bắn. Người Do Thái được lệnh phải đeo một ngôi sao vàng trên ống tay áo. Quân cảnh phối hợp chặt chẽ với cảnh sát mật đã chiến dưới quyền ủy viên Wilhelm Moritz. Một sĩ quan của ban quân quản sau này bị bắt đã khai nhận rằng nhiệm vụ của họ còn gồm cả việc lựa chọn cư dân “thích hợp” để lao động cưỡng bức ở Đức và giao các đảng viên cùng người Do Thái cho SD. Các nguồn Soviet cho biết rằng quân Đức đã hành hình 3.000 dân thường trong cuộc chiến, và có hơn 60.000 cư dân Stalingrad bị đưa sang Đức làm nô lệ theo lệnh của Hitler. Số lượng đảng viên và người Do Thái bị quân cảnh Tập đoàn quân số 6 bắt giữ giao cho SS không thấy nhắc đến. Đơn vị SS 4a theo sau Tập đoàn quân số 6 đã đến Nizhne-Chirskaya ngay sau Quân đoàn tăng số 24 vào ngày 25 tháng 8 và lập tức thẩm sát hai xe tải trẻ em, “chủ yếu là từ 6 đến 12 tuổi”. Họ cũng hành hình một số quan chức cộng sản và chỉ điểm của NKVD bị những người Cossack thuộc các gia đình Kulak (phú nông) vốn bị chính quyền ngược đãi tố cáo. Bọn SS còn ở lại vùng Stalingrad đến tuần cuối cùng của tháng 9.

Một chuyến di dân lớn xảy ra vào ngày 5 tháng 10 và chuyến cuối cùng vào đầu tháng 11. Các nhóm cư dân được chọn đưa lên các toa chở gia súc tại ga đầu mối ở phía sau. Nỗi thống khổ của những người này đã rành rành. Người khôn ngoan đã đem theo tất cả số chăn có thể mang được để đổi thức ăn trong những tuần tới. Những cư dân Stalingrad này trước hết phải đi bộ

đến một trại dựng sơ sài gần làng Voroponovo (nay là Gorkovsky), sau đó chuyển sang các trại khác ở Marinovka, Kalach và Nizhne-Chirskaya.

Cách họ được đối xử vẫn chưa đến nỗi tệ như với lính Nga bị bắt. Trong một nhà giam gần Gumrak, đến 11 tháng 9 đã có hơn 2.000 tù binh, trong đó nhiều người là dân quân tự vệ. Các sĩ quan Soviet được để lại để duy trì trật tự, nếu cần thì bằng cả nắm đấm, khi đồ ăn được ném qua hàng rào. Không có bất cứ một thiết bị y tế nào. Một bác sĩ Soviet đã phải làm tất cả những gì cần thiết cho các thương binh, nhưng “trong những trường hợp vô vọng, ông chỉ có thể giúp họ thoát khỏi cuộc sống đầy đọa này”.

Những đợt tiếp theo còn tàn bạo hơn. Cuối cùng, “một đám đông lớn đen ngòm” bị đẩy ra giữa trời. Đây là nhóm cuối cùng và lớn nhất các cư dân Stalingrad phải đi bộ đến Karpovka và các trại khác. Điều kiện thật kinh người. Ngay cả gọi là “trại” cũng còn là quá sang vì đó chỉ là những vòng kẽm gai lớn quây ngay giữa thảo nguyên. Không hề có lều lán gì. Tù nhân cố đào hố dưới đất bằng tay không để tránh gió lạnh cắt da cắt thịt rồi túm tụm vào nhau. Vào đêm 7 tháng 11, ngày kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, các tù nhân Nga làm lễ, âm thầm hát với nhau, nhưng đến tối bắt đầu mưa to. Về sáng, nhiệt độ tụt nhanh đem lại băng giá khiến họ run cầm cập trong quần áo ướt sũng. Nhiều người đã chết. Trong một hố, bà mẹ nằm cạnh Valentina Nefyodova ngồi vổ về hai đứa con thơ trên gối, một trai, một gái, bé gái còn sống, nhưng bé trai chết trên tay mẹ. Em họ của Nefyodova đang tuổi thiếu niên cũng bị chết cồng đêm đó.

Canh các trại này phần lớn là người Ukraina mặc quân phục Đức^[51]. Nhiều người là *bulbovitsi*, những người dân tộc cực hữu mang tên Taras Bulba, người nổi tiếng khắc nghiệt với kẻ thù. Tuy thế, không phải tất cả lính canh đều ác. Một số để người ta trốn chỉ cần đút lót chút ít. Nhưng những kẻ bỏ trốn sẽ nhanh chóng bị quân canh săn được giữa thảo nguyên trống trải. Tuy vậy ở trại Morozovsk có gia đình Goncharov gồm mẹ, bà và hai đứa con đã được một bác sĩ Đức tốt bụng thu xếp chuyển đến một trang trại gần đấy vì thằng bé Nikolay 11 tuổi bị cồng giá nặng.

Trong số hàng ngàn người tránh được vây ráp trong thành phố sống chui nhủi trong các đồng đồ nát —“không ai biết bằng cách nào” – hầu như tất cả đều bị ngộ độc thức ăn hay nước bẩn. Ở ngoại vi thành phố, đêm đêm bọn trẻ mò ra như những con thú hoang để tìm rễ củ và quả dại. Nhiều đứa sống ba bốn ngày chỉ nhờ một miếng bánh thiu mà lính Đức hoặc lính Nga cho, tùy nó ở bên nào chiến tuyến. Phụ nữ thường phải đánh đổi thân thể tàn tạ của họ để sống qua ngày hay để nuôi con. Thậm chí còn có báo cáo về các “nhà thổ ứng biến” trong đồng đồ nát. Có vài trường hợp, một thứ tình yêu vô vọng nảy sinh giữa phụ nữ Nga với lính Đức nữa. Nó nhất định sẽ có kết thúc không ra gì. Một phụ nữ Stalingrad bị buộc tội “dùng khăn tay trắng làm hiệu cho địch”, đã bị bắt quả tang “chứa chấp ba tên phát xít” trong hàm của mình. Cô ta được giao cho NKVD. Ba lính Đức bị bắn tại chỗ.

Trong các khu vực xa thành phố, tù binh Đức thường không bị giết, khi tình báo quân sự Soviet đã trở nên hữu hiệu hơn. Nhu cầu thông tin chính xác từ tù binh tăng nhanh vào tháng 10, khi Zhukov và Ban Tham mưu của mình lên kế hoạch tổng phản công.

* * *

Việc hỏi cung tù binh Đức thường được tiến hành ngay sau hôm bị bắt theo một bài bản định sẵn. Mục đích chính là xác định đơn vị, đánh giá lực lượng hiện có, tình hình hậu cần và tinh thần binh lính. Tù binh Đức còn được hỏi những câu đại loại như: Có phải đoàn viên thanh niên Hitler? Có biết gì về việc chuẩn bị chiến tranh hóa học? Có chứng kiến hoặc nghe gì về hoạt động du kích? Truyền đơn Soviet có tác động thế nào? Sĩ quan nói gì với họ về những người cộng sản? Hành trình sư đoàn họ đã qua kể từ tháng 6 năm 1941? (Đây là để xem họ có thể dính dáng đến những tội ác đã được biết ở vùng họ đi qua không). Nếu tù binh là từ gia đình nông dân, họ có tù binh Nga làm việc ở trang trại không? Tên của họ là gì? Thư nhà gửi sang cũng bị tịch thu xem có dấu hiệu nào cho biết tinh thần dân chúng bên Đức. Từ cuối mùa hè đến mùa thu năm 1942, sau “các trận bom một ngàn oanh

tạc cơ”^[52] của Không quân Hoàng gia Anh, các sĩ quan hỏi cung của NKVD đặc biệt quan tâm tới tác động của các trận bom đó đến tinh thần dân chúng cũng như với binh lính ngoài mặt trận. Về sau, khi NKVD quan tâm vì thấy có một số công dân Soviet, chủ yếu là cựu binh Hồng quân, được ghép vào với quân Đức, những người hỏi cung đã cố gắng tìm hiểu ở các tù binh mỗi đại đội được ghép bao nhiêu.

Ngoài bản năng tự vệ, tù binh hay nói những gì họ cho là người Nga muốn nghe. Trong một vài trường hợp đó lại là sự thật. “Cựu binh”, một hạ sĩ nói, “không tin vào tuyên truyền mà Goebbels cố nhét vào đầu chúng tôi. Chúng tôi còn nhớ những bài học không quên được của năm 1918”. Đến giữa tháng 9, những người lính Đức bị bắt đã công khai thừa nhận với người thẩm vấn Soviet rằng họ và đồng đội “sợ mùa đông đang đến”.

Nhiều tù binh đã được Đại úy N. D. Dyatlenko của NKVD, một phát thanh viên tiếng Đức được chuyển đến ban 7 của Phương diện quân Stalingrad hỏi cung. Trung tá Kaplan, Phó Chủ nhiệm tình báo của Tập đoàn quân số 62 thì phải hỏi qua phiên dịch Derkachev. Kaplan rõ ràng phải mất thời gian hơn khi làm việc. Sau khi một hạ sĩ bị thương nặng tiết lộ rằng Sư đoàn tăng số 24 chỉ còn 16 xe tăng, Kaplan ghi chú bên dưới trang giấy: “Hỏi cung chưa xong vì người này đã chết do vết thương quá nặng”.

Sẵn biết về quan hệ căng thẳng giữa quân Đức và quân Romania, Kaplan cũng quan tâm cả những trục trặc trong nội bộ *Wehrmacht* nữa. Các tù binh Áo có lẽ hy vọng được đối xử tốt hơn nên phàn nàn về hành vi phân biệt đối xử của các sĩ quan Đức đối với họ. Một người Czech 32 tuổi trong Sư đoàn tăng số 24, bị bắt ngày 28 tháng 9, thậm chí còn xung phong chiến đấu trong hàng ngũ Hồng quân. Tuy nhiên ưu tiên chính của tình báo Hồng quân lúc này là đưa ra đánh giá đúng về sự phụ thuộc của Đức vào các sư đoàn đồng minh dọc theo mặt trận sông Đông và trên thảo nguyên Kalmyk.

* * *

Một số chỉ huy trung đoàn Đức lúc đó rất ngại quân bổ sung gửi đến cho họ. Một trung đoàn trưởng thuộc Sư đoàn tăng số 14 viết rằng “phải cần đến “những biện pháp rất quyết liệt” để uốn nắn sự “thiếu sức mạnh ý chí và lòng dũng cảm”. Tuy nhiên, điểm yếu nhất lại ở chỗ quân đồng minh vẫn được coi là các tập đoàn quân đầy đủ sức mạnh trên bản đồ tình hình của Hitler. Tinh thần của lính Italia, Romania và Hungary có vẻ đã lung lay vì các cuộc đột kích lẻ tẻ của du kích vào các đoàn tàu chở họ ra mặt trận. Sau đó nó trở nên tồi tệ hơn do bị máy bay Nga tấn công, ngay cả khi số thương vong không lớn. Và rồi khi họ phải đối mặt với các trận *Katyusha* pháo kích từ “Đàn Organ Stalin”, lúc đó họ mới thắc mắc mình làm cái gì ở đây.

Máy bay Soviet rải tờ rơi viết bằng tiếng Hungary, Italia, Romania, kêu gọi binh lính đồng minh đừng chết vô ích cho người Đức. Kiểu tuyên truyền này tác động mạnh nhất tới các dân tộc thiểu số. Người Serb và Ruthenia được gọi vào lính Hungary là hay đào ngũ nhất. “Làm sao ta có thể tin được bọn không phải người Hung?” Hạ sĩ Balogh viết trong nhật ký. Tình báo Hồng quân báo cáo về Moskva rằng có một số nhóm nhỏ đã dự định cùng nhau đào ngũ ngay cả khi chưa tới mặt trận. Khi quân Nga tấn công, họ chúi mũi dưới chiến hào chờ dịp đầu hàng.

Một người Ruthenia đào ngũ từ một trung đoàn khác trả lời thăm vấn của NKVD rằng hầu hết các đồng đội của anh ta vẫn thường cầu nguyện “Cầu Chúa cho con sống” để rồi “cả ngày ngồi trong chiến hào. Đa số binh lính không muốn chiến đấu, nhưng họ sợ không dám đào ngũ vì tin vào lời các sĩ quan Đức rằng người Nga sẽ tra tấn và bắn họ”.

Một trong những vấn đề lớn nhất với các đơn vị đồng minh là sự lộn xộn. Các đơn vị tuyến trước cứ bị đồng minh của mình bắn phá hay ném bom suốt. “Lạy Chúa cứu giúp chúng con cho cuộc chiến này ngừng lại”, hạ sĩ Balogh viết. “Ai cũng ném bom và nã pháo vào chúng con”. Sau đó chưa đến một tuần, anh ta viết: “Lạy Chúa, xin hãy dừng cuộc chiến khủng khiếp này lại. Nếu còn phải ở đây lâu hơn nữa, thần kinh chúng con tiêu mất. Liệu chúng con còn có được một ngày Chủ nhật bình yên ở nhà? Liệu chúng con còn có cơ hội được tựa vào cổng nhà mình? Liệu người ta ở nhà có còn nhớ

đến chúng con?” Tinh thần xuống thấp đến nỗi nhà chức trách quân sự Hungary cấm binh lính viết thư về nhà, nếu không thì sẽ có bất ổn nghiêm trọng ở Budapest mất. Ngay cả hồi lộ cũng không xong. Trước một cuộc tấn công, binh lính được động viên tinh thần bằng “bữa ăn ngon nhất có thể - chocolat, mút trái cây, mỡ lợn, đường và súp bò hầm”^[53], nhưng ăn xong nhiều người bị đau bụng dữ dội vì “người ta không quen ăn hoành tráng thế”.

“Quân Nga có những tay bắn tỉa tởm lăm”, Balogh viết ngày 15 tháng 9. “Lạy Chúa, đừng để họ nhắm vào con. Chúng tôi đang phải đối đầu với các đơn vị Nga thiện chiến nhất”, anh chàng hạ sĩ nghe hơi nỗi chỗ này thêm, “Các tay súng Sibir dưới quyền Timoshenko. Chúng tôi lạnh run nhưng đó chưa phải là mùa đông đâu. Đến mùa đông thì sẽ ra sao nếu chúng tôi cứ phải ở lại đây? Xin Đức Mẹ Đồng trinh giúp chúng con về nhà với”. Ngày hôm sau lại cầu xin “Đức Chúa và Đức Mẹ Đồng trinh”- đó là câu cuối cùng. Nhật ký của Balogh được lấy từ xác anh ta gần bờ sông Đông, vài ngày sau được dịch ra tiếng Nga tại sở chỉ huy Phương diện quân Tây Nam của Tướng Nikolay Vatutin và được gửi về Moskva.

* * *

Tập đoàn quân Italia số 8 trấn giữ cánh sông Đông ở giữa quân Hungary và Tập đoàn quân Romania số 3 đã bị quân Đức để ý từ cuối tháng 8. Đại bản doanh của *Fuhrer* đã buộc phải đồng ý để Quân đoàn số 29 sang tăng cường sức phòng thủ của quân Italia. Ban tham mưu quân đoàn khuyên các sĩ quan liên lạc: “Các anh phải lịch sự với họ, cần có sự thấu hiểu về mặt chính trị và tâm lý... Thời tiết và môi trường ở Italia làm cho lính Italia khác lính Đức. Người Italia một mặt dễ mệt hơn, mặt khác họ tình cảm hơn. Các anh không nên kể cả với các đồng minh Italia, họ đã can đảm đến nơi có điều kiện khó khăn và lạ lẫm này để giúp chúng ta. Đừng gọi họ bằng những cái tên chối tai và đừng gay gắt với họ”. Có thấu hiểu cũng chẳng thay đổi mấy sự thiếu nhiệt tình cố hữu với cuộc chiến của người Italia. Một trung sĩ

khi bị phía Soviet hỏi cung vì sao cả tiểu đoàn của anh ta đầu hàng mà không bắn phát nào đã trả lời với lý lẽ rất dân thường: “Chúng tôi không bắn trả vì nghĩ rằng có thể đó là một sai lầm”.

Tập đoàn quân số 6, cố bày tỏ tình đoàn kết chống Quốc tế Cộng sản, đã điều chuyển một đơn vị đồng minh là Trung đoàn Croatia số 369 ghép vào Sư đoàn bộ binh nhẹ số 100 của Áo. Ngày 24 tháng 9, tiến sĩ Ante Pavelic, *Poglavnik* (Lãnh tụ) Croatia đã đáp máy bay đến thị sát và tặng thưởng huân chương cho quân lính của mình. Ông đã được Tướng Paulus chào đón với một đội danh dự lấy từ lính mặt đất của không quân.

Về mặt chiến lược, các đơn vị đồng minh quan trọng nhất là hai tập đoàn quân Romania ở hai bên cánh Tập đoàn quân số 6 của Paulus. Chúng không chỉ được trang bị kém mà còn không đủ cả quân số nữa. Chính quyền Romania dưới sức ép của Hitler phải đưa thêm quân nên đành lấy cả 2.000 dân thường phạm các tội cưỡng hiếp, trộm cướp và giết người. Một nửa trong số đó được đưa đến tiểu đoàn trừng giới đặc biệt số 991 nhưng ngay lần đụng độ đầu tiên đã đào ngũ quá nhiều nên phải giải thể đơn vị. Số còn lại chuyển sang Sư đoàn bộ binh số 5 ở mặt trận sông Đông, đối mặt với quân của Serafimovich.

Các sĩ quan Romania có vẻ quá hoang tưởng về chuyện địch lọt vào hậu tuyến. Bùng phát dịch kiết lỵ càng làm họ thêm nghi ngờ. “Đặc vụ Nga”, Sư đoàn bộ binh Romania số 1 phát đi cảnh báo, “đã đưa vào hậu tuyến một lượng lớn chất độc nhằm gây thương vong cho binh sĩ chúng ta. Chúng dùng arsenic, một gam chất này đủ giết chết 10 người”. Chất độc được cho là giấu trong bao diêm và “các đặc vụ” đã được xác định là “phụ nữ, đầu bếp và những người giúp việc liên quan đến cung cấp thực phẩm”.

Quân Đức ở tất cả các cấp có liên hệ với đồng minh thường phát hoảng với cung cách sĩ quan Romania đối xử với lính của mình. Họ có kiểu cách của “lãnh chúa với chư hầu”. Một bá tước người Áo, Trung úy Stolberg báo cáo: “Trên hết là các sĩ quan không tốt... họ không quan tâm gì đến lính của mình”. Một hạ sĩ công binh thuộc Sư đoàn bộ binh số 305 nhận thấy bếp ăn

dã chiến của Romania nấu ba nhóm suất ăn —“một cho sĩ quan, một cho hạ sĩ quan và một cho lính, số này chả còn mấy mà ăn”.

Quan hệ giữa hai đồng minh được thể hiện qua những cuộc cãi vã thường xuyên. “Để tránh các sự cố và hiểu lầm đáng tiếc trong tương lai giữa binh lính Romania và Đức mà tình hữu nghị được đánh dấu bằng máu đã đổ cho sự nghiệp chung trên chiến trường”, tư lệnh Tập đoàn quân Romania số 3 đề nghị tổ chức những chuyến “viếng thăm, tiệc tùng, hội họp v.v.. để các đơn vị Romania và Đức có thể thiết lập mối liên kết tinh thần gần gũi hơn”.

* * *

Đầu thu năm 1942, các sĩ quan tình báo Hồng quân chỉ mới biết sơ sơ về sự phụ thuộc của *Wehrmacht* đối với bọn Hiwi - viết tắt của từ *Hilfswilliger* tức là trợ thủ tình nguyện. Thực ra chỉ có một số đúng là tình nguyện, còn phần lớn là tù binh Soviet, được tuyển từ các trại để bù vào chỗ nhân sự thiếu hụt, chủ yếu để làm việc nặng, nhưng rồi số tham gia chiến đấu càng nhiều.

Đại tá Grosscurth, Tham mưu trưởng Quân đoàn tăng số 11 ở khúc quanh lớn sông Đông, đã nhận xét trong thư gửi Tướng Beck: “Thật đáng ngại là chúng ta buộc phải tăng cường lực lượng chiến đấu bằng tù binh Nga, những người đã tình nguyện trở thành pháo thủ. Một tình huống kỳ lạ là những “quái vật” ta đang đánh giờ lại sống hòa thuận cùng với ta”. Tập đoàn quân số 6 có cả vạn trợ thủ Nga đi cùng với các sư đoàn tuyển trước, chiếm 1/4 quân số của nó. Các sư đoàn bộ binh số 71 và số 76, mỗi sư đoàn có hơn 8.000 Hiwi, xấp xỉ tổng số lính Đức của chúng tính đến giữa tháng 11. (Đó là chưa tính số lượng Hiwi trong phần còn lại của Tập đoàn quân số 6 và các đơn vị trực thuộc, theo ước tính tổng cộng là hàng chục vạn người).

“Người Nga trong quân đội Đức có thể chia làm ba loại”, một Hiwi bị bắt khai với NKVD: “Thứ nhất là lính do quân Đức huy động, gọi là bộ đội Cossack, số này đi cùng các sư đoàn Đức. Thứ hai là Hiwi lấy từ người địa phương hoặc tù binh Nga tình nguyện hoặc lính Hồng quân đào ngũ chạy

sang phía Đức. Loại này mặc đủ quân phục Đức, có đủ quân hàm quân hiệu. Họ ăn như lính Đức và đi cùng các trung đoàn Đức. Thứ ba là các tù binh Nga làm những công việc bẩn thỉu, bếp núc, nuôi ngựa, v.v... Ba loại này được đối xử khác nhau, dĩ nhiên ai tình nguyện thì được đối xử tốt nhất. Lính thường đối xử với chúng tôi khá tốt, nhưng sĩ quan và hạ sĩ quan bên sư đoàn Áo là tệ nhất”.

Hiwi này là một trong số 11 tù binh Nga lấy từ trại ở Novo-Aleksandrovsk vào cuối tháng 11 năm 1941 để làm việc cho quân đội Đức. Tám người đã bị bắn vì đói mà ngã quỵ lúc bị đưa đi. Người này sống sót, được đưa vào làm ở bếp ăn dã chiến của một trung đoàn bộ binh, công việc của anh ta là gọt khoai tây. Sau đó chuyển sang chăm sóc ngựa. Nhiều cái gọi là đơn vị Cossack được thành lập để chống du kích và trấn áp ở hậu phương, mà như anh ta đã nói, gồm có nhiều người Ukraina và người Nga. Hitler ghét cái ý tưởng lộn xộn người Slav trong quân phục Đức thành ra phải gọi là bộ đội Cossack, được chấp nhận về mặt chủng tộc. Điều này phản ánh bất đồng căn bản giữa giới chóp bu Quốc xã, vốn ám ảnh với việc nô dịch triệt để người Slav, và các sĩ quan quân đội chuyên nghiệp, những người tin rằng hy vọng duy nhất là hành động như những người giải phóng nước Nga khỏi chủ nghĩa Cộng sản. Ngay từ đầu mùa thu năm 1941, tình báo quân đội Đức đã đi đến kết luận rằng *Wehrmacht* không thể chiến thắng ở Nga nếu không biến chiến tranh xâm lược thành nội chiến.

Các Hiwi bị lôi kéo trong trại tù binh bằng những lời hứa hẹn sẽ nhanh chóng tỉnh ngộ. Một lính Ruthenia đào ngũ, lúc bị thẩm vấn kể lại anh ta đã gặp các Hiwi như thế nào khi vào làng tìm nước. Đó là những người Ukraina đào ngũ chạy sang phía Đức với hy vọng được về nhà với gia đình. “Bọn tôi tin mấy tờ truyền đơn”, họ kể, “chỉ muốn về nhà với vợ”. Nhưng thay vào đó họ lại được phát quân phục Đức và được sĩ quan Đức huấn luyện. Kỷ luật rất hà khắc. Họ có thể bị bắn “vì những lỗi nhỏ xíu”, như tụt lại sau trên đường hành quân. Chẳng bao lâu sau họ bị đưa ra tiền tuyến. “Như vậy chẳng phải anh sẽ giết đồng bào mình à?” người lính Ruthenia hỏi. “Chứ còn biết làm sao bây giờ?” họ đáp. “Nếu quay lại với bên Nga,

chúng tôi cũng bị xử như kẻ phản bội. Nếu từ chối đánh nhau, chúng tôi sẽ bị bọn Đức bắn”.

Hầu hết các đơn vị tuyến trước của Đức có vẻ đều đối xử tốt với Hiwi của mình dẫu có chút sỗ sàng. Một chi đội pháo chống tăng trong Sư đoàn tăng số 22 bờ tây sông Đông thường đưa cho Hiwi của mình mà họ đều gọi là “Ivan” một cái áo choàng to với một khẩu súng trường để canh khẩu pháo của họ trong lúc họ vào làng tìm thức uống, nhưng một lần họ phải chạy vội về cứu anh ta vì một toán lính Romania sau khi phát hiện ra anh ta là ai, cứ đòi bắn tại chỗ.

Với nhà chức trách Soviet, việc lính Hồng quân mà lại phục vụ trong quân đội Đức đúng là không thể chấp nhận được. Họ kết luận ngay rằng cố gắng thanh trừng và cố gắng của các ban đặc biệt chưa đến nơi đến chốn. Cục Chính trị của Phương diện quân Stalingrad và NKVD ám ảnh với nghi vấn các Hiwi được sử dụng để thâm nhập và tấn công hàng ngũ của họ. “Trong một số khu vực của mặt trận”, Shcherbakov được thông báo, “đã có những trường hợp lính Nga theo giặc bây giờ lại mặc quân phục Hồng quân lên vào trận địa của ta nhằm trinh sát và bắt cóc cán bộ chiến sĩ ta để moi tin”. Ở khu vực của Sư đoàn súng trường số 38 (Tập đoàn quân số 64), vào đêm 22 tháng 9, một toán trinh sát Nga đã đụng độ với một toán tuần tra Đức. Khi trở về, nhóm trinh sát báo cáo có ít nhất một tên “Nga gian” đi cùng quân Đức.

Hai chữ “Nga gian” đã là bản án tử hình cho tất cả những kẻ đi theo Đức trong ba năm sau đó, khi SMERSH tập trung vào vấn đề phản quốc. Bằng cách loại bỏ không cần tra xét quốc tịch những người chống đối và ly khai, Liên Xô thẳng tay trừng trị mọi biểu hiện phản bội trong cuộc Chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại.

PHÁO ĐÀI GIỮA ĐỒNG ĐỔ NÁT

Liệu Stalingrad có trở thành Verdun thứ hai?” Đại tá Grosscurth viết vào ngày 4 tháng 10. “Đó là điều ở đây người ta đang rất quan tâm”. Sau bài phát biểu của Hitler ở Cung thể thao Berlin bốn ngày trước, lớn tiếng tuyên bố rằng không ai có thể đẩy được họ ra khỏi sông Volga, Grosscurth và nhiều người khác đã cảm nhận được rằng Tập đoàn quân số 6 sẽ không được phép dừng trận đánh này, dù hậu quả có thế nào. “Nó thậm chí còn trở thành vấn đề uy danh giữa Hitler và Stalin”.

Cuộc tấn công quy mô lớn của Đức vào khu nhà máy ở phía bắc Stalingrad khởi đầu suôn sẻ vào ngày 27 tháng 9, nhưng đến cuối ngày thứ hai thì các sư đoàn Đức đã biết rằng họ còn chưa bước vào trận đánh khó khăn nhất. Tổ hợp Thám Mìn Đỏ và Nhà máy pháo Barrikady đã biến thành những pháo đài chết chóc không kém gì Verdun. Có chăng nó còn nguy hiểm hơn nhiều vì các trung đoàn Soviet ẩn nấp rất khéo.

Các sĩ quan sư đoàn súng trường Sibir số 308 của Gurtiev trên đường vào Nhà máy Barrikady và đoạn tránh tàu của nó đã thấy “cái khối đen lồ lộ của các xưởng sửa chữa, những đoạn đường ray ướn loang loáng đã loang lổ các vết rỉ, các toa xe nằm hỗn loạn, những đồng xà thép ngổn ngang trên khoảng sân rộng bằng cả quảng trường thành phố, những đồng than và xỉ đỏ quạch, những ống khói hùng vĩ lồ lộ chỗ vết đạn pháo Đức.

Gurtiev cắt hai trung đoàn bảo vệ nhà máy, còn trung đoàn thứ ba thì trấn giữ bên cánh với cả một khe sâu chạy ra sông Volga ở đoạn khu nhà công nhân lúc đó đã cháy. Nó sẽ sớm được biết tới với cái tên “Khe thần Chết”. Người Sibir đã không để phí thời gian. “Trong im lặng nặng nề họ dùng cuộc chim đào vào đất sỏi, đục lỗ châu mai trên tường nhà xưởng, khéo léo

tạo ra những căn hầm trú ẩn, boong ke và hào giao thông”. Một vị trí chỉ huy được đặt trong một bể dài có thành bê tông chạy bên dưới các khối nhà lớn. Gurtiev vốn nổi tiếng là tay rèn lính rắn mặt. Khi còn là lực lượng dự bị chờ bên kia sông, ông đã bắt họ đào công sự rồi cho xe tăng cán qua. “Ủi” như thế là cách tốt nhất để dạy họ đào thật sâu.

Hên cho quân Sibir, chiến hào đã đào vào đấy rồi thì đám Stuka mới mò tới. “Chàng rít” hoặc “nhạc công” - như cách quân Nga gọi các máy bay ném bom bổ nhào cùng với tiếng còi hú chói tai — không làm được trò trống gì. Lính Sibir đào hào hẹp để tránh bị phơi ra cho mảnh bom phạt, nhưng sóng xung kích liên hồi của bom làm mặt đất rung bần bật như bị động đất khiến bụng quặn thắt. Bị đập hồi lâu làm cho ai nấy điếc đặc mất một lúc. Đôi lúc sóng xung kích mạnh đến nỗi vỡ cả kính và điện đài mất cả sóng.

Những đợt tấn công chuẩn bị của máy bay như vậy, thường được gọi là “sưởi ấm nhà cửa”, kéo dài đến hết ngày. Sáng hôm sau, các sân trong nhà máy Barrikady bị các phi đội Heinkel 111 ném bom rải thảm, bị pháo và cối giã tiếp một chập. Đột nhiên pháo Đức im tiếng. Ngay cả trước khi hố “Chuẩn bị” thì lính Sibir đã sẵn sàng đào đấy rồi, thừa biết những lúc tĩnh lặng bất ngờ này là có ý gì. Lát sau họ nghe thấy tiếng xích xe tăng nghiền ken kết trên gạch vụn.

Bộ binh Đức sau vài ngày đã nhận ra sư đoàn Sibir của Guriev không ngồi chơi không. “Quân Nga ngày nào cũng tấn công từ đầu sớm đến cuối chiều”, một hạ sĩ quan thuộc Sư đoàn bộ binh nhẹ số 100 cho biết. Bài bản liên tục phản công tiêu hao kinh khủng của Chuikov khiến đám tướng lĩnh Đức kinh ngạc, rồi họ cũng buộc phải thừa nhận rằng nó làm binh lính của họ kiệt quệ. Tuy nhiên phương tiện phòng ngự hiệu quả nhất phải kể đến pháo hạng nặng bên kia sông Volga, một khi được hiệu chỉnh tọa độ đáng hoàng.

Ở nhà máy Thép Mười Đỏ, các phân đội của Sư đoàn chống tăng số 414 đã giấu những khẩu pháo 45 mm và 96 mm trong đồng đồ nát, dùng những tấm thép cong queo vừa ngụy trang vừa che chắn. Họ chọn vị trí để bắn ở cự

ly từ 150 m trở xuống. Rạng sáng ngày 28 tháng 9, hai trung đoàn của Sư đoàn súng trường số 193 cũng qua sông Volga và nhanh chóng chuẩn bị trận địa. Ngay hôm sau họ được lãnh ngay màn “sưởi ấm nhà cửa” của hàng đàn Stuka. Trận tấn công của quân Đức buộc họ phải xin tăng viện khẩn cấp. Sư đoàn súng trường cận vệ số 39 được gửi qua sông dù nó mới chỉ có được 1/3 quân số hoàn chỉnh.

Những cuộc tấn công của Đức càng mạnh hơn vào tháng 10, nhất là khi đã được tăng viện bằng Sư đoàn bộ binh số 94 và Sư đoàn tăng số 14, cộng thêm 5 tiểu đoàn công binh chiến đấu tăng cường đặc biệt. Về phía Soviet, các đơn vị đều chia nhỏ và thường là bị mất liên lạc nhưng từng cá nhân, từng nhóm vẫn chiến đấu không cần lệnh. Trong khu vực Barrikady, lính công binh Kossichenko và một lính tăng không tên, mỗi người mất một tay, phải dùng răng rút chốt lựu đạn. Đến đêm, các chiến sĩ công binh lại mang thêm mìn chống tăng bỏ lên, mỗi lần hai quả, “kẹp dưới nách như hai ổ bánh mì”, đem chôn dưới đồng đồ nát ở các lối vào. Các cuộc tấn công của Đức, Grossman viết, rốt cuộc cũng cùn nhụt trước sự ‘lì lợm ngang ngạnh Sibir’. Một tiểu đoàn công binh Đức chỉ trong một cuộc tấn công lúc đó đã thương vong đến 40%. Chỉ huy đến thăm lính, lặng thinh trở về, mặt bạc như vôi.

Các sư đoàn của Chuikov cũng thiệt hại nặng, kiệt sức và rất thiếu đạn. Thế nhưng ngày 5 tháng 10, Tướng Golikov, phó của Yerenenko, lại sang sông để chuyển đến mệnh lệnh của Stalin rằng thành phố phải đứng vững và những phần bị mất phải giành lại. Chuikov bỏ ngoài tai những chỉ thị bất khả thi đó. Ông biết rằng cơ hội duy nhất để ông giữ được thành phố tùy thuộc ở những trận pháo kích dồn dập từ bên kia sông. Chẳng bao lâu sau quân Đức đã cho thấy những lời thúc giục của Yerenenko là vô lý. Sau một ngày 6 tháng 10 tương đối yên tĩnh, họ lại tấn công dữ dội vào nhà máy chế tạo máy kéo Stalingrad với Sư đoàn tăng số 14 tấn công từ phía tây nam và Sư đoàn cơ giới số 60 từ phía tây. Một trong các tiểu đoàn của Sư đoàn số 60 gần như bị tiêu diệt hoàn toàn bởi các loạt *Katyusha* bắn hết tầm. Sở dĩ nâng được tầm lên là nhờ đế bánh sau của xe dàn phóng thò ra ngoài vệ sông dốc đứng. Trong khi đó, một phần của Sư đoàn tăng số 16 tấn công vào vùng ngoại vi công nghiệp Spartakovka, đẩy lùi tàn quân của Sư đoàn súng

trường số 112 và Lữ đoàn đặc biệt số 124. Quân của Chuikov bây giờ chỉ còn một rẻo đất đã thu lại rất hẹp dọc bờ tây, cảm thấy như mình sắp bị đẩy xuống sông đến nơi.

* * *

Vượt sông Volga ngày càng trở nên nguy hiểm vì phạm vi kiểm soát của Tập đoàn quân số 62 đã co hẹp lại nghiêm trọng. Các pháo đội Đức, ngay cả súng máy cũng dư sức bắn đến các điểm đổ bộ. Một cây cầu phao hẹp đã được tiểu đoàn đường thủy sông Volga đến từ Yaroslavl bắc từ cù lao Zaitsevsky sang bờ tây. Nó cho phép những đoàn người liên tục như đàn kiến tải lương thực và đạn dược sang sông trong đêm. Kích thước nhỏ gọn của nó thu nhỏ mục tiêu, nhưng bước lên những tấm ván dập dềnh liên tục, lại thêm đạn pháo rơi xuống hai bên khiến mỗi chuyến qua lại sợ đến thót tim. Các tàu hàng vẫn còn cần để chuyên chở những thứ lớn hơn, nặng hơn, cũng như để chuyển thương binh. Những chiếc xe tăng bổ sung qua sông bằng xà lan. “Trời vừa xẩm tối”, Grossman viết, “những người chịu trách nhiệm vượt sông lục tục chui ra khỏi hầm, boong ke, chiến hào và những nơi ẩn nấp”.

Gần các điểm đổ bộ trên bờ đông là những lò bánh mì đã chiến trong các boong ke, các bếp ngấm cung cấp đồ ăn nóng trong phích, thậm chí còn có cả nhà tắm. Dù tương đối tiện nghi nhưng chính quyền bên bờ đông thì vẫn sắt đá không thua gì bên thành phố. Các tàu hàng và thủy thủ được biên chế vào đại đội dịch vụ đặc biệt số 71, nằm trực tiếp dưới quyền chỉ huy trưởng mới của NKVD, Thiếu tướng Rogatin, người cũng chỉ huy cả cơ quan quân sự của quận bờ sông.

Tỷ lệ thương vong ở các tàu sông cũng tương đương với các tiểu đoàn đánh trận. Chẳng hạn, tàu hơi nước *Lastochka* (Chim Én), trong khi chuyển thương binh đã trúng 10 phát pháo chỉ trong một lần sang ngang. Các thành viên sống sót của đội tàu vá lại các lỗ thủng vào ban ngày và lại sẵn sàng lên đường vào ban đêm. Tổn thất còn do tai nạn vì phải chịu áp lực nữa. Ngày 6

tháng 10 một tàu chở quá tải đã bị lật và trong 20 người có đến 16 chết đuối. Sau đó ít lâu, một tàu khác cập bờ không đúng chỗ vì trời tối và 34 người đã thiệt mạng vì rơi vào bãi mìn. Mặc dù ngày đã hơi muộn nhưng tai nạn đã buộc nhà chức trách “dùng kẽm gai quây bãi mìn lại”.

Sự căng thẳng trong công việc thường đưa người ta đến chỗ rượu chè nếu có dịp. Ngày 12 tháng 10, khi lực lượng NKVD đi lùng bắt những kẻ đào ngũ đã kiểm tra một ngôi nhà trong xóm ven sông ở Tumak, họ phát hiện một “cảnh tượng không hay”. Một thuyền trưởng, một Chính ủy, một trung sĩ coi kho, một hạ sĩ giang đoàn Volga và bí thư đảng bộ địa phương đã “say bét nhè chẳng biết trời đất gì”, theo như báo cáo, và nằm dưới sàn “trong tư thế ngủ với phụ nữ”. Vẫn trong tình trạng say ngất ngư, họ bị lôi đến trước mặt “thủ trưởng của lực lượng NKVD tại Stalingrad, Thiếu tướng Rogatin”.

Cũng có cả những sự cố ngớ ngẩn trên đất liền nữa. Ngày 11 tháng 10, trong lúc cuộc chiến đang diễn ra dữ dội tại nhà máy sản xuất máy kéo Stalingrad, những chiếc T-34 của lữ đoàn tăng số 84 cùng lính Sư đoàn súng trường cận vệ số 37 ngồi quanh tháp pháo và nắp máy phản công sư đoàn tăng Đức số 14 ở mạn tây nam nhà máy. Cả hai đơn vị Soviet này đều mới đến bờ tây. Một lính lái xe tăng vì không nhìn thấy hố đạn qua cửa sập nên lái luôn xuống hố. Theo báo cáo “viên đại đội trưởng bộ binh đang say” nổi khùng bèn nhảy phắt xuống. “Anh ta chạy ra phía trước xe tăng, mở nắp cửa sập bắn liên hai phát vào xe”.

* * *

Trong tuần thứ hai của tháng 10, cuộc chiến tạm lắng. Chuikov đã đúng khi nghi ngờ rằng quân Đức đang chuẩn bị một cuộc tấn công lớn hơn, chắc là có thêm viện binh.

Paulus cũng chịu áp lực từ Hitler giống như Chuikov phải chịu từ Stalin. Ngày 8 tháng 10, Cụm Tập đoàn quân B, theo lệnh từ đại bản doanh của *Fuhrer*, đã chỉ thị cho Tập đoàn quân số 6 chuẩn bị một cuộc tấn công lớn đánh vào phía bắc Stalingrad bắt đầu chậm nhất là vào ngày 14 tháng 10.

Paulus và Ban Tham mưu của mình lo lắng vì tổn thất. Một trong các sĩ quan của ông đã ghi lại trong nhật ký chiến trường rằng Sư đoàn bộ binh số 94 chỉ còn 535 tay súng ở tuyến trước, “như vậy có nghĩa là lực lượng bình quân mỗi tiểu đoàn bộ binh chỉ có 3 sĩ quan, 11 hạ sĩ quan và 62 lính!” Anh ta còn mô tả Sư đoàn bộ binh số 76 là “hết đánh”. Chỉ Sư đoàn bộ binh số 305, tuyển lính từ bờ bắc hồ Constance có thể giữ lại làm dự bị trong Tập đoàn quân số 6 để tăng cường cho các đơn vị chiến đấu.

Quân Đức hò hét, thả tờ rơi, không hề giữ bí mật việc chuẩn bị của mình. Vấn đề là biết chính xác mục tiêu thôi. Các đại đội trinh sát của các sư đoàn Soviet đêm nào cũng đi săn để bắt càng nhiều “lưỡi” càng tốt. Các lính gác xui xẻo hoặc người đưa đồ ăn bị lôi về để hỏi cung khẩn cấp, và các tù binh sợ chết khiếp vì nghe tuyên truyền của Quốc xã về các kiểu tra tấn Bolshevik liền nói như khướu. Ban tình báo của Tập đoàn quân số 62 sau khi tổng hợp các nguồn tin đã nhanh chóng đi đến kết luận rằng mũi đột phá chính một lần nữa sẽ đánh vào nhà máy chế tạo máy kéo, Số công nhân còn lại ở đây và ở Barrikady, vốn đã sửa chữa xe tăng và pháo chống tăng ngay trong lúc chiến đấu, hoặc được lấy vào các tiểu đoàn tuyến trước hoặc được di tản qua sông Volga nếu là chuyên gia.

May cho Tập đoàn quân số 62 là phân tích tình báo của họ chính xác. Mục tiêu của Đức là quét sạch nhà máy chế tạo máy kéo và nhà máy gạch ở mạn nam của nó, sau đó đánh dẫn tới bờ sông Volga. Quyết định mạo hiểm của Chuikov đưa các trung đoàn từ Mamaev Kurgan lên khu phía bắc đã có hiệu quả. Tuy nhiên ông rất lo lắng được biết *Stavka* đã cắt giảm lượng đạn pháo phân phối cho Phương diện quân Stalingrad. Đó là dấu hiệu đầu tiên cho thấy một cuộc tổng phản công đang được chuẩn bị. Đột nhiên, với những cảm xúc lẫn lộn, ông hiểu ra rằng Stalingrad là miếng mồi nhử trong một cái bẫy khổng lồ.

* * *

Vào thứ Hai, ngày 14 tháng 10, đúng 6 giờ sáng theo giờ Đức, cuộc tấn công của Tập đoàn quân số 6 đã bắt đầu trên một trận tuyến hẹp, sử dụng tất cả số Stuka có trong tay Không đoàn số 4 của Tướng Richthofen. “Kín trời máy bay”, một người lính Sư đoàn bộ binh số 389 đang chờ lệnh tấn công ghi lại, “pháo phòng không nổ ran, bom rú rít rơi xuống, máy bay rơi, một cảnh tượng hào hùng mà chúng tôi được chiêm ngưỡng từ dưới chiến hào với biết bao cảm xúc lẫn lộn”. Pháo và súng cối Đức dội lửa xuống các hầm hố, đạn phốt pho đốt cháy mọi thứ cháy được còn lại.

“Trận đánh với tầm vóc khổng lồ vượt ra ngoài mọi kích thước có thể”, một trong các sĩ quan của Chuikov viết. “Lính trong hào giao thông nẩy lên nẩy xuống như trên boong tàu trong cơn bão”. Các Chính ủy rõ ràng bị cảm hứng thôi thúc. “Trong chúng ta ai đã từng nhìn thấy bầu trời đen ngòm của Stalingrad những ngày này”, Dobronin viết cho Shcherbakov ở Moskva, “sẽ không thể nào quên. Nó đầy đe dọa và sát phạt, với những lưới lửa đỏ bầm liếm khắp bầu trời”.

Trận đánh mở đầu bằng cuộc tấn công chính vào nhà máy sản xuất máy kéo từ hướng tây nam. Đến trưa, một phần Quân đoàn tăng số 14 quay sang từ hướng bắc đánh xuống. Chuikov không chút do dự. Ông điều ngay lực lượng thiết giáp chủ lực của mình là lữ đoàn tăng số 84 đối đầu với đòn tấn công chính của 3 sư đoàn bộ binh có Sư đoàn tăng số 14 đi mở đường. “Sự yểm trợ của vũ khí hạng nặng cho chúng tôi là mạnh mẽ khác thường”, một hạ sĩ quan Sư đoàn bộ binh số 305 viết. “Mấy khẩu đội Nebelwerfer, Stuka quần thảo trên trời, pháo tự hành nhiều chưa từng thấy trút lửa xuống quân Nga đang điên cuồng chống cự mãnh liệt”.

“Đó là một trận đánh tận lực, kinh hoàng”, một sĩ quan Sư đoàn tăng số 14 viết, “trên và dưới mặt đất, trong các đồng đồ nát, hầm hào, cống rãnh của nhà máy. Xe tăng leo qua những đồng gạch vụn cùng sắt thép rồi nghiền xịch xuyên qua các nhà xưởng ngổ ngang, bắn nhau ngay bên trong các sân hẹp. Nhiều xe tăng rung chuyển hoặc nổ tung bởi sức mạnh của mình chống tăng địch”. Đạn pháo bắn vào các cấu trúc thép kiên cố trong các nhà xưởng tóe lửa như mưa, giữa màn khói bụi dày đặc vẫn thấy được.

Sức chịu đựng của chiến sĩ Soviet thật phi thường nhưng họ không chịu nổi sức mạnh của mũi tấn công chính. Trong buổi sáng đầu tiên, xe tăng Đức đã chọc thủng, chia cắt Sư đoàn cận vệ số 37 của Viktor Zholudev và Sư đoàn súng trường số 112. Tướng Zholudev bị một tiếng nổ lớn vùi lấp trong boong ke của ông, một chuyện thường trong cái ngày kinh khủng đó. Lính của ông đã đào bới kéo ông ra, đưa tới Sở Chỉ huy Tập đoàn quân. Những người khác lại nhặt vũ khí của đồng đội hy sinh, đánh tiếp. Các xe tăng Đức lấm lem bụi đất xộc thẳng vào các nhà xưởng lớn của nhà máy máy kéo như những quái vật tiền sử, khạc lửa đạn tứ phía, nghiền nát những mảng kính rơi từ sân trời dưới xích sắt. Trong trận đánh giáp lá cà tiếp đó, không còn biết đâu là chiến tuyến nữa. Các nhóm quân cận vệ của Zholudev di chuyển ngang qua bất thần đánh vào không biết từ phía nào. Trong điều kiện đó, một sĩ quan quân y Đức khôn ngoan đã dựng trạm cứu thương ngay bên trong lò luyện thép.

Đến ngày thứ hai của cuộc tấn công, 15 tháng 10, Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 cảm thấy đã có thể ghi nhận: “Phần lớn nhà máy chế tạo máy kéo đã vào tay chúng ta. Chỉ còn sót vài ổ đề kháng phía sau chiến tuyến của ta”. Sư đoàn bộ binh số 305 cũng đẩy được quân Nga sang bên kia đường tàu ở đoạn nhà máy gạch. Đêm đó, sau cú thọc sâu của Sư đoàn tăng số 14 vào nhà máy chế tạo máy kéo, Trung đoàn bộ binh cơ giới số 103 tảo bạo lao đến bờ sông bên cạnh các bồn dầu và bị bộ binh Soviet từ các khe rãnh đổ ra đón đánh. May cho Tập đoàn quân số 62, trước đó Chuikov đã buộc phải dời sở chỉ huy vì thông tin liên lạc quá kém. Trận đánh khó bề lường. Lữ đoàn tăng số 84 cho biết đã tiêu diệt “hơn 30 xe tăng phát xít hạng trung và hạng nặng” và bên ta mất 18 xe. Thiệt hại về người của lữ đoàn “vẫn đang đếm lại” khi báo cáo được chuyển đến sau đó hai ngày. Mặc dù con số thương vong của Đức có hơi quá song các chỉ huy cấp dưới của lữ đoàn đã thể hiện tinh thần dũng cảm đáng phục hôm đó.

Babachenko, Chính ủy một trung đoàn pháo binh hạng nhẹ, được phong Anh hùng Liên Xô vì lòng dũng cảm khi một khẩu đội bị bao vây cô lập. Ở sở chỉ huy nhận được từ họ một bức điện vĩnh quyết như sau: “Pháo đã hủy. Khẩu đội bị bao vây. Chúng tôi sẽ tiếp tục chiến đấu, quyết không đầu hàng.

Chào hết thầy mọi người”. Tuy nhiên, bằng lựu đạn, súng trường và tiểu liên, các pháo thủ đã phá vây và lập trận địa mới, giúp khôi phục lại tuyến phòng thủ khu vực.

Còn vô số những tấm gương anh hùng của những người lính bình thường không được nhắc đến - “chủ nghĩa anh hùng tập thể thực sự”, như cách nói của các Chính ủy. Cũng có những tấm gương cá nhân anh hùng được công bố như một đại đội trưởng thuộc Sư đoàn súng trường cận vệ số 37, Trung úy Gonychar, với một khẩu súng máy cướp được của địch cùng bốn người nữa đã đánh tan một cuộc tấn công của Đức vào đúng thời khắc hiểm nghèo. Không ai biết có bao nhiêu chiến sĩ Hồng quân hy sinh trong hôm đó, nhưng có 3.500 thương binh đã được chuyển qua sông Volga đêm ấy. Các chiến sĩ tải thương làm việc quá sức cũng chịu nhiều tổn thất đến nỗi nhiều thương binh đã phải tự bỏ ra bờ sông.

* * *

Các chỉ huy Đức ngoài thảo nguyên liên tục đòi cập nhật thông tin về diễn biến trong thành phố. “Trường nhà máy, dây chuyền lắp ráp, toàn bộ các cấu trúc lớn đã sụp đổ dưới sức công phá của bom”, Tướng Strecker viết cho bạn, “nhưng quân địch cứ vẫn xuất hiện, lợi dụng những đồng đồ nát mới hình thành để củng cố trận địa phòng thủ”. Một số tiểu đoàn Đức chỉ còn 50 người. Họ đưa xác đồng đội về phía sau ngay trong đêm để chôn cất. Chắc chắn trong hàng ngũ Đức đã có những lời giễu cợt giới lãnh đạo nổi lên. “Ông tướng của bọn con”, một người lính thuộc Sư đoàn số 389 viết về nhà, “Jeneke (Jaenecke) là tên ông ấy, đã nhận được huân chương Chữ thập Hiệp sĩ vào ngày hôm kia. Giờ thì ông ấy đã đạt được mục tiêu”.

Trong sáu ngày chiến đấu, kể từ 14 tháng 10, không quân Đức vẫn thay phiên nhau đánh các bến bãi và quân vượt sông. Hiếm khi máy bay Đức vắng bóng trên trời. “Rất cần sự hỗ trợ của máy bay chiến đấu bên ta”, Ban Chính trị Phương diện quân Stalingrad gửi điện về Moskva phê phán không quân của Hồng quân. Thực ra Tập đoàn không quân số 8 chỉ còn chưa đến

200 máy bay các loại, trong đó chỉ có khoảng 20 máy bay chiến đấu. Thế nhưng các phi công Luftwaffe ngày càng đồng tình với nỗi ngờ vực của lực lượng dưới đất rằng quân phòng thủ bên Nga chắc có phép tàng hình. “Tôi không thể hiểu nổi”, một người viết về nhà, “làm sao người ta có thể sống sót trong địa ngục đó, thế mà quân Nga vẫn thủ kỹ trong các đồng đồ nát, các hang hốc, hầm hào và những khung sắt chổng chơ vốn là của các nhà máy”. Những phi công này hiểu rằng uy lực của họ sẽ giảm nhanh khi ngày gần dần và thời tiết xấu đi.

* * *

Đòn thọc sâu thành công của Đức đến sông Volga ngay dưới nhà máy máy kéo Stalingrad đã chia cắt hẳn phần còn lại của Sư đoàn súng trường số 112 và các lữ đoàn dân quân phải đối đầu với Quân đoàn tăng số 14 từ phía bắc và phía tây. Trong khi các nhóm lẻ bị bao vây thuộc Sư đoàn súng trường cận vệ số 37 của Zholudev vẫn tiếp tục chiến đấu trong nhà máy máy kéo thì tàn quân của các đơn vị khác bị ép xuống phía nam. Nguy cơ cực lớn cho sự tồn vong của Tập đoàn quân số 62 là đòn thọc sâu của Đức đến tận bờ sông, chia cắt sư đoàn của Gorishnii khỏi tuyến sau.

Sở chỉ huy mới của Chuikov luôn đối diện với nguy cơ thường trực. Các nhóm cận vệ của nó thường xuyên phải chiến đấu. Vì Tập đoàn quân số 62 luôn bị mất liên lạc nên Chuikov xin phép cho nhóm hậu tuyến của sở chỉ huy sang bên bờ trái, trong khi nhóm tiền phương, gồm cả hội đồng quân sự ở lại bờ đông. Yermenko và Khrushchev do thừa biết phản ứng của Stalin nên gạt phắt.

Cũng vào ngày 16 tháng 10, quân Đức từ nhà máy máy kéo ép xuống nhà máy Barrikady, nhưng các xe tăng Nga chôn trong đồng đồ nát phối hợp với các loạt rocket *Katyusha* từ bờ sông đã kịp bẻ gãy các đợt tấn công. Đêm đó, phần còn lại của Sư đoàn súng trường số 138 của Ivan Lyudnikov được đưa qua sông. Từ dưới tàu lên, họ đã phải bước qua “hàng trăm thương binh

đang bò về phía bên”. Số quân mới đến được tung vào đoạn phòng thủ nằm bắt chéo ngay phía bắc nhà máy Barrikady.

Tướng Yeremenko cũng qua sông đêm đó để trực tiếp thị sát tình hình. Nặng nề vì cây gậy chống sau vết thương năm ngoái, ông leo lên bờ sông đến cái boong ke chật chội của Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 62. Các hố bom đạn và những khúc gỗ nát tươm của các căn hầm bị trúng bom trông chẳng còn ra hình thù gì. Đồ vật và những người còn sống thì bê bối tro bụi. Tướng Zholudev ứa nước mắt khi tính lại thiệt hại của sư đoàn ông trong nhà máy máy kéo. Tuy thế, sau khi Yeremenko rời đi thì hôm sau Bộ Tư lệnh Phương diện quân cảnh báo Chuikov rằng đạn dược sẽ còn bị cắt giảm thêm nữa.

* * *

Sau khi quân Đức chia cắt các lực lượng Soviet ở phía bắc nhà máy máy kéo Stalingrad vào đêm 15 tháng 10, Chuikov nhận thông báo của họ, tin vui thì ít mà chỉ “nhiều yêu cầu” từ sở chỉ huy của Sư đoàn súng trường số 112 và Lữ đoàn đặc biệt số 115 xin phép rút qua sông Volga. Cả hai sở chỉ huy rõ ràng đã cung cấp “thông tin sai”, nói rằng các trung đoàn của họ đã bị đẩy bật ra ngoài. Yêu cầu rút quân này tương đương với tội phản quốc theo lệnh của Stalin, đã bị từ chối. Giữa lúc ngưng chiến mấy ngày sau, Chuikov cử Đại tá Dmitrii Kamynin đến khu vực biệt lập đó để kiểm tra tình hình các trung đoàn. Ông nhận thấy Sư đoàn súng trường số 112 còn 589 người, trong khi Lữ đoàn đặc biệt số 115 còn tới 890 người. Chính ủy cao cấp, theo báo cáo, “đáng lẽ tổ chức phòng ngự tích cực... thì lại không thò đầu khỏi boong ke, cứ rối rít ép chỉ huy phải rút qua sông Volga”. Vì “hành động phản bội công cuộc phòng thủ Stalingrad” và “sự hèn nhát cùng cực”, các sĩ quan cao cấp và các Chính ủy sau đó đã bị tòa án binh hội đồng quân sự Tập đoàn quân số 62 xét xử. Số phận của họ ra sao không thấy ghi, nhưng khó mà mong được Chuikov nhẹ tay.

Những cuộc tấn công quấy rối được Phương diện quân sông Đồng tiến hành vào ngày 19 tháng 10 về hướng tây bắc và Tập đoàn quân số 64 về hướng nam. Các nỗ lực này đã làm giảm áp lực lên Tập đoàn quân số 62 chỉ được vài ngày, nhưng khoảng lấy hơi đó đã đủ để rút các trung đoàn bị đánh tơi tả qua sông để chinh đồn lại bằng quân số bổ sung. Sự giúp đỡ về mặt tinh thần đến theo một cung cách lạ lùng. Tin đồn lan ra rằng đồng chí Stalin đã đích thân đến thành phố. Một người Bolshevik kỳ cựu từng chiến đấu trong cuộc vây hãm Tsaritsyn ngày trước quả quyết rằng Lãnh tụ Vĩ đại đã xuất hiện tại sở chỉ huy của ông trước đây. Chuyến viếng thăm này chẳng khác gì thánh James hiển linh trước toàn quân Tây Ban Nha trong trận đánh quân Moors, khó mà là sự thật.

Tuy thế có một danh nhân dân sự rất muốn đến thăm bờ tây vào dịp này. Đó là Dmitry Manuilsky, một nhân vật kỳ cựu của Quốc tế Cộng sản chuyên trách về Đức, người đã từng lập ra một kế hoạch bất thành cùng Karl Radek tiến hành cuộc cách mạng Đức lần thứ hai vào tháng 10 năm 1923 trước khi Lenin qua đời. Ông có một mối quan tâm đặc biệt mà về sau mới lộ ra, nhưng Chuikov đã nhất quyết từ chối yêu cầu thăm bờ tây của ông.

* * *

Còn ở Berlin, tâm trạng của Goebbels lại một lần nữa trời sục giữa niềm tin rằng Stalingrad thất thủ là chuyện đương nhiên - ông đã ra chỉ thị ngày 19 tháng 10 rằng tất cả những ai nhận được Chữ thập Hiệp sĩ đều phải được đưa về để phỏng vấn - vào những lúc có thể. Lo rằng người dân Đức có thể thất vọng với bước tiến chậm chạp, ông cho rằng họ cần phải nhớ quân Đức đã tiến được bao xa chỉ trong 16 tháng qua. Ông ra lệnh các thành phố phải đặt bảng chỉ đường nêu rõ khoảng cách từ đó đến Stalingrad. Ba hôm sau ông lại ra lệnh những cái tên như Thám Mưu Đỏ và Chiến Lũy Đỏ (Red Barricade) cần phải tránh nhắc tới bằng mọi giá khi làm phóng sự về trận đánh ác liệt, để phòng nó khích lệ “tự tập tiêm nhiễm cộng sản”.

Trong lúc diễn ra các trận đánh lớn ở khu công nghiệp phía bắc, trận chiến trong nhà với những đợt tấn công và phản công qua lại trong từng khu, đã lại tiếp nối ngay trong trung tâm thành phố. Một trong những trường đoạn nổi tiếng nhất trong trận Stalingrad là trận bảo vệ “ngôi nhà Pavlov” kéo dài tới 58 ngày.

Vào cuối tháng 9, một trung đội thuộc Trung đoàn cận vệ số 42 đã chiếm tòa nhà bốn tầng trông ra một quảng trường, cách điểm cao bờ sông chừng 300 m. Chỉ huy của họ, Trung úy Ivan Afanasiev bị mù từ đầu trận đánh nên Trung sĩ Yakov Pavlov lên thay. Họ phát hiện thấy có mấy người dân trong tầng hầm, họ đã ở đây suốt trận chiến. Một trong số đó, Maria Ulyanova, đã tích cực tham gia phòng thủ. Lính của Pavlov đục thông hầm để tiện liên lạc, khoét các lỗ trên tường làm lỗ châu mai cho súng máy và súng trường chống tăng nòng dài. Khi xe tăng đến gần, quân của Pavlov tản ra, xuống hầm hay lên tầng trên, nơi họ có thể đánh ở cự ly gần. Lính tăng Đức sẽ không thể ngóc nòng pháo chính lên đến nơi để bắn trả. Sau này Chuikov thích nhấn mạnh rằng lính của Pavlov giết được nhiều địch hơn số lính mà Đức mất trong trận đánh chiếm Paris. (Yakov Pavlov được phong Anh hùng Liên Xô, về sau trở thành Tu Viện trưởng Kyrill trong một tu viện ở Sergievo - tên cũ là Zagorsk - nơi ông đã thu hút được một giáo đoàn đông đảo các tín đồ mà chả liên quan gì đến danh tiếng của ông ở Stalingrad. Giờ ông đã yếu lắm rồi)^[54].

Một chuyện khác, đúng hơn là các đoạn ngắn gom góp từ những bức thư, liên quan đến Trung úy Charnosov, một trinh sát pháo binh thuộc Trung đoàn pháo số 384. Vị trí quan sát của anh là trên nóc một tòa nhà bị đạn pháo bắn nham nhở, từ đó anh có thể hiệu chỉnh cho pháo bắn trúng đích. Đây là lá thư cuối cùng anh viết cho vợ: “Chào Shura! Anh gửi nhiều cái hôn cho hai con chim nhỏ Slavik và Lydusia. Anh vẫn khỏe. Anh đã bị thương hai lần nhưng chẳng qua chỉ là những vết xước và anh vẫn chỉ dẫn cho các pháo đội của mình ngon lành. Giờ đã đến lúc thành phố mang tên lãnh tụ kính yêu, thành phố Stalin, bước vào cuộc chiến cam go. Trong những ngày chiến đấu gian khổ này, anh đang báo thù cho nơi chốn nhau cắt rốn Smolensk, nhưng đêm đến anh lại xuống tầng hầm cho hai đứa nhóc tóc

vàng ngời vào lòng. Chúng làm anh nhớ đến Slavik và Lyda”. Trên thi thể anh người ta tìm thấy lá thư vợ anh gửi đến. “Em rất mừng biết anh chiến đấu giỏi”, cô viết, “và biết anh được tặng huân chương. Hãy chiến đấu đến giọt máu cuối cùng và đừng để chúng bắt được anh vì trại tù binh còn tệ hơn cả cái chết nữa”.

Những lá thư qua lại này quá là mẫu mực nhưng vào thời đó lại rất phổ biến. Chúng có thể rất chân thật, nhưng cũng như nhiều thứ khác, chúng chỉ bộc lộ một phần sự thật. Khi người lính ngồi vào một góc hào hoặc căn hầm thiếu ánh sáng để viết về nhà, họ thường khó trải hết nỗi lòng. Một tờ giấy duy nhất, sau đó được gấp lại thành hình tam giác như một con thuyền giấy vì không có phong bì, có vẻ quá lớn nhưng cũng quá nhỏ cho họ. Rút lại, lá thư còn ba chủ đề chính: hỏi thăm mọi việc ở nhà, làm yên lòng (“Anh vẫn bình thường — vẫn sống”) và kể chuyện chiến đấu (“bọn anh vẫn đều đều tiêu diệt người và phương tiện của địch. Dù ngày hay đêm bọn anh cũng không để chúng yên”). Chiến sĩ Hồng quân ở Stalingrad ý thức rõ ràng cả nước đang hướng về họ, nhưng nhiều người phải lược bớt vài chỗ trong thư vì họ biết ban đặc biệt kiểm duyệt thư từ rất kỹ.

Thậm chí khi họ muốn lánh đi để viết thư cho vợ hay người yêu thì cuộc chiến luôn canh cánh bên lòng, một phần vì giá trị của một người được đánh giá qua ý kiến của đồng đội và chỉ huy. “Maria”, một người tên Kolya viết, “Anh chắc em sẽ nhớ buổi tối cuối cùng ta bên nhau. Bởi vì bây giờ, vào giây phút này, là đúng một năm chúng ta xa nhau. Và rất khó để anh nói lời tạm biệt với em. Thật là buồn, nhưng ta phải chia tay vì đó là mệnh lệnh của tổ quốc. Ta thực hiện nó hết sức mình. Tổ quốc đòi hỏi những người đang bảo vệ thành phố này phải kháng cự đến cùng. Và bọn anh đang thực hiện mệnh lệnh đó”.

Phần lớn lính Nga lòng cảm xúc cá nhân vào trong đại nghiệp Chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại. Có thể họ sợ kiểm duyệt nhiều hơn lính Đức; có thể do lòng yêu nước và khái niệm hy sinh qua tâm trí họ trở thành thứ gì đó còn hơn cả một câu khẩu hiệu ý thức hệ. Nó gần như đã ngấm vào máu, một đòi hỏi đạo đức trước kẻ xâm lược. “Người ta có thể chỉ trích anh”, một trung úy Hồng

quân ở Stalingrad viết cho vợ mới cưới mới vài tuần, “nếu họ đọc trong lá thư này lý do tại sao anh chiến đấu vì em. Nhưng anh không thể phân biệt rõ đâu là em còn đâu là tổ quốc. Với anh đó là một”.

So sánh những lá thư viết về nhà của sĩ quan và binh lính hai bên cho ta biết nhiều điều. Trong nhiều thư của phía Đức gửi từ Stalingrad lúc đó thường thấy rõ sự oán hận, vỡ mộng, thậm chí có ý không muốn tin những gì đang diễn ra, như thể đây không còn là cuộc chiến mà họ đã dần thân vào. “Anh thường tự hỏi mình”, một trung úy Đức viết cho vợ, “tất cả những chịu đựng này để làm gì. Loài người điên hết rồi hay sao? Thời buổi kinh hoàng này sẽ để lại dấu ấn vĩnh viễn cho nhiều người trong bọn anh”. Và bất chấp những tuyên truyền lạc quan về sự tất thắng, ở nhà nhiều người vợ đã cảm nhận được sự thật: “Em không thể thôi lo lắng. Em biết anh đang phải chiến đấu thường xuyên. Em sẽ luôn là người vợ thủy chung của anh. Cuộc sống của em thuộc về anh và thuộc về thế giới của chúng ta”.

Cũng có một số lượng đáng kể những người lính Nga đã quên mất thư của mình sẽ bị kiểm duyệt hoặc đã quá nản rồi, chẳng thiết gì cả. Nhiều người phàn nàn về suất ăn. “Dì Lyuba”, một người lính trẻ viết, “xin dì gửi cho con ít đồ ăn. Con rất xấu hổ phải hỏi xin dì, nhưng mà con đói quá không chịu nổi”. Nhiều người thú nhận rằng mình đã bệ rạc đến nỗi phải bới rác, người khác thì kể với người ở nhà rằng binh lính ốm đau “vì ăn uống tệ hại và điều kiện thiếu vệ sinh”. Một người lính bị kiệt lực viết: “Nếu cứ tiếp tục thế này thì không cách gì tránh được dịch bệnh. Chúng tôi còn có cả chấy rận, đó là nguồn lan truyền dịch bệnh hàng đầu”. Quả nhiên người lính nói không sai. Ở bệnh viện 4169, những người lính bị sốt phát ban nhanh chóng bị cách ly. Các bác sĩ cho rằng “thương binh bị lấy sốt phát ban từ dân địa phương trên đường đến viện và nó cứ thế lây lan ra”.

Cũng như những lời phàn nàn về đồ ăn và điều kiện sống, dấu hiệu hoang mang cũng lộ rõ. Các Chính ủy luôn nhảy dựng lên khi thoáng thấy bóng mình thì chắc hẳn phải không yên khi biết kết quả kiểm duyệt thư từ của NKVD. “Chỉ riêng ở Tập đoàn quân số 62, trong nửa đầu tháng 10, bí mật quân sự đã bị tiết lộ trong 12.747 thư”, Cục Chính trị báo cáo về Moskva.

“Một số thư có những phát ngôn chống Soviet, ca ngợi quân đội phát xít và thiếu lòng tin vào chiến thắng của Hồng quân”. Có một số dẫn chứng được đưa ra. “Hàng trăm hàng ngàn người chết mỗi ngày”, một người lính viết cho vợ. “Bây giờ khó đến mức anh chẳng thấy đường ra nữa. Trong khi hầu hết dân Nga đang sống bằng súp rau tập tàng và cây cỏ dại, một người lính Trung đoàn súng trường số 245 viết về nhà: “Ở hậu phương hẳn người ta đang hô hào tất cả cho tiền tuyến, nhưng ở tiền tuyến bọn anh chẳng có gì. Đồ ăn thì tệ hại mà lại ít. Những gì họ nói đều khó tin được”. Hầu như mọi thứ chân thực trong thư viết về nhà đều nguy hiểm chết người. Một trung úy viết rằng “máy bay Đức rất tốt... phòng không bọn anh chỉ bắn rơi được rất ít” liền bị quy kết là phản bội.

Nguy hiểm không chỉ ở khâu kiểm duyệt. Một anh chàng người Ukraina 18 tuổi hết sức ngờ nghệch, được lấy vào lính để bổ sung cho sư đoàn Rodimtsev, bảo với đồng đội rằng không nên tin tất cả những gì người ta nói về quân địch: “Ở vùng tạm chiếm, tôi còn cha già với đứa em gái mà quân Đức ở đó chả giết hay cướp gì của ai. Họ đối xử với dân tốt lắm. Em gái tôi đang làm cho Đức đấy”. Đồng đội bèn tóm ngay anh ta. “Công tác điều tra đang được tiến hành”, báo cáo gửi về Moskva kết luận.

* * *

Một dạng đề cao chính trị trong Hồng quân lúc đó đã đỡ hơn. Stalin trong một chính sách được cân nhắc kỹ nhằm động viên tinh thần đã đưa ra một hình thức khen thưởng rõ ràng có hơi hướng bảo thủ là huân chương Kutuzov và Suvorov. Nhưng sửa đổi công khai nhất của ông được công bố vào ngày 9 tháng 10 là Sắc lệnh số 307 phục hồi chế độ một thủ trưởng. Các Chính ủy bị đẩy xuống vai trò cố vấn và “giáo dục”.

Các Chính ủy mới tá hỏa phát hiện ra các sĩ quan Hồng quân bất mãn với họ thế nào. Cá biệt có một số sĩ quan trong các trung đoàn không quân nghe đâu còn lảng mạ họ. Cục Chính trị Phương diện quân Stalingrad đã phàn nàn về “thái độ hết sức không đúng” đã xuất hiện. Một trung đoàn trưởng bảo

Chính ủy của mình: “Chưa được phép của tôi, anh không được vào nói chuyện với tôi”. Các Chính ủy khác nhận thấy “tiêu chuẩn sinh hoạt của mình giảm sút”, vì họ “buộc phải ăn cùng lính”. Ngay cả một thiếu úy cũng dám nhận xét rằng họ không thấy lý do gì các Chính ủy lại ăn lương sĩ quan cả, “vì họ không còn chịu trách nhiệm gì hết, chỉ đọc báo rồi đi ngủ”. “Nói rằng các Chính ủy đã hết thời”, Dobronin viết cho Shcherbakov rõ ràng có ý tìm kiếm sự hậu thuẫn, là “một tuyên bố phản cách mạng”. Trước đó, Dobronin đã bày tỏ quan điểm của mình vào đầu tháng 10, ông báo cáo mà không phê phán rằng một người lính đã nói: “Người ta đã đặt ra huân chương Kutuzov và Suvorov. Giờ nên ra tiếp huân chương Thánh Nikolai và Thánh Georgi nữa, thế là xong Liên bang Soviet”.

Các phần thưởng chính của cộng sản — danh hiệu Anh hùng Liên Xô, huân chương Cờ Đỏ, huân chương Sao Đỏ - dĩ nhiên vẫn được coi trọng trong chính giới, kể cả huân chương Sao Đỏ đã thành một thứ tương tự như tiêu chuẩn Stakhanovite^[55] cấp cho ai bắn được một xe tăng Đức. Thế rồi trong đêm 26 tháng 10, chủ nhiệm quân lực của Tập đoàn quân số 64 bị mất một chiếc cặp đựng 40 huân chương Cờ Đỏ trong lúc chờ phà qua sông Volga, anh ta cuống hết cả lên. Ai cũng tưởng bản kế hoạch phòng thủ cho cả mặt trận Stalingrad bị mất. Cuối cùng, vào ngày hôm sau chiếc cặp được tìm thấy ở cách đó hai dặm. Chỉ duy nhất một huân chương bị mất. Thủ phạm chắc là một anh lính, sau khi uống sừng sừng mới nghĩ rằng công lao mình ở mặt trận chưa được đánh giá đúng. Chủ nhiệm quân lực phải ra tòa án binh vì can tội “bất cẩn”.

Trái lại, binh lính lại có thái độ thiết thực hơn đối với các biểu tượng của lòng dũng cảm đó. Khi có ai nhận được huân chương, đồng đội bỏ nó vào một ca rượu bắt anh ta uống cạn không để sót giọt nào.

* * *

Những ngôi sao Stakhanovite thực sự của Tập đoàn quân số 62 không phải các dũng sĩ diệt tăng mà là các tay súng bắn tỉa. Một phong trào tôn

vinh bắn tia được phát động, và nhân sắp đến kỷ niệm 25 năm Cách mạng Tháng Mười, tuyên truyền xung quanh thứ nghệ thuật nhằm-bắn ấy được đẩy cao với “một đợt thi đua xã hội chủ nghĩa mới tiêu diệt nhiều tên Fritz nhất”. Một tay súng hạ được 40 tên địch sẽ nhận được huy chương “Vì lòng dũng cảm”, và danh hiệu “tay súng công huân”.

Tay súng lừng danh nhất trong đó, tuy không phải là hạ được nhiều địch nhất, là Zaitsev thuộc sư đoàn của Batyuk, trong dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười đã nâng thành tích của mình lên con số 149 tên Đức. (Anh đặt chỉ tiêu 150 nhưng còn thiếu 1). Người có thành tích cao nhất chỉ được biết theo biệt danh là “Zikan”, giết được 224 tên Đức cho đến ngày 20 tháng 11. Với Tập đoàn quân số 62, anh chàng lăm lè Zaitsev, một người chần gia súc dưới chân dãy Urals, còn oai hơn cả một người hùng thể thao. Con số cập nhật thành tích của anh ta được mọi người thán phục truyền miệng cho nhau khắp mặt trận.

Zaitsev, trong tiếng Nga nghĩa là thỏ, được giao huấn luyện các tay súng trẻ nên học trò của anh được gọi là *zaichata* tức là thỏ con. Đó là khởi đầu của “phong trào bắn tia” trong Tập đoàn quân số 62. Các hội nghị điển hình được tổ chức để nhân rộng chủ thuyết bắn tia, và trao đổi kinh nghiệm. Phương diện quân sông Đông và Tây Nam cũng học tập “phong trào bắn tia” và cũng sản sinh ra những ngôi sao của mình, như Trung sĩ Passar thuộc Tập đoàn quân số 21. Anh đặc biệt hãnh diện với “độc chiêu” bắn vào đầu, thành tích là 103 mạng.

Các tay súng không phải người Nga cũng được lựa chọn để ca ngợi: Kucherenko, một người Ukraina, diệt được 19 tên, và một người Uzbek thuộc Sư đoàn súng trường số 169 đã diệt 5 tên trong ba ngày. Ở Tập đoàn quân số 64, tay bắn tia Kovbasa (tiếng Ukraina nghĩa là xúc xích) hoạt động trong một trận địa gồm ít nhất ba chiến hào, một để ngủ và hai để bắn, tất cả nối thông với nhau. Thêm vào đó, anh còn đào các trận địa giả bên cạnh, ngay phía trước các trung đội bạn. Ở đó anh cắm mấy lá cờ trắng gắn các đèn bẫy có thể giật dây từ xa. Kovbasa tự hào tuyên bố rằng khi tên Đức trông thấy cờ trắng của anh vẫy vẫy, thế nào hắn ta cũng nhô lên khỏi chiến

hào để nhìn cho rõ và hét “*Rus, komm, komm!*” (Lại đây, Nga) Kovbasa nhà ta lúc đó sẽ hạ hấn từ hướng khác. Danielov ở trung đoàn súng trường số 161 cũng đào hào giả và dựng bù nhìn đeo vài món trang bị của Hồng quân. Sau đó anh chờ mấy tên lính Đức lớ ngớ bắn vào đó. Bốn tên như vậy đã bỏ mạng. Ở Sư đoàn súng trường cận vệ số 13, Thượng sĩ Dolymin phục trên gác xép, cứ nhè mấy tên bắn đại liên và pháo dã chiến mà nổ. Nhưng các mục tiêu có giá nhất vẫn là đám hiệu chỉnh pháo của Đức. “Trong hai ngày (hạ sĩ Studentov) đã rình được một sĩ quan quan sát và đã hạ hấn ngay phát đầu tiên”. Studentov hứa sẽ hạ đủ 170 tên Đức vào dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười. Hiện anh đã bỏ túi 124 tên.

Tất cả các tay súng ngôi sao đều có kỹ thuật riêng và nơi phục ưa thích. “Tay súng công huân” Ilin có thành tích “185 tên Fritz” đôi khi dùng một cái thùng cũ hoặc đường ống để phục kích. Ilin là Chính ủy của một trung đoàn súng trường cận vệ, hoạt động trong khu vực nhà máy Tháng Mười Đỏ. “Bọn phát xít sẽ được nếm sức mạnh của vũ khí trong tay siêu nhân Soviet”, anh tuyên bố và hứa sẽ huấn luyện 10 tay súng khác.

Một số nguồn tin Soviet cho hay, quân Đức đã đưa người đứng đầu trường dạy bắn tĩa sang để săn Zaitsev, nhưng Zaitsev khôn hơn. Sau mấy ngày rình, Zaitsev đã phát hiện đối thủ nấp dưới một tấm tôn lượn sóng và bắn chết hấn. Kính ngắm lấy từ khẩu súng của người này nghe nói là chiến lợi phẩm quý giá nhất của Zaitsev, hiện đang được trưng bày tại Bảo tàng các lực lượng vũ trang ở Moskva, song câu chuyện ly kỳ" này vẫn chưa được thuyết phục cho lắm. Đáng chú ý là chuyện này không hề được nhắc đến trong các báo cáo gửi Shcherbakov, trong khi hầu như mọi khía cạnh của “phong trào bắn tĩa” đều có báo cáo.

Grossman rất ấn tượng với tính cách và cuộc đời của các tay bắn tĩa. Ông biết rõ Zaitsev và vài người nữa, có cả Anatoly Chekov. Chekov đã theo cha, một người nghiện rượu, vào làm việc trong nhà máy hóa chất. Anh biết rõ “mặt tối của cuộc đời” từ lúc bé, nhưng cũng phát lộ tình yêu với môn địa lý và giờ đây mơ được đi đến cùng trời cuối đất trong những ngày dài năm phục kích chờ con mồi xuất hiện. Hóa ra Chekov là một trong các sát thủ tài

năng bắn sinh mà chiến tranh mang đến. Anh đã từng nổi bật trong trường bắn tĩa và chàng trai 20 tuổi ở Stalingrad này dường như anh không biết sợ - “hệt như đại bàng không sợ độ cao”. Anh có kỹ năng hiểm có trong việc nguy trang chỗ nấp ở trên nóc các tòa nhà cao. Để tránh ánh chớp đầu nòng làm lộ vị trí, anh chế một cơ cấu chặn ánh chớp gắn ở đầu nòng và không bao giờ bắn lúc ánh sáng yếu. Để thêm một bước để phòng nữa theo hướng này, anh cố gắng chọn vị trí ở phía trước một bức tường trắng.

Một hôm anh đưa Grossman đi theo. Mục tiêu dễ nhất và thường gặp nhất là đám lính bê đồ đựng thức ăn lên tuyến trước. Chẳng mấy chốc một tên lính đem đồ ăn xuất hiện. Qua ống ngắm xa, Chekov nhắm vào phía trên chót mũi hai đốt ngón tay. Tên lính Đức ngã ngựa, đồ đựng thức ăn rơi xuống. Chekov phấn khích đến run cả người. Tên lính thứ hai xuất hiện. Chekov bắn hạ. Sau đó một tên lính thứ ba bò lên. Chekov giết nốt. “Ba”, Chekov lẩm bẩm. Thành tích đầy đủ sẽ ghi lại sau. Thành tích tốt nhất của anh là 17 tên trong hai ngày. Bắn được tên mang chai nước là điểm thưởng, Chekov nói, vì như vậy bọn khác sẽ phải uống nước bắn. Grossman tự hỏi gã trai này, người từng mơ đến những nơi xa lạ và “không hại đến cả một con ruồi”, có phải là “một vị thánh của Chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại”^[56].

Sự sùng bái bắn tĩa lan ra đến các loại vũ khí khác. Manenkov thuộc Sư đoàn súng trường số 95 đã trở nên nổi tiếng với khẩu súng trường nòng dài vướng víu PTR (chống tăng). Anh được phong Anh hùng Liên Xô sau khi hạ 6 xe tăng trong trận đánh quanh nhà máy pháo Barridkady. Trung úy Vinogradov ở sư đoàn pháo binh số 149 được coi là tay ném lựu đạn cừ nhất. Khi anh cùng 26 người bị vây hãm không có lương thực trong ba ngày, khi liên lạc được, điều đầu tiên Vinogradov nhắn về là gửi thêm đạn chứ không phải suất ăn. Ngay cả khi bị thương và điếc đặc, Vinogradov “vẫn là tay săn Fritz cừ nhất”. Một lần anh còn lần theo dấu và giết được một đại đội trưởng Đức và lấy được tài liệu từ xác địch.

* * *

Khi các sư đoàn Đức từ nhà máy chế tạo máy kéo xông xuống phía nam đánh vào phòng tuyến ở nhà máy Barrikady, Chuikov lại dõ dặt chỉ huy một lần nữa trong đêm 17 tháng 10. Ông dừng lại ở bờ sông, đoạn ngang với đồi Mamaev. Ngày hôm sau, một lực lượng mạnh của quân Đức lại cố đánh ra sông nhưng đã bị đánh bật lại.

Tin an ủi duy nhất là đến từ Đại tá Kamynin, ông được cử đến ổ đề kháng còn lại phía bắc nhà máy máy kéo ở Rynok và Spartakovka. Tình hình đã được ổn định lại, bộ đội nói chung chiến đấu dũng cảm. Tuy thế vẫn còn một số vấn đề với các lữ đoàn tự vệ. Vào đêm 25 tháng 10, nguyên cả khu vực của Lữ đoàn đặc biệt số 124, “một số cựu công nhân của nhà máy máy kéo Stalingrad” đã tụ tập nhau để chạy sang phía Đức. Chỉ duy nhất một lính gác không chịu nhưng rồi bị uy hiếp nên đành phải nhập bọn. Ra tới vùng phân cách, người lính gác giả vờ có chuyện với xà cạp quần chân nên dừng lại. Anh ta đã thừa cơ trốn được và quay lại phòng tuyến Nga. Đám đào ngũ bắn đuổi theo nhưng không làm gì được. Người lính gác, binh nhì D. đã an toàn về được trung đoàn, nhưng sau đó đã bị bắt và ra tòa án binh “vì không có biện pháp quyết liệt thông báo cho chỉ huy về tội ác sắp diễn ra và ngăn cản bọn phản bội đào ngũ”.

Trận chiến tiêu hao vẫn tiếp diễn quanh nhà máy Barrikady và Tháng Mười Đỏ với những đợt tấn công và phản công xen kẽ. Vị trí chỉ huy của một tiểu đoàn thuộc Sư đoàn bộ binh số 305, theo lời một sĩ quan, “nằm quá gần địch đến nỗi trung đoàn trưởng còn nghe rõ tiếng quân Nga hô “Urrah!” ở đầu dây bên kia”. Trái lại, một trung đoàn trưởng Nga lại rơi vào giữa trận đánh. Khi sở chỉ huy của ông bị tràn qua, ông đã dùng điện đài gọi *Katyusha* bắn trùm lên vị trí của mình.

Lính Đức phải công nhận “bọn chó ấy đánh như sư tử”. Thương vong của họ nhanh chóng tăng vọt. Tiếng gọi cứu thương ầm ĩ xen lẫn tiếng đạn nổ và tiếng mảnh vỡ văng tung tóe. Tuy thế Tập đoàn quân số 62 cũng mất vài đầu cầu bên bờ tây, không chỗ nào sâu quá vài trăm mét. Các đường phố bị chiếm, trận địa quân Nga bị đẩy lùi về gần bờ sông hơn, một phần Nhà máy Barrikady bị địch tràn qua. Điếm qua sông cuối cùng của Tập đoàn quân số

62 năm dưới tầm pháo bắn thẳng nên toàn bộ lực lượng tăng viện được tung vào khu vực này để ứng cứu. Các sư đoàn Soviet mỗi sư đoàn chỉ còn vài trăm tay súng nhưng đến tối họ vẫn đánh trả. “Đêm xuống chúng tôi thấy như về nhà”, Chuikov viết.

“Bố ơi”, một hạ sĩ Đức viết về nhà, “bố thường dặn con “cứ tin vào chuẩn mực của mình rồi con sẽ thắng”. Ta sẽ không thể quên được câu đó vì đã đến lúc mỗi người có lý trí ở Đức đều nguyên rủa sự điên rồ của cuộc chiến này. Không thể diễn tả được điều gì đang xảy ra ở đây. Mỗi người ở Stalingrad hể còn đầu còn tay, đàn bà cũng như đàn ông, đều tiếp tục chiến đấu”. Một lính Đức khác viết về nhà với tâm trạng còn cay đắng hơn: “Đừng lo, đừng buồn, anh sắp xuống mồ rồi, khỏi phải chịu khổ nữa. Bọn anh thường nghĩ nước Nga sẽ đầu hàng, nhưng cái bọn vô học này ngu quá không chịu hiểu”. Một người lính thứ ba nhìn những đồng đội nát xung quanh. “Ở đây, một câu Phúc âm luôn đến trong ý nghĩ của tôi: Không còn hòn đá nào nằm chồng lên nhau. Ở đây đúng là thế”.

TRẬN TẤN CÔNG CUỐI CÙNG CỦA PAULUS

Ngoài thảo nguyên, cuộc sống thường nhật của các sư đoàn Đức là một thế giới khác biệt hẳn với trận đánh trong thành phố. Ở đó cũng có những phòng tuyến phải giữ và những cuộc tấn công nắn gân phải đáp trả, nhưng cuộc sống vẫn còn nhiều điều bình thường, đặc biệt là khi bạn mới từ mặt trận quay về. Vào Chủ nhật 25 tháng 10, các sĩ quan của một trung đoàn thuộc Sư đoàn bộ binh số 367 Bavaria đã mời Tướng Edler von Daniels, tư lệnh sư đoàn, đến tham gia lễ hội *Oktoberfest* Munich thi bản.

Mỗi bận tâm chính lúc bấy giờ là chuẩn bị trú đông cho tốt. “Cảnh tượng ở đây chẳng có gì đáng phấn khởi”, một người lính Sư đoàn bộ binh số 113 viết về nhà. “khắp bốn xung quanh chả có làng mạc gì, không rừng cây, cây cao cây thấp chả có, cũng không có lấy một giọt nước”. Tù binh Nga và Hiwi bị bắt đi đào hầm hào. “Quả thực chúng tôi phải tận dụng thật tốt những người này vì quá thiếu người”, một hạ sĩ quan kỳ cựu viết. Ngoài thảo nguyên không cây cối, các sư đoàn bộ binh phải cho xe tải và các nhóm lao động vào Stalingrad thu lượm xà cọt từ các đồng đồ nát về lợp mái hầm. Phía nam Stalingrad, Sư đoàn bộ binh số 297 khoét các hang trong bờ mương rãnh tạo ra chuồng ngựa, kho tàng và cuối cùng là cả một bệnh viện dã chiến, thiết bị được xe lửa chở từ Đức sang. Trong tiết “mùa hè Anh điêng”^[57] từ đầu đến giữa tháng 10, quân Đức muốn làm cho xong *haus* (nhà). Ngay cả những người lính trẻ nhất cũng hiểu lý do làm sao mà phải đào: họ sẽ ở đây qua mùa đông.

Hitler cũng ban hành những chỉ thị riêng cho mùa đông. Ông chờ đợi một cuộc phòng thủ tích cực” và một “cảm giác tự hào về chiến thắng”. Xe tăng phải được bảo vệ tránh giá rét và ném bom trong các boong ke bê tông, nhưng vật liệu cần thiết lại không đến nên xe cộ cứ nằm giữa trời. Sở Chỉ

huy Tập đoàn quân số 6 cũng lên kế hoạch kỹ càng cho mùa đông. Thậm chí còn đặt cả một bộ phim huấn luyện của Phần Lan “Làm nhà tắm hơi dã ngoại thế nào”, nhưng tất cả những công việc chuẩn bị này chả thấy chắc chắn gì cả. “*Fuhrer* ra lệnh bọn anh giữ vững vị trí đến cùng”, Groscurth viết về Đức cho gia đình, “đó là việc chẳng cần bảo cũng phải làm vì nếu mất vị trí thì khó mà cải thiện được tình thế. Bọn anh biết bơ vơ giữa thảo nguyên không có chỗ trú là thế nào”.

Đại bản doanh của *Fuhrer* cũng quyết định đưa phần lớn súc vật kéo của Tập đoàn quân số 6 về phía sau hàng trăm kilomet. Như vậy giúp giảm bớt các đoàn tàu chở một lượng lớn cỏ khô ra tuyến trước. Tổng cộng có khoảng 150.000 con ngựa cùng nhiều bò và thậm chí cả lạc đà tập trung trong khoảng giữa sông Đông và sông Volga. Các phương tiện vận tải cơ giới và các đơn vị sửa chữa cũng lui về phía sau. Nguyên nhân của việc di dời này có thể hiểu được trên quan điểm logic thuần túy, nhưng nó sẽ là một sai lầm nghiêm trọng trong tình huống cấp bách. Tập đoàn quân số 6, nhất là với các đơn vị pháo và y tế đông đảo, gần như phụ thuộc hoàn toàn vào những con ngựa để di chuyển.

Theo lời một thượng sĩ thuộc Sư đoàn bộ binh số 371, “tinh thần lên xuống theo số thư từ đến nơi”. Hầu như ai cũng khổ sở vì nhớ nhà day dứt. “Ở đây người ta phải là con người khác hẳn”, một thượng sĩ của Sư đoàn bộ binh cơ giới số 60 viết, “mà điều đó không hề dễ. Cứ như ta sống trong thế giới khác. Khi thư đến, ai cũng nhào ra từ những “ngôi nhà nhỏ” của mình - và không ai cản được. Mỗi lúc như thế đành phải đứng tránh qua mà cười trừ thôi”.

Tâm trí hướng cả vào Giáng sinh: “ngày lễ đẹp nhất trong năm”. Lính bắt đầu bàn chuyên tặng quà với vợ. Ngày 3 tháng 11, một sư đoàn đưa lên yêu cầu “nhạc cụ, các trò chơi lễ hội, đồ trang trí, cây Giáng sinh và nến”.

Danh sách đi phép cũng được lên - thứ khơi dậy nhiều hy vọng và thất vọng hơn cả. Paulus yêu cầu phải dành ưu tiên cho những người “đã ở *Ostfront* liên tục không nghỉ từ tháng 6 năm 1941”. Với những người may mắn được sửa soạn cho chuyến đi dài thì thời gian trôi tuột về quá khứ trong

cảm giác không thực. Gia đình giờ đây có màu sắc mộng mơ của ngày xưa. Về lại gia đình, người ta thấy không thể nói về những trải nghiệm của họ. Nhiều người đã lo chắc gì ở nhà người ta đã biết được chuyện gì đang diễn ra. Tệ hơn cả là nếu nói thật thì liệu có ngiệt ngã với họ quá không vì để vợ con ở nhà càng thêm thấp thỏm không yên. Thực tế duy nhất lúc này đó là cuộc sống ác mộng mà họ không thể thoát đi đâu được. Có bị thôi thúc bởi ý nghĩ đào ngũ thì cũng là tự nhiên nhưng không nhiều người nghiêm túc nghĩ về chuyện đó. Kỷ niệm sinh động nhất của cả chuyến về phép là lúc từ biệt. Với nhiều người, đó là lần cuối cùng. Họ biết mình đang trở lại địa ngục ngay khi đi ngang qua tấm biển chỉ đường về Stalingrad: “Lối vào tử cấm thành. Khách đến tham quan xin đặt tính mạng của mình và đồng đội vào nơi nguy hiểm”. Nhiều người không biết đó là đùa hay thật.

Trang phục mùa đông được cấp phát vào cuối tháng 10. “Đúng là cung cách Đức điển hình”, một sĩ quan nhận xét, “quần áo mặc hai mặt, màu nâu xám và trắng”. Nhưng binh lính do ở trên thảo nguyên không có nước nên lây rận tùm lum. “Trong thời gian ở đây chả việc gì phải nghĩ đến tắm rửa. Hôm nay ngay mề đầu mình đã hạ tám tên rận”. Những chuyện đùa về “đám du kích nhỏ” rồi cũng nhàm. Vài Hiwi Nga bày cho lính Đức một mẹo dân gian trừ rận. Đó là lần lượt chôn từng thứ trang phục xuống đất, chỉ để chừa một mẫu thò ra trên mặt đất. Rận bò ra đấy đem đốt là xong.

Các bác sĩ trung đoàn ngày càng lo tình trạng sức khỏe chung của binh lính lúc đó. Khi các giấy chứng tử y tế của Tập đoàn quân số 6 được các bác sĩ tham vấn đem ra tranh luận ở Berlin vào cuối tháng 1 năm sau, họ có một biểu đồ tỷ lệ tử vong tăng chóng mặt do các bệnh truyền nhiễm, bệnh lý, sốt thương hàn và sốt phó thương hàn^[58]. Đường cong này vọt lên nhanh bắt đầu từ tháng 7. Tuy số bệnh binh đại để vẫn như năm ngoái nhưng các chuyên gia Berlin ngạc nhiên vì số ca tử vong tăng gấp 5 lần.

Bên Nga cũng ngạc nhiên với số ca bệnh của lính Đức và gọi luôn là “bệnh Đức”. Các bác sĩ ở Berlin cũng chỉ đoán rằng “binh sĩ giảm sức đề kháng” là do căng thẳng tích tụ và khẩu phần hao hụt. Nhưng dễ tổn thương nhất té ra là những lính trẻ nhất, trong độ tuổi từ 17 đến 22. Nguyên số này

đã chiếm tới 55% ca tử vong rồi. Dù lý do chính xác là gì thì một điều chắc chắn là sức khỏe của Tập đoàn quân số 6 đã là vấn đề hết sức đáng lo vào đầu tháng 11, khi viễn cảnh tệ nhất rõ ràng là thêm một mùa đông nữa trong boong ke dưới tuyết.

Trong khi Tập đoàn quân số 64 Soviet phát động các cuộc tấn công để kéo bớt quân từ Stalingrad ra thì Tập đoàn quân số 57 chiếm một ngọn đồi có vị trí chiến lược nằm giữa Sư đoàn Romania số 20 và Sư đoàn bộ binh số 2. Xa hơn, trên thảo nguyên Kalmyk, Tập đoàn quân số 51 thực hiện các cuộc đột kích sâu vào các vị trí của quân Romania. Một đêm, Thượng úy Aleksandr Nevsky và đại đội tiểu liên của mình đã lọt qua phòng tuyến đánh vào sở chỉ huy của sư đoàn bộ binh Romania số 1 trong một làng ở tuyến sau và gây náo loạn ở đó. Nevsky bị thương nặng hai lần trong trận đánh. Cục Chính trị Phương diện quân Stalingrad, căn cứ vào đường lối mới của Đảng về tôn vinh lịch sử Nga, đã quyết định rằng Nevsky hẳn là hậu duệ của bậc tiền nhân chói lọi. “Người chỉ huy can trường, kế tục đầy đủ vinh quang của tổ tiên”, đã được tặng thưởng Huân chương Cờ Đỏ.

* * *

Trong thành phố, cuộc tấn công lớn của quân Đức đã đuổi hần vào cuối tháng 10 vì mệt mỏi và thiếu đạn dược. Đợt tấn công cuối cùng của Sư đoàn bộ binh số 79 đánh vào nhà máy Thép Mười Đỏ đã bị bẻ gãy vào ngày 1 tháng 11 dưới hỏa lực mạnh mẽ của pháo binh từ bên kia sông Volga. “Hiệu quả hỏa lực pháo ồ ạt của địch làm suy yếu đáng kể sức mạnh của sư đoàn”, Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 ghi nhận. Sư đoàn bộ binh số 94 đánh vào ổ đề kháng phía bắc ở Spartakovka cũng phải dừng lại.

“Trong hai ngày cuối cùng”, báo cáo gửi về Moskva ngày 6 tháng 11 viết, “địch đã thay đổi chiến thuật. Có thể là do tổn thất nặng nề sau ba tuần vừa rồi, chúng đã thôi không dùng các đội hình lớn nữa”. Trong khu vực Thép Mười Đỏ, quân Đức chuyển sang “đánh thăm dò tìm điểm yếu trong các

trung đoàn của ta”. Nhưng “những cuộc tấn công bất ngờ” mới đó cũng không thành công hơn các đợt trước có bắn phá dọn đường.

Cũng trong tuần đầu của tháng 11, quân Đức bắt đầu “dùng kẽm gai chặn hết cửa sổ và các lỗ đạn pháo” trong những ngôi nhà họ cố thủ để phòng bị ném lựu đạn. Để phá những vật cản đó, Tập đoàn quân số 62 cần đến pháo cỡ nhỏ mà hiện đang thiếu và việc vận chuyển qua sông Volga ngày càng khó hơn. Những người lính Hồng quân bèn chế ra những cái móc cho lựu đạn để móc vào lớp rào.

Lực lượng Soviet đã chống trả bằng mọi cách có thể vào đầu tháng 11. Tàu pháo của giang đoàn Volga, một số có gắn tháp pháo của T-34 trên boong trước, bắn vào Sư đoàn tăng số 16 ở Rynok. Và “những trận ném bom đêm dữ dội của địch” lại tiếp tục làm suy yếu sức chống chọi của lính Đức.

* * *

“Suốt một dải *Ostfront*” Groscurth viết cho người anh vào ngày 7 tháng 11, “hôm nay bọn em chờ một trận tổng tấn công để kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười”. Nhưng kỷ niệm lần thứ 25 chỉ giới hạn ở mức địa phương đối với lính Hồng quân “vượt chỉ tiêu đăng ký tiêu diệt Fritz trong phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa”. Các đoàn viên Komsomol được chờ đợi hoàn thành chỉ tiêu của mình. Ở Tập đoàn quân số 57, chủ nhiệm chính trị báo cáo, “trong số 1.697 đoàn viên Komsomol vẫn còn 678 người chưa giết được tên Đức nào”. Máy người này chắc sẽ mệt lắm đây.

Một vài kiểu kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười không được nhà chức trách đồng tình. Một tiểu đoàn trưởng cùng viên phó của mình đưa quân tiếp viện đến cho Sư đoàn súng trường số 45 đã “say khướt” và “biến mất dạng tới 13 giờ liền”. Tiểu đoàn bị bỏ lại vật vờ trên bờ đông sông Volga. Một số sư đoàn của Phương diện quân Stalingrad còn chẳng có gì mấy để ăn mừng vì tiêu chuẩn vodka đặc biệt không được chuyển tới hoặc tới quá muộn. Một số đơn vị hôm đó còn không nhận được cả suất ăn.

Nhiều binh sĩ không có vodka đành phải liều mạng dùng các chất nguy hiểm. Trường hợp tệ nhất, tác hại chưa thấy rõ ngay. Vào đêm sau ngày lễ, 28 lính Sư đoàn súng trường số 248 đã chết trên đường ngoài thảo nguyên Kalmyk. Trợ giúp y tế không thấy đâu và không ai nhận là mình biết chuyện gì. Các sĩ quan thì làm như họ chết vì lạnh và kiệt sức trên đường hành quân. Nhưng ban đặc biệt NKVD thì nghi ngờ, tiến hành mổ 24 tử thi. Nguyên nhân tử vong được xác định là dùng quá nhiều “chất lỏng phòng hóa”. Những người lính này đã uống một lượng lớn dung dịch vốn được pha chế để uống một lượng rất nhỏ khi bị tấn công bằng hơi độc. Thứ dung dịch độc hại này hình như có chứa một ít cồn. Một trong những người sống sót đã bị thẩm vấn ở bệnh viện. Anh ta thú nhận rằng có người nói “đó là một loại vang”. NKVD không chịu coi đó là một vụ trộm vật tư quân sự và say xỉn. Vụ này được quy kết là “hành động phá hoại đầu độc binh sĩ”.

* * *

Ngày 8 tháng 11, một ngày sau lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười, Hitler có một bài phát biểu dài trước “các chiến binh già” Quốc xã tại quán bia Burgerbraukeller^[59] ở Munich. Nhiều người ở Tập đoàn quân số 6 đã nghe bài này qua đài phát thanh. “Tôi muốn đến sông Volga”, ông nói với vẻ châm biếm nặng nề, “đến chính xác một nơi, một thành phố cụ thể. Trớ trêu là nó lại mang tên của chính Stalin. Nhưng đừng nghĩ rằng tôi muốn đến chỉ vì lý do đó mà vì nó chiếm một vị trí rất quan trọng... Tôi muốn chiếm lấy nó và các bạn nên biết rằng chúng ta khá ổn, kể như ta đã lấy được rồi! Chỉ còn sót lại vài mẫu nhỏ. Có người hỏi: “Sao không đánh nhanh lên?” Đó là vì tôi không muốn một Verdun thứ hai và chọn dùng các nhóm tấn công nhỏ để làm việc này. Thời gian không quan trọng. Không còn tàu bè nào qua lại Volga. Và đó mới là điểm quyết định!”

Bài nói của ông sánh ngang với những ví dụ điển hình về ngông cuồng bậc nhất trong lịch sử. Quân đoàn châu Phi của Rommel đã phải rút khỏi Alamein về Libya và liên quân Anh-Mỹ vừa đổ bộ dọc theo bờ biển Bắc Phi

trong Chiến dịch Ngọn Đuốc. Ribbentrop nhân cơ hội đề nghị tiếp xúc với Stalin thông qua sứ quán Soviet ở Stockholm. “Hitler gạt phắt”, tùy tùng không quân của ông kể lại. “Ông nói đang yếu thế không phải lúc thích hợp để đàm phán với kẻ thù”. Lời khoác lác ngu ngốc về Stalingrad sau lần từ chối đó không đơn thuần là con tin của số phận, cái đó gọi là há miệng mắc quai, sẽ đưa ông tới thảm họa. Kẻ mị dân chính trị trói tay người cầm quân. Những lo sợ tồi tệ nhất của Ribbentrop trong đêm trước Chiến dịch Barbarossa đã sắp được khẳng định.

* * *

Ở Stalingrad tiết đông thực sự đến vào hôm sau, nhiệt độ tụt xuống âm 18°C. Sông Volga vì kích thước của nó nên là một trong những con sông nước Nga đóng băng cuối cùng, thuyền bè bắt đầu không đi lại được. “Những tảng băng va nhau vỡ ra, nghiêng sát vào nhau”, Grossman ghi lại, “tiếng lạo xạo như cát trôi có thể nghe được từ khá xa bờ sông”. Đó là thứ âm thanh rùng rợn đối với những người lính trong thành phố.

Đó là thời điểm Chuikov rất lo, ông gọi đó là cuộc chiến trên hai mặt trận: Sông Volga thù địch sau lưng, còn quân thù thì đang tấn công những dải đất hẹp còn lại từ phía trước. Sở Chỉ huy Tập đoàn quân Số 6 biết rõ những khó khăn quân Nga đang phải đối mặt nên lại tập trung hỏa lực vào các bến vượt sông. Một tàu hơi nước của giang đoàn Volga đang chuyển pháo và đạn qua sông bị trúng đạn và mắc cạn trên đáy cát. Một tàu khác đến ngang nó và chuyển tất cả hàng dưới mưa đạn. Các thủy thủ làm việc trong làn nước lạnh giá xem ra cũng sẽ chết như những công binh Pháp ghép cầu phao qua sông Berezina hơn một thế kỷ trước thôi.

“Những mũi xà lan tù to bè chậm chạp nghiêng vỡ khoảng trắng bên dưới, còn phía sau chúng những dải nước đen cũng sẽ sớm bị phủ lên một màng băng”. Những con tàu rã rạc dưới sức ép của băng, cáp kéo đứt tung vì quá căng. Việc vượt sông mà trông “giống như thám hiểm Bắc Cực”.

Trong 10 ngày đầu tháng 11, sức ép của quân Đức vẫn duy trì với những đợt tấn công quy mô nhỏ nhưng thường xuyên, đôi khi có cả tăng. Những trận đánh có thể bằng từng nhóm nhỏ nhưng vẫn ác liệt như thường. Một đại đội của Trung đoàn súng trường số 347 cắm chốt cách sông chừng 200 m, chỉ còn lại 9 người khi bị quân Đức tràn lên vào ngày 6 tháng 11, nhưng Đại đội trưởng, Trung úy Andreev đã tập hợp những người còn sống phản công bằng tiểu liên. Một nhóm viện binh vừa đến kịp, chia cắt quân Đức, cứu được điểm qua sông phía bắc của Tập đoàn quân số 62. Quân Nga theo dõi chặt chẽ cung cách dùng pháo hiệu của Đức, bắt chước cách phối màu bằng số pháo hiệu thu được để biến nó thành lợi thế cho mình. Một trung đội trưởng đã lập công bằng cách lừa pháo Đức chuyển làn bắn vào quân nhà đúng lúc nguy kịch nhất.

Với những dải phân tuyến hẹp như vậy thì đào ngũ là phương sách cuối cùng, nhưng bây giờ đến lượt quân Đức tìm cách chạy qua giới tuyến. Ngay giữa khu vực của Sư đoàn súng trường cận vệ số 13, một lính Đức từ trong một ngôi nhà họ đang giữ vọt ra chạy về phía một tòa nhà quân Nga đang cố thủ. Hành động của người này rõ ràng được vài đồng đội ủng hộ vì thấy họ hét âm lên: “*Rus!* Đừng bắn!” Nhưng khi người kia đã chạy được nửa đường qua dải phân cách thì một lính Nga mới đến đã bắn từ cửa sổ tầng hai trúng anh ta. Người lính Đức bị thương cứ bò tiếp, miệng kêu la: “*Rus!* Đừng bắn!” Người lính Nga bắn tiếp và lần này đã giết chết người kia. Xác anh ta nằm lại đấy cả ngày. Đêm đó, một toán tuần tra Nga bò ra nhưng bên Đức đã cử người ra trước để thu lại vũ khí và giấy tờ. Sau vụ đó, chính quyền Soviet cho rằng “cần phải quán triệt cho bộ đội”, phải “giải thích cho binh lính hiểu rằng họ không nên bắn bừa vào người đào ngũ như vậy”. Binh lính cũng được nhắc nhở về Mệnh lệnh số 55 khuyến khích lính địch đào ngũ bằng cách đối xử tốt với họ. Cũng tại khu vực này “đã có trường hợp lính Đức giơ tay lên để được dính đạn bị thương”. Cục Chính trị lập tức chỉ thị tăng cường tuyên truyền vận động bằng loa phóng thanh và tờ rơi.

* * *

Vào ngày 11 tháng 11, ngay trước khi trời sáng, cuộc tấn công cuối cùng của Đức mở màn. Các nhóm chiến đấu mới thành lập từ các sư đoàn bộ binh số 71, 79, 100, 295, 305 và 389, được tăng cường thêm 4 tiểu đoàn công binh mới, tấn công vào các ỗ đề kháng còn lại. Mặc dù các sư đoàn đã thiệt hại nặng nề qua chiến đấu nhưng vẫn là một lực lượng đông đảo.

Một lần nữa những chiếc Stuka của Quân đoàn không quân số 8 lại đánh trước dọn đường, nhưng Tướng Richthofen đã gần như mất hết kiên nhẫn với cái mà ông cho là “suất cơm bữa của lực quân” này. Ngay từ đầu tháng, trong lần gặp Paulus và Seydlitz, ông đã kêu ca rằng “pháo binh không buồn bắn, còn bộ binh thì chả lợi dụng được gì từ những cuộc ném bom của chúng tôi”. Chiến quả ngoạn mục nhất của Luftwaffe là vào ngày 11 tháng 11 đã quật sụm các ống khói nhà máy, nhưng một lần nữa không vùi dập được Tập đoàn quân số 62 trong các chiến hào, boong ke và hầm ngầm.

Lính Sibir của Batyuk chiến đấu quyết liệt để giữ vững bàn đạp của họ trên đồi Mamaev, nhưng bây giờ mũi nhọn chính thọc sâu của địch đã xa hơn lên phía bắc chừng nửa dặm, về phía nhà máy hóa chất Lazur và nơi gọi là “vợt tennis”, một vòng đường sắt và các nhánh đan nhau thành hình giống thố. Lực lượng chính của đợt tấn công này là Sư đoàn bộ binh số 305 và phần lớn các tiểu đoàn công binh đến trợ chiến. Những tòa nhà chủ chốt đã bị chiếm rồi bị quân Nga chiếm lại trong trận đánh dữ dội. Ngày hôm sau, mũi tấn công này đã dừng hẳn.

Xa hơn về phía bắc, lính Sư đoàn súng trường số 138 của Lyunikov, bị cô lập phía sau nhà máy Barrikady, lưng quay ra sông Volga, đã chiến đấu ngoan cường. Họ chỉ còn mỗi súng trường và tiểu liên, khẩu phần hằng ngày chưa đến 50 gam bánh mì khô. Đến tối, máy bay bà già U-2 thả cho mấy túi đạn và đồ ăn, nhưng do va chạm mạnh làm đạn bị hư hại, rất dễ bị kẹt súng.

Đêm 11 tháng 11, Tập đoàn quân số 62 phát động các cuộc tấn công, kể cả Sư đoàn súng trường số 95 ở phía đông nam nhà máy Barrikady. Chủ ý là, theo báo cáo gửi cho Shcherbakov ngày 15 tháng 11, ngăn không cho quân Đức rút ra bảo vệ hai cánh. Điều này trái hẳn với ghi nhận của Chuikov trong hồi ký của mình, trong đó ông quả quyết rằng ông và Ban

Tham mưu của mình không hề hay biết gì về cuộc phản công lớn mở màn ngày 19 tháng 11, cho đến khi được bộ chỉ huy Phương diện quân Stalingrad thông báo vào buổi chiều hôm trước.

Tuy nhiên, quân tấn công Soviet gần như ngay lập tức bị hỏa lực dữ dội của Đức chặn lại buộc phải ẩn nấp. Từ 5 giờ sáng ngày 12 tháng 11, “một cơn bão lửa” kéo dài một tiếng rưỡi. Sau đó một lực lượng mạnh bộ binh Đức tấn công, tìm cách chèn như cái nêm vào giữa hai trung đoàn súng trường của Nga. Vào 9 giờ 50 sáng, Đức đưa thêm quân đến, một phần đánh vào các bồn dầu trên bờ sông Volga. Một trong các trung đoàn Soviet đã cố chặn được họ, trong khi các trung đoàn còn lại bao vây chia cắt các tay súng tiểu liên Đức đã kịp thọc sâu vào. Ba xe tăng Đức bốc cháy trong trận đánh liều mạng. Tiểu đoàn đầu tiên của trung đoàn chỉ còn 15 người. Họ tìm mọi cách để giữ một đoạn phòng tuyến chỉ 70 m cách bờ sông cho tới khi một tiểu đoàn khác đến.

Chỉ một người sống sót trong số lính thủy đánh bộ bảo vệ vị trí chỉ huy trung đoàn. Cánh tay phải anh đã dập nát và không thể bắn được nữa. Anh chạy xuống boong ke, nghe thấy không còn lực lượng dự bị nữa, anh bèn lấy lựu đạn nhét đầy trong mũ. “Tôi có thể ném bằng tay trái”, anh giải thích. Gần đó, một trung đội của trung đoàn khác đã chiến đấu đến khi chỉ còn lại 4 người mà đạn thì đã hết sạch. Một thương binh được cử quay lại phía sau với một lời nhắn: “Hãy bắt đầu bắn vào vị trí của chúng tôi. Trước mặt chúng tôi có một toán rất đông bọn phát xít. Vĩnh biệt các đồng chí, chúng tôi sẽ không lùi bước”.

Vị trí tiếp tế của Tập đoàn quân số 62 càng căng hơn vì băng đã trôi xuống. Đoàn gần bờ cần tàu phá băng trước vì băng đóng trước. Ngày 14 tháng 11, tàu hơi nước Spartakovets chở 400 lính cùng 40 tấn hàng hậu cần sang bên hữu ngạn ở ngay phía sau nhà máy Thép Mười Đỏ, rồi lúc về chở theo 350 thương binh dưới làn đạn, nhưng có thêm vài tàu khác cũng qua được. Đội cứu hộ đứng chờ một bên cả đêm để giúp tàu nào bị kẹt trên băng và trở thành mục tiêu ngon ăn cho pháo Đức. “Nếu họ không làm xong việc”, Richthofen cay độc nhận xét, “khi Volga đang đóng băng và bọn Nga

trong Stalingrad đang thiếu thốn trầm trọng thì họ sẽ không bao giờ làm được nữa. Với lại, ngày đang ngán dần mà thời tiết ngày càng tệ”.

Paulus đang hết sức căng thẳng. Bác sĩ của ông cảnh báo ông sẽ suy sụp nếu cứ tiếp tục không chịu nghỉ ngơi. “Hitler bị ám ảnh bởi tính biểu tượng của Stalingrad”, một trong các sĩ quan tham mưu của Paulus giải thích. “Để quét sạch vài điểm kháng cự cuối cùng trong tháng 11, ông ra lệnh kể cả lính lái tăng cũng phải gom lại như bộ binh để giáng đòn cuối cùng”. Các chỉ huy tăng phát hoảng với kiểu phí phạm điên rồ đó, nhưng họ không thể làm cho Paulus bỏ lệnh được. Cuối cùng, họ đành cố vét hết các lái xe dự bị, đầu bếp, tải thương và lính thông tin - tóm lại là ai cũng được miễn không phải lính lái tăng dày dạn kinh nghiệm của họ - cốt giữ cho sư đoàn mình còn hoạt động. Tồn thất quá lớn trong các trung đoàn tăng sẽ cho thấy là nghiêm trọng nếu không phải là thảm họa chỉ trong vòng vài ngày nữa.

Tướng Seydlitz rất lo. Đến giữa tháng 11, Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 nhận thấy rằng “42% số các tiểu đoàn được coi là ‘mất sức chiến đấu’”. Phần lớn các đại đội bộ binh còn chưa tới 50 người và phải nhóm lại. Seydlitz còn lo cả về các sư đoàn tăng số 14 và 24 đang cần chỉnh đốn lại sẵn sàng cho cuộc tấn công mùa đông không tránh khỏi của quân Soviet. Theo quan điểm của ông, cuộc chiến sẽ còn kéo dài đến cuối năm. Chính Hitler cũng thừa nhận với ông trong bữa ăn trưa tại Rastenburg rằng quân Đức nên bắt tay vào chuẩn bị cho “mọi thử thách của mùa đông Nga” ngay từ đầu tháng 10. Quân Đức ở Stalingrad được đặc cách không phải theo chỉ thị chuẩn bị phòng thủ mùa đông, vậy mà ở Munich, Hitler lại khoắc lác là thời gian không còn quan trọng.

Thương vong nghiêm trọng nhất là đội ngũ sĩ quan và hạ sĩ quan, chỉ một thiểu số nhỏ cựu binh dày dạn còn lại ở cả hai bên. “Đây không phải bọn Đức mà chúng tôi đánh hồi tháng 8”, một cựu binh Soviet nhận xét. “Và cả chúng tôi cũng đã khác”. Lính tuyến trước của cả hai bên dường như đã cảm nhận rằng những ai giỏi nhất, gan lì nhất luôn chết đầu nước.

Các sĩ quan tham mưu Đức cũng lo tới mùa xuân sang năm. Các tính toán đơn giản cho thấy rằng Đức không thể chịu nổi mức thương vong này lâu

hơn. Mọi gợi ý về một cuộc phiêu lưu hào hùng đều trở nên cay đắng. Một cảm giác nhức nhối về đêm gở đã len vào. Như một biểu tượng của quyết tâm trả thù, một tục lệ mới của Hồng quân ở Stalingrad là khi bắn vĩnh biệt một vị chỉ huy được kính trọng, họ “không bắn lên trời mà bắn vào bọn Đức”.

“TẤT CẢ CHO TIỀN TUYẾN!”

Kế hoạch cho Chiến dịch Sao Thiên Vương, cuộc tổng phản công nhằm vào Tập đoàn quân số 6, có thời gian thai nghén dài bất thường khi ta đã biết đến sự nóng nảy ghê gớm của Stalin mùa đông trước. Nhưng lần này khao khát báo thù đã giúp kiềm máu hăng của ông.

Ý tưởng đầu tiên nảy ra vào thứ Bảy 12 tháng 9, ngày Paulus đến gặp Hitler ở Vinnitsa, còn Zhukov thì được triệu về Kremli, sau những cuộc tấn công bất thành vào cánh bắc của Paulus. Tổng Tham mưu trưởng Vasilevsky cũng có mặt. Trong phòng làm việc của Stalin có các chân dung mới được treo của Aleksandr Suvorov, khắc tinh của quân Thổ vào thế kỷ XVIII và chân dung Mikhail Kutuzov, người đã đánh cho Napoleon thua liểng xiểng, Zhukov phải giải thích một lần nữa có gì không ổn. Ông tập trung vào việc ba tập đoàn quân chưa đủ lực lượng bị đưa đi tấn công trong khi thiếu cả pháo và xe tăng.

Stalin hỏi nếu vậy thì cần gì. Zhukov đáp rằng họ cần một tập đoàn quân đầy đủ sức mạnh, được một quân đoàn tăng, ba lữ đoàn thiết giáp và ít nhất 400 khẩu pháo, tất cả được một tập đoàn không quân yểm trợ. Vasilevsky đồng tình. Stalin không nói gì. Ông cầm lên tấm bản đồ có đánh dấu các lực lượng dự bị của *Stavka* và một mình nghiên cứu. Zhukov và Vasilevsky lánh sang một góc phòng. Hai người thì thầm bàn bạc các vấn đề. Họ nhất trí là cần phải tìm ra một giải pháp khác.

Stalin được cái thính tai hơn họ tưởng. “Vậy chứ”, ông hỏi với sang, “giải pháp ‘khác’ là thế nào?” Hai vị tướng quay lại. “Về Bộ Tổng tham mưu đi”, ông bảo họ, “suy nghĩ cho thật kỹ cần làm gì ở khu vực Stalingrad”.

Tối hôm sau Zhukov và Vasilevsky quay lại. Stalin không để phí thời gian. Ông chào hai vị tướng bằng cái bắt tay kiểu dân làm ăn khiến họ ngạc nhiên.

“Rồi, hai đồng chí làm đến đâu rồi nào?” ông hỏi. “Ai báo cáo đây?”

“Ai cũng được”, Vasilevsky đáp. “Chúng tôi có cùng ý kiến”.

Hai vị tướng đã ở lại *Stavka* cả ngày, nghiên cứu các khả năng ước tính xây dựng các tập đoàn quân và các quân đoàn thiết giáp mới trong hai tháng tới. Càng nhìn trên bản đồ vùng lồi của Đức với hai cánh dễ tổn thương, họ càng tin rằng giải pháp duy nhất đáng cân nhắc là cái có thể “thay đổi cục diện chiến lược ở miền nam một cách quyết định”. Zhukov lập luận rằng thành phố Stalingrad phải cầm cự bằng cuộc chiến tiêu hao với một lực lượng vừa đủ để phòng thủ lâu dài. Không được phí phạm bất cứ một đơn vị nào vào những cuộc phản công lẻ tẻ, trừ phi tuyệt đối cần thiết phải kéo địch ra, không để chúng chiếm hết bờ tây sông Volga. Sau đó, khi địch tập trung toàn lực để chiếm thành phố, *Stavka* sẽ bí mật tập kết các tập đoàn quân mới phía sau chiến tuyến cho một trận bao vây tổng lực, dùng những cú thọc sâu vào thật xa phía sau đỉnh vùng lồi.

Stalin mới đầu không tỏ ra nhiệt tình cho lắm. Ông sợ họ để mất Stalingrad và tiếp tục hứng chịu một đòn mất mặt nữa nếu không làm ngay gì đó. Ông đề xuất một phương án thỏa hiệp, đưa các mũi tấn công về gần thành phố hơn, nhưng Zhukov trả lời rằng đại quân của Tập đoàn quân số 6 như vậy cũng gần hơn và có thể được triển khai để đánh vào các mũi tấn công của ta. Rốt cuộc Stalin cũng nhận ra lợi thế của một chiến dịch tham vọng hơn nhiều.

Stalin có ưu điểm hơn hẳn Hitler ở chỗ ông không xấu hổ thấy mình sai. Sau những thảm bại năm 1941, ông không mảy may câu nệ trong việc phục hồi các tư tưởng quân sự bị vùi dập vào những năm 1920 và đầu những năm 1930. Thuyết “chiến dịch thọc sâu” với các đội “xung kích” cơ giới hóa tiêu diệt địch không còn phải giấu giếm giếm giếm như một thứ dị giáo nữa. Trong đêm 13 tháng 9 đó Stalin đã hoàn toàn ủng hộ kế hoạch chiến dịch thọc sâu này. Ông dặn dò hai người bảo đảm “một chế độ bảo mật nghiêm

ngặt nhất”. “Không ai ngoài ba chúng ta được biết về nó khi chưa đến lúc”. Cuộc tấn công được gọi là Chiến dịch Sao Thiên Vương.

Zhukov không chỉ giỏi lập kế hoạch, ông còn là người triển khai xuất sắc nhất. Ngay cả Stalin cũng rất ấn tượng với sự quyết liệt mà ông theo đuổi mục tiêu của mình. Zhukov không muốn lặp lại sai lầm hồi đầu tháng 9 trong các cuộc tấn công phía bắc Stalingrad với lực lượng thiếu huấn luyện và trang bị kém. Nhiệm vụ huấn luyện là rất lớn. Một khi các sư đoàn dự bị được thành lập xong, Zhukov và Vasilevsky đưa họ đến các khu vực mặt trận tương đối yên ổn để huấn luyện trong lửa đạn. Việc này vô tình còn làm cho tình báo quân sự Đức lúng túng. Đại tá Reihard Gehlen, đứng đầu Fremde Heere Ost^[60], người rất năng động nhưng được đánh giá quá cao so với thực lực, bắt đầu nghi ngờ Hồng quân đang chuẩn bị một cuộc tấn công nghi binh lớn nhằm vào Cụm Tập đoàn quân Trung tâm.

Các báo cáo trinh sát và hỏi cung tù binh đều khẳng định cái bẫy mà Chiến dịch Sao Thiên Vương nhắm đến là khu vực do quân Romania trấn giữ hai bên cánh Tập đoàn quân số 6. Vào tuần thứ ba của tháng 9, Zhukov cực kỳ bí mật đến thị sát cánh phía bắc vùng lồi của Đức. Aleksandr Glichov, một trung úy thuộc đại đội trinh sát của Sư đoàn súng trường số 221, một đêm nọ được lệnh có mặt tại Sở Chỉ huy Sư đoàn. Tại đó anh thấy có hai chiếc Willy. Một đại tá hỏi han mấy câu rồi bảo anh giao lại khẩu tiêu liên và ngồi lên ghế trước của một trong hai chiếc xe. Nhiệm vụ của anh là đưa một sĩ quan cấp trên đi dọc tiền duyên.

Glichov phải chờ đến nửa đêm mới thấy từ boong ke sở chỉ huy bước ra một người thân hình vạm vỡ, không quá cao, gần như lọt thỏm giữa các vệ sĩ. Vị sĩ quan cấp trên leo lên ghế sau xe không nói một lời. Glichov làm đúng như được dặn, chỉ đường cho tài xế đi từ vị trí chỉ huy này sang vị trí chỉ huy khác dọc mặt trận. Lúc quay về trước rạng đông, người ta trả lại súng và dặn anh quay về sư đoàn mình thông báo nhiệm vụ hoàn thành. Nhiều năm sau chiến tranh anh mới được người chỉ huy cũ nói cho biết vị sĩ quan cấp trên anh tháp tùng đêm hôm đó, đôi khi cách phòng tuyến Đức chỉ 200 m, chính là Zhukov. Một phó tổng tư lệnh có lẽ chẳng cần tới từng vị trí

chỉ huy hồi han về thực địa và lực lượng địch như vậy, “nhưng Zhukov là Zhukov”.

Trong lúc Zhukov bí mật đi thị sát dọc cánh bắc thì Vasilevsky đến thăm các Tập đoàn quân số 64, 57 và 51 ở phía nam Stalingrad. Ông giục họ tấn công lên bên dưới các hồ muối trong thảo nguyên. Ông không cho họ biết lý do thật, đó là thiết lập một khu vực được bảo vệ tốt làm nơi tập kết của Chiến dịch Sao Thiên Vương.

* * *

Bí mật và những kế hoạch đánh lừa là rất quan trọng để che giấu việc chuẩn bị của họ, hơn nữa Hồng quân còn hai lợi thế đáng giá hơn nữa. Thứ nhất là Hitler nhất định không tin Liên Xô vẫn còn các binh đoàn dự bị, chưa nói đến các đơn vị tăng lớn rất cần cho các chiến dịch thọc sâu. Thứ hai là sự nhận định sai lầm của Đức mới tuyệt hơn nữa, dù Zhukov không biết việc này. Tất cả những cuộc tấn công không hiệu quả vào Quân đoàn tăng số 14 ở cánh bắc gần Stalingrad cho thấy Hồng quân không thể tấn công gây nguy hiểm trong khu vực, càng không thể bao vây nhanh chóng với lực lượng áp đảo toàn bộ Tập đoàn quân số 6 được.

Trong suốt mùa hè, khi Đức sản xuất khoảng 500 xe tăng mỗi tháng, Tướng Halder đã báo cho Hitler rằng Liên Xô đang cho ra 1.200 chiếc mỗi tháng. Quốc trưởng đã đập bàn nói rằng không thể có chuyện đó. Mà thực ra con số đó vẫn còn rất thấp. Trong năm 1942, sản lượng xe tăng của Soviet đã tăng từ 11.000 trong sáu tháng đầu năm lên 13.600 sáu tháng cuối năm, tức là trung bình mỗi tháng cho ra 2.200 chiếc. Sản xuất máy bay cũng tăng từ 9.600 chiếc trong sáu tháng đầu năm lên 15.800 chiếc sáu tháng cuối năm.

Liên Xô đã mất những khu công nghiệp chủ yếu song lại sản xuất nhiều hơn để chế thứ Ba, nói thế làm gì Hitler chả nổi giận không tin. Các lãnh đạo Quốc xã luôn không chịu nhìn nhận sức mạnh tinh thần yêu nước của người Nga. Họ cũng đánh giá thấp chương trình sơ tán ráo riết nền công

nghiệp đến vùng núi Urals và việc quân sự hóa lực lượng lao động. Hơn 1.500 nhà máy đã được sơ tán từ các vùng phía tây Liên Xô sang bên kia sông Volga, nhất là Urals, tập hợp lại một đội ngũ kỹ thuật làm việc cực khổ suốt mùa đông. Không có mấy nhà máy được sưởi ấm. Nhiều nhà máy mới đầu còn không có cửa sổ hay mái lợp tử tế. Một khi các dây chuyền đã khởi động là không bao giờ ngừng, trừ trường hợp hỏng hóc, mất điện hay thiếu các phụ tùng quan trọng. Người thì không đáng lo. Chính quyền Soviet chỉ việc tuyển số dân mới lớn vào làm công nhân. Chấp nhận mọi giá: thời gian, tài năng, và các tai nạn công nghiệp, sự hy sinh tập thể cả cường ép lẫn tự nguyện, chính quyền Soviet đã tạo nên những thành tựu ghê gớm.

Vào lúc Hitler vẫn không chấp nhận cho phụ nữ Đức làm việc trong nhà máy thì việc sản xuất của Liên Xô phụ thuộc vào việc động viên các mẹ các chị tham gia. Hàng chục ngàn phụ nữ mặc đồ vải thô - “những chiến binh vạn năng” - đẩy các tháp pháo xe tăng trên móc cầu vào dây chuyền, hay cầm cuì bên cổ máy tiện, nhiệt thành tin rằng việc mình đang làm sẽ giúp cho chồng con. Những tấm áp phích không ngừng nhắc nhở họ vai trò của mình: “Bạn làm gì để giúp tiền tuyến?”

Chelyabinsk, một trung tâm công nghiệp chiến tranh lớn ở Urals, được gọi là Tankograd - thành phố tăng. Ít lâu sau, các trường huấn luyện tăng được mở gần bên các nhà máy. Đảng tổ chức các mối liên kết giữa công nhân với các đơn vị quân đội, trong khi các nhà máy còn quyên góp để mua thêm nhiều tăng. Một pháo thủ xe tăng tên là Minakov đã sáng tác mấy vần diễn tả dây chuyền sản xuất Ural:

Để giết quân thù

Để vui bè bạn

Xe gì tốt thế

Là T-34!

Về sau có người đề xuất công nhân dây chuyền sản xuất thành lập một trung đoàn tăng tình nguyện Ural số 1. Ban tổ chức thông báo chỉ trong 36 giờ sau khi yết bảng đã có tới “4.363 đơn xin gia nhập, trong đó có tới 1.253 là phụ nữ”.

Ngay cả các trại cải tạo lao động cũng sản xuất được lượng đạn được cao hơn nhiều so với các trại như vậy của Đức. Mà các vụ phá hoại cũng ít hơn hẳn. Tù nhân trong các Gulag cũng tin tưởng vào chiến thắng bọn xâm lược.

Viện trợ của đồng minh ít khi được nhắc tới trong các báo cáo Soviet vì lý do tuyên truyền, nhưng đóng góp của nó để giúp Hồng quân chiến đấu trong mùa thu 1942 cũng không nên bỏ qua. Stalin từng phàn nàn với Zhukov về chất lượng của máy bay chiến đấu Hurricane do Churchill cung cấp, còn xe tăng Anh và Mỹ thì không thể so được với T-34. Ủng và áo choàng quân dụng ủy thác của Anh không được lính Hồng quân ưa chuộng vì chúng vô dụng trong tác chiến mùa đông. Nhưng phương tiện vận tải của Mỹ - nhất là Ford, Willy và xe tải Studebaker và xe Jeep - và thực phẩm, hàng triệu tấn bột mì trong các bao trắng in hình đại bàng Mỹ, các thùng thịt hun khói hay thịt bò hộp từ Chicago đã tạo nên khác biệt lớn, tuy không được công khai thừa nhận, trong khả năng cầm cự của Liên Xô.

* * *

Zhukov biết rõ tầm quan trọng của việc tìm được đúng người chỉ huy các đơn vị cơ giới chiến đấu. Đến cuối tháng 9, ông đòi Stalin chỉ định Tướng Konstantin Rokossovsky, một nạn nhân cũ của NKVD thời Beria, vào chức Tư lệnh Phương diện quân sông Đông, kéo dài từ chỏm phía bắc của Stalingrad sang phía tây đến Kletskaya, ngay phía sau khúc quanh lớn của sông Đông. Cùng lúc đó, Trung tướng Vatutin được giao chỉ huy Phương diện quân Tây Nam mới ngay bên cánh phải Rokossovsky, đối mặt với Tập đoàn quân Romania số 3.

Ngày 17 tháng 10, Bộ Tư lệnh Phương diện quân sông Đông ra lệnh tất cả dân thường “trong vòng 25 km cách tiền tuyến” đến 29 tháng 10 phải di tản hết. Ngoài ý an toàn, nhà chức trách quân sự còn muốn giấu quân trong các làng vào ban ngày trên đường họ ra mặt trận. Đây là một công việc đồ sộ vì người di tản phải đưa theo “bò, cừu, lợn, gà và lương ăn một tháng”. Bò được dùng làm vật kéo và tất cả máy kéo của nông trang tập thể, máy gặt

đập liên hợp và các thứ máy móc giá trị khác cũng được đưa đi. Vài ngàn dân được tuyển vào quân đoàn xây dựng với tổng số hơn 100.000 người, sửa đường sá, cầu cống dọc theo tuyến Saratov-Kamyshin-Stalingrad và các đường khác ra mặt trận.

Từ tuyến đường sắt mới đặt Saratov-Astrakhan, các tuyến đường nhánh tỏa ra các ga đầu cuối ngoài thảo nguyên, nơi quân dự bị của *Stavka* xuống tàu ở sâu phía sau, trước khi đến khu vực tập kết phía sau mặt trận. Áp lực đối với hệ thống đường sắt Soviet phải di chuyển 1.300 toa mỗi ngày cho ba phương diện quân là rất lớn. Lộn xộn là không tránh khỏi. Một sư đoàn bị bỏ lại trong các toa trên một đường nhánh ở Uzbekistan tới gần hai tháng rưỡi.

* * *

Kế hoạch của Chiến dịch Sao Thiên Vương đơn giản nhưng tham vọng đến táo bạo trong tầm mức của nó. Mũi tấn công chính cách Stalingrad hơn 150 km về phía tây sẽ ra đòn theo hướng đông nam từ đầu cầu Serahmovich, một dải đất dài 60 km phía nam sông Đông mà Tập đoàn quân Romania số 3 không đủ sức chiếm giữ. Mũi tấn công này quá xa phía sau Tập đoàn quân số 6 nên các đơn vị cơ giới Đức ở trong hoặc xung quanh Stalingrad không thể lui về kịp thời để tạo nên chênh lệch lực lượng. Trong khi đó, một đòn đánh bên trong từ một đầu cầu khác phía nam sông Đông ở Kletskaya cắt xuống, sau đó tấn công tập hậu Quân đoàn bộ binh số 11 của Strecker trải dài qua cả khúc quanh lớn và khúc quanh nhỏ trên sông Đông. Cuối cùng, từ phía nam Stalingrad một mũi thọc sâu cơ giới nữa tấn công theo hướng tây bắc đến hội quân với mũi tấn công chính ở quanh Kalach. Như vậy sẽ tạo ra một vòng vây Tập đoàn quân số 6 của Paulus và một phần Tập đoàn tăng số 4 của Hoth. Tổng cộng có đến 60% toàn bộ lực lượng tăng của Hồng quân được điều động cho Chiến dịch Sao Thiên Vương.

Việc bảo mật của phía Soviet tỏ ra tốt hơn người ta tưởng nếu lưu ý đến số tù binh và lính Hồng quân đào ngũ chạy sang phía *Wehrmacht*. Tình báo

Đức trong mùa hè năm 1942 đã không nhận ra có tới 5 tập đoàn tăng Soviet được hình thành (mỗi tập đoàn quân này tương đương với một quân đoàn tăng Đức) và 15 quân đoàn tăng (mỗi quân đoàn tương đương một sư đoàn tăng mạnh của Đức). Khi ngày nổ súng đến gần, Hồng quân tập trung chú ý vào *maskirovka*, một thuật ngữ bao gồm đánh lừa, ngụy trang và bảo mật chiến dịch, bằng cách giảm tối đa lượng liên lạc qua điện đài. Các mệnh lệnh được giao cho từng người và không được viết ra. Các biện pháp đánh lừa chủ động bao gồm việc tăng cường hoạt động xung quanh Moskva. Trong khi đó, ở phía nam, các sư đoàn tuyến trước dọc các khu vực trọng yếu cho Chiến dịch Sao Thiên Vương được lệnh dựng tuyến phòng thủ, cốt cho máy bay trinh sát Đức phát hiện, trong khi Phương diện quân Voronezh chả dính dáng gì lại nhận được lệnh chuẩn bị thiết bị bắc cầu và thuyền bè, dường như để tấn công.

Hoạt động quân sự ở các khu vực khác được che giấu bằng cách xây dựng phòng tuyến để tạo ra cảm giác họ không có ý định tấn công. Việc tiếp cận của các đơn vị thuộc Chiến dịch Sao Thiên Vương được thực hiện vào ban đêm, ban ngày ẩn nấp kỹ, một nhiệm vụ khó khăn trên thảo nguyên trống trải, nhưng kỹ thuật ngụy trang của Hồng quân quả thực là hiệu quả. Không dưới 17 cây cầu giả được bắc qua sông Đông để thu hút sự chú ý của Luftwaffe khỏi 5 cây cầu thật dành cho Tập đoàn tăng số 5, Quân đoàn tăng số 4 và hai quân đoàn kỵ binh cùng nhiều sư đoàn súng trường qua sông.

Phía nam Stalingrad, Quân đoàn cơ giới số 13, Quân đoàn cơ giới số 4, Quân đoàn kỵ binh số 4 và các đơn vị hỗ trợ - tổng cộng 160.000 người, 430 xe tăng, 550 khẩu pháo, 14.000 chiếc xe và hơn 10.000 con ngựa - đã được đưa qua hạ lưu sông Volga thành từng tốp trong đêm, một công việc khó khăn và nguy hiểm với những tảng băng trôi từ thượng nguồn xuống. Họ phải ngụy trang xong lúc rạng đông. Dĩ nhiên Hồng quân không hy vọng che giấu được toàn bộ chiến dịch sắp tới, song, như một sử gia nói, “Tài tình nhất là việc họ đã che giấu được tầm cỡ của cuộc tấn công”.

Quân Đức nhận định vùng lồi Rzhev do tập đoàn quân số 9 giữ là khu vực có nhiều khả năng quân Soviet tấn công nhất. Ít ra thì điểm này họ đã không

nhằm. Theo lệnh của Stalin vì vẫn còn e ngại một cuộc tấn công khác vào Moskva, Zhukov đã chuẩn bị một chiến dịch khác mang mật danh “Sao Hỏa”, do Phương diện quân Kalinin và Phương diện quân Tây đảm trách. Vẫn còn chưa chắc chắn liệu “Sao Hỏa” là một chiến dịch nghi binh lớn để trợ lực cho Chiến dịch Sao Thiên Vương hay là một cuộc tấn công thay thế trong trường hợp Chiến dịch Sao Thiên Vương thất bại. Cuộc tấn công này cuối cùng đã mở màn vào ngày 25 tháng 11, một tuần sau Chiến dịch Sao Thiên Vương, với 667.000 quân. Nhưng việc lượng đạn phân phối cho từng khẩu pháo ở chiến dịch vây hãm Stalingrad cao hơn tới 80% cho thấy Chiến dịch Sao Hỏa có vẻ là một đòn nghi binh hơn là một cuộc tấn công ngang bằng. Với lại nguyên việc Zhukov dành nhiều thời gian cho Chiến dịch Sao Thiên Vương hơn cho Chiến dịch Sao Hỏa cũng đủ rõ. Nhật ký của Zhukov cho thấy từ 1 tháng 9 đến 19 tháng 11, ông ở Moskva 19 ngày, chỉ tám ngày rưỡi ở Phương diện quân Kalinin và không dưới 52 ngày rưỡi ở trực Stalingrad.

* * *

Đầu mùa thu năm 1942, đa số tướng lĩnh Đức tuy không chia sẻ với Hitler niềm tin rằng Hồng quân đã gục hẳn nhưng cũng chắc chắn là nó đã kiệt sức. Các sĩ quan tham mưu thì trái lại, thường có xu hướng hoài nghi. Khi Đại úy Winrich Behr, một sĩ quan nhiều thành tích từ quân đoàn châu Phi được điều về Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6, Trung tá Niemeyer, chủ nhiệm quân báo, đã chào đón anh ta bằng những nhận định ảm đạm hơn mong đợi. “Bạn thân mến”, ông nói, ‘lại xem bản đồ tình hình này. Nhìn tất cả các dấu đỏ mà xem. Quân Nga đang tập trung về phía bắc chỗ này và phía nam chỗ này’. Niemeyer cảm thấy cấp trên, tuy có lo về mối đe dọa đến các tuyến liên lạc nhưng không hề coi nguy cơ bị vây là nghiêm trọng.

Paulus và Schmidt đã đọc tất cả các báo cáo của Niemeyer lại nghĩ rằng lo lắng của anh ta là quá cường điệu. Cả hai viên tướng đều đoán sẽ có các cuộc tấn công mạnh với pháo và tăng nhưng không phải là một cuộc tấn

công tổng lực thọc sâu vào tuyến sau theo chiến thuật *Schiwerpunkt* của Đức. (Sau sự kiện này, Paulus xem ra lại sa vào cái thói thường của người đời, cho rằng ông đã nhận thấy nguy cơ thực sự từ lâu. Nhưng Schmidt thì thẳng thừng thừa nhận rằng họ đã quá chủ quan khinh địch.) Trái lại, Tướng Hoth có vẻ đã nhận thấy rõ hơn nhiều mối đe dọa của một cuộc tấn công từ phía nam Stalingrad.

Ở bên Đức thì hầu hết các tướng đều tin rằng Liên Xô không thể mở hai cuộc tấn công, còn nhận định của Đại tá Gehlen thì tuy có mập mờ đưa ra tất cả các tình huống nhưng vẫn tiếp tục cho rằng một cuộc tấn công vào Cụm Tập đoàn quân Trung tâm là khu vực nhiều khả năng sẽ là hướng tấn công chính mùa đông. Tổ chức của ông ta đã không nhận thấy sự hiện diện của Tập đoàn tăng số 5 trong Phương diện quân sông Đông đối diện với quân Romania. Họ chỉ chặn được một bức điện ngay trước trận tấn công cho thấy sự dính dáng của nó.

Điều sững sốt nhất trong giai đoạn này là sự thừa nhận của Paulus và Schmidt rằng một khi Tập đoàn quân số 6 đã gửi báo cáo về rồi thì họ không thể làm gì hơn được vì khu vực bị uy hiếp nằm ngoài phần trách nhiệm của họ. Sự thụ động đó hoàn toàn trái với truyền thống Phổ, vốn coi việc bó tay ngồi chờ lệnh mà không tự mình suy nghĩ là không thể tha thứ với một chỉ huy. Dĩ nhiên là Hitler đã tìm cách bóp nghẹt tính độc lập đó ở các tướng lĩnh của mình, còn Paulus do bản chất là một sĩ quan tham mưu hơn là một tư lệnh chiến trường nên đã chấp nhận.

Sau này Paulus hay bị chỉ trích là không nghe lời Hitler khi tầm cỡ của thảm họa đã hiện rõ, nhưng thất bại thực sự của ông chính là việc ông không chuẩn bị để đối phó với nguy cơ. Ông chỉ việc rút phần lớn xe tăng của mình từ các trận đánh vô bổ trong thành phố về để chuẩn bị một lực lượng cơ giới mạnh sẵn sàng phản ứng nhanh là xong. Các kho quân nhu và đạn dược cần bố trí lại để bảo đảm xe cộ của mình sẵn sàng di chuyển được ngay khi cần. Mức chuẩn bị tương đối nhỏ như vậy - và một chút bất tuân đại bản doanh của *Fuhrer* - là đủ để Tập đoàn quân số 6 có được vị thế cần thiết để tự bảo vệ mình lúc nguy cấp.

Hitler đã quy định trong chỉ thị ngày 30 tháng 6 rằng các đơn vị không nên liên lạc với đơn vị bên cạnh. Tướng Schmidt thì lại bị các sĩ quan tham mưu xui bỏ qua chỉ thị đó. Một sĩ quan mang theo điện đài đã được Tập đoàn quân số 6 cử sang quân Romania ở phía tây bắc. Đó là Trung úy Gerhard Stock, người từng đoạt huy chương vàng ném lao tại Thế vận hội Berlin năm 1936. Tướng Strecker cũng đã thu xếp đưa một sĩ quan liên lạc từ Quân đoàn số 11 sang.

Cảnh báo đầu tiên về sự rục rịch ở cánh sông Đông đã đến từ cuối tháng 10. Tướng Polihron Dumitrescu, Tư lệnh Tập đoàn quân Romania số 3 từ lâu đã cho rằng khu vực của ông chỉ có thể bảo vệ nếu giữ được toàn bộ bờ sông, dùng chính sông Đông làm chướng ngại chống tăng chính. Dumitrescu đã đề nghị đánh chiếm nốt phần còn lại của bờ nam vào cuối tháng 9, nhưng Cụm Tập đoàn quân B dù vẫn chấp nhận lập luận của ông nhưng lại giải thích rằng toàn bộ quân dự bị đều đã tập trung ở Stalingrad, mà việc chiếm nó là chẳng chóng thì chầy.

Ngay khi bắt đầu thấy địch rục rịch, quân Romania càng thêm lo lắng. Mỗi sư đoàn của họ chỉ có 7 tiểu đoàn, phải bao hết một tuyến dài gần 20 km. Điểm yếu lớn nhất của họ là thiếu vũ khí chống tăng hữu hiệu. Họ chỉ có một ít pháo chống tăng Pak 37mm do ngựa kéo mà quân Nga đặt tên là “nằm gõ cửa” vì đạn của nó không xuyên nổi vỏ thép T-34. Các trận địa pháo Romania cũng rất thiếu đạn vì dành ưu tiên cho Tập đoàn quân số 6.

Ban Tham mưu của Dumitrescu đã báo cáo những lo ngại của mình lên bộ chỉ huy cụm tập đoàn quân vào ngày 29 tháng 10, Thống chế Antonescu cũng đã lưu ý Hitler về tình huống nguy hiểm mà quân đội của ông đang đối mặt nhưng Hitler ngoài việc đang ngóng tin chinh phục dứt điểm Stalingrad lại còn bị phân tâm về các sự kiện cấp thời lúc bấy giờ. Việc Rommel rút khỏi trận chiến El Alamein rồi tiếp đến những cảnh báo hạm đội can thiệp Anh-Mỹ đang hướng đến Bắc Phi. Cuộc đổ bộ của Chiến dịch Ngọn đuốc cũng thu hút sự chú ý của ông vào Pháp. Việc lực lượng Đức tiến vào vùng chưa bị chiếm ngày 11 tháng 11 cũng trùng với ngày Paulus phát động cuộc tấn công cuối cùng của mình trong Stalingrad.

Đến lúc này các cảnh báo về cuộc tấn công của quân Soviet vào vùng lõi đã bắt đầu dồn dập. Sĩ quan liên lạc báo cáo ngày 7 tháng 11 rằng “Tập đoàn quân Romania số 3 đang chờ đợi một cuộc tấn công mạnh mẽ có cả xe tăng của địch vào ngày 8 tháng 11 ở khu vực Kletskaya-Raspopinskaya”. Có điều quân Romania cứ tiếp tục chờ quân Nga bắt đầu tấn công thêm 24 giờ nữa mà chẳng thấy gì, nhất là sau dịp kỷ niệm 25 năm Cách mạng Tháng Mười yên ổn, vụ này có vẻ là chuyện thần hồn nát thần tính.

Trái lại, Tướng Richthofen ngày càng tin vào bằng chứng mà các tổ trinh sát của ông thu thập được. Ngay cả lúc trận tấn công ngày 11 tháng 11 của Paulus đang diễn ra, ông vẫn tách một phần Quân đoàn không quân số 8 đánh phá các điểm tập trung quân Nga đối diện Tập đoàn quân Romania số 3. Hôm sau ông viết trong nhật ký: “Trên sông Đông, quân Nga nhất định đang chuẩn bị cho một cuộc tấn công nhằm vào quân Romania. Quân đoàn không quân số 8, toàn bộ Không đoàn số 4 và cả không quân Romania đang liên tục tấn công chúng. Quân dự bị của chúng lúc này đang tập kết. Tôi đang thắc mắc lúc nào cuộc tấn công bắt đầu!”

Ngày 14 tháng 11, ông ghi lại: “Thời tiết đang tệ đi, sương giá làm cánh máy bay bị đóng băng và những cơn mưa giông lạnh buốt. Trên mặt trận Stalingrad mọi thứ yên tĩnh. Máy bay ném bom của ta đánh phá thành công trên tuyến đường sắt phía đông Stalingrad, làm đứt đoạn dòng viện binh và hậu cần. Máy bay tiêm kích và tiêm kích-oanh tạc đã tập trung đánh tan quân Nga đang hành quân tiếp cận sông Đông”.

Không quân Đức quét qua vùng tuyến sau của quân Soviet đã phát hiện một phần Tập đoàn tăng số 5 đang vượt sông Đông và suýt hạ được hai mục tiêu quan trọng. Khrushchev và Yerenenko đùng máy bay Đức ở Svetly-Yar, nơi họ đang tiếp một phái đoàn đến từ Uzbekistan mang theo 37 toa quà cho những người bảo vệ Stalingrad, trong đó có rượu vang, thuốc lá, dưa sấy, gạo, táo, lê và thịt.

Phản ứng trước mối đe dọa của các cấp chỉ huy khác nhau - đại bản doanh của *Fuhrer*, Bộ Chỉ huy Cụm tập đoàn quân B và Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 - không chỉ là vấn đề quá ít, quá chậm. Ảo tưởng dễ lay của Hitler cũng

góp một phần. Ông đã cố che đậy bằng cách ra lệnh tăng cường cho quân Romania các đơn vị Đức và các bãi mìn, nhưng ông không chịu chấp nhận rằng chẳng còn nguồn lực cũng như một đơn vị hữu dụng nào.

Tất cả những gì còn lại để tăng cường cho cánh bắc bị đe dọa là Quân đoàn tăng số 48 do Trung tướng Ferdinand Heim, cựu Tham mưu trưởng của Paulus chỉ huy. Trên giấy tờ thì quân đoàn này có vẻ hùng hậu với Sư đoàn tăng số 14, Sư đoàn tăng số 22 và sư đoàn tăng Romania số 1 cùng với một tiểu đoàn chống tăng và một tiểu đoàn pháo binh cơ giới, nhưng xét kỹ lại thì nó không ghê gớm thế. Cả quân đoàn tăng chỉ có chưa đến 100 xe tăng đời mới còn dùng được cho cả ba sư đoàn.

Sư đoàn tăng số 14 vốn đã bị đánh què trong lúc vây Stalingrad mà chưa có dịp nào chinh đồn lại. Bên Romania thì được trang bị những chiếc tăng hạng nhẹ Skoda của Tiệp Khắc, không cách gì cự nổi T-34 của Nga. Sư đoàn tăng số 22 là một đơn vị dự bị, rất khát nhiên liệu và trong một thời gian dài không hoạt động, chuột đã chui vào dưới vỏ thép trú ngụ. Chúng đã cắn nát lớp cách điện của đường dây điện và lúc này không làm sao mà thay ngay được. Trong khi đó, các trung đoàn khác của sư đoàn cứ bị xé lẻ gửi chỗ này chỗ kia theo tiếng kêu cứu của các đơn vị Romania. Để trấn an quân Romania, các phân đội nhỏ lẻ vài ba xe tăng với dăm khẩu pháo chống tăng được đưa đến để “săn ngỗng trời” từ khu này sang khu khác giống như gánh xiếc rong. Tùy viên không quân của *Fuhrer*, Nicolaus von Below, nói rằng “Hitler bị thông tin sai về chất lượng của quân đoàn tăng này”, nhưng dù có đúng thế đi nữa thì chính ông là một trong những người đã tạo ra bầu không khí mà ở đó người của các sở chỉ huy cố tránh nói ra sự thật chối tai.

Ở phía nam Stalingrad, đơn vị dự bị duy nhất ở phía sau Quân đoàn Romania số 4 là Sư đoàn bộ binh cơ giới số 29, nhưng vào ngày 10 tháng 11 nghe nói “nó nhận được mật hiệu “Hubertusjagd”, đã phải vội vàng lên đường đến Perelazovsky trong khu vực của Tập đoàn quân Romania số 3 trong thời gian ngắn nhất”. Perelazovsky là tâm điểm của Quân đoàn tăng số 48. Bất chấp mọi cảnh báo của Tướng Hoth, mối nguy hiểm ở cánh nam đã không được để ý.

Thời tiết nửa đầu tháng 11 khiến cho cuộc hành quân tiếp cận của các đơn vị Soviet trở nên khó khăn. Mưa lạnh rồi bất ngờ giá rét. Nhiều đơn vị trong lúc vội vàng chuẩn bị cho Chiến dịch Sao Thiên Vương đã chưa nhận được trang phục đông. Không chỉ thiếu găng tay và mũ mà cả các món như xà cạp tiêu chuẩn của Hồng quân để quần thay tất.

Ngày 7 tháng 11, khi Sư đoàn kỵ binh số 81 thuộc Quân đoàn kỵ binh số 4 băng qua thảo nguyên Kalmyk về phía cánh nam, 14 người, chủ yếu là người Uzbek và Turkistan chưa kịp nhận quân trang mùa đông, đã chết rét “do thái độ thiếu trách nhiệm của cấp chỉ huy”. Các sĩ quan phi ngựa phía trước, không biết có chuyện gì xảy ra đằng sau. Những người lính bị cónh lạnh không giữ được, ngã ngựa, còn các hạ sĩ quan thì không biết phải làm gì, đành ném họ lên xe kéo và họ bị lạnh đến chết. Chỉ riêng trong một chi đội đã mất tới 35 con ngựa. Vài người lính cố trốn tránh trận đánh sắp tới. Trong Sư đoàn súng trường số 93, trên đường hành quân tiếp cận đã có bảy vụ tự thương và hai kẻ đào ngũ bị bắt lại. “Trong vài ngày sau đó”, Phương diện quân Stalingrad báo cáo lên Shcherbakov, “những kẻ phản bội khác cũng cố thử, trong đó có cả một đảng viên cộng sản trong lúc gác đã tự bắn vào tay trái”.

Bầu không khí trong điện Kremli trở nên căng thẳng từ khi Zhukov tự nhận một nhiệm vụ không ai muốn là thông báo cho Stalin biết việc phát động Chiến dịch Sao Thiên Vương phải hoãn lại 10 ngày, cho đến 19 tháng 11. Những khó khăn trong giao thông vận tải, chủ yếu là thiếu xe tải, khiến các đơn vị tấn công chưa được phân phối nhiên liệu và đạn dược. Stalin mặc dù lo địch sẽ đánh hơi thấy mà tránh được cái bẫy nhưng không còn biết làm sao, đành đồng ý. Ông cứ hành hạ *Stavka* phải cho ông biết ngay mọi thay đổi trong bố trí của Tập đoàn quân số 6. Thế rồi đến ngày 11 tháng 11, Stalin lại lo không có đủ máy bay để ngăn cản Luftwaffe. Nhưng quy mô và chi tiết trong kế hoạch của Zhukov rốt cuộc đã làm ông yên lòng. Bấy giờ ông mới cảm thấy rốt cuộc cũng báo được thù.

Zhukov và Vasilevsky bay về Moskva để hội ý chớp nhoáng với ông vào ngày 13 tháng 11. “Chúng tôi có thể nói là ông hài lòng”, Zhukov viết, “vì ông cứ thong thả hút tẩu, vuốt ria và lắng nghe không ngắt lời”.

Quân báo Hồng quân lần đầu tiên đã quyết phối hợp các nguồn khác nhau. Đó là cơ hội thực sự đầu tiên để chứng tỏ mình vì tất cả những tai họa trước đây phần lớn là do những định kiến đầy ám ảnh của Stalin, không thèm đếm xỉa đến tài liệu chuẩn xác đã được xử lý^[61]. Tin tình báo phần lớn đến từ những “cái lưỡi” do các nhóm trinh sát bắt được, từ các cuộc tấn công thăm dò và từ trinh sát trên không. Tình báo điện đài từ các đơn vị điện báo cũng giúp xác định phiên hiệu một số đơn vị quân Đức. Trinh sát pháo binh làm khá tốt với Tướng Nikolay Voronov giám sát việc tập trung các trung đoàn trong những khu vực then chốt. Trong khi đó công binh vẽ sơ đồ các bãi mìn của ta lẫn của địch từ trước. Rắc rối chủ yếu là sương giá, thứ mà Tướng Richthofen cũng bực không kém.

Ngày 12 tháng 11, đợt tuyết nặng đầu tiên rơi trùng với một loạt nhiệm vụ trinh sát. Đồ ngũ trang màu trắng được phát và các nhóm tỏa ra bắt tù binh được dặn phải kiểm tra xem có đơn vị nào mới được điều đến các khu vực được chọn để đột phá không. Đại đội trinh sát thuộc Sư đoàn súng trường số 173 lần đầu tiên phát hiện quân Đức đang chuẩn bị boong ke bê tông. Các tù binh khác do các nhóm đột kích bắt về từ khắp tuyến mặt trận cũng khẳng định rằng mặc dù làm boong ke bê tông nhưng không có đơn vị nào mới đến. Trên mặt trận của Tập đoàn quân Romania số 3, họ phát hiện thấy các sĩ quan cao cấp lấy hết các thứ cung cấp để đổ bê tông sở chỉ huy của mình ở hậu tuyến trước tiên, chẳng còn gì dùng được cho các trận địa tiền duyên. Quân Nga đang bố trí ở các khu vực sắp phát động tấn công “đã biết có gì đó sắp diễn ra, nhưng không biết chính xác là gì”.

Mỗi bận tâm chính ở Moskva lúc này là không có thông tin xác thực về trạng thái tinh thần của Tập đoàn quân số 6. Trong trận đánh xung quanh Stalingrad cho đến lúc này chưa có sở chỉ huy đầy đủ cấp trung đoàn nào bị tràn qua, thành ra ngoài những thư từ đơn lẻ và các mệnh lệnh thu được ở cấp thấp thì không có gì nhiều để suy đoán. Cuối cùng, vào ngày 9 tháng 11,

Thiếu tướng Petr Ratov của tình báo Hồng quân đã nhận được những tài liệu thu được từ Sư đoàn bộ binh số 384 nằm đối diện với khúc quanh nhỏ sông Đông, một sư đoàn hỗn hợp các trung đoàn Saxon và Áo. Ông lập tức nhận ra, rốt cuộc đây là bằng chứng mà họ chờ đợi. Các bản dịch lập tức được gửi cho Stalin, Beria, Molotov, Malenkov, Voroshilov, Vasilevsky, Zhukov và G. Aleksandrov, trưởng Ban Tuyên truyền và Cổ động [của Đảng Cộng sản Liên Xô]. Tướng Ratov chắc chắn có thể hình dung được niềm hân hoan mà những thông tin trên đưa lại cho vị Lãnh tụ Vĩ đại. Chúng còn thêm phần khích lệ gấp bội vì đơn vị đến từ Dresden này không dính dáng gì đến cuộc chiến đường phố ở Stalingrad cả.

“Tôi rất thấu hiểu tình trạng của sư đoàn”, viên tướng Eccard *Freiherr* (Nam tước) von Gablenz viết cho tất cả các chỉ huy trong Sư đoàn bộ binh số 384. “Tôi biết rằng nó không còn sức mạnh nữa. Cũng không có gì lạ, và tôi sẽ cố hết sức để cải thiện tình cảnh của sư đoàn, nhưng cuộc chiến thật khốc liệt và mỗi ngày càng khốc liệt hơn. Tình thế là không thể thay đổi được. Tình trạng buông xuôi của phần lớn binh sĩ cần được chấn chỉnh bằng việc lãnh đạo tích cực hơn. Các chỉ huy cần nghiêm khắc hơn. Trong mệnh lệnh của tôi ngày 3 tháng 9 năm 1942, số 187-42, tôi đã quy định rằng kẻ nào rời bỏ vị trí phải bị buộc ra tòa án binh... Tôi sẽ hành động với tất cả sự nghiêm khắc mà luật đòi hỏi. Những ai ngủ gật trong vị trí của mình ở tiền tuyến sẽ bị tử hình. Điểm này thì không ai được phép nghi ngờ. Bất tuân lệnh cũng chịu hình phạt này... thể hiện qua những hiện tượng sau: không giữ gìn vũ khí, thân thể, trang phục, ngựa và phương tiện cơ giới”. Các sĩ quan cần phải cảnh báo binh sĩ của mình rằng “họ phải tính đến việc ở lại Nga suốt mùa đông này”.

* * *

Các đơn vị cơ giới Soviet được ngụy trang kín đáo ở phía sau di chuyển lên vị trí xuất phát. Hỏa mù được thả để che kín họ lúc vượt sông Đông đến

các đầu cầu, rồi ngay phía sau chiến tuyến, loa phóng thanh từ các đại đội tuyên truyền phát nhạc và các thông điệp chính trị để che lấp tiếng máy.

Trên ba mặt trận “trục Stalingrad” giờ đây đã có hơn một triệu người tụ lại. Tướng Efim Smirnov, cục trưởng quân y, có trong tay 119 bệnh viện dã chiến với 62.000 giường sẵn sàng cho thương binh. Mệnh lệnh được phát ra ba giờ trước lúc tấn công. Các đơn vị Hồng quân được thông báo họ sẽ đánh thọc sâu vào phía sau lưng địch. Không một lời nhắc tới bao vây. Binh sĩ cực kỳ phấn khích với ý nghĩ rằng quân Đức không biết cái gì sắp đánh chúng. Đây là khởi đầu của trả đòn. Xe cộ được kiểm tra đi kiểm tra lại. Họ có cả một chặng đường dài phải đi phía trước. Máy móc được kiểm tra, lắng nghe “như thầy thuốc nghe tim”. Thời gian để viết thư, cạo râu, giặt xà cạp, chơi cờ hay chơi domino đã hết. “Cán bộ chiến sĩ được lệnh nghỉ ngơi, nhưng họ đang quá phấn khích. Ai nấy điếm lại trong đầu xem mọi thứ đã làm xong hết chưa”.

Vào đêm trước trận đánh đó, quân Đức không hề cảm thấy ngày mai sẽ có gì khác. Báo cáo hằng ngày của Tập đoàn quân số 6 rất ngắn gọn: “Trên khắp mặt trận không có thay đổi lớn. Băng trôi trên sông Volga yếu hơn hôm trước”. Đêm đó, một người lính đang mong về phép, viết về nhà, hồi tưởng lại việc mình đang ở “2.053 dặm cách biên giới nước Đức”.

PHẦN BỐN
CÁI BẦY CỦA ZHUKOV

CHIẾN DỊCH SAO THIÊN VƯƠNG

Hơn 5 giờ sáng thứ Năm, 19 tháng 11, điện thoại đổ chuông trong Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6. Ban tác chiến trú ở Golubinsky, một làng Cossack lớn trên bờ phải sông Đông. Bên ngoài trời bắt đầu đổ tuyết, cộng thêm sương giá nữa, tầm nhìn lính gác chỉ không quá vài mét.

Đó là Trung úy Gerhard Stock, huy chương vàng ném lao đang đi theo Quân đoàn bộ binh Romania số 4 ở khu vực Kletskaya. Thông báo của anh ta được ghi lại trong nhật ký tác chiến: “Theo lời một sĩ quan Nga bị bắt tại khu vực Sư đoàn kỵ binh số 1 Romania, cuộc tấn công được dự đoán sẽ bắt đầu lúc 5 giờ hôm nay”. Vì vẫn chưa có thêm dấu hiệu nào của một cuộc tấn công đang bắt đầu mà đã hơn 5 giờ nên sĩ quan trực ban không đánh thức Tham mưu trưởng tập đoàn quân. Tướng Schmidt sẽ nổi quạu nếu bị làm phiền vì báo động giả, mà gần đây những chuyện như vậy vẫn xảy ra liên tục với các sư đoàn Romania đóng ở phía tây bắc.

Kỳ thực, suốt đêm qua công binh Soviet mặc đồ ngủ trang màu trắng đã bò trong tuyết lên trước để gỡ mìn chống tăng. Vào lúc 7 giờ 20 phút theo giờ Nga, tức 5 giờ 20 phút giờ Đức, nhận được mật hiệu “Siren”, pháo và cối Nga ồ ạt nhả đạn. Một viên tướng Nga nói rằng sương giá trắng đục “đặc như sữa”. Bộ chỉ huy Phương diện quân tính hoãn tiếp vì tầm nhìn kém nhưng rồi vẫn quyết định bắt đầu. Mười phút sau, các trung đoàn pháo binh các loại và rocket *Katyusha* nhận được lệnh chuẩn bị bắn. Mệnh lệnh được truyền tiếp bằng kèn mà chắc quân Romania bên kia chiến tuyến nghe rõ.

Ở Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6, điện thoại lại reo. Không nhiều lời, Stock bảo Đại úy Behr đang nghe máy rằng tiếng kèn báo hiệu một trận dập pháo ồ ạt bắt đầu. “Tôi thấy quân Romania chắc không chống nổi, nhưng tôi

sẽ thông báo tiếp”. Không chút chần chừ Behr đánh thức Tướng Schmidt ngay lúc đó.

Trên hai khu vực chính được chọn để tấn công từ phía bắc, khoảng 3.500 pháo và cối hạng nặng tập trung bắn mở đường cho một tá sư đoàn bộ binh, ba quân đoàn xe tăng và hai quân đoàn kỵ binh. Những loạt đạn đầu gầm lên như sấm động giữa trời quang. Bắn trong sương mù dày đặc nên các sĩ quan hiệu chỉnh đường đạn không thấy gì, các dàn pháo và *Katyusha* không chỉnh được, nhưng nhờ đã đo cự ly từ mấy ngày trước nên bắn vẫn chuẩn.

Mặt đất bắt đầu rung lên như trong một trận động đất. Băng trong các vũng nước rạn nứt như mảnh gương cũ. Trận pháo dữ dội đến mức cách 50 km về phía nam, các sĩ quan quân y thuộc Sư đoàn tăng số 22 đang trong giấc ngủ nặng nề phải thức giấc, “vì mặt đất rung bần bật”. Họ không cần đợi lệnh. “Tình hình đã rõ”. Họ chất đồ lên xe, sẵn sàng ra mặt trận.

Lính Nga ở các Phương diện quân sông Đông và Stalingrad cũng nghe thấy tiếng pháo rền từ xa và hỏi sĩ quan có chuyện gì. Các chỉ huy đáp: “Không biết”. Ý thức bảo mật ám ảnh đến mức không hề có thông báo gì cho đến khi trận chiến kết thúc hẳn. Tất nhiên phần đông đã đoán ra và khó mà kìm nén được phấn khích. Trong bài phát biểu 12 ngày trước đó nhân kỷ niệm 25 năm Cách mạng, Stalin đã bóng gió về một trận phản công lớn bằng câu “sẽ có lễ hội cả trên đường phố của chúng ta”.

Một giờ sau, các sư đoàn súng trường Soviet tấn công không có xe tăng yểm trợ. Pháo và *Katyusha* vẫn bắn mù, tăng tầm nhắm vào lính Romania trên tuyến hai và pháo của họ. Bộ binh trang bị kém của Romania tuy rúng động trước cuộc pháo kích nhưng đã đứng dậy trong chiến hào và dũng cảm đánh trả. “Cuộc tấn công đã bị đẩy lùi”, một sĩ quan Đức đi cùng Sư đoàn bộ binh số 13 Romania báo cáo. Đợt tấn công thứ hai, lần này có xe tăng yểm trợ cũng bị đánh bật lại. Cuối cùng, lại thêm một đợt pháo nữa dội xuống rồi đột ngột ngừng bật. Sương mù dường như làm sự yên lặng càng sâu thẳm. Lúc đó quân Romania mới nghe thấy tiếng xe tăng.

Trận pháo chuẩn bị cấp tập bắn tung tuyết và bùn đất trên dải phân tuyến làm khó cho T-34 di chuyển. Nó còn xóa nhòa mất con đường được đánh

dấu qua bãi mìn. Lính công binh ngồi trên chiếc tăng thứ hai hoặc thứ ba, sẵn sàng trong trường hợp chiếc thứ nhất trúng mìn, chẳng mấy chốc phải đáp lại mệnh lệnh: “Công binh, xuống!” Dưới làn đạn của bộ binh Romania, họ chạy lên trước dọn đường.

Lính Romania can đảm cầm cự thêm vài đợt bộ binh Soviet nữa, hạ được vài chiếc tăng, nhưng vì không đủ vũ khí chống tăng nên họ thua. Mấy tốp tăng đột phá qua và tản ra tấn công. Không thể để phí thêm thời gian cho các đợt tấn công bộ binh, các tướng Soviet tung ngay các đơn vị cơ giới ào ạt tràn qua các tuyến phòng thủ Romania và cửa khẩu chính đã đột phá xong vào khoảng giữa trưa. Quân đoàn tăng số 4 và Quân đoàn kỵ binh cận vệ số 3 phá tan Quân đoàn Romania Số 4 ở khu vực Kletskaya và xông thẳng xuống hướng nam. Quân kỵ Soviet, tiểu liên khoác sau lưng phi nước kiệu trên con ngựa Cossack nhỏ thó, lông lá, băng qua vùng đất tuyết phủ trắng xóa nhanh chẳng kém gì xe tăng. Những chiếc T-34, pháo chĩa thẳng phía trước, trông như đang hăm hờ xông vào quân thù.

Nửa giờ sau, cách đó chừng 50 km về phía tây, Tập đoàn tăng số 5 của Tướng Prokofi Romanenko đập tan tuyến phòng thủ của Quân đoàn Romania số 2. Bánh xích rộng của tăng T-34 cán bẹp hàng rào kẽm gai và nghiền nát chiến hào. Quân đoàn kỵ binh số 8 theo sau ngay. Nhiệm vụ của nó là bảo vệ cánh phải và mở rộng vòng vây về phía tây.

Đến giữa buổi, gió xua tan sương mù, thế là một số máy bay thuộc các tập đoàn không quân Soviet số 2, 16 và 17 vào trận. Các căn cứ của Luftwaffe xem ra vẫn chưa hết sương mù hoặc bộ phận kiểm soát không lưu của họ không liều như người Nga. “Một lần nữa người Nga đã cao tay lợi dụng thời tiết xấu”, Richthofen viết trong nhật ký đêm đó, nặng về cảm xúc hơn là lý trí. “Mưa, tuyết và sương giá buộc phải ngừng hết các chuyến bay. Quân đoàn không quân số 8 xoay sở khó khăn lắm mới cho cất cánh được một hai chiếc. Không thể ném bom cắt đứt đường vượt sông Đông được”.

* * *

Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 không được chính thức thông báo về cuộc tấn công tới tận 9 giờ 45 sáng. Phản ứng trong giai đoạn này cho thấy rằng, mặc dù hiểm họa được coi là nghiêm trọng nhưng chưa ai nghĩ đó là hiểm họa chết người. Các cuộc tấn công bên trong Stalingrad, ngay cả có xe tăng yểm trợ, vẫn cứ tiếp diễn.

Vào lúc 11 giờ 5 phút, Tướng Georg von Sodenstern, Tham mưu trưởng của Cụm Tập đoàn quân B gọi cho Schmidt thông báo rằng Quân đoàn tăng số 48 của Tướng Heim đã được phái lên phía bắc đến Bolshoy để giúp quân Romania. (Lúc đó quân đoàn đang tiến đến khu vực Kletskaya, mệnh lệnh được truyền từ Hitler ở Bavaria tới, bắt phải chuyển hướng làm Tướng Heim nổi nóng). Sodenstern đề xuất Tập đoàn quân số 6 nên bảo Quân đoàn số 11 của Tướng Strecker cử quân đến tăng cường phòng thủ phía đông Kletskaya, nơi sư đoàn kỵ binh Romania số 1 đang cầm cự. Đến lúc này họ nghe nói mới nhìn thấy có 20 xe tăng địch - “cho đến giờ chỉ là một cuộc tấn công nhỏ”. Đến 11 giờ 30 phút, một trung đoàn thuộc Sư đoàn bộ binh Áo số 44 nhận lệnh di chuyển sang phía tây ngay đêm đó. Đó là màn bắt đầu của một quá trình sẽ trói chặt một phần của Tập đoàn quân số 6 bên trong khúc quanh của sông Đông và cản trở sự tự do hành động của nó.

Dù đã có sĩ quan liên lạc và đường điện thoại mới lắp đặt, rất ít thông tin chi tiết đến nơi. Hơi hướng đầu tiên cho biết tình hình có thể nguy hiểm hơn người ta tưởng lúc đầu, mãi hơn hai giờ sau khi quân Soviet đột phá xong, mới đến. Tin tức về “một mũi nhọn thiết giáp địch” (thực ra đó là Quân đoàn tăng số 4 của Thiếu tướng Andrei Kravchenko) đã chọc thủng bên phải xuyên qua Sư đoàn bộ binh số 13 Romania và tiến được hơn 10 km về phía Gromky. Tin này đã gieo hoảng loạn tới sở chỉ huy của một số đơn vị Romania: “Các thùng tài liệu và đồ đạc cá nhân” bị quăng lên xe tải, người thì vội vàng rút đi. Về bước tiến của một mũi tấn công khác, thậm chí còn lớn hơn, là Tập đoàn tăng số 5 của Romanenko xa hơn về phía tây, thì còn tù mù hơn nữa.

Việc cứ thản nhiên điều cái gọi là Quân đoàn tăng số 48 lên phía bắc để phản công chứng tỏ hàng ngũ sĩ quan cao cấp của Đức đã để mình bị những

hoang tưởng của Hitler thao túng đến mức nào. Một quân đoàn tăng Đức có thể còn hơn cả một tập đoàn tăng Soviet, nhưng số tăng còn chiến đấu được của quân đoàn này còn chưa gộp đủ một sư đoàn. Sư đoàn tăng số 22 chỉ có hơn 30 xe chiến đấu được, đã thế nó còn thiếu nhiên liệu nên phải vay từ dự trữ của Romania. Chuyện đùa về chuột cắn dây điện lan khắp tập đoàn quân, nhưng chẳng còn ai cười nổi khi cần đưa nó ra xài.

Những thay đổi trong mệnh lệnh còn làm cho mọi sự tệ hơn. Đáng lẽ dàn toàn bộ quân đoàn tăng của Heim như kế hoạch, thì Sư đoàn tăng số 1 Romania lại bị đổi hướng khi đã lên đường. Việc tách ra này đưa đến tai họa về sau. Một cuộc tấn công bất ngờ của quân Soviet vào sở chỉ huy của nó đã phá hỏng điện đài của sĩ quan liên lạc Đức, phương tiện duy nhất để liên lạc với sở chỉ huy của Tướng Heim, và thế là suốt mấy ngày sau đó hai bên chẳng có liên hệ gì với nhau được.

Đáng ngạc nhiên nhất ở chuỗi các sự kiện trong ngày hôm đó là tướng Paulus không có phản ứng gì. Đã không tổ chức được một lực lượng xung kích cơ giới đón đánh đòn tấn công của địch, ông lại còn cứ bình chân như vại, chẳng làm gì tiếp. Các sư đoàn tăng số 16 và 24 vẫn còn lại với nhiều đơn vị chủ chốt đang bị sa lầy trong cuộc chiến đường phố ở Stalingrad. Không có một động thái nào nhằm chuẩn bị nhiên liệu và đạn dược, sẵn sàng tiếp thêm cho xe tăng của họ.

* * *

Trong buổi chiều 19 tháng 11, xe tăng Soviet sóng hàng tiến về hướng nam qua màn sương giá. Vì có ít vật chuẩn giữa khoảng tuyết mênh mông trắng xóa nên người địa phương được gọi đến dẫn đường cho các đơn vị mũi nhọn, nhưng thế vẫn chưa đủ. Tầm nhìn quá kém nên các chỉ huy phải điều khiển xe theo la bàn.

Việc tiến quân còn nguy hiểm gấp đôi. Tuyết bay che lấp các khe rãnh, đôi chỗ, cỏ thảo nguyên cao phủ sương muối ló lên khỏi mặt tuyết, phía sau tuyết trôi đều xuống, cứ như mớ đất vồng lên. Lính tăng bị quăng lên quật

xuống, may có mũ da mới khỏi bướt đầu sứt tai. Nhưng chân tay, nhất là tay, gãy lia chia trong vỏ thép và tháp pháo, dù vậy dòng tăng không dừng lại. Phía sau, họ có thể thấy chớp lửa và tiếng nổ của bộ binh bên mình đang quét sạch các tuyến chiến hào thứ nhất và thứ hai.

Các chỉ huy Quân đoàn tăng số 4 tiến về phía nam phía sau Kletskaya, lo ngại quan sát bên cánh trái, chờ đợi quân Đức phản công. Họ biết quân Romania không thể làm nổi. Khi bão tuyết mạnh lên, tuyết bịt mắt khe ngắm súng, nhét đầy khe súng máy gần đồng trục bên cạnh pháo chính. Khi bóng tối trùm xuống vào khoảng 3 giờ 30 chiều, các chỉ huy ra lệnh bật đèn pha. Không còn cách nào khác nếu họ muốn tiếp tục tiến lên.

Ở điểm đột phá phía tây, Quân đoàn tăng số 26 của Tướng Rodin nhìn thấy những đám cháy lớn phía trước. Đó là một phần của nông trang tập thể mà quân Đức vừa vội vã bỏ đi và đốt hủy. Rõ ràng địch đã biết họ đến. Các lái tăng tắt đèn pha khi pháo binh Đức khai hỏa.

Cuối cùng thì Quân đoàn tăng số 1 của Vasilii Butkov bên cánh phải, cũng đụng độ Quân đoàn tăng số 48 đã suy yếu thảm hại của Đức. Xe tăng Đức vẫn gặp rắc rối về điện và bánh xích hẹp cứ trượt đi trên băng. Cuộc chiến trong bóng tối như bưng, đúng là hỗn loạn. Ưu thế mọi khi của Đức trong kỹ năng chiến thuật và phối hợp hoàn toàn biến mất.

Lệnh của bộ chỉ huy cụm tập đoàn quân đưa một phần Quân đoàn số 9 và Sư đoàn tăng số 14 bịt lỗ hổng ở gần Kletskaya khi được phát đi thì đã quá muộn. Bộ chỉ huy Cụm Tập đoàn quân B và Tập đoàn quân số 6 đã bị bưng tai bịt mắt vì thiếu thông tin rõ ràng. “Thậm chí còn không thể đưa máy bay đi quan sát một lượt”, Tướng Richthofen viết trong nhật ký. Quân Nga còn khôn ngoan làm rồi thêm bức tranh toàn cảnh bằng cách mở các cuộc tấn công trên hầu khắp các khu vực của Tập đoàn quân số 6.

Năm giờ chiều, đến lúc này Quân đoàn tăng số 4 của Kravchenko đã tiến được khoảng 35 km, Quân đoàn số 11 của Tướng Strecker được lệnh lập phòng tuyến mới chạy xuống phía nam để bảo vệ sau lưng Tập đoàn quân số 6. Nhưng các chỉ huy Đức, kể cả Richthofen, vẫn chưa đoán ra mục tiêu của Hồng quân. “Hy vọng”, ông viết, “quân Nga không đến được tuyến đường

sắt, huyết mạch hậu cần chủ yếu của ta”. Họ vẫn không thể tưởng tượng nổi quân Nga đang cố khép kín vòng vây Tập đoàn quân số 6.

Sáu giờ chiều, Sở chỉ huy của Tướng Seydlitz nhận được chỉ thị đưa những đơn vị không tham chiến ở Stalingrad của Sư đoàn tăng số 24 đến vùng Peskovatka và Vertyachy gần bến vượt sông Đông. Nhưng mãi đến 10 giờ đêm hôm ấy - tức là 17 giờ sau khi trận tấn công mở màn - Tập đoàn quân số 6 mới nhận mệnh lệnh dứt khoát của Thượng tướng Weichs cho dừng trận đánh trong Stalingrad. “Tình thế thay đổi trong khu vực của Tập đoàn quân Romania số 3 buộc phải có những biện pháp quyết liệt với mục đích di chuyển nhanh nhất có thể các lực lượng đến che chắn phía sau của Tập đoàn quân số 6 và bảo đảm các tuyến thông tin liên lạc”. Tất cả các hoạt động tấn công trong Stalingrad phải “dừng ngay lập tức”. Các đơn vị tăng và cơ giới phải đưa đến phía tây càng nhanh càng tốt. Do hoàn toàn không chuẩn bị cho một tình huống thế này nên mọi việc không thể làm nhanh được. Tập đoàn quân số 62 của Chuikov, đúng như có thể thấy trước, cũng mở các cuộc tấn công mạnh mẽ để ngăn quân Đức rút ra.

Sư đoàn tăng số 16 mà “trong hàng ngũ có nhiều Hiwi Nga được lấy vào để lấp chỗ trống”, cũng được điều sang hướng tây đến sông Đông. Giống như Sư đoàn tăng số 24, nó cũng phải bổ sung từ các kho dự trữ dọc đường vì không có đủ nhiên liệu trong các vùng phụ cận Stalingrad. Nhưng trước hết, sư đoàn phải tự gỡ mình ra khỏi cuộc chiến quanh Rynok đã. Như vậy có nghĩa là dù một phần sư đoàn sẽ di chuyển về hướng tây ngay sáng mai, một số xe tăng của Trung đoàn tăng Số 2 vẫn chưa nhận được lệnh “rút ra” trước 3 giờ sáng ngày 21 tháng 11, 46 giờ sau khi quân Soviet mở cuộc tấn công.

Vì các cuộc tấn công của quân Soviet diễn ra sau lưng Tập đoàn quân số 6 và bên ngoài vùng trách nhiệm của nó nên Paulus phải chờ lệnh từ trên. Trong khi đó, Cụm Tập đoàn quân B đang phải xử lý mệnh lệnh được chuyển từ *Fuhrer* ở Berchtesgaden^[62] đến. Ý định điều khiển các sự kiện của Hitler đã tạo ra một sự trì trệ rất lớn trong khi đang rất cần tốc độ cực nhanh. Có vẻ như không ai chịu ngồi xuống rà lại ý đồ của địch cả. Việc đưa

chủ lực các trung đoàn tăng của Tập đoàn quân số 6 quay lại vượt sông Đông để bảo vệ cánh trái phía sau đã làm mất hết tính linh hoạt. Tệ hơn cả, nó để trống cánh phía nam không có gì che chở.

* * *

Trên mặt trận của Tập đoàn tăng số 4 về phía nam Stalingrad, các trung đoàn Đức nghe thấy tiếng pháo nổ vào sáng 19 tháng 11 cách đó cả 100 km hướng tây bắc. Họ đoán có một cuộc tấn công lớn đã mở màn nhưng không ai bảo họ đang có chuyện gì. Trong Sư đoàn bộ binh số 297 mà cánh phải liền với Tập đoàn quân Romania số 4, thiếu tá Bruno Gebele, chỉ huy một tiểu đoàn bộ binh đang bị tình trạng “không có gì đặc biệt để phải lo ngại”. Khu vực của họ yên tĩnh suốt cả ngày.

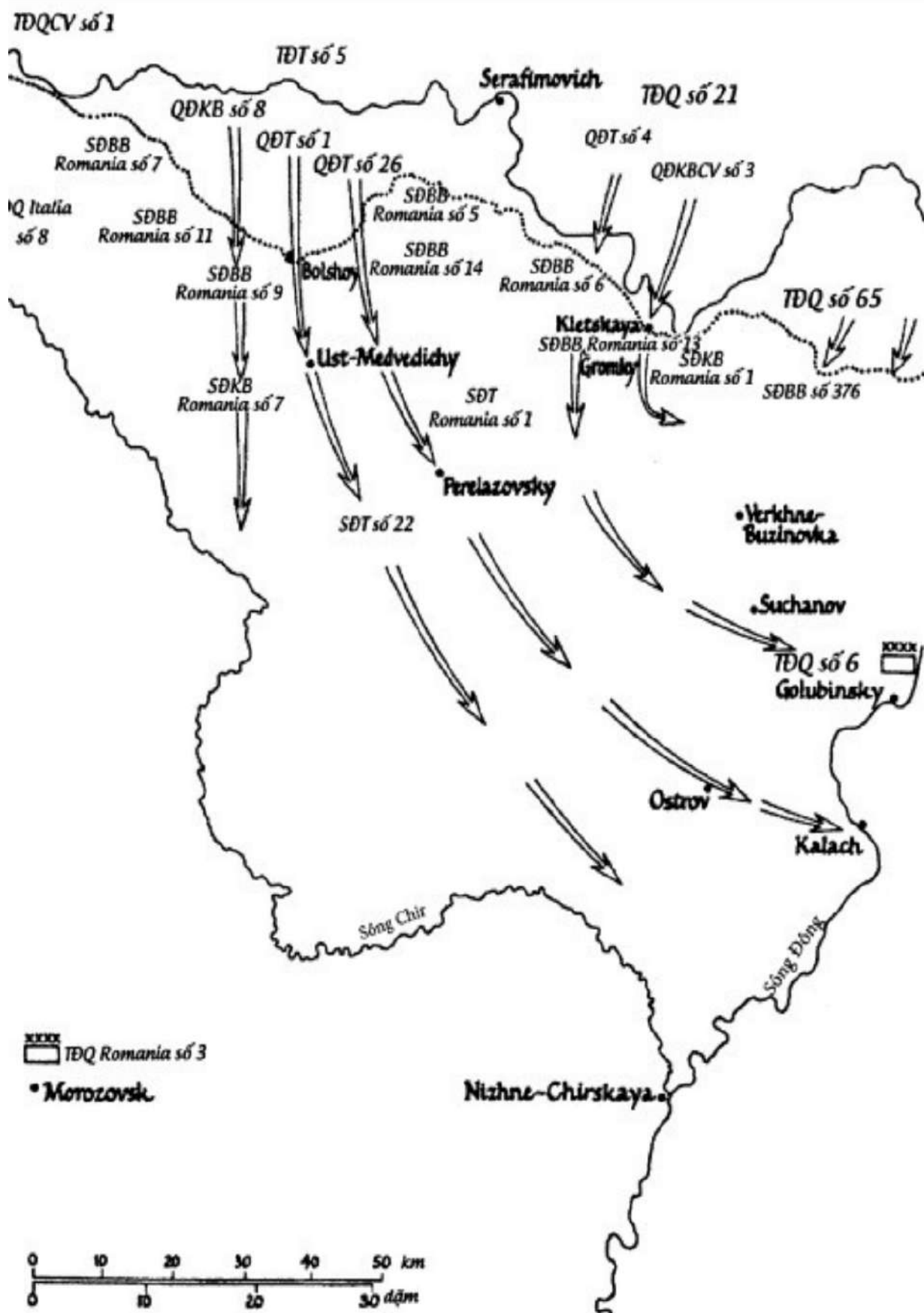
Mặt đất đóng băng rắn đanh, thảo nguyên trông mờ ảo dị thường vì gió từ phía nam thổi lên tung tuyết khô mịn bay như bụi trắng. Sư đoàn lúng giằng bên tay trái, Sư đoàn bộ binh số 371, có thể nghe được tiếng các tảng băng trôi trên sông Volga va nhau. Đêm đó các sở chỉ huy cấp sư đoàn nhận được tin rằng tất cả các cuộc tấn công của Tập đoàn quân Số 6 trong thành phố Stalingrad đã dừng lại.

Sáng hôm sau, sương giá lại xuống dày đặc. Yeremenko, tư lệnh Phương diện quân Stalingrad, quyết định hoãn pháo kích bất chấp những cú điện thoại cáu kỉnh từ Moskva. Cuối cùng, vào lúc 10 giờ sáng, các trung đoàn pháo binh và *Katyusha* đồng loạt khai hỏa. Bốn mươi lăm phút sau, các lực lượng mặt đất tiến vào các luồng qua bãi mìn do công binh dọn sạch trong đêm. Phía nam Beketovka, các Tập đoàn quân số 64 và 57 yểm trợ đòn thọc sâu của Quân đoàn cơ giới số 13. Hơn 40 km về phía nam, bên cạnh các hồ Sarpa và Tsatsa, các quân đoàn cơ giới số 4 và kỵ binh số 4 dẫn đầu Tập đoàn quân số 51 Các đơn vị Đức đóng kề Sư đoàn bộ binh số 20 Romania chứng kiến “lũ lượt xe tăng và bộ binh Soviet với số lượng chưa từng thấy bao giờ tấn công quân Romania”. Gebele thường qua lại với chỉ huy trung đoàn Romania bên cạnh, là đại tá Gross, một người từng phục vụ trong quân

đội Áo-Hung và nói thạo tiếng Đức. Quân của Gross chỉ có duy nhất một khẩu Pak 37 mm ngựa kéo cho cả khu vực của mình, song những người lính nông dân Romania đã chiến đấu liều chết vì biết rằng họ chỉ còn có thể dựa vào chính mình. Các sĩ quan và hạ sĩ quan của họ “không bao giờ lộ mặt ra tiền tuyến, suốt ngày la cà trong các tòa nhà phía sau rượu chè nhạc nhẽo”. Các báo cáo Soviet gán cho tuyến phòng thủ Romania trang bị vũ khí mạnh hơn nhiều so với thực tế. Chiếc tăng đầu tiên đột phá thuộc lữ đoàn tăng số 13, nghe nói rằng đã cán bẹp ít nhất bốn khẩu pháo chống tăng dưới xích sắt và tiêu diệt ba hỏa điểm.

Gebele theo dõi trận tấn công từ vị trí quan sát trong khu vực của mình. “Quân Romania chiến đấu dũng cảm, nhưng đối mặt với các đợt tấn công Soviet, họ không có cơ hội nào cầm cự được lâu”. Cuộc tấn công Soviet diễn ra “cứ như trên bãi tập: bắn-di chuyển-bắn-di chuyển”. Thế mà trong phim thì những chiếc T-34 lao tới trước, tuyết tóe ra dưới xích sắt, trên mỗi xe có một tổp tấn công tám người mặc trang phục ngụy trang màu trắng, cốt che giấu những yếu kém của mình thôi. Các đơn vị tấn công ở phía nam Stalingrad thiếu hụt hậu cần trầm trọng do rất khó đưa phà qua sông Volga đã phủ gần kín băng. Các sư đoàn đã bắt đầu cạn lương ăn trong ngày thứ hai của cuộc tấn công. Đến ngày thứ ba, Sư đoàn súng trường số 157 đã hết cả thịt lẫn bánh mì. Để giải quyết vấn đề, tất cả xe cộ trong Tập đoàn quân số 64, kể cả xe dùng để tải thương, được đưa hết ra chuyên chở hậu cần. Thương binh thì đành để lại trong tuyết.

Sự hăng hái của hầu hết binh sĩ tấn công hiện rõ. Đây được xem như một thời khắc lịch sử. Fomkin, một lính thông tin đường dây thuộc Sư đoàn súng trường số 157, tình nguyện lên trước các xe tăng tấn công đưa chúng qua bãi mìn. Không ai có thể nghi ngờ báo cáo của Cục Chính trị Phương diện quân Stalingrad về niềm hạnh phúc của bộ đội mà “giờ phút chờ đợi bấy lâu đã đến khi những người bảo vệ Stalingrad lấy máu thù trả đủ cho máu vợ con và cán bộ chiến sĩ ta đã đổ”. Với những người được dự phần thì đó là “ngày hạnh phúc nhất trong cả cuộc chiến”, thậm chí còn hơn cả cái ngày mà cuối cùng Đức phải đầu hàng ở Berlin.

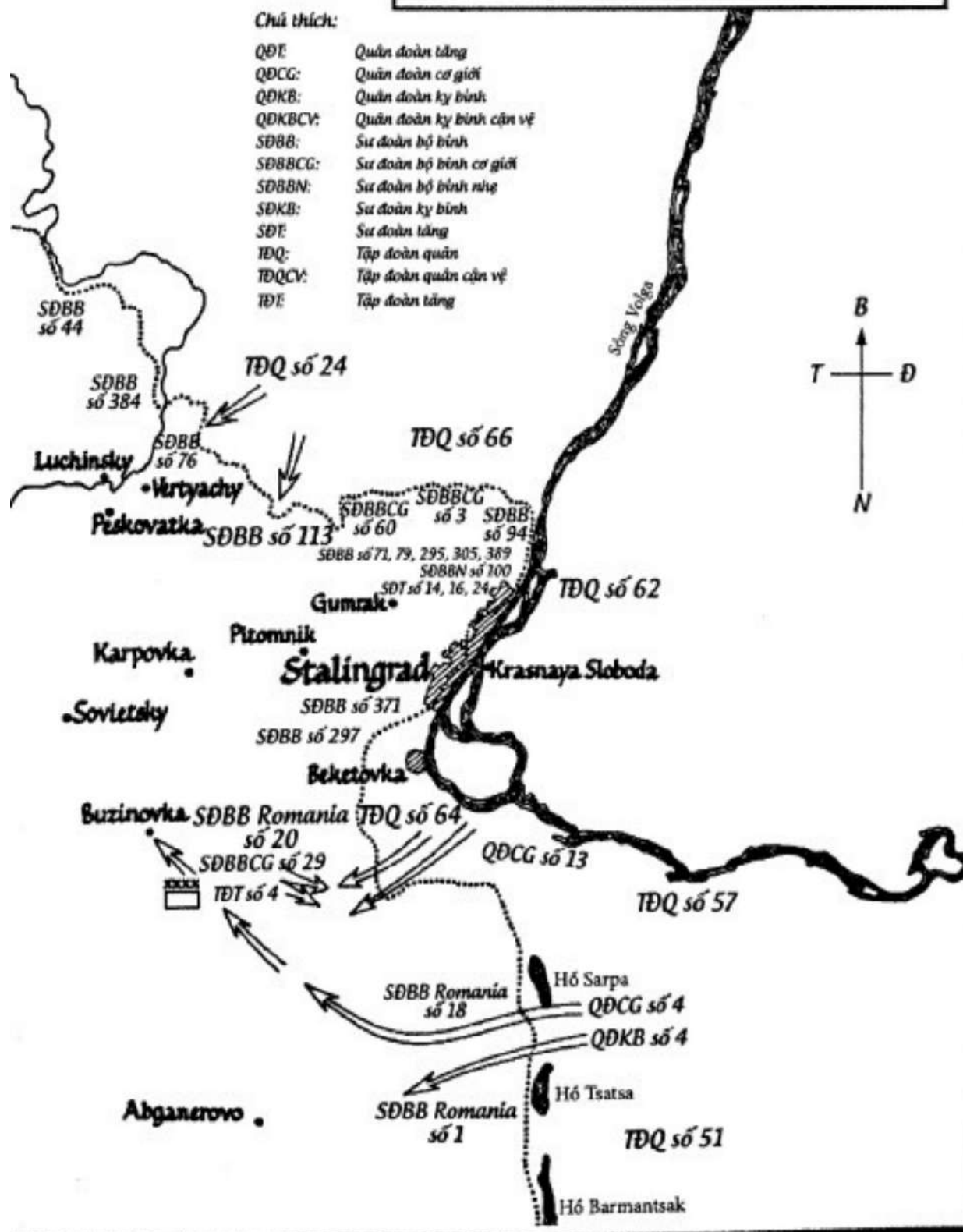


BẢN ĐỒ 4: CHIẾN DỊCH SAO THIÊN VƯƠNG, THÁNG 11 NĂM 1942

Tiền tuyến, 19/11/1942

Chú thích:

QĐT:	Quân đoàn tăng
QĐCG:	Quân đoàn cơ giới
QĐKB:	Quân đoàn kỵ binh
QĐKBCV:	Quân đoàn kỵ binh cận vệ
SĐBB:	Sư đoàn bộ binh
SĐBBCG:	Sư đoàn bộ binh cơ giới
SĐBBN:	Sư đoàn bộ binh nhẹ
SĐKB:	Sư đoàn kỵ binh
SĐT:	Sư đoàn tăng
TĐQ:	Tập đoàn quân
TĐQCV:	Tập đoàn quân cận vệ
TĐT:	Tập đoàn tăng



Đất mẹ bị chà đạp cuối cùng đã được báo thù, dù mới chỉ là các sư đoàn Romania chứ chưa phải Đức chịu tổn thất. Bộ binh của họ, theo lời Tham mưu trưởng của Tướng Hoth, bị mắc chứng “sợ tăng”. Theo báo cáo Soviet, nhiều người trong số họ chưa gì đã ném súng, giơ hai tay mà hô: “Antonescu chết tiệt!” Từng có các báo cáo rằng tìm thấy xác các sĩ quan Soviet bị chặt khúc trong một sở chỉ huy quân Romania, nhưng có lẽ đó không phải lý do khơi mào cho vụ giết chóc này.

Tuy những đòn đột phá ở phía đông nam nhanh chóng hoàn tất nhưng cuộc tấn công lại không như kế hoạch. Vẫn còn “những lộn xộn trong các đơn vị dẫn đầu” do “các mệnh lệnh trái ngược”. Đây có vẻ là kiểu nói khéo về cách Thiếu tướng Vasilii Volsky chửi bới mất kiểm soát trước lính của mình trong Quân đoàn cơ giới số 4 do tình trạng hỗn loạn khi từ tuyến các hồ tiến về phía tây^[63].

Số là đơn vị của Đại tá Trofim Tanashchishin ở phía bắc của Volsky có chuyện lôi thôi với Quân đoàn cơ giới số 13 vì thiếu xe tải chở lính bộ binh để theo kịp tốc độ hành quân của xe tăng. Rồi sau đó ông vấp phải sức kháng cự mạnh hơn quân Romania. Lực lượng dự bị duy nhất của Đức ở phần này mặt trận là Sư đoàn bộ binh cơ giới số 29 của Tướng Hans-Georg Leyser, đã tiến đánh quân đoàn của Tanashchishin ở cách Beketovka chừng 15 km. Mặc dù sư đoàn của Leyser đã cố gắng đánh một đòn thọc sườn mạnh vào đội hình Soviet nhưng Tướng Hoth lại được lệnh rút nó về bảo vệ cánh phía nam của Tập đoàn quân số 6. Quân đoàn Romania số 4 kể như đã tan, không còn mấy cơ hội để tái lập một tuyến phòng thủ mới và ngay cả sở chỉ huy của Hoth cũng bị đe dọa. Trung đoàn kỵ binh Romania số 6 là đơn vị duy nhất còn lại nằm giữa mũi thọc sâu thiết giáp phía nam và sông Đông.

Thành công của đòn tấn công của Leyser cho thấy nếu Paulus thành lập một lực lượng dự bị cơ động mạnh từ trước, thì ông đã có thể dùng nó đánh thọc xuống phía nam, một khoảng cách chỉ chừng 25 km, và dễ dàng bẻ gãy gọng kìm thứ hai của vòng vây. Rồi ngày hôm sau ông có thể đưa nó lên phía tây bắc Kalach để đón đánh uy hiếp chính là mũi tấn công phía bắc.

Nhưng muốn vậy phải đánh giá được rõ ràng đâu là nguy cơ thực sự đã, mà việc đó đối với cả Paulus lẫn Schmidt là hơi khó.

* * *

Vào sáng thứ Sáu 20 tháng 11, trong thời gian cuộc pháo kích ở phía nam Stalingrad mở màn, Quân đoàn tăng số 4 của Kravchenko đã tiến sâu hơn 40 km vào phía sau Quân đoàn số 11 của Strecker, chuyển hướng tấn công sang hướng đông nam. Quân đoàn kỵ binh cận vệ số 3 lúc đó quay sang tấn công Quân đoàn số 11 từ phía sau. Strecker đang cố lập tuyến phòng thủ phía nam khúc quanh lớn sông Đông để bảo vệ khoảng trống phía sau cả tập đoàn quân. Trong khi đó chủ lực của quân đoàn ông phải đối đầu với Tập đoàn quân Soviet số 65 ở phía bắc đang gây áp lực với những đợt tấn công liên tục, cản trở việc bố trí.

Do quân Romania “bỏ chạy tán loạn, phần lớn vứt súng lại” nên Sư đoàn bộ binh số 376 phải quay ngược sang hướng tây, trong khi vẫn cố tiếp cận với một phần Sư đoàn tăng số 14 ở phía nam. Sư đoàn bộ binh Áo số 44 cũng phải bố trí lại, nhưng “mất nhiều khí tài vì thiếu nhiên liệu nên không thể di chuyển được”.

Ở phía nam của họ, trung đoàn tăng thuộc Sư đoàn tăng số 14 vẫn không biết địch đến từ hướng nào. Họ tiến về phía tây chừng 20 km, sau đó buổi chiều lại rút về Verkhne-Buzinovka. Trên đường, họ đụng phải một trung đoàn kỵ binh bên cánh của Quân đoàn kỵ binh cận vệ Số 3 và diệt gần hết trung đoàn. Qua hai ngày đầu tiên, trung đoàn hạ được 35 xe tăng Soviet. Một phần đội pháo cao xạ Đức không được bảo vệ đã hạ nòng những khẩu “88” của mình chiến đấu chống tăng và đã bị quân Nga tiêu diệt.

“Thảm trạng nhiên liệu” tiếp tục tác động đến các sư đoàn tăng và cơ giới khác đang bắt đầu từ Stalingrad di chuyển về phía tây để tăng cường cho mặt trận mới. Họ còn thiếu cả lính tăng sau khi Hitler ra lệnh đưa hết những ai có thể ra làm lính bộ binh để đánh Stalingrad^[64]. Một quyết định nữa phải hối tiếc là đưa ngựa của Tập đoàn quân số 6 sang phía tây. Chiến tranh vận

động kiểu mới mà giờ đây quân Nga áp dụng đã buộc các sư đoàn bộ binh Đức bỏ lại hết pháo.

Sự sụp đổ của quân Romania càng tăng tốc khi các mũi nhọn Soviet thọc sâu hơn. Chẳng có mấy quân trong các đội hậu bị được huấn luyện để chiến đấu, còn các sĩ quan tham mưu thì bỏ cả sở chỉ huy mà chạy. Một phóng viên Soviet theo sau các xe tăng tấn công đã viết, “đường đầy xác giặc; những khẩu pháo bị bỏ lại nòng ngoảnh đi đâu chẳng biết. Ngựa lang thang trong các khe tìm cỏ, vết móng đứt đoạn để lại trên mặt đất phía sau; những cuộn khói xám bốc lên từ những chiếc xe tải bị trúng đạn pháo nát bầy; mũ sắt, lựu đạn và đạn súng trường lán lóc khắp mặt đường”. Lẻ tẻ các nhóm lính Romania vẫn tiếp tục kháng cự trên những khu vực vốn là tiền duyên, nhưng các sư đoàn súng trường Soviet thuộc Tập đoàn tăng số 5 và Tập đoàn quân số 21 nhanh chóng quét sạch họ. Perclaxovsky vốn có sở chỉ huy của một quân đoàn Romania, mà theo lời Tướng Rodin, bị bỏ lại vội vàng đến mức Quân đoàn tăng số 26 của ông còn tìm thấy “tài liệu tác chiến vương vãi trên sàn và áo choàng lông sĩ quan còn treo trên mắc” - chủ nhân của chúng cứ thế mà chuồn vào đêm lạnh giá. Quan trọng hơn với đoàn quân cơ giới Soviet là họ còn thu được cả kho nhiên liệu còn nguyên.

Trong khi đó, Sư đoàn tăng số 22, không chống đỡ những chiếc T-34 của Quân đoàn tăng số 1, đành phải rút. Ngày hôm sau, nó cố tấn công theo hướng đông bắc nhưng đã nhanh chóng bị bao vây. Lực lượng chỉ còn hơn một đại đội tăng, nó phá vây chạy về hướng tây nam, bị Quân đoàn kỵ binh Soviet số 8 đuổi theo sát nút.

Lúc bấy giờ Quân đoàn tăng số 26 của Rodin vừa đánh tan một phần Sư đoàn tăng số 1 Romania gặp trên đường, bắt đầu băng qua thảo nguyên trống trải tiến về phía đông nam. Đoàn quân Soviet được dặn không cần để ý đến quân địch bị bỏ lại sau mà tập trung vào mục tiêu. Nếu máy bay trinh sát của Luftwaffe có thể nhận ra ba hướng khá song song của ba quân đoàn tăng vào chiều 10 tháng 11 thì chuông báo động ở Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 có lẽ đã rung sớm hơn.

Đơn vị chính của Romania còn chiến đấu hiệu quả lúc đó là “nhóm Lascar”. Nó gồm những gì còn lại của Quân đoàn số 5, được Trung tướng Mihail Lascar can trường tập hợp lại sau khi bị chia cắt giữa hai mũi nhọn thiết giáp Soviet. Đã từng được thưởng Chữ thập Hiệp sĩ ở Sevastopol, Lascar là một trong số ít những sĩ quan cao cấp Romania mà quân Đức thực sự coi trọng. Ông cố cầm cự chờ Quân đoàn tăng số 48 đến cứu.

* * *

Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 nằm ở Golubinsky, cách Kalach gần 20 km về phía bắc, sáng thứ Bảy 21 tháng 11 có vẻ bắt đầu trong tâm trạng lạc quan. Lúc 7 giờ 40 phút, “một tường trình về tình hình không thuận lợi” đã được gửi lên Cụm Tập đoàn quân B. Paulus và Schmidt lúc đó vẫn coi cuộc tấn công của Quân đoàn kỵ binh cận vệ số 3 vào cánh trái của Strecker là uy hiếp chính, rõ ràng tưởng rằng lực lượng mà họ điều từ Stalingrad về phía tây đủ xoay chuyển tình thế.

Tuy nhiên trong buổi sáng đó Paulus và Schmidt đã nhận được một loạt cú sốc tệt hại. Những tín hiệu khác nhau đều đưa đến cùng một kết luận. Cụm tập đoàn quân B cảnh báo họ rằng cánh nam của Tập đoàn quân số 6 lúc này đang bị đe dọa từ cả hai bên. Một báo cáo gửi đến cho biết một đoàn thiết giáp lớn (thực ra đó là một phần Quân đoàn tăng số 4 của Kravchenko) chỉ còn cách phía tây của họ chỉ chừng 30 km. Nó đang hướng về xa lộ sông Đông, một mẫu mực của công binh Đức trên bờ tây nổi liền hầu hết những cây cầu trên đoạn huyết mạch của con sông. Tập đoàn quân số 6 không có đội quân nào trong vùng này có thể đương đầu với hiểm họa. Đã thế nhiều căn cứ đang sửa chữa và các kho hậu cần lại nằm phơi ra. Rốt cuộc Paulus và Schmidt đã hiểu ra địch đang nhắm đến một vòng vây khép kín. Hai mũi thọc sâu đan chéo từ tây bắc đánh xuống và đông nam đánh lên, gần như chắc chắn là nhắm tới Kalach và những cây cầu của nó.

Phản ứng tai họa của Đức đối với Chiến dịch Sao Thiên Vương không chỉ do niềm tin của Hitler rằng quân Nga đã cạn kiệt dự trữ mà còn do nhận

định ngạo mạn của hầu hết các tướng lĩnh nữa. “Paulus và Schmidt đã chờ đợi một cuộc tấn công”, một sĩ quan trong Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 giải thích, “nhưng không phải một cuộc tấn công tầm cỡ này. Đây là lần đầu tiên quân Nga sử dụng xe tăng giống như chúng tôi”. Ngay cả Richthofen cũng ngầm thừa nhận điều đó khi viết về cuộc tấn công của địch rằng “một cuộc đột phá thành công không ngờ nổi với ông”. Thống chế Manstein thì cảm thấy (chắc là xong hết rồi mới ngộ ra) rằng Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 phản ứng quá chậm và cực kỳ cầu thả trong việc không lường trước nguy cơ đối với Kalach - điểm vượt sông Đông hiển nhiên giữa hai mũi đột phá.

Quá trưa, gần như toàn bộ sĩ quan tham mưu của Paulus được điều lên phía đông đến đầu mỗi xe lửa ở Gumrak, cách Stalingrad chừng 12 km để lại gần hơn chủ lực của Tập đoàn quân số 6. Trong lúc đó, Paulus và Schmidt bay hai máy bay nhẹ Fieseler Storch đến Nizhne-Chirskaya, nơi họ sẽ họp với Tướng Hoth vào ngày hôm sau. Tại Golubinsky, họ đem tài liệu và kho tàng cùng với vài chiếc máy bay trinh sát không dùng được nằm trên đường băng gần đây ra đốt, những cột khói bay lên bầu trời lạnh giá. Trong chuyến ra đi vội vã họ còn bỏ qua mất một “quyết định của *Fuhrer*” do Cụm Tập đoàn quân B chuyển đến vào lúc 3 giờ 23 phút chiều. Quyết định mở đầu bằng câu: “Tập đoàn quân số 6 hãy đứng vững bất chấp mọi nguy bị tạm thời vây hãm”.

Không có nhiều hy vọng giữ được các vị trí trong buổi chiều 21 tháng 11 ấy. Sự trì hoãn tới lui của trung đoàn tăng thuộc Sư đoàn tăng số 16 đã để lại một lỗ hổng bên dưới Quân đoàn số 11 của Strecker và các nhóm tạp nham khác đang cố hình thành một tuyến phòng thủ mới. Điều đó đã bị Quân đoàn kỵ binh cận vệ số 3 và Quân đoàn cơ giới số 4 Soviet nhanh chóng khai thác. Với các sư đoàn của Strecker, nguy hiểm đang tăng nhanh từ phía bắc và đông bắc, họ không còn cách nào khác đành phải bắt đầu rút về hướng sông Đông. Một kế hoạch không được cân nhắc kỹ về việc điều các trung đoàn tăng của Tập đoàn quân số 6 sang phía tây, giờ đây đã lộ rõ là, các nỗ lực bị lãng phí một cách nguy hiểm.

Kalach, mục tiêu chính của ba quân đoàn tăng Soviet, là một trong những điểm dễ tổn thương nhất. Tại đây không được phòng ngự có tổ chức, chỉ là một tập hợp những đơn vị cấp thấp thiếu chọn lọc, chủ yếu là lính hậu cần và bảo trì, một phân đội nhỏ cảnh sát dã chiến và một trận địa phòng không của Luftwaffe.

Đại đội vận tải và xưởng sửa chữa của Sư đoàn tăng số 16 đã về Kalach trú đông. “Tin tức đầu tiên về diễn biến tình hình” mãi 10 giờ sáng ngày 21 tháng 11 mới đến tai họ. Sau đó họ nghe nói những đoàn xe tăng Nga đã đột phá qua quân Romania phía tây bắc và đang tiến đến khu vực của họ trên sông Đông. Vào khoảng 3 giờ chiều, lần đầu tiên họ nghe nói đến một mũi đột phá phía nam Stalingrad. Họ không hề biết rằng quân đoàn cơ giới của Volsky, bất chấp những trùng trùng khiến Yeremenko nổi xung, giờ đã đến được sở chỉ huy cũ của Tập đoàn tăng số 4, chỉ còn cách họ gần 50 km về phía đông nam.

Tuyến phòng thủ ở Kalach không chỉ không đủ để thực hiện nhiệm vụ mà còn được điều hành kém cỏi nữa. Bên bờ tây, trên những điểm cao trọi lên, có bốn ụ súng cao xạ của Luftwaffe cộng với hai khẩu pháo phòng không nữa ở bờ đông. Chỉ có một nhóm 25 người từ Tổ chức Todt được giao trực tiếp bảo vệ cây cầu, trong khi một tiểu đoàn tạp nham lính hậu phương vẫn đóng trong thị trấn bên bờ đông.

Thiếu tướng Aleksei Rodin, Tư lệnh Quân đoàn tăng số 26 giao nhiệm vụ đánh chiếm cầu Kalach cho Trung tá G. N. Filipov, chỉ huy lữ đoàn tăng số 19. Rời Ostrov lúc nửa đêm, đoàn tăng của Filipov tiến về phía đông đến Kalach trong mấy giờ đầu của ngày 22 tháng 11. Đến 6 giờ 15 sáng, hai xe tăng thu được của Đức và một xe trinh sát bật đèn pha sáng choang để tránh nghi ngờ, lái thẳng lên cây cầu tạm qua sông Đông và nổ súng vào lính gác cầu. Mười sáu xe tăng Soviet khác trong lúc đó lao vào những bụi cây rậm ở những điểm cao trên dòng sông chiếm vị trí. Đây chính là nơi các xe tăng Đức đã nhìn xuống thị trấn vào ngày 2 tháng 8.

Vài xe tăng Soviet bốc cháy nhưng sự táo bạo của Filipov đã được đền đáp. Phân đội gác cầu bị quét sạch, có thừa T-34 để đánh bật mọi mưu toan muộn măn cho nổ cầu. Bộ binh cơ giới Soviet xuất hiện ở các cao điểm trên bờ sông Đông, rồi một tốp tăng nữa đến. Thêm hai đợt tấn công nữa có pháo binh và súng cối bắn hỗ trợ từ các điểm cao bên kia sông. Đến giữa buổi sáng, bộ binh Soviet tràn vào thị trấn. Đường phố nhốn nháo, đầy nhóc lính Romania lạc đơn vị. Không lâu sau, mấy khẩu súng hạng nặng do tiểu đoàn tạp nham điều khiển hết đạn hoặc không dùng được nữa, tuy thế cánh tài xế và thợ máy cũng không bị thương vong nhiều. Cho nổ nhà xưởng xong, họ rút khỏi thị trấn, lên xe tải chạy về tìm sư đoàn của mình ở Stalingrad. Đường đã thông để hai quân đoàn tăng số 4 và số 26 từ cánh bắc xuống và Quân đoàn cơ giới số 4 của Volsky từ phía nam Stalingrad lên hội quân vào hôm sau.

Hướng dẫn nhau bằng pháo hiệu xanh bắn theo gián cách lên trời, các mũi nhọn Nga gặp nhau ngay trên thảo nguyên trống trải gần Sovietsky với những cái ôm của gấu, một cảnh tượng sau này sẽ được diễn lại để quay phim tuyên truyền. Màn ăn mừng bằng vodka và xúc xích giữa các tổ lái tăng lúc đó không được quay phim nhưng chân thật hơn nhiều.

* * *

Tin tức lan nhanh trong quân Đức với câu “Ta đã bị vây!” Chủ nhật 22 tháng 11 đó với người theo Tin Lành là ngày tưởng nhớ người đã khuất. “Một ngày lễ *Totensonntag* ảm đạm năm 1942”^[65], Kurt Reuber, một mục sư đang theo Sư đoàn tăng số 16 với chức trách bác sĩ, viết, “lo lắng, sợ hãi và kinh hoàng”. Tuy thế, nhiều người nghe qua cũng không quan tâm lắm. Mùa đông năm ngoái cũng bị vây, rồi phá vây, song những sĩ quan thông thạo tin tức hơn, nghĩ sâu một chút đã bắt đầu nhận ra rằng lần này không có lực lượng dự bị nào nhanh chân cứu họ được. “Chúng tôi đã hiểu rõ hơn mối nguy nào đang chờ đợi mình”, Freytag-Loringhoven nhớ lại, “bị cô lập quá sâu giữa nước Nga ở giáp ranh châu Á”.

Khoảng 65 km về phía tây, ồ ề kháng Romania cuối cùng đang đi đến kết thúc dù sáng sớm hôm đó Tướng Lascar đã bác bỏ yêu cầu đầu hàng của Hồng quân. “Chúng tôi sẽ tiếp tục chiến đấu, quyết không đầu hàng”, ông tuyên bố, song lính của ông, tuy kháng cự dũng cảm nhưng lại không được tiếp tế và đã cạn đạn dược.

* * *

Việc quân Soviet vượt qua Kalach lập tức đẩy Quân đoàn số 11 ở phía bắc vào tình thế hiểm nghèo. Nó đã phải chống trả cuộc tấn công gần như từ ba phía trong tâm trạng mê mông lung hỗn loạn với những lời đồn đại. Sự bối rối đó được bộc lộ trong những đoạn nhật ký lấy từ xác một sĩ quan pháo binh Đức:

“20/11 ... cuộc tấn công bao giờ mới dừng??!! Chuyển trận địa lên phía bắc. Chúng tôi chỉ còn một khẩu pháo. Những khẩu khác không hoạt động nữa.

Thứ Bảy 21/11. Tăng địch vào sớm... di chuyển vị trí về phía sau. Quân Nga đã gần lắm rồi. Bộ binh của chúng tôi (lính mô tô và công binh) đã được gọi về để bảo vệ gần. Hôm nay có thêm nhiều quân Romania chạy qua không dừng lại. Chúng tôi đang rút ra. Đang phải chịu sức ép quân Nga từ hai phía. Trận địa mới. Chỉ trụ lại được một lúc rồi lại phải di chuyển vị trí về phía sau. Làm boong ke.

Chủ nhật 22/11. Báo động lúc 3 giờ 30 sáng. Lệnh đánh bộ binh! Quân Nga đang đến gần. Quân Romania rút chạy. Mình chúng tôi không thể giữ nổi vị trí này. Chúng tôi lo lắng chờ lệnh di chuyển tiếp”.

Trong lúc rút lui, các sư đoàn bộ binh Đức thấy mình phải trần lưng đánh trả kỵ binh “cứ như vào năm 1870”, như một sĩ quan nhận xét. Vấn đề lớn nhất của họ là vận tải, chủ yếu vì thiếu ngựa. Trong vài trường hợp giải pháp đưa ra thật man rợ. Một hạ sĩ quan tóm lấy các tù binh Nga đổi dờ từ trại tù để thay súc vật kéo. “Khi cuộc rút lui bắt đầu vào ngày 20 tháng 11”, một tù binh Nga kể, “chúng tôi bị đóng vào xe thay ngựa kéo những chiếc xe chở

đạn và lương thực. Tù binh nào không kéo nhanh được như cai tù đòi hỏi liền bị bắn tại chỗ. Cứ thế chúng tôi bị bắt kéo xe suốt bốn ngày, hầu như không được nghỉ. Tại trại tù Vertyachy, một vòng kẽm gai không mái che, quân Đức lọc ra những tù binh ít ốm yếu nhất đưa đi”. Những người còn lại, tù binh ốm yếu hơn cả, bị bỏ lại cho chết đói chết rét trong tuyết. “Trong số 98 người chỉ có hai sống sót”, khi một đơn vị tấn công thuộc Tập đoàn quân số 65 phát hiện ra họ. Các phóng viên nhiếp ảnh được gọi tới để ghi lại cảnh tượng kinh hoàng. Những tấm ảnh này được đưa lên báo và chính phủ Liên Xô chính thức cáo buộc bộ chỉ huy Đức phạm tội ác chiến tranh.

Sư đoàn bộ binh số 376 bị phoir mình ra nhiều nhất trước cuộc tấn công “cực kỳ nhanh” của Nga, theo lời sư đoàn trưởng, Tướng Edler von Daniels. Sư đoàn chỉ còn 4.200 người lúc bị kẹt lại bên bờ tây sông Đông như một phần của Quân đoàn số 11, rút theo hướng đông nam vào ngày 22 tháng 11. Hai hôm sau, vào lúc sáng sớm, sư đoàn vượt sông Đông theo cây cầu ở Vertyachy.

Trung đoàn tăng thuộc Sư đoàn tăng số 16 lúc đó vẫn đang tiến, cuối cùng đã sang được sông Đông vào đêm 22 tháng 11 để hỗ trợ Quân đoàn số 11. Trên đường nó tiện thể ghé qua xưởng thiết giáp của mình ở Peskovatka, lấy thêm được vài xe mới và mới sửa. Ngày 23 tháng 11, từ vị trí của mình ở phía nam đầu cầu Đức trên khúc quanh sông Đông, trung đoàn tăng đã cố gắng phản công về hướng Suchanov trong sương mù dày đặc, nhưng bị bộ binh Soviet phục kích trong đồ ngũ trang màu trắng với súng trường chống tăng. Đụng phải lực lượng địch mạnh, lại thêm việc thiếu nhiên liệu, Sư đoàn tăng số 16 phải rút lui. Nó chiếm lĩnh các vị trí sẵn sàng yểm hộ rút quân, nhưng vì liên lạc quá kém nên hầu hết mệnh lệnh đều phải chuyển bằng liên lạc viên.

Cuộc rút lui của quân Đức về phía đông qua sông Đông, trở lại Stalingrad và rời xa bộ phận còn lại của *Wehrmacht* theo nhiều cách còn tệ hơn cả rút khỏi Moskva tháng 12 năm ngoái. Tuyết mịn, cứng và khô quét qua thảo nguyên, quất vào mặt, dù họ có dựng cao cổ áo để che gió thế nào. Bất chấp bài học cay đắng năm ngoái, nhiều người lính vẫn chưa nhận được trang

phục mùa đông. Đường rút lui ngổn ngang vũ khí, mũ sắt và trang bị. Phần lớn lính Romania không có gì nhiều ngoài bộ quân phục màu nâu. Họ đã quăng đi mũ sắt lúc chạy trốn. Ai may mắn, chủ yếu là sĩ quan, thì đội mũ lông cừu kiểu Baïkan. Xe cộ trúng đạn bốc cháy phải đẩy qua một bên hoặc xuống vệ đường. Ở một nơi có khẩu cao xạ nòng toác ra, cong xuống như một bông hoa quái dị. Gần hơn đến các cây cầu qua sông Đông, đường tắc cứng nào xe tải, xe tham mưu, xe liên lạc, ai cũng cố chen qua, các xe kéo nông trang và những khẩu pháo cổ lỗ do những con ngựa đói kiệt sức kéo. Chốc chốc lại rộ lên một cơn hoảng loạn với những tiếng gào “Tăng Nga!” Quân đoàn tăng số 16 Soviet đang đánh thọc qua Sư đoàn bộ binh số 76 về hướng Vertyachy, đe dọa cắt đứt những đơn vị quân Đức bị rút lại bên bờ tây.

Vài cảnh tượng xấu xí nhất diễn ra khi đến gần cây cầu ở Akimovsky, với lính tráng hò hét, chen lấn, thậm chí còn đánh nhau để qua được bờ đông. Người yếu và thương binh bị giẫm lên người. Đôi lúc các sĩ quan dọa dẫm nhau vì không để người của họ qua trước. Đến cả phân đội quân cảnh trang bị tiểu liên cũng không thể lập lại trật tự. Một số lớn lính không muốn chen lấn ẩu đả thì thử đi bộ qua sông Đông đóng băng. Đoạn gần bờ thì băng dày và chắc, nhưng ra đến giữa lại có những chỗ yếu. Ai bị thụt xuống sông là xong đời. Không ai nghĩ đến chuyện ra cứu họ. Nhiều người trong đầu đã liên tưởng tới Berezina.

Đôi lúc trên đường rút, một sĩ quan cũng râu ria không cạo hết như lính tráng xung quanh, quyết định đứng ra dẹp cảnh quân hồi vô phèng này. Ông ta rút súng, bắt mấy tên lạc ngũ lại rồi dùng họ làm tâm, dồn hết số còn lại vào thành một đám như quả bóng tuyết. Các tốp vũ khí nặng và pháo thủ được trưng dụng để tạo thành một nhóm chiến đấu. Các lực lượng bị xé lẻ, không chịu cũng phải chịu, người trước kẻ sau đứng vào vị trí chờ xe tăng Soviet hay kỵ binh hiện ra từ sương mù.

Trên bờ đông bên kia sông, làng nào cũng đầy nhóc lính Đức lạc đơn vị kéo nhau đi kiếm đồ ăn, tìm chỗ tránh rét. Lính Romania kiệt sức, đói dở, đã rút lui cả tuần nay rồi, chả được tí thông cảm nào của đồng minh. “Quân

Romania đông nhưng nhúc”, một sĩ quan nhận xét, “phải đóng quân ngoài trời”. Đám quân thất trận kéo nhau vào các kho hậu cần, nhưng chỉ tổ thêm loạn. Một sĩ quan xe tăng về sau báo cáo lại cảnh hỗn loạn ở Peskovatka, “đơn vị pháo cao xạ của Luftwaffe là xử sự điên rồ nhất”, bắn, đốt, phá tan tành các kho bãi xe cộ “như phát cuồng”. Lính đi ngang qua thấy có kho hậu cần nào là vét sạch. Cả núi đồ hộp, họ nhồi nhét vào ba lô, vào túi đến chật căng. Đường như chẳng ai có đồ mở hộp nên họ dùng lưỡi lê, vôi vôi vàng vàng, có khi chẳng biết bên trong là gì. Nếu là hộp cà phê hạt, họ đổ vào mũ sắt rồi cứ cán lê mà giã như chày với cối. Khi chú lính nào chưa được phát quân trang mùa đông mà thấy cánh hậu cần đem ném đồ mới tinh vào lửa, họ liền chạy vội đến móc ra từ đống lửa. Trong khi quân bừa đốt thư và bưu phẩm, trong đó nhiều gói là đồ ăn gửi từ nhà sang.

Trong các bệnh viện dã chiến thì cảnh tượng còn ghê hơn nhiều. “Ở đây mọi thứ đều quá tải”, một hạ sĩ quan ở xưởng sửa chữa Peskovatka bị bệnh vàng da nặng kể. “Bị thương nhẹ và ốm đau thì tự đi mà tìm chỗ cho mình”. Anh này đã phải qua đêm ngoài trời tuyết. Người khác còn khổ hơn nhiều. Có mấy xe tải đứng trong bùn băng giá ngoài sân, vẫn đầy thương binh băng đầu băng chân. Đám lái xe mất tâm mất dạng, xác chết nằm lẫn giữa họ. Không ai đem nước hay tí đồ ăn nào cho người sống. Các cứu thương và bác sĩ bên trong thì quá bận, đi ngang qua thương binh phải cố mà lờ tiếng kêu cứu của họ. Giả ốm hay bị thương mà còn đi được lại cố lọt vào bệnh viện thì đã có một hạ sĩ quan phụ trách, dồn hết vào thành các đại đội tạp nham. Các ca công giá nếu không quá nặng thì được cho thuốc bôi và băng băng rồi thì về làm nhiệm vụ.

Bên trong, bệnh nhân vật vờ ngủ gật. Không khí ẩm ướt nặng nề thiếu oxy nhưng được cái ấm. Cứu thương tháo băng dã chiến ra (nhiều người đã lúc nhúc rận bên trong), rửa vết thương, sát trùng và băng lại. Cơ hội sống sót của người ta tùy thuộc rất nhiều ở loại vết thương và chỗ bị thương. Dính đạn - dù là mảnh pháo, mảnh lựu đạn hay viên đạn - không quan trọng, ăn thua là nó cắm vào đâu. Thứ tự ưu tiên đã có cả rồi. Người bị thương nặng vào đầu và vào bụng thì được để sang một bên, để cho chết từ từ, vì phẫu thuật những ca này cần đủ cả một kíp bác sĩ và mất tiếng rưỡi hai tiếng mới

xong, đã thế có mỗ thì cứ hai người chết một. Ưu tiên dành cho thương binh còn đi lại được. Họ sẽ có thể được trả về chiến đấu. Cánh choán quá nhiều chỗ, lại tổn cả nhân lực nữa. Bị thương vào chi thì đơn giản. Bác sĩ với gang cao su, dao mỗ và cưa, cứ hai người một, thêm mấy cứu thương để đê, rồi nhanh chóng cưa luôn. Thuốc mê được cắt giảm, để dành để còn làm được nhiều ca nữa. Các thứ bị cắt thì bỏ vào xô. Dưới sàn quanh bàn mổ trơn nhẫy vì máu, mặc dù chốc chốc lại dùng giẻ lau đi. Mùi tanh tươi đánh bật hết cả mùi carbolic thường thấy ở bệnh viện dã chiến. Dây chuyền phẫu thuật dường như bất tận.

* * *

Số quân còn kẹt lại bên bờ tây sông Đông cứ thấp thỏm không biết họ có thoát được không. “Cứ đi tiếp về phía sông Đông”, nhật ký của viên sĩ quan pháo binh viết tiếp. “Có trót lọt không đây? Liệu có bắt kịp một nhóm lớn không? Cây cầu vẫn còn đấy chứ? Hồi hộp và lo lắng hàng giờ. Các trận địa phòng thủ ở bên trái và bên phải con đường. Nhiều lúc con đường lại là chiến tuyến. Cuối cùng thì sông Đông đây rồi! Cầu vẫn còn nguyên. Tảng đá rơi khỏi tim chúng tôi! Đẳng xa có trận địa pháo bắn. Quân Nga đã vọt lên trước rồi. Kỵ binh đã vượt sông Đông tiến xuống phía nam chúng tôi”.

“Một số tăng phải cho nổ bỏ”, một hạ sĩ về sau kể lại, “vì chúng tôi không kịp lấy được nhiên liệu”. Sư đoàn tăng số 14 chỉ còn lại 24 xe có thể sửa chữa, vậy nên số lính tăng thừa ra được tổ chức lại thành một đại đội bộ binh trang bị carbin và súng lục. Sĩ quan cao cấp sắp tuyệt vọng đến nơi. Sáng sớm 25 tháng 11, Hoàng thân Dohna-Schlobitten, sĩ quan tình báo Quân đoàn tăng số 14, thoáng nghe được Tướng Hube và Đại tá Eberhard Thunert, Tham mưu trưởng của ông, nói chuyện, lúc đó họ đã dùng những từ như “giải pháp cuối cùng” và “một viên đạn vào đầu”.

Nhiệt độ tụt chóng mặt. Mặt đất cứng thế này tức là có thêm nhiều thương vong từ đạn cối, nhưng không phải đất đóng băng mà nước đóng băng mới ảnh hưởng nhiều hơn tới cuộc rút lui. Lạnh giá thế này tức là sông Đông sẽ

sớm đóng băng cứng và địch có thể dễ dàng vượt sông. Trong đêm đó, bộ binh Soviet đã có thể vượt sông Đông ở gần Peskovatka. Ngay từ sáng sớm, bệnh nhân trong bệnh viện dã chiến đã nghe thấy tiếng súng cối và đại liên. “Ai nấy chạy như gà mất đầu”, viên hạ sĩ quan bị vàng da từ xưởng sửa chữa đã may mắn sống sót qua đêm sau khi không tìm được chỗ nào cho mình trú tạm, kể lại. “Ngoài đường có cả hàng dãy xe, chiếc nọ nối đuôi chiếc kia, trong khi đạn cối cứ rót xuống xung quanh. Đây đó có những chiếc trúng đạn bốc cháy. Những người bị thương nặng không thể chuyển đi được vì thiếu xe. Một đại đội được lập vội từ lính của các đơn vị khác nhau đã cố đẩy lùi được quân Nga trước khi họ đến được bệnh viện”.

Tối hôm đó, sĩ quan trong sở chỉ huy Quân đoàn tăng số 14 nhận được lệnh tiêu hủy “toàn bộ các loại trang thiết bị, hồ sơ và xe cộ nào không thật cần thiết”. Họ phải rút qua sông Đông quay lại Stalingrad. Đến hôm sau, 26 tháng 11, Sư đoàn tăng số 16 và một phần Sư đoàn bộ binh số 44 ở trong số các đơn vị cuối cùng của Tập đoàn quân số 6 rời bờ tây sông Đông. Đêm đó họ vượt qua cầu ở Luchinsky sang phía bờ Stalingrad. Đối với Sư đoàn tăng số 16, đó “chính là cây cầu mà chúng tôi đã vượt qua 12 tuần trước ngay trước trận tấn công đầu tiên của chúng tôi vào thành phố bên dòng Volga”.

Một đại đội bộ binh cơ giới thuộc Trung đoàn bộ binh cơ giới số 64 hộ tống cuộc rút lui dưới sự chỉ huy của Trung úy Hauptmann von Mutius. Nhiệm vụ của họ là bảo vệ cây cầu, cho phép những người lạc đơn vị đi qua cho đến 3 giờ rưỡi sáng, lúc đó sẽ cho nổ cây cầu dài 300 m bắc qua sông Đông. Vào lúc 10 giờ 03 phút, viên trung úy tuổi trẻ máu hăng Mutius đã thú nhận với viên Thượng sĩ Wallrawe rằng anh ta “rất tự hào” được là “sĩ quan cuối cùng của *Wehrmacht* đi qua cầu này”. Wallrawe không nói gì. Hai mươi phút sau, khi đội bộ binh cơ giới đã rút hết sang bờ đông sông Đông, lính công binh cho nổ cầu. Tập đoàn quân số 6 giờ đây đã bị bó giò giữa hai con sông Đông và Volga.

* * *

Chiến thắng không làm dịu đi thái độ của lính Hồng quân đối với quân thù. “Anh đã cảm thấy khá hơn vì ta đã bắt đầu ra tay tiêu diệt bọn Đức”, một người lính viết về cho vợ ngày 26 tháng 11. “Đây là lúc ta bắt đầu đập răn. Bọn anh bắt được nhiều lắm. Khó mà có đủ thời gian để đưa chúng về trại tù. Giờ chúng bắt đầu trả giá cho máu của chúng ta, và cho cả nước mắt của nhân dân ta nữa, cho những xúc phạm và cướp bóc. Anh đã nhận quân phục mùa đông nên đừng lo cho anh. Mọi việc ổn cả. Anh sắp được về nhà sau chiến thắng. Anh gửi 500 rúp”. Những ai còn trong bệnh viện hồi phục sức khỏe sau những vết thương trước đó, tiếc hùi hụi vì bỏ lỡ trận đánh. “Bây giờ đánh mạnh, đánh tốt phải biết”, một lính Nga viết cho vợ, “thế mà anh lại phải nằm ở đây bỏ lỡ hết cả”.

Liên Xô nhiều lần lên án những hành động tàn ác của Đức mà khó biết được đúng sai thế nào. Một số chắc chắn bị thổi phồng hoặc bịa đặt nhằm mục đích tuyên truyền, số khác căn bản là đúng. Quân Soviet tấn công đã gặp những phụ nữ, trẻ con, người già bị quân Đức đuổi ra khỏi nhà với chút tài sản trên chiếc xe trượt nhỏ. Nhiều người bị lột mất quần áo ấm. Vasily Grossman kể lại những câu chuyện giống nhau từ hướng tiến quân phía nam. Ông viết rằng lính Hồng quân khám người tù binh đã nổi giận khi tìm thấy nhiều đồ cướp từ các nhà nông dân trong tình trạng rất thảm hại - “những chiếc khăn choàng phụ nữ cũ kỹ với đôi bông tai, vải lanh, váy áo, tã trẻ con và những áo cánh sặc sỡ của các cô gái. Một tên lính có tới 22 đôi tất len cất trong ba lô”. Những người dân hốc hác bước tới kể lể nỗi khổ của mình dưới sự chiếm đóng của quân Đức. Từng con bò, từng con gà, từng bao thóc, nếu bị tìm thấy là bị cướp liền. Những người già cả cũng bị đánh đập đến chùng nào chịu khai ra chỗ giấu thóc mới thôi. Nhà cửa bị đốt, nhiều người dân bị bắt đi lao động khổ sai, số còn lại bị bỏ cho chết đói chết rét. Chuyện báo thù thường là do các nhóm nhỏ lính Nga, nhất là khi say, nhắm vào tù binh Đức nào rơi vào tay họ. Trong khi đó các chi đội NKVD tìm đến các làng được giải phóng. Họ tìm những người hợp tác với Đức.

Grossman quan sát tù binh Đức bị giải về phía sau. Nhiều người khoác trên mình những chiếc chăn rách thay cho áo choàng. Dây thừng, dây điện được dùng thay thắt lưng. “Trên thảo nguyên rộng mênh mông, bằng phẳng,

trống trải này, có thể trông thấy họ từ rất xa. Họ đi ngang qua chúng tôi thành từng hàng chừng hai, ba trăm người, và cả từng nhóm nhỏ hơn chừng 20 đến 50 người. Một hàng dài đến vài dặm, chậm chậm đi xa dần, vòng hoặc rẽ trên đường đất ra đấy. Vài người Đức bập bẹ bằng tiếng Nga, “Chúng tôi không muốn chiến tranh”, họ kêu lên. “Chúng tôi muốn về nhà. Hitler cút xuống địa ngục!” Lính áp giải họ chế giễu: “Giờ xe tăng quân ta đánh cho tơi bời rồi thì chúng mới bảo rằng không muốn chiến tranh, trước đó thì có nghĩ thế cho khỏi ra đấy”. Tù binh được chở qua sông Volga bằng xà lan, có tàu kéo lai. “Họ đứng túm tụm vào nhau trên boong, mặc những chiếc áo choàng màu xám tả tơi, giậm chân và thối vào những ngón tay lạnh cóng”. Một thủy thủ nhìn họ, khoái chí giễu: “Giờ chúng nó mới được ngắm sông Volga đấy”.

Tại Abganerovo, bộ binh Soviet tìm thấy một đầu mỗi đường sắt đầy các xe tải bị bỏ lại mà xét theo kiểu dáng thì chúng được đem tới đây từ khắp các nước châu Âu bị chiếm. Những chiếc xe sản xuất tại Pháp, Bỉ và Ba Lan đứng đó, xe nào cũng có nhãn đại bàng đen và chữ thập ngoặc của đế chế thứ Ba. Với người Nga, những chiếc xe đầy ắp hàng giống như một món quà Giáng sinh không ai ngờ tới. Cảm giác cướp lại của quân đội Đức hùng mạnh những thứ chúng cướp của người ta càng thêm phần thú vị, nhưng cái tật cố hữu với rượu đúng là khó dứt. Đại đội trưởng, đại đội phó và 18 chiến sĩ của một đại đội bên cánh nam đã thương vong vì uống chất chống đông thu được của Đức. Ba người chết, 17 người còn lại “đang trong tình trạng nguy kịch trong bệnh viện dã chiến”. Ở cánh bắc, một sĩ quan Nga bị bắt đã khai với Hoàng thân Dohna rằng khi đại đội đói khát vì thiếu lương ăn của anh ta thu được một kho hậu cần của Romania, nhiều người đã chết “vì bội thực”.

Trong khi đó bên trong Stalingrad, Tập đoàn quân số 62 bỗng thấy mình ở vào một tình thế lạ lùng. Tuy là một phần của vòng vây mới quây kín Tập đoàn quân số 6 nhưng nó vẫn bị cắt rời với bờ đông Volga, thiếu tiếp tế hậu cần và thương binh thì không chuyển ra được. Mỗi lần có tàu liều mạng vượt qua các tảng băng để qua sông là pháo binh Đức lại nổ súng. Nhưng bầu không khí thì đã thay đổi vì kẻ tấn công bây giờ lại thành kẻ bị vây.

Binh sĩ Tập đoàn quân số 62 vẫn không thể tin được rằng bước ngoặt đã tới. Những người lính Nga chẳng còn hy vọng được tiếp tế thuốc lá cho đến khi sông Volga đóng băng hẳn lại cất tiếng hát để lái cơn thèm nicotin sang hướng khác. Lính Đức trong boong ke ngồi nghe. Chẳng thấy họ thét lác gì nữa.

Tuy nhiên thắng lợi trong Chiến dịch Sao Thiên Vương bị bóng mây thất bại của Chiến dịch Sao Hỏa đánh vào vùng lõi Rzhev che bớt. Tập đoàn quân số 9 của Đức có vị thế tốt hơn hẳn Tập đoàn quân số 6 ở Stalingrad để bảo vệ mình và phản ứng nhanh chóng, quyết liệt. Thất bại nặng nề đó được giữ kín 56 năm cho đến khi các hồ sơ mật của Liên Xô được phép công khai: Hồng quân đã chịu một tổn thất là 70.374 người chết và 145.300 bị thương.

16

NỖI ÁM ẢNH CỦA HITLER

Nhiệm vụ thông báo cho *Fuhrer* về trận đột phá lớn của quân Soviet ngày 19 tháng 11 rơi vào Tham mưu trưởng lục quân, Tướng Kurt Zeitzler, lúc này vẫn ở lại Đông Phổ. Hitler lúc đó đang ở Berghof^[66] phía trên Berchtesgaden, chính là nơi ông đã nhận được tin Stalin nhất trí với hiệp ước Xô-Đức tháng 8 năm 1939. Vào dịp đó, ông đập tay xuống bàn tiệc một cách đắc thắng trước sự ngạc nhiên của các mệnh phụ vây quanh. “Tôi tóm được họ rồi!” ông nhảy dựng dậy hét lên. “Tôi tóm được họ rồi!” Nhưng lần này phản ứng của ông xem ra sẽ là một cơn lôi đình.

Nhật ký chiến trường của OKW ghi lại, một cách dối trá lộ rõ, rằng “tin tức đáng ngại về cuộc tấn công của Nga mà *Fuhrer* đã chờ đợi từ lâu”. Phản ứng của Hitler trước cuộc phản công bất thành của Quân đoàn tăng số 48 hôm đó còn cho thấy rõ hơn nữa. Sau khi sự can thiệp vụng về của ông không ngăn được quân Romania sụp đổ, ông cần một con dê tế thần, và thế là ông ra lệnh bắt giữ Tướng Heim.

Hitler hiểu dù không nói ra, rằng toàn bộ vị thế của Đức ở miền nam nước Nga lúc này đang bị đe dọa. Trong ngày thứ hai của cuộc tấn công, ông lệnh cho Thống chế Manstein từ Vitebsk quay lại phía nam để lập ra một cụm tập đoàn quân sông Đông mới. Manstein là chiến lược gia được trọng vọng nhất trong lục quân Đức và ông đã làm việc hiệu quả với người Romania ở Krym.

Khi *Fuhrer* không có mặt, OKW bị tê liệt. Trong ngày 21 tháng 11, ngày mà Paulus và Schmidt phải bỏ sở chỉ huy ở Golubinsky khi bị các đoàn tăng Soviet đe dọa, tùy tùng chính của Hitler, Tướng Schmudt đang bù đầu với việc “thay đổi đồng phục sĩ quan và viên chức *Wehrmacht*”.

Mệnh lệnh của *Fuhrer* bắt Tập đoàn quân số 6 phải đứng vững bất chấp nguy cơ bị “bao vây tạm thời” rồi cuộc cũng đến tay Paulus khi ông tới Nizhne-Chirskaya. Ông cũng được chỉ thị lấy toàn bộ quân của Hoth ở phía nam Stalingrad và phần còn lại của Quân đoàn Romania số 4 đặt dưới quyền chỉ huy của mình. Phần cốt lõi là: “Giữ thông tuyến đường sắt lâu nhất có thể. Các mệnh lệnh tiếp theo là về tiếp tế đường không”. Paulus theo trực giác đã tính tới việc rút khỏi sông Volga về hội quân với phần còn lại của Cụm Tập đoàn quân B nên cực kỳ bối rối trước mệnh lệnh này. Nhưng rồi ông cho rằng hãn lãnh tụ phải hiểu rõ tình hình toàn cục hơn mình.

Ông đã bay xuống Nizhne-Chirskaya vì sở chỉ huy đã chuẩn bị sẵn cho mùa đông có đường liên lạc bảo đảm an toàn với Cụm Tập đoàn quân B và với *Wolfsschanze* gần Rastenburg. Nhưng khi nghe nói ông bay đến đấy, Hitler đã ngờ ông chạy trốn quân Nga. *Fuhrer* lệnh cho ông lập tức quay lại với Ban Tham mưu của mình ở Gumrak bên trong vòng vây. Khi Tướng Hoth đến nơi vào sáng hôm sau, 22 tháng 11, ông thấy Paulus đang bức bối và giận dữ vì Hitler ám chỉ ông bỏ rơi quân mình. Tham mưu trưởng của Paulus, Tướng Schmidt lúc đó đang gọi điện cho Tướng Martin Fiebig, Tư lệnh Quân đoàn không quân số 8. Schmidt nhấn mạnh lại rằng Tập đoàn quân số 6 cần gấp nhiên liệu và đạn dược để phá vây, còn Fiebig thì nhắc lại câu ông đã nói từ chiều hôm trước: “Không thể tiếp tế cho cả một tập đoàn quân bằng đường không. Luftwaffe không có đủ máy bay vận tải”.

Ba ông tướng dành gần hết buổi sáng đánh giá tình thế khó khăn của Tập đoàn quân số 6. Schmidt là nói nhiều nhất. Chính ông là người đã nói chuyện với Tướng Sodenstern ở Cụm Tập đoàn quân B tối hôm trước và đã nghe các chi tiết về mũi tấn công phía đông nam của quân Soviet từ Perelazovsky. Sodenstern đã nói thẳng: “Chúng tôi chẳng có gì để ngăn họ cả. Hãy tự cứu lấy mình”.

Trong lúc bàn luận, Thiếu tướng Wolfgang Pickert, chỉ huy sư đoàn phòng không 9 của Luftwaffe, bước vào phòng. Schmidt, vốn là bạn cùng khóa ở trường tham mưu, gọi với sang chào bằng câu cửa miệng của ông

thầy cũ: “Làm ơn cứ theo lý mà quyết!” Pickert không chút do dự đáp rằng ông định rút sư đoàn mình ra ngay bây giờ.

“Thì chúng tôi cũng muốn ra”, Schmidt đáp, “có điều trước hết cần phải tạo ra thể phòng thủ vòng tròn để lập một phòng tuyến ở phía nam, nơi quân Nga đang tấn công đã”. Ông cứ thế nói tiếp rằng họ không thể bỏ lại các sư đoàn bên bờ tây sông Đông, và rằng Tập đoàn quân số 6 không có vị thế để phá vây trong năm, sáu ngày tới. Không có tí cơ hội thành công nào cho chiến dịch đó, “Chúng ta cần nhiên liệu và đạn dược do Luftwaffe chuyển đến”. Tướng Hube đã vừa gọi điện đài báo rằng xe tăng của mình sắp phải dừng cả lại rồi.

“Thế cũng đâu có khác gì”, Pickert cãi. Ông không muốn mất cả sư đoàn phòng không với toàn bộ vũ khí của mình. “Làm sao mà cứ tiếp viện bằng đường không cho Tập đoàn quân số 6 mãi được nếu ta cứ nằm ì đây”. Schmidt không phản đối nhưng chỉ ra rằng họ không biết nhiều về tình hình tổng thể, cũng không biết cấp trên còn những lực lượng dự bị nào dùng được. Ông nhấn mạnh rằng thiếu nhiên liệu và ngựa có nghĩa là “hơn 10.000 thương binh và đại bộ phận vũ khí hạng nặng cùng xe cộ phải bỏ hết lại. Thế thì quá là cái kết của Napoleon”.

Paulus sau khi nghiên cứu về chiến dịch 1812 hẳn đang bị ám ảnh bởi viễn cảnh đội quân của ông tan rã, bị chia nhỏ khi cố sống cố chết thoát ra qua thảo nguyên phủ tuyết. Ông không muốn ghi danh trong sử sách là ông tướng có thất bại quân sự thê thảm nhất mọi thời đại. Ở đây hẳn còn có một xui khiến tự nhiên đối với Paulus, vốn không trội lăm về khoản suy nghĩ độc lập, là đùn đẩy các quyết định nguy hiểm cả về chính trị lẫn chiến lược, vì lúc này ông đã biết rằng Thống chế Manstein sắp đến nắm quyền. Khốn nỗi thời tiết xấu khiến Manstein không thể bay từ phía bắc xuống mà vẫn còn kẹt lại trên đoàn tàu làm sở chỉ huy của mình, bị cản trở bởi các hoạt động của du kích.

Paulus có tư chất của một sĩ quan tham mưu chứ không phải một thủ lĩnh chiến trận phản ứng với hiểm nguy. Ông không thể đồng ý với một cuộc phá vây nếu không được chuẩn bị và tiếp vận đầu vào đầy đủ và là một phần của

một kế hoạch tổng thể đã được trên phê duyệt. Cả ông lẫn Schmidt có vẻ như đều không nhận ra rằng tốc độ là yếu tố quyết định ở đây. Họ đã hoàn toàn không chuẩn bị lực lượng cơ động mạnh để gửi gắm vào đó toàn bộ hy vọng đánh tan vòng vây trước khi nó đã yên vị. Giờ thì họ lại không thấy được rằng một khi Hồng quân đã củng cố xong trận địa thì mọi yếu tố, nhất là thời tiết, sẽ càng ngày càng chống lại họ.

Phần lớn thời gian đã bị uổng phí trong quá trình điều các trung đoàn tăng về phía sau qua sông Đông. Buổi sáng hôm xác nhận mất Kalach, đáng lẽ họ phải bảo Quân đoàn số 11 của Strecker và Quân đoàn tăng số 14 của Hube chuẩn bị quay lại bờ đông để nhập vào phần còn lại của Tập đoàn quân số 6. Cuối buổi sáng, Schmidt đã ra các mệnh lệnh thích hợp cho Tướng Hube và cho Đại tá Groscurth, Tham mưu trưởng của Strecker.

* * *

Vào 2 giờ chiều hôm đó, Paulus và Schmidt bay trở lại sở chỉ huy mới ở Gumrak, bên trong *Kessel*. Paulus mang theo cả lô đồ tiếp tế là rượu vang đỏ thượng hạng và champagne Veuve-Cliquot — phải đi gấp mà còn mang thứ đó kể cũng lạ. Khi đến sở chỉ huy mới của Tập đoàn quân số 6 bên cạnh nhà ga Gumrak, ông bắt đầu liên lạc với các tư lệnh quân đoàn. Ông muốn họ đưa ra quan điểm của mình về mệnh lệnh của quốc trưởng, nhắc lại rằng ngay tối hôm đó phải lập đội hình phòng thủ “con nhím” và chờ lệnh mới. “Họ đều có chung quan điểm với chúng tôi”, sau này Schmidt viết, “rằng cần có một cuộc đột vây về phía nam”. Nói ra nhiều nhất là Tướng Seydlitz, người mà sở chỉ huy chỉ cách đó có vài trăm mét.

Bức điện của Paulus lúc 7 giờ tối đã vẽ ra một bức tranh u ám. “Tập đoàn quân đã bị vây” là câu đầu tiên, mặc dù vòng vây vẫn chưa khép hẳn. Đó là một bức điện vừa yếu vừa lúng cùn, không đúng thể thức. Quan trọng hơn cả, Paulus không đề ra được một phương hướng hành động vững vàng. Ông yêu cầu “tự do hành động nếu thấy không thể tạo được thế phòng thủ vòng tròn ở cánh nam”.

Vào lúc 10 giờ 15 phút tối hôm đó, Paulus nghe được thông điệp của *Fuhrer* qua điện đài. “Tập đoàn quân số 6 đang tạm bị quân Nga bao vây. Tôi biết rõ Tập đoàn quân số 6 và tư lệnh của các bạn nên tin chắc rằng trong tình huống khó khăn này các bạn sẽ gan dạ đứng vững. Tập đoàn quân số 6 nên biết rằng tôi đang làm tất cả để giải cứu họ. Tôi sẽ đưa ra chỉ thị vào thời điểm thích hợp. Adolf Hitler”. Paulus và Schmidt bất chấp thông điệp đó, tin rằng Hitler sẽ sớm nhận ra lý do nên bắt tay vào chuẩn bị kế hoạch phá vây theo hướng tây nam.

Tối hôm đó, 22 tháng 11, Hitler đã chuẩn bị cùng Keitel và Jodl lên con tàu đặc biệt của ông từ Berchtesgaden đến Leipzig, từ đó máy bay sẽ đưa ông đến Rastenburg. Trong lúc đi lên phía bắc, cứ vài giờ ông lại dừng tàu để nói chuyện với Zeitzler. Ông muốn kiểm tra cho chắc rằng không ai được cho phép Paulus rút lui. Trong một lần nói chuyện như vậy, ông đã bảo Zeitzler : “Ta đã tìm ra cách khác rồi”. Ông không nói rằng trên tàu ông đã nói chuyện lại với Tướng Hans Jeschonnck, Tham mưu trưởng không quân, người đã chỉ ra rằng một cầu không vận để tiếp tế cho Tập đoàn quân số 6 là có thể, bất chấp những cảnh báo của Richthofen, nhưng chỉ là tạm thời.

Reichsmarschall (Thống chế Đế chế)^[67] Goering nghe được *Fuhrer* muốn gì liền gọi ngay các sĩ quan vận tải của mình đến họp. Ông bảo họ cần chở 500 tấn mỗi ngày. (Con số dự tính 700 tấn của Tập đoàn quân số 6 bị bỏ qua). Họ trả lời rằng tối đa chỉ được 350 tấn, mà chỉ một thời gian ngắn thôi. Goering, với thái độ vô trách nhiệm khó tin, lập tức cam đoan với Hitler rằng *Luftwaffe* có thể duy trì hiện trạng của Tập đoàn quân số 6 bằng đường không. Trong khi, ngay cả với con số thấp hơn thế chắc gì đã được, chưa kể thời tiết xấu, máy bay hỏng và phản ứng của địch.

Sáng sớm hôm sau, 24 tháng 11, hy vọng của tất cả các tướng liên quan đến số phận của Tập đoàn quân số 6 đã đổ vỡ. Một quyết định nữa của *Fuhrer* gửi đến sở chỉ huy của Paulus vào lúc 8 giờ 30 phút sáng. Trong đó, ranh giới của cái mà giờ đây Hitler gọi là “pháo đài Stalingrad” được vạch rõ. Mặt trận trên sông Volga phải giữ “trong bất cứ hoàn cảnh nào”.

Zeitzler đã rất tự tin tối hôm trước rằng Hitler đã tỉnh táo trở lại. Giờ thì *Fuhrer* đã cho thấy một cách rõ ràng rằng ý kiến của tất cả các tướng chịu trách nhiệm đối với chiến dịch Stalingrad hoàn toàn không được tính đến. Cảm giác của họ được Richthofen khái quát lại trong nhật ký của mình rằng họ bất quá chỉ hơn “các hạ sĩ quan được trả lương cao” một chút. Quan niệm của Hitler về sức mạnh ý chí đã hoàn toàn đoạn tuyệt với logic quân sự. Ông cứ khư khư bám lấy ý nghĩ rằng một khi Tập đoàn quân số 6 rút khỏi Stalingrad thì *Wehrmacht* không bao giờ còn có thể quay lại nữa. Ông cảm nhận đây đang là đỉnh điểm của Đế chế thứ Ba. Và lại, như vậy cũng hợp với một kẻ mắc chứng vĩ cuồng, lòng kiêu hãnh cá nhân của ông đã bị đặt lên đĩa vì mới chỉ cách đây hai tuần, trong bài phát biểu của mình trong quán bia ở Munich ông đã khoác lác về thành phố của Stalin.

Tổng hợp những điều kiện như vậy có lẽ đã làm nảy sinh những khoảnh khắc trớ trêu cay đắng. Ngay trước khi quyết định của *Fuhrer* được ban bố, Tướng Seydlitz, Tư lệnh Quân đoàn tăng số 51 ở Stalingrad đã quyết định ra tay trước. Ông cho rằng “không thể hiểu được” một tập đoàn quân với 22 sư đoàn lại “phải chịu phòng thủ vòng tròn để tự đánh mất tất cả tự do vận động của mình”. Ông chuẩn bị một bản kiến nghị dài về vấn đề này gửi lên Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6. “Những cuộc tấn công nhỏ lẻ trong mấy ngày vừa rồi đã xài hết dự trữ đạn dược của chúng ta”. Tình hình tiếp tế mang tính chất quyết định. Bốn phận của họ là bỏ qua cái mệnh lệnh thảm họa kia để mà chiến đấu.

Buổi tối 23 tháng 11, Seydlitz lệnh cho Sư đoàn bộ binh cơ giới số 60 và Sư đoàn bộ binh số 94 đốt kho tàng và cho nổ trận địa, sau đó rút khỏi vị trí của mình ở phía bắc Stalingrad. “Hàng ngàn đồng lửa đốt vội”, trưởng ban quân nhu của Sư đoàn bộ binh số 94 viết, “chúng tôi đốt áo choàng, quần phục, ủng, tài liệu, bản đồ, máy chữ và cả lương thực. Ông tướng tự tay mình đốt các thứ của ông”. Những tiếng nổ và đám lửa đã đánh động Hồng quân, họ bắt gặp một sư đoàn đã suy yếu ngay giữa nơi trống trải khi nó rút từ Spartakovka và gây cho nó tổn thất lên đến gần 1.000 người. Đơn vị bên cạnh, Sư đoàn bộ binh số 389 ở nhà máy chế tạo máy kéo Stalingrad trong lúc rối loạn cũng bị vạ lây.

Khi biết tin về cuộc rút lui, Hitler nổi khùng mắng Paulus. Để ngăn những biểu hiện bất tuân tiếp theo, Hitler đưa ra một quyết định bất thường là chia quyền chỉ huy trong *Kessel* ra. Tướng Seydlitz mà ông cho là ủng hộ cuồng nhiệt cho kháng cự được phong làm tư lệnh phần đông bắc *Kessel*, gồm cả thành phố Stalingrad. Bức điện đến lúc 6 giờ sáng 25 tháng 11. Lát sau Paulus đưa theo Đại úy Behr đến thám sở chỉ huy của Seydlitz cạnh đó. Paulus đưa bức điện được chuyển tiếp từ Cụm Tập đoàn quân sông Đông đến. “Giờ thì ông đã nắm quyền rồi”, Paulus nói thẳng, “ông có thể đột vây”. Seydlitz không biết giấu vào đâu cho hết xấu hổ. Manstein vốn không ưa ý tưởng chia quyền chỉ huy, đã tìm cách viết điện cho khéo để nó không quá lố.

* * *

Việc Paulus phải giáp mặt Tướng Seydlitz không phải câu chuyện khó nói duy nhất từ sau khi bị vây. Tại *Wolfsschanze*, Thống chế Antonescu trở thành đối tượng để Hitler nhè đầu ông mà đổ tội vì ông mà quân Romania mới ra nông nổi này. Antonescu, đồng minh trung thành nhất của Hitler, cũng khó chịu đối đáp. Nhưng rồi hai nhà độc tài cũng nguội lại, không dám loại bỏ một đồng minh mà không ai trong họ muốn mất. Nhưng họ làm lạnh cũng chẳng được lâu.

Các sĩ quan Romania rất bức vì chỉ huy cấp cao Đức cứ lờ đi những cảnh báo của họ, nhất là về chuyện thiếu phương tiện chống tăng. Trong khi đó quân Đức do không biết đến những tổn thất của Romania lại chê trách đồng minh bỏ chạy nên mới thảm bại thế này. Nhiều sự cố không hay nảy sinh giữa các nhóm lính ở cả hai bên. Sau cuộc gặp thiếu kiềm chế với Antonescu, ngay cả Hitler cũng buộc phải nhận ra rằng cần phải làm gì đó để phục hồi quan hệ giữa các đồng minh với nhau. “Theo chỉ thị của *Fuhrer*”, Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 thông báo cho các tư lệnh quân đoàn, “việc chỉ trích những thất bại của sĩ quan và binh lính Romania phải chấm dứt”. Sự căng thẳng giữa các đồng minh không khó hình dung đối với

chính quyền Soviet, họ lập tức tổ chức thả 150.000 tờ rơi tuyên truyền bằng tiếng Romania.

Hitler vẫn không hề nường tay, quyết trị bằng được Tướng Heim, Tư lệnh Quân đoàn tăng số 48. “*Fuhrer* ra lệnh cách chức Tướng Heim lập tức”, Tướng Schmudt ghi lại trong nhật ký ngay khi Hitler từ *Wolfsschanze* trở về, “*Fuhrer* sẽ đích thân quyết định tất cả các biện pháp kỷ luật quân đội trong vụ này”.

Nhiều sĩ quan cao cấp ngờ rằng Hitler không chỉ muốn đem một mình Heim, mà là cả khối sĩ quan, ra làm vật tế thần cho thảm họa. Groscurth đã khinh miệt viết về “đội quân đầy ân huệ của một đảng tất thắng”, không lâu sau khi Hitler lên đài phát thanh tuyên bố chiến thắng trước đám sĩ quan của Bộ Tổng tham mưu vận quân thung kẻ sọc lớn. Giống như một người chống Quốc xã khác là Henning von Tresckow, Groscurth cũng tin rằng Bộ Tổng tham mưu đã không còn xứng với cái tên đó vì họ hèn nhát quỳ gối trước Hitler. Tuy nhiên, khối sĩ quan vẫn là nhóm duy nhất có thể chống lại tình trạng chuyên chế.

Tresckow tin rằng một thất bại bi thảm có thể khơi dậy thay đổi để đưa đến cho quân đội một vị chỉ huy được nhiều người kính trọng nắm một cương vị then chốt sẵn sàng đứng lên chống lại Hitler. Thống chế Manstein chắc chắn đã có được sự tôn trọng cần thiết, thành ra khi có dịp, Tresckow đã bố trí cho người anh em họ trẻ tuổi của mình là Alexander Stahlberg làm trợ lý mới cho Manstein. Và việc đó thật đúng lúc. Stahlberg đến nhiệm sở vào ngày 18 tháng 11, hai ngày trước khi Hitler chọn Manstein làm tư lệnh Cụm Tập đoàn quân sông Đông mới thành lập.

Trí tuệ và phẩm chất quân sự của Manstein là không thể bàn cãi, song bản năng chính trị của ông thì khó đoán, nhưng có những biểu hiện đáng khích lệ. Manstein khinh Goering và ghét Himmler. Với những đồng nghiệp thân cận, ông thú nhận mình có dòng máu Do Thái. Ông có thể khá cay độc về Hitler. Con chó giống Dachshund tên là Knirps của ông được huấn luyện giơ chân lên chào theo khẩu lệnh “Heil Hitler!” như một trò đùa. Ngược lại, vợ ông lại ngưỡng mộ Hitler cuồng nhiệt, và quan trọng hơn, như đã nói,

Manstein thậm chí đã từng ban hành mệnh lệnh cho lính của mình, nhắc đến “sự cần thiết phải có những biện pháp cứng rắn chống lại người Do Thái”.

Sở chỉ huy của Manstein trên một đoàn tàu xa hoa gồm các toa *Wagons-lits* — những phòng giường nằm trên bánh xe vốn thuộc về nữ hoàng Nam Tư — đậu trên nhánh đường ray ở phía nam Smolensk. Tại đó, tư lệnh Cụm Tập đoàn quân Trung tâm, Thống chế Kluge lên tàu để thông báo cho Manstein về tình hình ở phía nam nước Nga. Kluge chịu ảnh hưởng của Tresckow là một trong số ít các thống chế cầm quân sẵn sàng tham gia binh biến. Ông bảo Manstein rằng Hitler đã đặt Tập đoàn quân số 6 vào một vị trí không thể bảo vệ. Tăm bản đồ tình hình được trải ra trong toa đã cho thấy rõ nguy cơ.

Kluge cố gây ấn tượng với Manstein bằng một lời khuyên. Mưu toan kiểm soát sự di chuyển của quân đội tới tận cấp tiểu đoàn của *Fuhrer* cần phải ngăn chặn ngay từ đầu. “Và nên nhớ”, Kluge nhấn mạnh, “*Fuhrer* đã xưng xưng tự nhận rằng, quân ở *Ostfront* sẽ dĩ sống sót được qua cuộc khủng hoảng mùa đông năm trước, không phải nhờ vào tinh thần binh sĩ và sự cần mẫn của chúng ta mà hoàn toàn là nhờ vào tài năng của ông ta”. Ít lâu sau cuộc gặp gỡ này, Hồng quân đã phát động một cuộc tấn công nhằm vào Cụm Tập đoàn quân Trung tâm để ngăn bộ chỉ huy Đức đưa quân xuống giải vây cho Stalingrad.

Đoàn tàu được sưởi ấm tiếp tục băng qua miền đất Nga phủ tuyết đầu đông trắng xóa. Manstein và Ban Tham mưu của mình bàn luận về âm nhạc cũng như về bạn bè và các mối quan hệ, chơi cờ, chơi bài, và luôn né tránh chính trị. Trung úy Stahlberg nghe nói Manstein có quan hệ bà con với cố tổng thống Paul von Hindenburg, ước hỏi không biết vị thống chế nào trong cuộc chiến này có thể trở thành “vị cứu tinh của đất mẹ” trong trường hợp thất bại hoàn toàn. “Chắc chắn không phải tôi”, Manstein đáp ngay.

Sinh nhật 55 tuổi của thống chế vào ngày 24 tháng 11, ngày họ tới sở chỉ huy Cụm Tập đoàn quân B. Tướng Weichs đưa bản đồ chiến dịch mới cập nhật ra, không hề giấu giếm sự trầm trọng của tình hình. Điện từ bản doanh *Fuhrer* mới đến, ra lệnh Tập đoàn quân số 6 cố thủ “pháo đài Stalingrad” và

chờ tiếp viện đường không. Manstein, theo lời phụ tá, tỏ ra lạc quan đến ngạc nhiên. Ngay cả một khoảng cách gần 250 km giữa quân Đức ở phía nam vòng vây Stalingrad và Cụm Tập đoàn quân A phía dưới Kavkaz cũng không ngăn được Manstein chọn thủ phủ cũ của xứ Cossack sông Đông, Novocherkassk, để đặt bản doanh của mình. Ông lấy mấy người Cossack đội mũ lông cừu và mặc quân phục *Wehrmacht* đứng gác trước cổng chính. “Mỗi khi ra vào”, trợ lý doanh trại của ông kể, “họ lại ưỡn ngực đứng nghiêm cứ như đức Sa Hoàng giá lâm không bằng”.

* * *

Hitler đưa ra những chỉ thị nghiêm ngặt về việc tin tức từ vòng vây ở Stalingrad không được để lộ cho dân Đức. Ngày 22 tháng 11, một thông cáo đã thừa nhận rằng đã có một cuộc tấn công ở mặt trận phía bắc. Ngày hôm sau, ngay sau khi vòng vây Tập đoàn quân số 6 khép kín, chỉ có những cuộc phản công và thương vong của quân địch được nhắc đến. Một thông báo tiếp theo nghe như cuộc tấn công của Soviet đã bị bẻ gãy với những thương vong nặng nề. Cuối cùng, ngày 8 tháng 12, ba tuần sau khi sự kiện xảy ra, được biết vẫn còn giao tranh phía nam Stalingrad nhưng không hề dả động gì đến việc Tập đoàn quân số 6 đã bị cô lập. Việc bịa chuyện vẫn tiếp tục diễn ra trong tháng 1 với kiểu nói mập mờ “lực lượng trong khu vực Stalingrad”.

Chính quyền Quốc xã dĩ nhiên không thể ngăn được tin đồn lan nhanh, nhất là trong quân đội. “Toàn bộ Tập đoàn quân số 6 đã bị vây”, một người lính trong bệnh viện dã chiến được nghe gần như trực tiếp từ cha tuyên úy. “Đó là khởi đầu của kết thúc”. Các cố gắng nhằm bịt miệng binh lính và sĩ quan bằng các biện pháp kỷ luật đã phản tác dụng và sự thiếu thành thật càng làm tăng thêm cảm giác bất an ở Đức. Chỉ trong vài ngày sau khi bị vây, người dân đã viết thư ra mặt trận để hỏi xem liệu những tin đồn đó có đúng không. “Hôm qua với hôm nay người ta cứ kháo nhau”, một thủ quỹ ở Bernburg viết, “có phải khu vực của con đã bị chọc thủng không?!”

Chính quyền Quốc xã tin rằng họ có thể ém nhem mọi chuyện cho tới khi lực lượng giải cứu sẵn sàng đột phá vào Stalingrad. Trong khi đó, có lẽ Paulus đã nghi ngờ cam kết của Goering tiếp tế cho Tập đoàn quân số 6 bằng đường không, nhưng ông cũng không thể bác bỏ lập luận do Tham mưu trưởng của mình đưa ra rằng ít ra họ cũng có thể trụ được đến đầu tháng 12, là lúc Hitler hứa sẽ phá vây giải cứu.

Paulus phải đối mặt với cái mà Strecker gọi là “vấn đề nan giải nhất của ý thức đối với mỗi người lính: có nên trái lệnh cấp trên để xử lý tình huống theo cách anh ta thấy là tốt nhất”. Các sĩ quan không ưa chế độ và coi thường *GROFAZ* (*Großter Feldherr aller Zeiten — Vị tư lệnh vĩ đại nhất mọi thời đại*) như họ thường lén gọi *Fuhrer*, thì hy vọng Paulus sẽ chống lại sự điên rồ đó và châm ngòi cho một phản ứng rộng khắp trong toàn quân^[68]. Họ nghĩ đến cuộc nổi dậy của Tướng Hans Yorck von Wartenburg ở Tauroggen tháng 12 năm 1812, khi ông này từ chối không chiến đấu dưới quyền Napoleon nữa, một sự kiện đã khơi dậy tinh thần ái quốc trong nước Đức. Nhiều người đã tin vào so sánh này. Tướng Seydlitz chắc đã gọi chuyện với Paulus khi xui ông phá vây; cả Đại tá Herbert Selle, cục trưởng kỹ thuật của Tập đoàn quân số 6 cũng vậy. Trái lại, Schmidt thì cho rằng “một hành động chống lệnh như vậy sẽ biến thành một cuộc binh biến mang màu sắc chính trị”.

Câu trả lời của Paulus cho Selle nghe như một thuyết định mệnh: “Tôi biết lịch sử chiến tranh đã có lời phán quyết cho tôi”. Đúng là ông có quyền từ chối được so sánh với sự kiện Tauroggen. Yorck không có liên lạc gì, cứ thể tuyên bố hành động nhân danh vua Phổ mà không bị cách chức. Nhưng trong thời đại mà sở chỉ huy nào cũng có thể liên lạc ngay bằng điện đài, bằng liên lạc viên, máy điện báo ghi chữ, lệnh bắt một chỉ huy sẽ được truyền đi ngay lập tức. Nhân vật duy nhất trong tấn kịch có thể thủ vai Yorck là Manstein như Tresckow và Stauffenberg nhìn nhận, nhưng Manstein không có ý định nhận một vai diễn nguy hiểm như thế. “Các thống chế Phổ không nổi dậy”, ông nói vào năm sau, trái hẳn với truyền thống của Yorck khi đại diện của Cụm Tập đoàn quân Trung tâm tiếp cận ông.

Nhiều sử gia cũng cho người ta ấn tượng rằng gần như mọi sĩ quan trong Tập đoàn quân số 6 đều tin rằng cần phải có một nỗ lực ngay lúc đó để đột phá vòng vây quân Nga. Nói thế là nhằm. Các tư lệnh quân đoàn, các chỉ huy sư đoàn và sĩ quan tham mưu đều thiên về đột phá, nhưng đặc biệt trong bộ binh thì các chỉ huy trung đoàn và tiểu đoàn lại không chắc chắn. Binh sĩ của họ, nhất là những người đã đào xong hầm, không muốn rời bỏ vị trí của mình cùng những vũ khí nặng mà “bước ra ngoài tuyết”, nơi họ sẽ phơi mình ra giữa trời khi quân Nga tấn công. Lính cũng ngại di chuyển vì họ tin vào những lời hứa về một cuộc phản công mạnh mẽ giải cứu mình. Câu khẩu hiệu ủng hộ ý này ở cuối bản mệnh lệnh của Paulus ngày 27 tháng 11 — “Hãy trụ vững! *Fuhrer* sẽ đưa chúng ta ra!” — có vẻ đã rất hiệu quả. (Về sau Schmidt không chịu nhận câu đó xuất phát từ Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6, thậm chí còn cho rằng do một chỉ huy cấp dưới nghĩ ra).

Bên trong *Kessel*, binh lính thường tin khẩu hiệu “Hãy trụ vững!” là một lời hứa chắc chắn. Nhiều sĩ quan cũng vậy, nhưng nhiều người khác theo trực giác mà đoán ra thực tế. Một người nhớ lại một anh bạn trung úy bộ binh cơ giới khi nhận được tin đã nháy mắt ra hiệu rủ anh này về xe mình để bàn riêng với nhau.

“Ta sẽ không bao giờ thoát khỏi đây kiểu đó”, anh ta nói. “Một cơ hội hiếm hoi thế này sức mấy người Nga chịu bỏ lỡ”.

“Anh đúng là một tên bi quan,” người kia trả lời. “Tôi tin ở Hitler. Ông ấy đã hứa thi chắc như đinh đóng cột”.

PHÁO ĐÀI KHÔNG NÓC

Trong tuần đầu tiên của tháng 12, quân Nga mở những cuộc tấn công quyết liệt nhằm chia cắt Tập đoàn quân số 6. Trong trận đánh ác liệt, các sư đoàn tăng của Tập đoàn này đã mất gần một nửa trong số 140 xe tăng còn lại. Họ rất khó xoay sở do thiếu nhiên liệu và đạn dược. Ngày 6 tháng 12, một nhóm chiến đấu của Sư đoàn tăng số 16 đã được điều đi bộ phản công vì không còn nhiên liệu cho xe xích bánh sau của họ. Trung úy Mutius, một sĩ quan trẻ đã từng tự hào là người cuối cùng của *Wehrmacht* rút qua sông Đông, là phó chỉ huy của nhóm này.

Mục tiêu của họ là ngọn đồi phía bắc Baburkin mà họ đã vây được, nhưng đột nhiên xe tăng Nga xuất hiện từ dưới một cái khe có bộ binh yểm trợ. Chỉ huy nhóm ra lệnh rút. “Rút lui có trật tự là không thể”, một thượng sĩ về sau kể lại. “Ai nấy chạy bán sống bán chết. Địch bắn theo chúng tôi bằng mọi cỡ súng. Một nửa nhóm chiến đấu bị quét sạch. Trung úy Mutius bị thương nặng. Nhằm tránh thương vong thêm, anh ta hét “Tản ra!” Viên thượng sĩ tin rằng trung úy đã cứu mạng nhiều người, còn mình thì nằm lại bất lực chờ quân Nga. Những người sống sót nghĩ anh ta là “một anh hùng thực sự”.

Sau nhiều đợt tấn công, các chỉ huy Soviet nhận ra rằng đội quân bị bao vây vẫn chưa chịu thua. Tập đoàn quân số 57 ở khu vực trọng yếu phía tây nam đã chịu nhiều tổn thất. Giải thích cho tổn thất của quân Soviet khá lý thú. Một báo cáo viết — “pháo binh với bộ binh phối hợp không tốt lắm khi tấn công phòng tuyến của địch” — nghe có vẻ như quân ta bắn quân mình. “Chiến sĩ không được hướng dẫn kỹ lưỡng sự cần thiết phải đào hào”, lại một nhận xét vô bổ khác. Vì không làm được nên đã dẫn đến “những tổn thất không thể bù đắp do xe tăng và máy bay địch”. Không thấy nhắc gì đến thực tế là nền đất bị đóng cứng và dụng cụ đào hào thiếu trầm trọng.

Phía sau chiến tuyến, các sĩ quan NKVD cùng phiên dịch làm việc đến khuya để hỏi cung tù binh Đức, bao gồm cả những người đào ngũ đầu tiên cũng như những “cái lưỡi” do các đại đội trinh sát bắt về. “Bọn Bolshevik thường bắt tù binh trong chúng tôi”, một trung úy thuộc sư đoàn bộ binh Áo số 44 nói. Tình báo Phương diện quân sông Đông cố gắng xác định các sư đoàn mất tinh thần và nhằm vào đó tấn công. Chẳng mấy chốc họ nhận thấy các sư đoàn bộ binh số 44 và 376, cả hai đều rút từ bên kia sông Đông sang, không thể đào boong ke đúng chuẩn. Phần đông trong số họ, trong giai đoạn từ lạnh giá chuyển sang mưa rồi trở lại lạnh giá đang phải chui rúc trong các hố dưới lòng đất rồi trồi vãi mưa lên. NKVD đặc biệt chú ý đến các dấu hiệu. “Nghe bảo lính Áo chiến đấu không giỏi”, Trung úy Heinrich Boberg đã khai với Đại úy Dyatlenko vào ngày 10 tháng 12. “Chắc cũng đúng phần nào, có điều tôi không nói nó đúng với sư 44 bộ binh. Người Áo có những lý do lịch sử để không rắn như người Phổ. Và vì người Áo hay chung đụng với các dân tộc khác nên họ không có kiểu tự hào dân tộc như người Phổ”. Tên gọi *Ostmark* mà chính quyền Quốc xã đặt cho nước Áo có vẻ rất nhanh chóng biến mất trong từ vựng của lính Áo khi bị bắt.

Khi các cuộc tấn công lớn đầu tháng 12 dừng lại, Phương diện quân sông Đông vẫn duy trì sức ép lên Sư đoàn bộ binh số 44 với những cuộc đột kích bằng máy bay cường kích đối đất Shturmovik. Tuy nhiên, tinh thần của Tập đoàn quân số 6 nói chung vẫn còn khá vững vàng. Một thượng úy thuộc Sư đoàn tăng số 16 về sau kể lại rằng, vào giai đoạn đó “không hề có tí nghi ngờ nào về kết quả khả quan của trận đánh”. Lính bộ binh, nhất là những người ở trên thảo nguyên tuyết phủ thường nói đùa về “pháo đài không nóc”. Hầu hết những người trẻ hơn, được dạy dỗ trong hệ thống toàn trị không thêm biết lý do vì sao họ rơi vào cảnh ngộ này. Với họ, bảo đảm của lãnh tụ là lời hứa trước sau như một.

Chẳng bao lâu suất ăn đã giảm trông thấy, nhưng các sĩ quan và hạ sĩ quan cam đoan rằng tình hình này sẽ không kéo dài. Luftwaffe sẽ mang đến những gì họ cần, sau đó đến một lực lượng giải cứu hùng hậu do Thống chế Manstein chỉ huy sẽ tấn công từ phía tây nam lên phá vòng vây. Nhiều binh lính đã tự thuyết phục mình hoặc được các sĩ quan thiếu óc tưởng tượng

nhồi cho, rằng đến Giáng sinh là thoát rồi. “Từ 22 tháng 11, bọn con bị bao vây”, một người lính Sư đoàn bộ binh số 376 viết về nhà. “Điều tồi tệ nhất đã qua rồi. Tất cả bọn con đều hy vọng sẽ thoát khỏi vòng vây trước Giáng sinh... Một khi trận phá vây này kết thúc thì cuộc chiến nước Nga cũng xong thôi”. Có người còn nhất quyết rằng họ sẽ được thưởng phép ngay và sẽ thực sự được đón Giáng sinh ở nhà cùng gia đình.

Những người chịu trách nhiệm điều hành chiến dịch tiếp tế đường không thì không được lạc quan như thế. Cục trưởng hậu cần của Tập đoàn quân số 6 điện vào ngày 7 tháng 12: “Suất ăn bị cắt giảm từ 1/3 cho tới 1/2 để tập đoàn quân có thể trụ được đến 18 tháng 12. Thiếu cỏ khô tức là phần lớn ngựa sẽ bị giết thịt cho đến giữa tháng 1”.

Các sĩ quan Luftwaffe phụ trách sân bay Pitomnik, vốn được rút từ sư đoàn phòng không số 9, thì không hề có ảo tưởng. Họ biết rằng cần ít nhất 300 chuyến bay mỗi ngày để phục hồi sức chiến đấu cho Tập đoàn quân số 6, không phải bàn cãi gì nữa. Đã vậy những chiếc Junkers Ju 52 ba động cơ nặng nề vẫn còn một thách thức không nhỏ là lực lượng không quân Soviet đã lớn mạnh vượt bậc và táo bạo hơn nhiều cùng với hỏa lực phòng không xung quanh *Kessel* nữa. Jeschonnek và Goering lại còn không tính đến việc các sân bay có thể nằm trong tầm pháo hạng nặng Soviet. Tệ hơn cả, họ còn không để ý đến yếu tố thời tiết mặc dù đã có những kinh nghiệm của mùa đông năm ngoái. Có thể tầm nhìn bằng 0 duy trì trong nhiều ngày, cũng nhiều ngày nhiệt độ xuống thấp đến mức không thể khởi động được động cơ máy bay dù có đốt lửa bên dưới để sưởi cho chúng. Tuy vậy, ngoài Richthofen ra, các sĩ quan Luftwaffe cả trong lẫn ngoài vòng vây không ai dám mở miệng. “Nói ra nghi ngờ sẽ bị quy cho là chủ bại”, một người trong bọn cho biết.

Dù là nhiên liệu, đạn dược hay thực phẩm — theo lý thuyết mỗi Junkers Ju 52 chở được 2 tấn, còn Heinkel He 111 thì còn ít hơn — máy bay sẽ chuyển thương binh từ bệnh viện dã chiến chính bên cạnh sân bay Pitomnik ra ngoài. Có lẽ dấu hiệu rõ nhất về sự bi quan của sĩ quan là quyết định bí mật đưa các nữ y tá Đức ra, thậm chí còn trước cả thương binh, để bảo đảm

họ không rơi vào tay quân Nga. Tuy đã hết sức giữ kín bí mật này, các sĩ quan Trung đoàn bộ binh Croatia số 369 đã nghe được và vận động với Luftwaffe để phụ nữ bên mình giả làm y tá bay cùng. Viên trung úy mà họ liên hệ cũng coi trọng quân Croatia như những người lính nên hứa sẽ giúp họ. Nhưng đại tá của anh ta lên mặt chần chừ. “Nhưng mà có sao đâu”, viên trung úy cố năn nỉ, “Có là gái điếm, là hộ lý Croatia hay gì đi nữa, họ cũng cần được đưa ra để khỏi rơi vào tay bọn Nga”. Viên đại tá vẫn một mực từ chối. Về sau viên trung úy ngờ rằng người Croatia cũng vẫn xoay xở đưa lên phụ nữ của mình lên máy bay.

Lán trại, hầm hố và lều bạt trải dài bên cạnh sân bay. Ở đó có rất nhiều sở chỉ huy và các phân đội điện đài với cột anten và xe cộ với cả bệnh viện dã chiến. Pitomnik nhanh chóng trở thành tiêu điểm chính cho các trung đoàn máy bay tiêm kích và ném bom Soviet. Trong vòng ba ngày 10, 11 và 12 tháng 12, máy bay Soviet đã đánh phá 42 lần.

Quân Nga dù hoạt động trên không ráo riết như vậy nhưng vẫn chưa nhận ra lực lượng mà họ quây được lớn chừng nào. Đại tá Ilia Vinogradov, chủ nhiệm quân báo Hồng quân tại bản doanh của Phương diện quân sông Đông, ước chừng Chiến dịch Sao Thiên Vương đã quây được khoảng 86.000 quân địch. Con số gần đúng hơn, cộng cả các đồng minh và Hiwi, là gần gấp ba lần rưỡi: gần 290.000 người. Quân đồng minh gồm tàn quân của hai sư đoàn Romania, trung đoàn Croatia thuộc Sư đoàn bộ binh nhẹ số 100, và đoàn vận tải cơ giới Italia chọn nhầm thời điểm để đến nhặt gỗ trong các đồng đồ nát ở Stalingrad^[69].

Trong trận đánh phía tây sông Đông và trên cánh bắc, Quân đoàn số 11 của Strecker thiệt hại nhiều nhất. Sư đoàn bộ binh Áo số 44 mất gần 2.000 quân, sư 376 mất 1.600 và sư 384 hơn 900. Sĩ quan cả Tập đoàn quân số 6 ngồi xuống những chiếc bàn tạm trong hầm đất dưới lớp tuyết bên ngọn nến để viết cho người thân gần nhất: “Tôi rất buồn có nghĩa vụ thông báo với...”

Điều kiện của Tập đoàn quân số 6 đã xuống đến mức rất giống với điều kiện trong Thế chiến I khiến những người lính già nhớ tới tình cảnh ở mặt trận phía tây ngày đó với kiểu độc mồm độc miệng của nó. Sau cái lạnh giữa

tháng 11 đến kỳ tuyết tan ẩm ướt, “Tướng Bùn” tái xuất trong chốc lát rồi sang “Tướng Đông”. Nhiều người trở lại với các mảnh cũ của cuộc sống chiến hào, như dùng vốn nước ẩm “tự có” ở mỗi người, còn để giải trí thì kỳ ghét ở tay ra nặn thành bánh.

Cấu trúc của hầm hào khác nhau tùy theo điều kiện ở mỗi sư đoàn. Những ai đã buộc phải rút quân hoặc chuyển sang trận địa mới thì phải lao động nặng nhọc, mặc dù phần lớn công việc đã dồn cho Hiwi và các tù binh Nga khác. Lính Đức đã học được từ tác chiến đường phố ở Stalingrad. Họ đào hầm bên dưới những xe tăng bị bắn cháy và tận dụng tốt hơn những thứ sẵn có. Nhưng trong những ngày đầu tiên bị bao vây, mặt đất vẫn còn đóng giá, ngay cả đốt lửa cũng không làm mềm ra được cho dễ đào. Ngoài thảo nguyên, thứ thiếu nhất là gỗ, cả để đốt lửa lẫn để lót hầm. Nhà cửa của nông dân gần chiến tuyến không tồn tại được lâu. Người dân nào đã xếp rơm quanh nhà rồi đè lên một lớp ván và gỗ súc bên ngoài để giữ ấm trong mùa đông thì sẽ bị đuổi đi. Nếu cứ ở lại họ sẽ phải chứng kiến ngôi nhà nhanh chóng bị tháo dỡ vì lính Đức sẽ lấy hết ván, gỗ, cửa và cả cửa sổ nữa để tân trang lại hầm của mình.

Lính dỡ nhà người ta về tự nhiên nảy nòi ý muốn biến căn hầm của mình thành một ngôi nhà mới. Hào giao thông được ốp đá, cửa hầm được đắp, được khoét làm người ta không biết bên trong là cái gì. Họ trang trí các khung cho những tấm thiệp hoặc những tấm hình vui vẻ. Một vài thứ luôn được coi trọng. Không ai được chạm vào hoặc xúc phạm tới tấm hình của vợ hoặc con đồng đội. Các sĩ quan phải bảo đảm họ có giường nằm, ghế và bàn. Tướng Edler von Daniels, chỉ huy Sư đoàn số 376 có một tổ hợp boong ke kiến trúc hoàn hảo do một người trong ban tham mưu thiết kế sau khi họ chuyển đến vị trí mới ở cánh tây nam. Sĩ quan chỉ huy của bác sĩ Kurt Reuber, một mục sư đang đảm nhiệm chức trách bác sĩ trong Sư đoàn tăng số 16 thì có một căn hầm cực rộng được đào làm sao để ông nhét vừa cái piano do một sư đoàn khác bỏ lại. Và ở dưới hầm, có các vách đất cách âm, ông chơi các bản nhạc của Bach, Handel, Mozart và bản sonata *Pathetic* (Bi thương) của Beethoven. Ông chơi rất hay nhưng có vẻ cũng đầy ám ảnh. “Sĩ quan chỉ huy vẫn chơi ngay cả khi vách hầm rung lên vì bị ném bom và đất

tuôn xuống”. Ông vẫn cứ chơi khi các sĩ quan chạy vào báo cáo đang có đụng độ bên ngoài.

Một vài đơn vị may mắn được ở lại trận địa cũ. Sư đoàn bộ binh số 297 ở phía nam Stalingrad đã hoàn thành trạm điều dưỡng dưới đất công phu của mình trước khi quân Nga tấn công. Họ sợ bị mất nó với tất cả các thiết bị y tế, giường, bát đĩa và dao đĩa được chở từ Đức sang bằng xe lửa. Đến khi phòng tuyến của *Kessel* đã được thiết lập, họ thở phào nhẹ nhõm vì cái bệnh xá quý hóa của họ vẫn còn phía sau chiến tuyến vài kilomet.

Binh lính nhiều người vẫn chưa được phát trang phục mùa đông tiêu chuẩn trước khi bị bao vây nên họ đành tự chế với các mức độ thành công khác nhau. Bên dưới quân phục họ nhồi ngày càng nhiều các món từ quân trang Soviet — áo chui cổ, quần thụng lót bông và quý nhất là áo bông. Khi lạnh giá mạnh lên, mũ sắt trở thành ngăn đá, họ bèn quấn vải, khăn quàng, thậm chí cả xà cạp Nga cho ấm. Họ thèm găng tay lông đến nỗi giết cả chó đi lạc để lột da làm găng tay. Có người còn thử làm áo khoác bằng da ngựa tự thuộc lấy, nhưng mấy thứ này đều thô thiển khó coi trừ phi mua chuộc được ai vốn làm nghề đóng yên hay đóng giày giúp cho một tay.

Điều kiện mất vệ sinh nhất thường là ở những đơn vị bị các đợt tấn công của quân Soviet đẩy ra phải làm lại trận địa ngoài thảo nguyên trống trải ở đầu phía tây của vòng vây mới lập. “Ban đêm rét kinh hồn”, viên sĩ quan pháo binh đã rút lui qua sông Đông viết trong nhật ký. “Liệu chúng tôi còn ngủ ngoài trời bao lâu nữa? Thân thể không thể chịu đựng thêm được. Lại còn bẩn thỉu và chảy rận nữa chứ!!!” Trong những điều kiện như vậy, binh sĩ còn không có cơ hội đào hào giao thông và nơi vệ sinh. Lính nằm ngủ xếp lớp như cá muối trong các hốc dưới đất trải vải mưa. Bệnh truyền nhiễm lan nhanh. Bệnh lý có tác động làm yếu sức và xuống tinh thần; lính mất sức ngồi chồm hổm dưới hào trên cái xẻng, xong xuôi rồi thì hất thẳng ra ngoài.

Viết thư về nhà binh lính thường giấu bớt cái dơ dáy trong cuộc sống của mình. “Chúng tôi ngồi xõm với nhau”, Kurt Reuber viết, “trong cái hốc đào bên thành khe ngoài thảo nguyên. Một cái hầm sơ sài và thiếu tiện nghi nhất. Chỉ đất và bùn. Chẳng thể làm gì khác nữa. Có tí gỗ nào thì dùng để làm

hầm hết rồi, quanh chúng tôi cảnh vật thật buồn, đơn điệu và rầu rĩ. Thời tiết mùa đông rất thất thường. Tuyết, mưa nặng hạt, sương mù rồi đột nhiên trở ấm. Đêm đêm chuột chạy ngang qua mặt”.

Trang phục chóng tã hơn bắt đầu từ những ngày hỗn loạn trong vòng vây vì phải di chuyển liên tục. “Bệnh dịch chảy rận thật đáng sợ”, một hạ sĩ trong một trung đoàn tăng viết, “vì chúng tôi không có cơ hội tắm rửa, thay quần áo hay bắt rận. Trong mũ sắt tôi tìm thấy tới 200 con quái vật bắt ly thân đó”. Một người lính vô danh đã ngẫu hứng chế lời mới cho một bài hát thịnh hành:

^tDưới chiếc đèn lồng

Trong ngôi nhà nhỏ

Tối tối tôi ngồi

Lọ mọ bắt rận...\$t

Trong những đêm dài của mùa đông nước Nga, tha hồ có dịp nói chuyện về quê nhà và cuộc sống tốt đẹp biết bao trước khi đến Nga. Trong Sư đoàn bộ binh số 376, họ than thở vì phải rời Angoulême sang *Ostfront*, bỏ lại những quán cà phê, rượu vang rẻ tiền và những cô gái Pháp. Những ý nghĩ lần ngược về xa hơn, đến ngày chiến thắng trở về năm 1940. Đám đông vẫy chào, những cái hôn và sự tung hô mà phần nhiều là do ý nghĩ rằng đã hết đánh nhau. Đại đa số dân chúng ca tụng công đức của Hitler đã đưa họ đi qua một cuộc chiến ngắn ngủi thắng lợi với rất ít thương vong.

Thường thì khi ý nghĩ hướng về nhà, kèn harmonica cất lên những giai điệu da diết trong hầm. Sau khi số phận đảo chiều đầy kịch tính như thế này, người lính càng bầu víu vào tin đồn hơn bao giờ hết, với những câu hỏi thường trực và những suy luận thiếu thông tin. Ngay cả sĩ quan của họ cũng không biết mấy về tình hình thực tế. Một chủ đề khác liên quan đến cơ hội thoát ra đó là vết thương hoàn hảo để không tàn phế hoặc không quá đau nhưng vẫn đủ tiêu chuẩn để được chuyển ra ngoài bằng máy bay. Những đồng đội mới được về phép trước khi bị vây đều nhận được ánh mắt ghen tị, còn những ai quay lại ngay trước lúc bị vây thì phải nghe những câu đùa tuy thân thiện nhưng chắc chắn là đau. Có một người không bao giờ than thở

vận rủi là Kurt Reuber. Ông quay lại đơn vị chỉ hai ngày trước khi vòng vây khép lại. Tới đây sẽ rất khó biết dịch vụ của ai cần hơn, của thầy thuốc hay của thầy tu.

* * *

Quân Đức bị vây cứ nghĩ lính Hồng quân bên kia chẳng thiếu gì, cả lương ăn lẫn quần áo ấm, nhưng thường là không phải vậy. “Do giao thông tắc trở, lương thực không kịp đưa ra mặt trận cho binh sĩ”, một báo cáo của Phương diện quân sông Đông cho biết. “Việc chỉ huy và Chính ủy không sử dụng tốt hầm hố để giữ ấm cho bộ đội”, một báo cáo khác viết, “đã dẫn đến hậu quả nhiều người phải đi viện vì công giá, nhiều nhất là cước chân”.

Lính Soviet được trang bị tốt nhất là lính bắn tỉa. Họ ít khi bị từ chối thứ gì. Trên thảo nguyên tuyết phủ, trong trang phục trắng họ hoạt động từng cặp, một người trang bị ống nhòm còn người kia thì súng trường bắn xa. Đêm đêm họ bò tới trước đến khu phân tuyến, đào hố xuống tuyết, nấp dưới đó để quan sát và bắn. Tỷ lệ thương vong của họ cao hơn trong thành phố nhiều vì họ có ít lựa chọn chỗ nấp và đường rút hơn. Song “phong trào bắn tỉa” vẫn thu hút được nhiều người tình nguyện hơn số người có thể huấn luyện hoặc sử dụng.

Để giữ bí mật, những ai không liên quan trực tiếp đến Chiến dịch Sao Thiên Vương chỉ được biết về nó năm ngày *sau khi* bắt đầu. Nhìn qua thì điều lạ nhất trong lúc chiến thắng này là một số lính Hồng quân vẫn bỏ ngũ chạy sang phía quân Đức đang bị bao vây, tức là tự mình dúi đầu vào rọ, nhưng chuyện ngược đời này xem ra có thể giải thích được là do bí mật được tuyệt đối giữ kín và binh lính không hay biết gì. Đại tá Sergei Tulpanov, một sĩ quan NKVD tinh tế phụ trách việc tuyển mộ sĩ quan Đức, đã hoàn toàn cởi mở thừa nhận với một trong các tù binh sáng giá của mình là phi công chiến đấu bá tước Heinrich von Einsiedl rằng: “Các lính Nga đó hết sức ngạc nhiên khi nghe lính Đức nói lại đúng như bộ máy tuyên truyền bên mình nói. Họ đã không tin rằng quân Đức lại bị bao vây”.

Về điểm này Zhukov đã mô tả một cách độc đáo việc bao vây Tập đoàn quân số 6 là “một bài học lớn cho quân ta để giành chiến thắng”. Grossman cũng đúng khi ông viết: “Tinh thần của binh sĩ chưa bao giờ cao như thế”.

Lính Hồng quân giờ đây đã có được cái thú chế nhạo những tên địch mới đây còn chế nhạo họ. Có đại đội trinh sát cử một nhóm tuần tra trong đêm, mang theo một hình nộm Hitler. Họ cắm nó ở vùng phân tuyến và treo bảng mời lính bộ binh Đức bắn thi. Hình nộm này có thể gài một hai quả lựu đạn để phòng sĩ quan Đức sai tuần tra ra nhổ nó vào đêm hôm sau. Có tổ chức hơn thì các đại đội tuyên truyền của NKVD bắc loa phóng thanh lên. Suốt nhiều giờ những cái loa phát nhạc tango, được coi là hợp với tâm trạng quấy nhộn, chen vào đó là những thông điệp được ghi sẵn trong đĩa hát để nhắc nhở quân bị vây tình cảnh tuyệt vọng của họ. Thoạt đầu những việc như vậy chả có tác dụng gì, nhưng về sau, khi hy vọng của quân Đức đã nhạt đi thì tác động của nó mới được nhân lên.

Biết rõ quân Đức phải tiết kiệm đạn pháo vì nặng không chở được nhiều, Hồng quân bắt đầu các cuộc tấn công thăm dò, dụ quân Đức đáp trả. Thời gian này bận rộn nhất là đại đội trinh sát của các sư đoàn chuyên dò đường cho những cuộc tấn công như vậy. “Chúng tôi cứ như dân Zigan, nay đây mai đó”, một sĩ quan trong số 5 người sống sót của một đại đội trinh sát gồm 114 người nhớ lại. Một nhóm tuần tra thường có 5 hoặc 6 người, quần áo ngụy trang lên vào *Kessel* rồi rình ở những con đường quan sát di chuyển của quân địch. Trên đường về, họ tóm một “cái lưỡi” để về khai thác.

Hoạt động tuần tra được đặc biệt tăng cường trên cánh tây nam *Kessel*. Các chỉ huy Soviet tin chắc rằng quân Đức sẽ cố đột phá vòng vây nên họ muốn biết sớm. Thảo nguyên bằng phẳng phủ tuyết nên việc trinh sát là rất nguy hiểm vì các ụ súng máy có xạ tuyến lý tưởng để bắn. Nhưng một lần vào đầu tháng 12, một tổ trinh sát có cả một nhóm đột kích đi theo hỗ trợ, đã vào tận chiến hào đối phương và thấy ở đó trống không. Quân Đức đã rút hết về phía sau có hầm ẩm áp hơn. Sau khi tốp bộ binh Nga đầu tiên đã khám xét hết các chiến hào mà các hầm phía sau không hay biết, chỉ huy tổ trinh sát xem xét chiến lợi phẩm, kể cả một áo choàng lông cừu dài. Thế rồi,

ngay bên chiếc điện thoại đã chiến, anh thấy một cái ca trắng cắm một bông hồng. Nó đẹp không gì sánh được vì từ lâu anh không được thấy gì đời thường đến thế. Nhưng rồi đại đội trưởng của anh đến và quyết định đánh lấn vào, một quyết định quá tham vọng cho một toán quân nhỏ. Khi họ tấn công lên thì mọi chuyện lại xấu đi rất nhanh. Quân Đức phản công bằng xe tăng, mà pháo binh quân nhà lại từ chối bắn yểm trợ vì phải có lệnh qua các cấp hợp thức họ mới bắn. Một trận đánh lộn xộn nổ ra và khi nhóm trinh sát rút lui, người chỉ huy trẻ tuổi bị mảnh pháo vào chân. Trong lúc nằm trên tuyết nhìn máu loang đỏ bộ đồ nguy trang, anh lại nghĩ đến cái ca với bông hồng.

Đôi khi các nhóm trinh sát Nga và Đức đi ngang qua nhau trong đêm trên vùng phân tuyến, họ vờ như không thấy nhau. Mỗi bên đều có nhiệm vụ cụ thể của mình, không thể để một cuộc đụng độ làm hỏng việc. Nhưng nếu đã chạm trán nhau thì một trận đấu sinh tử sẽ diễn ra trong im lặng bằng dao găm hoặc lưỡi lê. “Khi tôi lần đầu giết một tên Đức bằng dao”, một trung đội trưởng trinh sát của lính thủy đánh bộ kể, “tôi đã mơ thấy anh ta suốt ba tuần sau”. Nhưng một trong những mối nguy hiểm lớn nhất là quay về phòng tuyến quân nhà mà nhầm vào nơi không quen.

Được cái may cho quân Nga, tình trạng thiếu trang phục mùa đông vốn nghiêm trọng đã được giải quyết ngay sau khi Chiến dịch Sao Thiên Vương thắng lợi. Gần như tất cả binh sĩ đều nhận được găng tay lông thỏ, áo bông chần, áo choàng da cừu và mũ lông có tai *ushanka* xám, gắn ngôi sao đỏ từ mũ mùa hè chuyển sang.

Các tổp lính mới lần lượt đến bổ sung đầy đủ cho các sư đoàn. Với lính mới, được phân vào một trung đội toàn những người lính đã tôi luyện trong chiến đấu luôn khó khăn, nhưng tiếp thu được những kinh nghiệm của họ sẽ có nhiều cơ hội sống sót hơn là vào một đơn vị chưa từng thử lửa. Khi lính mới đã chấp nhận chuyện sống chết chỉ là tương đối, thì anh hiểu rằng cố mà sống từng giây phút, không việc gì phải căng thẳng.

Với những công dân Soviet trẻ, sốc nhất không phải là kiểu thô lỗ tục tằn lính tráng mà là cách nói huých toẹt của họ về các chủ đề chính trị. Nhiều

lính trẻ mới nghe thấy lo, cứ ngoái xem có ai biết không. Họ bảo rằng cuộc sống sau chiến tranh phải khác. Cuộc sống của những người làm việc ở nông trang tập thể hay trong nhà máy phải được cải thiện và phải bãi bỏ những đặc quyền của *nomenklatura*.

Ở giai đoạn này của cuộc chiến, nguy cơ bị tố cáo ở chiến trường là khá ít. Như một cựu binh nói: “Một người lính cảm thấy khi đã trả giá bằng máu, anh ta phải có quyền nói tự do”. Nhưng anh ta sẽ giữ mồm giữ miệng hơn khi bị thương và được chuyển về bệnh viện dã chiến, nơi mà các sĩ quan chính trị luôn cảnh giác với mọi phê phán chế độ.

Binh lính giải sầu bằng cách nói đến các món ăn ở nhà cũng như những ước mơ. Một số trung đội may mắn có người giỏi kể chuyện, bịa ra những câu chuyện cổ tân trang. Họ chơi bài (tuy chính thức thì cấm) và đánh cờ. Ngồi không một nơi, có tí thời gian rỗi, họ chạm khắc, nặn tượng. Nhưng nhiều nhất là nhớ lại chuyện xưa. Người Moskva không ngớt nói về thành phố của mình, chưa đủ làm choáng các đồng đội ở tỉnh lẻ nhưng cũng nguôi ngoai nỗi nhớ nhà giữa chốn đồng không mông quạnh.

Viết về nhà là “cực khó”, một trung úy lính thủy đánh bộ thú nhận. “Không thể” nói thật. “Binh lính ngoài mặt trận không được phép gửi tin xấu về nhà”. Cha mẹ anh giữ tất cả thư từ anh gửi, rồi sau chiến tranh ngồi giờ lại, anh thấy chẳng có tí thông tin nào trong đó. Nhìn chung, một lá thư về nhà thường bắt đầu bằng việc cam đoan với mẹ — “con vẫn sống khỏe, ăn uống tốt” — nhưng đến câu sau lại bảo rằng sẵn sàng hy sinh thân mình cho tổ quốc, đâm ra giấu đầu hở đuôi.

Trong trung đội có những câu chuyện tiểu lâm và những câu đùa, trêu chọc, nhưng bằng vai phải lứa với nhau thì ít khi đùa ác. Mà cũng lạ là không bậy bạ. Họ chỉ nói về gái “khi đặc biệt có hứng thú”, mà đó là khi sự đa cảm được vodka kích động hoặc một bài hát khơi lên. Mỗi đại đội ít ra cũng có một cây *concertina* (đàn gió) nhỏ để cổ vũ tinh thần. Bài hát ưa thích của Hồng quân ở quanh Stalingrad trong mấy tuần cuối năm 1942 là bài *Zemlyanka* (Căn hầm), kiểu như bài *Lili Marlene* phiên bản Nga, với giai điệu cũng du dương như vậy. Bài ca đầy ám ảnh đó do Aleksey Surkov sáng

tác vào mùa đông năm trước — đôi khi còn được biết đến nhờ câu chốt của nó là “Đến cái chết chỉ bốn bước chân” — lúc đầu bị lên án là tư tưởng ủy mị vì tâm trạng của nó “hết sức bi quan”. Nhưng *Zemlyanka* đã tỏ ra thịnh hành trong binh sĩ ngoài chiến trường đến nỗi các Chính ủy cũng châm chước.

^tNgọn lửa quẩn quít trong cái lò hẹp
Trên những thanh củi nhựa rỉ ra như giọt nước mắt
Tiếng đàn gió cất lên trong căn hầm
Hát với tôi về nụ cười và ánh mắt em.
Những bụi cây thì thầm với tôi về em
Trên cánh đồng trắng tuyết gần Moskva
Hơn hết thấy tôi muốn em nghe thấy
Giọng hát tôi nghe buồn chừng nào.
Giờ em đã xa rồi, rất xa
Muôn trùng tuyết cách biệt đôi ta
Đến với em thật khó vô cùng
Đến cái chết chỉ bốn bước chân.
Hát lên đi, đàn gió, mặc cho bão tuyết
Hãy gọi về hạnh phúc lạc đường
Tôi ấm lòng trong căn hầm lạnh lẽo
Nhờ có tình yêu không tắt của em.\$t

Bên trong *Kessel*, kỷ luật của Tập đoàn quân số 6 càng nghiêm khắc hơn. Trong khi đó, trong một động thái nhằm duy trì lòng trung thành, Hitler bắt đầu hào phóng cất nhắc và tặng thưởng huân chương. Paulus được phong Thượng tướng.

Với lính, niềm an ủi chính là lời hứa của *Fuhrer* rằng sẽ làm tất cả để giải thoát họ. Quả thực, Tướng Strecker tin rằng binh sĩ rất ít kêu ca chuyện cắt giảm suất ăn vì họ chắc chắn rằng mình sắp được cứu. Trong một lần thị sát tiền tiêu, một lính gác đã giơ tay chỉ khi nghe tiếng pháo phía xa. “Ngài

nghe xem, thừa tướng quân”, anh ta nói. “Chắc là quân ta đến cứu đây”. Strecker rất xúc động. “Niềm tin của một người lính Đức bình thường thật ấm lòng”, ông nhận xét.

Ngay cả các sĩ quan chống Quốc xã cũng không thể tin Hitler dám bỏ rơi Tập đoàn quân số 6. Một đòn giáng vào chế độ và tinh thần ở nước Đức như vậy thì quá mạnh, họ suy luận thế. Giáng sinh và năm mới đến gần cũng góp thêm vào ý nghĩ rằng mọi việc sắp sửa tốt lên. Ngay cả hoài nghi như Groscurth cũng đã lạc quan hơn. “Mọi việc có vẻ bớt ảm đạm hơn một chút”, ông viết, “và giờ ta có thể hy vọng sẽ thoát được cái lười câu này”. Nhưng ông vẫn gọi Stalingrad là “*Schicksalsstadt*” — “thành phố định mệnh”.

“DER MANSTEIN KOMMT!”^[20]

Tuyết bắt đầu rơi mạnh vào cuối tuần đầu tiên tháng 12. Tuyết lấp đầy các khe rãnh, buộc những ai sống trong các hang hốc đào ở vách khe phải moi lối mà ra. Còn rất ít nhiên liệu cho xe cộ, còn ngựa kéo xe chở suất ăn thì đói quá chỉ đủ sức leo những con dốc thấp nhất. Tuyên úy Altmann của Sư đoàn bộ binh số 113, sau một cuộc đi nhờ trên xe, nhận xét: “Tôi không thể ngồi lại vì con ngựa thiếu ăn đến nỗi không kéo thêm được dù chỉ một chút”.

Điều làm Altmann xót xa hơn cả đó là tuổi trẻ đến mức ái ngại của binh lính trong trung đoàn ông mới ghé qua. Câu hỏi đầu tiên đương nhiên là: “Bao giờ chúng tôi mới được ăn thêm?” Ông cũng nhận thấy rằng dù mới là tuần thứ hai của tháng 12, “những căn hầm tòi tàn giữa thảo nguyên trơ trụi của họ đã được trang hoàng cho Giáng sinh”. Ở sở chỉ huy tiểu đoàn, ông nhận được một cuộc gọi báo một việc không có vẻ Giáng sinh tí nào. “Ngày mai vào lúc rạng sáng sẽ hành hình một lính Đức (19 tuổi, tự thương)”.

Mặc dù binh lính đều chịu đói thắt ruột, nhưng hầu hết vẫn không hay biết mức độ khó khăn trong việc tiếp tế mà Tập đoàn quân số 6 đang phải đối mặt. Hitler khi lệnh cho Paulus cố thủ đã hứa sẽ có hơn 100 máy bay vận tải Junkers Ju 52 chuyên chở tiếp tế, tuy thế trong tuần hoạt động đầu tiên của cầu không vận bắt đầu từ 23 tháng 11, số lần máy bay cất cánh trung bình chưa đến 30 chuyến mỗi ngày. 22 máy bay vận tải bị mất do địch bắn hạ vào ngày 24 tháng 11, 9 chiếc khác rơi trong ngày hôm sau. Máy bay Heinkel He 111 được rút khỏi các phi vụ ném bom để cố bù vào. Richthofen gọi cho Jeschonnek ba lần, cố thuyết phục ông ta rằng họ không đủ máy bay để tiếp tế cho Tập đoàn quân số 6 bằng đường không. Georing thì gọi mãi không được. Ông ta đã đi Paris mất rồi.

Vận chuyển đường không không cách gì bảo đảm được 300 tấn mỗi ngày như đã hứa. Chỉ có cả thảy 350 tấn đến được trong cả tuần. Trong số 350 tấn đó chỉ có 14 tấn lương thực cho suất ăn của lực lượng đến giờ đã rút xuống còn 275.000 người. Ba phần tư lượng hàng là nhiên liệu, trong đó một phần là cho máy bay của chính Luftwaffe đóng tại Pitomnik để bảo vệ máy bay vận tải trước máy bay tiêm kích Nga. Tuy nhiên, các máy bay Messerschmitt đóng ở Pitomnik lúc này cũng đang phải đối mặt với đủ chuyện đáng sợ, lại thêm điều kiện bay thường khó khăn nữa. Một phi công bị bắt khai với người thẩm vấn NKVD việc chiếc Me-109 của anh ta cất cánh từ Pitomnik đi hộ tống thì bị 6 máy bay tiêm kích Nga xúm vào đánh thế nào.

Trong tuần thứ hai cho đến ngày 6 tháng 12, 512 tấn (vẫn chưa đến 1/4 mức tối thiểu) được chở đến bằng trung bình 44 chiếc máy bay vận tải mỗi ngày. Chỉ có 24 tấn lương thực. Ngày càng nhiều gia súc kéo bị xẻ thịt để bù vào khoản thiếu hụt. Binh lính thấy suất ăn hụt nhanh chóng cả mặt, nhưng họ tự động viên mình rằng tình hình này không thể kéo dài. Họ ngưỡng mộ các đội bay can trường của Luftwaffe và đâm ra mong nhớ “Tante Ju” — những chiếc Junkers ba động cơ chuyển đồng đội bị thương và đưa thư từ của họ về nhà bên Đức. “Con vẫn ổn và khỏe mạnh”, họ viết trong tháng 12, cố làm yên lòng người ở nhà. “Không thể có chuyện gì xấu hơn đâu”, là một điệp khúc khác. “Đừng lo cho con, con sẽ chóng về an toàn và mạnh khỏe thôi”. Họ vẫn hy vọng vào một phép màu Giáng sinh.

* * *

Trong khi đó Stalin vẫn tính toán đến một đòn dứt điểm thứ hai, gần như ngay sau khi đã quây được Tập đoàn quân số 6. Ở *Stavka*, Chiến dịch Sao Thiên Vương được coi là bước mở đầu của một chiến lược chủ đạo. Đợt hai tham vọng hơn cả sẽ là Chiến dịch Sao Thổ^[71]. Đó là tên gọi của một cuộc tấn công bất ngờ do các tập đoàn quân của hai Phương diện quân Tây Nam và Voronezh thực hiện, đập tan Tập đoàn quân Italia số 8 để tiến xuống phía nam đến Rostov. Ý nghĩa của nó là cắt đứt phần còn lại của Cụm Tập đoàn

quân sông Đông và đưa Tập đoàn tăng số 1 và Tập đoàn quân số 17 ở Kavkaz vào rọ.

Thậm chí trước khi Tập đoàn quân số 6 kịp cầm lại trên thảo nguyên giữa sông Đông và sông Volga, Vasilevsky đã bàn bước tiếp theo với các tư lệnh Phương diện quân Tây Nam và Voronezh. Ông đã trình dự thảo ban đầu của mình cho Stalin vào đêm 26 tháng 11. Ngày dự kiến bắt đầu Chiến dịch Sao Thổ là 10 tháng 12, nhằm kịp điều quân và tăng viện. Stalin nhất trí và bảo ông thi hành. Tuy nhiên có một mối bận tâm cấp thiết hơn cần phải tính trước. Đó là câu hỏi Manstein sẽ phản ứng thế nào để cứu Tập đoàn quân số 6.

Stalin lại bắt đầu bị chứng sốt ruột đặc trưng hành hạ. Ông muốn mọi thứ phải có ngay — cả Chiến dịch Sao Thổ và nhanh chóng tiêu diệt Tập đoàn quân số 6. Ông đã ra lệnh cho Tập đoàn quân cận vệ số 2, lực lượng mạnh nhất của Hồng quân, triển khai ở phía tây Stalingrad, sẵn sàng đánh Rostov. Nhưng, như Vasilevsky đã phát hiện vào tuần đầu tiên tháng 12, kể cả bị 7 tập đoàn quân Soviet quây, các sư đoàn của Paulus xem ra vẫn khó diệt hơn họ tưởng.

Ngày 28 tháng 11, Stalin đề nghị Zhukov đánh giá ý định của địch. Hôm sau Zhukov gửi báo cáo lên. “Lực lượng Đức bị vây có vẻ không có ý định phá vây nếu không có quân tiếp viện từ hướng Nizhne-Chirskaya và Kotelnikovo đến giải cứu”, ông viết. Phán đoán của ông đã đúng, nhưng nếu xem xét tình hình kỹ hơn thì thấy đó là một lựa chọn thực tế duy nhất. Sau khi gửi báo cáo cho Stalin, Zhukov đã thảo luận tình hình với Vasilevsky, người mới được Stalin nhắc phải tập trung hết vào việc hạ Tập đoàn quân số 6 thôi. Hai ông tướng bàn mảnh với nhau rằng có lẽ phải hoãn Chiến dịch Sao Thổ lại mà thay vào đó nghĩ ra một Chiến dịch Sao Thổ Nhỏ. Kế hoạch là đánh vào sau lưng và cánh trái Cụm Tập đoàn quân sông Đông của Manstein. Việc này sẽ khiến mọi ý định giải cứu Stalingrad phải chững lại.

* * *

Kế hoạch của Manstein nhằm giải cứu Tập đoàn quân số 6 — chiến dịch Bão Mùa đông — đã được soạn thảo với sự tư vấn toàn diện của đại bản doanh của *Fuhrer*. (Xem Bản đồ 5). Nó nhằm đột phá đến với Tập đoàn quân số 6 và thiết lập một hành lang để giữ đường tiếp tế và tăng viện cho nó, như vậy, theo mệnh lệnh của Hitler, nó có thể duy trì được vị trí “chân trụ” của mình trên sông Volga, “để nhắm đến các chiến dịch năm 1943”. Tuy nhiên Manstein quá biết Tập đoàn quân số 6 không thể qua khỏi một mùa đông nên chỉ thị cho Ban Tham mưu của mình lập tiếp một kế hoạch để chờ trường hợp Hitler tỉnh ra. Nó sẽ bao gồm cả việc Tập đoàn quân số 6 đột phá vòng vây, và nếu thành công ngay từ đợt đầu thì nó sẽ thoát ra tái hợp với Cụm Tập đoàn quân sông Đông luân. Kế hoạch thứ hai này mang tên Chiến dịch Sấm Rền.

Chiến dịch Bão Mùa đông, như Zhukov đã tiên đoán, ban đầu được dự kiến là một cuộc tấn công hai gọng kìm. Một mũi xuất phát từ khu vực Kotelnikovo xa về phía nam, cách Tập đoàn quân số 6 khoảng 160 km. Mũi kia xuất phát từ mặt trận sông Chir phía tây sông Đông, chỉ cách *Kessel* chừng 70 km, song do Tập đoàn tăng số 5 của Romanenko cứ liên tục tấn công các đơn vị Đức ở dọc sông Chir nên tuyến xuất phát này phải bỏ. Như vậy là chỉ còn duy nhất Quân đoàn tăng số 42 quanh khu vực Kotelnikovo với sự hỗ trợ của phần còn lại rất hổ lốn của Tập đoàn tăng số 4 do Hoth chỉ huy đi giải cứu các sư đoàn bị vây của Paulus.

Quân đoàn tăng số 57 do Tướng Friedrich Kirchner chỉ huy đã yếu ngay từ đầu. Nó gồm hai sư đoàn kỵ binh Romania và Sư đoàn tăng số 23, gom góp được có hơn 30 chiếc chiến đấu được. Sư đoàn tăng số 6 đến từ Pháp là đơn vị mạnh hơn nhiều, nhưng quân của nó trông không được khích lệ cho lắm. Chỉ huy sư đoàn Áo, Tướng Erhard Raus được gọi đến toa xe hoàng gia của Manstein ở ga Kharkov ngày 24 tháng 11, ở đó viên thống chế giải thích cho ông. “Ông ấy mô tả tình hình bằng những từ ngữ rất ám đạm”, Raus nhớ lại. Ba ngày sau, khi đoàn tàu đầu tiên chở sư đoàn của Raus đến ga Kotelnikovo, quân của ông đã được chào đón bằng đạn pháo từ các trận địa Soviet. “Lính bộ binh cơ giới [của sư đoàn tăng] nhanh như chớp nhảy khỏi

toa xe. Nhưng đến đó thì đã thấy quân địch tấn công vào ga với tiếng hét xung trận ‘*Urrah!*’”

Hoth rất mừng ra đón Sư đoàn tăng số 6. Nó đã được chinh đồn ở Brittany và đang đầy đủ lực lượng với những chiếc tăng Panzer Mark IV có pháo 160 nòng dài và 40 khẩu pháo tự hành. Sư đoàn đã sớm có dịp thử thiết bị mới. Ngày 3 tháng 12, nó bị cuốn vào một trận đánh ác liệt với Quân đoàn kỵ binh số 4 ở gần làng Pakhlebin, cách Kotelnikovo 10 km về phía tây bắc. Lính tăng khoái chí khi nghe tiếng xích xe nghiền vỡ lớp băng bên ngoài vỏ thép, xuyên qua sư đoàn kỵ binh số 81 gây nhiều tổn thất. Phấn chấn trước chiến quả, Tướng Raus gọi trận này là “Cannae^[72] của Pakhlebin”. Việc sư đoàn của Raus đến đây đã khẳng định nghi ngờ của Yeremenko rằng quân Đức sắp đánh ở hướng đông bắc từ Kotelnikovo, nhưng Stalin vẫn không cho điều lực lượng dự bị đến khu vực bị uy hiếp.

Cũng trong ngày 3 tháng 12, Hoth đưa ra đề xuất cho chiến dịch Bão Mùa đông, mở đầu bằng: “Chủ đích: Tập đoàn tăng số 4 giải cứu Tập đoàn quân số 6” nhưng thời gian quý báu đã mất. Sư đoàn tăng số 17 ông định dùng để bổ sung cho đủ lực lượng đột kích lại bị giữ lại theo lệnh từ đại bản doanh của *Fuhrer* để làm dự bị phía sau Tập đoàn quân Italia số 8. Rốt cuộc nó vẫn không hội quân với Hoth cho đến mãi bốn ngày sau khi chiến dịch đã bắt đầu. Thế mà Hitler vẫn cứ giục không được để phí thời gian. Ông cũng sốt ruột muốn khám phá xem xe tăng Tiger mới với pháo 88 mm làm ăn thế nào. Tiểu đoàn đầu tiên được thành lập đã vội vã lên đường sang *Ostfront* để nhập vào lực lượng của Kirchner. Tối ngày 10 tháng 12, các chỉ huy nhận “Lệnh tấn công giải vây Stalingrad”.

Ngày 12 tháng 12, sau một đợt pháo ngăn, các xe tăng của Hoth xông lên hướng bắc. Lính Đức bên trong *Kessel* hăm hở lắng nghe tiếng súng phía xa. Sự tự tin lại trào lên. Những lời đồn đại đầy phấn khích lan khắp Tập đoàn quân số 6. “Manstein đang đến!” binh lính kháo nhau, giống như đón thánh lễ Phục Sinh của Giáo hội Chính thống. Đối với những người trung thành với Hitler, tiếng súng xa là một lần nữa chứng minh rằng *Fuhrer* luôn giữ lời hứa.

Tuy vậy, Hitler không hề có ý định cho phép Tập đoàn quân số 6 thoát ra. Trong cuộc họp vào buổi trưa ở *Wolfsschanze*, ông bảo Zeitzler rằng không thể rút khỏi Stalingrad vì như vậy là hy sinh “toàn bộ ý nghĩa của chiến dịch” với lập luận rằng đã có quá nhiều máu đổ. Như Kluge đã cảnh báo Manstein, Hitler vẫn còn ám ảnh với những sự kiện của mùa đông năm trước nên ra lệnh cho Cụm Tập đoàn quân Trung tâm tiếp ứng nhanh. “Khi một đơn vị bắt đầu chạy”, ông lên lớp cho Tổng Tham mưu trưởng lục quân, “mối ràng buộc giữa luật lệ và kỷ cương sẽ nhanh chóng biến mất trên đường rút chạy”.

* * *

Các chỉ huy Soviet không ngờ Manstein lại tấn công sớm thế. Yeremenko lập tức lo ngay cho Tập đoàn quân số 57 đang trấn giữ góc tây nam *Kessel*. Vasilevsky đang ở Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 51 với Khrushchev vào ngày 12 tháng 12 khi tin quân Đức tấn công được truyền đến qua điện đài. Ông cố gắng gọi cho Stalin ở Moskva nhưng không được. Không muốn để lỡ thời điểm, ông liên lạc với Tướng Rokossovsky, Tư lệnh Phương diện quân sông Đông, và bảo rằng ông muốn điều Tập đoàn quân cận vệ số 2 của Tướng Rodion Malinovsky sang chịu sự chỉ huy của Phương diện quân Stalingrad để chặn đứng cuộc tấn công của Manstein. Rokossovsky phản đối quyết liệt, và khổ thân Vasilevsky khi cuối cùng ông đã gọi được cho điện Kremli tối hôm đó, Stalin đã nổi giận với cái mà ông nghĩ là một âm mưu ép ông đến một quyết định. Ông không trả lời khiến Vasilevsky mất một đêm lo sốt vó.

Trong khi đó, Yeremenko đã lệnh cho Quân đoàn cơ giới số 4 và Quân đoàn tăng số 13 chặn bước tiến nhanh của quân thiết giáp Đức. Sư đoàn tăng số 6 Đức đã tiến được chừng 50 km trong 24 giờ đầu, vượt qua sông Aksay. Cuối cùng, sau khi bàn bạc ở Kremli đến tận đầu giờ sáng hôm sau, rồi có điện gọi cho Vasilevsky, Stalin đồng ý chuyển Tập đoàn quân cận vệ số 2 sang hai ngày sau đó.

Trong ngày thứ hai của cuộc tấn công, Sư đoàn tăng số 6 đã đến Verkhne-Kumsky. Mưa như trút chứng tỏ trời lại trở ẩm chốc lát. Trên vùng đất cao quanh làng này bắt đầu cái mà Tướng Raus gọi là “một trận đấu vật khổng lồ”. “Cuộc đấu xoay vòng” ba ngày trời bực bội đó thật đắt giá. Nó chứng tỏ là một thành công cục bộ — các sư đoàn của Hoth và các xe tăng Tiger đã tiến đến tuyến sông Myshkova, đúng lúc Sư đoàn tăng số 17 cũng đến và Richthofen tung vào tối đa yểm trợ trên không — nhưng liền đó mọi chuyện có vẻ không ích gì cho Tập đoàn quân số 6. Họ đang ở cách đó tới 200 km về phía tây bắc.

Stalin nhanh chóng nhận ra Zhukov và Vasilevsky đã đúng. Cách hiệu quả nhất để đánh tan tất cả cố gắng giải thoát tập đoàn quân của Paulus là chặn bước tiến của Hoth trên tuyến sông Myshkova, còn đòn quyết định thì đánh vào chỗ khác. Ông đồng ý với ý tưởng ứng biến Chiến dịch Sao Thổ. Các mệnh lệnh được chuẩn bị trong ngày đùng độ đầu tiên ở Verkhne-Kumsky, chỉ thị cho các tư lệnh Phương diện quân Voronezh và Tây Nam chuẩn bị mở chiến dịch đã sửa đổi có tên Sao Thổ Nhỏ. Kế hoạch là xuyên qua tập đoàn quân số 8 Italia đánh vào phía sau Cụm Tập đoàn quân sông Đông hơn là đánh vào Rostov. Các tập đoàn quân Soviet sẽ phải sẵn sàng tấn công trong ba ngày nữa.

Yeremenko vẫn nhấp nhồm không yên. Tập đoàn tăng của Hoth đang trên tuyến sông Myshkova, Sư đoàn tăng số 6 chỉ còn cách rìa *Kessel* chỉ chừng 60 km, còn Tập đoàn quân cận vệ số 2 thì bị trận bão tuyết mới nổi lên cầm chân không thể đến đủ vị trí để phản công trước ngày 19 tháng 12. Ông đoán lực lượng tăng của Tập đoàn quân số 6 sẽ đột phá ra từ phía tây nam *Kessel* vào bất cứ lúc nào, nhưng ông đâu biết Hitler vẫn không cho phép, mà 70 xe tăng còn lại của Paulus chỉ đủ nhiên liệu để tiến vài chục kilomet.

Ngày 19 tháng 12, Thống chế Manstein phái Thiếu tá Hans Eismann, sĩ quan quân báo của mình vào *Kessel* bằng đường không. Nhiệm vụ của anh ta, như về sau Manstein cho biết, là thông báo để Paulus và Schmidt chuẩn bị Tập đoàn quân số 6 cho Chiến dịch Sấm Rền. Các phiên bản và cách diễn giải khác về những gì nói đến trong cuộc gặp này sẽ không bao giờ xác minh

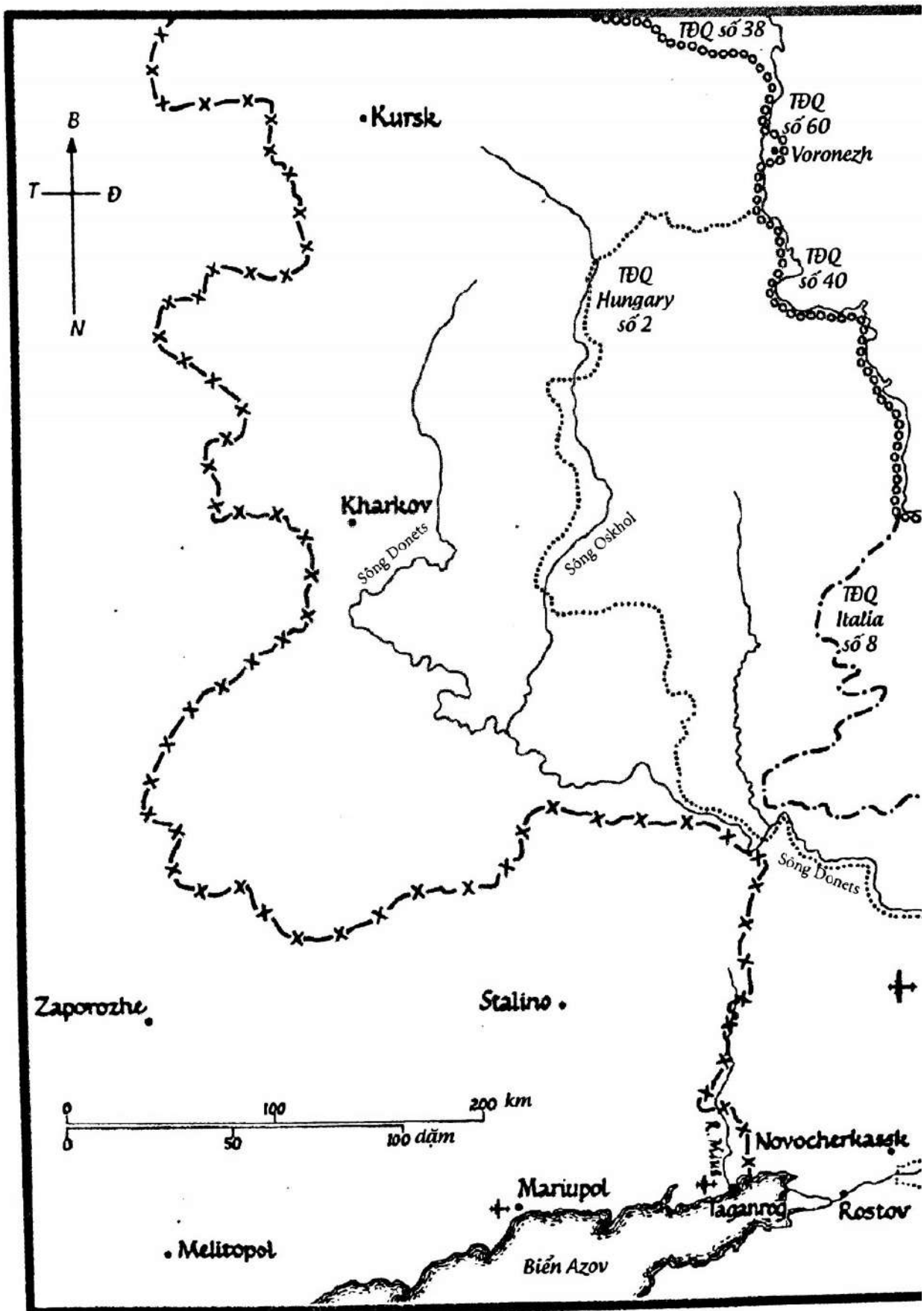
được. Tuy nhiên, một điều rõ ràng là Manstein vẫn tránh nhận trách nhiệm vì không tuân lệnh Hitler. Ông đã không cho Paulus hướng dẫn rõ ràng như lẽ ra phải vậy, và từ chối — chắc chắn là thế, vin vào lý do an toàn — bay vào *Kessel* để thảo luận vấn đề này mặt đối mặt. Và lại Manstein hẳn phải biết ngay từ đầu rằng Paulus, một người luôn tin vào mệnh lệnh, sẽ không bao giờ phá vây nếu không có lệnh chính thức của cấp trên. Trong hồi ký của mình, những cố gắng của Manstein chối tội đối với số phận của Tập đoàn quân số 6 quá đà đến buồn cười, lại còn không công bằng với Paulus. Có vẻ như ông bị lương tâm cắn rứt dù không ai buộc tội ông cả.

* * *

Ngày 16 tháng 12, đúng bốn ngày sau cuộc tấn công của Hoth bắt đầu, các tập đoàn quân cận vệ số 1 và 3, cùng với Tập đoàn quân số 6 Soviet ở mạn trên sông Đông, đồng loạt đánh xuống phía nam. Bị chậm bước vì sương mù dày đặc lạnh giá nên xe tăng phải mò mẫm vượt qua bãi mìn, chiến dịch của phía Soviet khởi đầu không được suôn sẻ. Tuy thế, mất hai ngày, Tập đoàn quân số 8 Italia cũng gục ngã sau một vài hồi kháng cự quyết liệt. Ở đó không có lực lượng dự bị nào sẵn sàng để phản công, lúc này Sư đoàn tăng số 17 đã nhập vào chiến dịch của Hoth ở phía đông sông Đông, thành ra các dòng tăng Soviet cứ thế xông thẳng về hướng nam vào thảo nguyên trống trải tuyết phủ. Đợt lạnh gắt vừa rồi trong vùng bắt đầu từ ngày 16 tháng 12 không làm chậm bước các lữ đoàn T-34 tung hoành ở sau lưng Cụm Tập đoàn quân sông Đông. Các trạm đầu mối và các nhà ga xe lửa bị đánh chiếm ngay sau khi lính hậu cần Đức đốt cháy các toa chất đầy trang thiết bị rồi rút.

Nguy cơ hung hiểm nhất đối với quân Đức là cuộc tấn công 250 km của Quân đoàn tăng số 24 do Thiếu tướng Vasily Mikhailovich Badanov chỉ huy. Chiều 23 tháng 12, nó tràn qua Skassirskaya, ngay phía bắc Tatsinskaya, căn cứ chính của máy bay Junkers Ju 52 phục vụ Stalingrad. Tướng Fiebig đã nhận lệnh từ đại bản doanh của *Fuhrer* cấm rời bỏ sân bay trước khi nó nằm

trong tầm pháo địch. Có vẻ không ai trong số tá hữu của Hitler tính đến khả năng cả đoàn thiết giáp địch lại xộc vào sát đường băng mà bắn.

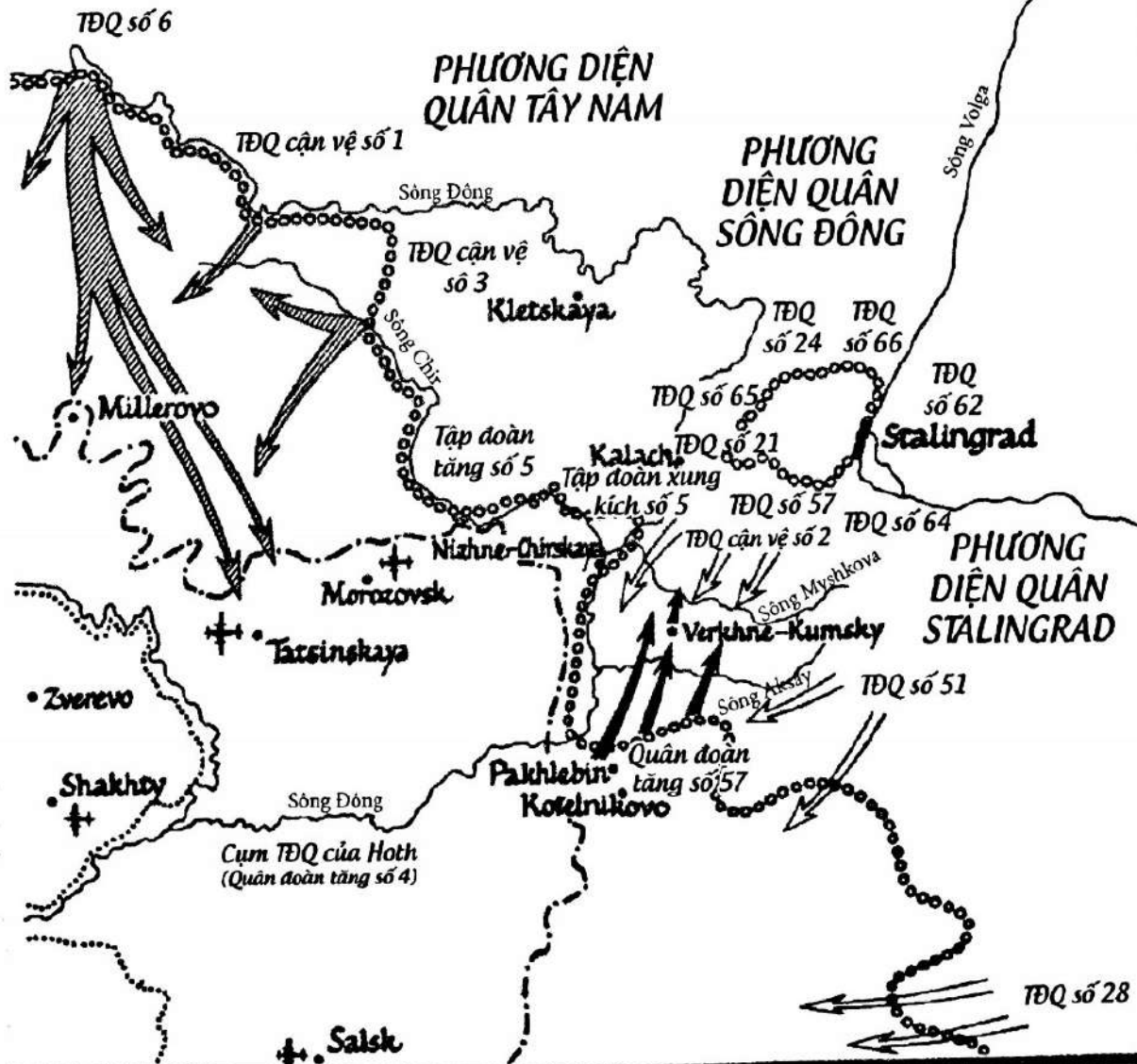


BẢN ĐỒ 5: CHIẾN DỊCH BÃO MÙA ĐÔNG VÀ CHIẾN DỊCH SAO THỎ NHỎ

- Tiên tuyến, 12/12/1942
- ➔ Chiến dịch Bão Mùa đông của Đức, 12-23/12/1942
- ➔ Chiến dịch Sao Thỏ Nhỏ của Soviet, 16-30/12/1942
- ➔ Cuộc phản công của Soviet vào Cụm tập đoàn quân của Hoth, 24-30/1942
- - - - - Tiên tuyến, 30/12/1942
- Tiên tuyến, 24/1/1943
- X— Tiên tuyến, 18/2/1943

TĐQ: Tập đoàn quân

PHƯƠNG DIỆN QUÂN VORONEZH



Fiebig và các sĩ quan của ông tức giận. Sân bay có thể chiếm lại được, nhưng nếu mất máy bay vận tải thì Tập đoàn quân số 6 cũng xong. Họ không có lính bộ để bảo vệ “Tazi” như trong Luftwaffe gọi chúng. Tất cả những gì họ có thể làm là hạ nòng 7 khẩu cao xạ khổng lồ chế con đường và chuẩn bị cho những máy bay nào còn bay được cất cánh vào sáng sớm mai. Vẫn còn rất nhiều thứ khiến việc đó không dễ dàng. “Quanh đường băng cảnh tượng thật nhốn nháo”, Tham mưu trưởng của Richthofen đang có mặt tại đây nhận xét. “Tiếng động cơ âm ỉ không ai nghe được từ nào”. Tệ hơn nữa là màn sương mù dày đặc, mây sà thấp 50 m và tuyết nhẹ đang rơi.

Vào lúc 5 giờ 20 phút sáng quả đạn đầu tiên bắn tới. Đội hình tăng Soviet chủ lực băng thẳng qua đồng, chả cần đường sá gì. Nhiều phi công do tiếng ồn và cảnh hỗn loạn trên đường băng, thoát đầu chẳng hiểu chuyện gì xảy ra, ngay cả khi hai chiếc Junkers bốc cháy. Fiebig đích thân ra lệnh qua điện đài, “Đi thôi, đến Novocherkass!” Các phi công không dám chần chừ. “Cuộc rút chạy khỏi Tatsinskaya” đã bắt đầu. So với cảnh rối rít rồi mù mịt đây thì lúc này rất ít lộn xộn. Máy bay nối đuôi nhau cất cánh bất chấp thương vong đang tăng. Với những chiếc T-34 Nga, chuyện này giống như bắn bia trong hội chợ. Một số tăng Soviet chạy băng băng trên tuyết bắn như điên. Một chiếc thậm chí còn húc cả vào một máy bay Junkers ba động cơ đang ra đường băng vào vị trí cất cánh. Một tiếng nổ lớn và quả cầu lửa trùm lên cả hai. Một số máy bay khác lại đâm vào nhau trên đường băng hoặc bị trúng đạn pháo tan xác. Tầm nhìn càng tệ đi từng phút nên các máy bay còn lại phải lượn lách qua các xác máy bay cháy để cất cánh. Cuối cùng, vào lúc 6 giờ 15 phút, máy bay của Tướng Fiebig cất cánh, một trong những chiếc cuối cùng. Tổng cộng có 108 chiếc Ju-52 ba động cơ và 16 Ju-86 huấn luyện thoát được, nhưng tổn thất 72 máy bay là tương đương 10% lực lượng máy bay vận tải của Luftwaffe.

Sau trận đột kích táo bạo, Badanov bị cắt khỏi đội hình mất năm ngày, bầm dập, hết đạn. Stalin hào phóng ban thưởng. Đơn vị được đổi tên thành Quân đoàn tăng cận vệ số 2, còn Badanov là người đầu tiên được nhận huân chương Suvorov mới đặt ra. Tuyên truyền của Hồng quân tán dương các xe tăng của ông diệt được 431 máy bay tất cả, nhưng đó là con số được đẩy cao

như thường lệ mà thôi. Tuy thế, kết quả quan trọng là Tatsinskaya không bao giờ được sử dụng lại làm sân bay vận tải nữa. Luftwaffe phải chuyển ra một sân bay tạm nằm xa hơn.

* * *

Kết quả sứ mệnh giải cứu của Hoth đã rõ. Nguy cơ bên cánh trái của Cụm Tập đoàn quân sông Đông và khả năng một cuộc đột phá về hướng Rostov (được khẳng định sau khi hỏi cung Tham mưu trưởng Tập đoàn quân cận vệ số 3 bị bắt ngày 20 tháng 12) buộc Manstein tính lại toàn bộ tình thế của mình. Các sư đoàn tăng trên tuyến Myshkova bị nã pháo dữ dội làm Sư đoàn tăng số 6 mất 1.100 người chỉ trong một ngày. Tối 23 tháng 12, quân đoàn tăng của Hoth nhận được lệnh rút, không một lời giải thích. “Ngay cả người lính quèn cũng đã rõ, Tướng Raus viết, “điều này đánh dấu thất bại ở Stalingrad. Tuy không ai biết lý do đằng sau mệnh lệnh này, sĩ quan và binh lính đã có linh cảm rõ ràng rằng có gì đó khủng khiếp mới xảy ra”.

Cũng đêm đó, Paulus và Manstein thảo luận tình thế trong một cuộc họp qua máy điện báo ghi chữ. Manstein cảnh báo rằng Tập đoàn tăng số 4 đã vấp phải sự chống trả dữ dội còn quân Italia trên cánh bắc đã vỡ. Paulus hỏi liệu rốt cuộc Tập đoàn quân số 6 có được phép phá vây không. Manstein trả lời rằng ông vẫn chưa nhận được sự đồng ý của bộ chỉ huy tối cao. Ông không nói hết chi tiết. Nếu Paulus có được thông tin đầy đủ để cập nhật trên bản đồ tác chiến của mình, hẳn ông đã thấy rõ rằng Tập đoàn quân số 6 đã hết thuốc cứu.

Ngày 16 tháng 12, một đợt gió lạnh ngăn ngắt bắt đầu từ hướng đông bắc thổi về. Mọi thứ đều bị đóng giá: đường dây điện báo, những thân cây trơ trụi, những đồng đồ nát của chiến tranh. Mặt đất đóng cứng, rắn đến mức bước chân đã nghe như đi trên kim loại. Bóng tối trùm xuống sau khi ráng trời đỏ bầm tắt hẳn, trong thoáng chốc cảnh vật màu trắng đổi sang màu xanh miền cực. Những người lính Nga bảo vệ Stalingrad chào mừng cái rét như một thứ tự nhiên và lành mạnh. “Ở đây mùa đông đã thực sự bắt đầu

hôm qua và hôm nay”, một người lính viết cho vợ. “Lạnh giá tuyệt vời. Anh sống rất ổn, chỉ còn thiếu thư em”.

Không ai hạnh phúc hơn binh sĩ Tập đoàn quân số 62 của Chuikov bên trong chính Stalingrad, sau năm tuần nghe tiếng động kinh hoàng của các tảng băng va vào nhau trên sông Volga không thể qua lại, phải cầm hơi với số 12 tấn chocolat dự phòng khẩn cấp và một chút tiếp tế nhỏ giọt từ những chiếc U-2 bà già. Mặt sông rất cuộc đã đóng băng cứng trong đêm 16 tháng 12, khi các khối băng nghiêng vào nhau và đông cứng. Ban đầu người ta còn trải ván làm đường đi bộ qua. Sau thì dùng cành cây tươi nước cho dính chặt xuống băng làm thành những xa lộ cho xe cộ. Trong vòng bảy tuần sau đó, xe bánh xích, 18.000 xe tải và 17.000 các loại xe khác đã qua lại trên sông. Có ai bị thương bây giờ đều được chở thẳng đến bệnh viện dã chiến. Về sau cả pháo cũng được kéo qua bờ tây, kể cả lựu pháo 122 mm dùng để phá những lối cụt trong nhà máy Tháng Mười Đỏ. Chỉ cần ngóc lên một chút, ở tầm gần nó có thể phá tan tòa nhà trụ sở chính mà quân Đức đã biến thành pháo đài.

May mắn nhất cho Tập đoàn quân số 62 là do thiếu đạn nên pháo binh Đức không thể bắn phá liên tù tì đường vượt sông được nữa. Bờ sông bây giờ là cảnh thanh bình. Nó gợi nhớ đến một khu mỏ thời khẩn hoang với những lều trại tạm lổ nhổ che các hố đào trên bờ sông. Trong lúc người ta chẻ củi hoặc cưa cây, anh quân bưu của trung đoàn đeo túi da đi qua trong ánh nắng lạnh giá đến sở chỉ huy, thầm mong có một ca trà nóng từ cái ấm samovar bằng đồng. Những người khác khệ nệ xách những cái thùng giữ ấm đựng đồ ăn cho bộ đội ở tuyến trước. Binh lính giờ đây đã có thể kéo nhau từng tốp đi tắm hơi ngay bên bờ đông, trở về sạch sẽ và hết chảy rận, đêm ngủ yên.

Ngày 19 tháng 12, Tướng Chuikov qua bờ đông sông Volga lần đầu tiên kể từ lúc di chuyển sở chỉ huy vào tháng 10. Ông đi bộ trên băng, sang đến bên kia, ông ngoái nhìn lại những đồng đồ nát mà tập đoàn quân của ông đã giữ. Chuikov sang sông lần này là đi dự tiệc do chỉ huy các lực lượng NKVD, Thiếu tướng Rogatin, chiêu đãi nhân dịp 24 năm thành lập Ủy ban

Đặc biệt, còn gọi là Cheka^[73]. Trên đường về, say ngất ngư, Chuikov bị lọt xuống một cái lỗ trên băng và được kéo lên khỏi nước lạnh giá. Tư lệnh Tập đoàn quân số 62 suýt nữa đã ra đi một cách lẫm nhách.

* * *

Trong khi lính Nga mừng đón giá lạnh thì các bác sĩ trong tập đoàn quân của Paulus lại phát khiếp với nó vì nhiều lý do. Sức đề kháng của các bệnh nhân, dù ốm hay bị thương cũng đều giảm sút. Vết thương hở mà đóng giá là nguy. Mặt đất đóng cứng khi đạn pháo, rocket *Katyusha* và đạn cối nổ dường như là nguyên do duy nhất gây nên hiện tượng tăng đột biến các ca với vết thương ở vùng bụng. Và từ giữa tháng 12 trở đi “các ca cóng giá nặng tăng không ngừng”. Chân không chỉ sưng và thâm tím — là cấp độ chỉ bôi mỡ, băng vào rồi về đơn vị tiếp tục chiến đấu — mà còn chuyển màu đen và nhiều khả năng hoại tử, thường phải cắt bỏ cho nhanh.

Ngay từ tuần thứ hai của tháng 12, các bác sĩ đã bắt đầu nhận thấy một hiện tượng đáng ngại. Ngày càng nhiều binh lính đột tử “không hề bị thương hay bị bệnh gì đã biết”. Suất ăn quả thực có giảm nhiều nhưng theo các bác sĩ như vậy còn lâu mới chết đói được. “Nguyên nhân nghi ngờ”, một nhà bệnh học được giao tìm hiểu đã viết, “gồm tác động của thời tiết, “kiệt lực” [không ai trong số gần 600 bác sĩ trong *Kessel* lại liều mạng nhắc tới chết đói] và trên hết là một chứng bệnh đến nay chưa biết”.

Ngày 15 tháng 12, bác sĩ Hans Girgensohn, nhà bệnh học của Tập đoàn quân số 6 lúc đó đang làm việc tại bệnh viện gần sân bay Tatsinskaya, được lệnh bay vào *Kessel* ngày hôm sau. “Rủi quá, chúng tôi không có dù cho ông”, viên phi công bảo khi ông đến trình diện sáng sớm hôm sau, nhưng rồi họ buộc phải quay lại. Cuối cùng, mãi đến ngày 17 tháng 12, họ mới vào được *Kessel*. Phi công bảo đang bay trên Pitomnik, thế là Girgensohn nhòm qua cửa sổ, thấy “một dải đất nâu lổ chỗ hố bom đạn trên một tấm chăn tuyết trắng”.

Girgensohn tìm thấy viên tướng-bác sĩ Otto Karl Renoldi, chủ nhiệm quân y, trong một toa xe lửa chôn dưới đất bên rìa sân bay. Renoldi làm bộ không biết nhiệm vụ của Girgensohn, chẳng qua là vì bác sĩ Seggel, một chuyên gia khoa nội đại học Leipzig, đã yêu cầu Girgensohn đến nên lúc đó Renoldi cho rằng người ta làm to chuyện^[74]. Từ Pitomnik, Girgensohn được đưa tới một bệnh viện dã chiến gần ga Gumrak và cũng gần sở chỉ huy của Paulus. Cơ sở của ông là một căn hầm lát gỗ, đào vào vách nghiêng của một cái khe. Tiện nghi thể này là “xa hoa” lắm vì có lò gang và hai cái giường đôi và ngạc nhiên nhất là vải trải sạch. Đó quả là đối lập hoàn toàn với điều kiện của thương binh cạnh đấy, vì ở đó chủ yếu là những căn lều không sưởi ấm trong khi nhiệt độ xuống tới âm 20°C.

Girgensohn trước hết thảo luận với sĩ quan quân y của các sư đoàn, sau đó đi khắp *Kessel*, tiến hành mổ xác những người lính chết không rõ nguyên nhân. (Ở nơi trống trải thể này thiếu gỗ đến nỗi ở các ngã ba ngã tư trên con đường phủ tuyết, người ta cắm chân ngựa chết để chỉ đường. Các ký hiệu chiến thuật và mũi tên chỉ hướng được cắm bên trên cái cột quái gở đó). Công việc mổ xác được tiến hành ở những nơi khác thường: lều bạt, hầm, lều nông dân, thậm chí cả trong toa xe lửa. Cái rét kinh hồn giúp xác được bảo quản trong tình trạng khả dĩ, nhưng hầu hết bị đông cứng. Rất khó rã đông vì thiếu nhiên liệu. Một lính cứu thương đã phải mất cả đêm để trở xác được xếp quanh một cái lò gang nhỏ. Có lần anh này ngủ gật nên “cái xác một bên cháy sém, bên kia vẫn cứng nguyên”.

Cái lạnh dữ dội đến nỗi xỏ găng cao su vào tay vừa khó vừa đau. Tối tối Girgensohn lại đánh máy kết quả dưới ánh nến. Bất chấp những khó khăn đó, cộng thêm những đợt tấn công của máy bay và pháo binh Soviet, cho đến cuối tháng, Girgensohn đã thực hiện 50 ca mổ xác. Ở đúng một nửa trong số các mẫu đó ông đã tìm thấy dấu hiệu rõ ràng của chết đói: tim và gan teo nhỏ, hoàn toàn không có mô mỡ và các thớ cơ bị co lại.

Trong một cố gắng bù đắp suất ăn thiếu ca lo chỉ có bánh mì và “súp toàn quốc”^[75] với vài miếng thịt ngựa con con, Cụm Tập đoàn quân sông Đông đã gửi vào những hộp pa tê nhỏ chứa nhiều mỡ, nhưng hóa ra lại phản tác

dụng. Rất hay có tình huống khi trung sĩ đi rào một vòng đốc gác, người lính còn nói, “Tôi ổn, bây giờ có cái mà ăn rồi”, và ăn một chút pa tê giàu mỡ. Khi trung sĩ quay lại thì anh lính đã chết. Chết đói, Girgensohn nhận xét, “không có gì lạ”.

Tỷ lệ các ca chết đói cao nhất là ở Sư đoàn bộ binh số 113. Đến đây thì rốt cuộc Girgensohn đã phát hiện ra lời giải thích rõ ràng. Chủ nhiệm hậu cần sư đoàn đã cho cắt giảm khẩu phần từ trước khi bị vây để tích trữ để phòng những cơn mưa mùa thu cản trở việc tiếp tế. Kết quả là đến nửa cuối tháng 11, lính đã thiếu dinh dưỡng rồi. Sau đó, một số sư đoàn còn mất hết dự trữ khi rút chạy nên Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 đã dồn hết dự trữ còn lại để chia đều. Thế là sự lo xa của ông chủ nhiệm hậu cần đâm ra làm hại sư đoàn ông.

Girgensohn sau khi đầu hàng phải trải qua 7 năm trong trại cải tạo lao động Nga, song ông vẫn tiếp tục quan tâm đến chủ đề này. Ông luôn cãi rất hăng khi có ai nói “bệnh stress” là điều kiện phát sinh lẫn lời giải cho nhiều cái chết không thể giải thích, kể cả nghiên cứu gần đây cho thấy con chuột mà thiếu ngủ ba tuần sẽ chết và con người mà mất ngủ cũng chóng đi. Cái kiểu cứ nhè ban đêm mà tấn công và liên tục quấy rối của quân Nga không cho quân của ông nghỉ ngơi, ông thừa nhận, là có ảnh hưởng. Nhưng cách giải thích của ông sau từng ấy năm thì phức tạp hơn nhiều. Ông tin rằng sự kết hợp giữa kiệt sức, stress và giá lạnh đã đảo lộn ghê gớm quá trình trao đổi chất của hầu hết binh lính. Có nghĩa là kể cả họ có nhận được 500 ca lo mỗi ngày chẳng hạn thì cơ thể của họ chỉ hấp thụ được một phần mà thôi. Thành ra có thể nói, chiến thuật của bên Soviet kết hợp với điều kiện thời tiết và thiếu ăn đã dẫn đến, hoặc ít ra cũng góp phần, đẩy nhanh quá trình chết đói.

Suy dinh dưỡng trầm trọng còn làm giảm sức đề kháng của binh lính trước các bệnh truyền nhiễm như viêm gan, kiết lỵ trong thời gian đầu bị vây, và những bệnh nghiêm trọng hơn vào thời gian cuối, nhất là thương hàn và sốt phát ban. Ngoài thảo nguyên không có nước để tắm rửa, nói gì giặt quần áo, đơn giản là vì không có nhiên liệu để làm tan băng tuyết. “Ở đây ít

có gì mới”, một trung úy bộ binh cơ giới thuộc Sư đoàn bộ binh cơ giới số 29 viết. “Đầu bảng là việc chúng tôi ngày càng lắm rận. Rận cứ như quân Nga. Ta giết một thì có mười con khác mò đến thế chỗ”. Rận có thể là vật mang bệnh dịch làm giảm số người sống sót ở Stalingrad đi 1/10.

Dù vậy mỗi quan tâm trực tiếp của đội ngũ quân y vẫn tập trung vào suy nhược do thiếu ăn. “Dần dần, các chiến binh can đảm của chúng ta bắt đầu trở nên còm nhom”, một phụ tá bác sĩ viết. Anh ta tiếp tục mô tả một ca cưa chân đến đùi mà anh ta thực hiện dưới ánh đèn pin dưới hầm mà không được gây mê. “Người ta làm ngơ trước mọi chuyện và chỉ có thể nghĩ đến ăn”.

* * *

Khát khao về một niềm hy vọng của lính Đức được pha trộn với lòng căm thù Bolshevik và ước muốn trả thù. Trong trạng thái được gọi là “*cơn sốt Kessel*”, họ mơ có một quân đoàn tăng SS đánh tan quân Nga đang vây hãm cứu họ ra, bằng cách đó lật ngược thế cờ giành chiến thắng thật oanh liệt. Xem ra họ là những người vẫn còn nghe Goebbels diễn thuyết. Nhiều người giữ tinh thần bằng cách hát bài hát của Tập đoàn quân số 6, *Das Wolgalied*, theo nhạc của Franz Lehár: “Có một người lính đứng bên bờ Volga, canh giữ nơi đây cho tổ quốc mình”.

Bộ phận tuyên truyền chiến dịch của Sở chỉ huy Phương diện quân sông Đông dùng các phụ tá cộng sản Đức của mình quyết định khai thác sở thích nghe hát của lính bộ binh Đức. Các xe loa phóng thanh phát đi một bài hát cũ được ưa thích mà trong hoàn cảnh hiện tại được chế lại thô thiển: “Nơi quê nhà, nơi quê nhà, cuộc đoàn tụ ấm áp đang chờ!” Dưới sự yểm trợ của NKVD, các đảng viên cộng sản Đức gồm Walter Ulbricht (sau này là chủ tịch Đông Đức), nhà thơ Erich Weinert, nhà văn Willi Bredel và một số tù binh — bốn sĩ quan và một lính — được tuyển vào hội chống phát xít. Họ dạy lính Hồng quân mấy câu khẩu hiệu, mấy người này gọi là “loa sống”, sẽ bò đến trước chiến tuyến Đức và hô to khẩu hiệu cùng vài mục tin qua loa.

Hoạt động chính của đơn vị tuyên truyền là chuẩn bị các chương trình dài 20-30 phút được ghi vào đĩa, có nhạc, thơ, bài hát và tuyên truyền (đặc biệt là tin đột phá trên mặt trận của Tập đoàn quân Italia). Chương trình được đưa vào máy quay đĩa dây cót và tấu lên qua loa phóng thanh, hoặc được chất lên xe, đôi khi để lên xe trượt có buộc dây để đẩy lên phía trước rồi sau đó kéo về. Hầu hết các chương trình tuyên truyền kiểu đó lập tức ăn đạn cối của Đức theo lệnh các sĩ quan vì họ sợ lính nghe được. Nhưng trong tháng 12, phản ứng đã yếu hơn do thiếu đạn.

Những chiêu phát thanh khác cũng được tung ra, như “tiếng tích tắc đơn điệu của đồng hồ”, sau đó là thông báo rằng cứ bảy giây lại có một lính Đức chết trên *Ostfront*. “Âm thanh rộn rã của đài tiếng nói tuyên truyền” sau đó ngâm nga: “Stalingrad, năm mồ tập thể của quân Hitler!” rồi vũ điệu tango chết chóc lại trỗi lên trên thảo nguyên trống trải lạnh giá. Và như một thứ gia vị âm thanh, thỉnh thoảng lại có tiếng hú đứng tim của một dàn *Katyusha* thật từ một trận địa “Đàn Organ Stalin” nào đó vọng lại.

Truyền đơn Soviet đã được nâng cấp trông thấy vì giờ đã được viết bằng tiếng Đức. Việc hỏi cung tù binh của cục 7 đã khẳng định rằng “loại có tác động nhất là các truyền đơn nói về quê nhà, vợ con, gia đình”. “ Binh lính khoái đọc truyền đơn Nga mặc dù không tin”, một tù binh Đức thú nhận. Một số còn “khóc khi nhìn thấy trên truyền đơn xác một lính Đức và một người lính mới đang ngồi khóc bên cái xác ấy. Mặt sau là những câu thơ đơn giản của nhà văn Erich Weinert”. Tù binh đâu có ngờ rằng Weinert, người đã viết bài thơ “Hãy nghĩ đến con mình!” lại đang ở rất gần, cùng với Bộ Chỉ huy Phương diện quân sông Đông.

Có lẽ mảnh tuyên truyền hiệu quả nhất là cam đoan với lính Đức rằng nếu ra đầu hàng sẽ không bị bắn. Nhiều sĩ quan của họ tin vào luận điệu cho rằng không có chuyện đầu hàng vì quân Nga sẽ giết họ liền. Một tờ truyền đơn còn kết thúc bằng tuyên bố của Stalin bắt đầu bằng việc ra lệnh các chỉ huy cấp dưới rằng chính sách của nhà nước Soviet đã thay đổi: “Nếu binh lính và sĩ quan Đức tự nộp mình, Hồng quân cần phải giữ họ làm tù binh và

tha mạng cho họ”. (Trích Mệnh lệnh số 55 của Dân ủy Quốc phòng, I. Stalin).

* * *

Lần đầu tiên một đội quân lớn của Đức bị bao vây ở xa quê nhà, được lệnh tử thủ để rồi rốt cuộc bị bỏ mặc cho số phận lẽ dĩ nhiên đã gây ra những tranh cãi sôi nổi trong nhiều năm. Nhiều người trong cuộc và sử gia Đức buộc tội Paulus đã không chống lệnh mà phá vây. Tuy nhiên, nếu có ai ở một vị thế có thể hướng dẫn Paulus, người không có đủ các thông tin quan trọng, thì đó chỉ có thể là thủ trưởng trực tiếp của ông, Thống chế Manstein.

“Một người có thể thờ hai chủ không?” Strecker đã nhận xét khi Hitler gạt bỏ chiến dịch Sấm Rền, một kế hoạch phá vây tiếp theo sau chiến dịch Bão Mùa đông. Nhưng quân đội Đức chỉ có một chủ. Lý lịch làm thân tay sai từ năm 1933 của hầu hết các sĩ quan cao cấp đã làm cho quân đội hèn hạ và yếu kém về chính trị. Thực tế, thất bại nhục nhã ở Stalingrad là cái giá mà quân đội phải trả cho những năm tháng ưu đãi và tôn vinh vênh vang dưới cái ô Quốc xã. Không có chuyện lựa chọn chủ, chỉ còn gia nhập đội ngũ xung quanh Henning von Tresckow và Stauffenberg nữa thôi.

Phần lớn thời gian đã tiêu tốn để tranh cãi liệu một cuộc phá vây có khả thi không trong nửa sau tháng 12, mặc dù các chỉ huy xe tăng đã thừa nhận rằng “cơ hội phá vây thành công giảm theo từng tuần”. Bộ binh thậm chí còn ít ảo tưởng hơn. “Bọn con chỉ còn thoi thóp”, một hạ sĩ viết về nhà, “khó mà bước nổi vì đói và mệt”. Bác sĩ Alois Beck đã phản bác “ảo mộng” rằng “nên có một cuộc phá vây tiếp theo”. Lính Nga sẽ bắn hạ “những binh lính tê cóng như bắn thỏ” vì trong trạng thái suy nhược như thế người lính không thể mang theo súng đạn lội qua lớp tuyết dày cả nửa mét, bên trên còn đóng băng. “Mỗi bước đều là cực hình”, một sĩ quan tham mưu Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 nhận xét. “Đó giống như Berezina vậy”.

Cả cuộc tranh luận “Phá vây hay Cầm cự” vì vậy chỉ đơn thuần là suy diễn kinh viện từ chứng cứ thực tế. Quả thực có người ngờ rằng một người

uyên bác như Manstein lúc đó đã nhận ra rồi. Ông đã đạo diễn một màn kịch tài tình đưa thiếu tá Eismann, sĩ quan quân báo của mình, vào *Kessel* ngày 19 tháng 12 để thông báo cho Tập đoàn quân số 6 chuẩn bị Chiến dịch Sấm Rền. Tuy nhiên ngay từ lúc đó Manstein đã biết trước rằng Hitler vì mới xác quyết sẽ không rời khỏi sông Volga nên sẽ không chịu đổi ý.

Dù có thế nào thì đến lúc đó Manstein đã phải hiểu ra rằng cố gắng giải cứu là vô vọng. Các sư đoàn tăng của Hoth đã phải chiến đấu với những tổn thất nặng nề để trụ lại trên tuyến sông Myshkova, ngay cả trước khi chủ lực của Tập đoàn quân cận vệ số 2 của Malinovsky triển khai. Còn Manstein, vốn vẫn theo dõi sát sao diễn tiến bên trong *Kessel* và tình trạng quân đội, hẳn phải hiểu rằng quân của Paulus không thể đi nổi, chứ chưa nói chiến đấu, một quãng đường 70-100 km băng qua bão tuyết và giá rét. Tập đoàn quân số 6 với chưa đến 70 xe tăng và thiếu cung cấp hậu cần không có cơ hội đột phá qua Tập đoàn quân số 57 được. Quan trọng hơn cả, đến ngày 19 tháng 12, Manstein đã biết rằng Chiến dịch Sao Thổ Nhỏ với ba tập đoàn quân đang thọc vào sau lưng ông nên không còn cách nào khác ngoài việc buộc phải thay đổi toàn bộ toan tính.

Rõ ràng Manstein đã dự cảm rằng trong con mắt của lịch sử và quân đội Đức, ông đã cố mọi cách, kể cả khi đã biết — mà đúng là thế — cơ hội duy nhất của Tập đoàn quân số 6 để tự cứu mình đã tan biến từ trước đó cả tháng. Cái lương tâm rõ ràng là bị cắn rứt của ông sau sự kiện này hẳn là do việc ông cần Tập đoàn quân số 6 ghìm chân 7 tập đoàn quân Soviet bao vây nó sau khi Hitler không chịu rút khỏi Kavkaz. Nếu Paulus cố gắng phá vây thì không còn bao nhiêu quân sống sót và trong tình cảnh thê thảm như vậy thì họ chả ích gì cho ông trong thời điểm hiểm nghèo cả.

GIÁNG SINH THEO KIỂU ĐỨC

Luận cứ về việc phá vây thoát khỏi *Kessel* trong nửa sau tháng 12 còn bỏ sót một nhân tố tâm lý quan trọng. Giáng sinh đang đến. Không một đơn vị nào của *Wehrmacht* lại hao tâm tổn trí với chuyện này hơn Tập đoàn quân số 6 đang bị vây. Những cố gắng phi thường để tổ chức thánh lễ trong hầm dưới lòng thảo nguyên khó mà cho thấy sự háo hức phá vây. Trạng thái bơ phờ do thiếu ăn cộng với những mơ tưởng đầu đầu chắc chắn cũng góp một phần, và có lẽ cả tâm thái “pháo đài” mà Hitler đã gieo vào nữa, nhưng không có gì trong đó giải thích đầy đủ tâm lý tập trung gần như ám ảnh mà viễn cảnh Giáng sinh đưa lại cho những con người bị giam hãm xa nhà đến thế.

Việc chuẩn bị đã bắt đầu trước cả khi các sư đoàn tăng của Hoth tiến về phía bắc đến sông Myshkova và không lúc nào lãng dịu, kể cả khi binh sĩ đã khắp khởi nghe thấy tiếng súng đến gần. Ngay từ đầu tháng mọi người đã để dành ra một ít đồ ăn, không phải để chuẩn bị băng qua tuyết mà cho bữa tiệc hay quà tặng Giáng sinh. Một đơn vị trong Sư đoàn bộ binh số 297 đã thết một con ngựa thồ rỗ sớm để chuẩn bị món “xúc xích ngựa” làm quà. Vòng lá vọng được kết bằng cỏ úa vàng từ thảo nguyên thay cho lá thông, còn những cây Giáng sinh nhỏ thì được đeo bằng gỗ, cố làm sao cho “giống ở nhà”.

Lính thì làm sao mà cảm được đa cảm. Tướng Edler von Daniels trang trí căn hầm mới của mình với một cây Giáng sinh, bên dưới là cái nôi đặt tấm hình “Kesselbaby” — đứa con của ông mới sinh sau khi họ bị vây. Ông viết cho người vợ trẻ, thuật lại kế hoạch đón đêm Noel “theo kiểu Đức, dù ở mãi tít xứ Nga”. Tập thể quân nhân rõ ràng đã thay thế cho gia đình. “Ai cũng cố mang lại một chút niềm vui cho người khác”, ông viết khi xuống thăm lính

về. “Quả là thật phần chấn trước trải nghiệm tình đồng đội thực sự ở tuyến đầu”. Một băng rôn ngày lễ viết: “Tình đồng đội qua sắt và máu”, một câu tuy hợp cảnh nhưng lại thiếu đi thông điệp Giáng sinh.

Một người chắc chắn sẽ không bỏ lỡ thông điệp này là Kurt Reuber, bác sĩ ở Sư đoàn tăng số 16. Ba mươi sáu tuổi, ông là một nhà thần học và là bạn của Albert Schweitzer^[76], đồng thời cũng là một họa sĩ nghiệp dư tài năng. Ông biến căn hầm ngoài thảo nguyên phía tây bắc Stalingrad của mình thành xưởng vẽ và bắt đầu vẽ vào mặt sau một tấm bản đồ thu được của Nga - một tấm giấy đủ to có thể tìm được. Tác phẩm của ông, hiện được treo tại nhà thờ tưởng niệm hoàng đế Wilhelm ở Berlin, có tên “Đức Mẹ Pháo đài”, một người mẹ ôm con, che chở, với lời của Gioan (John) Thánh sử^[77]: “Ánh sáng, Sự sống, Tình yêu”. Khi bức họa hoàn thành, Reuber ghim nó lên vách hầm. Ai vào cũng phải dừng lại ngẩn ngơ. Nhiều người bật khóc. Với một chút ngượng ngùng cho Reuber — chẳng có họa sĩ nào lại khiêm nhường với tài năng của mình đến thế - căn hầm của ông trở thành một chốn linh thiêng.

Khó mà hoài nghi về sự chân thành và hào phóng của Giáng sinh năm ấy. Một trung úy tặng những điều thuốc cuối cùng, giấy viết và bánh mì của mình làm quà cho lính. “Con thì chẳng có gì”, anh viết về nhà, “nhưng đây là Giáng sinh đẹp nhất của con và con sẽ không bao giờ quên”. Cũng như cho đi những điều thuốc cuối cùng, họ còn cho nhau cả bánh mì, thứ mà chính họ cũng rất cần. Những người khác thì bỏ công chạm khắc các vật dụng cho nhau.

Vào đêm Giáng sinh, tiểu đoàn trưởng của Reuber, một nghệ sĩ piano, đã tặng chai rượu vang sủi bọt cuối cùng của mình cho lính trong trạm xá, nhưng khi các ca đã được rót đầy thì có bốn quả bom nổ bên ngoài. Ai nấy nằm vội xuống sàn, rượu đổ lênh láng. Viên sĩ quan quân y vợ lấy túi cứu thương chạy ra khỏi hầm xem có thương vong gì không - một người chết, ba bị thương. Người chết vừa mới hát “*O du Frohliche*”^[78]. Việc này đã chấm dứt buổi lễ. Đàng nào thì ngay từ sáng sớm ngày Giáng sinh, cả hai sư đoàn tăng số 16 và bộ binh cơ giới số 60 đã bị tấn công.

Bài hát truyền thống mà cũng thịnh hành của đêm đó vẫn là “*Stille Natch, heilige Natch*”^[79] mà binh lính hát “bằng giọng khàn khàn” trong hầm dưới ánh nến dành dụm được. Có nhiều tiếng thốn thức kìm nén khi binh sĩ nhớ đến gia đình ở nhà. Tướng Strecker rõ ràng rất cảm động khi ông đi một vòng các trận địa tiền duyên, “Đó là một “*Stille Natch*” (đêm yên bình) giữa xáo động của chiến tranh... Một Giáng sinh cho thấy tình huynh đệ máu mủ của binh sĩ”. Những chuyến viếng thăm của sĩ quan cấp trên cũng được đánh giá cao nhờ những lợi ích đi theo chúng. Một hạ sĩ quan sư đoàn tăng đã ghi lại rằng “sư đoàn trưởng đã cho chúng tôi mỗi người hóp một ngậm từ chai rượu của ông và một thanh chocolate”.

Ở những trận địa không bị tấn công, binh lính xúm hết vào các hầm có điện đài để nghe “chương trình Giáng sinh của đài Grossdeutsche Rundfunk”^[80]. Ngạc nhiên làm sao, họ nghe một giọng xướng lên: “Đây là Stalingrad!”, đáp lại là dàn đồng ca cất lên “*Stille Natch, heilige Natch*”, dành cho mặt trận Volga. Có người chấp nhận trò lừa này là cần thiết trong hoàn cảnh hiện tại, người khác thì bức bối. Họ cảm thấy đây là cách người ta lừa gia đình họ và cả người dân Đức. Goebbels đã từng tuyên bố rằng đó sẽ là một “Giáng sinh Đức”, một định nghĩa có ý nhắc nhở đến bốn phận và sự khổ hạnh, và có lẽ cũng là một cách chuẩn bị cho cả nước trước tin thảm họa ở Stalingrad.

Lúc 7 giờ sáng Giáng sinh, nhật ký chiến trường của Tập đoàn quân số 6 ghi lại: “Không có chuyến bay tiếp tế nào đến trong 48 giờ qua [hơi cường điệu]. Quân nhu và nhiên liệu sắp hết”. Sau đó cũng trong ngày, Paulus gửi một bức điện cảnh báo cho Cụm Tập đoàn quân sông Đông để chuyển cho Tướng Zeitzler. “Nếu chúng tôi không nhận được quân nhu tăng cường trong vài ngày tới, sẽ có tỷ lệ tử vong tăng cao do kiệt sức”.

Mặc dù hiểu rằng bão tuyết trong ngày hôm trước cản trở các chuyến bay, nhưng họ lại không được thông báo về việc đoàn xe tăng của Badanov đã tấn công sân bay Tatsinskaya buổi sáng hôm trước. Sở chỉ huy của Manstein thậm chí còn không chuyển cho họ tin bốn tập đoàn quân Soviet đã phát động phản công các sư đoàn tăng của Hoth trên tuyến sông Myshkova. Khi

108 tấn quân nhu rất cuốc cũng đến vào ngày 26 tháng 12, Tập đoàn quân số 6 phát hiện thấy người ta gửi đến mười tấn đồ ngọt cho Giáng sinh mà không có tí nhiên liệu nào.

* * *

Khi có cơ hội, lính hầu hết ngồi viết thư Giáng sinh về nhà, trong đó họ thổ lộ nỗi khát khao của mình. “Từ tận trái tim bọn anh luôn hy vọng”, một bác sĩ Sư đoàn bộ binh số 44 viết, “rằng mọi chuyện sẽ thay đổi”. Ông đã nói thay cho nhiều người, nhưng trong số đó không có tư lệnh Tập đoàn quân số 6 đang nắm nhiều thông tin hơn. “Giáng sinh này dĩ nhiên không được vui lắm”, Paulus viết cho vợ mấy hôm sau. “Vào những lúc thế này, tiệc tùng tốt nhất nên tránh... Anh tin rằng người ta không nên trông đợi quá nhiều ở may mắn”.

Không có gì lạ là sự tương phản giữa thư từ về nhà của lính Đức với lính Nga vào dịp Giáng sinh rõ nét hơn bình thường. Trong khi thư của lính Đức nặng về tình cảm, khắc khoải về nỗi nhà cửa gia đình thì thư của lính Nga toát lên rành rành một logic sắt son là tổ quốc trên hết. “Em yêu!” một người lính viết cho vợ vào đêm Giáng sinh. “Ta đang đẩy lùi lũ răn độc trở về nơi chúng đến. Cuộc tấn công thắng lợi của ta đang đưa ngày sum họp của chúng ta tới gần”. “Chào Mariya”, một người lính tên Kolya viết. “Anh đã chiến đấu ở đây được ba tháng để bảo vệ ...[bị NKVD kiểm duyệt cắt bỏ] tươi đẹp. Bọn anh đang dồn quân thù hết sức. Giờ bọn anh đang vây quân Đức. Mỗi tuần phải bắt đến hàng ngàn tù binh và thêm vài ngàn nữa bị diệt trên chiến trường. Chỉ còn lại bọn ss cứng đầu thôi. Chúng cố thủ trong boong ke bắn ra. Giờ anh sắp sửa cho nổ tung một cái boong ke đó lên đây. Tạm biệt. Kolya”.

Nhiệt độ trong ngày Giáng sinh tụt xuống âm 25°. Nước trong các hố đạn pháo tuy sâu nhưng cũng đóng băng cứng hết. Những đợt tuyết đã che lấp hết rác rưởi trong các khe rãnh. Các cha tuyên úy làm thánh lễ tiệc ly lễ ban thánh thể ngay trên tuyết giữa tiếng phàn phật của vài mưa và lều bạt đập

trong gió. Binh lính đứng thành nửa vòng tròn quanh một bàn thờ tạm. Trong một vài trường hợp, sự yên ổn tâm linh lẫn lộn với lý lẽ ý thức hệ, cũng giống như người Đức theo đạo khác với người Nga vô thần.

Ngay cả bên trong *Kessel*, Giáng sinh cũng không hẳn là toàn thiện chí. Bác sĩ Rinoldi, chủ nhiệm quân y Tập đoàn quân số 6 đã cấm di tản bằng đường không các ca công giá với lý do có thể họ cố ý bị bệnh để lẩn tránh chiến đấu, Và tệ hơn cả, hầu như không còn lương thực trừ một ít ngô một lấy từ tháp nâng ngũ cốc ở Stalingrad đem cho 3.500 tù binh Nga ở các trại ở Voroponovo và Gumrak vì họ không có tên trong bất cứ danh sách nhận khẩu phần nào. Sự độc ác phần nào là do quan liêu này đã dẫn đến tỷ lệ tử vong 20 người mỗi ngày trước Giáng sinh, rồi sau đó tăng vọt. Chủ nhiệm hậu cần chịu trách nhiệm việc ăn uống của họ bảo rằng đó là do dịch sốt phát ban, nhưng khi một sĩ quan từ Sở Chỉ huy Tập đoàn quân hỏi có trường hợp nào là do suy dinh dưỡng không thì anh ta lảng tránh. “Ngẫm nghĩ một lúc, anh ta bảo không”, viên sĩ quan viết. “Tôi biết anh ta nghĩ gì. Ngay trong quân ta cũng đã bắt đầu thấy chuyện tương tự”. Nhưng liên hệ số phận của họ với số phận của lính Đức còn là sự lảng tránh tệ hơn. Bọn tù không có lựa chọn - họ không thể chịu thua. Ngay cả khi các tù nhân tuyệt vọng tính tới chuyện ăn thịt người thì vẫn không ai làm gì để cải thiện điều kiện của họ vì như vậy tức là “lấy lương thực của lính Đức”.

Đêm Giáng sinh là “một đêm đầy sao tuyệt đẹp” và nhiệt độ vẫn tiếp tục xuống. Tuy vậy, ngay sáng hôm sau các trận đánh lại tiếp diễn ở khu vực đồng bắc vòng vây do Sư đoàn tăng số 16 và Sư đoàn bộ binh cơ giới số 60 bảo vệ. “Vây là hàng chục đơn vị của chúng ta được phái đi phản công trong gió lạnh buốt và giá rét 35° âm”, một tuyên úy sư đoàn 60 kể lại. Hai sư đoàn, bất chấp điều kiện thời tiết khủng khiếp và thiếu thốn đạn dược nhưng vẫn hạ được chừng 70 xe tăng.

Cũng vào sáng 26 tháng 12 đó, Paulus gửi một bức điện khác cho Manstein, bắt đầu là: “Tổn thất nặng nề, lạnh giá và hậu cần thiếu thốn đã làm suy yếu trầm trọng sức mạnh chiến đấu của các sư đoàn”. Ông cảnh báo rằng, nếu quân Nga kéo về số quân đang chiến đấu với các sư đoàn của Hoth

và triển khai chống lại Tập đoàn quân số 6, thì “khó có thể cầm cự được lâu”.

Một cơ hội bất ngờ xuất hiện. Tướng Hube, Tư lệnh Quân đoàn tăng số 14 nhận được lệnh bay từ *Kessel* ra sở chỉ huy của Manstein tại Novocherkassk vào ngày 28 tháng 12. Một chiếc máy bay sẽ đưa ông đến Đông Phổ để nhận Thanh kiếm cho Huân chương Chữ thập Hiệp sĩ với Lá sồi từ đích thân *Fuhrer*. Paulus bảo Schmidt giao cho Hube “tất cả mọi tài liệu cần thiết” về tình hình mọi mặt từ mức nhiên liệu cho đến việc thiếu thốn thiết bị y tế. Hy vọng của các tướng và sĩ quan tham mưu lại tăng vọt cùng với tin chuyển đi của ông tới Rastenburg. Người lính già bộc trực, cụt một tay này là một trong số ít các vị tướng mà *Fuhrer* nể trọng. Họ vẫn không thể tin “rằng Hitler lại bỏ rơi Tập đoàn quân số 6”.

Chắc hẳn Hitler tự thấy mình đã làm mọi thứ để cứu Tập đoàn quân số 6, song hiểu biết về thực tế của ông vẫn không khá hơn. Hôm đó đại bản doanh của ông đã gửi điện cho Cụm Tập đoàn quân sông Đông, hứa rằng bất chấp những khó khăn trong vận chuyển, nó sẽ được bổ sung “372 xe tăng và pháo tự hành”. Manstein hiểu rằng đó chỉ là vọng tưởng.

* * *

Trong thành phố Stalingrad, số quân còn lại của các sư đoàn của Seydlitz đang cố thủ. Họ phải tiết kiệm đạn để đánh trả các cuộc tấn công. Họ chui thật sâu xuống hầm và boong ke, để vừa giữ ấm vừa an toàn tránh đạn pháo Soviet. “Họ ngồi trong đó như đám mọi rợ ăn lông ở lỗ”, Grossman viết, “nhòm nhoàm thịt ngựa trong khói và bóng tối nhập nhoạng giữa những đồng đồ nát của thành phố xinh đẹp mà họ đã tàn phá”.

Câu “hoạt động của nhóm tấn công hùng mạnh của địch” xuất hiện thường xuyên trong nhật ký chiến trường của Tập đoàn quân số 6. Hans Urban, một trung sĩ cảnh sát 28 tuổi từ Darmstadt, phục vụ trong Sư đoàn bộ binh Hessen số 389, sau này đã cung cấp một báo cáo chi tiết về trận đánh này ở phía bắc Stalingrad vào cuối tháng 12.

“Địch thường tấn công vào lúc rạng sáng và chập tối, sau một đợt pháo và cối bắn tập dượt. Nếu họ chiếm được hai hoặc ba boong ke của chúng tôi thì chúng tôi sẽ tìm cách chiếm lại sau đó. Ngày 30 tháng 12, sau nhiều đợt tấn công như vậy, tôi được lệnh đưa nhóm bắn nhanh của mình tiến lên. Chín người của tôi cầm súng máy có thể chặn đứng cuộc tấn công tiếp theo của khoảng 300 người từ Spartakovka. Hai mươi lính bộ binh còn lại trong khu vực này đã kiệt sức do tất cả các cuộc tấn công mà họ không thể phục hồi kịp. Phần lớn đã sẵn sàng rời bỏ trận địa. Tôi có 2 khẩu súng máy mà không có gì bắn. Quân địch chắc chắn sẽ lợi dụng địa hình và các đồng đồ nát. Chúng tôi phải để quân Nga vào sâu 20 m rồi mới bắn nhanh. Ít nhất có 22 tên chết nằm lại ngay trước trận địa của chúng tôi. Quân Nga sống sót cố dùng lựu đạn xua chúng tôi ra. Quân Nga lại tấn công vẫn ở chính khu vực ấy lúc rạng sáng năm mới với ba đại đội. Rất khó ước lượng đúng vì họ bắn từ các lỗ ở dưới đất, từ phía sau các bức tường đổ hoặc các đồng xà bắn. Chúng tôi bắn chéo cánh sẻ bằng hai khẩu súng máy và họ bị thương vong nặng. Một lính súng cối trúng đạn, mặc dù tôi chưa được huấn luyện súng này nhưng chúng tôi vẫn có thể dùng súng đạn của họ bắn họ. Sau đó là thôi, chúng tôi quá yếu và kiệt sức, còn xung quanh thì rất nhiều xác chết nằm co quắp ở giữa trời, thành ra chúng tôi không thể chôn cất ngay cả đồng đội của mình”.

Trái ngược với những bức điện rất bi quan gửi cho Cụm Tập đoàn quân sông Đông và lá thư gửi cho vợ, Paulus gửi một thông điệp đầu năm cho Tập đoàn quân số 6: “Ý chí chiến thắng của chúng ta là không lay chuyển và năm mới chắc chắn sẽ đem tới cho chúng ta sự giải thoát! Bao giờ thì tôi chưa thể nói được. Tuy nhiên *Fuhrer* chưa bao giờ rút lại lời hứa của mình, và lần này cũng vậy”.

Nhờ Hitler cứ nhất quyết giữ nguyên giờ Đức mà năm mới của Nga đến sớm hơn người Đức hai giờ. Ván bài “Doppelknopf” của Tướng Edler von Daniels đã bị cắt ngang vào lúc 10 giờ bởi “màn hỏa lực dạo đầu dữ dội” khi đội quân Soviet bao vây bắn “chào đón năm mới”.

Vừa hay Daniels đang cao hứng. Ông vừa được thăng Trung tướng và được thưởng Chữ thập Hiệp sĩ. Sau đó, như một món quà năm mới của Paulus, ông nhận được một chai Veuve-Cliquot “Schampus”. Một số viên tướng Stalingrad có vẻ còn đang mải mê với lon và huân chương hơn là vận mệnh của Tập đoàn quân số 6.

Đến phút giao thừa của Đức chỉ có pháo sáng bắn lên. Đạn có sức công phá mạnh không thể lãng phí. Chai cuối cùng được khai trong *Kessel* là để chúc: “*Prosit Neujahr!*” (Mừng năm mới!). Các sư đoàn Nga thì không phải lo thiếu đạn và rượu. “Mừng năm mới vui thật”, lính thủy đánh bộ Viktor Barsov viết. “Tôi uống 250 gam vodka đêm đó. Đồ mời cũng không tệ. Sáng ra, để phòng nhức đầu, tôi uống thêm 200 gam”.

Lính Đức thì cố làm nhẹ đi bất hạnh của mình với ý là năm cũ mang theo xui xẻo đi để mọi thứ thay đổi trong năm mới. “Bố mẹ kính mến, con vẫn ổn”, một người lính viết. “Không may đêm nay con lại phải gác. Hy vọng sang năm mới 1943 con sẽ không gặp nhiều thất vọng như năm cũ 1942 nữa”.

Một sự lạc quan gần như ám ảnh toát ra từ thông điệp đầu năm của Hitler gửi cho Paulus và Tập đoàn quân số 6. Chỉ những người hoài nghi hơn mới nhận ra rằng nó không cho thấy một bảo đảm chắc chắn. “Nhân danh toàn thể nhân dân Đức, tôi gửi đến ông và đoàn quân anh dũng của ông lời chúc tốt đẹp nhất nhân dịp năm mới. Tôi hiểu khó khăn của tình thế ngặt nghèo mà ông đang chịu đựng. Tôi hết sức trân trọng tinh thần bám trụ ngoan cường mà đoàn quân anh hùng của ông đã thể hiện. Ông cùng các chiến binh của mình hãy bước vào năm mới với lòng tin không lay chuyển rằng, tôi và toàn thể lực lượng vũ trang Đức sẽ làm tất cả trong sức lực của mình để giải cứu những người bảo vệ Stalingrad và rằng, với sự kiên cường của ông, kỳ tích vinh quang nhất trong lịch sử quân đội Đức sẽ đến. Adolf Hitler”.

“Thưa *Fuhrer!*” Paulus lập tức trả lời. “Những lời tự tin của ngài mừng năm mới đã được chào đón hân hoan phấn khởi. Chúng tôi sẽ không phụ sự tin cậy của ngài. Ngài có thể chắc chắn rằng chúng tôi —từ viên tướng cao niên nhất tới người lính trẻ tuổi nhất - sẽ đứng vững, tràn đầy ý chí và góp phần mình vào thắng lợi cuối cùng. Paulus”. Thư năm mới của nhiều binh sĩ trong *Kessel* toát lên tinh thần quyết tâm mới mẻ. “Chúng tôi sẽ không để mình xuống tinh thần, mà vững tin vào lời lãnh tụ”, một đại úy viết. “Chúng tôi giữ vững niềm tin vào *Fuhrer*, không hề lay chuyển cho đến thắng lợi cuối cùng”, một hạ sĩ quan viết. “Lãnh tụ biết rõ lo lắng và nhu cầu của

chúng tôi”, một người lính viết, “ngài sẽ luôn - và tôi tin chắc điều đó - cố gắng giúp chúng tôi càng nhanh càng tốt”. Ngay cả một vị tướng hoài nghi như Strecker có vẻ cũng động tâm. “Hy vọng mới lại xuất hiện”, ông viết, “vẫn còn ít nhiều lạc quan về hiện tại và tương lai trước mắt”.

Mặt khác, Paulus lúc đó vẫn canh cánh lo về thành công ngày một lớn của tuyên truyền Soviet. Cục 7 của Bộ Chỉ huy Phương diện quân sông Đông phụ trách “tuyên truyền chiến dịch” theo dõi sát sao việc nhận dạng Sư đoàn bộ binh số 44 và Sư đoàn bộ binh số 376 của Tướng Edler von Daniels là những đơn vị để tập trung tác động.

Sáng sớm ngày 3 tháng 1, Paulus đến Sư đoàn bộ binh Áo số 44, “ngay sau chương trình phát thanh của các tù binh thuộc Sư đoàn bộ binh số 44”. Họ nói về những thiếu thốn lương thực và đạn dược và về thương vong nặng nề. “Tư lệnh muốn phải có cảnh báo về hậu quả đối với người nghe chương trình này”, báo cáo của Tập đoàn quân số 6 viết. “ Binh sĩ nào đã nghe cần phải ý thức được rằng, tên tuổi của họ sẽ được báo cáo và họ sẽ phải đối mặt với tòa án binh”. Trong lúc Paulus họp với Tướng Heinrich-Anton Deboi, chỉ huy sư đoàn, bên ngoài lại có thêm “một cuộc tấn công mạnh có xe tăng”.

Ngay sáng hôm sau, Paulus tới thăm chỉ huy lực lượng Romania trong “khu pháo đài”, nơi có nhiều binh sĩ bị cồng giá do thiếu trang phục, “nhất là ủng, quần dài và tất”. Số người đào ngũ tăng cao buộc Paulus phải đưa ra kết luận: “Phải tiến hành phản tuyên truyền đáp lại truyền đơn Nga in bằng tiếng Romania”.

Các tiểu đoàn và đại đội quá yếu đến nỗi chỉ còn là cái tên. Trong số hơn 150.000 lính trong *Kessel* chỉ có chưa tới 1/5 là lính tuyển trước. Nhiều đại đội chỉ còn vài chục người có thể làm nhiệm vụ. Các đơn vị xé lẻ ghép vào làm cho các nhóm chiến đấu trở nên hỗn tạp. Lính bộ binh cơ giới (vốn thuộc sư đoàn xe tăng) trong đại đội Thượng sĩ Wallrawe thấy mình bị ghép “với các đại đội của Luftwaffe và các trung đội Cossack” rồi bị đưa ra bảo vệ trận địa gần Karpovka. Đó là một nơi xui xẻo. Nhìn qua bản đồ là nhận ra

ngay “cái mũi” ở chót tây nam của *Kessel* sẽ là mục tiêu đầu tiên của quân Nga khi họ quyết định kết liễu Tập đoàn quân số 6.

Được vài ngày đầu năm thời tiết tương đối dịu hơn, ẩm ướt. Lính Nga ghét tiết nồm. “Tôi không thích thời tiết Stalingrad”, lính thủy đánh bộ Barsov viết. “Nó cứ thay đổi suốt làm gì cả súng. Khi ẩm lên thì tuyết bắt đầu rơi. Mọi thứ ẩm hết. Ừng dạ *valenki* ngấm ướt mà đâu có lúc nào để thay đồ khô”. Anh và đồng đội đương nhiên sẽ vui hơn vào ngày 5 tháng 1, khi nhiệt độ tụt xuống - âm 35°.

Các lực lượng Soviet áp dụng một sách lược thận trọng để khai thác lợi thế trang thiết bị mùa đông của mình. “Quân Nga mở đầu bằng các cuộc tấn công thăm dò”, một sĩ quan liên lạc của Luftwaffe viết. “Nếu họ chọc thủng được phòng tuyến thì chúng tôi không ai còn sức để đào chiến hào mới. Mọi người thể trạng đã quá yếu vì thiếu ăn, còn mặt đất thì đông cứng như đá”. Mà nằm phơi mình ra giữa thảo nguyên thì chỉ có chết. Ngày 6 tháng 1, Paulus điện cho Tướng Zeitzler: “Tập đoàn quân đang đói và lạnh, đạn đã hết và xe tăng không thể di chuyển được nữa”. Cũng hôm đó, Hitler tặng huân chương Chữ thập Hiệp sĩ hạng Thập tự Sắt cho Tướng Schmidt.

Đến giờ thì số phận Tập đoàn quân số 6 đã rõ, các phóng viên Soviet được đưa đến Bộ Chỉ huy Phương diện quân sông Đông ở Zavarykino. Một đoàn nhà văn Soviet từ thủ đô xuống thăm Sư đoàn súng trường số 173 vốn được thành lập ở quận Kievsky của Moskva và có nhiều trí thức, “Từ vị trí chỉ huy của Tập đoàn quân số 65, các nhà văn Aleksander Korneychuk và Wanda Vasilevskaya” đã quan sát sư đoàn tấn công Kazachy Kurgan, một gò mộ Tartar ở phía tây bắc *Kessel*.

Ngay cả trước khi nỗ lực giải cứu của Hoth bị bẻ gãy ở sông Myshkova, Stalin đã hối các tướng lập kế hoạch tiêu diệt Tập đoàn quân số 6. Sáng ngày 19 tháng 12 ông đã gọi điện cho Voronov, đại diện của *Stavka* theo dõi Chiến dịch Sao Thổ Nhỏ, bảo ông này đến Bộ Chỉ huy Phương diện quân sông Đông. Voronov liền đóng luôn bên cạnh “tư dinh” của Rokossovsky, ở khoảng giữa hai làng Zavarykino và Medvedevo, nơi có đủ phòng cho mỗi tướng hoặc mỗi ban ngành, gồm một nhà *izba* “năm gian” của nông dân^[81],

một nhà gỗ có tường ngăn giữa. Máy xe Willys Mỹ của bộ chỉ huy đóng nhân Soviet chạy ra chạy vào, lắc lư qua các sống trâu trên đường, đưa các tướng đi thị sát để khích lệ các chỉ huy cấp dưới cố gắng.

Voronov nhanh chóng lập một ban kế hoạch để nghiên cứu các phương án. Bất chấp Stalin giục phải xong trong hai ngày, ông yêu cầu để ông tự đi quan sát địa hình trước đã. Ông đến thăm Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 57 đúng vào hôm trời quang. Ông thấy một nhóm máy bay vận tải Junkers xuất hiện khoảng 3.000 m ngay trên đầu mà không có máy bay chiến đấu hộ tống. Các trận địa cao xạ Soviet xúm xít quanh đấy nổ súng nhưng đã quá muộn, máy bay tiêm kích Nga cũng đến muộn nốt. Không một chiếc Junkers nào bị bắn hạ. Voronov còn giận hơn nữa khi phát hiện thấy không hề có sự phối hợp nào giữa quan sát dưới đất, các trận địa phòng không và máy bay chiến đấu. Viên thiếu tướng phụ trách phòng không bị khùng bố một trận chạy cuống cà kê.

Trở lại Zavarykino, Voronov một lần nữa xem xét các số liệu. Mặc dù quân Đức chống cự dữ dội vào đầu tháng 12, Đại tá I. V. Vinogradov, Chủ nhiệm quân báo của Phương diện quân sông Đông vẫn không chịu khó rà lại quân số ước tính của Đức bị vây trong *Kessel*. Lúc này bị hỏi ông mới đưa đại con số 86.000. Đây là con số làm mất mặt ngành quân báo của Hồng quân, nhất là khi bị đối thủ NKVD của họ sau này mỉa mai bóng gió.

Dự thảo kế hoạch Chiến dịch Cái Vòng cuối cùng đã xong vào ngày 27 tháng 12 và được chuyển về Moskva. Hôm sau Voronov được lệnh viết lại. Stalin đòi đột tấn công đầu tiên tập trung vào mũi Karpovka-Marinovka ở góc tây nam phải xuất phát từ hướng tây bắc và phải được phối hợp với một chiến dịch khác ở góc đối diện của *Kessel* cắt ngang khu nhà máy của Stalingrad và ngoại ô phía bắc.

Tại cuộc họp của ủy ban Quốc phòng nhà nước, Stalin nhận thấy sự đối địch giữa Yeremenko, Tư lệnh Phương diện quân Stalingrad và Rokossovsky, Tư lệnh Phương diện quân sông Đông cần phải được giải quyết trước khi Chiến dịch Cái Vòng bắt đầu. “Ta sẽ để ai nhận nhiệm vụ

kết liễu quân thù đây?” ông hỏi. Có người đề nghị Rokossovsky. Stalin hỏi Zhukov nghĩ sao.

“Thế thì Yeremenko sẽ tự ái lắm”, Zhukov đáp.

“Có phải nữ sinh đâu mà tự ái”, Stalin vặn lại. “Chúng ta là người Bolshevik, ta phải chọn người xứng đáng mà đề cử làm chỉ huy”. Thế là Zhukov nhận phần việc khó chịu là thông báo cho Yeremenko.

Rokossovsky, vị tư lệnh chịu trách nhiệm giáng đòn dứt điểm Tập đoàn quân số 6, nắm trong tay 47 sư đoàn, 5.610 khẩu pháo và cối hạng nặng cùng 169 xe tăng. Lực lượng 218.000 người đó được 300 máy bay yểm trợ. Nhưng cơn sốt ruột của Stalin lại nổi lên, số là ông tính đánh vào Tập đoàn quân Hungary số 2. Nào ngờ ông được báo lại rằng khó khăn trong việc vận chuyển đã làm chậm chuyển quân bổ sung, hậu cần và đạn dược khiến ông nổi giận. Voronov lại xin hoãn thêm bốn ngày nữa. Stalin cay độc mĩa, “Anh cứ ngồi đấy để bọn Đức nó đến bắt cả anh với Rokossovsky làm tù binh là xong!” Nhưng ông vẫn đồng ý cho hoãn đến ngày 10 tháng 1, tuy rất miễn cưỡng.

* * *

Các sĩ quan Đức bên ngoài *Kessel* bắn khoản không biết tiếp đến là gì. Tướng Fiebig, Tư lệnh Quân đoàn không quân số 8 nêu thắc mắc sau cuộc trò chuyện dài với Richthofen: “Sao quân Nga không bóp *Kessel* như trái cây ủng đi cho rồi?” Các sĩ quan Hồng quân ở Phương diện quân sông Đông cũng ngạc nhiên vì sự trì hoãn và tự hỏi không biết lúc nào họ mới nhận được lệnh tấn công. Thế nhưng Voronov lại nhận được một cú điện từ Moskva bảo ông chuẩn bị một tối hậu thư cho Tập đoàn quân số 6.

Ngay trong tuần đầu tiên của tháng 1 năm 1943 đó, Voronov đã viết nháp thông điệp gửi đích danh Paulus. Cứ phải điện thoại liên tục với Moskva để Stalin chỉnh sửa. Rốt cuộc nó đã được thông qua và ngay tại Bộ Chỉ huy Phương diện quân sông Đông nó đã được “những người Đức chống phát xít

từ nhóm do Walter Ulbrich đứng đầu” dịch ra. Trong khi đó, các đại diện của NKVD và Đại tá Vinogradov bên quân báo lại diễn màn đối địch quen thuộc, đua nhau tìm người thích hợp để làm phái viên ngừng bắn. Cuối cùng cũng đạt được thỏa hiệp. Lúc chiều muộn ngày 7 tháng 1 Thiếu tá Aleksandr Mikhailovich Smyslov của quân báo và Đại úy Nikolay Dmitrievich Dyatlenko của NKVD được chọn đi cùng nhau. Lúc phỏng vấn Dyadenko, Vinogradov đột nhiên hỏi: “Anh là *khokhol*?” *Khokhol*, tức “chôm tóc”, là cách gọi ít nhiều coi thường người Ukraina vì người Nga hay giấu cột kiếu đầu trọc, chừa lại một chôm tóc của người Ukraina.

“Không, thưa đồng chí Đại tá”, Dyatlenko quả quyết đáp. “Tôi là người Ukraina”.

“Trông anh cứ như người Nga vậy”, Vinogradov bật cười. “Tốt lắm, anh đúng là người phù hợp đại diện cho Hồng quân đến gặp bọn phát xít”.

Sau đó Smyslov và Dyatlenko gặp Tướng Mikhail Malinin, Tham mưu trưởng và cả đích thân Voronov. Nghe hai vị tướng hỏi các phái viên ngừng bắn xem họ có hiểu hết các chỉ thị từ Moskva không, người ta tưởng đầu Stalin ngồi phía sau nhìn các phái viên. Thực ra không ai biết rõ những luật lệ và nghi thức của phái viên ngừng bắn là thế nào. Dyatlenko thú thực rằng tất cả những gì anh biết là từ vở kịch *Thống chế Kutuzov* của Solovyov.

“Nào, các cậu”, Voronov hỏi, “hoàn thành được nhiệm vụ chứ?”

“Chúng tôi sẽ hoàn thành, thưa đồng chí Thượng tướng!” cả hai đồng thanh đáp.

Sau đó Malinin lệnh cho chủ nhiệm hậu cần phương diện quân trang bị cho hai sĩ quan những bộ quân phục tươm tất nhất. Phải làm cho bọn Đức lác mắt. Chủ nhiệm hậu cần hứa sẽ cho họ mặc “như chú rể” rồi nháy mắt “như phù thủy” với hai phái viên. Có Voronov chống lưng, ông ta lôi hết tùy tùng các tướng trong Bộ Chỉ huy Phương diện quân đến chỗ mình. Ông bắt từng người lột đồ ra để Smyslov và Dyadenko xỏ thử quần áo, giày ủng. Trong chốc lát hai phái viên đã thấy mình nghêu ng Hayden trên chiếc Willys của Bộ Chỉ huy cùng với Đại tá Vinogradov. Điểm đến, như họ được báo, là ga Kotluban thuộc khu vực của Tập đoàn quân số 24.

Quân Nga trong vùng được lệnh ngừng bắn từ chập tối. Rồi cả đêm dàn loa của Hồng quân phát đi thông điệp do nhóm chống phát xít của Ulbrich chuẩn bị, thông báo cho quân Đức sẵn sàng chờ phái viên ngừng bắn. Đến rạng sáng hôm sau, 8 tháng 1, tiếng súng đã ngừng. Smyslov và Dyatlenko được giao cho một hạ sĩ cao lớn một lá cờ trắng cùng cây kèn trumpet ba nốt. “Yên tĩnh khác thường trên cánh đồng tuyết phủ trắng xóa” khi họ tiến đến chiến hào tiền duyên xa nhất. Hạ sĩ đưa kèn lên thổi: “Chú ý! Chú ý! Mọi người nghe đây!” Họ tiến lên chừng 100 m thì có tiếng súng nổ. Ba người buộc phải cúi xuống nấp sau một cái lũy thấp mà nhóm trinh sát Nga đắp trong tuyết để quan sát ban đêm. Bộ đồ vía “chú rể” chẳng mấy chốc đã hết tinh tươm, với lại chống rét cũng không tốt lắm.

Khi đã hết tiếng súng, Smyslov và Dyatlenko đứng thẳng dậy thận trọng đi tiếp. Hạ sĩ cũng đứng lên vẫy cờ và thổi kèn. Một lần nữa quân Đức lại nổ súng nhưng không nhắm bắn vào họ. Rõ ràng họ có ý ép các phái viên lui lại. Sau vài lần như thế, Vinogradov bức quá bèn gửi lên trước một thông điệp để dẹp cái trò nguy hiểm lúc đi lúc ngừng như bà già đó^[82].

Smyslov và Dyatlenko trở lại Bộ Chỉ huy Phương diện quân báo cáo, xấu hổ vì làm việc không xong. “Làm gì mà mặt mày bị xị thế, các đồng chí?” Voronov hỏi. “Tình thế là không phải ta xin họ chấp nhận đề nghị của chúng ta mà ngược lại. Vậy thì cho họ ném thêm ít đạn, lúc đó họ phải chạy đến xin ta ấy chứ, già đòn non nhẽ mà”. Trong đêm đó, máy bay Nga bay trên trận địa Đức rải truyền đơn in tối hậu thư gửi Paulus cùng một thông điệp gửi cho “*Deutsche Offiziere, Unteroffiziere und Mannschaften!*” (sĩ quan, hạ sĩ quan và binh lính Đức) do Voronov và Rokossovsky ký. Và để thông điệp thêm phần nặng ký “họ gửi cả bom để trợ lực cho lời nói”. Đài phát thanh của Hồng quân cũng phát đi một bài do Erich Weinert đọc trên các tần số mà quân Đức hay nghe và một số nhân viên điện đài của Đức biết. Truyền đơn chắc chắn đã được đọc. Một đại úy trong Sư đoàn bộ binh số 305 thừa nhận sau khi bị bắt rằng cả sĩ quan lẫn binh lính đều đã lên đọc truyền đơn Soviet bất chấp hình phạt vì “trái cấm thường ngọt”. Đôi khi họ còn đưa truyền đơn tiếng Nga cho một Hiwi tin cẩn xem và bảo anh ta dịch. “Ai cũng biết về tối hậu thư”, anh ta nói.

Smyslov và Dyatlenko chỉ ngủ vài tiếng ngay tại Bộ Chỉ huy Phương diện quân sông Đông và được đánh thức lúc nửa đêm. Lúc họ đã mặc lại quân phục cũ của mình xong (phụ tá của các tướng đã lập tức đòi lại đồ của họ) thì đã có một chiếc xe chờ sẵn bên ngoài. Khi họ đến ban quân báo thì đã thấy Đại tá Vinogradov đeo lon Thiếu tướng rồi, còn họ thì được thưởng Huân chương Cờ Đỏ. Vinogradov nói đùa rằng sở dĩ ông được phong tướng “vì đã ngồi mòn hết đũng quần” và thêm rằng Smyslov và Dyatlenko có thể nhận được huân chương còn cao hơn nếu hoàn thành nhiệm vụ trong lần thứ hai này.

Hai phái viên ngồi vào xe cùng với Vinogradov và viên sĩ quan vừa được bổ nhiệm thay ông làm chủ nhiệm quân báo. Lúc họ lái xe trong đêm, hai ông tướng mới được phong hát rồn rảng và “liên tục tranh nhau kể chuyện tiểu lâm của tướng” (Tuy Dyadenko tế nhị không nói rằng họ say, nhưng chắc họ vừa “rửa sao” thì thoát sao được). Bài hát liên tục đứt đoạn mỗi khi xe chạy qua các ổ trâu dọc con đường đất đóng băng. Đó là một chuyến đi dài vòng qua phía nam *Kessel* qua sông Đông về phía tây, sau đó vượt sông quay lại ở Kalach đến khu vực do Tập đoàn quân số 21 phụ trách. Trước rạng đông một chút thì họ đến được sở chỉ huy của Sư đoàn súng trường số 96, cách Marinovka vài dặm về phía tây.

Giống như hai người sắp đi vào tử địa, Smyslov và Dyatlenko được cho ăn sáng nâng cấp “theo khẩu phần của một dân ủy”^[83]. Vinogradov ngăn không lấy thêm lần hai rồi bảo họ chuẩn bị sẵn sàng. Đột nhiên họ nhớ ra đã đưa trả lá cờ trắng cho chủ nhiệm hậu cần ở Sở Chỉ huy Phương diện quân. Phải làm lá cờ khác, lấy vài trái giường của sư đoàn trưởng, buộc tạm vào một cành cây keo.

Xe đưa họ đến tiền duyên và dừng ở một cái khe, từ đó cả đám đi bộ lên. Một thượng sĩ lớn tuổi nhập bọn với cây kèn, tự giới thiệu là “trung đội trưởng quân nhạc Siderov”. Một trung úy cũng bước lên và xung phong hộ tống họ qua bãi mìn - “vì tính mạng của tôi không quý như của các đồng chí”, anh giải thích.

Ba phái viên khoác đồ ngụy trang ngay bên dưới chiến hào tiền tiêu, sau đó bước lên khoảng rộng trắng lơ mờ trong màn sương dày. Có khoảng hai chục đụn tuyết phía trước là các xác lính chết. Tướng Vinogradov và hai viên tướng khác leo lên một chiếc xe tăng Nga cháy để theo dõi diễn biến. Siderov nổi hiệu kèn. Tiếng hô “Chú ý! Chú ý!” vang lên, trong tai Dyatlenko nghe như “Kèn vĩnh quyết”.

Khi đến gần phòng tuyến quân Đức hơn, họ thấy những bóng người di chuyển. Có vẻ như các hầm hào tiền duyên đã được gia cố. Siderov rồi rít vẫy cờ và thổi kèn. “Các người muốn gì?” một thượng sĩ hỏi vọng ra.

“Chúng tôi là phái viên ngừng bắn của chỉ huy Hồng quân”, Dyatlenko hét trả bằng tiếng Đức. “Chúng tôi mang theo một thông điệp đến gặp tư lệnh của các anh. Tôi yêu cầu các anh tiếp chúng tôi theo luật quốc tế”.

“Vậy thì đến đây”, anh ta nói. Thêm mấy cái đầu thò lên và mấy họng súng chĩa vào họ. Dyadenko từ chối bước lên nếu không gọi sĩ quan đến. Trong lúc chờ đợi, cả hai bên đều căng thẳng. Cuối cùng viên thượng sĩ cũng quay về phía sau, chạy đi gọi đại đội trưởng. Ngay sau khi anh ta đi, lính Đức đứng hết dậy cười đùa. “*Rus! Komm, komm!*” họ gọi. Một người lính thấp lùn, quần đủ thứ giẻ rách trên người, nhảy lên mép hào làm trò. Anh ta chỉ vào mình, điệu dàng bắt chước bộ dạng opera, hát “*Ich bin Offizier*” (Tôi là sĩ quan đây).

“Tôi có thể thấy anh là sĩ quan kiểu gì”, Dyatlenko đáp và cả đám lính Đức cười vang. Đồng bọn của chàng hề túm cổ chân anh ta lôi xuống hào. Smyslov và Dyadenko cũng bật cười.

Rốt cuộc viên thượng sĩ cũng quay lại cùng với ba sĩ quan. Người cao cấp nhất trong bọn lịch sự hỏi họ muốn gì. Dyatlenko giải thích rồi hỏi liệu họ có được tiếp đón theo công ước quốc tế bảo đảm an toàn tính mạng không. Cuộc nói chuyện xã giao chuyển sang chi tiết - liệu họ có thể bỏ đồ đồ đi tuyết ra và chịu để bị mất không — rồi họ mới được đưa đi. Sau khi các sĩ quan hai bên chào nhau, Smyslov đưa ra một gói giấy dầu để tên người nhận là Thượng tướng Paulus. Các sĩ quan Đức sôi nổi thì thầm với nhau. Viên thượng úy sau đó đồng ý đưa các đại diện Soviet lên gặp trung đoàn trưởng

của họ. Băng vải đen chủ nhiệm hậu cần đưa hôm trước cũng đã trả lại cùng lá cờ trắng, thành ra họ phải dùng khăn tay và thắt lưng. Siderov chỉ có cái áo đi tuyết để dùng tạm, và khi anh quần nó lên đầu, lính Đức trong các hầm thò ra xem cười ầm. “Bedouin! Bedouin!”^[84]

Viên thượng úy nắm tay Dyatlenko dắt đi. Được vài bước, anh ta hỏi “giọng cười cợt”, trong thông điệp gửi Paulus viết gì. “Rằng chúng tôi nên hàng à?”

“Tôi không được lệnh để biết”, Dyatlenko trả lời theo cung cách của quân đội Sa hoàng ngày trước. Họ nói sang chuyện khác.

“Nói tôi biết đi”, trung úy hỏi, “có đúng là nhà văn Đức tên là Willi Bredel đang ở Platonovsky? Ông ta nói với lính của chúng tôi qua sóng phát thanh cả 10 hay 14 ngày liền. Ông ta kêu gọi họ đầu hàng và thề rằng tính mạng của họ sẽ được bảo đảm. Binh lính chúng tôi dĩ nhiên là cười nhạo ông ta. Nhưng có đúng là ông ta đang ở đây? Nghe giọng thì rõ ràng ông ta người Hamburg. Vậy chứ đó đúng là ông ta hay chỉ là ghi âm giọng ông ta?”

Dyatlenko rất muốn nói. Bredel quả thực là một trong số những người Đức làm việc cho đơn vị của anh và hai người cũng khá hòa hợp. Nhưng nếu có gì lờ lờ thì trung úy sẽ biết ngay “công việc thực sự” của anh. Đúng lúc đó có trò giải trí bất ngờ. Lốp băng họ giẫm lên gập ghềnh do đạn pháo lại còn bị những đế giày quần giẻ mài nhẵn đâm ra trơn làm Dyatlenko ngã, xô luôn trung úy ngã theo. Nghe tiếng ngã, Smyslov hét lên. Dyadenko trấn an Smyslov và xin lỗi trung úy. Anh không sợ có mưu đồ gì. “Có cả ngàn tù binh đã qua tay tôi”, về sau anh viết. “Tôi nắm khá rõ tâm lý của họ nên biết rằng họ sẽ không hại mình”.

Viên lính Đức chạy đến đỡ hai người dậy cũng bị ngã lăn chiêng thành một đồng ngoi ngóp lộn xộn. Dyatlenko ví nó với trò chơi dân gian của trẻ con Ukraina gọi là “trồng nụ trồng hoa”.

Viên trung úy lại tiếp tục hỏi han khi đoàn bật mắt đi tiếp, sau đó quay lại chuyện Bredel. Dyatlenko chả tội gì nói thật nên bảo rằng có nghe tên, thậm chí còn đọc mấy cuốn sách của ông ta. Cuối cùng, trung úy nhắc anh còn mấy bước nữa là đến nơi.

Ba phái viên khi được bỏ bịt mắt thấy mình trong một căn hầm đào tốt, ken các thân cây. Dyatlenko trông thấy hai bị ngũ cốc mốc meo chắc là đang được hong khô. “Đáng đời chúng mày, đồ rắn độc”, Dyatlenko nghĩ bụng. “Chúng mày đốt vừa thóc trong Stalingrad, bây giờ thì đi mà đào dưới tuyết lên ăn cầm hơi”. Anh còn thấy cả những tấm thiệp màu sắc sặc sỡ và giấy trang trí Giáng sinh vẫn còn nguyên đấy.

Một sĩ quan cao cấp của Đức bước vào và yêu cầu cho biết thẩm quyền cho sứ mệnh của họ. “*Stavka* của Bộ Chỉ huy Hồng quân”, Dyatlenko đáp. Viên sĩ quan cao cấp đi ra, chắc là để gọi điện. Trong lúc đại tá ra ngoài, các sĩ quan Đức và Dyatlenko nói chuyện về lễ Giáng sinh. Sau đó sang chuyện súng lục và các sĩ quan Đức rất khoái khẩu Tokarev của Dyatlenko. Bấy giờ đoàn phái viên Nga mới té ngựa nhận ra rằng theo thông lệ quốc tế, phái viên ngừng bắn không được mang theo vũ khí nên anh nộp luôn.

Để giữ không khí thân thiện đúng mực, Siderov mở gói thuốc lá “Lux” — mà Dyadenko gọi là “thuốc tướng” — vừa được đưa cho họ để hù sĩ quan Đức. “Hết sức đàng hoàng, Siderov chia gói thuốc cho bọn Đức cứ như cả đời anh ta chỉ xài thứ thượng hạng chứ không phải *makhorka*”. Anh ta nhờ Dyatlenko nói với họ rằng anh ta tham chiến lần này là lần thứ ba: “trong chiến tranh đế quốc, trong nội chiến và bây giờ là chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại”. Dyatlenko chờ anh ta nói tiếp là ‘chống bọn phát xít Đức xâm lược’ nhưng Siderov lại mỉm cười mà nói: “Trong cả ba cuộc chiến đó chưa bao giờ tôi lại có cơ hội nói chuyện với kẻ thù một cách hòa bình thế này”. Các sĩ quan Đức gật gù đồng tình và nói thêm rằng cuộc tụ họp nho nhỏ này góp mặt những con người hiền hòa nhất mặt trận. Đến đó thì cuộc trò chuyện kết thúc. Trong lúc yên lặng sau đó, họ nghe thấy tiếng súng rộ lên. Một số người Nga lo lắng. Một sĩ quan Đức lao ra khỏi hầm xem có chuyện gì. Anh ta trở về với lời trách móc: “Người bên các anh đấy”. May mà tiếng súng đã ngưng. (Về sau các phái viên mới biết rằng các trận địa phòng không thấy máy bay vận tải Đức bay qua trên đầu nên không nhìn được).

Căng thẳng tăng lên trong khoảng thời gian chờ đại tá quay lại. Nhưng khi ông ta quay lại thì không phải để báo rằng có xe từ Sở Chỉ huy Tập đoàn

quân số 6 phái xuống. Ông ta, theo lời Dyatlenko, “có bộ dạng khác hẳn - như chó bị đòn”. Các sĩ quan cấp dưới cố đoán xem đã có chuyện gì, đứng phắt dậy “như thể sắp sửa nghe bản án dành cho cả bọn”.

“Tôi được lệnh”, đại tá nói với mấy người Nga, “không đưa các ngài đi đâu, không đi cùng, không nhận bất cứ thứ gì từ các ngài, chỉ phải bịt mắt các ngài, dẫn các ngài quay lại, trả súng cho các ngài và bảo đảm an toàn cho các ngài”.

Dyatlenko liền liền thoảng phản đối. Anh đề nghị, tuy trái với chỉ thị, trao lại gói giấy dầu cho một sĩ quan có thẩm quyền đặc biệt và có biên nhận.

“Tôi được lệnh không nhận bất cứ thứ gì của các ngài”, viên đại tá Đức lặp lại.

“Vậy chúng tôi yêu cầu ngài viết lên phong bì rằng theo mệnh lệnh chỉ huy cấp trên, ngài từ chối nhận bức thư viết cho tư lệnh của các ngài”. Nhưng đại tá từ chối ngay cả chạm vào phong bì. Không còn cách nào khác, Smyslov và Dyatlenko kết luận, đành để bịt mắt dẫn trở lại. Vẫn viên thượng úy lúc này đưa Dyatlenko quay lại.

“Anh bao nhiêu tuổi?” trên đường đi Dyatlenko hỏi.

“24”, anh ta đáp. Vậy là họ chỉ hơn nhau vài tuổi.

“Cuộc chiến giữa hai dân tộc chúng ta là một sai lầm bi thảm”, lát sau Dyatlenko lên tiếng. “Sớm muộn gì nó cũng sẽ kết thúc và nếu ngày đó ta gặp nhau được thì hay quá, anh thấy sao?”

“Trong trái tim tôi không có chỗ cho ảo tưởng”, Thượng úy Đức đáp, “bởi vì trước khi nó chấm dứt một tháng, cả tôi và anh đều đã chết rồi”.

“Chẳng lẽ người Đức các anh nghĩ rằng nước Nga lại để các anh qua được một mùa đông yên ổn trong căn hầm ẩm áp sao?”

“Không, từ kinh nghiệm mùa đông năm ngoái, có thể các anh sẽ mở một cuộc tấn công. Có điều không ai nghĩ nó lại có quy mô hay cách thức như thế”.

“Anh vừa kể với tôi rằng lính của anh chỉ cười nhạo khi nghe Willi Bredel kêu gọi”. Dyatlenko không nén nổi tò mò nghề nghiệp dù như vậy là trái với

chỉ thị tránh các chủ đề nóng. “Nhưng chẳng phải ông ấy đã đúng khi nói đến tình thế tuyệt vọng của các anh sao. Hay lời khẩn cầu của ông ấy là không nghiêm túc?”

“Mọi cái ông ấy nói đều đúng”, Thượng úy đáp. “Nhưng chớ nên quên một điều. Khi cuộc chiến giữa hai thế giới quan đang diễn ra, chỉ vài lời sáo nếm qua chiến tuyến mà thuyết phục binh sĩ đối phương sao được”.

Ra tới chiến hào, cả ba người Nga được bỏ bịt mắt. Súng lục và quần áo đi tuyết được trả lại. Hai nhóm sĩ quan đối mặt chào nhau, sau đó ba người Nga, dưới lá cờ của Siderov, “băng qua thình không màu trắng” quay lại chỗ Tướng Vinogradov vẫn đang chờ bên chiếc xe tăng cháy.

Vinogradov đưa họ trở lại cái khe. Chủ nhiệm trinh sát sư đoàn không để phí thời gian. “Siderov”, anh ta nói, “vẽ nhanh lại cho tôi bản đồ phòng ngự của chúng nào”. Hai phái viên ngừng bắn theo sau họ vào một căn hầm đào bên vách khe và nhìn “anh bạn già vừa mới nói chuyện hiền hòa với kẻ thù” vẽ lại bản đồ các hỏa điểm của địch đâu ra đấy. “Không rõ có phải anh ta được giao nhiệm vụ này từ đầu hay không”, về sau Dyatlenko viết lại, “hoặc đó là tài lẻ của anh ta, nhưng xem ra anh ta nhớ không sót thứ gì”. Dyatlenko và Smyslov sau đó quay lại Bộ Chỉ huy Phương diện quân trên chiếc xe Willy cùng với hai ông tướng, “buồn và mệt” vì sứ mệnh của họ đã thất bại và nhiều người sẽ còn hy sinh vô ích.

PHẦN 5

KHUẤT PHỤC TẬP ĐOÀN KHÔNG
QUÂN SỐ 6

20

CẦU KHÔNG VẬN

“Mây mù sà xuống thấp”, Hans Dibold, bác sĩ Sư đoàn bộ binh số 44, viết, “cứ như chạm vào đầu. Tiếng động cơ của chiếc máy bay vận tải rền rĩ trong mây không biết đường đáp xuống”.

Khái niệm “cầu không vận” hiếm khi được dùng ở chiến trường. Ý tưởng một cầu nối thường xuyên ngay trên đầu quân Nga đã làm hài lòng những kẻ ảo tưởng nhìn bản đồ, biểu đồ ở Berlin và Rastenburg. Sợ Hitler đòi thông tin bất thành linh nên tướng tá tham mưu cố sống cố chết để có trong tay các con số, liên tục quấy rầy chỉ huy các sân bay để có con số thống kê mới nhất và chứng cứ hoạt động. Cái lối can thiệp cưỡng ép từ bên trên như vậy chỉ càng làm mọi thứ rối tung lên. Các tướng không quân bên Đức phải bổ nhào bổ nhào chiều theo các quyết định của Hitler tiếp tế cho Tập đoàn quân số 6 bằng đường không, huy động đến cả loại máy bay không phù hợp tí nào như Ju-86, loại dùng để huấn luyện phi công, để có con số coi được một chút. Thậm chí phương án dùng tàu lượn cũng đã được tính đến trước khi có người bảo thế thì chỉ tổ làm môi cho máy bay Nga.

Sự hỗn loạn còn do chỉ huy các căn cứ không quân tuyến sau cho các máy bay Junkers Ju 52 ra tuyến trước mà chưa kịp điều chỉnh chúng cho phù hợp với các chiến dịch mùa đông chỉ để chứng minh rằng *Fuhrer* mà cần là họ có ngay. Cả đồng máy bay vận tải đổ đến không báo trước gây nên hỗn loạn, nhất là khi nhóm tác chiến tiếp viện đường không không có ở đó để điều hành. Cuối tháng 11, Tướng Fiebig và ban tham mưu Quân đoàn không quân số 8 đã nhận lấy trách nhiệm và tình hình đã khá lên trông thấy, mặc dù những thiếu sót căn bản trong toàn bộ dự án đã định đoạt thất bại cho nó ngay từ lúc bắt đầu.

Tướng Richthofen đã cảnh báo rằng họ cần phải có sáu sân bay nghiêm chỉnh ngay bên trong *Kessel* chứ không phải một, cùng với đội ngũ mặt đất được huấn luyện đẳng hoàng. Lo sợ của ông về thiếu đường băng đã nhanh chóng trở thành hiện thực do điều kiện thời tiết xấu. Ngày khả quan nhất là ngày 19 tháng 12, khi có 154 máy bay hạ cánh với 289 tấn hàng, nhưng ngày bay tốt chỉ đếm trên đầu ngón tay. Thời tiết không phải vấn đề duy nhất. Sân bay ở Pitomnik thu hút mọi sự chú ý của địch, thành ra máy bay bị bắn, bị va quệt không thể dùng được trong một thời gian. Khung kim loại cháy nham nhở của chúng bị đẩy ra bãi tuyết bên ngoài đường băng, tạo thành một “bãi tha ma máy bay trải rộng”. Hạ cánh ban đêm nguy hiểm gấp bội, Các trận địa phòng không ở Pitomnik giờ gần như không thể cân đối để mà duy trì. Họ cần đèn pha để tìm kiếm máy bay ném bom đêm của Nga, nhưng khu đặt đèn pha lại là mục tiêu của pháo địch.

Sự căng thẳng đối với phi hành đoàn Luftwaffe rất lớn. “Lính trẻ thiếu kinh nghiệm trong tổ bay cứ run như cây sậy” khi nhìn thấy Pitomnik, hơn tất cả là tình cảnh khốn khổ của thương binh chờ bên lề đường băng chờ di tản và những đồng xác đông cứng xếp bên cạnh bệnh viện dã chiến vì mặt đất đông cứng không thể mang chôn được.

Dù Tập đoàn quân số 6 có chịu ơn các cố gắng của không quân đến đâu thì cũng không tránh khỏi những chuyện bực mình. Khi một kiện hàng được mở ra và thấy bên trong toàn Marjoram với hạt tiêu, Trung tá Werner von Kunowski, chủ nhiệm hậu cần Tập đoàn quân số 6, bực quá hét toáng lên: “Thằng khốn nào làm ăn thế này?” Một sĩ quan đi cùng nói đùa rằng ít ra hạt tiêu có thể dùng để đánh giáp lá cà.

Sau trận tấn công của quân Soviet vào Tatsinskaya, đội hình vận tải của không quân giảm đáng kể, chỉ còn một nhóm nhỏ máy bay dùng được. Với lại căn cứ mới của Ju-52 ở Salsk nằm cách Pitomnik hơn 320 km, gần tới tầm hoạt động tối đa, thành ra những máy bay có động cơ đốt nhiên liệu quá nhiều thì không dùng được. Tuyệt vọng, một số máy bay bốn động cơ Focke-Wulf 200 Condor lớn nhất của Luftwaffe có thể chở được 6 tấn và Junkers Ju 290 có thể chở tới 10 tấn cũng được sử dụng, nhưng chúng rất dễ

tổn thương, lại không cứng cáp bằng “Tante JuM ba động cơ. Đến khi Salsk cũng bị đe dọa vào giữa tháng 1 thì số Ju-52 còn lại phải chuyển về phía tây bắc đến Zverevo, phía bắc Shakhty. Sân bay mới này có đường băng phủ tuyết ngay giữa khoảnh đất trống trọt trồng trái. Ở đây chẳng có tiện nghi gì, nên đội mặt đất, kiểm soát không lưu và tổ lái phải ở trong nhà tuyết và lều bạt.

Tình trạng đóng băng trở thành vấn đề còn lớn hơn khi ở trên không, trong khi ở dưới đất thì ngày càng khó khởi động máy. Những trận tuyết lớn thường khiến căn cứ ngừng hoạt động vì máy bay nào cũng phải bới ra từ tuyết. Phòng không ở Zverevo ít ỏi nên ngày 18 tháng 1, máy bay chiến đấu và ném bom của Nga đánh phá 18 đợt trong một ngày, phá hủy 30 chiếc Ju-52 trên mặt đất. Đó là một trong số ít chiến dịch thực sự hiệu quả của không quân Hồng quân vì phi công của họ vẫn còn thiếu tự tin.

Ngay từ đầu Richthofen và Fiebig đã cảm thấy họ không có lựa chọn, chỉ làm cho thật tốt công việc vô vọng. Họ không mong bên trên hiểu được. “Sự tin cậy của tôi đối với lãnh đạo của ta nhanh chóng tụt xuống dưới số không”, Richthofen nói với Tướng Jeschonnek, Tham mưu trưởng không quân, vào ngày 12 tháng 12. Một tuần sau, khi nghe nói Goering bảo Hitler rằng tình hình tiếp tế cho Stalingrad “không tệ đến thế”, ông đã viết trong nhật ký: “Ngoại trừ việc đến ở chơi ít lâu trong *Kessel* hẳn ảnh hưởng đến tấm thân bồ tượng của ông ấy, còn thì tôi đoán các báo cáo của tôi không ai đọc đến hoặc bị coi là không đáng tin”.

Trong khi Goering không làm gì để ghìm cơn thèm ăn thì Tướng Zeitzler, Tham mưu trưởng của ông, đã giảm khẩu phần của mình xuống ngang với binh sĩ đang đói ăn trong Stalingrad để thể hiện đồng cam cộng khổ với họ. Theo lời Albert Speer, ông đã giảm 12 kg trong vòng hai tuần. Hitler khi nghe Martin Bormann thông báo chuyện nhịn ăn đã ra lệnh cho Zeitzler ăn uống bình thường trở lại. Như để bù lại, Hitler dẹp hết champagne và rượu mạnh tại đại bản doanh *Fuhrer* để “vinh danh các anh hùng Stalingrad”.

Dân chúng ở Đức đại đa số rất ít biết Tập đoàn quân số 6 đã đến gần thất bại hoàn toàn thế nào. “Em hy vọng các anh sớm phá vòng vây”, một phụ nữ

trẻ viết cho người lính bạn qua thư của mình vào giữa tháng 1, “thoát ra xong thể nào anh cũng được nghỉ phép luôn”. Đến cả thủ lĩnh Quốc xã Bielefeld giữa tháng 1 còn viết cho Tướng Edler von Daniels chúc mừng ông sinh con, mừng huân chương Chữ thập Hiệp sĩ của ông và mừng ông được thăng quân hàm, nói rằng ông ta rất mong gặp ông “sớm trở về với chúng tôi”.

Bầu không khí xa rời thực tế bao trùm gần hết giới quan chức cao cấp của chính quyền ở Berlin. Speer đang rất rối ruột với tình hình Stalingrad, nhưng bà vợ đi cùng ông xem vở *Cây sáo thần kỳ* ở rạp opera thì “giống như mọi người vẫn không hay biết gì hết”. “Nhưng lúc ngồi trong lô trên những chiếc ghế bọc mềm mại giữa các khán giả ăn mặc sang trọng, tôi toàn vẫn vợ nghĩ tới một cảnh tượng cũng tương tự như đám đông trong nhà hát opera Paris khi Napoleon rút khỏi nước Nga và lúc này binh lính chúng tôi cũng đang chịu tình cảnh giống như vậy”. Ông đã chuẩn về bộ của mình, tìm giải thoát trong công việc và cố đè nén “cảm giác tội lỗi kinh khủng” của mình đối với đứa em là binh nhì trong Tập đoàn quân số 6 ở Stalingrad.

Bố mẹ Speer vừa mới hoảng hốt gọi cho ông. Họ vừa được tin đứa con trai út Ernst đang nằm trong “trong một bệnh viện dã chiến sơ sài” trong một chuồng ngựa, “chỉ có một phần mái và không có tường”, bị sốt vàng da, chân sưng phồng và đau nhói thặng. Mẹ Speer nức nở trong điện thoại: “Con không thể làm thế với nó”. Còn bố ông thì nói: “Ai không biết chứ không lẽ anh mà không thể làm gì để đưa nó ra được à?” Cảm giác bất lực và tội lỗi của Speer càng nức nhối hơn với việc cách đây một năm, theo lệnh của Hitler, các quan chức cao cấp không được dùng ảnh hưởng của mình để giúp người thân, ông đã lừa em trai bằng lời hứa sẽ tìm cách chuyển anh ta sang Pháp khi kết thúc chiến dịch. Giờ thì lá thư cuối cùng của Ernst gửi từ Stalingrad lại nói rằng anh ta không chịu nổi khi nhìn bệnh nhân chết trong bệnh viện dã chiến. Anh ta đã trở về đơn vị chiến đấu dù chân vẫn sưng và sức thì yếu.

* * *

Bên trong *Kessel*, trong lúc Tập đoàn quân số 6 chờ đợi trận tấn công cuối cùng của quân Nga thì có tin đồn loang ra rằng, không chỉ một quân đoàn tăng SS mà Hitler hứa sẽ đến vào giữa tháng 2 lúc này đã gần đến, mà thậm chí nguyên một sư đoàn máy bay vận tải sẽ bay vào *Kessel* để tăng cường phòng thủ.

Một số tin đồn chả thực tế tí nào. Một số người độc mồm độc miệng bảo rằng, Tập đoàn tăng số 4 lúc chỉ còn mười mấy kilomet nữa là đến nơi, thì Paulus lại bảo Tướng Hoth đừng tiến nữa. Một số binh lính về sau cứ nhất quyết rằng Paulus đã đi đêm với quân Nga bán đứng họ. Theo một chuyện khác thì, “quân Nga đã ban bố lệnh kẻ nào bắn phi công Đức [đã bị bắt] thì sẽ bị trừng trị nghiêm khắc vì bên họ rất cần phi công để lái máy bay vận tải đến vùng sâu vùng xa mà phi công Nga lại thiếu”.

Những tin đồn đương nhiên phát tán trong các nhóm, ở các lán trại quanh sân bay, hay trong hầm đào ở các vách khe, túm tụm vào nhau như các xóm tiền sử. Nếu tìm được tí củi nào để đốt lò, khói sẽ thoát ra theo ống khói nhỏ làm bằng các hộp thức ăn rỗng ghép lại. Ghế, bàn, thậm chí cả giường của người đã chết được phá ra làm củi. Thứ duy nhất thay thế cho hơi ấm thực sự là lấy vải mưa quấn kín người, nhưng lính vẫn run không kìm được. Một tí hơi ấm ấy chẳng bõ bèn gì, chỉ tổ làm cho bọn rận hoạt động mạnh lên, lính ngứa ran. Họ thường ngủ chung hai người một giường, mền trùm kín đầu để hơi ấm không thoát ra ngoài. Loài gặm nhấm nhanh chóng mập ú nhờ ăn xác ngựa và người chết. Bên ngoài thảo nguyên, lũ chuột táo tợn lùng sục kiếm ăn. Một người lính kể bị chuột “gặm mất hai ngón chân tê cóng” trong lúc ngủ.

Khi suất ăn chở trên chiếc xe trượt do con ngựa đói kéo đến, những bóng người lóng ngóng chuệnh choạng quẩn trong mớ giẻ mò ra nghe ngóng tin đồn mới nhất. Không có nhiên liệu làm tan tuyết để rửa ráy hay cạo râu. Những bộ mặt hốc hác của họ vừa nhờn vừa lông lá — lơ thơ thảm hại do thiếu can xi. Cổ họ gầy ngoãng, giơ xương như cổ ông già. Thân thể họ lúc nhúc rận. Một châu tằm và đồ lót sạch là giấc mơ xa vời giống như một bữa ăn đàn hoàng. Khẩu phần bánh mì giờ đây rút xuống chỉ còn 200 gam mỗi

ngày và thường chỉ được hơn 100 gam một chút. Thịt ngựa phụ thêm vào “canh toàn quốc” từ nguồn tại chỗ. Thịt để ngoài trời lạnh được cái tươi nhưng nhiệt độ quá thấp nên thịt không thể cắt bằng dao được. Chỉ có cửa công binh mới xử lý được nó.

Lạnh và đói kết hợp, nghĩa là, lính mà không phải gác thì chỉ ru rú trong hầm tiết kiệm năng lượng. Hầm quả là nơi ẩn náu khó mà rời được. Thường thì đầu óc họ trống rỗng vì máu bị lạnh làm giảm hoạt động cả thể chất lẫn trí óc. Sách vốn được chuyền tay nhau cho đến khi rách tướp hoặc bị vùi trong bùn hay tuyết, nhưng giờ thì chả ai còn hơi sức đâu mà đọc. Cũng vậy, các sĩ quan Luftwaffe điều hành sân bay Pitomnik cũng bỏ luôn cờ mà chuyển sang chơi bài skat^[85] vì không còn đủ sức để tập trung tâm trí nữa. Tuy thế, trong nhiều trường hợp, thiếu ăn không làm người ta thờ ơ lãnh đạm mà đưa đến những ảo tưởng điên rồ, giống như các truyền thuyết ngày xưa về việc do thiếu dinh dưỡng mà người ta nghe thấy những giọng nói vô hình.

Không thể truy được số người tự sát hoặc chết do stress chiến trường. Trong các đội quân khác, như trên đã nói, những trường hợp như vậy tăng cao khi binh lính bị vây, mà bị vây hãm thì không đâu bằng Tập đoàn quân số 6 ở Stalingrad. Lính nằm trên giường ú ớ nói mê, có người còn tru như sói. Nhiều người phát cuồng bị đồng đội khống chế hoặc đánh bất tỉnh. Có người sợ những người bị suy sụp và phát điên như thế đó là bệnh truyền nhiễm. Nhưng đáng ngại nhất là khi đồng đội bị bệnh lở mũi nở ra, môi thâm xì và tròng mắt đỏ ngầu. Nỗi khiếp sợ bệnh sốt phát ban cứ tái diễn đến lạ lùng, cứ như đó là bệnh dịch hạch thời Trung cổ vậy.

Cảm giác cái chết đến gần cũng kích thích cảm nhận mãnh liệt về tất cả những gì họ sắp mất. Những người cứng rắn mơ cháy lòng về nhà mình và khóc lặng lẽ khi nghĩ rằng sẽ không bao giờ gặp lại vợ con. Những người cả nghĩ thì thì rả lại trong ký ức, hay ngẫm nghĩ về thế giới quanh họ, nhất là về đồng đội, với hứng thú mới. Có người vẫn còn đủ cảm xúc để thương những con ngựa đói vô vọng gặm một mẫu gỗ.

Trong chừng một tuần hoặc 10 ngày đầu tháng 1, trước khi cuộc tấn công Soviet bắt đầu, binh lính cố không để lộ mức độ thực sự tình cảnh cùng quẫn của mình trong thư viết về nhà. “Con đã nhận được một xị vodka và 13 điều thuốc nhân năm mới”, một người lính tên Willy viết cho bố mẹ trong lá thư không bao giờ đến tay họ, “nhưng tất cả thức ăn con nhận được giờ đây chỉ là vụn vụn một mẩu bánh mì. Không lúc nào con nhớ bố mẹ như hôm nay, khi bọn con hát bài *Wolgalied*”. Con đang ngồi trong lồng tại đây - nó không phải lồng vàng mà là vòng vây của quân Nga”. Nhiều binh lính còn che đậy sự thật kỹ hơn. “Bọn con chỉ còn biết trông chờ vào mùa xuân sẽ sớm đến”, một người lính tên Seppel viết về nhà. “Thời tiết vẫn tệ hại, nhưng cái chính là cứ khỏe và có một cái lò ấm. Lễ Giáng sinh vẫn ổn’. Tuy nhiên cũng có những người khác không che giấu cảm xúc của mình: “Điều duy nhất anh còn là nghĩ về ba mẹ con em”, một người lính viết cho vợ và con.

Nhiều người tuyệt vọng trốn chạy đã tính đến tự thương. Những người chọn cách này không chỉ có nguy cơ bị tử hình mà thôi. Dù không có ai nghi ngờ đi nữa thì chưa biết chừng họ còn tự giết mình. Một vết thương nhẹ phần mềm không đủ để kiếm một suất bay khỏi *Kessel*. Bắn vào tay phải thì quá lộ, và vì còn quá ít người ở tuyến trước nên phải bị thương đến mức tàn phế mới khỏi phải chiến đấu. Nhưng một khi trận tấn công dứt điểm của quân Soviet nổ ra thì ngay cả “một vết thương nhẹ làm khó di chuyển cũng kể như án tử rồi”.

Kể từ đầu tháng 1, số lính Đức không đánh đã hàng hoặc chạy sang hàng ngũ địch tăng nhiều. Đào ngũ thường là lính bộ binh ở tiền tuyến, một phần vì họ có nhiều cơ hội hơn. Cũng có cả những trường hợp sĩ quan và binh lính từ chối di tản, không hẳn vì họ dũng cảm hay vì họ có ý thức nghĩa vụ quá cao. Trung úy Karl Lobbecker, chỉ huy một đại đội xe tăng thuộc Sư đoàn tăng số 16, mất một tay trong chiến đấu nhưng vẫn tiếp tục chiến đấu mà chưa kịp điều trị vết thương cần thận. Sư đoàn trưởng cũng không thể ép anh đi chữa trị được. Cuối cùng, Tướng Strecker lôi anh lên.

“Tôi xin phép được ở lại cùng mọi người”, Lobbecker nói luôn. “Tôi không thể bỏ mặc họ lúc này, khi đang đánh nhau gay go”. Strecker, có lẽ do

người thấy mùi hôi nên nhận thấy tay Lobbecker đang hoại tử. Ông đã lệnh cho anh lên máy bay rời khỏi *Kessel* về bệnh viện hậu cứ.

Với những người thực sự tàn phế, hy vọng duy nhất được chuyển đến bệnh viện dã chiến là bằng xe trượt hoặc xe cứu thương. Các tài xế được mệnh danh là “người hùng sau tay lái” vì tỷ lệ tử vong của họ rất cao. Một chiếc xe đang chạy - mà xe cứu thương là một trong số ít các xe được cấp nhiên liệu - lập tức thu hút hỏa lực mặt đất hoặc trên không của Nga.

Thương binh còn đi được và bệnh binh thì tự băng qua tuyết mà về tuyến sau. Nhiều người dừng lại nghỉ chân và không đứng dậy được nữa. Số khác thì đến nơi bất chấp vết thương khủng khiếp hoặc bị cồng giá. “Một hôm có người gõ cửa hầm chúng tôi”, một trung úy không quân ở Pitomnik nhớ lại. “Đứng bên ngoài là một ông già, một đội viên của Tổ chức Todt chuyên sửa đường. Hai bàn tay ông sưng phồng vì cồng giá đến nỗi không bao giờ còn dùng tay được nữa”.

Đến được bệnh viện lớn ở sân bay vẫn chưa có gì bảo đảm là anh sẽ được di tản hay thậm chí là chữa trị trong các lều bạt lớn, chẳng đỡ lạnh hơn được mấy. Những vết thương và cồng giá chỉ là một phần nhỏ công việc đổ lên đầu các thầy thuốc ở đây. Ở đó có nào dịch vàng da, bệnh lỵ và đủ thứ bệnh tật khác, còn trầm trọng hơn do tình trạng suy dinh dưỡng và thường xuyên mất nước vì không có nhiên liệu để đun tuyết cho tan. Thương binh còn dễ bị máy bay Soviet đánh phá hơn cả ngoài mặt trận. “Cứ nửa tiếng một lần máy bay Nga lại tấn công sân bay”, một hạ sĩ về sau cho hay. “Nhiều thương binh vừa được sơ cứu và đưa lên máy bay xong, đang chờ cất cánh thì lại mất mạng vào phút chót”.

Việc di tản thương bệnh binh cũng không nói trước được, giống như các chuyến bay tiếp tế. Trong ba ngày 19 và 20 tháng 12 và mừng 4 tháng 1, mỗi ngày chuyển hơn một ngàn, nhưng con số trung bình từ giữa 23 tháng 11 đến 20 tháng 1, kể cả những ngày không có chuyến bay nào, chỉ là 417 người.

Việc chọn máy bay không phải căn cứ vào vết thương nặng nhẹ mà trở thành một kiểu lựa chọn toàn lẫn vì thiếu chỗ trên máy bay. “Chỉ thương

binh nhẹ có thể tự di chuyển được là có cơ hội đi được”, một sĩ quan quân bưu thuật lại. “Chỉ đủ chỗ cho khoảng bốn cái cẳng trong một chiếc Heinkel, còn thương binh nhẹ thì có thể nhồi tới gần hai chục. Thành ra nếu bị thương nặng hay ốm yếu quá không đi lại được thì chết như chơi”. Tuy thế vận may vẫn xảy ra. Anh chàng sĩ quan này lợi dụng quân hàm của mình đưa một hạ sĩ quan bộ binh đã nằm ba ngày ngoài sân bay với một vết đạn trên lưng lên máy bay mình. “Tôi chịu chẳng hiểu anh chàng này làm sao mà ra được tận sân bay”. Anh này còn kéo được cả một hạ sĩ quan lớn tuổi đang sốt cao nữa lên theo.

Quân cảnh đã chiến mà binh lính ghét đặt cho biệt danh “chó xích” vì trên cổ đeo xiềng gắn một mề đay hình lưỡi liềm to tướng đứng gác ở lối ra đường băng, kiểm tra kỹ giấy tờ để không lọt lưới kẻ giả ốm nào. Khi hy vọng trốn được giảm dần vào tháng 1, họ càng hay dùng tiểu liên dồn thương bệnh binh lui lại.

Máy bay to bốn động cơ Focke-Wulf Condor dồn được nhiều thương binh hơn, từ tuần thứ hai của tháng 1 có vài chiếc được dùng. Tuy vậy, chúng rất hay giở chứng nếu chở quá tải. Một trung sĩ Sư đoàn phòng không số 9 theo dõi một chiếc Condor ị ạch tăng tốc, mang theo hai đồng đội của mình. Sau khi cất cánh, máy bay lao thẳng lên để cố lấy độ cao, những con người bất lực bên trong hẳn bị lấn lông lốc về phía đuôi vì thấy bỗng dưng đuôi nó thụt xuống. Động cơ rú lên, mũi máy bay gần như chĩa thẳng lên trời, thế rồi cả máy bay rơi xuống đất ngay phía ngoài đường băng và nổ tung thành quả cầu lửa và kèm theo “tiếng nổ điếc tai”.

Xa bên ngoài góc tây *Kessel*, binh lính chứng kiến số phận của các máy bay vận tải Junkers, biết rõ rằng bên trong là đồng đội mình. Thường thì những máy bay này “không kịp lấy độ cao, cứ thế băng qua lưới lửa phòng không và có kết cục thảm. Từ dưới chiến hào nhìn lên tôi đã thấy mấy chiếc bị thế rồi, sầu nào lắm”.

Máy bay chở thương binh, quân bưu và một số chuyên gia ra ngoài thì cũng chở về một số sĩ quan đi nghỉ phép ngay trước khi vòng vây đóng lại. Vì ở Đức tin tức bị bưng kín nên nhiều người trong số họ trước khi đến

Kharkov không hề biết chuyện gì đã xảy ra trong lúc họ vắng mặt. Phụ tá của Manstein là Alexander Stahlberg kể lại chuyện người em họ 21 tuổi đang vợ, Gottfried von Bismarck, đã đến sở chỉ huy Cụm Tập đoàn quân sông Đông tại Novochoerkassk vào ngày 2 tháng 1 sau khi đi nghỉ phép nhân Giáng sinh ở quê nhà Pomerania. Anh ta nhận được lệnh bay vào *Kessel* nhận nhiệm vụ tại Sư đoàn bộ binh số 76. Biết chuyện, Manstein đã mời anh ta dùng bữa, nói chuyện thoải mái không gượng ép. Cả Manstein lẫn Stahlberg đều rất ngưỡng mộ cách mà một chàng trai gìn giữ truyền thống Potsdam của Trung đoàn bộ binh số 9 bằng cách trở lại cuộc chiến đã thua mà chẳng hề phàn nàn, không phải vì Hitler mà vì tinh thần tận tụy với bốn phần kiêu Phổ. Tuy nhiên Bismarck thì nói ít văn vẻ hơn. “Tôi là người lính, tôi đã nhận mệnh lệnh và buộc phải gánh chịu mọi hậu quả”.

* * *

Tướng Hube khi trở lại *Kessel* vào ngày 9 tháng 1, đêm trước cuộc tấn công của quân Soviet, kể cho Paulus và Schmidt rằng, Hitler nhất quyết không thừa nhận khả năng thất bại tại Stalingrad. Hitler không nghe Hube trình bày về điều kiện trong *Kessel* mà cứ cố thuyết phục ông này rằng một cố gắng giải cứu lần thứ hai có thể sẽ được thực hiện.

Một số sĩ quan của Hube tỏ ra chán nản vì có vẻ như ông đã bị các chiêu trò lạc quan của Hitler lung lạc - gọi là “trị liệu tâm năng”. “Tôi hết sức thất vọng”, sĩ quan quân báo của Hube, Hoàng thân Dohna nhận xét, “làm sao một người lính gan dạ và chính trực như ông mà lại dễ bị thuyết phục thế”. Số khác thì ngược lại, nghe nói rằng Hube đã dám “khuyên Hitler cố gắng chấm dứt chiến tranh”, rồi khi Hube tử nạn trong một vụ rơi máy bay vào năm sau, có tin đồn rằng có thể Hitler đã nhúng tay vào. Thực ra nói đằng nào cũng có phần đúng. Khi Hube đến báo cáo tại sở chỉ huy cụm tập đoàn quân trước lúc bay trở lại *Kessel*, Manstein chắc chắn đã tin rằng ông bị Hitler bỏ bùa bằng một màn phô bày tự tin. Mặt khác, sau này mới rõ rằng quả thực Hube đã dám đề nghị với Hitler tốt nhất nên trao quyền chỉ huy tối

cao quân đội cho một vị tướng để tránh điều tiếng về cá nhân, nếu có mất Tập đoàn quân số 6.

Hube là một trong những chỉ huy được *Fuhrer* trọng vọng, nhưng do ông tin không chút giấu giếm rằng Tập đoàn quân số 6 đã đến lúc mặt vận chỉ càng khẳng định thêm nghi ngờ của Hitler rằng các tướng mắc chứng bi quan. Paulus cũng ý thức được chuyện đó. Ông đi đến kết luận rằng, chỉ một chiến binh trẻ trung đầy chiến tích may ra mới tác động đến máu lạnh mạn của Hitler và nhờ vậy có nhiều cơ hội thuyết phục ông ta lắng nghe sự thật hơn.

Paulus đã có trong tay một ứng viên sáng giá cho sứ mệnh này — Đại úy Winrich Behr, với bộ quân phục xe tăng màu đen cùng huân chương Chữ thập Hiệp sĩ, xem ra có thể tạo được hiệu quả thích đáng lên *Fuhrer*. Còn Behr thì chịu trách nhiệm không chỉ cập nhật bản đồ tình hình mà cả mọi sự kiện và con số trong báo cáo, mà về mặt trình bày báo cáo thì Behr thuộc loại đứng đầu trong Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6.

Sáng 12 tháng 1, hai ngày sau khi quân Soviet khai hỏa tấn công, Behr nhận nhiệm vụ. Thời gian hơi gấp, anh không kịp lấy thư của đồng đội nhờ gửi hộ về nhà. Bọc cuốn nhật ký chiến trường của Tập đoàn quân số 6 vào hành trang cho an toàn, anh vội vã ra Pitomnik. Đường băng đang bị súng cối và pháo bắn dữ dội. Trong lúc Behr chạy ra chiếc Heinkel He 111 đầy nhóc thương binh, quân cảnh đã chiến mang tiểu liên đẩy lùi hàng trăm người khác đang cố chạy, thậm chí còn bò đến máy bay.

Chuyến bay đến Taganrog mất một tiếng rưỡi. Behr ngạc nhiên nhận thấy phía dưới này gần Biển Azov mà còn lạnh hơn cả ở Stalingrad. Một chiếc xe đã đợi sẵn đưa anh đến sở chỉ huy của Thống chế Manstein. Manstein tập hợp vài sĩ quan của mình ở văn phòng của ông và yêu cầu Behr báo cáo tình hình. Behr nói hết: đói ăn; thương vong cao; binh sĩ kiệt quệ; thương binh nằm ngoài tuyết chờ di tản, máu đông lại; tình trạng thiếu lương thực, nhiên liệu và đạn dược đến khốn khổ. Khi Behr nói xong, Manstein bảo anh: “Hãy nói lại cho Hitler chính xác như vừa nói với tôi”. Một chiếc máy bay được lệnh sẵn sàng đưa anh đến Rastenburg vào sáng mai. *Fuhrer* đang đợi anh.

Sáng hôm sau vẫn lạnh thế dù nắng có đem lại chút cảm giác ấm giả tạo. Ở sân bay, viên sĩ quan Luftwaffe được chỉ định chở Behr bay đến Đông Phổ quên không mang găng tay khi ra làm nóng động cơ. Lúc trở vào trong nhà, da tay anh ta bị lột ra vì chạm vào kim loại giá lạnh. Đành phải lấy phi công khác đi thay.

Rốt cuộc, chiều hôm đó, Behr cũng tới *Wolfsschanze*. Thắt lưng và súng của anh bị giữ lại ở phòng gác. Từ đó anh được hộ tống đến phòng tác chiến, nơi 18 tháng sau Stauffenberg sẽ đặt chiếc cặp chứa thuốc nổ của mình. Tại đó đang có mặt khoảng 20-25 sĩ quan cao cấp. Mười phút sau, cửa mở và Hitler xuất hiện. Ông chào viên đại úy xe tăng trẻ tuổi.

“*Heil Herr Hauptmann!*”

“*Heil mein Fuhrer!*”

Behr đáp, trong bộ quân phục đen với Chữ thập Hiệp sĩ trên cổ, lúng túng vì được chú ý. Từ người anh em họ Nicolaus von Below, tùy tùng không quân của Hitler, Behr đã biết trước chiến thuật của *Fuhrer* khi có người mang tin xấu đến. Ông sẽ cố kiểm soát cuộc trò chuyện mọi lúc, đưa ra phiên bản của mình về sự việc và áp đảo bằng ấn tượng mạnh mẽ rằng mình biết rõ mọi chuyện trước người đối thoại chỉ biết duy nhất một khu vực của chiến trường. Mọi việc diễn ra đúng như vậy.

Khi thuyết trình xong về chiến dịch Dietrich, một cuộc tổng phản công với các sư đoàn tăng SS chuyển bại thành thắng của mình, Hitler nói với Behr: “*Herr Hauptmann*, lúc nào về chỗ Tướng Paulus, hãy nói với ông ta về điều này và rằng tất cả trái tim tôi và mọi hy vọng của tôi đều hướng về ông ấy và tập đoàn quân của ông ấy”. Nhưng Behr chẳng lạ gì mảnh này của Hitler, anh biết rằng mình không thể để ông ta bịt miệng.

“*Mein Fuhrer*”, anh đáp. “Tư lệnh của tôi ra lệnh cho tôi thông báo tình hình cho ngài. Bây giờ xin phép cho tôi được báo cáo”. Trước mặt bao nhiêu con mắt nhìn vào, Hitler không thể từ chối được.

Behr bắt đầu nói và lấy làm lạ là Hitler không cố ngắt lời anh. Anh không chừa một chi tiết nào, kể cả nạn binh lính Đức chạy sang phía Nga tăng mạnh. Thống chế Keitel không chịu nổi kiểu nói huých toẹt như thế trước

mặt lãnh tụ, đứng sau lưng Hitler giờ nắm đấm lên dọa để anh im miệng. Nhưng Behr vẫn tiếp tục không chút nao núng kể về đội quân kiệt quệ, đói lả và lạnh cóng, đối mặt với kẻ địch áp đảo mà thiếu nhiên liệu và đạn dược để đẩy lùi cuộc tấn công mới đây của quân Nga. Behr có đầy đủ trong đầu số liệu tiếp tế hằng ngày bằng đường không. Hitler hỏi liệu anh có chắc chắn các con số thống kê đó không và khi Behr đáp có, ông quay lại một sĩ quan cao cấp của Luftwaffe và yêu cầu ông kia giải thích khoản thiếu hụt.

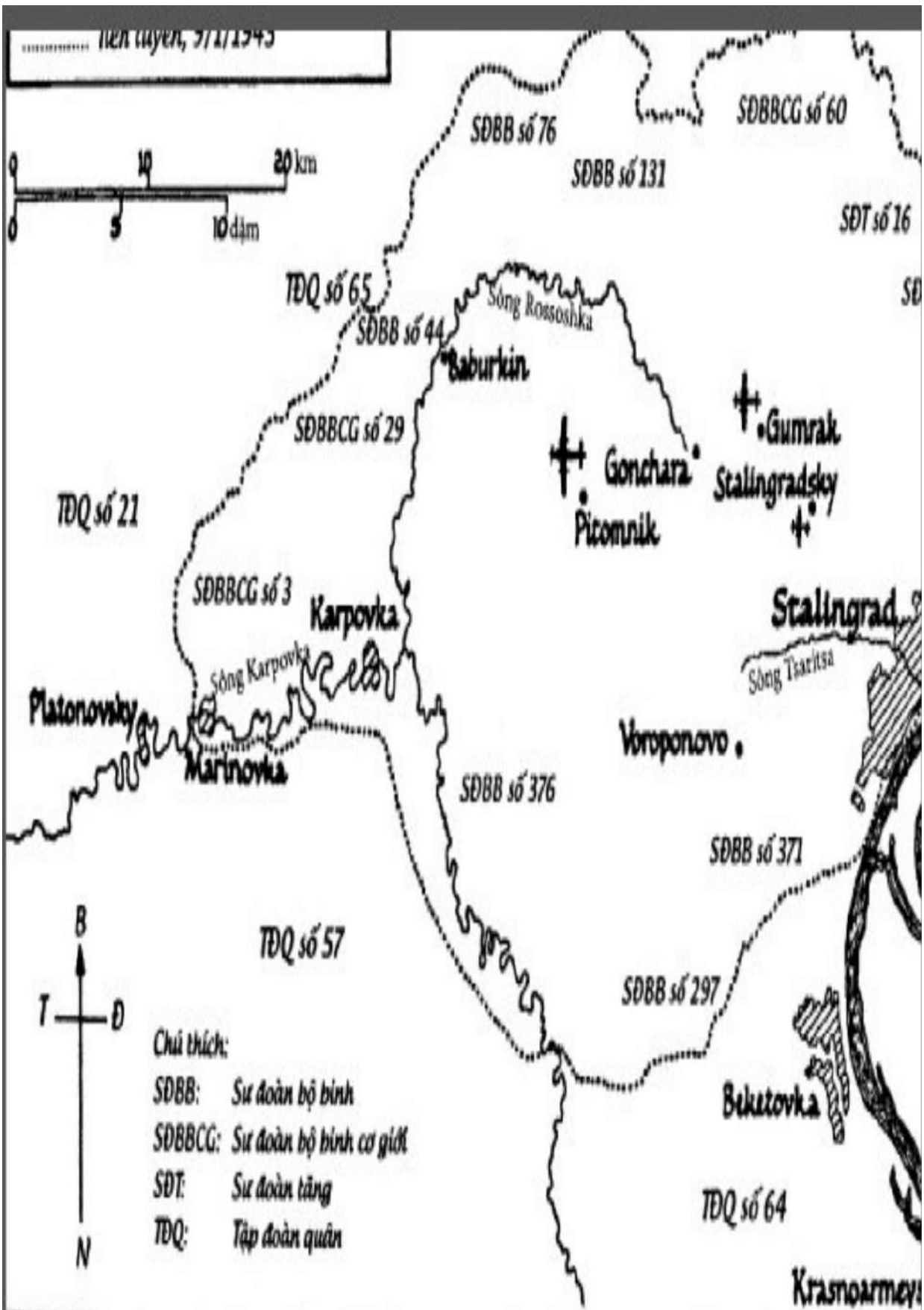
“*Mein Fuhrer*” viên tướng không quân trả lời, “Tôi có ở đây danh mục các máy bay và lượng hàng chuyên chở mỗi ngày”.

“Nhưng *mein Fuhrer*” Behr ngắt lời. “Với tập đoàn quân, quan trọng không phải là cử đi bao nhiêu máy bay mà là những gì thực tế chúng tôi nhận được. Chúng tôi không chê trách không quân. Các phi công của họ là những người hùng thực sự, song chúng tôi chỉ nhận được đúng con số mà tôi vừa nói với ngài. Có thể vài đại đội rút bớt vài hộp nhỏ và giữ lại mà chỉ huy của họ không hay biết, nhưng như thế vẫn chưa đủ tạo ra chênh lệch đến thế”.

Vài sĩ quan cao cấp cố đánh chệch mũi dùi công kích của Behr bằng “những câu hỏi ngu ngốc” nhưng Hitler lại tỏ ra bênh vực mới lạ, chắc là vì ông muốn làm ra vẻ bảo vệ quyền lợi của *Stalingradkämpfer*^[86] chống lại giới tướng lĩnh. Nhưng khi Behr nói đến tình thế mà Tập đoàn quân số 6 đang phải đối mặt, Hitler liền quay sang tấm bản đồ to tướng cầm đầy những lá cờ nhỏ như thế chẳng có gì thay đổi. Behr biết rằng những lá cờ đó “giống hệt tháng trước”, nhưng giờ đây chúng đại diện cho “những sư đoàn chỉ còn vài trăm quân”. Nhưng Hitler một lần nữa lại lôi ra thông điệp về đòn phản công tài tình thay đổi tình thế. Ông thậm chí còn tuyên bố rằng có nguyên một tập đoàn tăng SS đã tập trung quanh Kharkov, sẵn sàng tiến đến Stalingrad. Behr đã biết từ Thống chế Manstein rằng muốn đưa hết các đơn vị SS này sang phía đông phải mất vài tuần nữa. “Tôi thấy ông ta đã mất hết liên hệ với thực tế. Ông ta sống trong thế giới ảo tưởng với những bản đồ và những lá cờ”. Đối với Behr, “một sĩ quan Đức trẻ tuổi yêu nước” và nhiệt

tình thì phát hiện này là một cú sốc. “Đó là kết thúc cho tất cả những ảo tưởng của tôi về Hitler. Tôi tin rằng giờ thì chúng ta sẽ thua trận”.

Behr không được đưa thẳng về *Kessel* như dự định. Anh còn gặp lại Hitler lần nữa vào trưa hôm sau, cùng với Thống chế Erhard Milch, người được lệnh thúc đẩy nhanh các nỗ lực tiếp viện bằng không quân cho Stalingrad. Behr sau đó bị phụ tá quân sự cao cấp của Hitler là Tướng Schmudt gọi đến để hỏi han thăm dò rất lâu và kỹ, mặc dù khá thân thiện. Schmudt, một trong những kẻ ngưỡng mộ trung thành nhất của Hitler (18 tháng sau ông ta sẽ chết do quả bom của Stauffenberg), đã nhanh chóng nhận ra viên đại úy xe tăng trẻ tuổi đã mất lòng tin. Behr cũng thẳng thắn thú nhận khi câu hỏi này được đưa ra. Thế là Schmudt quyết định không để anh quay lại chỗ Paulus, để phòng anh truyền mỗi ngò vực của mình cho mọi người. Behr phải quay lại bờ Biển Đen, làm tại Melitopol trong ban tham mưu đặc biệt được lập ra dưới quyền Thống chế Milch để giúp Pháo đài Stalingrad đứng vững đến cùng.



Tại Rastenburg, Tướng Hellmuth Stieff và cả Trung tá Bernhard Klamroth, người biết rõ Behr từ trước chiến tranh, kéo anh ra một bên và hỏi — “theo kiểu mật mã” - liệu anh có tham gia phong trào phế bỏ Hitler không. Vì vừa mới nhận ra sự thật về sự lãnh đạo tai họa của Hitler, Behr cảm thấy mình không thể một phát quay ngoắt lại. Klamroth hiểu anh, nhưng dặn phải cẩn thận với Manstein. “Lúc trà dư tửu hậu thì ông ta chống Hitler thật lực, nhưng cứ ngậm miệng ăn tiền. Nếu Hitler lệnh cho ông ta quay trái hay quay phải, ông ta tuân lệnh răm rắp”.

Klamroth không nói quá. Với tất cả sự coi thường *Fuhrer* mà Manstein phô ra với những người tin cẩn dưới quyền và trò dạy chó chào theo kiểu Quốc xã, ông không hề muốn mạo hiểm địa vị của mình. Trong hồi ký, ông dùng cái có thể gọi là luận điểm đâm sau lưng: một cuộc đảo chính có thể dẫn đến, mặt trận thì vỡ ngay còn trong nước thì loạn lạc. Ông vẫn là một phần của giới sĩ quan mà sự căm thù Bolshevik đã hun đúc từ những bạo loạn và cách mạng năm 1918. Behr nghe theo lời khuyên của Klamroth và cố giữ gìn khi trở lại Cụm Tập đoàn quân sông Đông.

Nỗi khiếp sợ Hitler của Manstein chẳng bao lâu sau đã lộ rõ. Những cuộc thảo luận thẳng thắn giữa các sĩ quan của ông về trách nhiệm đối với thảm họa Stalingrad khiến ông bất an đến mức phải ra lệnh cho Tham mưu trưởng rằng “các cuộc thảo luận về trách nhiệm đối với các sự kiện gần đây phải chấm dứt ngay” vì “chúng không thể làm gì để thay đổi thực trạng mà chỉ gây hại bằng cách xói mòn tự tin”. Các sĩ quan còn bị cấm ngặt không được bàn đến “nguyên nhân dẫn đến sự hủy diệt của Tập đoàn quân số 6” trong thư từ cá nhân.

* * *

Fuhrer giờ đây đang muốn có, bất luận kết quả thế nào, một hình mẫu người hùng cho nhân dân Đức. Ngày 15 tháng 11 ông thưởng thêm cho Paulus Lá sồi vào Huân chương Chữ thập Hiệp sĩ và công bố 178 phần

thường quan trọng khác cho sĩ quan binh lính Tập đoàn quân số 6. Nhiều người được thưởng không nhận ra vinh dự đó có hai lưỡi.

Manstein tuy cười nhạo động cơ của Hitler nhưng vẫn biết ông cần kéo dài cơn giãy chết của Tập đoàn quân số 6. Nó cầm cự thêm được ngày nào thì ông có thêm ngày ấy để rút hai tập đoàn quân ở Kavkaz về lập một phòng tuyến. Nhờ đó, Hitler với cái kiểu bóp méo logic trơ tráo của mình giờ đây đã có thể biện luận rằng quyết định lệnh cho Paulus cầm cự là đúng đắn.

Sự điên rồ của các sự kiện có vẻ như cũng có tính lây nhiễm. Max Plakolb, sĩ quan Luftwaffe phụ trách điện đài ở Pitomnik ghi nhận một số lời hô hào lạ lùng từ các chỉ huy cấp trên. Ngày 9 tháng 1, ngày tối hậu thư Soviet được thông báo, Plakolb và nhóm của mình nhận được lệnh bay khỏi Kessel. “Chia tay những người ở lại thật khó khăn. Ai cũng viết thư về nhà nhờ chúng tôi gửi hộ”. Nhưng giống như hầu hết những người chạy khỏi Kessel Stalingrad lúc đó, anh ta có cảm giác như được sinh ra lần thứ hai. “Vậy nên 9 tháng 1 là ngày sinh thứ hai của tôi”. Tuy nhiên, người chạy thoát lại mang nặng cảm giác tội lỗi của kẻ sống sót. “Chúng tôi không biết thêm gì về những đồng đội ở lại nữa”.

Những người được tin cậy gửi hộ thư từ hay những thứ quan trọng cho đồng đội, được thu xếp một chỗ trên máy bay. Tiểu đoàn trưởng chơi piano của Sư đoàn tăng số 16 ngã bệnh nên bác sĩ Kurt Reuber nhờ anh ta mang bức “Đức Mẹ Pháo đài” ra theo. Reuber còn kịp vẽ bức tranh cuối cùng cho vợ khi sĩ quan chỉ huy của anh phải nán lại một hôm vì thời tiết xấu. Cùng với bức tranh là lá thư cuối cùng của ông từ Stalingrad gửi cho vợ. Ông thấy không việc gì phải đắm chìm trong cái thực tế họ đang đối mặt. “Hy vọng mong manh và trần tục vẫn còn...”

Phải mất ít lâu, binh lính mới hiểu ra chuyển thư Giáng sinh đến vào ngày 22 tháng 12 có lẽ là thứ cuối cùng họ nhận được từ bên ngoài. Về sau lễ tế vẫn còn, một chuyển vào ngày 18 tháng 1, nhưng những chuyển thư thường kỳ của *Luftpost* thì thực sự chấm dứt vào ngày 13 tháng 1, khi binh lính được thông báo rằng đây là cơ hội cuối cùng để viết thư về nhà. Nhiều người

viết trong thư rằng chỉ có thì giờ để “viết vội vài dòng”. Như một bác sĩ đã nhận xét trong thư gửi cho bố, “Tâm trạng rất lẫn lộn. Một số thấy rất tồi tệ, số khác thì nhẹ nhàng điềm tĩnh. Quan sát tính cách con người thật thú vị”.

Sự tương phản chính xem ra là giữa những người viết về nhà để thể hiện tinh thần yêu nước với gia đình trước cái chết sắp đến và những người viết xuất phát từ tình yêu. Số thứ hai này, không như các nhà ái quốc nông nản, họ mở đầu lá thư cố làm sao cho thật dịu dàng: “Có lẽ thật lâu nữa anh mới lại viết thư”.

Một thiếu tá von R. viết cho vợ: “Em luôn là điều đầu tiên và cuối cùng anh nghĩ đến. Chắc chắn anh không từ bỏ hy vọng. Tuy nhiên mọi chuyện nghiêm trọng đến nỗi không thể biết mình có còn gặp lại nhau nữa không. Quân ta vẫn luôn làm được những điều không thể. Chúng ta không được kém cỏi hơn họ”.

“Số phận” xem ra là từ ai cũng dùng. “Bố mẹ kính mến”, một hạ sĩ viết. “Số phận quyết định chống lại chúng ta. Nếu bố mẹ nhận được tin con ngã xuống vì nước Đại Đức, xin hãy cứng cỏi chấp nhận. Cuối cùng con xin để lại vợ con của con trong tình yêu của bố mẹ”.

Những người trung thành hơn cả với chế độ thì nói nhiều đến danh dự quốc gia và cuộc chiến vĩ đại hơn là vĩnh biệt gia đình. Họ viết về “cuộc chiến định mệnh của dân tộc Đức”, trong khi vẫn một lòng một dạ tin rằng “vũ khí của chúng ta và lãnh đạo của chúng ta vẫn cứ là nhất thế giới”. Trong một cố gắng đem lại ý nghĩa cho tấn thảm kịch lồ bịch, họ nâng mình lên với ý nghĩ thế hệ mai sau sẽ coi họ là những người bảo vệ châu Âu khỏi chủ nghĩa Bolshevik châu Á. “Đây là cuộc chiến hào hùng mà thế giới chưa từng biết đến trong cái lạnh giá cỡ này”, một trung sĩ viết. “Những anh hùng Đức bảo đảm cho tương lai của nước Đức”.

Những lá thư này không bao giờ được chuyển đi. Đại úy-bá tước von Zedtwitz, trưởng nhóm kiểm duyệt thư chiến trường của Tập đoàn tăng số 4 đã được giao nhiệm vụ rà soát thư gửi từ *Kessel* Stalingrad để báo cáo về tinh thần và cảm nhận về chế độ. Mặc dù báo cáo của anh ta đã cố tránh tỏ ra chủ bại, thế nhưng Goebbels vẫn ra lệnh giữ lại số thư cuối cùng để đem

hủy. Các trích dẫn trên đây được lấy từ bản sao của Heinz Schroter, một chuẩn úy trước thuộc đại đội tuyên truyền của Tập đoàn quân số 6, được phái đến bộ Tuyên truyền để viết một tổng kết về trận đánh^[87].

Những lá thư khác lại bị chặn theo một cách hoàn toàn khác. Tướng Voronov kể lại rằng vào ngày 1 tháng 1, “chúng tôi nghe nói tối đó có một máy bay vận tải Đức bị bắn rơi trên trận địa của chúng tôi. Trong xác máy bay phát hiện thấy 1.200 lá thư”.

Tại Sở chỉ huy Phương diện quân sông Đông, bộ phận do Đại úy Zabashtansky và Đại úy Dyadenko phụ trách đã tập trung tất cả các phiên dịch còn rảnh và tất cả những “người Đức chống phát xít” để xử lý đồng thư trong ba ngày liền. Trong đó có cả thư theo dạng nhật ký của Tướng Edler von Daniels gửi cho vợ. Theo Voronov và Dyadenko, những bức thư cuối cùng của ngày 30 tháng 12 đã để lộ nhiều điểm yếu phòng thủ của Sư đoàn bộ binh số 376 ở cánh tây nam; tất cả thông tin này đã được kết hợp với những gì các thẩm vấn viên của NKVD thu thập được từ tù binh.

* * *

Trước khi cuộc tấn công cuối cùng của quân Soviet mở màn vào ngày 10 tháng 1 thì mỗi bận tâm chính của Tập đoàn quân số 6 vẫn giữ nguyên. “Kẻ thù số 1 là và vẫn là cái đói!” một bác sĩ viết. “Bố mẹ kính mến”, một hạ sĩ thống thiết viết về nhà, “nếu có thể, gửi cho con ít đồ ăn. Viết thế này thật ngại quá, nhưng mà đói lắm ạ”.

Lính Đức bắt đầu đâm liều, mò lên vùng phân tuyến lục xác lính Nga tìm những mẩu bánh mì hoặc túi đậu sấy đem về luộc. Hy vọng lớn nhất của họ là tìm được một gói muối, thứ mà cơ thể họ đang kêu gào đòi hỏi.

Cơ đói của lính Đức trong *Kessel* quả thực rất tệ, nhưng có những người khác còn khổ hơn. 3.500 tù binh Nga trong các trại ở Voroponovo và Gumrak đang chết ngày càng nhanh. Một số sĩ quan Đức đã sốc nặng khi phát hiện trong tháng 1, những tù binh này đã đói đến mức phải ăn thịt nhau,

họ đã báo cáo bằng văn bản. Khi quân Nga tiến vào các trại này vào cuối tháng 1, chính quyền Soviet cho biết, trong số 3.500 tù binh ban đầu chỉ còn 20 người sống sót.

Cảnh tượng mà lính Nga trông thấy — theo cuốn phim được các máy quay đã kịp đến ghi lại — ít nhất cũng ghê rợn bằng các trại thần chết của Quốc xã lúc phát hiện lần đầu. Ở Gumrak, Erich Weinert đã mô tả: “Dưới một cái rãnh, chúng tôi tìm thấy một đồng xác chết của tù binh Nga, hầu như không có quần áo, chỉ còn da bọc xương”. Những cảnh quay, nhất là do “Kriegsgefangen-Revier” Đức quay ở Voroponovo có lẽ càng làm trái tim người lính Hồng quân thêm sắt đá đối với những kẻ bại trận.

Vẫn còn nhiều ngàn Hiwi đi theo các sư đoàn Đức cũng đói ăn. Girgensohn, sau khi mổ một cái xác, đã nói với viên sĩ quan Đức phụ trách Hiwi đó rằng anh ta quả thật chết vì đói. Chẩn đoán này khiến người kia “hết sức ngạc nhiên”. Anh ta nói Hiwi cũng nhận suất ăn ngang với lính Đức.

Nhiều người được sĩ quan Đức đối xử tử tế, và có nhiều báo cáo chứng tỏ sự tin cậy lẫn nhau trong trận đánh cuối cùng. Nhưng đến lúc này, người Nga mặc quân phục Đức biết rõ rằng số phận của họ đã được an bài. Không thể có chỗ cho họ trên các máy bay ra ngoài, còn đi theo lực lượng Soviet đang bao vây là các lực lượng NKVD đang sẵn sàng xử lý họ.

“KHÔNG CÓ CHUYỆN ĐẦU HÀNG”

Mặt trận ngoài thảo nguyên tương đối yên tĩnh hơn trong tuần đầu của tháng 1. Hầu hết thời gian ở đây chỉ thỉnh thoảng có vài tiếng súng bắn tỉa, một loạt súng máy hiếm hoi và tiếng rít xa xa của pháo sáng bay lên trong đêm: tất cả là cái mà một trung úy gọi là “giai điệu thân quen của chiến trường”. Sau tròng phát thanh và rải truyền đơn vào ngày 9 tháng 1, binh lính Đức hiểu rằng một trận tấn công dứt điểm là không thể tránh khỏi. Lính gác run không tìm được lại có thêm lý do để cố tỉnh táo.

Một người lính nói với cha tuyên úy khi ông này đến ngay trước cuộc tấn công: “Chỉ một miếng bánh mì nhỏ nữa thôi, *Herr Pfarrer*, rồi thì gì cũng chấp hết”. Nhưng khẩu phần bánh mì đã bị rút xuống chỉ còn 75 gam. Ai cũng biết họ sắp phải đối mặt với một trận đánh tiêu diệt của quân Soviet mà mình lại đang yếu vì đói và bệnh tật, đạn lại ít, có điều họ không hiểu hết lý do.

Có cả hai kiểu chấp nhận định mệnh - “một là nói về cái chết cứ như nói đến bữa sáng” - còn một vẫn có lòng tin. Lính bình thường tin những chuyện quân đoàn tăng SS cùng viện binh đổ bộ đường không. Trong Sư đoàn bộ binh số 297, binh lính tiếp tục tin “rằng viện binh đã đến Kalach rồi... các sư đoàn *Grossdeutschland* và *Leibstandarte*”^[88]. Pháo tín hiệu nhìn thấy ở phía tây lập tức được giải thích là tín hiệu của viện binh. Ngay cả sĩ quan cấp dưới còn bị sĩ quan cấp trên lừa, như một trung úy khai với NKVD. Cho đến tận tuần đầu tháng 1, trung đoàn trưởng của họ, thuộc Sư đoàn bộ binh số 371, vẫn bảo họ: “Viện binh đã đến gần”. Nhưng rồi họ sốc nặng khi được nghe “qua các nguồn tin” (chắc là bên không quân) về chiến dịch giải cứu bất thành và Cụm Tập đoàn quân sông Đông phải rút về phía tây.

Chiến dịch *Koltso*^[89] tức “Cái Vòng”, mở màn sáng sớm Chủ nhật, 10 tháng 1. Rokossovsky và Voronov đang có mặt tại Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 65 khi lệnh “Bắn!” được truyền qua điện đài lúc 6 giờ 5 phút, giờ Đức. Những họng pháo gầm vang, nảy lên vì sức giật. Rocket *Katyusha* rú rít lao lên trời, để lại những vệt khói dày đặc. 7.000 khẩu pháo, dàn phóng và súng cối bắn liên tục trong 55 phút “sấm rền không dứt” như Voronov mô tả.

Các khối đen xuất hiện khắp thảo nguyên phủ tuyết, lấp hết phong cảnh trắng. Cuộc bắn phá dữ dội đến nỗi đại tá Ignatov, một chỉ huy pháo binh, hớn hờ nhận xét: “Sau màn bắn thịt này chỉ có hai lối ra - hoặc chết hoặc điên”. Cố tỏ ra coi nhẹ, Tướng Edler von Daniels mô tả nó là “một Chủ nhật rất không bình yên” trong thư gửi cho vợ. Trung đoàn bộ binh cơ giới thuộc sư đoàn của ông trên tuyến trước thì không lòng dạ nào mà coi nhẹ vì trận địa của họ có vẻ quá mỏng manh. “Dự trữ đạn của địch quá lớn”, trung đoàn trưởng viết, “chúng tôi không ngờ họ lắm đạn thế”.

Vùng lồi góc tây nam của *Kessel* “mũi *Marinovka*” do Sư đoàn bộ binh số 44, Sư đoàn bộ binh cơ giới số 29 và Sư đoàn bộ binh cơ giới số 3 trấn giữ, được chi viện thêm một phần Sư đoàn số 376 vào phút chót. Trung đoàn nào cũng thiếu hụt quân số trầm trọng. Sư đoàn bộ binh số 44 phải lấy các pháo thủ và thậm chí cả lính từ các tiểu đoàn xây dựng để bổ sung. Một số xe tăng và súng lớn cũng được bố trí ở đây. Ngay sau lưng tiểu đoàn công binh là hai khẩu pháo tự hành và một khẩu cao xạ 88 mm. Nhưng ngay trong lúc bắn phá, lính công binh đã chứng kiến sở chỉ huy tiểu đoàn của mình bị nổ tan tành. “Không thấy ai ra”, một người ghi lại. “Trong một giờ liền, hàng trăm khẩu pháo các cỡ và dàn organ Stalin bắn liên tục”, một trung úy cũng sư đoàn đó viết. “Hầm trú ẩn chao đảo không ngừng dưới cơn mưa đạn. Sau đó quân Bolshevik ồ ạt tấn công đông vô kể. Ba đợt sóng người lao lên không hề do dự, cờ đỏ giương cao. Cứ cách 50 đến 100 thước lại có một xe tăng”.

Lính bộ binh Đức, ngón tay bị cước sưng vù, khó khăn lắm mới dứt lốt vòng cò, từ các hố cá nhân nông, bắn vào làn sóng người súng trường cầm

lưỡi lê dài đang băng qua tuyết. Những chiếc tăng T-34 Nga, có chiếc chở theo cả bộ binh như voi chở khi lao vun vút trên thảo nguyên. Gió mạnh thổi bay tuyết, để lộ ra những ngọn cỏ thảo nguyên héo úa. Đạn cối nảy lên từ mặt đất cứng và nổ trên không, gây nhiều thương vong. Các phòng tuyến của Sư đoàn bộ binh số 44 nhanh chóng bị đập tan, còn ai sống sót thì giữa nơi trống trải thế này chỉ còn biết trông vào sự độ lượng của kẻ thù cũng như của môi trường.

Vào buổi chiều, các sư đoàn bộ binh cơ giới số 29 và 3 trong vùng lồi chính ở mũi Marinovka bắt đầu thấy mình bị đánh tạt sườn. Ở Sư đoàn bộ binh cơ giới số 3, lính bổ sung cứ ngơ ngơ. “Vài người trong số họ kiệt sức và đau ốm”, một sĩ quan viết, “và chỉ nghĩ đêm đến sẽ chuồn về tuyến sau, đến nỗi tôi chỉ còn cách chĩa súng bắt họ ở lại trận địa”. Những báo cáo khác cho rằng, nhiều vụ hành quyết không xét xử đã xảy ra trong giai đoạn cuối này, nhưng không có con số nào đưa ra.

Đại đội tạp nham của Thượng sĩ Wallrawe gồm lính bộ binh cơ giới, lính không quân và Cossack trụ được đến 10 giờ đêm đầu tiên thì nhận được lệnh rút vì địch đã chọc thủng phòng tuyến và bỏ họ lại. Họ đã cố xoay xở chiếm một vị trí phía bắc ga Karpovka nhưng lại bị đẩy lùi. “Kể từ hôm đó chúng tôi không còn hầm ấm, đồ ăn nóng và một chút bình yên nào!” Wallrawe viết.

Những sư đoàn đã suy yếu đó, với rất ít đạn, không có cơ hội nào cự được với những cuộc tấn công ồ ạt của các tập đoàn quân Soviet số 21 và 65, có máy bay tấn công mặt đất của Tập đoàn không quân số 16 yểm trợ. Quân Đức đã củng cố Marinovka và Karpovka ở phía nam cái mũi bằng các công sự bê tông và các hỏa điểm, nhưng việc đó không mấy tác dụng vì các mũi thọc sâu chính lại xuất phát từ sống mũi. Quân Đức cố phản công bằng các nhóm xe tăng còn lại và bộ binh lẻ tẻ yếu ớt nên không ăn thua. Quân Nga dùng cối hạng nặng bắn chia cắt bộ binh với xe tăng rồi tiêu diệt số còn sót lại không có gì che chở. Trước lúc ra quân, Cục Chính trị Phương diện quân sông Đông đã nhắc nhở binh lính: “Nếu địch không hàng, thẳng tay tiêu diệt!”

Trong khi các tập đoàn quân số 65 và 21 tấn công “cái mũi Karpovka” trong ngày đầu tiên đó thì Tập đoàn quân số 66 đánh vào Sư đoàn tăng số 16 và Sư đoàn bộ binh cơ giới số 60 ở điểm cực bắc, nơi những ngọn đồi nhấp nhô cháy sém vì đạn cối tầm gần Soviet. Số tăng còn lại của Trung đoàn tăng số 2 một lần nữa lại lần lượt bắn hạ những chiếc T-34 băng qua khoảng trống khiến số còn lại phải rút lui.

Trong khi đó, ở khu vực phía nam, Tập đoàn quân số 64 bắt đầu bắn phá Sư đoàn bộ binh số 297 và Trung đoàn Romania số 82. Ngay sau khi đạn pháo rơi xuống, Trung tá^[90] Mader nhận được điện của một sĩ quan tham mưu sư đoàn: “Bọn lợn Romania chạy mất rồi”. Tiểu đoàn ngoài cùng đã rút, để lại một khoảng trống nửa dặm bên cánh của nhóm chiến đấu. Nhận thấy cơ hội, quân Nga đưa xe tăng lên khoét sâu chỗ trống. Trận địa của toàn sư đoàn gặp nguy, nhưng tiểu đoàn công binh của Thiếu tá Gotzelmann đã liều chết phản công và kịp thời trám lại chỗ trống.

Sư đoàn một phần [lính] Áo này không bị thiệt hại nhiều như các đơn vị rút từ bên kia sông Đông về nên vẫn kháng cự ngoan cường. Trong hơn hai ngày sau đó, nó đã chiến đấu với Sư đoàn súng trường cận vệ số 36, Sư đoàn súng trường số 422, hai lữ đoàn lính thủy đánh bộ và một phần Quân đoàn tăng số 13. Khi một người lính “đã có tiền án” định bỏ chạy sang quân Nga, anh ta đã bị đồng đội bắn hạ trước khi đến được phòng tuyến địch. Nhưng trong vòng vài ngày, sau đợt tuyên truyền ráo riết, có đến hơn 40 người đã chạy sang phe địch.

* * *

Nỗ lực chính bên Soviet tập trung ở mũi tấn công từ phía tây. Đến hết buổi sáng thứ Hai ngày 11 tháng 1, Marinovka và Karpovka đã bị chiếm. Đếm được 1.600 xác lính Đức.

Ngay sau khi trận đánh kết thúc, nhiều phụ nữ nông dân không biết từ đâu xuất hiện, chạy đến chiến hào Đức để tìm chăn mền, hoặc để dùng hoặc để đổi chác. Erich Weinert đi theo quân Nga đã trông thấy lính Nga ném hết hồ

sơ tài liệu từ các xe tải của sở chỉ huy để lấy xe. “Karpovka trông cứ như cái chợ trời khổng lồ”, ông viết. Nhưng giữa đồng lộn xộn các thứ quân dụng bị vứt bỏ và phá hủy, ông đã tận mắt thấy kết quả kinh hoàng của cuộc bắn phá dọn đường. “Người chết nằm còng queo rất khó coi, mồm và mắt vẫn mở trân trân khiếp hãi, các chi đông cứng, sọ vỡ toác, ruột xổ ra lòng thòng, hầu hết bị băng tay và chân, vẫn còn bôi thuốc mỡ màu vàng chống cóng giá”.

Nếu tính đến sự suy yếu đáng kể cả về sức lực lẫn vật chất thì sự kháng cự của Tập đoàn quân số 6 ít nhiều đáng ghi nhận. Có thể đánh giá qua con số thương vong trong ba ngày đầu. Phương diện quân sông Đông mất 26.000 người và quá nửa lực lượng tăng. Các chỉ huy Soviet chưa làm tốt việc hạn chế thương vong. Lính của họ cứ dàn hàng mà tấn công nên luôn là mục tiêu dễ dàng. Những đồng xác lính Nga xám xịt trên thảo nguyên trắng tuyết. (Quần áo ngụy trang chủ yếu là dành cho các đại đội trinh sát và bắn tỉa). Sự tức giận của binh lính và sĩ quan Nga trút xuống các tù binh Đức gầy còm đầy chấy rận. Một số bị bắn tại chỗ. Số khác chết trên đường bị đi áp giải theo từng nhóm nhỏ, và lính Nga xả súng máy vào họ.

Trong mấy giờ đầu tiên ngày 12 tháng 1, các tập đoàn quân số 65 và 21 Soviet đã đến được bờ tây sông Rossoshka đóng băng, xóa luôn cái mũi Karpovka. Quân Đức rút lui còn kéo theo cả pháo chống tăng với ý định sẽ đánh tiếp. Trong một số trường hợp, tù binh Nga lại được dùng thay súc vật kéo đến kiệt sức mà chết. Trời rất lạnh và mặt đất đông cứng đến nỗi Tướng Strecker ghi lại rằng “thay vì đào hào, binh lính chúng ta đắp lũy và làm lô cốt bằng tuyết”. Lính bộ binh cơ giới của Sư đoàn tăng số 14 “đã chống cự quyết liệt mặc dù đã hết đạn và phơi mình ngay trên thảo nguyên lạnh giá”.

Trong Tập đoàn quân số 6 hôm đó chẳng ai còn lòng dạ nào mừng sinh nhật lần thứ 50 của Goering. Sự thiếu hụt nhiên liệu và đạn dược ở mức thảm họa. Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 đã không hề phóng đại trong bức điện gửi Tướng Zeitzler sáng hôm sau. “Đạn sắp hết”. Khi nhóm tạp nham của Wallrawe chiếm được trận địa cũ của quân Nga đào mùa hè năm ngoái, phải đối mặt với một cuộc tấn công khác vào sáng hôm sau, họ chỉ có thể “nổ súng ở tầm rất gần vì thiếu đạn”.

Nhiên liệu thiếu trong cuộc rút lui này làm cho việc chuyển thương binh càng khó hơn bao giờ. Các thương bệnh binh bị chất lên xe tải, sau đó xe lại nằm chết dí một chỗ thì đành chết cồng ngoài trời. Những “binh lính mặt bầm đen” đến được Pitomnik choáng váng trước cảnh tượng ở đó. “Sân bay”, một sĩ quan trẻ ghi lại, “hết sức nhốn nháo: những đồng xác chết mà người ta khiêng từ các căn hầm và lều bạt chứa thương binh ra chất thành đống; các cuộc tấn công của quân Nga; các trận pháo kích; máy bay vận tải Junkers hạ cánh”.

Thương binh nhẹ và đám giả bệnh giống như một đám ăn mày rách rưới cố chạy đến máy bay khi chúng vừa hạ cánh, cố leo lên. Hàng dỡ xuống bị họ ném sang bên hoặc lục lọi tìm đồ ăn. Những người yếu nhất trong bọn bị dẫm bẹp. Quân cảnh đã chiến nhanh chóng mất kiểm soát tình hình, nhiều lúc đã phải nổ súng. Nhiều thương binh nặng được vào hợp pháp cũng không biết họ có thoát ra khỏi địa ngục này không.

Lúc đó thì Thượng sĩ Wallrawe bị trúng đạn vào bụng. Trong *Kessel* đó thường là án tử hình, nhưng anh này đã quyết tâm tự cứu mình. Hai hạ sĩ đã đưa anh từ trận địa rút ra sau và đẩy anh lên một chiếc xe tải với các thương binh khác. Lái xe lái thẳng đến sân bay Pitomnik. Khi chỉ còn hơn 3 km nữa thì xe hết xăng. Lái xe được lệnh phá hủy xe trong trường hợp như vậy. Anh ta không thể làm gì cho thương binh, đành “bỏ mặc họ cho số phận”. Bất chấp vết thương rất đau, Wallrawe biết rằng nếu không đến được máy bay thì anh chết chắc. “Tôi phải bò hết quãng đường còn lại đến sân bay. Lúc đó đêm đã xuống. Trong một lều bạt lớn tôi được sơ cứu một chút. Trong cuộc không kích ban đêm có mấy quả bom rơi giữa các lều, phá hủy mất vài căn”. Trong cảnh hỗn loạn hôm ấy, Wallrawe đã xoay sở lên được một chiếc “Ju” vào lúc 3 giờ sáng.

Tại Pitomnik, một cơ hội ngẫu nhiên cũng có thể cứu được mạng một thương binh trong khi hàng trăm người khác bị bỏ lại cho chết trên tuyết lạnh. Alois Dorner, một pháo thủ thuộc Sư đoàn bộ binh số 44, bị thương vào tay trái và hông trái do mảnh pháo, đã phát hoảng trước cảnh tượng ở Pitomnik. “Đây là thảm cảnh ghê gớm nhất tôi từng chứng kiến trong đời.

Tiếng la hét không dứt của thương binh và những kẻ sắp chết... hầu hết bọn họ đã nhiều ngày không được ăn. Làm gì còn nhiều thức ăn cho thương binh. Hàng tiếp tế là để dành cho những người đang chiến đấu”. (Khó mà nói đây có là chủ trương chính thức hay không. Các sĩ quan cao cấp của Tập đoàn quân số 6 ra sức chối, nhưng một số chỉ huy cấp dưới có lẽ đã tự đặt ra quy định này). Dorner vốn chưa ăn gì từ ngày 9 tháng 1, cũng đang chờ chết thì đêm 13 tháng 1, một phi công Áo của một chiếc Heinkel He 111 di ngang qua hỏi anh quê đâu. “Tôi ở gần Amstetten”, anh đáp. Anh bạn người Áo kêu một người nữa trong tổ lái điều Dorner lên máy bay.

* * *

Trên cánh bắc, Sư đoàn tăng số 16 và Sư đoàn bộ binh cơ giới số 60 bị đánh lui, bỏ lại một khoảng lõm ở khu vực này, trong khi ở ngay trong Stalingrad, Tập đoàn quân số 62 của Chuikov tấn công Sư đoàn bộ binh nhẹ số 100 và Sư đoàn bộ binh số 305, chiếm lại nhiều khối nhà. Trong khi đó, trận tấn công chính của quân Soviet từ hướng tây vẫn tiếp tục băng qua tuyết, đánh thốc vào phía tây Kessel. Sư đoàn bộ binh cơ giới số 29 bị quét sạch. Thiếu nhiên liệu đã buộc Sư đoàn bộ binh cơ giới số 3 phải bỏ lại xe cộ và vũ khí nặng mà chạy bộ qua tuyết dày. Khó hy vọng thiết lập lại tuyến phòng thủ mới trên thảo nguyên trống trải khi mà binh sĩ đã không còn sức mà đào hào nữa.

Các tập đoàn quân số 65 và 21 Soviet tiến về hướng Pitomnik, có các mũi đột phá của Tập đoàn quân số 57 và 64 hỗ trợ ở cánh nam, nơi Sư đoàn bộ binh số 297 có cả nhóm chiến đấu của Mader đã bị đẩy lùi. Bên cánh phải của họ, Sư đoàn bộ binh số 376 của Edler von Daniels bị cắt đứt. Đầu giờ chiều ngày 14 tháng 1, Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 gửi điện: “Sư đoàn bộ binh số 376 bị tiêu diệt. Sân bay Pitomnik có thể chỉ dùng được đến ngày 15 tháng 1”.

Tin xe tăng Soviet tấn công giờ gây “chứng sợ tăng” cho binh lính Đức. Chẳng mấy khẩu pháo chống tăng còn đạn. Không ai còn thời gian đâu mà

nhớ chuyện họ đã rửa quân Romania cách đây hai tháng cũng vì tình cảnh như thế này.

* * *

Đến giai đoạn đã khá muộn này, Hitler lại quyết định hà hơi tiếp sức để Tập đoàn quân số 6 trụ lại. Động cơ của ông rõ ràng là lộn xộn. Có thể ông thực sự sốc khi biết số tiếp viện đến được ít thế nào qua báo cáo của Đại úy Behr, nhưng ông hẳn cũng muốn không cho Paulus có cơ để đầu hàng. Giải pháp của ông - một nước cờ khơi ra rất nhiều hoạt động để thu được một kết quả thực tế nhỏ nhoi - là lập ra một “ban tham mưu đặc biệt” dưới quyền Thống chế Milch để giám sát chiến dịch tiếp tế đường không. Một người trong nhóm của Milch nhận xét, nước cờ muộn màng này là “cái cớ để Hitler có thể nói rằng mình đã làm mọi việc để cứu binh sĩ trong *Kessel*”.

Albert Speer đi cùng Milch ra sân bay khi ông lên đường nhận nhiệm vụ. Milch hứa sẽ tìm em trai Speer và cho anh ta thoát ra khỏi *Kessel*, nhưng rốt cuộc cả Ernst lẫn phần còn lại của đơn vị anh ta đều không tìm thấy. Tất cả bọn họ đã biến mất, “mất tích coi như chết”. Dấu vết duy nhất, Speer kể lại, là lá thư chuyển theo máy bay, “thất vọng về cuộc sống, giận dữ về cái chết và chua chát về tôi, anh trai của nó”.

Milch cùng bộ sâu của mình đến Taganrog, tin rằng sẽ làm được nhiều việc, nhưng, như một sĩ quan cao cấp của vận tải không quân viết, “chỉ nhìn thoáng qua tình hình thực tế cũng đủ hiểu rằng không có đủ nguồn lực để có thể làm gì hơn”.

Buổi sáng 15 tháng 1, ngày làm việc đầu tiên của họ, không phải là một khởi đầu hứa hẹn. Milch nhận một cú điện từ *Fuhrer* yêu cầu tăng cường cầu không vận đến Stalingrad. Như để nhấn mạnh thêm nỗ lực của mình, cũng hôm đó, Hitler thưởng thêm Lá sồi vào Chữ thập Hiệp sĩ cho Paulus. Đến bữa trưa, Goering gọi điện cho Milch cấm ông bay đến *Kessel*. Sau đó đến lượt Fiebig báo cáo rằng Pitomnik đã rơi vào tay quân Nga (ông này

phát biểu hơi sớm) và rằng hệ thống đèn hiệu vô tuyến ở Gumrak vẫn chưa lắp đặt, tức là vẫn chưa thể đưa máy bay vận tải đến đây được.

Những chiếc Messerschmitt 109 còn lại bay khỏi Pitomnik ngay sau rạng sáng hôm sau, khi quân Nga đã vào đến tầm nhìn. Những chiếc bay đến sân bay Gumrak gặp tuyết rơi dày không kịp dọn. Đến trưa thì cả Gumrak cũng nằm dưới tầm pháo kích nên những chiếc Messerschmitt và Stuka theo lệnh của Richthofen đã bay khỏi *Kessel* lần cuối, bắt chấp Paulus phản đối.

Ngày hôm đó một tiểu đoàn thuộc Sư đoàn bộ binh số 295 ra hàng tập thể. Những tờ truyền đơn hứa hẹn đối xử đúng mức với tù binh của Voronov đã có chút ít hiệu quả. “Bỏ chạy là vô nghĩa”, tiểu đoàn trưởng khai với Đại úy Dyatlenko. “Tôi bảo lính ta nên đầu hàng để giữ mạng sống”. Viên đại úy này vốn là giáo viên tiếng Anh nói thêm, “Tôi cảm thấy rất tệ vì đây là lần đầu tiên cả tiểu đoàn quân Đức đầu hàng”.

Một tiểu đoàn trưởng khác đầu hàng sau, người này thuộc Sư đoàn bộ binh số 305 ở Stalingrad, nói về “điều kiện không thể chịu đựng nổi trong tiểu đoàn chúng tôi”. “Tôi không thể giúp lính mình nên tôi cố tránh gặp họ. Trong khắp trung đoàn, ở đâu tôi cũng nghe lính kêu khổ vì lạnh và đói. Mỗi ngày y sĩ của chúng tôi phải nhận hàng chục ca cồng giá. Vì tình thế đã thê thảm mức này, tôi nghĩ chỉ có đưa tiểu đoàn ra hàng là tốt nhất”.

* * *

Sân bay Pitomnik và bệnh viện dã chiến ở đó bị bỏ lại trong nỗi thống khổ. Những người không thể động dậy được bị bỏ lại cho một bác sĩ và ít nhất một cứu thương trông nom, đó là quy trình tiêu chuẩn khi rút lui. Các thương binh khác khắp khiêng, bò lê hay được kéo trên những chiếc xe trượt dọc theo con đường mấp mô đóng băng cứng như đá hơn 12 km đến Gumrak. Vài chiếc xe tải còn sót lại ít nhiên liệu bị bu kín, kể cả đã chạt ních thương binh. Một đại úy không quân kể lại tình cảnh trên con đường vào ngày 16 tháng 1, ngày Pitomnik thất thủ: “Giao thông một chiều đông nghịt toàn lính rút lui, bộ dạng hoàn toàn suy sụp, ngơ ngác. Chân và tay bọc

bằng các dải mền”. Đến chiều anh ta thấy “số lính lạc đơn vị ngày càng đông và thuộc đủ quân chủng khác nhau, xin cái ăn và chỗ trú”.

Thỉnh thoảng trời quang hẳn, nắng rọi trên tuyết lóa mắt. Chiều đến, bóng râm có màu xanh thép, còn ở đường chân trời mặt trời đỏ như quả cà chua. Tình trạng của hầu hết binh lính, chứ không chỉ thương binh, là hết sức khủng khiếp. Họ khập khiễng trên những đôi chân bị cước, môi nẻ toác vì cóng, mặt bệch ra như sáp, tưởng chừng sắp lịm đi. Những con người kiệt quệ ngã nhào xuống tuyết và không bao giờ dậy nữa. Những người cần thêm đồ ấm lột quần áo từ các xác chết thật nhanh ngay sau khi người ta chết. Một khi xác đã đông cứng thì không thể cởi được nữa.

Các sư đoàn Soviet đang ở ngay phía sau. “Lạnh khủng khiếp”, Grossman ghi lại khi đi cùng đơn vị mũi nhọn. “Tuyết và không khí giá lạnh làm đóng băng quanh lỗ mũi. Răng đau nhức. Có những lính Đức bị đóng băng ở đây, xác họ không bị hủy hoại, nằm dọc con đường chúng tôi đang đi. Không phải chúng tôi giết họ mà là cái lạnh. Ủng và áo choàng của họ quá dở. Áo chèn thì mỏng trông như tờ giấy... Dấu chân đầy trên tuyết. Chúng cho chúng tôi biết lính Đức rút chạy thế nào từ các làng ven đường, và từ những con đường dẫn ra các hẻm núi, súng ống vút lung tung”. Erich Weinert đi cùng một đơn vị khác, nhìn thấy quạ bay vòng vòng rồi sà xuống móc mắt các xác chết.

Ở một nơi trên đường đến Pitomnik, các sĩ quan Soviet phải dừng lại xác định vị trí, vì xa xa phía trước có gì đó như một thị trấn nhỏ giữa thảo nguyên mà không thấy có tên trên bản đồ. Đến gần hơn, té ra đó là một bãi phế liệu chiến tranh lớn, nào xe tăng trúng đạn, xe tải, xác máy bay, xe hơi, pháo tự hành, xe xích bánh sau, xe kéo pháo và đủ thứ quân trang quân dụng. Lính Nga khoái nhất là trông thấy những chiếc máy bay bị bắn hoặc bị bỏ lại cạnh sân bay Pitomnik, nhất là những chiếc Focke-Wulf Condor khổng lồ. Cuộc tiến quân về phía đông đến Stalingrad của họ đầy ắp chuyện cười “ở hậu phương của người Nga”.

* * *

Đến giai đoạn rút chạy này những hy vọng của quân Đức về các sư đoàn tăng SS và quân nhảy dù cứu viện rốt cuộc đã tiêu tan ở hầu hết mọi người. Các sĩ quan biết rằng khí số của Tập đoàn quân số 6 đã hết. “Một vài chỉ huy”, một bác sĩ kể, “tìm đến chúng tôi xin thuốc độc để tự tử”. Các bác sĩ nhiều người cũng nảy sinh ý định tự sát nhưng rồi cân nhắc kỹ, họ biết rằng bốn phần của họ là phải ở lại với thương binh. Trong 600 bác sĩ của Tập đoàn quân số 6, không một ai còn đủ sức làm việc mà lại bay thoát thân cả.

Lúc này thương bệnh binh trong các trạm quá đông nên phải nằm chung giường. Thường các thương binh nặng được đồng đội khiêng vào thì bác sĩ xua họ ra vì đã sẵn nhiều ca không cứu nổi rồi. “Đối mặt với từng ấy đau khổ”, một trung sĩ không quân ghi lại, “quá nhiều người đau đớn, nhiều người chết và biết chắc không ai giúp gì được, chúng tôi lẳng lặng khiêng trung úy ra. Không ai biết tên họ của những con người bất hạnh nằm xếp lớp dưới đất, mất máu, cóng lạnh, nhiều người mất chân, mất tay, cuối cùng cũng chết vì không thể giúp gì được”. Thiếu thạch cao để bó bột nên các bác sĩ phải dùng giấy bó chân tay gãy. “Các ca sốc hậu phẫu tăng vọt”, một bác sĩ phẫu thuật ghi lại. Các ca bạch hầu cũng tăng mạnh. Tệ nhất là chảy rận sinh sôi trên thương binh. “Trên bàn mổ, chúng tôi phải gạt rận trên người và quần áo bệnh nhân rồi đem hắt vào lửa. Chúng tôi còn phải bắt chúng trên lông mày và râu, bám chi chít như chùm nho”.

Ở chỗ gọi là bệnh viện tại Gumrak còn ghê hơn ở Pitomnik nữa, phần lớn là vì nước ngập lầy lội. “Đây đúng là một thứ địa ngục”, một sĩ quan bị thương từ mũi Karpovka đưa về kể lại. “Người ta ngã xuống chết chồng lên nhau thành đồng bên cạnh đường. Chả ai còn thiết gì nữa. Không có băng gạc gì. Sân bay bị bắn phá, 40 người nhồi trong một căn hầm đào cho 10 người, mỗi lần nổ lại rung bần bật”. Cha tuyên úy ở bệnh viện được mệnh danh là “Vua Tử thần của Gumrak” vì mỗi ngày ông phải làm lễ xức dầu cho hơn 200 người. Các cha tuyên úy, sau khi vuốt mắt cho người chết, thường bẻ phần dưới của thẻ lính coi như chứng tử chính thức. Thường thì túi họ đầy lên rất nhanh.

Các bác sĩ gần đây cũng làm việc trong các “Khe thần Chết” với thương binh nằm la liệt trong các đường hầm đào cho ngựa ở bên vách. Một bác sĩ thấy nó giống Golgotha^[91] vì ngay phía trên là nghĩa địa. Trạm cứu thương trung tâm và trung tâm chấn thương sọ não đành phải dẹp bỏ, bỏ lại các thương binh nặng nhất. Vài ngày sau quân Nga đến, hầu hết các thân hình quần băng khắp người này đang chết dần. Ranke, một thông dịch viên cấp sư đoàn bị thương vào đầu, cố hét lên bằng tiếng Nga. Người lính đang bắn ngạc nhiên dừng lại, lùi anh ta về gặp Chính ủy, ông này lại cử anh ta đuổi theo quân Đức đang rút chạy bảo họ đầu hàng.

Nếu quân Nga mà hăng máu báo thù thì những xác tù binh Hồng quân trong trại gần đây càng tiếp thêm lửa cho họ. Những người sống sót đói đến nỗi khi những người giải cứu họ bớt suất ăn đưa cho một mẩu bánh mì với chút xúc xích, nhiều người ăn vào là chết ngay.

* * *

Kessel đáng ra đã sụp đổ nhanh hơn nhiều nếu không có những kẻ cứng đầu vẫn tin vào sự nghiệp mà họ đang chiến đấu vì nó. Một trung sĩ Sư đoàn phòng không số 9 của không quân viết về nhà: “Con tự hào được đứng trong hàng ngũ những người bảo vệ Stalingrad. Dù có chuyện gì, khi đến lúc con phải chết, con sẽ có diễm phúc được góp một phần ở địa đầu phía đông của trận chiến vĩ đại trên sông Volga cho tổ quốc mình, hiến dâng cuộc đời con cho lãnh tụ và cho tự do của dân tộc chúng ta”. Thậm chí ở thời điểm muộn màng như vậy rồi mà hầu hết các đơn vị chiến đấu vẫn còn cố chống cự và cũng có những tấm gương về lòng dũng cảm phi thường. Tướng Jaenecke kể rằng “một cuộc tấn công của 28 xe tăng Nga ở gần ga Bassagino đã bị Trung úy Hirschmann một mình một khẩu pháo cao xạ chặn đứng. Anh ta đã diệt được cả chục xe tăng T-34 trong cuộc đối đầu này”. Vào lúc tàn cuộc như thế này, vai trò lãnh đạo tạo ra khác biệt hơn bao giờ hết. Nản chí và thương thân là nguy hiểm lớn nhất, đối với kỷ luật quân đội cũng như với sự sống sót của mình.

Tại các khu vực chưa bị chọc thủng, binh lính đói quá không còn sức ra ngoài hầm để đồng đội khỏi thấy mình rơi nước mắt. “Anh nghĩ đến em và con trai bé bỏng của chúng ta”, một lính Đức vô danh viết lá thư không bao giờ đến tay vợ mình. “Điều duy nhất còn lại cho anh là nghĩ đến em. Anh chẳng còn thiết gì khác nữa. Nghĩ đến em làm anh tan nát cả trái tim”. Bên ngoài chiến hào, binh lính yếu và lạnh quá, cử động chậm chạp trông cứ như bị đánh thuốc. Tuy thế một viên trung sĩ mẫn cán vẫn tiếp tục riết róng họ để bảo đảm súng luôn sạch và lựu đạn phải nằm đúng các hốc khoét ở vách hào trong tầm tay.

* * *

Ngày 16 tháng 1, ngay sau khi mất Pitomnik, Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 đã gửi điện phàn nàn không quân chỉ tiếp viện bằng cách thả dù. “Sao không có hàng tiếp viện đáp xuống Gumrak?” Fiebig trả lời rằng sân bay không có đèn dẫn đường và vô tuyến điều khiển không hoạt động. Xem ra Paulus không hình dung được cảnh hỗn loạn ở sân bay. Nhóm dỡ hàng xuống tổ chức kém, vả lại họ đã quá yếu không thể làm tốt công việc - “rất vật vờ”, đó là ý kiến của không quân. Kỷ luật không được duy trì ở các thương binh nhẹ cũng như đám lạc ngũ và đào ngũ đổ về sân bay tìm cơ hội được cứu. Đội quân cảnh “chó xích” bắt đầu không kiểm soát nổi đám loạn binh đói khổ liều mạng thoát ra. Theo báo cáo của không quân, nhiều người trong số này là lính Romania.

Đến 17 tháng 1, Tập đoàn quân số 6 đã bị đẩy lùi về phần phía đông của Kessel. Có tương đối ít giao tranh trong bốn ngày tiếp theo vì Rokossovsky đang bố trí lại lực lượng cho đòn dứt điểm. Trong khi hầu hết các trung đoàn Đức ở tuyến trước đều tuân thủ kỷ luật thì ở tuyến sau rồi đám tăng nhanh. Bộ phận hậu cần ghi nhận rằng, “tập đoàn quân không còn đủ khả năng cung cấp hậu cần cho binh sĩ của mình”. Ngựa đã thịt gần hết. Hầu như không còn bánh mì - bị đông cứng như đá, gọi là *Eisbrot* - bánh mì băng. Có những kho đầy thực phẩm do các chủ nhiệm hậu cần quá lo xa dành dụm thì lại bị quân

Nga chiếm mất. Một số người có chức quyền chắc hẳn đã lợi dụng địa vị của mình. Một bác sĩ sau này kể lại một trong các sĩ quan cấp trên, ngay trước mắt ông, đã “cho con chó của mình một miếng bánh mì phết dày bơ, trong khi đó cả trạm cấp cứu của ông chả có tí nào”.

Biết rằng kết thúc đã đến gần, ngày 16 tháng 1 Paulus gửi điện cho Tướng Zeitzler đề xuất cho phép các đơn vị còn chiến đấu được phá vây về hướng nam, vì nếu ở lại *Kessel* thì nếu không bị bắt cũng đến chết vì đói và lạnh mà thôi. Tuy chưa nhận được trả lời của Zeitzler nhưng lệnh chuẩn bị đã được ban ra. Tối hôm sau, 17 tháng 1, một sĩ quan tham mưu Sư đoàn bộ binh số 371 bảo Trung tá Mader rằng: “Khi có mật hiệu “Sư tử” cả *Kessel* sẽ đồng loạt xông ra theo mọi hướng. Các trung đoàn trưởng phải lập ra các nhóm chiến đấu khoảng 200 người khá nhất, thông báo đường đi cho những người còn lại rồi phá vây”.

Một số sĩ quan đã bắt đầu “tính cách để khỏi bị quân Nga bắt vì như vậy còn tệ hơn là chết”. Freytag-Loringhoven ở Sư đoàn tăng số 16 nảy ra ý dùng vài chiếc xe jeep Mỹ thu được của quân Nga. Ý tưởng của anh ta là lấy quân phục Hồng quân và chọn vài Hiwi thật đáng tin cậy cũng muốn tránh bị NKVD sờ gáy, cứ thế mà chuồn qua phòng tuyến địch. Ý tưởng này lan khắp ban tham mưu sư đoàn, đến cả sư đoàn trưởng là Tướng Gunther Angern cũng biết. Thậm chí Tư lệnh quân đoàn là Tướng Strecke thoát nghe cũng thích, nhưng là một sĩ quan hết sức coi trọng các giá trị truyền thống nên ông coi việc bỏ mặc lính của mình là không thể chấp nhận được. Một nhóm thuộc Quân đoàn số 11 sau đó đã thử, rồi cả một số các đơn vị nhỏ khác cũng bắt chước, có người dùng ván trượt tuyết chạy về phía tây nam trong mấy ngày cuối cùng của *Kessel*. Hai sĩ quan tham mưu thuộc Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 là Đại tá Elchlepp và Trung tá Niemeyer, chủ nhiệm quân báo, đã bỏ xác ngoài thảo nguyên.

Paulus rõ ràng không bao giờ tính đến chuyện bỏ rơi quân mình. Ngày 18 tháng 1, khi chuyển quân buổi cuối cùng từ Đức đến được phân phát trong mấy sư đoàn, ông đã viết cho vợ chỉ một dòng từ biệt để một sĩ quan đem đi

gửi giúp. Nhẫn cưới và nhẫn trện cũng được gửi đi nhưng chắc sau đó đã bị Gestapo thu lại.

Tướng Hube nhận được lệnh bay khỏi Gumrak vào sáng sớm hôm sau trên một chiếc Focke-Wulf Condor để tham gia vào ban tham mưu đặc biệt của Milch. Ngày 20 tháng 1, ngay sau khi đến nơi, ông đã gửi một danh sách “các sĩ quan năng nổ đáng tin cậy” mà ông muốn đem theo với mình. Có lẽ cũng không ngạc nhiên khi phần lớn trong số đó không giỏi giang gì trong việc hậu cần hay vận tải đường không, mà chẳng qua họ chỉ là sĩ quan thuộc quân đoàn tăng của ông, nhất là của sư đoàn cũ của ông. Chắc hẳn Hube cảm thấy như thế là hợp lẽ vì Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 đã quy định những người thành thạo xe tăng có tên trong danh sách di tản đường không.

Các sĩ quan đã qua huấn luyện của Bộ Tổng tham mưu cũng được đưa vào danh sách, nhưng ưu tiên buồn cười nhất là thứ có thể gọi là con thuyền Noah của Tập đoàn quân số 6. Thượng sĩ Philipp Westrich thuộc Sư đoàn bộ binh nhẹ số 100, nghề nghiệp là thợ lợp mái, đã “bay khỏi *Kessel* ngày 22 tháng 1 năm 1943 theo lệnh của Tập đoàn quân số 6 lấy mỗi sư đoàn một người”. Trung tá Mader và hai hạ sĩ quan được chọn từ Sư đoàn bộ binh số 297 và danh sách cứ thế tiếp tục lần lượt từng sư đoàn. Hitler khi bỏ mặc cho Tập đoàn quân số 6 chết đã tính đến việc thành lập một Tập đoàn quân số 6 khác - theo kiểu trứng phượng hoàng nở từ tro tàn. Ngày 25 tháng 1, ý đồ này đã trở thành một kế hoạch hãn hoi. Tùy tùng chính của *Fuhrer*, Tướng Schmidt ghi lại: “*Fuhrer* ra sắc lệnh tái lập Tập đoàn quân số 6 mới với lực lượng 20 sư đoàn”.

Sĩ quan liên lạc đưa tài liệu quan trọng ra ngoài được lựa chọn theo kiểu vị tình. Hoàng thân zu Dohna-Schlobitten được chọn làm việc này cho Sở chỉ huy Quân đoàn tăng số 14 không phải vì ông ta là chủ nhiệm quân báo mà vì có nhiều con nhất trong số các sĩ quan ở đây và ông đã bay ra ngoài vào ngày 17 tháng 1. Ngay sau đó, Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 yêu cầu các sĩ quan bay ra nhờ trình độ cao phải kiêm luôn nhiệm vụ mang tài liệu. Đại úy von Freytag-Loringhoven được chọn vì công trạng trên cương vị tiểu đoàn trưởng xe tăng, được lệnh trước hết phải thu thập hết các báo cáo và tài

liệu khác từ Sở Chỉ huy Tập đoàn quân. Tại đây anh trông thấy Paulus “có vẻ như oằn mình dưới gánh nặng trách nhiệm”.

Ở sân bay Gumrak, sau hồi lâu chờ đợi, anh được quân cảnh đã chiến dùng mũi tiểu liên dồn đẩy thương bệnh binh lùi lại, hộ tống đến một trong năm chiếc máy bay ném bom Heinkel. Lúc cất cánh rời *Kessel*, trong lòng anh không khỏi có những cảm xúc lẫn lộn. “Tôi cảm thấy rất tệ khi bỏ lại đồng đội. Nhưng mặt khác, đây là cơ hội sống sót”. Anh định kéo theo cả Bá tước Dohna (một anh em họ xa của Hoàng thân zu Dohna), nhưng anh này quá ốm. Mặc dù đã được nhồi vào máy bay cùng với khoảng một chục thương binh nhưng Freytag-Loringhoven vẫn thấy chưa hết nguy hiểm. Chiếc Heinkel của họ vẫn đứng yên bên ngoài đường băng trong lúc bốn chiếc kia cất cánh. Một bơm nhiên liệu bị tắc trong lúc nạp nhiên liệu. Đạn pháo đã bắt đầu rơi gần hơn. Phi công quăng bơm đi và chạy vội vào buồng lái. Họ cất cánh, chậm chạp bốc lên, mang theo thương binh chui vào đáy mây thấp. Ở độ cao khoảng 1.800 m, máy bay đột nhiên ra khỏi đám mây để sang “một cõi thần tiên ngập nắng” và Freytag thấy mình như “vừa được tái sinh”.

Khi họ đáp xuống Melitopol, các xe cứu thương từ bệnh viện căn cứ gần đây đã chờ đón thương binh và một chiếc xe khác đưa Freytag-Loringhoven về sở chỉ huy của Thống chế Manstein. Anh không hề có ảo tưởng nào về bộ dạng của mình. Trông anh “rất tệ”. Mặc dù là người cao lớn vạm vỡ, anh đã bị sụt hơn 50 cân, má hóp vào. Giống như mọi người ở *Kessel* anh đã nhiều ngày không cạo râu. Bộ đồng phục xe tăng màu đen bẩn thỉu và rách tả tơi, đôi ủng trần quăn gẻ để khỏi bị cồng. Stahlberg, phụ tá của Manstein chỉnh tề trong bộ quần phục màu xám rõ ràng là bị dội. “Stahlberg nhìn tôi còn tôi thấy anh ta ngần ngại, ‘Anh có rận không đấy?’ - tôi thì dĩ nhiên đầy rận - thế là anh ta bắt tay tôi rất thận trọng”.

Stahlberg đưa anh đến gặp Manstein luôn, ông này thì niềm nở hơn hẳn. Thống chế lập tức đứng dậy bước ra khỏi bàn, bắt tay không chút e dè. Ông nhận các báo cáo và hỏi han viên đại úy trẻ về điều kiện trong *Kessel*. Tuy vậy, Freytag-Loringhoven vẫn cảm thấy ông là “một người lạnh lùng”.

Manstein bảo Freytag-Loringhoven sẽ sang ban tham mưu đặc biệt của Thống chế Milch được thành lập để cải thiện vận tải đường không. Trước hết anh phải trình diện với Thượng tướng Richthofen, người cũng đã biết anh mới đến nhưng quá bận nên chưa gặp được. Không ngờ “một lão Quốc xã” như Thống chế Milch mà anh không nghĩ mình sẽ ưa, lại tỏ ra “người hơn”. Ông phát hoảng khi thấy bộ dạng Freytag-Loringhoven. “Chúa ơi, nhìn cậu kìa!” Sau khi hỏi han về tình cảnh ở Stalingrad, Milch bảo: “Giờ thì phải cho cậu ăn uống ra trò mới được”.

Ông ra lệnh cấp cho Freytag-Loringhoven suất ăn đặc biệt gồm thịt, bơ và cả mật ong nữa. Anh chàng chỉ huy xe tăng trẻ kiệt sức sau đó được đưa đến một toa ngủ trên đoàn tàu sang trọng. “Đây là lần đầu tiên sau 9 tháng tôi mới được thấy một cái giường. Tôi không bận tâm về rận. Tôi quăng mình lên tấm vải trải trắng tinh và quyết định hoãn việc diệt rận, để sáng mai đi sớm. Thoải mái và ấm áp - khi bên ngoài là âm 25°C - đúng là sự tương phản đến khó tin”.

* * *

Các sĩ quan thoát ra làm cho Ban tham mưu Đặc biệt của Milch mới đầu còn mất định hướng do chuyển sang một thế giới của đủ đầy và khả dĩ. Nhưng họ vẫn không rõ cái gì có thể và cái gì không thể đối với một cầu không vận. “Liệu có đưa xe tăng vào từng chiếc một không?” đó là một trong những câu hỏi của Hube trong lần đầu gặp Milch.

Bản thân Milch, giống như bất kỳ ai chưa từng đặt chân vào *Kessel*, vẫn chưa nắm bắt được điều kiện trong đó kinh khủng đến mức nào. Khi nhận điện của Paulus ngày 18 tháng 1 rằng Tập đoàn quân số 6 chỉ có thể trụ được thêm vài ngày nữa là cùng vì họ gần như đã hết nhiên liệu và đạn dược, ông đã nói với Goering qua điện thoại: “Trong pháo đài người ta chịu hết nổi rồi”. Ông nói thêm rằng Manstein cũng nhất trí với ông. Bằng bản năng, cả hai người có vẻ đều chấp nhận cảm tình riêng đối với các cá nhân

đồng thời lại ở rất xa những thống khổ mà một đội quân bị bỏ rơi đang phải chịu đựng.

Việc công khai rộng hơn về thảm họa đang chờ dành phải để cho đại bản doanh của *Fuhrer* và bộ Tuyên truyền ở Berlin. “*Kessel* Stalingrad đang đến gần hồi kết”, Goebels đã tuyên bố trong cuộc họp bộ tuyên truyền ba ngày trước. “Tuyên thông Đức cần phải chuẩn bị đưa tin phù hợp về kết quả thắng lợi của cuộc chiến vĩ đại ở thành phố Stalingrad - nếu cần thì cứ việc thêm thắt vào”. “Chiến thắng” ở đây chỉ là tượng trưng.

Helmuth Groscurth, Tham mưu trưởng của Strecker và là một trong những người chống chế độ tích cực nhất bên trong *Kessel* đã quyết tâm thông báo cho các sĩ quan cao cấp biết về thảm họa này để kích động họ ra tay. Ông thu xếp cho một bạn đồng sự thân tín của mình là Thiếu tá Bá tước Alfred von Waldersee một chuyến ra ngoài. Waldersee sẽ phải đến thẳng bản doanh của lực quân ở đường Bendlerstrasse, Berlin để gặp Tướng Friedrich Olbricht, một thành viên cao cấp của phe đổi lập, sau đó gặp Tướng về hưu Beck, với một thông điệp rằng “chỉ có ra đòn ngay lập tức” nhằm vào Hitler mới có thể cứu được Tập đoàn quân số 6. Beck yêu cầu Waldersee đến thẳng Paris gặp Tướng Carl-Heinrich von Stulpnagel và Thống chế Rundstedt. Câu trả lời của Rundstedt “quá nản” đến nỗi Waldersee mất hết hy vọng đạt được một điều gì đó.

Groscurth gửi lá thư cuối cùng cho em trai mình vào ngày 20 tháng 1, ngày sinh của Susi, con gái ông - “đứa con sắp mất cha giống như hàng ngàn đứa trẻ khác”, ông viết. “Khổ đau vẫn tiếp diễn và mỗi giờ càng tệ hơn. Bọn anh đã bị dồn vào chân tường. Tuy thế, bọn anh sẽ chiến đấu đến viên đạn cuối cùng đúng như mệnh lệnh, nhất là nghe nói người Nga sẽ giết hết tù binh, mặc dù anh không tin lắm... Mọi người không biết có chuyện gì đang diễn ra ở đây. Chẳng lời hứa nào được thực hiện cả”.

Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 cảm thấy nhóm của Milch không nắm được tình hình tồi tệ thế nào. “Không còn ai khỏe mạnh ở tuyến trước cả”, Tập đoàn quân số 6 báo cáo hôm đó, “ít nhất ai cũng bị cước. Chỉ huy Sư

đoàn bộ binh số 76 hôm qua đã ra tiền tuyến thị sát và bắt gặp nhiều binh lính bị cồng giá đến chết”.

* * *

Cuộc tấn công của quân Soviet bắt đầu trở lại với lực lượng mới được tăng cường vào sáng 20 tháng 1. Tập đoàn quân số 65 đột phá ở tây bắc Gonchara và chiếm được nó vào đêm đó. Gumrak chỉ còn cách đó vài kilomet sẽ là mục tiêu chính yếu.

Việc di tản trên sân bay và ở gần Sở Chỉ huy Tập đoàn quân vào tối hôm đó rất hỗn loạn vì các khẩu đội *Katyusha* lại lên tiếng. Đêm hôm đó, Ban Tham mưu của Milch nhận được điện từ Tập đoàn quân số 6: “Sân bay Gumrak không thể sử dụng kể từ 04.00 giờ ngày 22 tháng 1. Lúc đó sân bay mới Stalingradsky sẽ được dọn sạch để cho máy bay đáp”. Nói vậy là hơi lạc quan. Đường băng sân bay Stalingradsky không thể đáp máy bay lớn. Tướng Paulus đến lúc này hoàn toàn phó mặc cho số phận định đoạt và chắc chắn đang rất phiền muộn. Một thiếu tá không quân mới từ *Kessel* quay về báo cáo lại cho Thống chế Milch rằng Paulus đã nói với anh ta: “Từ lúc này, dù có giúp gì thì cũng đã muộn. Chúng tôi đã chịu đủ. Người của chúng tôi không còn sức nữa”. Khi thiếu tá định báo cáo tình hình chung ở hướng tây mà Cụm Tập đoàn quân sông Đông đang phải đối phó thì ông đáp: “Người chết đâu có quan tâm đến lịch sử quân sự”.

Vì thiếu nhiên liệu nên có đến 500 thương binh bị bỏ lại ở bệnh viện dã chiến Gumrak. Bình minh ngày 22 tháng 1, đã thấy bóng dáng bộ binh Nga từ xa đang dàn hàng ngang xông tới “cứ như đi xua thỏ ra bắn”. Khi địch đã vào đến tầm súng trường, các sĩ quan sư đoàn phòng không số 9 chịu trách nhiệm bảo vệ sân bay bèn nhồi hết lên chiếc xe cuối cùng. Chạy được chừng trăm mét, họ thấy một người lính cụt cả hai chân từ bệnh viện dã chiến đang cố đẩy mình đi trên một chiếc xe trượt. Các sĩ quan phòng không dừng lại, buộc chiếc xe trượt vào xe như được yêu cầu và kéo đi, nhưng chưa đi được xa thì xe trượt bị lật. Một trung úy bảo anh ta bám chặt vào càng xe phía

trước vì trong xe không còn chỗ. Người lính không muốn giữ chân họ. Lúc này quân Nga đã rất gần. “Bỏ tôi lại!” anh ta kêu to. “Đằng nào thì tôi cũng không thoát được”. Các sĩ quan phòng không biết là đúng thế. Hễ không đi lại được vào lúc này thì cầm chắc cái chết. Họ lái xe đi, còn người lính tàn phế ngồi co ro trong tuyết ngay bên lối đi đóng băng, chờ quân Nga đến.

Anh ta rất dễ bị bắn giống như nhiều thương binh bên vệ đường. Nhà văn cộng sản Đức Erich Weinert cố bào chữa rằng “các phế binh bị bỏ rơi” cố gắng lết theo đồng đội nhưng đã bị “rơi vào làn đạn của Hồng quân đang tấn công”. Sự thực là Hồng quân, cũng như quân Đức, không quan tâm nhiều đến thương binh địch. Những báo cáo cho rằng, số 500 thương binh bị bỏ lại ở bệnh viện dã chiến Gumrak cho hai cứu thương ốm dở và một cha tuyên úy sư đoàn trông nom, đã bị tàn sát, thực ra là không đúng. Hồng quân chỉ bỏ mặc họ tự lo bằng “nước lấy từ tuyết và thịt ngựa”. Những người sống sót đã được chuyển đến trại tù binh ở Beketovka sau đó 10 hôm.

Binh lính rút chạy càng đến gần Stalingrad thì cảnh tượng càng khủng khiếp. “Nhìn hết tầm mắt, ở đâu cũng thấy lính bị xe tăng cán qua, lính bị thương kêu gào vô vọng, những xác chết cứng, xe cộ bị bỏ lại vì thiếu nhiên liệu, những khẩu pháo bị nổ tan và đủ thứ trang thiết bị hỏng hóc”. Một con ngựa chết nằm bên đường bị xéo hết thịt một bên sườn. Binh lính ước ao tìm được một thùng hàng tiếp viện thả bằng dù nhưng chúng hoặc đã bị thu mất hoặc bị vùi trong tuyết không thấy đâu.

* * *

Mặc dù sự sụp đổ ở trung tâm là không thể ngăn chặn nhưng ở nhiều khu vực các nhóm chiến đấu Đức vẫn kháng cự dữ dội, vừa đánh vừa rút. Sáng sớm 22 tháng 1, tàn quân của Sư đoàn bộ binh số 297 bị đẩy lùi từ khu vực Voroponovo đến tận ngoại ô phía nam Stalingrad. Thiếu tá Bruno Gebele và những người sống sót của tiểu đoàn mình chờ trận tấn công kế tiếp. Hỗ trợ là mấy khẩu sơn pháo do một trung sĩ chỉ huy, anh này được dặn chỉ bắn khi

quân Nga còn cách 200-250 m. Ngay trước 7 giờ, khi tàn quân của Gebele đang nấp tránh pháo trong hầm thì người gác hô to: “*Thiếu tá, chúng đến!*”

Gebele chỉ kịp hô: “*Ra!*” Lính của ông chạy về vị trí. Bộ binh Nga mặc đồ trắng ngụy trang ào ạt xông lên, hô “*Urrah! Urrah! Urrah!*” Hàng đầu chỉ còn cách 40 m thì pháo thủ Đức nổ súng cùng với súng máy, súng trường và cả súng lục. Quân Nga thương vong nặng nề. “Đợt đầu bị giết hoặc nằm lại, đợt hai cũng vậy, rồi đến đợt thứ ba lao lên. Phía trước trận địa chúng tôi xác lính Soviet chất đống, tạo thành lớp tường bao cát che cho chúng tôi”.

Quân Nga vẫn không chịu từ bỏ. Họ chỉ đổi hướng, nhắm vào các phân đội bên sườn. Đến 9 giờ 30 phút, họ chọc thủng trận địa của quân Romania bên cánh trái. Một viên đạn chống tăng bắn trúng viên phó của Gebele đang đứng ngay bên cạnh. Sau đó Gebele cảm thấy bị đánh rất mạnh trúng vai trái. Một viên đạn khác cũng trong loạt súng máy đó đã xuyên qua mũ sắt giết chết Feldwebel Schmidt, thư ký chính của ông. Gebele nổi giận, kê khẩu carbin lên lũy tuyết trước mặt nổ mấy phát bằng bên tay và vai còn lành lặn.

Một đợt bộ binh Nga nữa lao lên chỗ họ. Gebele hét lính bắn. Một trung sĩ cố bắn khẩu cối hạng nhẹ nhưng tầm đã quá gần, lại thêm gió ngược nên hai quả đạn rơi ngay vào trận địa quân nhà. Rốt cuộc, sau bảy giờ cầm cự, Gebele trông thấy cờ quân Nga bay trên nóc tháp nước phía sau mình. Họ đã bị thọc sườn. Ông tập hợp những người sống sót của tiểu đoàn mình đưa về trung tâm Stalingrad. Ở bên trong thành phố, họ bàng hoàng trước cảnh tượng tàn phá và thiết bị quân sự tan hoang khắp nơi. “Rét buốt căm căm”, một người viết, “còn xung quanh thì ngổn ngang, tưởng chừng đã đến ngày tận thế”.

Ngày 22 tháng 1 đó - một ngày sau khi Goebbels chuẩn bị dàn dựng thảm kịch Stalingrad bằng cách kêu gọi “chiến tranh tổng lực” - Tập đoàn quân số 6 đã nhận được điện của Hitler chốt lại số phận của nó. “Không có chuyện đầu hàng. Binh sĩ tiếp tục chiến đấu đến cùng. Nếu có thể, tử thủ Pháo đài thu nhỏ bằng những binh sĩ còn chiến đấu được. Sự dũng cảm và ngoan cường của Pháo đài đem lại cơ hội lập được một mặt trận mới và tổ chức

phản công. Như vậy Tập đoàn quân số 6 sẽ hoàn thành đóng góp lịch sử của mình trong kỳ công vĩ đại nhất trong lịch sử nước Đức”.

“THỐNG CHẾ ĐỨC KHÔNG TỰ SÁT BẰNG KÉO CẮT MÓNG!”

Hễ có máy bay Đức bay ngang qua, binh lính lại ngược lên trông ngóng cho đến khi chỉ còn một chấm nhỏ mất hút trên trời. “Chúng tôi nhìn theo máy bay Đức”, một người lính viết, “mà trong lòng nặng trĩu với ý nghĩ giá mà được bay khỏi địa ngục trần gian mà chúng tôi bị bỏ lại này thì tuyệt biết bao”. Sau khi sân bay Gumrak bị chiếm vào sáng sớm 22 tháng 1 chỉ vài chiếc máy bay đáp được xuống đường băng nhỏ của sân bay Stalingradsky. “Cầu không vận” - lối thoát cuối cùng cũng đã đứt.

Việc tiếp tế giờ đây phụ thuộc hoàn toàn vào các thùng nhỏ được thả xuống bằng dù, gọi là “bom tiếp tế”, nhưng bất chấp yêu cầu thả dù đỏ của Tập đoàn quân số 6, không quân cứ tiếp tục thả dù trắng. Cung cách thả dù còn hú họa hơn bởi lẽ nhiều đơn vị đã mất các tấm nhận dạng, còn Quân đoàn không quân số 8 lại mất liên lạc điện đài với Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 vào ngày 24 tháng 1. Hube đã thả tin nhắn xuống, bảo lính ở các đồng đồ nát trong Stalingrad hãy nghe tiếng máy bay thì cùng nằm ra tuyết tạo thành hình chữ thập để báo “lính Đức ở đây”. Khi ánh sáng yếu hay tầm nhìn hạn chế thì bắn pháo hiệu để dẫn đường cho máy bay. Có điều quân Nga quanh đây cũng bắn pháo hiệu cùng màu gây nhiễu cho phi công. Gió mạnh cũng đưa nhiều thùng hàng sang bên địch. Có người nổi máu liều bò sang cướp lại ngay giữa chỗ trống. Lính bắn tỉa Nga dễ dàng lấy mạng họ. Trong các đồng đồ nát của Stalingrad, lính Đức đói quá đã phục kích lính Nga chỉ cốt lấy được túi bánh mì.

Mất Gumrak còn có nghĩa một chặng đường khổ ải khác đang chờ thương binh, nhiều người trong số đó đã phải lặn lội từ Pitomnik đến mà lại không

có máy bay. “Những thương binh kiệt quệ lê bước vào các đồng đồ nát của thành phố”, một người sống sót kể lại, “bò bốn chân như thú hoang, hy vọng tìm được một chút giúp đỡ”.

Điều kiện tại bệnh viện tạm ở Stalingrad lại còn ghê hơn ở Gumrak nữa, với khoảng 20.000 thương binh nhét vào các tầng hầm bên dưới những đồng đồ nát của thành phố, đó là chưa kể đến bệnh binh, có thể nâng tổng số lên đến 40.000. Khoảng 600 thương binh nặng nhét đầy các gian hầm bên dưới nhà hát Stalingrad, không có ánh sáng, không hệ thống vệ sinh. “Tiếng rên, kêu cứu và cầu nguyện”, một bác sĩ Sư đoàn bộ binh cơ giới số 60 viết, “tất cả hòa lẫn trong tiếng đạn nổ. Cái mùi đờ đẫn của khói, máu và tanh tươi của vết thương tràn ngập khắp hầm”. Băng gạc hết, thuốc hết và cả nước sạch cũng không còn.

Một số bác sĩ từ các đơn vị tuyến trước nhận được lệnh giúp đỡ công việc trong mạng lưới đường hầm ở khe Tsaritsa. Đó là những đường hầm chạy dọc ngang giống như dưới mỏ, hiện đang chứa chấp hơn 3.000 thương binh nặng. Bác sĩ Hermann Achleitner lúc mới tới nhận nhiệm vụ đã nhớ ngay đến câu “Hãy bỏ hết hy vọng khi đã vào đây”. Hàng đồng xác chết đông cứng ở bên ngoài khiến ông sốc nặng. Bên trong hình ảnh địa ngục càng mạnh thêm bởi những cây đèn dầu tự chế là nguồn ánh sáng duy nhất. Bầu không khí hôi hám thiếu oxy như chặn đường thở. Ông được đón bằng những tiếng van xin xót xa “Cho chúng tôi chút đồ ăn!” Bệnh nhân chỉ được phát một lát mỏng bánh mì thiêu mỗi ngày. Các bác sĩ bèn biến thứ đó thành súp cho nóng và dễ trôi hơn. Thiếu băng gạc là hết sức nghiêm trọng đối với những ca công giá. “Thường thì ngón tay ngón chân nằm lại luôn trong băng gạc bẩn khi chúng tôi thay băng”, ông ghi lại. Việc trừ chấy rận là không thể. Các hộ lý thay băng thấy một đám rận nâu từ bệnh nhân bò lên Cổ tay, cánh tay mình. Khi một người chết, có thể thấy rận cả bầy rời xác chết đi tìm người sống. Các bác sĩ cố hết sức để cách ly các ca sốt phát ban ngay khi có triệu chứng, nhưng họ cũng biết chẳng chóng thì chầy chính tay họ cũng là nguồn lây lan dịch bệnh. Một người lính trẻ chứng kiến mọi đau khổ ở đây đã lẩm bẩm: “Ở nhà người ta làm sao biết chuyện gì đang diễn ra ở đây”.

* * *

Cuộc rút chạy từ thảo nguyên khi *Kessel* bị các tập đoàn quân của Rokossovsky ép mạnh đã đưa số lính Đức tụ lại ở các đồng đồ nát trong Stalingrad lên tới hơn 100.000. Rất nhiều nếu không phải hầu hết bọn họ bị lỵ, vàng da và các bệnh khác. Mặt họ chuyển màu vàng bủng.

Phản ứng của dân chúng Stalingrad tỏ ra nhân đạo kỳ lạ, như các thương binh Sư đoàn bộ binh số 297 nhận thấy. “Hai phụ nữ Stalingrad xoa bóp đôi chân lạnh cứng của tôi cả tiếng đồng hồ để ngăn chúng bị cồng giá trầm trọng”, một sĩ quan viết. “Họ cứ nhìn tôi bằng ánh mắt thương cảm và nói: ‘Trẻ thế này mà sắp chết rồi!’ Một tổp lính cũng ngạc nhiên phát hiện mấy người phụ nữ Nga trong một ngôi nhà bị sập một phần. Họ vừa nướng ít bánh mì và đồng ý đổi một ổ bánh lấy miếng thịt ngựa đông cứng.

Trung đoàn hay sư đoàn cũng chả còn có nghĩa gì cả. Sư đoàn tăng số 14 còn chưa đến tám chục người có thể chiến đấu. Chưa chắc còn chiếc tăng hay vũ khí lớn nào còn đạn. Trong tình cảnh vô vọng đó, kỷ luật bắt đầu rệu rã. Sở dĩ họ vẫn tiếp tục chống cự chủ yếu là vì sợ quân Nga trả thù sau khi Paulus từ chối đầu hàng.

Không còn lo ngại súng chống tăng, những chiếc T-34 Soviet nghiền nát các ụ súng lẫn pháo thủ dưới xích sắt của mình. Hầm hào, công sự bị pháo đến sát tận nơi bắn tan. Lính Đức giờ đây lại trải qua cảm giác bất lực kinh khủng, không thể làm gì cho đồng đội bị thương hay ngay cả cho chính mình. Cuộc tấn công không thương xót của họ mùa hè năm ngoái dường như hoàn toàn thuộc về một thế giới khác. Ngày 25 tháng 1, Paulus và Đại tá Wilhelm Adam, một trong những sĩ quan cao cấp trong sở chỉ huy bị thương nhẹ vào đầu do bom nổ. Tướng Moritz von Drebber đầu hàng cùng phần còn lại của Sư đoàn bộ binh số 297 ở cách cửa sông Tsaritsa 5 km về phía tây nam. Viên đại tá Soviet đến tiếp nhận quân đầu hàng, nghe đầu đã hỏi: “Các trung đoàn của ông đâu?” Theo chương trình phát thanh trên đài Soviet hai ngày sau của tiểu thuyết gia Theodor Plievier, một đảng viên cộng sản Đức khác thuộc nhóm “Di cư Moskva”, Moritz von Drebber đã đưa mắt nhìn

nhóm người kiệt quệ và công giá đứng quanh, đáp: “Tôi có cần giải thích cho ông các trung đoàn của tôi ở đâu không, Đại tá?”

Chủ nhiệm quân y Tập đoàn quân số 6, Tướng Renoldi là một trong các tướng đầu tiên tự nộp mình. (Tình báo Hồng quân lần đầu tiên được biết Paulus đang trong trạng thái suy sụp là qua lời khai của ông này). Nhưng một số tướng hành xử tích cực hơn. Người kế nhiệm Hube, Tướng Helmuth Schlömer bị bắn vào đùi, còn Tướng Alexander von Hartmann của Sư đoàn bộ binh số 71 thì bị giết bởi một viên đạn xuyên qua đầu. Tướng Richard Stempel Tư lệnh Sư đoàn bộ binh số 371 tự sát, cũng như một số sĩ quan khác, khi địch chiếm được phía nam Stalingrad cho đến sông Tsaritsa.

Rạng sáng 29 tháng 1, xe tăng của Tập đoàn quân số 21 đã đến được Sư đoàn súng trường cận vệ số 13 của Rodimtsev tại phía bắc đồi Mamaev, gần khu tập thể nhà máy Tháng Mười Đỏ. Cảnh tượng không cần nói cũng biết là rất xúc động, nhất là với Tập đoàn quân số 62 của Chuikov đã đơn độc chiến đấu gần năm tháng ròng. “Cặp mắt của những người lính chai sạn gặp nhau nhòa lệ vui mừng”, Chuikov viết. Những chai rượu chuyển tay nhau tới lui uống mừng cuồng nhiệt. *Kessel* Stalingrad bị bủa vây, Paulus cùng phần lớn các sĩ quan cao cấp mắc lại bên phần nhỏ hơn phía nam và Quân đoàn số 11 của Tướng Strecker ở phần bắc thành phố, quanh khu vực nhà máy chế tạo máy kéo. Mỗi liên lạc duy nhất của ông với bên ngoài là điện đài của Sư đoàn tăng số 24.

Trong hai ngày sau đó, lính lạc ngũ Đức và Romania, thương binh và những người chấn động vì đạn pháo, cũng như các nhóm chiến đấu còn hoạt động, tất cả co cụm về một khoanh đất ngày càng hẹp phía nam, nơi Paulus và Schmidt lập sở chỉ huy mới bên dưới cửa hàng bách hóa Univermag trên Quảng trường Đỏ. Biểu tượng cuối cùng cho thấy sự chiếm đóng của quân Đức là lá cờ chữ thập ngoặc treo trên cột cờ tạm buộc vào ban công ngay trên lối vào. Tàn quân của Trung đoàn bộ binh số 194 của Đại tá Fritz Roske phụ trách bảo vệ nó. Roske mới được phong tướng và giữ chức Tư lệnh Sư đoàn số 71 đã không còn tồn tại.

Số lượng các sĩ quan cao cấp đầu hàng tăng lên, tức là Cục 7 của Phương diện quân sông Đông phụ trách “tuyên truyền chiến dịch” càng bận hơn bao giờ hết. Quá nhiều tù binh cần thẩm vấn kể từ lúc cuộc tấn công mở màn, thành ra rất khó chọn ai “ngon hơn”.

Đại úy Dyatlenko nhận được điện lệnh cho anh về ngay Bộ chỉ huy Phương diện quân sông Đông. Thêm một viên tướng Đức bị bắt, chuẩn bị đưa ra thẩm vấn. Dyadenko biết rằng người mới đến này, Tướng Edler von Daniels, đáng bỏ thời gian. Tìm kiếm trong các túi thư của chiếc máy bay vận tải bị bắn rơi hồi đầu tháng đã bắt được những lá thư dưới dạng nhật ký mà Daniels viết cho vợ. Giống như hầu hết các tù binh mới bị bắt, Daniels đang trong trạng thái dễ tổn thương. Là một người hỏi cung dày dạn kinh nghiệm, Dyadenko biết rằng bất ngờ là chiến thuật hay nhất. Anh hỏi quanh co về “Kessel-baby” rồi đột nhiên làm Daniels choáng váng bằng cách đưa ra những lá thư mà ông tưởng đã an toàn ở Đức.

"Tướng quân", Dyatlenko nhớ lại đã nói với ông. "Xin ông cầm lại số giấy tờ của mình. Đây là tài sản của ông nên ông có thể đưa nó vào kỷ vật gia đình khi trở về sau chiến tranh". Dĩ nhiên Daniels quá đỗi biết ơn. Ông nhận tách trà, bánh quy và thuốc lá Nga rồi sau đó “trả lời vài câu hỏi của chúng tôi”. Dyatlenko ngồi lại với ông đến tối. Sau khi nghỉ ăn tối, anh lại tiếp tục đến khuya.

Trong nhiều trường hợp không cần đến cách tiếp cận tinh tế như vậy. Rối loạn tâm lý và nổi tức giận vì thua trận tạo ra sự dễ bảo, nếu không nói là hợp tác, ở các sĩ quan cảm thấy mình bị phản bội đồng thời lại có lỗi với binh sĩ của mình vì đã cam đoan với họ về lời hứa giải cứu của *Fuhrer*. Trong khi thẩm vấn, họ thường đưa ra những nhận xét khó nghe về Hitler và về chế độ. Họ gọi Goebbels là “vịt què” và tiếc hùi hụi rằng gã phì nộn Goering không được thử “ăn kiêng kiểu Stalingrad”. Nhưng điều người Nga nhận thấy rõ nhất là các tướng đã nhận ra tính cách thực sự của lãnh tụ mình chỉ khi đã nếm trải cách đối đãi bạc bẽo của ông đối với họ và Tập đoàn

quân số 6. Một số người đã gọi ông và chính sách của ông là tội ác khi tấn công sâu vào nước Nga và những hành vi tàn bạo được tiến hành quá gần tiền tuyến mà họ nhất định phải biết nếu không phải trực tiếp chịu trách nhiệm.

Từ những cuộc thẩm vấn các sĩ quan bị bắt, Sở Chỉ huy Tập đoàn quân sông Đông đã hình thành một ấn tượng rõ ràng rằng Paulus đang “rất căng thẳng, cố đóng tròn vai trò ông buộc phải đóng”. Họ càng thêm tin rằng Paulus gần như là tù nhân trong sở chỉ huy của mình, do Tham mưu trưởng của mình giám sát. Dyatlenko tin chắc rằng Schmidt là “cặp mắt và đôi tay của Đảng Quốc xã” trong Tập đoàn quân số 6 vì các sĩ quan bị bắt đều cho biết rằng “Schmidt chỉ huy tập đoàn quân và luôn cả Paulus nữa”.

Đại tá Adam khi được Dyadenko thẩm vấn sau đó đã cho anh biết rằng chính Schmidt đã ra lệnh không tiếp nhận phái viên ngừng bắn. (Dyatlenko không để lộ rằng anh là một trong hai người đó). Các sĩ quan cao cấp ở Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 rõ ràng đã biết nội dung của gói giấy dầu. Vào buổi sáng 9 tháng 1 đó, khi Dyatlenko và Smyslov chờ trong hầm, trong lúc ăn sáng họ đã đọc những tờ truyền đơn máy bay Nga mới thả có in tối hậu thư. Cũng sáng hôm đó Tướng Hube đã bay trở lại *Kessel* sau khi đi gặp Hitler. Ông đã mang về lệnh không được đầu hàng. Theo Adam, điều đó đã củng cố quan điểm không khoan nhượng của Schmidt ở Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6.

* * *

Ngày 29 tháng 1, trước hôm kỷ niệm 10 năm Hitler lên nắm quyền, Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 gửi điện chúc mừng từ căn hầm bên dưới đồng đồ nát. “Kính thưa *Fuhrer*! Tập đoàn quân số 6 đón mừng *Fuhrer* nhân kỷ niệm ngày ngài lên cầm quyền. Lá cờ chữ thập ngoặc vẫn tung bay trên Stalingrad. Mong cuộc chiến đấu của chúng tôi là mẫu mực cho các thế hệ hôm nay và mai sau không bao giờ đầu hàng trong hoàn cảnh vô vọng để nước Đức tất thắng. *Heil mein Fuhrer!* Paulus”.

Bức điện lỗ bịch trong hoàn cảnh hiện tại, có vẻ như do tay Tướng Schmidt thảo ra và gửi đi. Lời lẽ sắc mùi ông ta. Lúc này Paulus đang bị bệnh ly hành hạ, chấn động bởi các sự kiện và đang mất tinh thần, cho nên không khó để hình dung ông chỉ gật đầu chấp thuận khi xem bức điện. Groscurth đã kể lại trong một bức thư trước đó không lâu: “Paulus đang trong tình trạng suy sụp cả về thể chất lẫn tinh thần”.

Ngày 30 tháng 1, vào đúng ngày lễ, Goering đăng đàn ở bộ Không quân, ví Tập đoàn quân số 6 với người Sparta ở trận Thermopylae. Bài phát biểu này được đón nhận không vui vẻ gì ở Stalingrad, nơi nó được nghe qua điện đài. Việc chính Goering chứ không phải ai khác đã đọc “điều văn cho chúng tôi” giống như sự lãng mạ chồng lên sự xúc phạm. Gottfried von Bismark mô tả lại tác động của nó là “ma quỷ”. Trong hầm nhà hát đầy thương binh, người ta nhận ra ngay giọng Goering. “Tắt đi!” ai đó hét lên. “Tắt nó đi!” những người khác cũng phụ họa, nguyên rủa ông ta. Bài phát biểu kết thúc bằng bản Giao hưởng số 5 của Bruckner. Một số sĩ quan cay đắng nói đùa rằng “cuộc tự sát tập thể của người Do Thái” trên đỉnh Masada mới là so sánh hợp hơn trận Thermopylae. Họ không biết mình đã chính xác thế nào. Quả thực Hitler đã tính đến việc tự sát tập thể, nhất là tất cả các sĩ quan cao cấp.

Diễn văn của chính Hitler do Goebbels đọc cũng hôm đó nhưng muộn hơn vì bị không quân hoàng gia Anh ném bom. Nó toát lên sự thách thức cay cú, song cái thói chối tội thì quá thô khó mà giấu được. Ông chỉ dành cho Stalingrad, thảm họa đang phủ bóng xuống ngày lễ này, vồn vện một câu: “Cuộc chiến đấu anh hùng của các chiến sĩ chúng ta trên sông Volga là lời hiệu triệu toàn dân làm hết sức mình trong cuộc đấu tranh vì tự do của nước Đức và tương lai của dân tộc chúng ta và rộng ra là để bảo toàn cả châu Âu”. Đây là thừa nhận đầu tiên, và kể từ đây, *Wehrmacht* sẽ phải chiến đấu để tránh khỏi thất bại.

Hôm sau, như để xua đi cảm giác thảm họa, Hitler phong liền một lúc bốn thống chế, trong đó có cả Paulus. Đây là lần phong thưởng sĩ quan cao cấp lớn nhất kể từ chiến thắng nước Pháp. Khi điện thông báo thăng chức từ

tướng lên thống chế, Paulus lập tức đoán ngay nó được ban tặng cùng một chén thuốc độc. Ông đã thốt lên với Tướng Pfeffer trong buổi họp các tướng lần cuối: “Tôi không định tự bắn mình vì gã hạ sĩ Bohemia đó đâu”. Một tướng khác đã khai với NKVD rằng Paulus đã nói: “Đó giống như lời mời tự sát, nhưng tôi sẽ không chiều lòng hăn ta đâu”. Theo bản năng, Paulus không tán thành tự sát. Khi nghe tin người của mình chọn “tự sát kiểu người lính”, tức là leo lên trên chiến hào đứng chờ quân địch hạ sát - ông đã ra lệnh cấm hành động kiểu đó.

Dĩ nhiên Hitler thì không quan tâm đến chuyện cứu tính mạng binh sĩ, ông chỉ muốn tạo ra một huyền thoại hào hùng. Rõ ràng ông đã mong các sĩ quan cao cấp của quân đội noi gương Đô đốc Gunther Lutjens trên tàu Bismarck, một ước muốn rõ ràng là bắt nguồn từ cái chết của các tướng Hartmann và Stempel.

* * *

Vùng cố thủ phía nam thu hẹp nhanh. Đến ngày 30 tháng 1, quân Soviet đã vào đến trung tâm thành phố. Trong các tầng hầm mà bộ phận chính của quân Đức đang trú ngụ tránh rét và đạn pháo, tâm trạng là tuyệt vọng và nơm nớp lo sợ. Tại trụ sở cũ của NKVD, bầu trời mùa đông lộ ra qua tòa nhà đổ. Sàn đá ngổn ngang gạch vỡ, cấu trúc hình cái lồng của cầu thang cùng tay vịn bị vặn xoắn. Một lá cờ chữ thập đỏ bên ngoài lối vào khiến một sĩ quan bộ binh Đức nổi giận vì cho đó là biểu hiện đầu hàng. Anh ta xuống tầng hầm, nơi các bác sĩ vẫn đang cặm cụi mổ xẻ dưới ánh đèn hơi của bệnh viện dã chiến trong khi chờ quân Nga đến. Trợn mắt dữ tợn, viên sĩ quan chìa khẩu tiểu liên vào họ, quát: “Có chuyện gì ở đây? Không có đầu hàng gì hết! Vẫn tiếp tục chiến đấu!” Binh sĩ nhiều người mất thăng bằng vì chiến đấu căng thẳng hay bị ảo giác vì thiếu dinh dưỡng trầm trọng. Gian hầm đầy những con người phát cuồng trong cơn mê sảng. Bác sĩ Markstein, một người quê Danzig, chỉ nhún vai. “Đây là trạm cứu thương”, ông nói. Anh

chàng chiến binh quần trí không bắn họ, anh ta biến đi như bóng ma vào khoảng tối, không nói một lời.

Cũng trong tòa nhà đó, vào ngày 25 tháng 1, khi Tướng Seydlitz thả các sư đoàn trưởng của mình về tự quyết định có đầu hàng hay không, Paulus cũng tước quyền chỉ huy của ông này. Ông giao tất cả các sư đoàn của Seydlitz cho Tướng Heitz, Tư lệnh Quân đoàn số 8, chỉ huy. Lúc đó Heitz lại ban bố một mệnh lệnh khác cho phép bắn bỏ bất kỳ ai ra hàng. Khi Seydlitz và hơn một tá sĩ quan ra hàng - có cả các tướng Pfeiffer, Korfes và Sanne - hàng tràng súng máy nhắm vào họ mà bắn khi quân Nga đưa họ đi. Về sau Tướng Seydlitz nói rằng có hai sĩ quan Đức tử thương do “mệnh lệnh tận diệt” đó của Heitz.

Tướng Heitz tuy ra mệnh lệnh đao to búa lớn “Chúng ta sẽ chiến đấu đến cùng, chỉ chừa lại một viên đạn”, nhưng xem ra ông không đưa chính ông và sở chỉ huy của mình vào đó. Một sĩ quan dưới quyền ông cho hay rằng bộ sậu của ông đã chuẩn bị sẵn cờ trắng và ông biết chắc chắn việc này.

Đại tá Lothar Rosenfeld, chỉ huy Trung đoàn phòng không số 104 của Luftwaffe lại chấp nhận kiểu khoa trương đúng ý chế độ. “Lá cờ chữ thập ngược bay trên đầu chúng tôi”, ông gửi điện vào tối 30 tháng 1 “Mệnh lệnh của Tổng tư lệnh tối cao sẽ được tuân thủ đến cùng. *Fuhrer* muôn năm”. Đêm đó Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 6 gửi điện cảnh báo rằng đã có các chỉ huy đầu hàng vì quân lính của họ đã hết đạn, nhưng vẫn dùng kiểu khoa trương tương tự như Rosenfeld, rằng họ vẫn “lắng nghe quốc ca lần cuối với cánh tay giơ thẳng chào kiểu Đức”. Một lần nữa nghe có vẻ Schmidt hơn là Paulus. Dù thực hư thế nào thì cũng chẳng mấy binh lính có ý nguyện hay đủ gan để chia sẻ cảm xúc đó. “Trong đêm 30 tháng 1 đó”, một trung sĩ ghi lại, “ai nấy chìm đắm trong những suy tư của mình, với nỗi hoang mang day dứt, với những vết thương và cồng giá đau đớn, với những ý nghĩ hướng về nhà và về thân phận mình”. Các sĩ quan thì lo bị hành quyết. Nhiều người đã gỡ bỏ lon.

Cũng vào giữa đêm đó, Tướng Voronov trong ngôi nhà gỗ *izba* của mình ở Bộ Chỉ huy Phương diện quân sông Đông hoảng hốt tỉnh dậy giữa giấc

ngủ chập chờn. Ông chợt lo Paulus có thể thoát ra bằng máy bay đáp xuống băng trên mặt sông Volga. Phản ứng của Stalin đối với việc để sống mất con cá lớn đó thế nào cũng không khó đoán. Ông nhảy dựng dậy, gọi điện ngay lệnh cho pháo dọc bờ đông bến Stalingrad phải canh chừng mặt sông.

Sáng sớm hôm sau, 31 tháng 1 năm 1943, Tập đoàn quân số 64 của Shumilov đã chiếm gần trọn trung tâm Stalingrad. Những tòa nhà đổ và các tầng hầm bị quét bằng lựu đạn và súng phun lửa. Quảng trường Đỏ trở thành mục tiêu bắn phá của pháo và súng cối trước khi quân Nga tiến đến cửa hàng bách hóa Univermag. Các pháo thủ còn lại của Roske phía trên tầng hầm đặt sở chỉ huy của Paulus cuối cùng cũng hạ vũ khí. Vào lúc 7 giờ 35 phút sáng, Đại úy Behr ở Ban Tham mưu của Milch nhận được điện: “Quân Nga đã ở lối vào. Chúng tôi chuẩn bị đầu hàng”. Mười phút sau, lúc Thượng úy Fyodor Ilchenko bước xuống tầng hầm chật chội và hơi hám thì Behr lại nhận được bức điện khác: “Chúng tôi đang ra hàng”. Behr liên chuyển bức điện cho sở chỉ huy Cụm Tập đoàn quân sông Đông của Manstein. Ở bên Đức, thông cáo chính thức cho biết: “Tình hình tại Stalingrad vẫn không có gì thay đổi. Tinh thần những người tử thủ vẫn không lay chuyển”.

Các sĩ quan tham mưu trong sở chỉ huy của Tướng Shumilov đã đến thảo luận điều kiện đầu hàng với Tướng Schmidt ở dưới tầng hầm. Paulus vẫn ở lại phòng bên trong khi Adam thông báo từng bước cho ông. Không rõ đó có phải là mánh khóe để Paulus không dính đến quy trình đầu hàng hay là một ví dụ nữa cho thấy Schmidt xử lý mọi việc, vì Paulus đang trong trạng thái gần như suy sụp. Cuối cùng, hai giờ sau khi Thượng úy Ilchenko xuất hiện, Tướng Ivan Laskin đã đến để tiếp nhận sự đầu hàng chính thức của Paulus trước khi ông, Schmidt và Adam được xe đưa về sở chỉ huy của Shumilov, như Tướng Roske một mực yêu cầu. Giống như người của mình, ba viên tướng xuất hiện bên ngoài râu ria lởm chởm mặc dù mặt mũi họ không nhợt nhạt như binh lính. Đại tá Adam, Vasily Grossman ghi lại, buông thõng hai bên tai chiếc mũ lông *ushanka* “trông như tai của chó nòi mới dưới nước lên”. Các ống kính máy quay thời sự đã chờ sẵn để ghi lại sự kiện.

Những người còn lại dưới tầng hầm ở trung tâm thành phố chờ đến khi lính Hồng quân xuất hiện. Họ hất nòng tiểu liên ra hiệu cho lính Đức ném vũ khí vào một góc rồi xếp hàng bước ra. Những kẻ thua trận đã chuẩn bị để bị giam giữ bằng cách xé quần phục quần vào chân cho ẩm. Vài lính Đức hô “*Hitler kaputt!*” như dấu hiệu xin hàng. Lính Nga có thể đáp lại “*Kameraden, Krieg kaputt! Paulus kapituliert!*”^[92], nhưng phần lớn chỉ hét “Phát xít!” hay “*Fritz! Komm! Komm!*”

Khi lính Soviet vào tầng hầm nhà hát, họ ra lệnh: “Ai có thể đi được thì ra ngoài xếp hàng về trại giam”. Những người đi nghĩ rằng các thương binh ở lại sẽ được chăm sóc.

Trong một hai trường hợp, giận dữ và tuyệt vọng sinh ra bùng nổ. Trong tòa nhà NKVD, lính Đức tưởng sẽ bị bắn tại chỗ sau khi một sĩ quan lén giấu súng lục, bất thần bắn thẳng vào một thiếu tá Nga, sau đó quay súng vào mình. Nhưng rồi quân Nga cũng qua cơn giận, và thế là những người tù binh thoát nạn.

Việc đầu hàng ở Stalingrad tạo ra sự bối rối mà trong đó tính mạng của lính Đức không biết đâu mà nói. Lính Soviet không rõ vô tình hay hữu ý đã làm cháy bệnh viện tạm đầy thương binh trong các lán trại của công binh bên cạnh sân bay. Hai sĩ quan cao xạ của Luftwaffe được lính Nga áp giải lên một phòng trên gác vì tin rằng miếng màu đỏ trên cổ áo họ chứng tỏ là sĩ quan cao cấp. Hai người nhảy đại qua một cửa sổ vỡ và rơi xuống cạnh nhà xí. Khi lính Nga chạy đến định bắn thì viên trung úy trẻ nhanh trí đã cứu mạng cả hai. Anh bảo người kia tụt quần xuống. Lính Nga cười ồ, tha chết. Ai lại bắn người bị tụt quần chứ.

Các nhóm của ban đặc biệt NKVD đang tìm những Hiwi và cả “lũ chó phát xít” tức là “SS, Gestapo, lính tăng và quân cảnh dã chiến”. Một số lính Đức bị nhầm là SS mà lại còn cười, bị đồn riêng sang một bên. Theo báo cáo dựa vào lời khai của một nữ sĩ quan tình báo Soviet cho cảnh sát mật dã chiến sáu tháng sau đó thì một nhóm 23 Hiwi đã bị hành quyết.

Một số lượng đáng kể các Hiwi đã tỏ ra trung thành với người Đức đến phút chót. Trong các đồng đồ nát của Stalingrad, trước khi đầu hàng, một số lính Sư đoàn bộ binh số 305 bị đói. Các Hiwi đi cùng họ lần đi đâu mất và họ tưởng không còn gặp lại nữa, nhưng những người Nga đã quay lại với đồ ăn dành cho họ. Kiếm ở đâu họ không nói. Tuy nhiên sự trung thành của những người Nga này không phải lúc nào cũng được đền đáp. Ngay trước lúc đầu hàng, một thượng sĩ đã hỏi viên sĩ quan: “Ta làm gì với tám Hiwi ấy bây giờ? Tôi bắn họ nhé?” Viên trung úy phải lùi lại trước kiểu máu lạnh đó và gạt đi. Anh ta bảo các Hiwi nấp kỹ hoặc trốn đi nếu được. Thế là họ đi.

Số phận của Hiwi vào cuối trận Stalingrad vẫn không rõ ràng, một phần vì hồ sơ của sư đoàn NKVD số 10 vẫn được giữ kín. Không có cách nào để biết bao nhiêu người đã chết trong mười tuần vây hãm và ba tuần chiến đấu cuối cùng. Một số bị bắn ngay khi bắt được, vài người được giữ lại làm thông dịch và chỉ điểm, số còn lại thì NKVD giải đi. Ngay cả người bên quân báo của Hồng quân cũng không biết về sau họ thế nào. Có thể họ đã bị sát hại - nhưng vào đầu năm 1943 chính quyền Soviet muốn có thêm sức lao động, nhất là khi các tù nhân Gulag đã được sung vào các đại đội trừng giới. Giải pháp bắt Hiwi làm việc chắc chắn là giải pháp lợi cả đôi đường.

* * *

Trong mấy ngày chiến đấu cuối cùng, nhà chức trách quân sự Soviet ngày càng lo lắng ngăn chặn các nhóm nhỏ có thể lọt lưới. Ba sĩ quan Đức do một trung tá cầm đầu mặc quân phục Hồng quân đã bị bắt ngày 27 tháng 1. Một trung úy Nga thuộc một trung đoàn tăng đã dồn được hai sĩ quan khác nhưng lại bị họ nổ súng bắn bị thương. Có khoảng 9-10 toán lính Đức đã phá vòng vây nhưng có vẻ không toán nào thoát; lúc này Cụm Tập đoàn quân sông Đông đã bị đẩy lùi sang bên kia sông Donets, cách *Kessel* hơn 300 km. Thế nhưng có chuyện một người lính đã thoát được, tuy chuyện chưa kiểm chứng và nghe cũng thiếu thuyết phục, có điều ngay hôm sau anh này lại trúng bom trong bệnh viện dã chiến, nơi anh ta đang điều trị kiệt sức và

cóng giá. Lại có chuyện những người khác chạy xuống phía nam vào thảo nguyên và được người Kalmyk thân thiện che chở, nhưng rồi những người Kalmyk này, giống như một số người khác ở miền nam Liên Xô, đã bị NKVD của Beria hỏi tội.

Được biết lính Nga thuộc các đơn vị tuyển trước, nhất là các sư đoàn cận vệ, thường cư xử đúng mực với kẻ bại trận hơn các đơn vị tuyển hai. Nhưng một số lính mừng chiến thắng, say lên là bắn tù binh dù có lệnh cấm. Ngay cả người của các đơn vị uy tín cũng nhanh tay lột từ kẻ bị bắt đồng hồ, nhẫn, máy ảnh, cả hộp đựng đồ ăn bằng nhôm được ưa chuộng của *Wehrmacht*. Nhiều món trong số đó sẽ được đem đổi vodka. Tù binh có ủng tằm tất có khi cũng bị lột mất để nhận lại đôi ủng Nga xơ xác. Một bác sĩ bị mất cuốn Faust quý giá, cuốn sách nhỏ bìa da in giấy mỏng mà một lính Nga muốn dùng để quấn thuốc makhorka. Mền quần quanh người cũng bị giật, đôi khi chỉ để hả giận vì quân Đức đã lấy đồ ấm của nhiều người dân Nga.

Khi những tù binh hốc hác từ các tầng hầm hay hầm trú ẩn bước ra, tay giơ cao đầu hàng, họ liền láo liên tìm kiếm một thanh gỗ để làm gậy chống. Nhiều người bị cọng giá nặng, rất khó bước đi. Hầu như ai cũng bị mất móng nếu không phải mất cả ngón chân. Các sĩ quan Soviet nhận thấy tình cảnh của lính Romania còn tồi tệ hơn lính Đức. Chắc là khẩu phần của họ bị cắt giảm sớm hơn nhằm giữ sức cho lính Đức.

Tù binh cúi gằm không dám nhìn lính áp giải hay những người dân hốc hác vừa mới lũ lượt từ dưới các đồng đồ nát chui ra đông đến khó tin. Chốc chốc lại có tiếng súng lẻ tẻ vang lên giữa nơi mới đây còn là chiến địa. Tiếng súng dưới hầm nghe tắc nghẹn. Không ai biết đó có phải là cái chết của một người lính lẫn trốn bị tìm thấy hay ai đó đang cố chống cự, hoặc có thể một người lính bị thương nặng nhận phát súng ân huệ.

Những tàn quân bại trận của Tập đoàn quân số 6, không vũ khí, không mũ sắt, mũ len kéo xuống hoặc giẻ quần quanh đầu chống rét buốt, run rẩy trong áo choàng mỏng manh, quần chặt quanh người bằng dây điện thoại thay thắt lưng, bị lừa đi thành những hàng dài. Một nhóm binh sĩ sống sót của Sư

đoàn bộ binh soos 297 bị một sĩ quan Nga chặn lại, chỉ vào các đồng đồ nát hét vào mặt họ: “Berlin sẽ thành thế này cho mà xem!”

* * *

Thống chế Paulus có Trung úy quân báo Hồng quân Lev Bezyminsky đi cùng được chở từ Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 64 bằng chính xe của ông đến Bộ Tư lệnh Phương diện quân sông Đông bên ngoài Zavarykino, cách Stalingrad chừng 80 km. Schmidt và Adam cũng được áp giải theo sau trên một xe khác. Họ được đưa đến ở trong một ngôi nhà *izba* năm gian. Một đội lính gác do Trung úy C. M. Bogomolov chỉ huy đang chờ ở đó. Những “tướng lĩnh Stalingrad” khác được đưa đến một *izba* khác gần đây do Trung úy Spektor cùng một trung đội canh giữ.

Ý thức được thời khắc lịch sử, Bogomolov và người của anh háo hức nhìn những người họ cai quản. Paulus cao lớn nên qua cửa phải cúi. Bắt chước Adam, ông cũng bỏ mũ quân phục đi để đội một chiếc mũ lông *ushanka*. Ông vẫn mặc quân phục thượng tướng. Theo sau Paulus là Tướng Schmidt và Đại tá Adam, người đã kịp gây ấn tượng cho lính canh với “vốn tiếng Nga khá tốt” của mình. Người lính lái xe của Paulus vào sau cùng, khệ nệ xách những chiếc va li nặng của các sếp. Chiếc Mercedes quân dụng của ông đã bị Tướng Kazakov, Chỉ huy pháo binh của Phương diện quân lấy ngay.

Paulus và Schmidt chiếm phòng trong của *izba*, còn Đại tá Adam và người áp giải ở phòng ngoài. Có hai đặc vụ NKVD từ Moskva do Beria phái đến ở cùng họ. Tối hôm đó, Tướng Malinin, Tham mưu trưởng Phương diện quân và Đại tá Anton Yakimovich, một sĩ quan tham mưu cao cấp đến. Bezyminsky trong vai trò thông dịch, báo cho Paulus và Schmidt rằng nhiệm vụ của họ là kiểm tra tư trang của khách để tìm “vật cấm”, gồm tất cả các thứ bằng kim loại có đầu nhọn. Schmidt nổi nóng. “Thống chế Đức không tự sát bằng kéo cắt móng!” Paulus mệt mỏi phẩy tay ra hiệu bỏ qua đi và giao lại bộ đồ cạo râu của mình.

Ngay trước nửa đêm, Paulus được thông báo rằng các chỉ huy Hồng quân đã đến đủ chờ thăm vấn ông. Trung úy Yevgeny Tarabrin, viên sĩ quan nói tiếng Đức của NKVD được cử đến tháp tùng ông ở mọi nơi, nghe được Paulus thì thầm với Schmidt trong lúc ông này giúp ông mặc áo choàng: “Tôi nên nói gì?”

Nghe đâu Tướng Schmidt đã rút lên đáp lại: “Hãy nhớ ông là thống chế quân đội Đức”, Lạ hơn nữa, mà lại rất quan trọng đối với đôi tai của tình báo Hồng quân, viên sĩ quan Nga cho biết rằng Schmidt dùng đại từ *du* suông sẽ khi xưng hô với cấp trên của mình^[93].

Chỉ nửa tiếng trước khi cuộc gặp bắt đầu, Đại úy NKVD Dyatlenko nhận được lệnh có mặt tại *izba* của nguyên soái mới được Stalin tấn phong Voronov. “Này đại úy”, Voronov niềm nở đón anh, “Hắn cậu còn nhớ hồi ông già không muốn tiếp cậu. Hừm, giờ thì chính ông ta phải tự dẫn xác đến đây. Còn cậu sẽ đứng ra tiếp đấy”.

Voronov ngồi trước bàn với Tướng Rokossovsky, Tư lệnh Phương diện quân và Tướng K. F. Telegin, Chính ủy Phương diện quân. Một thợ ảnh xuất hiện mặc áo khoác phi công viền lông. Dyatlenko lấy làm lạ thấy anh ta khá thoải mái với Voronov. Té ra đó chính là nhà làm phim tài liệu danh tiếng Roman Karmen, vốn đã quen thân Voronov từ thời Nội chiến Tây Ban Nha. Karmen chỉnh lại chiếc ghế dành cho Paulus để chụp thẳng ra từ cửa phòng ngủ của Voronov được. Ông biết tấm hình của mình sẽ được dùng để nói cho thế giới biết về thắng lợi vĩ đại của Liên Xô^[94].

Bầu không khí trong *izba* của Voronov căng thẳng khi “khách” đến. Cao, gầy, lòng không, trong bộ quân phục màu “lông chuột” và sắc mặt nhợt nhạt vì căng thẳng, trông Paulus xám ngắt. Tóc ông đã chuyển “muối tiêu”, ngay cả bộ râu cũng sợi trắng sợi đen. Mỗi khi Paulus đã đến gần bàn, Voronov mới chỉ vào cái ghế trống. “Mời ngài ngồi”, ông nói bằng tiếng Nga. Dyatlenko đứng lên dịch lại. Paulus hơi cúi mình và ngồi xuống. Đến đó Dyatlenko giới thiệu hai vị chỉ huy Soviet. “Đại diện *Stavka*, nguyên soái pháo binh Voronov! Tư lệnh Phương diện quân sông Đông, Thượng tướng

Rokossovsky!” Paulus đứng bật dậy lần lượt hướng về hai người khẽ cúi mình.

Voronov bắt đầu nói, chốc chốc lại dừng để Dyadenko dịch. “*Herr* Thượng tướng, hơi muộn nên chắc ngài đã mệt. Mấy ngày vừa rồi ta đã làm việc nhiều. Chính vì vậy nên bây giờ ta chỉ thảo luận duy nhất một vấn đề cấp bách thôi”.

“Xin thứ lỗi”, Paulus đột nhiên xen ngang làm Dyatlenko hơi chững hững. “Có điều tôi không phải là thượng tướng. Ngày hôm kia sở chỉ huy của tôi đã nhận điện cho hay tôi đã được tấn phong thống chế. Điều đó cũng đã được ghi trong lý lịch quân nhân của tôi”. Ông chạm tay vào nắp túi ngực áo quân phục. “Tuy nhiên, do hoàn cảnh nên tôi chưa kịp đổi quân phục”.

Voronov và Rokossovsky đưa mắt nhìn nhau ngạc nhiên pha chút cười cợt. Tướng Shumilov đã thông báo cho Bộ Tư lệnh Phương diện quân sông Đông về việc thăng chức vào phút chót của Paulus.

“Vậy thì, thưa Thống chế!” Voronov nói tiếp, “chúng tôi yêu cầu ngài ký một mệnh lệnh gửi cho phần còn lại của tập đoàn quân của ngài hiện vẫn đang chống cự, bảo họ đầu hàng để tránh những tổn thất vô ích”.

“Việc đó không xứng với một người lính!” Paulus thốt lên trước khi Dyatlenko kịp dịch xong câu.

“Như vậy tức là”, Voronov hỏi, “cứu mạng những người dưới quyền là hành vi không xứng với một người lính khi bản thân người chỉ huy đã đầu hàng?”

“Tôi không đầu hàng. Tôi bị bắt bất ngờ”.

Câu trả lời “ngây thơ” đó không gây được ấn tượng cho các sĩ quan Nga vì họ đã biết rõ hoàn cảnh đầu hàng. “Chúng ta đang nói về một hành động nhân đạo”, Voronov tiếp tục. “Chúng tôi chỉ mất vài ngày hoặc thậm chí vài giờ để tiêu diệt số quân còn lại vẫn tiếp tục chống cự của ngài. Chống cự là vô ích. Nó chỉ gây ra cái chết không cần thiết cho hàng ngàn binh sĩ. Bồn phận của ngài như một tư lệnh tập đoàn quân là cứu mạng họ, và như thế cũng đúng đắn hơn vì chính ngài cũng đã tự cứu mình bằng cách đầu hàng rồi”.

Paulus bút rút vắn vò gói thuốc và cái gạt tàn dành cho mình trên bàn, lảng tránh câu hỏi bằng bài cù nhây. “Kể cả tôi có ký lệnh đi nữa thì họ cũng không nghe đâu. Nếu tôi đầu hàng, mặc nhiên tôi không còn là tư lệnh của họ nữa”.

“Nhưng mới mấy giờ trước ngài vẫn là tư lệnh của họ mà”.

“Vì quân của tôi bị tách làm hai nhóm”, Paulus vẫn cố cãi, “nên tôi là tư lệnh của nhóm bên kia chỉ là trên danh nghĩa. Các mệnh lệnh đến riêng rẽ từ đại bản doanh của *Fuhrer* và mỗi nhóm do một tướng khác nhau chỉ huy”.

Cuộc tranh luận cứ tiếp diễn lòng vòng. Những cú giạt của Paulus càng rõ, cả Voronov cũng rối như tơ vò, biết rằng Stalin ở điện Kremli đang chờ nghe kết quả, thế nên ông cũng lộ dấu hiệu căng thẳng. Mồi trên của ông giật giật, di chứng của một vụ đụng xe ở Belorussia. Paulus tiếp tục chơi bài cù, thậm chí còn bảo rằng dù ông có ký đi nữa thì đó vẫn bị coi là giả mạo. Voronov đáp rằng nếu vậy họ sẽ đưa một viên tướng của Paulus đến làm chứng cho chữ ký rồi cử người đó đến phía bắc *Kessel* cùng với đầy đủ giấy tờ để đảm bảo tính xác thực của nó. Nhưng Paulus, bất kể lý do ông đưa ra có khập khiễng thế nào cũng nhất quyết không chịu ký. Cuối cùng Voronov đành chấp nhận có cố thế nào với ông ta cũng vô ích.

“Tôi phải thông báo với ngài, thưa Thống chế”, Dyatlenko dịch lại, “rằng bằng việc từ chối cứu mạng những người dưới quyền, ngài phải gánh chịu một trách nhiệm nặng nề đối với nhân dân Đức và với tương lai của nước Đức”. Paulus nhìn trân trân lên tường, ủ rũ và câm lặng. Trong “tư thế đau khổ” đó, chỉ có cú giạt trên mặt biểu lộ ý nghĩ của ông.

Đến đó Voronov kết thúc cuộc thẩm vấn bằng cách hỏi Paulus xem ông có hài lòng về chỗ ở không, có kiêng khem gì vì bệnh tật không. “Điều duy nhất tôi muốn yêu cầu”, Paulus đáp, “đó là nuôi ăn nhiều tù binh và dành cho họ sự chăm sóc y tế”. Voronov giải thích rằng “tình hình mặt trận khiến việc đó gây khó khăn cho việc tiếp nhận và xử lý một lượng lớn tù binh như vậy”, nhưng họ sẽ làm tất cả những gì có thể. Paulus cảm ơn, đứng dậy và lại nghiêng mình lần nữa.

Hitler nghe tin ở *Wolfsschanze* được bảo vệ nghiêm ngặt trong khu rừng miền Đông Phổ, nơi mà Tướng Jodl từng gọi là kết quả lai giữa một tu viện và một trại tập trung. Lần này ông không đập bàn, chỉ im lặng nhìn tô súp của mình.

Sang ngày hôm sau thì tiếng nói và cơn giận của ông đã quay trở lại. Thống chế Keitel và các tướng Jeschonnek, Jodl và Zeitzler đều được gọi đến họp với *Fuhrer* vào buổi trưa. “Họ đã đầu hàng công khai và tuyệt đối”, Hitler nói, ngạc nhiên và giận dữ. “Đáng lẽ họ phải siết chặt hàng ngũ, lập đội hình con nhím và dành cho mình viên đạn cuối cùng. Ta coi trọng một phụ nữ có đủ kiêu hãnh bỏ đi, tự nhốt mình và tự sát vì nghe những lời xúc phạm, cho nên tôi không có một tí tôn trọng nào đối với một người lính khiếp sợ việc đó mà chịu nộ mình”.

“Tôi cũng không hiểu”, Zeitzler phụ họa. Thái độ của ông ở đây khiến người ta thắc mắc về việc ông đã cam đoan với Manstein và những người khác rằng ông sẽ làm tất cả để thuyết phục Hitler về tình hình thực tế của Tập đoàn quân số 6. “Tôi vẫn cho là điều đó không có thật; chắc ông ta đang bị thương nặng nằm đó rồi”.

Hitler vẫn không ngớt quay trở lại với việc Paulus không chịu tự sát. Rõ ràng điều đó đã bôi bẩn hết huyền thoại Stalingrad trong hình dung của ông. “Việc đó xúc phạm tôi ghê gớm bởi lẽ tấm gương anh dũng của bao nhiêu chiến sĩ đã bị sổ toẹt bởi một kẻ yếu đuối không cá tính... Cuộc sống là gì? Cuộc sống là dân tộc. Mỗi cá nhân đảng nào cũng phải chết... Cá nhân tôi đau nhất là tôi vừa mới phong ông ta lên thống chế. Tôi muốn dành cho ông ta chút mãn nguyện cuối cùng. Ông ta có thể giải thoát mình khỏi mọi sầu muộn và bước lên đài vinh hiển và bất tử của dân tộc, thế nhưng ông ta lại chọn đi Moskva”. Nhưng choáng váng hơn ai hết chính là các đồng minh Nhật Bản của Hitler khi sau đó các quan chức và các chỉ huy quân sự cao cấp được xem cuốn phim Soviet quay Paulus và các tướng bị bắt khác. “Nếu

đúng là thế, sao Paulus và những người khác lại không tự sát như một người lính đích thực?” Họ ngơ ngác hỏi nhau.

* * *

Cụm phía bắc với tàn quân của 6 sư đoàn dưới sự chỉ huy của Tướng Strecker vẫn tiếp tục cầm cự. Ở Sở Chỉ huy Quân đoàn số 11 đóng ở nhà máy chế tạo máy kéo Stalingrad, Strecker gửi điện: “Bộ đội đang chiến đấu mà không có vũ khí nặng và tiếp tế hậu cần. Binh sĩ suy sụp vì kiệt sức. Nhiều khi chết còng mà vẫn ôm súng. Strecker”. Thông điệp của ông thô tháo, khác hẳn kiểu rập khuôn của Quốc xã. Hitler nhận được điện sau cuộc họp với Zeitzler đã trả lời lúc cuối buổi chiều: “Tôi trông mong *Kessel* phía bắc đứng vững đến cùng”. Để nhấn mạnh thêm điểm này, ông ban bố một chỉ thị của Quốc trưởng ít lâu sau đó: “Quân đoàn số 11 phải kháng cự đến cùng để cầm chân càng nhiều lực lượng địch càng tốt nhằm hỗ trợ các chiến dịch trên những mặt trận khác”.

Bốn tập đoàn quân Soviet nhanh chóng triển khai để đè bẹp cụm cuối cùng. Ba trăm khẩu pháo tập trung chỉ trong 1 km, khu vực nhà máy một lần nữa lại bị dập toì bời. Hầm nào còn sót cũng đều bị đạn tầm gần phá nát, có hầm bị pháo bắn, có hầm bị súng phun lửa đốt, đôi khi xe tăng còn xộc thẳng vào, chọc cả nòng vào lỗ châu mai.

Strecker tin rằng nếu đơn thuần để giúp Manstein thì còn có ý nghĩa về mặt quân sự để mà tử thủ, nhưng ông quyết phản đối ý tưởng tự hủy diệt vì mục đích tuyên truyền. Trong đầu ông đã biết rõ bốn phận của một sĩ quan là gì, như cuộc nói chuyện của ông với một phụ tá trung đoàn trưởng chỉ ít lâu trước khi mọi chuyện kết thúc cho thấy.

“Khi đến lúc”, viên phụ tá cam đoan với ông, “chúng tôi sẽ tự sát”.

“Tự sát?” Strecker ngạc nhiên.

“Vâng, thưa Tướng quân! Đại tá của tôi cũng sẽ tự bắn mình. Ông ấy tin rằng chúng ta không được phép để địch bắt”.

“Để tôi nói anh nghe. Anh sẽ không tự bắn mình, cả đại tá của anh cũng thế. Các anh sẽ chấp nhận bị bắt cùng với người của mình và sẽ làm mọi thứ có thể để nêu một tấm gương tốt”.

“Ý ngài là...” mắt cậu sĩ quan trẻ sáng lên, “tôi không phải tự bắn mình”.

Strecker dành gần hết đêm mừng 1 tháng 2 tại Sở Chỉ huy Trung đoàn của một người bạn cũ, Đại tá Julius Muller. Một cây nến duy nhất thắp trong góc boong ke trong khi nhóm nhỏ những người có mặt nói chuyện về trận đánh hiện tại, về những người bạn thuở xưa và về cảnh giam cầm sắp tới. “Không ai nhắc đến những khổ đau”, Strecker nhận xét, “không ai nói lời cay đắng”. Sáng sớm, Strecker đứng lên. “Muller, tôi phải đi đây”, ông nói. “Chúa che chở cho anh và người của anh”. Strecker rất tâm đắc với mô tả của Thomas Carlyle về Chúa như “thống soái đích thực”. Chắc hẳn hình dung của ông về thiên đường là một nơi có quy củ nhà binh mẫu mực.

“Chúng tôi sẽ thực hiện nghĩa vụ của mình, thưa tướng quân”, Muller đáp lúc hai người bắt tay nhau.

Strecker đã bác bỏ yêu cầu đầu hàng của các chỉ huy sư đoàn, nhưng vào lúc 4 giờ sáng ngày 2 tháng 2, các tướng Arno von Lenski và Martin Lattmann một lần nữa lại xin phép ông. Strecker lại từ chối. Lúc đó Lenski mới nói rằng một trong các sĩ quan của ông đã đi điều đình với quân Nga. Strecker thấy cổ nữa cũng không để làm gì. Ông cùng Groscurth thảo bức điện cuối cùng. “Quân đoàn số 11 với 6 sư đoàn đã hoàn thành bốn phần chiến đấu đến người cuối cùng. Nước Đức muôn năm!” Bức điện được Cụm Tập đoàn quân sông Đông nhận. Về sau, Strecker quả quyết rằng, ông và Groscurth đã cố ý bỏ qua việc tung hô Hitler, nhưng trong bức điện được ghi lại và gửi tiếp đi Đông Phổ thì lại kết thúc bằng câu “*Fuhrer* muôn năm!” Có lẽ ai đó đã nghĩ rằng phải viết như vậy để bức điện dễ được chấp nhận hơn ở *Wolfsschanze*.

Khi hai người lính Nga ngập ngừng xuất hiện ở lối vào hầm chỉ huy, Groscurth gọi to bảo họ đưa tướng chỉ huy đến. Về sau Strecker viết rằng nhiều lính của ông lúc đó “gần như chết rồi”.

* * *

Vài ngày sau, các phóng viên nước ngoài được đưa đi xem khu vực nhà máy. “Lúc bình thường địa hình ở đây thế nào không ai biết được”, nhà báo Anh Alexander Werth viết. “Ta cứ phải hết lên lại xuống, hết xuống lại lên; sườn dốc cũ ở đâu, hay đâu là mép của hàng tá hố bom chồng chéo lên nhau, không ai nói được. Các chiến hào chạy cắt qua sân nhà máy, xuyên qua cả các nhà xưởng; dưới đáy chiến hào vẫn còn những xác lính Đức màu xanh và xác lính Nga màu xám đông cứng cùng những mảnh thân thể cũng đông cứng, và cả mũ sắt Đức và Nga nằm lẫn với gạch vụn, tuyết ngập lưng mũ. Có cả kẽm gai và những quả mìn lộ ra một nửa, vỏ đạn và thêm nhiều xà bần cùng những mảng tường, những thanh rầm cong queo gỉ sét. Làm sao người ta có thể sống sót ở đây, thật khó mà hình dung nổi”.

* * *

Sáng 2 tháng 2 khởi đầu với sương mù dày đặc, sau đó tan dần khi mặt trời lên và gió thổi tung tuyết vụn. Khi tin đầu hàng lan truyền trong Tập đoàn quân số 62, pháo hiệu bắn lên không trung không ngớt. Thủy thủ giang đoàn Volga và binh lính từ bên tả ngạn vượt qua mặt băng với những ổ bánh mì và các hộp đồ ăn đem cho dân chúng bị mắc kẹt suốt năm tháng ròng trong các hầm hố.

Từng người, từng tốp bước đi, hớn hờ ôm chầm lấy bất cứ ai họ gặp. Những giọng nói nghẹn lại trong không khí lạnh giá. Bóng người xuất hiện khắp nơi giữa cảnh hoang lương nhợt nhạt, nhưng thành phố vẫn trông như bị bỏ hoang và đã chết. Cái kết cục khó mong đợi, thậm chí còn bất ngờ, và những người lính Nga bảo vệ nó không dám tin rằng trận Stalingrad cuối cùng cũng đã kết thúc. Khi nghĩ đến nó và nhớ đến những người đã mất, sự sống sót của họ khiến chính họ cũng ngỡ ngàng. Mỗi sư đoàn được điều qua sông Volga chỉ còn không quá vài trăm người sống sót. Trong toàn bộ chiến

dịch Stalingrad, Hồng quân đã thương vong tổng cộng 1,1 triệu, trong đó có 485.751 hy sinh.

Grossman nhớ lại năm tháng trời vừa qua. “Tôi nghĩ về con đường đất dẫn đến một làng chài bên bờ sông Volga - một con đường vinh quang và chết chóc - và những hàng dài hành quân ngộp thở vì bụi tháng 8, trong đêm trắng tháng 9, trong mưa xối tháng 10 và trong tuyết bay tháng 11. Họ bước nặng nhọc - lính chống tăng, lính súng máy, lính bộ binh bình thường - họ đã hành quân trong im lặng trang nghiêm trầm mặc. Âm thanh duy nhất phát ra từ hàng quân là tiếng vũ khí va nhau và tiếng bước chân đều đặn”.

Còn rất ít thứ gợi nhớ tới thành phố từng tồn tại trước khi các máy bay ném bom của Richthofen xuất hiện vào buổi chiều tháng 8 ấy. Stalingrad giờ đây không khác gì bộ xương bị quăng quật và thiêu cháy. Giờ đây Stalingrad trông chẳng khác gì một nắm xương đen bị cháy trụi. Thứ duy nhất còn tồn tại là chiếc đài phun nước có tượng các em bé nhảy múa xung quanh. Có vẻ như đây là một kỳ tích sau khi hàng nghìn trẻ em đã bỏ mạng trong các đồng ổ nát quanh thành phố này.

“KHÔNG NHẢY NHÓT NỮA! STALINGRAD ĐÃ THẤT THỦ”

Trưa ngày 2 tháng 2, một chiếc máy bay trinh sát của Luftwaffe lượn vòng trên thành phố. Thông báo của phi công qua điện đài lập tức được chuyển cho Thống chế Milch: “Không còn thấy dấu hiệu giao tranh trong Stalingrad”.

Sau lần thẩm vấn đầu tiên của Voronov và Rokossovsky với Paulus, Đại úy Dyatlenko trở lại thẩm vấn các tướng lĩnh bị bắt khác. Trái với dự đoán của anh, họ phản ứng hết sức khác nhau. Tướng Schlomer, người thay Hube làm Tư lệnh Quân đoàn tăng số 14 chống gậy khập khiễng đến, mình mặc áo bông của Hồng quân. Ông giành được thiện cảm của người thẩm vấn bằng vẻ dễ mến và nhận xét về “gã hạ sĩ không biết gì về việc quân” và “đám cầu cạnh bất tài tay chân hăn ta”. Tướng Walther von Seydlitz thì trái lại, là người mà sau này NKVD “đã phát hiện là người hăng hái nhất bảo vệ tinh thần bất tuân đối với quốc trưởng trong thời gian bị vây hãm”, giữ mình “hết sức nghiêm khắc”.

Đối với Stalin, 91.000 tù binh trong đó có 22 viên tướng Đức là chiến lợi phẩm quý hơn cờ hay pháo. Paulus vẫn còn sốc nên mới đầu không chịu xuất hiện trước các nhà báo được đưa từ Moskva tới. “Chúng tôi có quy định của mình”, Đại tá Yakimovich của Bộ Tư lệnh Phương diện quân sông Đông vịn lại, Trung úy Bezyminsky dịch. “Ông buộc phải làm những gì chúng tôi bảo”. Tuy thế họ cũng cho phép một châm chương. Paulus không nhất thiết phải trả lời các nhà báo, chỉ việc chường mặt ra để chứng minh rằng ông không tự sát.

Các phóng viên nước ngoài khá ngạc nhiên trước bộ dạng của các tướng Đức. “Họ trông bộ khỏe mạnh chứ không có vẻ gì là thiếu ăn”, Alexander Werth viết. “Rõ ràng là trong suốt thời gian hấp hối của Stalingrad, khi binh sĩ của họ đói đến chết thì họ ít nhiều vẫn được ăn uống đều đặn. Người duy nhất có vẻ không khỏe chính là Paulus. Trông ông nhợt nhạt và ốm yếu và bị giật bên má trái”.

Những cố gắng đặt câu hỏi không được mỹ mãn lắm. “Cứ như trong sở thú”, Werth viết, “nơi mà vài con thú tỏ ra quan tâm đến người xem, vài con lại ngủ ngạo”. Tướng Deboi rõ ràng muốn làm vừa lòng nên lập tức nói ngay với các phóng viên nước ngoài — “cứ như bảo chúng tôi đừng sợ” - rằng ông là người Áo. Tướng Schlomer là thoải mái nhất. Ông quay về phía một người canh giữ mình, vỗ vai viên sĩ quan, cứ như tướng lĩnh xuống thăm binh sĩ, rồi nhướng mắt hài hước thốt lên: “Sao — mới hả?” Tướng Sixt von Arnim thì trái lại, chủ yếu là đang lo cho số tư trang của mình và suy nghĩ của ông về lính Hồng quân. “Các sĩ quan cư xử rất đúng mực”, ông nói, còn lính thì ông mô tả là “hỗn hào khó chấp nhận được!”

Sự căng thẳng của việc bắt giữ cũng đưa đến việc cư xử không hay ho gì trong hai ngôi nhà nông dân ở Zavarykino. Một buổi sáng Adam đã cố tình khiêu khích Thượng úy Bogomolov bằng cách giơ tay chào kiểu Quốc xã và hô “Heil Hitler”. Tuy nhiên, Schmidt mới là viên sĩ quan bị người Nga ghét nhất. Bogomolov đã bắt ông ta xin lỗi cô phục vụ phòng ăn vì đã làm cô này phát khóc khi cô phục vụ bữa trưa. Vài ngày sau, rắc rối lại xảy ra trong ngôi nhà bên kia nơi các tướng khác đang ở. Trung úy Spektor của nhóm gác số 2 gọi điện thoại cho Bogomolov, giục anh sang nhanh. Đã có một trận ẩu đả. “Khi mở cửa”, Bogomolov viết, “tôi thấy một viên tướng Đức đang tóm cổ tay một viên tướng Romania. Thấy tôi vào, viên tướng Đức bỏ tay ra, thế là viên tướng Romania đâm thẳng vào mồm ông kia. Té ra chuyện là ông Romania bảo ông Đức định lấy bộ dao đĩa của mình”. Bogomolov ngán ngẩm, dọa đùa Trung úy Spektor “rằng nếu anh ta còn để chuyện này xảy ra lần nữa thì cả thìa của anh ta cũng bị thu luôn”.

Sự thù địch ngầm ngầm giữa các tướng rồi cũng lộ ra. Heitz và Seydlitz càng thêm thù nhau sau vụ Seydlitz cho phép các sư đoàn trưởng của mình tự quyết định có đầu hàng hay không. Chính là Heitz, người đã lệnh cho lính “chiến đấu đến cùng, chừa lại một viên đạn” thì lại đầu hàng, sau đó còn nhận lời ăn tối với Tướng Shumilov ở Sở Chỉ huy Tập đoàn quân số 64. Ông ta còn ngủ lại đêm đó nữa. Khi cuối cùng ông về Zavarykino ở cùng các tướng khác, một cơn huyên náo nổi lên vì ông này về với mấy va li sắp xếp sẵn để đi tù. Khi bị hỏi kháy về mệnh lệnh chiến đấu đến cùng, ông trả lời rằng ông đã định tự sát nhưng Tham mưu trưởng của ông đã ngăn lại.

* * *

Còn với *Wehrmacht*, đây là lúc tính toán thiệt hại. Ban Tham mưu của Thống chế Milch ước tính họ mất 488 máy bay vận tải và 1.000 thành viên tổ lái trong chiến dịch cầu không vận. Sư đoàn phòng không số 9 bị tiêu diệt cùng với các nhân viên mặt đất, chưa kể thiệt hại máy bay ném bom, máy bay tiêm kích và Stuka của Không đoàn số 4 trong chiến dịch này.

Thiệt hại chính xác của lực quân vẫn còn chưa rõ, nhưng chắc chắn chiến dịch Stalingrad là thất bại thê thảm nhất từ trước đến nay trong lịch sử nước Đức. Tập đoàn quân số 6 và Tập đoàn tăng số 4 đã bị tiêu diệt. Chỉ riêng bên trong *Kessel* đã có khoảng 60.000 người chết kể từ đầu Chiến dịch Sao Thiên Vương và khoảng 130.000 người bị bắt. (Ở đây lại có một chút lẫn lộn, chủ yếu là do số lính Nga mặc quân phục Đức). Những con số này chưa tính đến: thương vong bên trong và xung quanh Stalingrad từ tháng 8 đến tháng 11, bốn tập đoàn quân đồng minh bị đánh tan, thất bại trong nỗ lực giải cứu của Manstein và thiệt hại do Chiến dịch Sao Thổ Nhỏ. Tổng cộng, phe Trục mất hơn nửa triệu người.

Đưa tin thế nào cho người dân Đức về một thảm họa cỡ này là một thách thức mà Goebbels phải gồng mình lên đối phó, dùng hết tất cả tài năng nói dối không biết ngượng của mình. Mãi đến 16 tháng 1, chính quyền còn chưa thừa nhận Tập đoàn quân số 6 bị bao vây, còn khi phải nói thì “quân ta mấy

tuần qua đã anh dũng đẩy lùi các cuộc tấn công của địch từ mọi hướng”. Giờ thì nó chọn theo hướng ngược lại, nói rằng không còn ai sống sót.

Goebbels huy động các đài phát thanh và báo chí để đoàn kết cả nước trong niềm tiếc thương thương võ. Các chỉ thị của ông cho báo chí về cách trình bày thảm họa cứ tuôn ra không ngớt. Họ phải nhớ rằng mỗi lời nói ra về cuộc chiến bi tráng này sẽ đi vào lịch sử. Truyền thông phải luôn dùng từ Bolshevik chứ không phải Nga. “Toàn thể ngành tuyên truyền Đức phải tạo ra được một huyền thoại về chủ nghĩa anh hùng của trận Stalingrad mà sẽ là một trong những di sản quý giá nhất trong lịch sử nước Đức”. Nói riêng, thông cáo của *Wehrmacht* cần phải viết sao cho để “làm rung động trái tim của hàng thế kỷ mai sau”. Nó phải sánh ngang với lời kêu gọi quân lính của Caesar, với lời hiệu triệu các tướng trước trận Leuthen của Friedrich Đại đế và với lời kêu gọi đội ngự lâm quân của Napoleon.

Thông cáo được phát trên sóng phát thanh như một thông báo đặc biệt chỉ 24 giờ sau khi Strecker đầu hàng. “Từ đại bản doanh của *Fuhrer*, ngày 3 tháng 2 năm 1943. OKW xin tuyên bố cuộc chiến Stalingrad đã kết thúc. Trung thành với lời thề và nghĩa vụ, Tập đoàn quân số 6 dưới sự chỉ huy mẫu mực của Thống chế Paulus đã vong thân trước quân số vượt trội của địch... Sự hy sinh của Tập đoàn quân số 6 là không hề vô ích. Như bức tường thành trong sử mệnh châu Âu lịch sử của chúng ta, nó đã chặn đứng sức công phá của sáu tập đoàn quân Soviet... Họ đã hy sinh cho nước Đức trường tồn”.

Những lời dối trá của chế độ đã tỏ ra phản tác dụng, nhất là cái ý toàn bộ Tập đoàn quân số 6 chết hết. Không hề tham khảo con số 91.000 tù binh mà chính phủ Liên Xô đã công bố, một tin nóng sốt đã lan nhanh khắp thế giới. Chắc hẳn lượng người quay sang nghe đài nước ngoài tăng vọt ngay.

Ba ngày quốc tang được ấn định, các nơi vui chơi bị đóng cửa, tất cả các đài phát thanh phải cử nhạc buồn, tuy nhiên các tờ báo không được in lễ đen, và không có yêu cầu phải treo cờ rủ.

Cục an ninh của lực lượng SS đã không đánh giá thấp về tác động đến tinh thần người dân. Họ cũng biết rằng những lá thư gửi từ *Kessel* mô tả sự

kinh hoàng và dơ dáy, khác hẳn cái chất bi hùng mà chính quyền tuyên truyền. “Những bức thư vĩnh biệt của các chiến sĩ Stalingrad”, một báo cáo viết, “đã lan truyền nỗi đau lớn lao trong tâm hồn không chỉ của người thân mà của cả một lượng lớn dân chúng, hơn nữa nội dung những lá thư này lại lan đi rất nhanh. Mô tả những đau khổ trong mấy tuần giao tranh cuối cùng ngày đêm ám ảnh người thân”. Thực ra Goebbels đã lường trước được việc này từ rất sớm nên đã quyết định ngăn chặn tất cả bưu thiếp từ những tù binh bị bắt gửi về nhà. Trong nhật ký ngày 17 tháng 12, ông viết: “Trong tương lai, tất cả bưu thiếp gửi cho người thân sẽ không được chuyển bởi chúng tạo ra cánh cửa để tuyên truyền Bolshevik lọt vào Đức”.

Những nỗ lực của phía Soviet xem ra không thể ngăn chặn được. Các trại tù binh của NKVD cung cấp bưu thiếp, nhưng vì phía Đức không cho chúng lọt vào, thế là nội dung của chúng được in nhỏ lại, nhiều tấm vào một tờ rồi rải xuống phòng tuyến quân Đức như truyền đơn. Lính Đức ở mặt trận nhặt chúng, dù phải đối mặt với hình phạt khắc nghiệt, rồi lén gửi thư theo các địa chỉ đó để nhắn với người thân rằng con em họ vẫn còn sống. Họ ký tên là “Đồng hương” hoặc chỉ đơn giản là “XXX”. Nhiều khi đến nhà cầm quyền Quốc xã còn phát hoảng khi các gia đình nhận được tờ truyền đơn Soviet rồi liên lạc với các gia đình khác cùng cảnh ngộ.

Bản thân Paulus có vẻ như đã lường trước rằng *Wehrmacht* sẽ biến thảm họa này thành một câu chuyện bịa đặt đơm sau lưng (Khó mà nói liệu điều đó có ảnh hưởng đến quyết định cự tuyệt các điều khoản đầu hàng vào ngày 9 tháng 1 không). Tuy nhiên lần này kẻ bị đem ra làm vật hiến tế không phải những người cộng sản và Do Thái như năm 1918 nữa mà là Bộ Tổng tham mưu và giới quý tộc mà trong suy nghĩ của dân chúng vẫn còn liên kết chặt chẽ với nhau. Những người sắp rơi vào làn đạn cũng đã dự cảm cơn bão đang đến.

Otto, công tước von Bismark, công sứ Đức ở sứ quán tại Rome đã chuẩn đi nghỉ với vợ vào cuối tháng 1 để tránh dự lễ kỷ niệm 10 năm chính quyền Quốc xã. Giống như phần lớn các nhà ngoại giao ở xa Berlin, ông biết rất ít về nỗi kinh hoàng của trận thảm bại Stalingrad. Vào buổi tối 31 tháng 1, họ

đang ở trong khách sạn Palace tại St Moritz thì có một cú điện khẩn gọi từ viên đại sứ Đức tại Berne. “Không nhảy nhót nữa!” ông đại sứ thông báo. “Stalingrad đã thất thủ”. Cả hai đều biết rằng St Moritz là nơi nghỉ ngơi ưa thích của các sĩ quan cao cấp SS. Thế là khỏi cần nói gì thêm.

Bài bản binh tướng một lòng sát cánh chiến đấu của bộ Tuyên truyền liên thay đổi. Ngày 18 tháng 2, Goebbels tổ chức một cuộc mít tinh quần chúng tại Cung Thể thao Berlin với chủ đề “Cuộc chiến tổng lực là cuộc chiến ngắn nhất!”. Một băng rôn khổng lồ mang lời kêu gọi của năm 1812: “Hãy lấy câu: ‘Nhân dân vùng lên, bão tố khắc tan!’ làm tiếng hét xung trận của chúng ta”. Bối cảnh lịch sử khác hẳn khiến nó rõ ràng không phù hợp đối với tất cả mà chỉ cho những kẻ ủng hộ chính quyền hăng hái nhất.

“Các bạn có muốn chiến tranh tổng lực?” Goebbels từ lễ đài hét xuống. Cử tọa gào lên đáp lại. “Các bạn có quyết tâm theo *Fuhrer* chiến đấu để giành chiến thắng bằng mọi giá?” Một lần nữa đám đông đồng thanh hưởng ứng.

Trong mấy tuần sau Stalingrad, Goebbels đã lên chương trình. Ông yêu cầu dừng hết các biện pháp nửa vời tập hợp đông người, nhưng tính biểu tượng phải được đề cao. Lớp bọc đồng trên cổng Brandenburg đã bị dỡ ra dùng cho công nghiệp chiến tranh. Các sự kiện thể thao chuyên nghiệp bị bãi bỏ. Các cửa hàng sang trọng, gồm cả các hiệu kim hoàn, đều đóng cửa. Tất cả các tạp chí thời trang đều ngưng xuất bản. Goebbels thậm chí còn tổ chức một chiến dịch chống thời trang với lập luận rằng phụ nữ không cần mặc đẹp vì họ sẽ làm đẹp lòng “những người lính chiến thắng trở về dù trong quần áo vá hay không vá”. Có tin đồn tóc uốn cũng bị cấm. Nhưng Hitler thì nhất mực cho rằng đã là phụ nữ thì phải trang điểm nên gạt đi và Goebbels đành bấm bụng tuyên bố rằng “phụ nữ không cần phải làm cho mình xấu xí”. Trao đổi hàng, dấu hiệu đầu tiên của kinh tế khó khăn, nhanh chóng trở nên phổ biến. Chẳng hạn bàn chải cạo sán được đổi lấy vé xem hòa nhạc của Furtwangler^[95].

Các hộp đêm và những nhà hàng sang trọng như Horcher và the Quartier Latin, Neva Grill, Peltzers Atelier và Tuskulum trên đại lộ Kurfurstendamm

đều đóng cửa. Lúc chúng được mở lại, khách ăn được động viên nên giới hạn trong các món *Feldkuchengerichte* - “món chiến trường” - để thể hiện tinh đoàn kết với binh lính ở Nga, đây rất có thể lấy cảm hứng từ lần nhin miệng của Zeitzler. Tuy thế, Goering vẫn cố dàn dựng để Horcher, quán ruốt của ông, được mở lại thành câu lạc bộ sĩ quan dành cho không quân.

Một thông điệp nửa kín nửa hở được loan truyền theo nhiều cách, rằng các tướng lĩnh thuộc giới thượng lưu cổ hủ đã phản bội lý tưởng Quốc xã. Sau đó không lâu, tất cả thành viên hoàng gia Đức đang phục vụ trong quân đội được yêu cầu từ nhiệm. Ngay cả việc cưỡi ngựa trong công viên Tiergarten cũng bị dẹp luôn.

Ngày càng nhiều khẩu hiệu tuyên truyền của Quốc xã được viết lên tường, nhưng người dân Berlin tai quái lại thích câu: “Hãy tận hưởng chiến tranh, hòa bình sẽ tệ hơn nhiều”. “Chịu đựng” trở thành từ được dùng búa xua trong ngôn ngữ tuyên truyền. Nỗi lo sợ cho tương lai ngày càng lớn, trên hết là trước quyết tâm báo thù của Nga. Một chủ quán ở vùng Rừng Đen^[96] đi lính sang *Ostfront* lúc về nghỉ phép đã nói với Christabel Bielenberg: “Nếu ta phải trả giá cho 1/4 những gì ta đã làm ở Nga và Ba Lan, thừa bà bác sĩ, thì ta khốn đốn to, mà cũng đáng thôi”.

Những người Đức không theo Quốc xã mới nhận thấy sự treó ngoe lộ bịch rõ ràng hơn cả. Cuộc xâm lược Liên Xô đã khiến người dân Nga quyết tâm bảo vệ chế độ Stalin. Giờ đây nguy cơ thua trận lại buộc người Đức phải bảo vệ chế độ Hitler và tránh một thảm bại. Khác nhau ở chỗ người Nga đã có cả một lãnh thổ rộng mênh mông để mà rút về, trong khi phía Đức, hai đầu đều có địch, gánh chịu những trận đánh bom ồ ạt và bị bao vây. Đã thế, Roosevelt và Churchill ở Casablanca còn tuyên bố quyết đánh cho phe Trục đầu hàng vô điều kiện. Thế là Goebbels càng mạnh tay làm tới.

Phe đối lập, vì đủ thứ lý do, từ do dự đến không đồng tâm chia sẻ hoạn nạn nên đã không hành động kịp thời. Lúc này đã quá trễ để thuyết phục phe Đồng minh rằng có triển vọng dân chủ thay thế chế độ Quốc xã, thay vì một cuộc đảo chính cung đình của các tướng lĩnh chỉ lo thất bại. Các thành viên trong nhóm dù ý thức được điều đó nhưng vẫn hy vọng ít ra Stalingrad cũng

châm ngòi cho một cuộc nổi dậy, nhưng không một tư lệnh quân đội nào sẵn sàng hành động. Các sĩ quan cấp thấp hơn nhưng quyết tâm hơn hẳn lại sẵn sàng đánh liều cả tính mạng, nhưng Hitler có cái mũi rất thính trước nguy hiểm nên canh phòng rất kỹ, lại thường thay đổi kế hoạch vào phút cuối.

Dấu hiệu bất bình công khai duy nhất sau thất bại Stalingrad xuất phát từ một nhóm nhỏ các sinh viên Munich, có tên là nhóm Hoa Hồng Trắng. Quan điểm của họ lan sang sinh viên Hamburg, Berlin, Stuttgart và Vienna. Ngày 18 tháng 2, sau một chiến dịch rải tờ rơi và kẻ khẩu hiệu lên tường kêu gọi lật đổ chế độ Quốc xã, Sophie Scholl và anh cô là Hans đã bị bắt sau khi phân phát thêm truyền đơn tại đại học Ludwig-Maximilian ở Munich. Bị Gestapo tra tấn, sau đó bị Roland Freisler tuyên án tử hình trong một phiên xử đặc biệt của Tòa án phát xít ở Munich, hai anh em đã bị chặt đầu. Một số thành viên khác trong nhóm, gồm cả giáo sư triết học Kurt Huber, cũng chịu chung số phận.

* * *

Không lâu sau khi đầu hàng toàn diện tại Stalingrad, Hitler đã gặp Thống chế Manstein, sĩ quan cao cấp đầu tiên nằm ngoài bộ sậu của ông. Manstein tóm tắt những biện pháp mà ông đã buộc phải thực hiện nhằm tránh sụp đổ hoàn toàn ở miền nam nước Nga. Hitler muốn lệnh cho Manstein không được rút thêm, nhưng Manstein biết rằng trong hoàn cảnh này, ông có thể đưa ra điều kiện. Trong lúc bàn bạc, Hitler đã nói là chỉ một mình ông gánh chịu trách nhiệm đối với thất bại Stalingrad, nhưng ngay lập tức lại né tránh bằng cách nói thêm rằng cũng phải trách cả Goering nữa, nhưng vì ông đã chỉ định gã Thống chế Đế chế này kế vị mình nên không thể buộc trách nhiệm cho gã được. Về chiến lược rồi rắm cùng mưu toan điều hành các chiến dịch từ xa của mình, thì ông không nhắc đến. Nhưng tội to nhất ông vẫn gán cho Paulus. Ông bảo Goebbels rằng sau chiến tranh ông sẽ đưa Paulus và các tướng của tay này ra tòa án binh vì tội không tuân thủ mệnh lệnh rất rõ ràng là tử thủ đến viên đạn cuối cùng của ông.

Giờ đây, Hitler ít khi thuyết giảng dằng dặc ở bàn ăn như thói quen của mình. Ông chọn ăn một mình. Guderian thấy ông thay đổi hẳn: “Tay trái ông run lật bật, lưng còng xuống, cái nhìn chăm chăm, cặp mắt lờ ra nhưng không còn cái uy ngày trước, má ông lốm đốm đỏ”. Nhưng khi gặp Milch, Hitler không hề tỏ ra thương tiếc biết bao sinh mạng mất đi ở Stalingrad. Ông chỉ có thể nghĩ đến chuyện đặt cược cao hơn, ném đi thêm nhiều sinh mạng nữa. “Ta sẽ kết thúc chiến tranh trong năm nay”, ông bảo Milch. “Theo đó tôi đã quyết định huy động toàn bộ sức mạnh khổng lồ của nhân dân Đức”.

* * *

Ở Nga, niềm vui chiến thắng bùng lên đồng thời như theo hiệu lệnh. Chuông điện Kremli giống giả báo tin Paulus đầu hàng. Những bản hành khúc đầy khích động phát trên sóng phát thanh và thông cáo được đăng trên trang nhất mọi tờ báo. Người ta ca ngợi “bài học nghiêm khắc của lịch sử” mà các Hannibal Hồng quân đã dạy cho “những kẻ phiêu lưu của Bộ Tổng tham mưu Đức” trong một trận Cannae^[97] thời hiện đại. Stalin được mô tả là một nhà lãnh đạo tài tình và kiến trúc sư vĩ đại của chiến thắng.

Tinh thần bốc cao ngùn ngụt trên khắp Liên Xô. Lính chiến đâu đâu cũng hỏi nhau về tình hình chiến sự trên sông Volga. Giành thắng lợi sau một trận chiến kinh khủng như thế, mọi người luôn bảo nhau: “Một đội quân đã thắng được trận Stalingrad thì không ai ngăn nổi”. Họ vui vẻ đùa nhau về tổn thất của kẻ thua trận. “Không biết thống chế mà để bị bắt dưới tầng hầm thì cảm thấy thế nào nhỉ?” là câu cửa miệng lúc này. “Sau Stalingrad không một người lính nào còn mảy may nghi ngờ về kết cục cuộc chiến”, một sĩ quan bị thương ở đây nói. Các sư đoàn Stalingrad được biên chế vào các tập đoàn quân và phương diện quân khác nhau để nâng cao hơn nữa nhuệ khí toàn quân.

Không lâu sau, Stalin được Đoàn Chủ tịch Soviet Tối cao phong Nguyên soái Liên Xô, một động thái khiêm tốn hơn chút đỉnh so với việc Napoleon

tự phong mình lên ngôi hoàng đế.

Các tướng lĩnh Hồng quân cũng được thưởng hậu. Chế độ chỉ huy song trùng với các Chính ủy chính thức bị đình chỉ với việc phục hồi quân hàm và tên gọi “sĩ quan”. Tên gọi bóng bẩy “chỉ huy” mất hẳn. Như Tướng Schlomer đã ngạc nhiên nhận thấy, cầu vai - dấu hiệu đặc quyền mà những người Bolshevik khi hành hình đã đem cài lên xác các sĩ quan Bạch Vệ vào năm 1917 - giờ đây đã được khôi phục lại. (Viền kim tuyến được bí mật đặt mua bên Anh trước sự ngạc nhiên và bất bình của các quan chức ở đó). Một người lính trong một sư đoàn cận vệ nghe tin cầu vai được phục hồi từ miệng một ông già đánh giày ở ga: “Người ta lại bắt đầu đeo cầu vai vàng”, ông già bực tức nói. “Cứ y như quân Bạch Vệ”. Đồng đội của anh ta cũng ngạc nhiên khi nghe kể lại lúc trở về toa tàu: “Hồng quân mà sao lại thế?” họ hỏi. Những lời ca cẩm kiểu đó đều bị lờ đi. Món trang sức mới của cuộc Chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại — các huân chương Suvorov và Kutuzov — cũng được phân phát cho các sĩ quan cao cấp trong chiến dịch.

Tuy nhiên, thành công lớn nhất của tuyên truyền đã lan xa ra ngoài biên giới Soviet. Câu chuyện về sự hy sinh của Hồng quân đã có ảnh hưởng mạnh mẽ khắp thế giới, nhất là trong vùng châu Âu bị chiếm. Ảnh hưởng của nó tới phong trào kháng chiến ở khắp nơi và vì thế tác động của nó lên nền chính trị châu Âu hậu chiến là rất đáng kể. Thắng lợi của Hồng quân càng nâng cao uy tín của đảng viên [cộng sản] và thu hút vô số người ngoài đảng gia nhập. Ngay cả phe bảo thủ cũng phải ngợi ca chủ nghĩa anh hùng của Hồng quân. Ở Vương quốc Anh, vua George VI đã đặt rền thanh gươm Stalingrad để tặng cho thành phố. Tinh thần quân dân như bùng nổ khi cuốn phim thời sự ca ngợi chiến thắng với cảnh Paulus và những hàng dài tù binh vòng vèo trên tuyết được chiếu. Ai cũng biết người Nga gánh chịu sự tàn bạo của Đức thế nào và binh sĩ *Wehrmacht* đổ máu ở *Ostfront* nhiều hơn ở bất kỳ chiến trường phía tây nào. Hồng quân sẽ còn đánh tới, như một sĩ quan đã hét vào đám tù binh, đến chừng nào Berlin sẽ trông giống như những đồng đổ nát ở Stalingrad.

24

THÀNH PHỐ CHẾT

Sự im lặng trùm xuống thành phố đổ nát vào ngày 2 tháng 2 có vẻ lạ lùng đối với những người đã quen coi tàn phá là chuyện thường ngày. Grossman đã mô tả các đồng gạch vụn và những hố bom đạn sâu đến mức ánh mặt trời mùa đông chiếu nghiêng dường như không chạm đến đáy và “những đoạn đường sắt với các xe téc nằm chống ngược như những con ngựa chết”.

Khoảng 3.500 dân thường được huy động vào các đội chôn xác. Họ chất xác lính Đức đông cứng thành đồng như đồng củi bên lề đường, và mặc dù họ có vài cái xe lạc đà kéo song hầu hết công việc chuyển xác được thực hiện bằng những chiếc xe trượt và xe kéo tay. Lính Đức chết trận được đưa vào các hầm hoặc hào chống tăng đào từ mùa hè trước rồi lấp đất lên. Về sau, 1.200 tù binh Đức được đưa đi làm công việc đó với xe kéo nhưng phải tự kéo chứ không có ngựa. “Hầu hết người trong các đội này”, một tù binh kể lại, “chỉ ít lâu sau là chết vì phát ban”.

Bằng chứng rùng rợn của trận đánh không nhanh chóng biến mất. Mùa xuân sông Volga tan băng để lộ ra những mảng da cháy đen đông cứng trên bờ sông. Tướng de Gaulle khi dừng chân ở Stalingrad trên đường lên phương bắc đến Moskva tháng 12 năm 1944, đã kinh hoàng nhận thấy vẫn còn những xác người được đào lên, nhưng việc đó vẫn còn tiếp tục trong vài thập kỷ nữa. Hầu như công trình xây dựng nào trong thành phố cũng đều phát hiện thấy các di thể từ cuộc chiến.

Số người chết ở đây không khiến ngạc nhiên bằng số người sống sót. Thành ủy Stalingrad họp ở tất cả các quận “được giải phóng khỏi ách phát xít” và nhanh chóng tổ chức điều tra dân số. Họ được biết có đến 9.796 người đã sống dưới các đồng đổ nát của chiến trường qua hết cuộc chiến.

Trong số đó có đến 994 đứa trẻ, chỉ có 9 được đoàn tụ với gia đình. Bọn trẻ phần lớn được gửi đến các trại mồ côi của nhà nước hoặc bị phân đi dọn dẹp thành phố. Các báo cáo không đủ động gì đến tình trạng thể chất và tinh thần của chúng, chỉ ít nhiều biết được theo lời kể của một nhân viên cứu trợ Mỹ đến đây ngay sau cuộc chiến để phân phát quần áo. “Phần lớn bọn trẻ”, cô viết, “đã sống dưới mặt đất suốt bốn-năm tháng mùa đông. Chúng bị phù nề vì đói. Chúng cứ thập thò trong góc, không dám nói chuyện, cả nhìn vào mặt người ta cũng không dám”.

Thành ủy Stalingrad còn có ưu tiên lớn hơn. “Chính quyền Soviet đã lập tức được tái lập ở tất cả các quận trong thành phố”, họ báo cáo về Moskva. Ngày 4 tháng 2, các Chính ủy Hồng quân tổ chức một hội nghị chính trị “toàn thành”, cả dân thường sống sót lẫn binh sĩ. Hội nghị nào cũng có những diễn văn ca ngợi đồng chí Stalin và sự lãnh đạo của người đối với Hồng quân.

Mới đầu, chính quyền còn chưa cho phép dân chạy nạn sang bờ đông trở về vì còn phải rà phá bom đạn chưa nổ. Các đội phá mìn còn phải dọn “các lối đi an toàn đặc biệt”. Tuy thế chẳng bao lâu sau nhiều người đã lén qua sông Volga đóng băng trở về mà chả cần phép tắc gì. Những dòng tin nhắn viết bằng phấn bên mép các đồng đồ nát cho thấy nhiều gia đình lạc nhau bởi cuộc chiến: “Mẹ ơi, bọn con vẫn ổn. Mẹ đến Beketovka tìm bọn con. Klava”. Nhiều người không thể biết gia đình mình ai còn ai mất cho đến hết chiến tranh.

* * *

Một lượng lớn tù binh, nhiều người quá yếu đứng không vững cũng bị đưa đến tham gia hội nghị chính trị ở trung tâm Stalingrad để nghe những bài diễn thuyết công phu của ba nhà lãnh đạo cộng sản Đức: Walter Ulbricht, Erich Weinert và Wilhelm Pieck.

Tình trạng của hầu hết tù binh lúc đầu hàng đã thê thảm lắm rồi, báo trước tỷ lệ tử vong cao trong mấy tuần, mấy tháng kế tiếp. Nó còn trầm trọng thêm

đến đâu do thiếu chăm sóc y tế, nhất là thiếu thốn hậu cần thì khó mà tính đếm được. Trong số 91.000 tù binh bị bắt vào cuối trận đánh, đến mùa xuân, nhiều người đã chết. Chính Hồng quân cũng thừa nhận trong các báo cáo sau đó rằng, mệnh lệnh chăm sóc tù binh đã không được tuân thủ, và cũng không thể biết có bao nhiêu tù binh bị bắn trong và sau khi bị bắt, thường là bị người ta trả thù cho cái chết của người thân hoặc đồng đội.

Tỷ lệ tử vong trong những nơi gọi là bệnh viện quả là đáng sợ. Hệ thống đường hầm ở khe núi Tsaritsa được thiết kế lại thành “bệnh viện tù binh số 1” vẫn to nhất và kinh khủng nhất chỉ vì không còn nhà cửa gì sót lại để tránh rét. Tường vách ẩm ướt, thiếu không khí, đã thế lại còn mất thêm oxy cho những ngọn đèn dầu làm bằng vỏ đồ hộp, ngọn lửa chập chờn cứ tắt liên tục khiến đường hầm tối mù. Mỗi gian chỉ đủ để người bị thương nằm sát vào nhau trên nền đất nện ẩm ướt, thành ra trong bóng tối nhập nhoạng khó mà không đạp phải cái chân bị cước lạnh của ai đó khiến người ta hét lên đau đớn. Nhiều bệnh nhân công giá đã chết vì hoại tử do bác sĩ không thể xử lý được. Đó là chưa nói tình trạng ốm yếu mà cửa chân không thuốc mê họ có sống được không.

Tình trạng của nhiều người trong số 4.000 bệnh nhân là hết sức đáng thương và các bác sĩ cũng bó tay vì nấm lây lan nhanh ở thịt thối. Họ hầu như không có băng gạc hay thuốc men gì còn sót lại. Ung nhọt và lở loét tạo điều kiện để vi khuẩn uốn ván từ môi trường bẩn thỉu xâm nhập. Trang thiết bị vệ sinh thì không biết nói thế nào, chẳng hạn chỉ có một cái xô dành cho những người bị lỵ, còn ban đêm thì không có đèn. Nhiều người quá yếu đến không đứng dậy được trong khi không có đủ hộ lý để giúp hết mọi người. Các hộ lý quá yếu vì suy dinh dưỡng nhưng vẫn phải xuống khe xách nước ô nhiễm lên và chẳng bao lâu cũng bị lây nhiễm.

Các bác sĩ thậm chí đến danh sách bệnh nhân cho ra hồn cũng không có, đừng nói đến ghi bệnh. Lính Nga tuyến sau cũng như các đơn vị cứu thương còn bớt xén thuốc men của họ, cả thuốc giảm đau cho lính của mình.

Các sĩ quan quân y Nga phát khiếp với tình trạng này. Một số tỏ ra đồng cảm. Người chỉ huy đồn trú chia sẻ thuốc lá của mình cho các bác sĩ Đức,

nhưng số người Nga khác lại tranh thủ đổi bánh mì lấy những chiếc đồng hồ còn sót lại sau đợt vơ vét trước đây. Bác sĩ Dibold của Sư đoàn bộ binh số 44 kể chuyện một nữ bác sĩ vui tính có khuôn mặt rắn rỏi kiểu nông dân chính gốc, một lần đến gạ đổi chiếc đồng hồ bạc bỏ túi của một cậu người Áo trẻ tuổi xuất thân nghèo khó. Cậu này đưa bảo vật của mình, chắc là được trao làm tin lúc lên đường đi lính, đem đổi lấy nửa ổ bánh mì. Cậu ta đem chia cho mọi người, chỉ giữ lại một mẫu nhỏ.

Đói khổ còn sinh đạo tặc. Một số kẻ táng tận lợi dụng sự bất lực của đồng đội. Bọn trộm lấy đồ từ xác chết và từ những người quá yếu. Nếu ai có đồng hồ, nhẫn cưới hay thứ gì quý giá thì thể nào cũng bị thó mất trong bóng tối. Nhưng tạo hóa cũng có cách lấy lại công bằng. Những tên trộm nhanh chóng bị nhiễm sốt phát ban do rận từ đồ lấy cắp bò sang. Một gã thông dịch viên khét tiếng tệ hại lúc chết người ta tìm thấy trong người hắn có cả một túi nhẫn vàng.

* * *

Mới đầu chính quyền Soviet không hề cung cấp khẩu phần gì cả. Hồ sơ của NKVD và Hồng quân giờ đây cho thấy mặc dù đối phương sắp đầu hàng rồi mà rõ ràng chính quyền chưa hề tính phương án cho việc canh giữ tù binh thế nào, chưa nói đến nuôi ăn. Đảng viên cộng sản Đức Erich Weinart nói rằng vì tuyết rơi dày tắc đường xe lương, nhưng xem ra không mấy thuyết phục. Vấn đề thực sự là sự thờ ơ cộng với sự trì trệ quan liêu, trên hết là không có sự phối hợp giữa quân đội và NKVD.

Vả lại, giữa lúc Liên Xô đang thiếu thốn lương thực trầm trọng, phải cực chẳng đã mới dành khẩu phần ăn cho tù binh Đức. Nhiều lính Hồng quân suy dinh dưỡng chứ chưa nói gì đến dân chúng, thành ra chuyện đem thức ăn cho bọn xâm lược dày xéo đất nước nghe chừng không xuôi. Suốt ăn chỉ đến sau đó ba, bốn ngày, đến lúc đó nhiều người đã không ăn gì gần hai tuần. Ngay cả người ốm cũng không có gì nhiều ngoài một ổ bánh mì cho 10 người, thêm chút súp loãng bông chút hạt kê và cá muối. Vậy nên chờ đợi

một sự đối xử tốt hơn là không thực tế, nhất là nếu người ta biết *Wehrmacht* đối xử thế nào với tù nhân của họ, cả quân đội lẫn dân thường, trên đất Liên Xô.

Tuy nhiên, điều các thầy thuốc sợ hơn cả không phải tỷ lệ tử vong vì đói mà vì dịch sốt phát ban. Nhiều người đã đoán có một đợt bùng phát trong *Kessel* khi xuất hiện những ca đầu tiên nhưng không dám nói vì sợ tạo ra tâm trạng hoảng loạn. Trong hệ thống đường hầm, họ tiếp tục cách ly các loại bệnh khác nhau khi chúng xuất hiện, dù đó là bạch hầu hay sốt phát ban. Họ đã năn nỉ chính quyền cung cấp các phương tiện trừ chấy rận nhưng nhiều lính Hồng quân và cả cư dân địa phương vẫn bị lây như thường.

Không có gì lạ là có nhiều người chết đến thế. Xem ra cũng không có nhiều lý do để người ta giành giật sự sống. Hy vọng đoàn tụ gia đình quá mong manh. Nước Đức quá xa xôi, cứ như là một thế giới khác mà giờ đây có vẻ huyền hoặc. Cái chết hứa hẹn một sự giải thoát khỏi những đau khổ, và càng về cuối cái đau cũng cạn mà sức cũng kiệt, chỉ còn cảm giác trôi nổi chống chèo. Xem ra sống sót được chỉ là những người còn tiếp tục đấu tranh nhờ vào tín ngưỡng hoặc cứng đầu không chịu chết ở nơi dơ dáy như vậy, hoặc quyết tâm sống vì gia đình mình.

* * *

Ý chí sống có vai trò quan trọng đối với những người phải đi bộ đến các trại tù. *Weineirt* đã tả họ như “những bóng ma rách rưới thất thiếu chuệch choạng” đi theo lưng người phía trước. Đi một lúc nóng người lên, lập tức rận hoạt động hăng hơn. Dân chúng có người giật mền từ trên người họ, tát vào mặt họ, thậm chí còn ném đá vào họ. Tốt nhất là đi ở các hàng đầu và an toàn nhất là đi gần một trong những người áp giải. Vài người lính đi ngang qua, bất chấp lệnh cấm cứ bắn bừa vào hàng tù binh để trả thù, giống như lính Đức đã bắn vào hàng tù binh Hồng quân vào năm 1941.

Những người may mắn hơn đi thẳng tới một trong các trại tập trung trong vùng, dù chúng có chỗ xa chỗ gần khác nhau. Chẳng hạn nhóm phía bắc

Kessel phải đi chừng 20 km đến Dubrovka, phía bắc Stalingrad. Phải mất hai ngày mới đến nơi. Ban đêm họ bị lừa vào các khung nhà đổ không mái do Luftwaffe đánh phá, như thế những người áp giải không quên nhắc để họ nhớ.

Tuy nhiên hàng ngàn người phải thực hiện chuyển đi có thể gọi là hành trình thần chết. Tệ nhất là không có thức ăn nước uống trong khi trời lạnh âm 25-30°, mà lại phải đi vòng vèo từ khe Tsaritsa, qua Gumrak và Gorodishche, cuối cùng kết thúc ở Beketovka sau năm ngày trời. Chốc chốc lại nghe tiếng súng vang lên trong thình không lạnh giá khi có một nạn nhân ngã xuống tuyết, không thể đi tiếp được. Cái khát cũng là hiểm họa không kém gì cái mệt vì đói. Tuy khắp xung quanh là tuyết nhưng họ vẫn phải chịu cảnh éo le của những người đi biển cổ đại khi biết không thể uống được nước biển.

Mái che qua đêm rất hiếm hoi thành ra tù binh cứ nằm với nhau trên tuyết. Nhiều người tỉnh dậy thấy đồng đội nằm cạnh đã chết và đông cứng tự bao giờ. Nhằm tránh chuyện đó, mỗi nhóm cắt cử người thay nhau thức canh nửa tiếng một. Sau đó tất cả sẽ có thể linh lợi hơn để đối phó với hoàn cảnh. Có người còn không dám đặt lưng nằm xuống. Hy vọng có thể ngủ như ngựa, họ đứng chụm vào nhau, mền phủ lên trên để giữ lại chút hơi ấm từ hơi thở.

Sáng ra không đem lại sự nhẹ nhõm mà chỉ là nỗi khiếp sợ con đường phía trước. “Người Nga có phương pháp rất đơn giản”, một trung úy sống sót kể lại. “Ai còn đi được thì đi. Ai không đi được vì vết thương hay đau ốm sẽ bị bỏ lại không thức ăn cho chết luôn”. Nhanh chóng nắm vững nguyên tắc sinh tồn này, anh ta sẵn sàng đổi cái áo len để lấy sữa và bánh mì của một bà nông dân Nga trong lúc dừng chân nghỉ đêm vì biết rằng nếu không thì mai anh ta sẽ đuối sức gục mất.

* * *

Cổng vào trại chính ở Beketovka có một câu cũng đáng ghi lại: “Ai vào đây hãy bỏ lại hết hy vọng”.

Khi đến nơi, giám trại lục soát tù binh tìm đồ quý lần nữa rồi bắt họ đứng để “đăng ký”. Tù binh sớm nhận ra việc đứng ngoài trời rét buốt hàng giờ, rồi cứ từng tốp 5 người lên “điểm danh” là cực hình hằng ngày. Cuối cùng, sau khi NKVD đã hoàn tất các thủ tục ban đầu, họ được đưa đến các lán gỗ, cứ 40-50 người vào một phòng, giống như “cá trích đóng hộp”, một người sống sót nhớ lại. Ngày 4 tháng 2, một sĩ quan NKVD đã phàn nàn với Bộ Tư lệnh Phương diện quân sông Đông rằng tình hình “cực kỳ khó khăn”. Các trại ở Beketovka đã nhận tới 50.000 tù binh, “có cả người ốm và bị thương”.

Lãnh đạo trại tù đã cố hết sức. Họ không có phương tiện vận chuyển cơ giới nên cố xin quân đội một chiếc xe tải. Rốt cuộc nước cũng được đưa đến trại trong các thùng sắt chở bằng xe lạc đà kéo. Một bác sĩ người Áo bị bắt, ghi lại ấn tượng đầu tiên của ông: “Không có gì ăn, không có gì uống, tuyết bắn, còn băng thì vàng khè màu nước tiểu, là những thứ duy nhất để đỡ cơn khát cháy cổ... Mỗi sáng lại có thêm các xác chết”. Sau hai ngày, người Nga bắt đầu cho ăn “súp”, đó chẳng qua chỉ là chút cám hòa trong nước ấm. Giận quá, có tù binh bắt cả nắm rận trên người ném vào lính gác. Kiểu chống đối như vậy chỉ tổ mất mạng.

Ngay từ đầu chính quyền Soviet đã bắt tay vào phân loại tù binh, trước hết là theo quốc tịch, rồi đến chính trị. Tù binh Romania, Italia và Croatia được ưu tiên làm việc trong nhà bếp, nơi người Romania rắp ranh chơi lại các đồng minh cũ của mình. Theo họ, người Đức không chỉ lôi họ vào địa ngục này mà còn cắt giảm cung cấp hậu cần của họ hồi ở *Kessel* để lính Đức được ăn uống tốt hơn. Người Romania kéo bè kéo cánh đánh người Đức đi lẻ đến lấy phần ăn cho tổ mình và cướp chỗ đồ ăn đó. Người Đức đối phó bằng cách cử người theo bảo vệ.

“Rồi đến một cú sốc khác”, một thượng sĩ không quân Đức kể. “Các đồng đội người Áo của chúng tôi bỗng dưng không chịu nhận là người Đức nữa. Họ gọi mình là “Austripsy” để mong được đối xử tốt hơn - mà quả đúng thế thật”. Người Đức càng cay hơn vì “mọi tội lỗi của chiến tranh đều trút hết

lên mây đưa vẫn còn là ‘Đức’ bọn tôi”, nhất là kể từ khi người Áo khéo léo xoay chuyển lý luận, để rơi vào tình cảnh này tội vạ đều là do các tướng Phổ chứ không phải gã người Áo Hitler.

Đấu tranh để sống sót vẫn luôn là tối thượng. “Mỗi sáng những người chết bị đem ra xếp nằm bên ngoài khu lán”, một sĩ quan xe tăng viết. Những cái xác trần trụi đông cứng được các nhóm lao dịch xếp thành hàng dài chưa từng có ở một bên trại, và ở Beketovka, hàng này có khi dài tới 100 m theo ước tính của một bác sĩ. Ít nhất có 50-60 người chết mỗi ngày, theo đánh giá của viên thượng sĩ không quân. “Chúng tôi không còn nước mắt mà khóc nữa”, anh ta viết. Một tù binh khác được người Nga dùng làm thông dịch viên đã tìm được cách nhìn trộm sổ “khai tử”. Anh ta đã ghi lại rằng tính đến ngày 21 tháng 10 năm 1943 đã có 45.200 người chết chỉ riêng ở Beketovka. Một báo cáo của NKVD thừa nhận rằng trong tất cả các trại Stalingrad đã có 55.228 tù binh chết tính đến ngày 15 tháng 4, nhưng không ai biết có bao nhiêu tù binh bị bắt kể từ Chiến dịch Sao Thiên Vương cho đến lúc đầu hàng.

“Cái đói”, bác sĩ Dibold nhận xét, ‘làm thay đổi tâm lý và tính cách, rõ rệt trong cách xử sự và không rõ rệt trong suy nghĩ’. Lính Đức cũng như lính Romania phải tìm đến cách ăn thịt người để tồn tại. Những lát thịt mỏng xẻo từ đồng xác chết đông cứng được đun lên. Món này được gọi là “thịt lạc đà”. Những ai ăn phải đều nhanh chóng nhận ra ngay vì màu thịt vẫn đỏ chứ không thâm lại như hầu hết các thứ thịt khác khi nấu lên. Những trường hợp như vậy ở khắp các trại quanh Stalingrad đều có, ngay cả trong một trại giam tù binh bắt trong Chiến dịch Sao Thiên Vương. Một nguồn tin Soviet còn nói rằng “chỉ có dọa bắn mới buộc tù binh bỏ được cái thói man rợ đó”. Chính quyền ra lệnh tăng khẩu phần, song sự trì trệ và tham nhũng trong hệ thống đã cản trở việc thực hiện.

Kiệt sức, lạnh, bệnh tật và đói, tất cả gộp lại làm cho tù binh mất nhân tính. Trong khi bệnh lý hoành hành, ai chẳng may rơi xuống hố phân, nếu còn sống thì cũng bị bỏ mặc cho chết đuối. Chẳng mấy người còn đủ sức

hay có ý muốn kéo họ lên. Số phận khủng khiếp của họ bên dưới không ai đoán được. Nhu cầu dùng nhà cầu của những người đang bị lý quá cấp thiết.

Trở trên thay, chính nhà cầu đã cứu sống một trung úy trẻ đang đói gần chết; trung úy đó là một bá tước có gia đình sở hữu vài lâu đài và điền trang. Anh nghe tiếng một người lính nói gì đó đặc thù âm quê mình nên kêu to hỏi anh chàng kia quê ở đâu. Người lính nói tên một làng nhỏ gần đó. “Thế còn anh là ai, quê ở đâu?” người lính hỏi lại. Trung úy trả lời. “Ô, phải rồi”, người lính cười. “Tôi biết. Tôi thường thấy ngài cưỡi chiếc Mercedes thể thao màu đỏ đi bắn thỏ qua đấy. Vậy là ta đồng hương. Nếu ngài đói thì may ra tôi giúp được”. Người lính này được chọn làm hộ lý trong bệnh xá nhà tù, mà ở đây nhiều bệnh nhân chết trước khi động đến khẩu phần bánh mì của mình, nên anh ta đã tích trữ được một túi bánh khô để chia cho người khác sau mỗi phiên trực. Sự can thiệp hết sức bất ngờ đó đã cứu mạng trung úy bá tước.

Chuyện sống chết nhiều khi khác hẳn những gì người ta tưởng. Những người chết trước phần lớn đều to con, vạm vỡ. Những người thấp bé nhẹ cân luôn có cơ hội hơn cả. Cả khi còn trong *Kessel* lẫn lúc đã vào trại tù, phần ăn chia nhỏ đều nhau chỉ đủ cầm hơi cho những người vừa vặn, chẳng ai chia theo kích thước thân thể cả. Lại một cái là trong các trại lao động cường bức Soviet thì chỉ có ngựa mới được ăn theo kích thước.

* * *

Khi mùa xuân đến, chính quyền Soviet bắt đầu phân bổ lại tù binh trong vùng. Cả thấy 235.000 quân binh cũ của Tập đoàn quân số 6 và Tập đoàn tăng số 4, kể cả số bị bắt trong cố gắng giải cứu của Manstein vào tháng 12, cùng quân Romania và các đồng minh khác, đang bị giam giữ trong 20 trại tù và bệnh xá nhà tù trong khắp vùng.

Các tướng là những người đầu tiên rời đi. Đích đến của họ là một trại gần Moskva. Họ lên đường trên thứ mà các sĩ quan cấp dưới giễu cợt gọi là “đoàn tàu trắng” vì các toa của nó rất tiện nghi. Đúng là chưa chát khi mà

những người ra lệnh chiến đấu đến cùng không chỉ còn sống mà lại được hưởng những điều kiện sống tốt hơn nhiều so với binh sĩ của mình. “Bổn phận của một người tướng là ở bên binh sĩ của mình”, một trung úy nhận xét, “chứ không phải ra đi bằng toa giường nằm”. Như các phóng viên nước ngoài đã ghi nhận, rất ít sĩ quan cao cấp có dấu hiệu đói ăn ngay sau khi đầu hàng nên sức đề kháng của họ không bị suy yếu đến mức nguy hiểm như binh sĩ của mình. Tuy vậy sự ưu đãi mà các tướng nhận được cũng bộc lộ ý thức thứ bậc ở Liên Xô.

Một số ít các sĩ quan được đưa đến các trại trong vùng Moskva như Lunovo, Krasnogorsk và Suzdal. Số được lựa chọn để “giáo dục chống phát xít” thì được đưa đến một tu viện kiên cố ở Yelabuga, phía đông Kazan. Phương tiện vận tải đương nhiên không là gì so với các thứ cho cấp tướng. Trong một đoàn đi tháng 3, có cả thảy 1.800 người thì nhiều người đã chết. Ngoài sốt phát ban, bệnh vàng da, bạch hầu, scorbut^[98], phù thũng, giờ đây lại thêm bệnh lao. Và đến giữa tiết xuân thì số ca sốt rét tăng nhanh.

Chuyến di dời của binh lính và sĩ quan cấp thấp mới gọi là đông lũ lượt, với 20.000 đi Bekabad, phía đông Tashkent, 2.500 đến Volsk, đông bắc Saratov, 5.000 xuôi theo sông Volga xuống Astrakhan, 2.000 đến Usman, phía bắc Voronezh, còn những người khác thì đi Basyanovsky, phía bắc Sverdlovsk, Oranky gần Gorky và đến cả Karaganda nữa.

Khi đăng ký trước giờ lên đường, nhiều người ghi là nghề nghiệp là “lao động nông nghiệp” với hy vọng được đưa đến một nông trang. Dân nghiện thuốc thì thu thập phân lạc đà đem sấy khô để có cái mà hút trên đường. Sau những gì đã nếm trải ở Beketovka, họ chắc hẳn điều tệ nhất đã qua rồi, thêm nữa việc chuyển chỗ và thay đổi có sức hấp dẫn của nó, nhưng chẳng mấy chốc họ đã nhận ra mình lầm. Mỗi toa tàu lên hơn trăm người mà chỉ có một cái lỗ dưới sàn thay nhà cầu. Cái lạnh vẫn cắt da cắt thịt, nhưng cái khát mới là khổ nhất vì họ được phát bánh mì khô với cá muối mà chỉ có ít nước. Quá tuyệt vọng, họ liếm băng đọng trên những bộ phận kim loại bên trong toa xe. Ở các điểm dừng, những người được ra ngoài thường không kim nôi, vục tay xuống bốc một nắm tuyết bỏ miệng. Nhiều người vì thế mà

chết, thường là lặng lẽ đến nỗi mãi lâu sau bạn tù mới biết. Xác họ sau đó được xếp bên cánh cửa trượt của toa tàu để tiện bỏ xuống. “*Skolko kaputt?*” Ở các điểm dừng lính canh Soviet sẽ hét lên hỏi bằng tiếng Đức lẫn Nga, nghĩa là “bao nhiêu người chết?”

Một số chuyến đi kéo dài tới 25 ngày. Đường đi qua Saratov, sau đó xuyên qua Uzbekistan đến Bekabad, là một trong số những chuyến đi khổ ải nhất. Trong một toa 100 người chỉ còn 8 người sống sót. Khi tù binh đến được trại tiếp nhận dưới chân dãy Pamir, họ được biết trại được lập ra để phục vụ việc xây dựng một đập thủy điện gần đấy. Họ nhẹ người khi nghe cuối cùng sẽ được trừ chấy rận, nhưng té ra cũng đáng sợ. Họ bị đem ra cạo trụi râu tóc, “chẳng khác gì xén lông cừu”, sau đó bị phun thuốc bột diệt chấy rận. Có mấy người chết vì kiểu dùng hóa chất thô thiển đó.

Ở đó chả có lán trại gì, chỉ là những hầm đất. Nhưng ngạc nhiên hơn cả là có một hạ sĩ Đức theo Hồng quân chỉ huy lính canh. “Chưa từng có người Nga nào đối xử với tôi tàn ác như thế cả”, một tù binh viết^[99]. May mà tù binh các trại kiểu này tráo đổi thường xuyên. Từ Bekabad, nhiều người đến Kokant hoặc tốt nhất là đến Chuama, nơi có trang thiết bị y tế khá hơn nhiều, thậm chí còn có cả một bể bơi tự làm khá thô sơ. Tù binh Italia ở đó được tổ chức tốt, thường bắt chim sẻ nấu súp.

Những người còn ở lại Stalingrad nhận thấy trại tập trung ở Krasnoarmaeysk đã biến thành trại lao động cường bức. Ít ra thì đồ ăn đã cải thiện với *kasha* (cháo lúa mạch) và súp cá, nhưng công việc thì nhiều khi cũng nguy hiểm. Xuân đến, nhiều người bị đưa đi trục vớt tàu bị máy bay và pháo Đức bắn chìm trên sông Volga. Một giám đốc xưởng tàu Nga phát hoảng trước số tù binh bỏ mạng khi làm việc này đã kể lại cho con gái nghe nhưng trước đó bắt cô thề sẽ không nói hớ ra.

Kỷ luật của NKVD ở Stalingrad vẫn không hề lơ lửng. Các tù binh Đức làm việc trên cả hai bờ Volga nhận thấy tòa nhà đầu tiên trong thành phố được xây lại là trụ sở NKVD, và gần như ngay lập tức đã thấy phụ nữ xếp hàng bên ngoài với các túi đồ ăn cho người thân bị bắt. Lính cũ của Tập đoàn quân số 6 đoán rằng họ còn ở tù nhiều năm nữa. Sau đó Molotov đã

khẳng định nỗi lo sợ này với tuyên bố rằng tù binh Đức sẽ được về nhà sau khi xây lại xong Stalingrad.

THANH GŨƠM STALINGRAD

Tháng 11 năm 1943, một năm sau Chiến dịch Sao Thiên Vương, một chiếc máy bay vận tải Douglas bay thấp ngay trên Stalingrad. Các nhà ngoại giao Soviet đang trên đường từ Moskva đến Tehran gặp các lãnh đạo Mỹ và Anh. Một trong số đó là Valentin Berezhkov, người từng là phiên dịch của Dekanozov ở Berlin vào đêm trước chiến dịch Barbarossa.

“Chúng tôi im lặng dán mặt vào cửa sổ”, ông viết. “Những ngôi nhà đơn lẻ đầu tiên nằm rải rác trên tuyết lọt vào tầm mắt, rồi sau đó bắt đầu một cảnh tượng tan hoang đến khó tin: những mảng tường, các khung nhà sập đổ, những đồng gạch vụn, những ống khói trơ trụi”. Tuy vậy họ vẫn có thể nhận thấy những dấu hiệu sự sống. “Trên nền tuyết trắng thấy rõ những thân hình đen đen của con người và chốc chốc lại có những ngôi nhà mới”. Khi ra lại thảo nguyên, họ trông thấy những xác xe tăng.

Trong hội nghị Tehran, Churchill giới thiệu thanh gươm Stalingrad tặng “nhân dân Soviet”. Lưỡi gươm khắc dòng chữ “Tặng cư dân Stalingrad có trái tim thép, món quà từ vua George VI như một biểu tượng lòng ngưỡng mộ của nhân dân nước Anh”. Churchill đã làm cho buổi lễ đáng nhớ nhờ tài hùng biện của mình. Stalin đón nhận thanh gươm bằng cả hai tay, nâng lên môi hôn bao gươm. Sau đó ông chuyển nó cho nguyên soái Voroshilov, ông này vung về để thanh gươm tuột ra khỏi vỏ rơi xuống sàn đánh choang một tiếng rất to.

Tối hôm đó, Stalin đã nâng ly sau bữa tiệc. “Tôi đề nghị nâng ly”, ông nói, “chúc cho công lý nhanh chóng đến với tất cả bọn tội phạm chiến tranh Đức... Xin chúc chúng ta chung tay tiêu diệt chúng nhanh chóng như tóm cổ chúng, hết thầy bọn chúng, để không còn nhiều bọn đó”.

Hội nghị Tehran đã quyết định chiến lược cho giai đoạn còn lại của chiến tranh. Kế hoạch của Churchill, tiến hành một cuộc đột kích qua Balkan đã bị gạt bỏ vì những lý do thuần túy quân sự. Nỗ lực chủ yếu của các đồng minh phương Tây là nhằm vào Tây Bắc châu Âu. Nhưng chiến lược này lại để số phận của Đông và Trung Âu nằm hoàn toàn trong tay Stalin. Dù rất nghi ngại hậu quả nhưng Churchill không thể làm gì được. Sự hy sinh của Hồng quân và những mất mát khủng khiếp mà người dân Nga phải gánh chịu đã cho phép Stalin thuyết phục các đồng minh phương Tây nhờ biết bao xương máu Liên Xô đã đổ mà phương Tây không thể so sánh được. Một vài sử gia theo dõi sự vươn lên thành một siêu cường của Liên Xô đã đúng khi chỉ ra chiến thắng Stalingrad là cơ sở thành công của Stalin tại Tehran.

Sử dụng hào quang của một lãnh tụ vĩ đại, Stalin thực hiện một sự bù đắp nhỏ nhoi cho Roosevelt bằng cách tuyên bố giải tán Quốc tế Cộng sản vào ngày 15 tháng 5 năm 1943. Georgi Dimitrov vẫn an nhiên lãnh đạo phần còn lại của Quốc tế Cộng sản với một tên gọi khác: Ban Quốc tế của ủy ban Trung ương. Trong khi đó, chiến thắng của Liên Xô ở Stalingrad là cú hích mạnh mẽ nhất có thể tưởng tượng được cho việc tuyên truyền về chủ nghĩa cộng sản trên khắp thế giới. Đó là sự cổ vũ cho cả những người từng mất niềm tin sau cuộc điều tra kiểu Stalinist trong Nội chiến Tây Ban Nha hay Hiệp ước Xô-Đức năm 1939. Câu chuyện đã khích lệ các nhà điêu khắc, họa sĩ, nhà văn và nhà thơ cánh tả kiểu như Pablo Neruda, người đã viết trong bài thơ *Nuevo Canto de Amor a Stalingrado*^[100] về tình yêu quốc tế đối với thành phố mà cái tên đã mang đến hy vọng cho thế giới.

* * *

Đối với các tù binh Đức bị bắt ở Stalingrad, tương lai quả là mờ mịt. Có người vẫn còn mơ đến một cuộc đại phản công cứu họ thoát, đêm đêm lại tưởng nghe tiếng pháo của đại binh đang đến. Họ có vẻ sẽ sống sót qua mấy năm sắp tới trong trại tù được dựng lên theo tiêu chuẩn của NKVD với hàng rào 10 lớp kẽm gai bao quanh.

Số phận của kẻ bị giam cũng vô định như đi đánh trận. Và nó cũng có những trớ trêu như của chiến tranh. Dibold, ông bác sĩ người Áo của Sư đoàn bộ binh số 44, đã ngạc nhiên khi có ba bệnh nhân mới đến bệnh xá nhà tù của ông. Bộ ba này trông có vẻ là người Do Thái, mặc quân phục Đức với phù hiệu đại bàng và chữ thập ngoặc. Một trong số họ mỉm cười trước vẻ bối rối của ông. “Bác sĩ, đây là chuyện quái đản của thế kỷ XX: một người Do Thái mà lại đi lính cho Adolf Hitler”. Họ thuộc một tiểu đoàn lao dịch Hungary. Những người Nga bắt họ đã lấy quần áo thu được trong kho phát cho họ mặc.

Mặc dù suất ăn trong trại giam đã được cải thiện trong mùa hè 1943, nhưng mỗi trại một khác. Suất ăn thường bị cánh hậu cần tha hóa bớt xén đem đổi vodka, hoặc bị đám lính canh mà gia đình họ không nhận nhiều hơn tù binh Đức là mấy cũng tìm cách ăn bớt của tù. Tuy nhiên cũng không thể nói trước được. Tù nhân đã đem hình con mình ra thử lính canh và họ mềm lòng. Ở một bệnh xá nhà tù bên ngoài Stalingrad, sau khi nghe bệnh nhân kể về những thảm trạng trên đường đi, lính canh Nga đã tha mạng cho ba tù binh bị bắt lại trong lúc chạy trốn.

Mặc dù điều kiện đã được cải thiện vào mùa xuân năm 1943, tỷ lệ tử vong ở các bệnh xá nhà tù ít nhất vẫn là 1% mỗi ngày. Khó khăn vẫn còn chồng chất, nhất là trong vùng Stalingrad, với đủ thứ bệnh như pellagra^[101], bệnh lao, phù thũng và scorbut thêm vào các bệnh trước đó. Một nữ bác sĩ Soviet nói với đồng nghiệp Đức rằng, người dân Stalingrad còn mắc bệnh scorbut nhiều hơn tù binh Đức nữa, nhưng bà vẫn cho phép cho các nhóm ra ngoài hái thảo dược và các thứ rau cỏ để các bác sĩ Đức tinh chế vitamin. Óc sáng tạo của các bác sĩ tù binh đã tạo ra những thứ tuyệt vời. Một người từ một mẫu kim loại đã chế ra máy đo huyết áp. Các bác sĩ đã điều chế thuốc tiêm chủng bệnh sốt phát ban từ chất chiết xuất từ ruột rận. Mọi thứ bằng lụa đều có thể tước ra làm chỉ phẫu thuật, còn dao mổ thì được làm bằng vỏ hộp mài sắc.

Tù binh bỗng dưng trở thành giai cấp mật rệp đã phải học hỏi rất nhanh. Họ làm nhái và cải tiến nhiều thiết bị tài tình. Họ còn học cách chế biến hầu

hết đồ ăn của mình, ví dụ như lấy xương cá trong súp đem nướng rồi giã nhỏ. Có người đã mắc những sai lầm khủng khiếp. Ở Ilmen, các tù binh ăn lau sậy và độc cần mà chết. Rồi một người khoảng được một vốc bơ trong bếp ăn, đã mất mạng vì dạ dày anh ta không quen chứa từng ấy chất béo.

Ăn uống kham khổ sau những tuần đói trong *Kessel* là lý do chủ yếu khiến bệnh nhân trong các bệnh xá nhà tù không hồi phục được. Tóc họ rụng gần hết và các cơ ở cổ không đủ sức giữ đầu họ cho thẳng. Những con người gần đất xa trời này toàn tránh ánh nắng, cứ như đang chuẩn bị để đến với bóng tối vĩnh hằng vậy.

Cái chết thường là sự giải thoát, giống như giấc ngủ khi mỗi mệt. Một số lịm đi khá bất ngờ, ngay khi các thầy thuốc nghĩ rằng họ đã hết nguy hiểm. Người bệnh thường nằm chung cho ấm nên có người tỉnh giấc thấy mình nằm cạnh một xác chết. Có người chết rất nhanh. Helmuth Groscurth chết vì sốt phát ban vào ngày 7 tháng 4 năm 1943 ngay trong trại giam sĩ quan ở Frolovo, nơi có vài ngàn bệnh nhân chết. Phải ba năm sau gia đình ông mới nhận được tin báo. Kurt Reuber chết 20 tháng 1 năm 1944 ở trại Yelabuga chỉ vài ngày sau khi ông vẽ xong một bức Đức Mẹ khác cho lễ Giáng sinh với cùng dòng chữ: “Ánh sáng, Cuộc sống, Tình yêu”.

Vài người sau khi đã sống sót qua những thứ tồi tệ nhất đột nhiên lại tự sát. Trong một bệnh xá nhà giam, một sĩ quan tỉnh dậy thấy người bạn nằm giường bên cứ ngồi bất động. Người này đã tự sát bằng cách “đâm một mảnh kính cửa sổ vỡ ngay vào tim”.

Ngay cả những người tương đối khỏe cũng ít có hy vọng sống sót. Phần ăn của họ - chẳng hạn như kê không xay thì chạy tuột qua dạ dày ra ngoài — không cho họ bao nhiêu sức lực để làm những công việc nặng nhọc mà họ được NKVD yêu cầu làm theo định mức Stakhanovite. Đầu tiên họ phải chuẩn bị nơi ăn chốn ở trong khu rừng gần như nguyên sơ. Họ không có lều lán gì mà ở dưới hầm, cứ mỗi độ xuân thu là ngập nước. Một khi đã lập trại xong, cuộc sống của họ là lao động nặng nhọc, đẩy và kéo gỗ, đôi khi còn xắn than bùn để dành cho mùa đông. Những người ở lại vùng Stalingrad thì

xây dựng lại thành phố và trục vớt tàu đắm trên sông Volga, về sau cùng làm với các tù nhân Nga đào kênh Volga-Đông, tuyệt tác của thời đại Stalin.

* * *

Ít lâu sau chiến thắng ở Stalingrad, nhà nước Soviet đã lên kế hoạch đánh đổ chế độ Quốc xã và dựng lên một nhà nước cộng sản Đức. Tù binh mọi cấp đều được phân loại thành “chống phát xít” và “phát xít”.

Vào mùa xuân và mùa hè năm 1943, các sĩ quan cao cấp được chuyển từ một trại ở Krasnogorsk đến tu viện ở Suzdal, sau đó sang nơi sẽ trở thành căn cứ bán thường trực của họ: trại 48 ở Voikovo, một quán trọ nhỏ cũ kỹ có suối nước nóng hồi sức, được gọi vống lên thành “lâu đài” vì tương đối sang trọng. NKVD đã tách Schmidt lì lợm ra khỏi Paulus vì ông ta bị coi là có ảnh hưởng xấu.

Cục Tù binh của NKVD trước hết đã tạo ra một tổ chức gọi là Ủy ban Quốc gia Nước Đức Tự do. Để điều hành nó, người của Beria sử dụng các đảng viên cộng sản Đức. Hai tháng sau, một nhóm khác là Liên đoàn các sĩ quan Đức được thành lập để lôi kéo những người chống Quốc xã nhưng không muốn ủng hộ Ủy ban Quốc gia.

Thiếu tướng Phó Cục trưởng Dmitry Melnikov điều hành các hoạt động này. Mặc dù có vai vế trong Đế chế của Beria song Melnikov vẫn cộng tác chặt chẽ với Ban Quốc tế của ủy ban Trung ương. Dmitry Manuilsky, từng là gần gũi với Stalin trong Quốc tế Cộng sản, chịu trách nhiệm đặc biệt về công việc liên quan đến Đức đã nhận được một báo cáo có thể giải thích cho chuyển đi khó hiểu của ông đến Stalingrad vào giai đoạn sau của cuộc chiến, khi Chuikov từ chối không cho ông sang bờ tây sông Volga.

Ngày 19 tháng 8 năm 1943, ba viên tướng Stalingrad là Seydlitz, Lattmann và Korfes, những người trong lúc thẩm vấn đã tỏ ra hợp tác, được đưa từ Voikovo đến “trung tâm tái đào tạo” ở Lunovo. Seydlitz xem ra về mặt cảm xúc đã hoàn toàn bị thuyết phục bởi cái mà ông tin là sự thay lòng

đổi dạ tập thể của nhiều sĩ quan, tất cả đều muốn cứu nước Đức khỏi con đường diệt vong của Hitler. Ông tự coi mình là lãnh đạo đương nhiên của họ.

Đầu tháng 9, Melnikov cử Seydlitz, Korfes và Lattmann trở lại Voikovo để lôi kéo các tướng Stalingrad khác. Họ đến lúc đêm khuya thành thử các tướng vẫn mặc đồ ngủ từ các phòng kéo ra xem có chuyện gì mà ồn ào thế. Nhưng khi Seydlitz cất giọng thống thiết nói rằng đây là ngày của “một Tauroggen mới” thì Tướng Strecker giận dữ quay đi. Rồi hôm sau, khi Seydlitz và Lattmann hối thúc họ tham gia ký vào lời kêu gọi nổi dậy chống lại chế độ Hitler thì Strecker, Sixt von Arnim, Carl Rodenburg và Pfeffer đã lên tiếng buộc tội họ phản bội. Tuy vậy, Seydlitz và các cộng sự cũng có được các tướng Edler von Daniels, Drebber và Schlomer.

Sẵn oán ghét Hitler và tin rằng cần phải tham gia vào trào lưu lịch sử để cứu nước Đức, Seydlitz đã không nhận thấy những mối nguy hiểm. Họ nhảy sang phe chống Quốc xã quá muộn thành ra phe Đồng Minh sẽ không nghe họ hay để họ có tiếng nói đối với vận mệnh của đất nước. Trong khi đó, những người đứng ra tổ chức họ (dường như ông còn không biết rằng Melnikov là người của NKVD) chẳng qua chỉ khai thác họ vì những lợi ích của Liên Xô.

Các tài liệu Soviet cho thấy rằng vào ngày 17 tháng 9 năm 1943, Seydlitz với tư cách là Chủ tịch Liên minh các sĩ quan Đức đã trình cho Tướng Melnikov một kế hoạch, trong đó đề xuất xây dựng một quân đoàn với 30.000 người từ số tù binh bị bắt tại Stalingrad. “Theo ý Seydlitz”, Melnikov báo cáo lại cho Beria, “quân đoàn này sẽ là cơ sở cho chính quyền mới sau khi Hitler bị lật đổ”.

“Seydlitz”, Melnikov viết thêm, “tự coi mình là ứng viên cho chức tư lệnh các lực lượng vũ trang của nước Đức Tự do trong tương lai”. Ông còn hứa soạn một kế hoạch cho chiến dịch tuyên truyền trên báo đài, “đưa người vào hậu phương của Đức để lôi kéo chỉ huy các đơn vị bên trong về phe ta và tổ chức hành động chung chống chế độ Hitler”. Seydiitz sẽ gửi tin nhắn “cho

các bạn bè mình là Tư lệnh mặt trận trung tâm von Kluge và Tướng Georg Thomas, người phụ trách nhân sự trong đại bản doanh của Hitler”.

Seydlitz cùng với các tướng Lattmann và Korfes và Đại tá Gunter van Hooven trình kế hoạch của mình vào ngày 22 tháng 9. Ông chờ đợi chính quyền Soviet giúp họ thành lập “một đội quân nhỏ từ các tù binh cho chính phủ Đức mới dùng để cướp chính quyền”. Họ yêu cầu khung một tập đoàn quân, khung hai quân đoàn, bốn sư đoàn đầy đủ và lực lượng không quân hỗ trợ với ba phi đội ném bom, bốn phi đội tiêm kích và một nhóm trinh sát đường không: cả thảy có 7 tướng, 1.650 sĩ quan và 42.000 lính. Có vẻ Seydlitz không biết tỷ lệ tử vong của tù binh Stalingrad sau khi đầu hàng.

Trong lần gặp sau, Seydlitz gợi ý rằng “cho toàn quân bay vào Đức, có thể là Berlin”. Sĩ quan NKVD có mặt ở đó nêu lên “những khó khăn về mặt kỹ thuật nếu cho gần ấy người bay vào Đức nhưng Seydlitz đáp rằng về khoản chi tiết thì phía Nga lo”. Tuy nhiên Tướng Korfes thì không giấu nổi bức tức trước mơ tưởng hão huyền đó. “Nghĩ rằng có thể vận chuyển tất cả gần ấy đơn vị bằng đường không thì đúng là không tưởng”, ông nói. Rồi ông thêm: “Các chỉ huy không quân Nga qua cái đề nghị đó mà đánh giá tướng Đức toàn bọn mơ mộng viễn vông”^[102].

Seydlitz có vẻ không nhận thấy sự bức tức và khó chịu mà ông và các đồng sự gây ra. Các sĩ quan phản đối quyết liệt phe chống phát xít bèn lập ra một phiên tòa danh dự, kết án những người hợp tác với Nga sẽ bị xa lánh mãi mãi. Để tỏ thái độ thách thức, họ bắt đầu giơ thẳng tay chào. Việc chia phe như vậy khiến những người không muốn dây dưa gì với cả bên “chống phát xít” lẫn bên trung thành với Hitler thêm khó sống. Một trung úy bị buộc phải ngủ dưới sàn mấy tuần liền vì các phe đối địch không cho anh một chỗ nào để nằm.

Tháng 2 năm 1944, máy bay Nga bắt đầu thả tờ rơi có chữ ký của Seydlitz và các cộng sự xuống Đức và các đơn vị tiền tuyến. Gestapo liền có báo cáo khẩn gửi cho Himmler chứng thực chữ ký của Seydlitz là thật. Tướng Herbert Gille thuộc Waffen-SS^[103] mà đơn vị đang ở vùng lồi Cherkassy, nơi có tờ rơi của Ủy ban Quốc gia thả xuống, đã gửi nó về Đức. Ông ta cũng

gửi luôn cả thư gửi cho mình từ các tướng Seydlitz và Korfes, những người mới được Shcherbakov đưa đến mặt trận này. Một lần nữa chữ viết lại được Gestapo phân tích và xác nhận là đúng.

Tờ rơi đã gây hoang mang. Hitler gọi Himmler đến gặp, sau đó cử Schmundt đem một tờ tuyên bố trung thành đến cho các thống chế ký. Ngay cả như vậy ông vẫn chưa yên tâm. Ngày 19 tháng 3, von Rundstedt, Rommel, Kleist, Ernst Busch, von Weichs và Manstein được triệu tập về Berghof để đọc một tuyên cáo kết tội Tướng Seydlitz - Kurzbach, “tên phản bội đê hèn đối với sự nghiệp thiêng liêng của chúng ta”, và khẳng định sự ủng hộ đối với Hitler.

Mặt khác, Cục [Tù binh] của Melnikov cũng bắt đầu hoài nghi. Việc chiêu mộ rớt lại, trong khi những cố gắng tuyên truyền không tạo được hiệu quả như hy vọng, ngay cả khi *Wehrmacht* đang hứng chịu những thất bại nặng nề. Seydlitz cho rằng “không có được thành công đáng kể” là vì “người Đức không có chí hướng làm cách mạng, hệ thống cảnh sát kìm kẹp, ý kiến cá nhân hoàn toàn bị bóp nghẹt, không có một tổ chức kháng chiến khả dĩ và sợ thất bại với những hậu quả của nó, đã thế lại còn trầm trọng hơn vì lâu nay vẫn sợ chủ nghĩa Bolshevik”. Bất chấp những thất bại, ông vẫn muốn Liên Xô “chính thức công nhận” Ủy ban Quốc gia là chính phủ sắp tới. Nhưng Dmitry Manuilsky, cảnh báo rằng bản ghi nhớ của Seydlitz “soạn thảo theo kiểu vòng vo”, là “mưu toan kích động” làm “phương hại mối quan hệ của chúng ta với đồng minh”. “Không còn nghi ngờ gì”, ông viết, “việc chính phủ Soviet công nhận Ủy ban Quốc gia sẽ kích động cả một chiến dịch ở Anh và Mỹ nhằm cho thấy quan điểm thân Đức của Liên Xô”. Hiệp ước Molotov-Ribbentrop rõ ràng vẫn còn nguyên trong ký ức của Liên Xô. Manuilsky nghi ngờ rằng Seydlitz đã bị Tướng Rodenburg và “cựu trùm tình báo quân đội”, Đại tá van Hooven (ông này thực ra là sĩ quan thông tin) giật dây.

Sự hoang tưởng kiểu vô lối càng thêm trầm trọng. Tháng 5 năm 1944, Weinert, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia, cử ba sĩ quan Đức đến Phương diện quân Leningrad để làm tuyên truyền cho Hồng quân. Hai sĩ quan là Đại úy

Stolz và Trung úy Willimzig đã từ chối làm điều họ được lệnh phải làm. Họ đã bị áp giải trở lại Moskva để Weinert, Ulbricht, Tướng Seydlitz và Tướng Lattmann thẩm vấn. Sau bốn ngày trời họ bị yêu cầu nhận mình là “thành viên một tổ chức phát xít bí mật bên trong Liên minh các sĩ quan Đức”. Cả hai người bị NKVD bắt như các điệp viên hai mang làm việc cho Quốc xã và bị đưa đi tiếp tục hỏi cung. Các sĩ quan Đức khác, gồm cả Tướng Rodenburg bị bắt và đến lượt mình cũng “thú tội”. Manuisky cho rằng âm mưu mà ông đã nghi ngờ từ lâu nay đã bại lộ, lập tức ra lệnh rút hết các sĩ quan Đức đang làm tuyên truyền trên các mặt trận về. Rõ ràng là Stalin đã quyết định mấy cái trò vô bổ này không đáng để đồng minh phương Tây nghi ngại trong giai đoạn này của cuộc chiến khi ông vẫn cần sự hỗ trợ của họ.

* * *

Lúc này Seydlitz đang rất chán nản. Để vực dậy tinh thần của ông, các sĩ quan NKVD đã làm một chiếc bánh sinh nhật với bốn bông hồng bằng bột hạnh nhân đỏ thắm tượng trưng cho bốn cô con gái của ông. Nhưng cũng giống như mọi người mắc chứng rối loạn lưỡng cực khác, ngay lúc đó ông lại nổi cơn lạc quan thái quá. Âm mưu ám sát Hitler ngày 20 tháng 7 tuy thất bại, nhưng chiến dịch đàn áp của Gestapo sau đó đã bộc lộ mức độ chống đối trong quân đội Đức ngay giữa lòng đất nước. Ngay cả Strecker khi nghe tin hành quyết Thống chế Erwin von Witzleben đã đòi ký lời kêu gọi chống Hitler dù vẫn coi thường Seydlitz.

Ngày 8 tháng 8 năm 1944, Beria vui mừng báo cáo cho Stalin rằng rốt cuộc Paulus đã chịu ký thông cáo gửi nhân dân Đức. Tiếp đó Paulus kêu gọi Cụm Tập đoàn quân Bắc đầu hàng, lời lẽ hoàn toàn do NKVD soạn “theo chỉ đạo của đồng chí Shcherbakov”, bên dưới là chữ ký ngày 21 tháng 8 của Paulus cùng 29 viên tướng bị bắt.

Thông cáo của Paulus lại khơi dậy cơn giận của Hitler vì đã phong ông ta lên thống chế. Nghi ngờ của *Fuhrer* rằng Paulus đã tự nộp mình cho người

Nga đã được khẳng định. Với lại việc Paulus, sau gần một năm rưỡi bị giam cầm, giờ mới ra thông cáo rõ ràng không phải vô cớ. Con trai ông, Đại úy Friedrich, đã bị giết ở Anzio vào tháng 2 năm 1944 nên chắc chắn ông đã nhìn nhận bốn phận của mình khác đi. Ông muốn giúp giảm bớt số người chết vô ích. Một con trai khác của ông, Ernest Alexander, cũng là đại úy sau đó đã bị bắt theo luật liên đới (Sippenhaft). Mùa thu năm đó, bà mẹ người Romania của họ, Elena Constance Paulus, người vốn không tin Quốc xã, đã được các sĩ quan Gestapo cho biết bà sẽ thoát tội nếu chịu đổi lại họ tên. Nghe nói bà đã khinh bỉ quay đi. Bà đã bị bắt và bị nhốt vào một trại tập trung.

Không biết tin tức gì, Paulus đòi được gặp một ủy viên trung ương đảng “người có thể giải thích các nguyên tắc trong chính sách của Liên Xô đối với nước Đức bại trận”. Ông “và các tướng khác bị bắt đang chịu trách nhiệm nặng nề về việc kêu gọi lật đổ chế độ Hitler nên phải có quyền được biết chính sách của chính phủ Liên Xô đối với nước Đức”.

Ông bày tỏ hy vọng nước Đức sẽ không bị hủy diệt trong một loạt các cuộc thẩm vấn vào tháng 2 năm 1945 với Trung tướng Mikhail Spiridonovich Krivenko, tổng cục trưởng Tổng cục Tù binh và Ngoại kiều bị cưỡng trú (GUVPI) của NKVD, và Amayak Zakharovich Kobulov, Phó Tổng cục trưởng thứ nhất GUVPI kiêm Cục trưởng Cục 3 (tác chiến)^[104]. (Kobulov vốn là tình báo viên trưởng của NKVD tại Berlin ngay trước khi chiến dịch Barbarossa phát động, là người điều hành buồng thẩm vấn của Dekanozov trong sứ quán Soviet). “Phải nói rằng”, Krivenko và Kobulov viết trong báo cáo gửi Beria, “khi các chiến dịch quân sự đang diễn ra trên lãnh thổ Đức, tâm trạng của các tướng Đức tù binh là hết sức rầu rĩ. Tướng pháo binh Seydlitz đã rất bức xúc khi nghe tin về cuộc gặp mặt của các lãnh đạo Tam Cường [tại Yalta]. Seydlitz nói rằng có vẻ như Đức sẽ bị chia ra cho Mỹ, Anh, Liên Xô và Pháp. Nước Đức sẽ bị xé lẻ và cách tốt nhất là nên sáp nhập vào Liên Xô ‘như nước cộng hòa Soviet thứ mười bảy’”^[105].

Khi tin về nước Đức đầu hàng vô điều kiện truyền về Moskva ngày 9 tháng 5 năm 1945 và hàng ngàn loạt súng chào mừng từ điện Kremli vọng

đến, Strecker nhớ lại ông và các đồng sự đã “xuống tinh thần... khi nghe tuyên cáo thắng trận của Nga cùng những bài hát của lính Soviet đang say rượu”.

Với người Nga thì trái lại, đó là cái kết tự hào nhưng chạnh buồn của nỗi ác mộng đã bắt đầu từ gần bốn năm trước mà Hồng quân phải trả bằng cái giá gần 9 triệu người chết và 18 triệu người bị thương. (Chỉ 1,8 triệu tù binh sống sót trở về trong số hơn 4,5 triệu bị *Wehrmacht* bắt). Thương vong của dân thường khó theo dõi hơn nhiều, nhưng người ta cho rằng phải lên tới gần 18 triệu, đưa tổng số người thiệt mạng trong chiến tranh của Liên Xô lên hơn 26 triệu, nhiều gấp năm lần tổng số này của Đức.

* * *

Năm 1946, Paulus ra làm nhân chứng trước tòa án Nuremberg. Báo chí Soviet gọi ông là “hồn ma của Stalingrad”. Về sau, ông sống tại một biệt thự ở Moskva, nơi ông chơi bài và viết lại cảm nhận của ông về các sự kiện. Ông già nhanh và mặt ông bị giật tệ hơn. Năm 1947, vợ ông qua đời tại Baden-Baden, không gặp lại ông lần nào. Người ta chỉ có thể phỏng đoán cảm giác của bà về tai ương mà trận Stalingrad đã báo trước cho quê hương Romania của bà và cho chính gia đình bà.

Tháng 11 năm 1947, khi cuộc Chiến tranh Lạnh đang tăng tốc nhanh chóng, chính quyền Soviet quyết định rằng những kẻ bị coi là tội phạm chiến tranh theo sắc lệnh ngày 13 tháng 4 năm 1943, “bất kể tình trạng thể chất” phải bị đưa đi lao động cưỡng bức ở Vorkhuta, phía bắc dãy Urals. Cựu thành viên SA, SS, giám trại, cảnh sát dã chiến mật và quân cảnh — một vài trường hợp còn có cả đoàn viên thanh niên Hitler nữa — đều bị đưa đến các trại “chế độ đặc biệt”.

Khi bộ khung tương lai của nước Cộng hòa Dân chủ Đức bắt đầu quy tụ ở khu vực do Liên Xô kiểm soát tại Đức, một số sĩ quan cao cấp từ Stalingrad gồm Lattmann, Korfes, Muller và Steidle đều có vai trò, một số gia nhập cảnh sát. Việc Tướng Arno von Lenski vào Đảng Cộng sản giúp ông được

bầu vào Bộ Chính trị. Đại tá Adam lúc đó vẫn là cảm tình viên được chỉ định vào một chức vụ vô thường vô phạt trong đảng Xã hội Thống nhất. Tướng Seydlitz thì ngơ ngác không biết đi đảng nào.

Năm 1949, một đợt thanh trừng nữa tràn qua Liên Xô. Chiến tranh Lạnh sau khi Tây Berlin bị vây hãm là giai đoạn bất ổn nhất. Phi công chiến đấu lão luyện Erich Hartmann bị buộc tội phá hỏng máy bay thuộc tài sản của chính phủ Soviet. Tướng Strecker bị lôi trở lại Stalingrad, nơi tòa án quân sự buộc ông tội tàn phá nhà máy chế tạo máy kéo mặc dù quân đoàn của ông mãi đến cuối cuộc chiến mới có mặt tại khu vực này, mà lúc đó nó đã là đồng đổ nát từ lâu. Giống như phần lớn những người bị buộc tội đợt này, ông nhận án tử hình, tự động giảm xuống thành 25 năm tù giam. Trung úy Gottfried von Bismarck bị tuyên 25 năm khổ sai vì các tù binh Nga đã phải làm việc trong điền trang gia đình anh ta ở Pomerania. Tháng 7 năm 1950, Tướng Seydlitz hoàn toàn vỡ mộng và đầy cay đắng, đã bị bắt và bị kết án 25 năm tù giam vì tội ác chiến tranh và là “viên tướng phục thù, phản động”.

* * *

Những tù binh ít điều tiếng thì bình yên hơn, thường cảm ơn lòng nhân hậu của phụ nữ Nga. Nhiều khi điều đó là một phần của truyền thống lâu đời. Trong quá khứ, trại tù Kamshkovo nằm giữa Moskva và Gorky, có con đường Vladimirskaya chạy qua. Đó cũng là đường mà các toán lưu đầy thời Nga hoàng đi qua để đến Sibir. Nông dân đã ra đưa nước hoặc thậm chí còn mang vác đồ nặng giúp họ. Tình người thuần khiết không chút vị kỷ vẫn luôn còn đó.

Bác sĩ người Áo Hans Dibold hết sức cảm kích trước sự cảm thông của người Nga khi một trong những sĩ quan quân y đáng kính nhất, bác sĩ Richard Speiler đến từ bệnh viện Weizsacker ở Heidelberg, đột nhiên lâm bệnh vào đầu xuân năm 1946. Ông đã sống sót qua sốt phát ban, thương hàn và bạch hầu trong trại giam Ilmen. Mới đầu các đồng nghiệp tưởng ông bị sốt rét. Thực ra đó là nhiễm độc máu mà ông mắc phải trong thời gian làm

việc. Đồng nghiệp của ông áy náy với ý nghĩ vì họ chẩn đoán sai mà ông không qua khỏi. Họ cho ông uống sulphonamides và số penicillin cuối cùng họ có. Hai trợ lý phát thuốc người Nga cũng đưa ra nốt số penicillin cuối cùng vốn đã được cấp cho các bệnh nhân Nga, nhưng ông vẫn chết.

* * *

Lối mòn ra nghĩa trang bệnh viện có những cây thông thấp và các khóm bách hai bên. Phía sau là rừng. Các bác sĩ Nga tỏ lòng kính trọng nên chỉ huy trại đã cho phép các đồng nghiệp của Speiler tổ chức tang lễ cho ông ở nghĩa địa trong rừng theo ý nguyện của họ. Speiler đã trở lại Công giáo trong những ngày cuối đời. Các bác sĩ Nga bất chấp phản ứng của Chính ủy, tham dự cả một lễ cầu nguyện do một vị linh mục cao ngòng chủ trì. Đối với những người sống sót của Tập đoàn quân số 6 có mặt hôm đó, “buổi lễ không chỉ cho một người chết nằm đây mà cho cả những người nằm rải rác ngoài kia, cho cả những người xa xuống phía nam, trong Stalingrad và trên thảo nguyên giữa sông Đông và sông Volga, và cho những ai không có lời Thiên Chúa tiễn đưa về nơi an nghỉ cuối cùng”.

Kể từ năm 1945, có khoảng 3.000 tù binh Stalingrad được thả, từng người hay từng nhóm và được phép về nhà, thường là vì họ bị coi là mất khả năng lao động. Vào năm 1955, vẫn còn 9.626 tù binh Đức, hay là “tội phạm chiến tranh được phóng thích” như Khrushchev gọi họ, trong đó có khoảng 2.000 người sống sót từ Stalingrad. Những tù binh này được trả tự do sau chuyến thăm của Thủ tướng Konrad Adenauer đến Moskva vào tháng 9 năm 1955. Trong số này có các tướng Strecker, Seydlitz, Schmidt và Rodenburg, cả Trung úy Gottfried von Bismarck, người gần 13 năm trước đã bay vào *Kessel* trả phép sau bữa tối với Thống chế Manstein. Chỉ nguyên việc còn sống, anh viết, “là đã đủ lý do để cảm ơn số phận được rồi”.

Seydlitz, khi hành trình của họ kết thúc ở Freidland bei Gottingen, đã biết rằng ông phải đối mặt với một tương lai u ám trong bối cảnh Chiến tranh Lạnh. Vào tháng 4 năm 1944, ông đã bị buộc tội vắng mặt là phản

quốc và toàn bộ tài sản đã bị sung công. Quyết định này đã bị hủy bỏ năm 1956, nhưng quân đội mới của Đức từ chối phục hồi cấp bậc và hưu bổng cho ông. Việc ông hợp tác với kẻ thù cộng sản, trong mắt nhiều người đã gạt ông ra khỏi hàng ngũ các sĩ quan đã âm mưu ám sát Hitler, mặc dù Tướng Achim Oster, một trong ít người sống sót sau chính biến tháng 7 công nhận Seydlitz cùng hàng ngũ với mình. Ông chết giống như kỵ sĩ tổ tiên mình “là người rất bất hạnh”.

Giống các sự kiện lịch sử được lục tìm lại về năm tháng chiến tranh trước đây, việc đổ lỗi cho nhau về trách nhiệm đối với thất bại của Tập đoàn quân số 6 càng thêm căng thẳng. Schmidt, người luôn không chịu hợp tác với đối phương chứ không như Hitler nghĩ, đến giờ vẫn hận thấu xương các sĩ quan trong phong trào Nước Đức Tự do. Đại tá Adam, người đã lên án ông ta ép Paulus chiến đấu đến cùng, thì bị Schmidt khinh miệt gọi là “kẻ ăn lương hưu của vùng Soviet chiếm đóng”.

Ở Đông Đức, Paulus cố gắng một cách vô vọng bảo vệ mình trước những lời buộc tội ông quá quy lụy Hitler và thiếu quyết đoán. Sau khi được tha vào mùa thu năm 1953, ông sống trong khu Soviet, viết hết bài này đến bài khác giải thích tình thế mà ông đã phải đối mặt. Bệnh tật liên miên một thời gian dài, ông chết ở Dresden năm 1957. Thi hài ông được đưa về Tây Đức và được chôn bên cạnh vợ ông ở Baden-Baden.

Đối thủ của Paulus ở Stalingrad, Tướng Chuikov, Tập đoàn quân số 62 của ông đã đi hết chặng đường dài đến Berlin với phiên hiệu Tập đoàn quân cận vệ số 8, riêng ông đã trở thành tư lệnh lực lượng chiếm đóng, nguyên soái Liên Xô, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng dưới trướng Khrushchev, người đã bổ nhiệm ông vào cái đêm tháng 9 hung hiểm ấy bên sông Volga.

PHỤ LỤC B

BÀN VỀ SỐ LIỆU THỐNG KÊ: LỰC LƯỢNG TẬP ĐOÀN QUÂN SỐ 6 TẠI *KESSEL*

Trong một rừng số liệu về quân số Tập đoàn quân số 6 bị bao vây, ít nhất cũng cần phải có một nỗ lực nhằm làm sáng tỏ con số này là bao nhiêu. Số liệu ước tính về quân số của Tập đoàn quân số 6 trong *Kessel* vào ngày 19 tháng 11 năm 1942 có biên độ dao động rất rộng, lý do chính có lẽ là vì có quá nhiều người Nga được liệt vào hàng ngũ Tập đoàn quân số 6 và ăn theo biên chế Đức chứ không được tính tách bạch. Trong các số liệu đưa ra trong cuốn *Stalingrad: Analyse und Dokumentation einer Schlacht* (Stalingrad: Phân tích và tư liệu) của Manfred Kehrig, ấn bản uy tín xuất bản năm 1974 dưới sự bảo trợ của Militärgeschichtlichen Forschungsamt gần đây, có những số liệu đã bị Overmans thách thức. Dựa chủ yếu trên những ước tính trước đó của *Wehrmacht* (về cơ bản là một nỗ lực về sau nhằm tính toán từ các hồ sơ cán sự đã bị kẹt lại bên trong *Kessel*), Overmans đưa ra số liệu lính Đức bị bao vây là 195.000, Hiwi là 50.000 và Rumania là 5.000, tổng là xấp xỉ 250.000. Kehrig thì ước tính con số này là 232.000 người Đức, 52.000 người Hiwi và 10.000 người Rumania, tổng gần 294.000. Một nghiên cứu mới đây hơn ước tính đến ngày 18 tháng 12 tổng số này là 268.900, trong đó 13.000 là người Rumania và Italia và 19.300 là Hiwi.

Số liệu phân tách cuối cùng này (kể cả sai số về ngày và con số thương vong) tính ra gần bằng với tổng số đưa ra ngày 6 tháng 12 của Oberquartiermeister của Tập đoàn quân số 6. Theo số liệu về biên chế Tập đoàn quân số 6 trong *Kessel* này, tổng là 275-000, gồm 20.300 người Hiwi và 11.000 người Rumania. (Nguồn tin quân đội Rumania khẳng định họ có 12.600 người trong *Kessel*. Cũng có vài trăm người Italia nữa.) Nếu cộng vào tổng số 15.000 người mất tích chỉ riêng tại *Kessel* từ 21 tháng 11 đến 6 tháng 12, điều đó có nghĩa rằng gần như 290.000

người đã bị bao vây vào 22 tháng 11. Các tác giả đều thống nhất có khoảng 25.000 người bị thương và chuyên gia được bay thoát vây, nhưng rất mơ hồ về số lượng bị chết hoặc bắt làm tù binh. Sự thực sẽ không bao giờ biết được trong những cái hỗn loạn sau cuộc tổng tiến công của Soviet vào ngày 10 tháng 1 năm 1943 nhằm triệt hạ *Kessel*. Tất cả những gì chúng ta có thể chắc chắn là chỉ chưa đến 52.000 thành viên Tập đoàn quân số 6 đã bỏ mạng trong thời gian 22 tháng 11 và 7 tháng 1, nhưng không nói bao nhiêu trong đó là người Hiwi. Số liệu Soviet đưa ra về tù binh từ 19 tháng 11 và 31 tháng 1 - 111.465 cũng như 8.928 tại bệnh viện - không nêu cụ thể số người Đức là bao nhiêu và - quan trọng hơn - không nêu bao nhiêu trong đó thuộc về lực lượng bị bao vây và bao nhiêu người bị bắt trong các chiến dịch Bão Mùa đông và Sao Thổ Nhỏ. Đòn tấn công Chiến dịch Cái Vòng của Soviet vào ngày 10 tháng 1 năm 1943, cộng thêm vào hiệu ứng bệnh tật, rét, đói, kiệt quệ, xét xử trình diễn, gợi ý rằng những tổn thất còn tăng vọt - có khi gấp đôi, lên tới 100.000 nạn nhân, trong đó có người Hiwi. Cả Kehrig lẫn Overmans đều ước tính những tổn thất phía Đức từ ngày 22 tháng 11 cho đến khi đầu hàng là gần 60.000 người. Cố nhiên họ không cố công tính số người Hiwi chết trong cuộc chiến. Ta chỉ có thể nhận định là có rất ít người sống sót sau đó.

• Chú thích •

[1] Về các động thái của Thống chế Zhukov, xin xem Isaev, S. L, ‘*Vekhi frontovogo puti*’, *VIZh* 10 October 1991, tr. 22-5.

[2] Wolfsschanze: Tên gọi Đại bản doanh đầu tiên của Hitler ở *Ostfront* (Mặt trận phía Đông). (Toàn bộ các chú thích cuối mỗi chân trang trong cuốn sách, nếu không phải là của tác giả (TG), đều là của người dịch và người biên tập).

[3] Rastenburg: Tên thành phố vùng Đông Phổ, nay thuộc Ba Lan, mang tên Ketrzyn.

[4] NVKD: Bộ Dân ủy Nội vụ, cơ quan an ninh của Liên Xô, sau này là Bộ Nội vụ.

[5] SMERSH: tên gọi chung của ba cơ quan phản gián của Liên Xô.

[6] Hiwi: trợ thủ tình nguyện, viết tắt từ tiếng Đức *Hilfswilliger*, chỉ những người (dân thường và tù binh) tình nguyện phục vụ cho Đức Quốc xã trong Thế chiến II.

[7] “Chiến dịch Barbarossa” là mật danh của kế hoạch tấn công Liên Xô, được đặt tên theo biệt hiệu của Friedrich I Barbarossa (1122-1190), vua nước Đức (từ 1152), Hoàng đế Đế quốc La Mã thần thánh (1155-1190). Friedrich được đánh giá là bị hoàng đế vĩ đại nhất của triều Hohenstaufen, một lãnh đạo chính trị sắc sảo và thực dụng và là một nhà cai trị có tài, đồng thời là một viên tướng thao lược. Barbarossa có nghĩa là “Râu đỏ”, Friedrich I có bộ râu màu đỏ nên ông có biệt hiệu này.

[8] Dân ủy tức là bộ trưởng, phó Dân ủy là thứ trưởng. Đây là các chức danh của chính phủ Soviet trong các năm 1923-1946.

[9] Rốt cuộc Hitler cũng báo thù được. Do được những người tham gia Sự biến tháng Bảy chọn làm ngoại trưởng vào năm 1944 sau vụ ám sát hụt Hitler ở Rastenburg, Schulenburg bị Đảng Quốc xã xử treo cổ vào ngày 10 tháng 11 cùng năm. (TG)

[10] Trò khiêu khích Ăng-lê (tiếng Nga trong nguyên văn).

[11] GRU: Tổng cục Tình báo, cơ quan tình báo thuộc Bộ Quốc phòng Liên Xô.

[12] Nomenklatura, vẫn gọi là giới quý tộc đỏ, cha truyền con nối; (nghĩa đen: danh mục): cộng đồng nhỏ trong dân cư Liên Xô và khối Warszawa, giữ các chức vụ chủ chốt ở các cấp của bộ máy hành chính của mọi lĩnh vực của Liên Xô, thuộc sự quản lý của cấp ủy viên Đảng Cộng sản Liên Xô.

[13] Cossack là tên gọi trong tiếng Anh, có nguồn gốc từ tiếng Pháp Cosaque, được biết đến với nhiều tên gọi: người Cozak hay người Kazak, người Kozak, người Cô-dắc.

[14] Half-track: xe xích bánh sau (bánh trước là bánh hơi, bánh sau lắp xích).

[15] Các đơn vị trong sách tác giả để là mile (dặm), yard (thước), nhưng ở sách này sẽ quy về hệ mét cho độc giả dễ hình dung.

[16] Sự biến tháng Bảy (Attentat vom 20. Juli 1944): là một âm mưu ám sát Adolf Hitler ngày 20 tháng 7 năm 1944 tại Wolfsschanze, Rastenburg, Đông Phổ. Trong nhóm âm mưu có một số sĩ quan Đức có kế hoạch đảo chính lật đổ Đảng Quốc xã.

[17] Nguyên bản: Verlorene Siege (1955); tên bản tiếng Anh: Lost Victories.

[18] Tiếng Đức gọi là Aukfluarungs-Abteilung.

[19] Friedrich Wilhelm (1620-1688), biệt danh der Grosse Kurfurst (The Great Elector), tuyển hầu xứ Brandenburg và công tước nước Phổ.

[20] NKGB: Bộ Dân ủy An ninh quốc gia, cơ quan tình báo và phản gián của Liên Xô (có giai đoạn sáp nhập vào NKVD), sau này là Bộ An ninh quốc gia (MGB), rồi Ủy ban An ninh quốc gia (KGB).

[21] *Kessel* (tiếng Đức, nghĩa đen là cái vạc) thường được sử dụng để chỉ một lực lượng quân đội bị bao vây. *Kessel* còn ám chỉ đến Cơn sốt *Kessel*, sự hoảng loạn và thất vọng của bất kỳ quân đội nào bị bao vây với ít hoặc không có cơ hội trốn thoát.

[22] Trước đó chức Dân ủy Quốc phòng do nguyên soái Semyon Timoshenko giữ.

[23] Bằng các lực lượng trinh sát cũng như kinh nghiệm của các chỉ huy Đức, người Đức tiến hành vạch ra điểm yếu nhất trên phòng tuyến quân địch và đặt nó làm *Schwerpunkte* (Điểm tập kết).

[24] Kalinin: Tên của thành phố Tver trong giai đoạn 1931-1990.

[25] Kuybyshev: Tên của thành phố Samara trong giai đoạn 1935-1990.

[26] Một sĩ quan tình báo Hồng quân đã ghi chú dưới bản dịch: “Không hiểu thứ này ở đâu ra vậy” (TG).

[27] Tên quốc tế là Don, trong toàn bộ cuốn sách này dùng Đông vì cái tên này đã quá quen thuộc tại Việt nam.

[28] Freikorps: Đội dân quân tình nguyện sau Thế chiến I. Họ chống cánh tả và phe Cộng sản (ND).

[29] Tên gọi chung những tù nhân (chủ yếu người Do Thái) có nhiệm vụ dọn dẹp thi thể những tử tù trong các buồng hơi ngạt trước khi họ cũng trở thành nạn nhân trong các buồng hơi ngạt đó.

[30] Einsatzkommando (đội tác chiến): Các đội săn lùng người Do Thái, cộng sản... trong vùng Đức chiếm đóng.

[31] *Reichsfuhrer*: *Reichsfuhrer* SS là cấp bậc cao nhất của SS trong giai đoạn 1934-1945 và Heinrich Himmler là tư lệnh lực lượng này lâu nhất.

[32] Abwehr: Cơ quan tình báo quân sự Đức (1920-1945)

[33] Ulrich von Hassell: nhà ngoại giao Đức, thành viên nhóm chống Hitler, sau này bị hành quyết sau vụ ám sát Hitler bất thành (ND).

[34] Chiến tranh Ba mươi năm (1618-1648): Cuộc chiến tranh tại vùng nay là nước Đức với sự tham gia của hầu hết các cường quốc châu Âu lục địa khi đó.

[35] Tên tiếng Đức: Nordlich.

[36] Tên tiếng Đức của chiến dịch là “Fall Bla”, blau có nghĩa là màu xanh.

[37] Chiến tranh Bảy Năm (1756-1763): là cuộc chiến xảy ra giữa hai liên quân; một bên gồm Anh/Hannover, Phổ; bên kia gồm Pháp, Áo, Nga, Thụy Điển và Sachsen.

[38] Vùng lồi (salient, bulge): vùng chiến địa ăn sâu vào lãnh thổ đối phương, bị đối phương vây từ nhiều phía.

[39] Manfred von Richthofen (1892-1918): phi công *ace-of-aces* (át chủ bài) của Không quân Đế quốc Đức trong thế chiến I, biệt danh là *Der Rote Baron* (Nam tước Đỏ), nổi tiếng với chiến tích bắn hạ 80 máy bay đối phương. Richthofen cũng là một gia đình quý tộc sản sinh ra nhiều nhân vật nổi tiếng.

[40] Panzer grenadier (tiếng Đức); bộ binh cơ giới, có thể là đơn vị độc lập hoặc phiên chế trong một sư đoàn tăng.

[41] Hussar: kỵ binh nhẹ Trung Âu thế kỷ XVIII và XIX.

[42] Có nhiều dư âm của cuộc Nội chiến Tây Ban Nha, Chính Richthofen đã tham gia ném bom Guernica. Ruben Ruiz Ibarri, con trai của La Pasionaria (tức Dolores Ibarri, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Tây Ban Nha), đại đội trưởng súng máy thuộc sư đoàn súng trường cận vệ số 35, tử trận ở phía nam Kotluban. Có bốn người đã làm cố vấn ở Tây Ban Nha sau này là nguyên soái Liên Xô, liên quan chặt chẽ tới trận Stalingrad là Nikolay Voronov, Rodion Malinovsky, Konstantin Rokossovsky và Aleksandr Rodimtsev, Tướng Mikhail Shumilov tư lệnh Tập đoàn quân số 64 cũng từng làm cố vấn. Voronov còn chỉ huy pháo binh quân Cộng hòa trong cuộc bao vây chống lại Quân đoàn Phi châu của Tướng Franco. (TG)

[43] Chỉ có một số ít người ở Tập đoàn quân số 6 từng nghe nói đến tộc người Sarmatia ở hạ nguồn sông Volga — mà theo Herodotus thì có gốc từ con lai giữa người Scythia và các phụ nữ Amazon - cho phép phụ nữ tham gia chiến tranh. (TG)

[44] Lend-Lease: chương trình của Hoa Kỳ hỗ trợ các nước Đồng Minh trong Thế chiến II.

[45] Tác giả dùng tiếng Đức: “mit Eleganz”.

[46] Hai con trai khác của lãnh tụ Soviet là Vladimir Mikoyan và Leonid Khrushchev cũng phục vụ trong không quân ở Stalingrad. Vasily Stalin là một tay chơi, sau đó trốn nghĩa vụ chiến đấu để ra làm phim tuyên truyền về không quân. (TG)

[47] Fritz: tên của Friedrich; tên lóng phe Đồng Minh gọi lính Đức trong hai cuộc Thế chiến.

[48] Danh mục các tên lóng thì dài dằng dặc. Đạn được gọi là “hạt hướng dương”, còn mìn là “dưa gang”. “Cái lưỡi” là để chỉ một lính gác địch bị bắt để khai thác địch tình.

[49] Makhorka: Loại thuốc lá nặng (hàm lượng nicotin 9%), trồng nhiều ở Liên Xô.

[50] Ngoài một nữ chiến sĩ xe tăng nổi tiếng là Yekaterina Pedyuk, rất ít phụ nữ là lính chiến đấu trong thành phố. Tuy vậy, trong các đơn vị không quân hỗ trợ cho mặt trận Stalingrad có hẳn một trung đoàn ném bom toàn nữ, do một phi công nổi tiếng là Marina Raskova chỉ huy. “Tôi chưa gặp cô ấy lần nào”, Simonov viết trong nhật ký sau khi gặp cô ở sân bay Kamyshin, “nên tôi không ngờ cô ấy lại trẻ và đẹp đến thế. Có lẽ tôi nhớ chuyện này rất rõ là vì chỉ ít lâu sau tôi được tin cô ấy đã hy sinh”. (TG)

[51] Có khoảng 270.000 người Ukraina đã được chiêu mộ từ các trại tù binh tính đến ngày 31 tháng 1 năm 1942. Số khác là thường dân tình nguyện. Trong ban quân quản ở Stalingrad, theo một báo cáo của NKVD, có 800 thanh niên Ukraina được trang bị vũ khí và đồng phục làm nhiệm vụ canh gác và áp tải. (TG)

[52] “Thousand bomber raids”: Chỉ ba đợt ném bom ban đêm của Không quân hoàng gia Anh xuống các thành phố Đức vào mùa hè năm 1942.

[53] Nguyên văn: goulash, súp bò hầm có gia vị cay, món ăn truyền thống của Hungary.

[54] Tu viện trưởng Kyrill Pavlov qua đời ngày 20/02/2017, thọ 97 tuổi.

[55] Stakhanovite: phong trào thi đua sản xuất ở Liên Xô theo gương người công nhân A. G. Stakhanov.

[56] Có vẻ như Grossman đang trải qua một giai đoạn lý tưởng hóa về tâm linh, nhìn người chiến sĩ Hồng quân trên quan điểm gần giống Tolstoy. “Trong chiến tranh”, ông viết trong một cuốn sách khác, “người Nga phủ lên tâm hồn mình một tấm áo trắng. Anh ta sống đầy tội lỗi nhưng chết như một vị thánh. Ngoài mặt trận, suy nghĩ và tâm hồn của nhiều người tinh khiết và có một nét khiêm nhường như một kẻ tu hành”. (TG)

[57] Indian summer (trong tiếng Anh): khoảng thời gian có thời tiết khô và ấm vào cuối thu đầu đông.

[58] Bệnh vàng da (Jaundice) được ghi riêng. “Bệnh vàng da đặc biệt nhiều ở đây”, một sĩ quan viết. “Và vì bị bệnh vàng da có nghĩa là một vé về nhà nên ai cũng muốn mắc”. Có vẻ như không có trường hợp nào được ghi nhận binh lính ăn acid picric trong đạn để da chuyển thành màu vàng như trong Thế chiến I. (TG)

[59] Burgerbraukeller: quán bia lớn ở Munich. Tại đây, ngày 08/11/1923, Hider đã phát động đảo chính và bị thất bại. Sau khi lên nắm quyền (1933), mỗi năm ông đều tổ chức kỷ niệm ở đây.

[60] Fremde Heere Ost: tổ chức tình báo quân sự Đức chuyên về Liên Xô và các nước Đông Âu.

[61] Tình báo là công việc nguy hiểm. Ngày 22 tháng 11, ba ngày sau khi cuộc tổng tấn công mở màn, chủ nhiệm quán báo của Tập đoàn quân số 62 đã bị buộc tội “chủ bại và có tư tưởng phản cách mạng” và bị quy kết đã đưa tin thất thiệt về địch. Giờ không thể biết viên sĩ quan này bị quy tội chính trị hay thiếu năng lực, là tội của anh ta hay là con dê tế thần thay cho cấp trên. (TG)

[62] Berchtesgaden: một thị xã Đức thuộc huyện Berchtesgadener Land bang Bayern, nằm gần biên giới Áo, 180 km Đông Nam München.

[63] Volsky hầu như trong sách nào cũng bị chỉ trích. Ngay trước lúc tấn công, ông viết một thư riêng cho Stalin”, với tư cách là một người cộng sản trung thực” cảnh báo cuộc tấn công sẽ thất bại. Cả Zhukov và Vasilevsky đã phải bay về Moskva ngày 17 tháng 11. Sau khi nghe lập luận của họ, Stalin

từ điện Kremli gọi điện cho Volsky. Ông này đã rút lại bức thư của mình. (TG)

[64] Bản gốc có thể nhầm chẳng? Phần trên nói là lệnh của Paulus, hợp lý hơn.

[65] Totensonntag (Chủ nhật của người đã khuất) hoặc Totenfest: một ngày lễ tôn giáo của Đức, chủ yếu của nhà thờ Tin Lành phái Luther.

[66] Berghof là ngôi nhà của Hitler ở Obersalzberg gần Berchtesgaden. Khác với *Wolfsschanze*, trụ sở chính ở Đông Phổ, Hitler đã ở Berghof nhiều hơn bất cứ nơi nào khác trong Thế chiến II.

[67] Reichsmarschall: quân hàm cao nhất của quân đội Đức, cao hơn thống chế (Generalfeldmarschall = field marshal). Duy nhất Hermann Goering, tư lệnh Không quân Đức, được phong quân hàm này.

[68] Họ tưởng Hitler có thể bị các sĩ quan cao cấp ép phải rời bỏ cương vị tổng tư lệnh. Lúc đó một thay đổi chế độ có thể được thực hiện mà không gây nhiều xáo động và bạo loạn như hồi tháng 11 năm 1918. Một cách nhìn nhận ngây thơ về tính cách của Hitler. Một chống đối nhỏ sẽ châm ngòi cho một cuộc tắm máu thì đúng hơn. Chỉ những người trẻ tuổi như Tresckow và Stauffenberg mới nghĩ rằng chỉ có thể hạ bệ Hitler bằng cách ám sát. (TG)

[69] Các con số hồi đó so với những công bố gần đây khác nhau khá xa, nhiều khi còn không phân định quốc tịch. Chênh lệch lớn nhất là giữa con số 51.700 Hiwi đi theo các sư đoàn vào giữa tháng 11 với con số 20.300 trong danh sách nhận suất ăn ở Tập đoàn quân số 6 vào ngày 6 tháng 12. Không rõ là do thương vong nặng nề quá mà Hiwi tranh thủ cơ hội bỏ trốn trong lúc rút chạy vào cuối tháng 11 hay những người Nga đã được sung vào quân số chiến đấu của các sư đoàn. Xem thêm chi tiết ở Phụ lục B. (TG)

[70] “Manstein đang đến!” (Nguyên văn tiếng Đức)

[71] Tiếng Nga: Операция Сатурн.

[72] Cannae: một làng cổ ở Đông Nam Italia, nơi Tướng Hannibal xứ Carthage đã bao vây và đánh bại quân La Mã vào năm 216 TCN. Sau này Liên Xô cũng sẽ so sánh trận Stalingrad với trận Cannae.

[73] Cheka: tổ chức an ninh đầu tiên của nhà nước Soviet, thành lập ngày 20 tháng 12 năm 1917.

[74] Viên tướng - bác sĩ Renoldi về sau đã quan tâm hơn. Từ toa xe của mình, ông đã mô tả nghe rợn người về sự suy sụp sức khỏe của binh sĩ trong *Kessel* là “một thí nghiệm quy mô lớn về tác động của cái đói”. (TG)

[75] *Wassersuppe*: Súp chỉ có nước (nguyên văn tiếng Đức).

[76] H. Albert Schweitzer (1875-1965): tiến sĩ, thầy thuốc, nhà triết học, thần học người Đức quốc tịch Pháp. Ông đoạt Giải Goethe năm 1928 và giải Nobel Hòa bình năm 1952 vì đã có công lớn trong giúp đỡ người Phi. Ông đã có khoảng 50 năm chữa bệnh cho người dân Gabon, một đất nước nằm ở miền Tây Trung Phi. Khi mất, ông cũng được chôn tại đây.

[77] John the Evangelist: Gioan Thánh sử, tác giả sách Phúc âm thánh Gioan (Gospel of John).

[78] *O du Frohliche*: “Ô, vui sao”, một bài hát Giáng sinh của Đức.

[79] *Stille Natch, heilige Natch*: “Đêm yên bình, đêm thần thánh”, bài hát của Đức, chính là bài *Đêm thánh vô cùng* hay *Silent Night* quen thuộc.

[80] *Grossdeutsche Rundfunk*: Đài Phát thanh nước Đại Đức.

[81] *Izba*: nhà gỗ ở vùng nông thôn Nga.

[82] Về sau Paulus nói ông không hề ra lệnh bắn vào cờ ngừng bắn nào của Nga, nhưng Schmidt thì chưa biết chừng đã ra lệnh. (TG)

[83] Tức khẩu phần của một bộ trưởng.

[84] *Bedouin*: một dân tộc du mục Bắc Phi sống ở sa mạc, quần khăn trên đầu. (ND)

[85] Skat: một trò chơi bài rất phổ biến ở Đức, ba người chơi.

[86] *Stalingradkämpfer*: chiến sĩ bảo vệ Stalingrad.

[87] Các sao chép này đã được xuất bản trong một bộ sưu tập giấu tên có tựa đề *Những lá thư cuối cùng từ Stalingrad* từng có tác động rất lớn lúc phát hành năm 1954, hiện bị coi là giả mạo. (TG)

[88] Chỉ sư đoàn bộ binh cơ giới Grossdeutschland và sư đoàn tăng số 1 SS *Leibstandarte* Adolf Hitler, hai sư đoàn thiện chiến nhất nước Đức Quốc xã.

[89] Tiếng Nga: Операция кольцо.

[90] Nguyên văn là “đại tá”. Có lẽ nguyên bản lầm lẫn vì trước và sau đây, đều là “trung tá”.

[91] Golgotha: ngọn đồi nơi Chúa Jesus bị đóng đinh trên thập giá. (ND)

[92] Các bạn, chiến tranh đã kết thúc! Paulus đã đầu hàng (Nguyên văn tiếng Đức). (ND)

[93] Winrich Behr, người biết rõ Schmidt, nghĩ rằng ít khả năng ông này dùng từ *du*, nhưng cũng cho rằng "chắc chắn Tướng Schmidt có ảnh hưởng đến Paulus". (TG)

[94] Tấm hình Karmen đã bị chỉnh sửa ở Moskva. Tướng Telegin bị cắt đi vì Stalin cho rằng ông này chưa đủ tầm cho một sự kiện lịch sử cỡ này. (Ngay cả việc phong thiếu tá cho Dyatlenko cũng được đẩy nhanh cho dịp công bố tấm hình). (TG)

[95] Wilhelm Furtwangler (1886-1954): nhạc trưởng, nhà soạn nhạc Đức.

[96] Rừng Đen (Schwarzwald, Black Forest): dãy núi có nhiều rừng ở tây nam nước Đức.

[97] Cannae: một làng cổ ở Đông Nam Italia, nơi Tướng Hannibal xứ Carthage đã bao vây và đánh bại quân La Mã vào năm 216 TCN.

[98] Scorbut: bệnh thiếu vitamin C, gây chảy máu nướu răng, xuất huyết dưới da.

[99] Gác tù người Đức còn được sử dụng ở các trại khác nữa. Tệ nhất là có khoảng 200 người Đức (do vài nguyên nhân, hầu hết là dân Saxon) đào ngũ từ các tiểu đoàn trừng giới. Họ cầm gậy gỗ, lại mang danh “chiến sĩ chống phát xít”, họ nhất định không cho người tù ngồi xuống nghỉ giải lao lúc điểm danh, mặc dù phần lớn họ đều bị lỵ. (TG)

[100] “Ca khúc mới về tình yêu đối với Stalingrad”, viết năm 1943.

[101] Pellagra: bệnh thiếu niacin tức vitamin PP, gây ra viêm da, tiêu chảy giảm trí nhớ.

[102] Dĩ nhiên cũng có thể Tướng Seydlitz ngầm ngầm coi chiến dịch này là một cơ hội lừa phía Soviet để họ đưa ông cùng hàng ngàn tù binh Tập đoàn quân số 6 về nhà. Nhưng nếu thế thì sau chiến tranh ông phải nhắc đến việc này khi phải đối mặt với những trách cứ nặng nề của các cựu đồng sự vì tội đã hợp tác với chế độ Soviet. (TG)

[103] Waffen-SS: cánh quân sự của tổ chức SS của Đức Quốc xã.

[104] Tên và chức danh hai nhân vật này trong nguyên bản không chính xác. Nguyên bản: “Krivemko, the chief of the NKVD Department for Prisoners of War” (Cục trưởng Cục Tù binh của NKVD), thực ra năm 1945, Krivenko là Tổng Cục trưởng Tổng cục Tù binh và Ngoại kiều bị cưỡng trú (Главное управление по делам военнопленных и интернированных, ГУВПИ, GUVPI). Nguyên bản: “Amyak Zakharovich Kobulov, who ran the Third Directorate of the Ministry of State Security” (Cục trưởng Cục 3 của Bộ An ninh Quốc gia) nhưng năm 1945 cơ quan bộ của Liên Xô vẫn gọi là “Bộ Dân ủy” (People’s Commissariat), năm 1946 mới đổi thành “bộ” (Ministry). Cục trưởng Cục 3 của Bộ Dân ủy An ninh Quốc gia (NKGB) lúc đó là Solomon Rafailovich Milshtein, còn Kobulov là Phó Tổng cục trưởng kiêm Cục trưởng Cục 3, Tổng cục Tù binh và Ngoại kiều bị cưỡng trú của NKVD. Kobulov chính là cấp phó của Krivenko.

[105] Nguyên văn: “as the seventeenth Soviet Republic”. Liên Xô chỉ gồm có 15 nước cộng hòa.

Table of Contents

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

LỜI GIỚI THIỆU

LỜI TỰA CHO ẤN BẢN MỚI

LỜI NÓI ĐẦU

PHẦN MỘT: THẾ GIỚI SẼ PHẢI NÍN THỞ

1. THANH GƯƠNG HAI LƯỖI CỦA BARBAROSSA

2. “VỚI NGƯỜI LÍNH ĐỨC, KHÔNG CÓ GÌ LÀ KHÔNG THỂ!”

3. “CỨ ĐẬP VÀO CÁNH CỬA VÀ CẢ CẤU TRÚC MỤC NÁT KHẮC SỤP ĐỔ!”

4. SỰ NGÔNG CUỒNG CỦA HITLER: MOSKVA - TRẬN ĐÁNH BỊ TRÌ HOÃN

PHẦN HAI: KHỞI ĐỘNG LẠI CHIẾN DỊCH BARBAROSSA

5. TRẬN ĐÁNH ĐẦU TIÊN CỦA TƯỚNG PAULUS

6. “MỘT NGƯỜI THÌ CẦN BAO NHIÊU ĐẤT?”

7. “MỘT BƯỚC KHÔNG LÙI”

8. “ĐÃ ĐẾN ĐƯỢC SÔNG VOLGA!”

PHẦN BA: THÀNH PHỐ ĐỊNH MỆNH

9. “THỜI GIAN LÀ MÁU”: NHỮNG TRẬN ĐÁNH THÁNG CHÍN

10. RATTENKRIEG - CHIẾN TRANH CHUỘT CHỮI

11. ĐỒNG MINH VÀ PHẢN BỘI

12. PHÁO ĐÀI GIỮA ĐỔNG ĐỔ NÁT

13. TRẬN TẤN CÔNG CUỐI CÙNG CỦA PAULUS

14. “TẤT CẢ CHO TIẾN TỤYẾN!”

PHẦN BỐN: CÁI BẦY CỦA ZHUKOV

15. CHIẾN DỊCH SAO THIÊN VƯƠNG

16. NỖI ÁM ẢNH CỦA HITLER

17. PHÁO ĐÀI KHÔNG NÓC

18. “DER MANSTEIN KOMMT!”[70]

19. GIẢNG SINH THEO KIỂU ĐỨC

PHẦN NĂM: KHUẤT PHỤC TẬP ĐOÀN KHÔNG QUÂN SỐ 6

20. CẦU KHÔNG VẬN

21. “KHÔNG CÓ CHUYỆN ĐẦU HÀNG”

22. “THỐNG CHẾ ĐỨC KHÔNG TỰ SÁT BẰNG KÉO CẮT MÓNG!”

23. “KHÔNG NHẢY NHÓT NỮA! STALINGRAD ĐÃ THẤT THỦ”

24. THÀNH PHỐ CHẾT

25. THANH GŨM STALINGRAD

PHỤ LỤC B: BÀN VỀ SỐ LIỆU THỐNG KÊ: LỰC LƯỢNG TẬP ĐOÀN QUÂN SỐ 6 TẠI KESSEL